

ISSN 1859-1337

Tạp chí

## Nghiên cứu khoa học Hậu cần quân sự

SỐ 4 (234) - 2025

NĂM THỨ 54

### HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO

#### Chủ tịch

Trung tướng, GS. TS. PHAN TÙNG SƠN

#### Phó Chủ tịch

Trung tướng DƯƠNG ĐỨC THIỆN

#### Ủy viên

Thiếu tướng, TS. NGUYỄN QUANG DŨNG

Thiếu tướng, PGS. TS. LÊ THÀNH LONG

Đại tá, PGS. TS. VŨ HỒNG HÀ

Đại tá, PGS. TS. VŨ NHẬT VĂN

Đại tá, PGS. TS. NGUYỄN NGỌC SƠN

Đại tá, ThS. NGUYỄN TIẾN DŨNG

Đại tá, PGS. TS. NGUYỄN THANH LAM

Đại tá, TS. NGUYỄN QUỐC HOÀI

### Phó Tổng biên tập (Phụ trách Tổng biên tập)

Đại tá, TS. NGUYỄN QUỐC HOÀI

#### Địa chỉ tòa soạn

#### TẠP CHÍ HỌC VIỆN HẬU CẦN

Phường Bồ Đề - Hà Nội

Tel: 0972.900.264

QS: 069.577585 - 577791

Email: tapchi.hvhc@gmail.com

#### Giấy phép xuất bản

Số 272/GP-BTTTT ngày 12-5-2021  
do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp

In tại: Nhà máy in BQP

# Trong số này

#### CHỈ ĐẠO - HƯỚNG DẪN

- 3 Tiếp tục đột phá đổi mới tổ chức đào tạo theo hướng chuẩn hóa, hiện đại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.  
**Trung tướng, GS.TS. PHAN TÙNG SƠN**
- 9 Dân chủ, đoàn kết, kỷ cương, đổi mới, phát triển, quyết tâm xây dựng Đảng bộ Học viện Hậu cần trong sạch, vững mạnh tiêu biểu.  
**Trung tướng DƯƠNG ĐỨC THIỆN**

#### KỶ NIỆM 80 NĂM CÁCH MẠNG THÁNG TÁM THÀNH CÔNG VÀ QUỐC KHÁNH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

- 14 Chủ tịch Hồ Chí Minh và bài học về nắm bắt thời cơ trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.  
**Thiếu tướng, PGS.TS. LÊ THÀNH LONG**
- 18 Phát huy sức mạnh tổng hợp trong bảo đảm hậu cần - kỹ thuật cho các lực lượng vũ trang nhân dân trước và trong Tổng khởi nghĩa giành chính quyền tháng 8 năm 1945.  
**Đại tá, PGS.TS. VŨ HỒNG HÀ**
- 22 Cùng cố, kiện toàn tổ chức, lực lượng hậu cần - kỹ thuật quân đội từ sau Cách mạng tháng Tám đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.  
**Đại tá, TS. ĐÔNG VĂN THƯỜNG, Trung tá, ThS. LÊ QUANG HÒA**
- 26 Tư tưởng "Độc lập, tự do" của Chủ tịch Hồ Chí Minh với sự kiến lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.  
**Đại tá, PGS.TS. ĐOÀN QUYẾT THẮNG; Trung tá, ThS. TÔ VĂN TIỆP**

- 30 Bảo đảm hậu cần của Cứu quốc quân chống địch đán áp trên căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai trong thời kỳ giành chính quyền.  
**Đại tá, TS. HÀ THANH NAM**
- 34 Sự lãnh đạo của Trung ương Đảng đối với công tác hậu cần - kỹ thuật bảo đảm cho các đội vũ trang trước Cách mạng tháng Tám năm 1945.  
**Đại tá, PGS.TS. NGUYỄN HỮU HOẠT**
- 38 Bảo đảm hậu cần, kỹ thuật lực lượng thủy quân trong năm đầu thành lập nước.  
**Đại tá, TS. NGUYỄN QUỐC HOÀI**
- 43 Phát huy giá trị văn hóa "Nuôi quân đánh giặc" của bộ đội hậu cần trong chiều dài lịch sử.  
**Thượng tá, TS. KHUẤT TRỌNG NAM**

#### Nghiên cứu - Trao đổi

- 46 Xây dựng thế trận vận tải tác chiến phòng thủ quân khu trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.  
**Thiếu tướng, TS. NGUYỄN QUANG DŨNG**
- 50 Bàn về tổ chức, sử dụng, bố trí lực lượng hậu cần - kỹ thuật sư đoàn bộ binh biên chế hỏa lực mạnh tiến công vào khu vực địch phòng ngự.  
**Đại tá, PGS.TS. VŨ NHẬT VĂN**
- 54 Một số giải pháp cứu chữa, vận chuyển thương binh, bệnh binh lực lượng thọc sâu của sư đoàn bộ binh tiến công địch phòng ngự ở địa hình trung du.  
**Đại tá, TS. NGUYỄN THÀNH TRUNG**
- 58 Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp quân đội.  
**Thiếu tá, ThS. LÊ THỊ HỒNG**
- 62 Giải pháp tiếp nhận, bổ sung vật chất hậu cần trung đoàn bộ binh chiến đấu tập kích ở đồng bằng sông Cửu Long.  
**Thượng tá, TS. ĐINH VĂN ĐÔNG**
- 66 Rèn luyện đạo đức cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư cho đội ngũ cán bộ hậu cần - kỹ thuật quân đội theo Quy định 144 - QĐ/TW của Bộ Chính trị.  
**Thượng tá, TS. PHẠM ĐÌNH DUYÊN**
- 69 Một số giải pháp nâng cao chất lượng kiểm tra công tác hậu cần, kỹ thuật của trung đoàn bộ binh.  
**Thượng úy, CN. NGUYỄN MINH HIẾU**
- 73 Dự báo đối tượng tác chiến của trận then chốt tiêu diệt địch đỗ bộ đường không trong chiến dịch phòng ngự ở địa bàn Quân khu 3.  
**Thượng tá, ThS. LÊ VĂN BẰNG**
- 77 Một số vấn đề về tác chiến của lực lượng pháo binh đánh địch đỗ bộ đường không chiến lược trong tác chiến phòng thủ chiến lược tác động đến hoạt động bảo đảm hậu cần, kỹ thuật.  
**Đại tá, TS. NGUYỄN HẢI SƠN**
- 81 Tổ chức chỉ huy hậu cần - kỹ thuật sư đoàn bộ binh biên chế hỏa lực mạnh tiến công vào khu vực địch phòng ngự ở địa hình trung du.  
**Thượng tá, TS. HOÀNG KIM HIỆU**

- 85 Kết hợp giữa hậu cần - kỹ thuật quân sự địa phương với hậu cần - kỹ thuật nhân dân địa phương trong dự trữ vật chất quân nhu bảo đảm cho các lực lượng tác chiến phòng thủ tỉnh, thành phố.  
**Thượng tá, TS. ĐƯƠNG QUANG BÌNH; Đại úy, CN. BÙI TIẾN ĐẠT**
- 89 Một số biện pháp bổ sung vật chất hậu cần, kỹ thuật trung đoàn bộ binh phòng ngự khu vực phòng thủ then chốt tỉnh biên giới Tây Nguyên.  
**Trung tá, ThS. HÁN VĂN DŨNG; Đại úy, CN. LÊ HUY HOÀNG**
- 93 Bàn về xác định lượng tiêu thụ xăng dầu của các phương tiện cơ giới trong chiến dịch phản công.  
**Đại tá, TS. NGUYỄN ANH DŨNG**
- 97 Nâng cao chất lượng luyện tập chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu của tiểu đoàn vận tải thuộc sư đoàn bộ binh.  
**Đại úy, CN. LÊ VIỆT THÀNH**
- 102 Hoàn thiện mô hình vườn rau công nghệ cao gắn với huấn luyện chuyên ngành.  
**Thượng tá, TS. CHU HOÀNG NGA**
- 106 Bồi dưỡng phẩm chất, năng lực và uy tín đội ngũ cán bộ hậu cần - kỹ thuật đáp ứng yêu cầu xây dựng quân đội trong tình hình mới.  
**Đại tá, TS. MAI TRUNG ĐONG**
- 109 Một số biện pháp tổ chức, sử dụng, bố trí lực lượng xăng dầu lữ đoàn pháo binh trong chiến dịch tiến công.  
**Trung tá, ThS. TRẦN VĂN LINH**
- 113 Hoàn thiện công tác lập dự toán ngân sách tại các học viện, nhà trường trực thuộc Bộ Quốc phòng.  
**Thiếu tá, ThS. MAI VIỆT HÙNG**
- 116 Phương thức bảo đảm hậu cần, kỹ thuật tác chiến phòng thủ quân khu trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.  
**Trung tá, TS. HOÀNG MẠNH THÁI**
- 119 Vận dụng hình thức chiến thuật đánh địch tiến công đường bộ trong chiến dịch phản công và đặt ra một số vấn đề về bảo đảm hậu cần, kỹ thuật.  
**Đại tá, TS. VŨ HUY TRÁNG**
- 123 Một số giải pháp vận chuyển bổ sung xăng dầu chiến dịch phản công đánh địch đỗ bộ đường không trong tác chiến phòng thủ chiến lược trên chiến trường miền Bắc.  
**Trung tá, ThS. PHẠM HOÀNG HẢI**
- 127 Nâng cao chất lượng giảng dạy các môn lý luận chính trị cho học viên đào tạo cán bộ hậu cần - kỹ thuật ở các nhà trường quân đội hiện nay.  
**Đại tá, TS. PHÙNG THANH**
- 131 Một số vấn đề về bảo đảm hậu cần, kỹ thuật của trung đoàn bộ binh trong rời khỏi trận đánh vận động tiến công ở địa hình rừng núi.  
**Trung tá, CN. PHẠM ĐỨC THÀNH**
- 134 Một số giải pháp bảo đảm ăn uống sư đoàn bộ binh phòng ngự đô thị ở đồng bằng Bắc Bộ trong tác chiến phòng thủ quân khu.  
**Trung tá, ThS. LÊ QUANG VINH**
- 138 Một số giải pháp bảo vệ hậu cần - kỹ thuật sư đoàn bộ binh đánh địch ứng cứu giải tỏa đường bộ trong chiến dịch tiến công.  
**Thượng tá, TS. NGUYỄN ĐỨC HIỆU**
- 142 Phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ quản lý học viên góp phần nâng cao chất lượng dạy học thực hành môn công tác đảng, công tác chính trị ở Học viện Hậu cần hiện nay.  
**Thượng tá, TS. ĐÔ ANH VINH**
- 145 Tổ chức vận chuyển thương binh, bệnh binh chiến dịch phòng ngự trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.  
**Đại tá, PGS.TS. NGUYỄN NGỌC SƠN**
- 149 Giải pháp bảo đảm đạn, vật chất hậu cần, vật tư kỹ thuật sư đoàn bộ binh tiến công vào khu vực địch phòng ngự.  
**Trung tá, ThS. PHẠM VĂN HOÀN**

**Bia 1:** Đồng chí Thượng tướng Vũ Hải Sản, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ủy viên Quân ủy Trung ương, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng và đoàn công tác của Bộ Quốc phòng thông qua công tác chuẩn bị Đại hội của Đảng bộ Học viện Hậu cần, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

**CONTENTS: PHAN TUNG SON:** Concentrating on breakthroughs and innovation in training towards standardization and modernization to meet the requirements in the new situation. **DUONG DUC THIEN:** Democracy, unity, discipline, innovation, development, and determination to build a clean, strong, and exemplary Party Committee of the Military Logistics Academy. **LE THANH LONG:** President Ho Chi Minh and the lesson about seizing opportunities in the August Revolution of 1945. **NGUYEN QUANG DUNG:** Building a strategic transport posture for military zone defense operations in the Fatherland protection war.

153 Tổ chức khai thác mạng đường vận tải sự đoàn bộ binh tiến công địch phòng ngự đô thị ở địa hình trung du.  
**Thiếu tá, ThS. ĐÔ HOÀNG ANH**

157 Tạo lập, chuyển hóa thể trạng lữ đoàn tên lửa bờ A/E tiến công địch đỗ bộ đường không trong tác chiến chống đỗ bộ đường biển.  
**Trung tá, ThS. VŨ ĐỨC LINH**

#### **HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH**

161 Xây dựng Đảng về đạo đức theo tư tưởng Hồ Chí Minh.  
**Đại tá, TS. LÊ VIỆT THẮNG**

165 Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác hậu cần quân đội vào xây dựng ngành Hậu cần - Kỹ thuật quân đội vững mạnh.  
**NGUYỄN VĂN CƯƠNG**

#### **QUÁN TRIỆT VÀ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW, NGÀY 22/12/2024 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

168 Đầu mạnh chuyển đổi số trong quản lý công tác khoa học ở Học viện Hậu cần.  
**Trung tá, ThS. NGUYỄN VĂN TRƯỜNG**

#### **ĐÁU TRANH, BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG**

172 Phát huy vai trò của đội ngũ trí thức khoa học xã hội và nhân văn quân sự trong định hướng dư luận xã hội, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.  
**Thượng tá, TS. VŨ TRƯỜNG GIANG**

#### **THỰC TIẾN - KINH NGHIỆM**

175 Tiếp tục thực hiện tốt Phong trào thi đua "Ngành Hậu cần quân đội làm theo lời Bác Hồ dạy" ở Học viện Hậu cần.  
**Thượng tá, TS. LÊ ĐÌNH QUÂN**

179 Một số biện pháp nâng cao chất lượng tổ chức vận chuyển vật chất quân sự bằng đường sắt ở Lữ đoàn 971.  
**Thượng tá, TS. NGUYỄN HUY THỤ**

183 Nâng cao hiệu quả công tác tài chính Sư đoàn B95.  
**Thượng úy, ThS. NGUYỄN THỊ NGỌC CHÂU**

#### **LỊCH SỬ HẬU CẦN QUÂN SỰ**

186 Công tác vận tải Sư đoàn bộ binh 316 tiến công Buôn Ma Thuột trong chiến dịch Tây Nguyên - Kinh nghiệm và hướng kế thừa, phát triển.  
**Thượng tá, TS. NHỮ CÔNG KHAI**

190 Tổ chức, bố trí hậu cần chiến dịch bảo đảm cho trung đoàn bộ binh đánh địch đỗ bộ đường không trong kháng chiến chống Mỹ - Kinh nghiệm và hướng kế thừa, phát triển.  
**Đại tá, TS. VŨ QUANG HÒA**

194 Tổ chức, sử dụng, bố trí lực lượng hậu cần chiến dịch Điện Biên Phủ - Kinh nghiệm và hướng kế thừa, phát triển.  
**Thượng tá, TS. TRẦN VĂN NGUYỄN**

198 Bảo đảm quân nhu đánh địch giữ vững khu vực phòng thủ chủ yếu - Một số kinh nghiệm và hướng kế thừa, phát triển.  
**Thượng tá, ThS. ĐÔ VIỆT HƯNG; Trung tá ĐINH CHÂU TUẤN**

#### **LỊCH SỬ - TRUYỀN THỐNG**

202 Khoa Quân nhu với sự nghiệp giáo dục - đào tạo, nghiên cứu khoa học và hiện đại hóa ngành Hậu cần - Kỹ thuật quân đội.  
**Đại tá, PGS.TS. NGUYỄN CÔNG PHÚC**

206 Khoa Quân nhu - Học viện Hậu cần: 70 năm hun đúc truyền thống - vững bước tương lai.  
**Đại tá, PGS.TS. NGUYỄN THÉ PHƯƠNG**

**Ảnh: Thanh Tuyền**

# TIẾP TỤC ĐỘT PHÁ ĐỔI MỚI TỔ CHỨC ĐÀO TẠO THEO HƯỚNG CHUẨN HÓA, HIỆN ĐẠI, ĐÁP ỨNG YÊU CẦU NHIỆM VỤ TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Trung tướng, GS.TS. PHAN TÙNG SƠN

Giám đốc Học viện Hậu cần

Tổ chức đào tạo là việc xây dựng và triển khai các hoạt động đào tạo, huấn luyện nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng và năng lực cho cá nhân hoặc tổ chức; gồm xác định nhu cầu đào tạo, thiết kế chương trình, lựa chọn phương pháp, tổ chức thực hiện và đánh giá hiệu quả đào tạo. Trong thời kỳ chuyển hướng mới của giáo dục tiên tiến, hiện đại, Học viện Hậu cần xác định: Tập trung đột phá đổi mới trong tổ chức đào tạo theo hướng chuẩn hóa, hiện đại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của quân đội là vấn đề cốt yếu, quyết định đến đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ hậu cần - kỹ thuật (HC-KT), tài chính quân đội.



Đồng chí Trung tướng, GS.TS. Phan Tùng Sơn - Giám đốc Học viện Hậu cần thực hành huấn luyện cho đối tượng đào tạo hoàn thiện cán bộ HC-KT cấp trung, sư đoàn ngày 18/4/2025. (Ảnh: Thanh Tuyền)

NHỮNG năm qua, cùng với các cơ sở đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân, Học viện Hậu cần đã đột phá, tích cực đổi mới căn bản,

toàn diện giáo dục, đào tạo (GDĐT) theo hướng “chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế” và đạt được nhiều kết quả to lớn trong

## **CHỈ ĐẠO - HƯỚNG DẪN**

đào tạo đội ngũ cán bộ HC-KT, tài chính cho toàn quân.

Quán triệt thực hiện Kết luận số 91-KL/TW, ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI "về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế". Nghị quyết số 1657-NQ/QUTW, ngày 20/12/2022 của Quân ủy Trung ương xác định: "Đổi mới công tác GDĐT trong Quân đội là đổi mới những vấn đề lớn, cốt lõi, cấp thiết, từ quan điểm, tư tưởng chỉ đạo đến mục tiêu, quy trình, chương trình, nội dung đào tạo, phương pháp dạy học, cơ chế, chính sách, điều kiện bảo đảm". Quán triệt tinh thần đó, trong tổ chức đào tạo, Học viện Hậu cần đã chuẩn hóa nhiều lĩnh vực, như: Đổi mới phương thức đào tạo theo hướng đào tạo theo tín chỉ, xác định nhu cầu đào tạo sát với thực tiễn xây dựng ngành HC-KT, tài chính quân đội, xây dựng kế hoạch đào tạo phù hợp với từng đối tượng, bậc học, triển khai đào tạo linh hoạt, đánh giá kết quả đào tạo thực chất hơn...

Học viện tập trung chuẩn hóa nội dung chương trình trên cơ sở xây dựng và hoàn thiện chuẩn đầu ra làm nền tảng cho việc thiết kế chương trình đào tạo (CTĐT). Việc xác định chuẩn đầu ra được thực hiện theo đúng quy định tại các Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT và Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đồng thời, được điều chỉnh phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, đặc điểm, yêu cầu nhiệm vụ, huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu và bảo đảm HCKT, tài chính trong quân đội hiện nay và dự báo xu hướng phát triển của quân đội, phương thức bảo đảm HCKT, tài chính trong chiến tranh hiện đại. Nội dung CTĐT được xây

dựng theo hướng liên thông giữa các môn, bậc học, trình độ; tích hợp nội dung mới về công nghệ thông tin, quản lý chuỗi cung ứng, logistics, chuyển đổi số và các xu hướng mới trong lĩnh vực quân sự và dân sự. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo cũng được đổi mới theo hướng kết hợp giữa định tính và định lượng, đánh giá toàn diện năng lực người học.

Học viện định hướng chuẩn hóa xây dựng, hoàn thiện quy trình đào tạo theo hướng mở linh hoạt; đổi mới mở rộng không gian và thời gian học tập, tạo điều kiện để học viên chủ động tiếp cận tri thức theo nhịp độ cá nhân, hướng đến mô hình "đào tạo linh hoạt - học tập suốt đời". Thường xuyên rà soát, đánh giá thực trạng số lượng, chất lượng giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục để xây dựng, thực hiện tốt quy trình, quy hoạch, kế hoạch tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng. Duy trì, tổ chức hiệu quả, có chất lượng các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn và phương pháp giảng dạy; tổ chức tốt hoạt động lấy ý kiến phản hồi của người học, cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ về chất lượng giảng dạy. Đẩy mạnh công tác phối hợp trong đào tạo, kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo trong nhà trường với bổ sung kiến thức thực tế tại đơn vị cho cán bộ, giảng viên, học viên thông qua các hoạt động thực tập, thực tế, mời cán bộ đơn vị tham gia giảng dạy tại Học viện.

Bên cạnh kết quả đã đạt được, việc đổi mới tổ chức đào tạo gặp không ít khó khăn do quy mô, đối tượng đào tạo đa dạng; cơ sở học liệu, kinh phí bảo đảm còn hạn hẹp; đội ngũ cán bộ, giảng viên, học viên có mặt chưa đáp ứng yêu cầu. Phương thức, mô hình, chương trình đào tạo có nội dung còn hạn chế, chưa có tính định hướng sự phát triển; phương pháp dạy, học chậm đổi mới; quản lý, điều hành huấn luyện chưa thực sự linh hoạt; tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ chưa cao; kết

quả nghiên cứu khoa học chưa đột phá vào các lĩnh vực mới, nội dung khó, vấn đề thực tiễn đặt ra. Trong khi, nhiệm vụ xây dựng Quân đội, bảo vệ Tổ quốc đặt ra yêu cầu ngày càng cao; đội ngũ cán bộ có kinh nghiệm thực tiễn và giảng dạy có xu hướng giảm, nguồn bổ sung, thay thế khó khăn; quy mô đào tạo tiếp tục tăng cả về số lượng và đối tượng. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động chỉ huy, quản lý, điều hành, giải quyết công việc, nâng cao chất lượng GDĐT, nghiên cứu khoa học, xây dựng chính quy có nội dung còn hạn chế. Xây dựng Kiến trúc Chính phủ điện tử phiên bản 2.0 của Học viện còn chậm tiến độ; nhiệm vụ chuyển đổi số có nội dung chưa đạt được theo kế hoạch của Bộ Quốc phòng. Một số học viên chưa thích ứng với phương pháp tổ chức đào tạo mới...

Tiếp tục quán triệt quan điểm của Đảng, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng về đổi mới tổ chức đào tạo; đồng thời, phát huy kết quả đã đạt được, rút kinh nghiệm từ những mặt công tác còn hạn chế; trong thời gian tới, Học viện cần tập trung thực hiện tốt một số giải pháp sau:

*Một là*, tiếp tục hoàn thiện phương thức, mô hình, mục tiêu; đổi mới quy trình, chương trình, nội dung đào tạo theo hướng tiên tiến, hiện đại. Phương thức, mô hình, mục tiêu, chương trình, nội dung đào tạo cán bộ HC-KT, tài chính ở từng cấp học, bậc học vừa phải bảo đảm tính ổn định vừa phải được bổ sung, hoàn thiện phù hợp với sự phát triển của tình hình, nhiệm vụ, đặc điểm và trình độ của đối tượng đào tạo; gắn với mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp. Vấn đề có tính nguyên tắc trong quá trình hiện đại mô hình, mục tiêu đào tạo là phải căn cứ vào nhu cầu đào tạo cán bộ HC-KT, tài chính các cấp, kịp thời bổ sung những nhân tố mới, trong đó bao quát những yêu cầu cơ bản về phẩm chất, năng lực, phương pháp tác phong công tác của

người cán bộ HC-KT, tài chính phù hợp với sự phát triển của tình hình, làm cơ sở để xây dựng, bổ sung, hoàn thiện chương trình, nội dung đào tạo. Đổi mới chương trình đào tạo theo hướng mở, liên thông giữa các bậc học, tập trung đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện đội ngũ cán bộ HC-KT, tài chính có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Quốc phòng, có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt; có kiến thức, năng lực toàn diện đáp ứng yêu cầu chức trách, nhiệm vụ; có khả năng đổi mới, sáng tạo, tự học, thích ứng nhanh và phát triển. Đảm nhiệm tốt chức trách, nhiệm vụ và có khả năng tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng để phát triển cao hơn.

Để thực hiện tốt mục tiêu trên, cần tiếp tục đổi mới, hiện đại hóa mạnh mẽ về quy trình, CTĐT đáp ứng yêu cầu đào tạo theo chức vụ, trên cơ sở bảo đảm trình độ học vấn và thực hiện tốt liên thông kiến thức giữa các cấp học, bậc học. Chắt lọc, tinh chỉnh nội dung, CTĐT để hoàn thiện theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá, bảo đảm tính cơ bản, hiện đại, hệ thống, trọng điểm, thiết thực. Kết cấu nội dung, chương trình theo hướng mở, có kế thừa, bổ sung và phát triển; nội dung phải cập nhật, khoa học, tiên tiến, chuyên sâu; gắn lý luận với thực tiễn chức danh đào tạo; bám sát sự phát triển của mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, nhiệm vụ quân đội và chức trách, nhiệm vụ của cán bộ HC-KT, tài chính quân đội; cần bảo đảm tỷ lệ cân đối giữa các khía cạnh, tăng thời gian cho các hình thức sau bài giảng, điều chỉnh giảm tỷ lệ lý thuyết và tăng thực hành, huấn luyện đêm trong chương trình môn học linh hoạt, hợp lý. Áp dụng phương pháp giảng dạy hiện đại; tổ chức học ghép, học liên môn, xuyên môn phù hợp, khoa học. Đổi mới hình thức, phương pháp thi, kiểm tra, đánh giá, thực hiện dạy thực chất, học thực chất, đánh giá thực chất kết quả dạy và học. Tăng cường

## **CHỈ ĐẠO - HƯỚNG DẪN**

truyền thụ kiến thức thực tiễn, kinh nghiệm, tăng cường giao tiếp giữa giảng viên với học viên; giảng viên giữ vai trò định hướng cho học viên tự nghiên cứu.

*Hai là*, đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp đào tạo, dạy học đáp ứng với sự phát triển của thực tiễn cách mạng, quân đội và hội nhập quốc tế. Đổi mới mô hình, mục tiêu đào tạo là cơ sở để chuẩn hoá chương trình, nội dung dạy học và đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích cực hoá hoạt động nhận thức của người học. Nâng cao chất lượng giảng dạy và đổi mới phương pháp phải tiến hành đồng bộ trong tất cả các hình thức, đảm bảo tăng cường mối quan hệ tương tác tích cực giữa giảng viên và học viên. Chú trọng áp dụng các phương pháp dạy học tích cực, coi trọng ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn... Bài giảng phải có tính hệ thống, không trình bày lại những nội dung đã được làm sáng rõ trong giáo trình; tập trung vào vấn đề cơ bản, trọng tâm và sự phát triển mới của lý luận, thực tiễn; tăng cường truyền thụ, kiến thức kinh nghiệm, tăng giao tiếp với học viên, định hướng vấn đề để học viên nghiên cứu. Đổi mới phương pháp tiến hành các hình thức sau bài giảng để giúp học viên phát triển khả năng tư duy độc lập, sáng tạo trong vận dụng lý luận vào giải quyết các vấn đề thực tiễn. Các chủ đề thảo luận hướng người học vào giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách, bám sát những vấn đề bức thiết từ thực tiễn công tác HCKT, tài chính quân đội đang đặt ra ở các cơ quan, đơn vị; chuẩn hóa các kỹ năng, kỹ xảo, rèn luyện tay nghề cho học viên. Tiếp tục tích hợp kiến thức liên ngành giữa lĩnh vực quân sự và dân sự, công nghệ lưỡng dụng, giúp học viên nâng cao tư duy hệ thống, khả năng thích ứng và giải quyết vấn đề thực tiễn. Đồng thời, cần tăng cường tham khảo có chọn lọc các CTĐT tiên tiến của

các học viện quân sự trong và ngoài nước, từng bước quốc tế hóa nội dung để nâng cao vị thế học viện trên bình diện khu vực và toàn cầu.

*Ba là*, đổi mới công tác tổ chức, quản lý, điều hành các hoạt động GDĐT, nghiên cứu khoa học theo hướng hiện đại, đồng bộ, khoa học, thống nhất và hiệu quả. Trước yêu cầu, nhiệm vụ mới, Học viện cần chú trọng triển khai đồng bộ các biện pháp đẩy mạnh đột phá đổi mới tổ chức quản lý, điều hành huấn luyện, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ về công tác quản lý đào tạo. Đẩy mạnh cải cách hành chính để nâng cao hiệu quả công tác quản lý giáo dục và quản trị nhà trường; phát huy hơn nữa tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tự kiểm soát của các khoa giáo viên trên cơ sở quy chế, quy định. Kiện toàn cơ quan quản lý đào tạo, khảo thí và bảo đảm chất lượng GDĐT, nghiên cứu khoa học bao đảm tinh, gọn, có khả năng tham mưu, chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện tốt nhiệm vụ. Tổ chức đào tạo chặt chẽ, khoa học, thực tiễn, linh hoạt và liên thông, liên tục và kế thừa giữa các cấp học, bậc học, nhanh chóng thích nghi với yêu cầu xây dựng quân đội trong thời kỳ mới. Tổ chức đánh giá hiệu quả đào tạo thường xuyên và định kỳ, gồm đánh giá bằng kết quả thi, kiểm tra của Học viện, đánh giá của người học, các đơn vị sử dụng cán bộ.

Để thực hiện tốt giải pháp, các cơ quan, khoa giáo viên, đơn vị cần chủ động rà soát, kịp thời bổ sung, chỉnh sửa quy chế GDĐT, quy chế hoạt động khoa học, quy định về phân công nhiệm vụ và phối hợp công tác giữa các cơ quan, đơn vị cho phù hợp với yêu cầu của đổi mới GDĐT, để vừa tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình đổi mới, vừa có cơ sở để khắc phục khó khăn, chủ động phối hợp giải quyết những vấn đề phát sinh từ thực tiễn của đổi mới GDĐT. Thực hiện cơ chế người học, đơn vị sử dụng tham gia đánh giá hoạt động

## NGHIÊN CỨU KHOA HỌC HẬU CẦN QUÂN SỰ

GDĐT; nhà giáo tham gia đánh giá cán bộ quản lý giáo dục.

Đổi mới toàn diện, đồng bộ công tác tuyển sinh, công tác tạo nguồn và bố trí, sử dụng nguồn nhân lực được đào tạo. Bố trí, sử dụng nguồn nhân lực đúng mục tiêu đào tạo, đúng quy hoạch và khả năng, sở trường của cán bộ, giảng viên, nhân viên; chú trọng sử dụng cán bộ, giảng viên chất lượng cao, thuộc các lĩnh vực ngành, chuyên ngành đặc thù. Tăng cường kiểm tra, đánh giá chất lượng GDĐT gắn với hoạt động nghiên cứu khoa học; kịp thời cải tiến, khắc phục những khuyết điểm, hạn chế để nâng cao chất lượng đào tạo. Thường xuyên sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm; tổ chức học tập, nhân rộng mô hình, điển hình tiên tiến trong công tác GDĐT, nghiên cứu khoa học.

*Bốn là*, chuẩn hóa đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục; thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh, tăng cường nghiên cứu khoa học phục vụ chuẩn hóa, hiện đại hóa GDĐT của Học viện thời kỳ mới. Chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên là gốc, nền tảng của đổi mới tổ chức đào tạo. Trong thời gian tới, cần bổ sung, lực lượng giảng viên còn thiếu so với yêu cầu giảng dạy và nghiên cứu khoa học; tập trung xây dựng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục đủ số lượng theo biểu biên chế mới của Học viện; nâng cao tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ, phó giáo sư, giáo sư; cơ cấu hợp lý, cân đối và chất lượng toàn diện, bảo đảm sự chuyển tiếp liên tục, vững chắc. Lựa chọn những cán bộ, giảng viên có năng lực để thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh. Huy động cán bộ lãnh đạo, chỉ huy đơn vị, cơ quan có đủ điều kiện tham gia giảng dạy theo chế độ kiêm nhiệm, mời giảng. Quan tâm bồi dưỡng cán bộ chủ trì, cán bộ đầu ngành và đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục đạt các tiêu chuẩn theo chức danh quy định. Thực hiện tốt kế hoạch đi dự nhiệm, tích cực cử giảng viên, cán bộ quản lý giáo

đục đi thực tế ở các cơ quan, đơn vị theo yêu cầu giảng dạy. Tổ chức bồi dưỡng các chứng chỉ cho giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục về phương pháp dạy học, tin học, ngoại ngữ. Đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục cần được chuyên nghiệp hóa và khả năng sáng tạo cao, có phương pháp làm việc hiện đại với ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số; khích lệ đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục tự học, tự nghiên cứu để vươn lên đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Các cơ quan chức năng cần hỗ trợ, giúp đỡ các ứng viên chuẩn bị và đạt các chức danh Giáo sư, Phó giáo sư, danh hiệu Nhà giáo ưu tú, Nhà giáo Nhân dân; chức danh giảng viên, giảng viên chính, giảng viên cao cấp.

Chủ động tăng cường phối hợp, trao đổi nội dung, phương pháp, kinh nghiệm giảng dạy giữa các khoa trong Học viện và với các cơ sở GDĐT, nghiên cứu khoa học trong và ngoài quân đội, nhằm cập nhật tri thức mới trên các lĩnh vực có liên quan đến nội dung giảng dạy, góp phần nâng cao chất lượng GDĐT của Học viện. Tổ chức nghiên cứu khoa học phục vụ trực tiếp cho nhiệm vụ GDĐT theo yêu cầu chuẩn hóa, hiện đại hóa, có tính dự báo. Hướng các vấn đề nghiên cứu khoa học tập trung nâng cao chất lượng GDĐT, tổng kết được những kinh nghiệm về phương pháp dạy học và công tác quản lý. Mở rộng đối tượng, phạm vi nghiên cứu để đội ngũ cán bộ, giảng viên, học viên cùng tham gia nghiên cứu khoa học. Đưa kết quả nghiên cứu khoa học vào quá trình dạy học; trước mắt, tập trung nghiên cứu phục vụ trực tiếp cho việc hoàn thiện mô hình, mục tiêu đào tạo, đổi mới nội dung, chương trình, nâng cao chất lượng bài giảng, đổi mới phương pháp dạy học.

*Năm là*, tiếp tục đầu tư, hiện đại hóa cơ sở vật chất, phương tiện, trang thiết bị, ứng dụng trí tuệ nhân tạo bảo đảm

cho công tác tổ chức đào tạo trong thời kỳ mới. Cơ sở vật chất là điều kiện quan trọng để đổi mới tổ chức đào tạo, nhất là đổi mới phương pháp, đánh giá hiệu quả đào tạo. Học viện tiếp tục hiện đại hóa cơ sở hạ tầng, như: Hệ thống giảng đường, phòng học chuyên dùng, phòng đọc, thư viện, phòng thí nghiệm, tài liệu, giáo khoa, giáo trình, các trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật phục vụ cho học tập, giảng dạy; điều kiện ăn, ở, sinh hoạt, làm việc của người dạy và người học, nghiên cứu khoa học. Bổ sung các trang, thiết bị hiện đại đáp ứng yêu cầu xây dựng Học viện thông minh, tiếp cận với cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0, tạo môi trường làm việc thuận lợi cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ nghiên cứu và môi trường học tập tiên tiến cho học viên. Ứng dụng công nghệ để tổ chức đào tạo, đánh giá kết quả đào tạo. Tạo chuyển biến cơ bản trong xây dựng xã hội học tập tại các cơ quan, khoa, đơn vị trong Học viện. Đảm bảo mọi quân nhân đều có cơ hội tiếp cận hệ thống giáo dục mở, đa dạng, linh hoạt, liên thông và hiện đại, với nhiều mô hình, phương thức học tập khác nhau, được học tập suốt đời với tinh thần tự giác, chủ động; khuyến khích học viên tham gia các khóa bồi dưỡng ngắn hạn, nghiên cứu khoa học, cập nhật tài liệu số hóa và các khóa học trực tuyến (MOOCs) .... nhằm tạo dựng văn hóa học tập suốt đời. Từng bước ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong công tác giảng dạy, thiết kế, xây dựng các trợ giảng số gắn với từng bộ môn, khoa chuyên ngành để hỗ trợ hoạt động giảng dạy của giảng viên trên lớp.

Nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới đòi hỏi phải tiếp tục xây dựng quân đội theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và Nhân dân. Tình hình đó đặt

ra yêu cầu mới, đòi hỏi Học viện phải phát huy những thành tựu đã đạt được, không ngừng vận dụng kinh nghiệm đã có; đồng thời, tiếp tục chuẩn hóa, hiện đại tổ chức đào tạo, nhằm hiện thực hóa mục tiêu nâng cao chất lượng GD&ĐT cán bộ HC-KT, tài chính quân đội có phẩm chất tốt, năng lực toàn diện◆

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Chính trị (2024), *Kết luận số 91- KL/TW*, ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI "Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế", Hà Nội.
2. Ban Chấp hành Trung ương (2013), *Nghị quyết số 29-NQ/TW* ngày 04/11/2013 "về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế", Hà Nội.
3. Đảng ủy Học viện Hậu cần (2023), *Nghị quyết số 883-NQ/ĐU* về đổi mới công tác GD&ĐT đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng Học viện trong tình hình mới, Hà Nội.
4. Đảng ủy Học viện Hậu cần (2023), *Nghị quyết số 1214-NQ/ĐU* về xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục trong Học viện giai đoạn 2023 - 2030 và những năm tiếp theo, Hà Nội.
5. Quân ủy Trung ương (2022), *Nghị quyết số 1657-NQ/QUTW* về đổi mới công tác GD&ĐT đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng Quân đội trong tình hình mới, Hà Nội.
6. Quân ủy Trung ương (2022), *Nghị quyết số 1659-NQ/QUTW* về nâng cao chất lượng huấn luyện giai đoạn 2023 - 2030 và những năm tiếp theo, Hà Nội.

# DÂN CHỦ, ĐOÀN KẾT, KỶ CƯƠNG, ĐỔI MỚI, PHÁT TRIỂN QUYẾT TÂM XÂY DỰNG ĐẢNG BỘ HỌC VIỆN HẬU CẦN TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH TIÊU BIỂU

Trung tướng DƯƠNG ĐỨC THIỆN  
Bí thư Đảng ủy, Chính ủy Học viện Hậu cần



Ngày 29/7/2025, Đảng ủy Học viện Hậu cần tổ chức Hội nghị thông qua công tác chuẩn bị Đại hội  
Đại biểu Đảng bộ Học viện lần thứ XXIII, nhiệm kỳ 2025 - 2030. (Ảnh: Thanh Tuyền)

**D**ại hội đại biểu Đảng bộ Học viện Hậu cần lần thứ XXIII, nhiệm kỳ 2025 - 2030 là dấu mốc quan trọng đặc biệt đối với nhiệm vụ xây dựng và phát triển Học viện trong kỷ nguyên mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam. Với phương châm “Dân chủ - Đoàn kết - Kỷ cương - Đổi mới - Phát triển”, Đại hội thể hiện quyết tâm xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh tiêu biểu; đột phá nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và chuyển

đổi số; xây dựng Học viện theo mô hình “Nhà trường thông minh”, chính quy, hiện đại, vững mạnh toàn diện, “Mẫu mực, tiêu biểu”. Nhìn lại 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XXII, Đảng ủy Học viện đã lãnh đạo, chỉ đạo Học viện hoàn thành toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ, nhiều nhiệm vụ hoàn thành xuất sắc.

Đảng ủy Học viện đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện hiệu quả khâu đột phá nâng cao chất lượng giáo dục,

## CHỈ ĐẠO - HƯỚNG DẪN

đào tạo; tiên phong, quyết liệt trong xây dựng chương trình và tổ chức đào tạo các đối tượng, nhất là đối tượng mới, đáp ứng yêu cầu sáp nhập cơ quan hậu cần và kỹ thuật thành cơ quan hậu cần - kỹ thuật (từ năm 2020 đến nay, Học viện đã xây dựng mới 41 bộ chương trình đào tạo; tổ chức đào tạo cho 25 đối tượng, với 12.427 lượt học viên); thực hiện có hiệu quả phương châm “Chất lượng đào tạo của nhà trường là khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị”, “Dạy thực chất, học thực chất, đánh giá thực chất”, “Nhà trường đi trước đơn vị”; đặc biệt, đã chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị, như: Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật; Quân khu 1; Quân khu 2... trong công tác đào tạo cũng như tổ chức diễn tập, được Bộ Quốc phòng ghi nhận, đánh giá cao; đột phá, đổi mới nâng cao chất lượng dạy, học theo hướng hiện đại, kết hợp chặt chẽ giữa lý luận với thực tiễn, lý thuyết với thực hành, nhà trường với đơn vị, kết quả học tập các đối tượng không ngừng được nâng lên. Đẩy mạnh cải cách hành chính và chuyển đổi số, Học viện là đơn vị tiêu biểu trong toàn quân về thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục, đào tạo. Học viên ra trường có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, năng lực chuyên môn khá, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ.

Đảng ủy Học viện đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, hiệu quả công tác xây dựng tiềm lực khoa học. Trong nhiệm kỳ, có 01 nhà giáo được bổ nhiệm chức danh Giáo sư, 20 nhà giáo được bổ nhiệm chức danh Phó Giáo sư; 15 nhà giáo giỏi cấp Bộ, 214 nhà giáo giỏi cấp Học viện; 94,8% đội ngũ nhà giáo có trình độ sau đại học (trong đó, có 3,2% Giáo sư, Phó Giáo sư; 27,55% Tiến sĩ, vượt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra). Kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục, đào tạo với nghiên cứu khoa học; các đề tài bám sát sự phát triển lý luận, thực tiễn của

ngành hậu cần, kỹ thuật, tài chính và yêu cầu, nhiệm vụ Quân đội. Đẩy mạnh hợp tác, chuyển giao, ứng dụng kết quả nghiên cứu đề tài, sáng kiến về lĩnh vực khoa học hậu cần quân sự với các cơ quan, đơn vị trong toàn quân. Trong nhiệm kỳ, đã hoàn thành 01 đề tài khoa học cấp Nhà nước; 06 đề tài cấp Bộ; 60 đề tài cấp ngành; 91 đề tài, sáng kiến cấp Học viện; 293 đề tài, sáng kiến tuổi trẻ sáng tạo. Học viện có 75 đề tài, sáng kiến đạt giải tuổi trẻ sáng tạo trong Quân đội; trong đó, có 03 giải Nhất, 12 giải Nhì, 27 giải Ba. Chuyển giao kết quả nghiên cứu đề tài “Hoàn thiện phương thức bảo đảm hậu cần sư đoàn bộ binh biên chế hỏa lực mạnh trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc” cho Quân đoàn 34; chuyển giao công nghệ sản xuất thịt hộp cho các đơn vị thuộc Quân khu 3, Quân khu 5, Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển...

Thường xuyên quan tâm xây dựng Học viện vững mạnh toàn diện “Mẫu mực, tiêu biểu”, chất lượng xây dựng chính quy, chấp hành kỷ luật có sự chuyển biến mạnh mẽ, vững chắc. Đảng ủy Học viện đã triển khai đồng bộ các chủ trương, giải pháp lãnh đạo công tác giáo dục khoa học xã hội và nhân văn; giáo dục chính trị, tư tưởng; đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với thực hiện Nghị quyết của Quân ủy Trung ương về phát huy phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân và Cuộc vận động “Phát huy truyền thống, cống hiến tài năng, xứng danh “Bộ đội Cụ Hồ” thời kỳ mới” với nhiều mô hình, cách làm hay, sáng tạo, thiết thực, hiệu quả, xây dựng Học viện vững mạnh về chính trị. Trước những tác động phức tạp của tình hình thế giới, khu vực, cán bộ, giảng viên, học viên, nhân viên, chiến sĩ Học viện Hậu cần luôn có bản lĩnh chính trị kiên định, vững vàng; quyết tâm, trách nhiệm cao, sẵn sàng nhận và hoàn

## NGHIÊN CỨU KHOA HỌC HẬU CẦN QUÂN SỰ

thành tốt nhiệm vụ được giao. Chất lượng xây dựng chính quy, rèn luyện kỷ luật có nhiều chuyển biến tiến bộ; kỷ luật, kỷ cương được duy trì chặt chẽ, nghiêm túc. Triển khai thực hiện nghiêm quyết định về điều chỉnh tổ chức biên chế; công tác đối ngoại quốc phòng được đẩy mạnh. Lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện các mặt công tác hậu cần, kỹ thuật, tài chính đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ thường xuyên và đột xuất của Học viện; bảo đảm tốt đời sống của cán bộ, giảng viên, học viên, nhân viên, chiến sĩ.

Chấp hành nghiêm túc tập trung dân chủ; thường xuyên chăm lo xây dựng Đảng bộ vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có phẩm chất, năng lực toàn diện, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nghị quyết, kết luận của Trung ương về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng đạt được kết quả thiết thực. Đảng bộ Học viện không có biểu hiện suy thoái về chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống; nội bộ luôn đoàn kết, thống nhất cao. Chăm lo xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh tiêu biểu. Hằng năm, có trên 90% tổ chức đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, gần 90% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Trong nhiệm kỳ, đã kết nạp 2.203 đảng viên.

Với những thành tích xuất sắc đã đạt được, năm 2022, 2024, Học viện được tặng Cờ thi đua của Chính phủ; năm 2023 được tặng Cờ thi đua của Bộ Quốc phòng. Đây là vinh dự lớn, đồng thời, thể hiện sự đột phá, đổi mới trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ của tập thể Đảng ủy, Ban Giám đốc Học viện cùng toàn thể cán bộ, giảng viên, học viên, nhân viên, chiến sĩ Học viện.

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, nhiệm kỳ qua, Đảng bộ Học viện vẫn còn tồn tại một số hạn chế, khuyết điểm, đó là: Vận dụng phương pháp dạy học tích cực ở một số khoa hiệu quả chưa cao; trình độ, năng lực thực tiễn của một số giảng viên có mặt chưa theo kịp sự phát triển yêu cầu, nhiệm vụ; số lượng sản phẩm nghiên cứu khoa học được ứng dụng, chuyển giao chưa tương xứng với tiềm năng, vị thế của Học viện; việc nắm, dự báo, giải quyết tư tưởng ở một số đơn vị chưa thực sự chủ động, thiếu chiều sâu; duy trì nền nếp chính quy, quản lý kỷ luật có thời điểm chưa nghiêm; phong cách lãnh đạo, phương pháp tác phong công tác của một số cấp ủy, cán bộ chỉ huy, quản lý chậm đổi mới, thiếu chủ động, chưa quyết liệt. Điều đó đòi hỏi nhiệm kỳ tới, Đảng ủy Học viện, các cấp ủy, tổ chức đảng cần nghiêm túc kiểm điểm, rút kinh nghiệm, tập trung khắc phục kịp thời những hạn chế, khuyết điểm đã được chỉ ra.

Những năm tới, tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến nhanh, phức tạp, khó dự báo; hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, song đứng trước nhiều trở ngại, khó khăn, thách thức; tranh chấp chủ quyền, biển đảo, xung đột quân sự, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt. Cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ Tư phát triển mạnh mẽ; các vấn đề an ninh phi truyền thống, nhất là an ninh mạng, khủng bố, tội phạm, thiên tai, dịch bệnh... ngày càng phức tạp. Trong nước, tình hình an ninh, chính trị ổn định; dự báo kinh tế - xã hội có bước phát triển mạnh mẽ. Tuy nhiên, đất nước ta tiếp tục đổi mới với nhiều khó khăn, thách thức; tình hình biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh ngày càng phức tạp, bất thường; các thế lực thù địch tiếp tục chống phá quyết liệt với những âm mưu, thủ đoạn mới, ngày càng tinh vi,

## CHỈ ĐẠO - HƯỚNG DẪN

xảo quyết; cả nước sau sắp xếp, tổ chức bộ máy, địa giới hành chính của nhiều địa phương được điều chỉnh, mở rộng không gian phát triển; nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, xây dựng Quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đặt ra những vấn đề mới đối với công tác giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học của Học viện, công tác hậu cần, kỹ thuật, tài chính quân đội.

Để hoàn thành tốt các mục tiêu, nhiệm vụ giải pháp Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Học viện Hậu cần lần thứ XXIII, nhiệm kỳ 2025 - 2030 xác định, đòi hỏi toàn Đảng bộ phải tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, quyết liệt triển khai, thực hiện tốt một số nội dung, giải pháp chủ yếu sau:

*Một là*, đột phá nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, thực hiện có hiệu quả phương châm “Chất lượng đào tạo của nhà trường là khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị”; nâng cao chất lượng xây dựng nội dung, chương trình đào tạo các đối tượng gắn với chuẩn đầu ra, bảo đảm tính hệ thống, thống nhất, đồng bộ, chuyên sâu, hiện đại, sát với thực tế, liên thông với chuẩn đầu vào của trình độ đào tạo, bậc học cao hơn; mở mới các mã ngành đào tạo quân sự, đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Tổ chức đào tạo hệ dân sự đảm bảo uy tín, chất lượng. Đổi mới hình thức, phương pháp thi, kiểm tra, đánh giá kết quả dạy và học. Từng bước phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục, đào tạo bên trong theo hướng hiện đại, đồng bộ, khoa học, thống nhất; xây dựng môi trường văn hóa, sư phạm chuẩn mực trong Học viện.

*Hai là*, tiếp tục triển khai xây dựng “Nhà trường thông minh” theo chủ trương của Bộ Quốc phòng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ mô phỏng, trí tuệ nhân tạo, cơ sở dữ liệu dùng chung trong quản lý, điều hành, giám sát hoạt động huấn luyện,

các cuộc diễn tập, sát thực tiễn phương thức bảo đảm hậu cần, kỹ thuật, tài chính trong các loại hình tác chiến, hình thức chiến thuật và tổ chức, biên chế Quân đội cũng như cách đánh, phương thức tác chiến mới trong giai đoạn hiện nay. Quan tâm, chăm lo xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục đạt chuẩn theo quy định; đẩy mạnh hợp tác quốc tế, đào tạo ngoại ngữ, tin học để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ hậu cần, kỹ thuật, tài chính; tăng cường cử cán bộ, giảng viên đi luân chuyển, thực tế bằng nhiều hình thức; gắn đào tạo sau đại học với triển khai nghiên cứu các đề tài, dự án, đề án khoa học, công nghệ. Duy trì nghiêm nền nếp công tác thanh tra, kiểm tra huấn luyện, nâng cao chất lượng công tác khảo thí. Xây dựng động cơ, thái độ học tập, rèn luyện đúng đắn cho học viên; tiếp tục đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ huấn luyện, ưu tiên bảo đảm các loại vật chất phục vụ huấn luyện thực hành, huấn luyện đêm, tập bài, diễn tập sát thực tế chiến đấu và thực tiễn đơn vị.

*Ba là*, nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học, biên soạn giáo trình, tài liệu huấn luyện đáp ứng yêu cầu phát triển của nhiệm vụ giáo dục, đào tạo; thực tiễn sáp nhập ngành hậu cần - kỹ thuật, điều chỉnh địa giới hành chính, sắp xếp, tổ chức cơ quan quân sự địa phương theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất với Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng các giải pháp bảo đảm hậu cần, kỹ thuật, tài chính phù hợp với các phương thức tác chiến hiện đại, vũ khí công nghệ cao. Đẩy mạnh phong trào Tuổi trẻ sáng tạo, hướng hoạt động nghiên cứu của tuổi trẻ vào ứng dụng chuyển đổi số trên các mặt công tác, những giải pháp kỹ thuật mới, tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng công tác hậu cần, kỹ thuật, tài

## NGHIÊN CỨU KHOA HỌC HẬU CẦN QUÂN SỰ

chính toàn quân. Tăng cường phối hợp nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao các đề tài, sáng kiến vào thực tiễn, nâng cao chất lượng phục vụ bộ đội, nhất là các lực lượng làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

*Bốn là, xây dựng Học viện luôn vững mạnh về chính trị; thực hiện hiệu quả việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Đẩy mạnh đột phá, nâng cao chất lượng xây dựng chính quy, chấp hành kỷ luật, pháp luật, chuyển đổi số, cải cách hành chính, phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số; tiếp tục chỉ đạo xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện, “Mẫu mực, tiêu biểu”, đảm bảo đồng bộ, thống nhất với xây dựng tổ chức đảng và các tổ chức trong cơ quan, đơn vị. Bảo đảm tốt công tác hậu cần, kỹ thuật, tài chính cho các nhiệm vụ, nâng cao đời sống bộ đội; đưa công tác hậu cần, kỹ thuật thực sự là mô hình mẫu để các cơ quan, đơn vị trong toàn quân tham quan, học tập.*

*Năm là, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng; thực hiện nghiêm quy chế làm việc, quy chế lãnh đạo các mặt công tác trọng yếu. Chăm lo xây dựng các cấp ủy, tổ chức đảng trong Đảng bộ Học viện trong sạch, vững mạnh tiêu biểu. Lãnh đạo thực hiện tốt công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ chủ trì các cấp thực sự tiêu biểu về phẩm chất chính trị, đạo đức, kiến thức, năng lực và tầm nhìn. Chủ động phát hiện cán bộ có phẩm chất, năng lực vượt trội, có triển vọng để bổ nhiệm vào những vị trí quan trọng, tạo nguồn cán bộ. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng. Thường xuyên đổi mới phương pháp, phong cách lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ chủ trì các cấp; tập trung lãnh đạo,*

chỉ đạo tạo chuyển biến căn bản, vững chắc trong xây dựng đảng bộ và đơn vị.

Tự hào chặng đường gần 75 năm của Học viện Anh hùng, phát huy những kết quả quan trọng, toàn diện đã đạt được trong nhiệm kỳ vừa qua. Bước sang nhiệm kỳ 2025 - 2030 và những năm tiếp theo, đòi hỏi mỗi cán bộ, giảng viên, học viên, nhân viên, chiến sĩ toàn Học viện tiếp tục phát huy phẩm chất cao đẹp “Bộ đội Cụ Hồ”, truyền thống “Tuyệt đối trung thành, chủ động sáng tạo, đoàn kết chặt chẽ, dạy tốt học tốt, gắn với chiến trường, hướng về đơn vị”, quyết tâm cao, nỗ lực lớn, khắc phục mọi khó khăn, phấn đấu hoàn thành tốt và xuất sắc nhiệm vụ được giao; xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh tiêu biểu, Học viện vững mạnh toàn diện, “Mẫu mực, tiêu biểu”, góp phần xây dựng Quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong kỷ nguyên mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam♦

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Chính trị (2024), *Chỉ thị số 35-CT/TW về đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng*, Hà Nội.
2. Đảng ủy Học viện Hậu cần (2025), *Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Học viện lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2020 - 2025*, Hà Nội.
3. Đảng ủy Học viện Hậu cần (2025), *Các văn kiện trình Đại hội đại biểu Đảng bộ Học viện Hậu cần lần thứ XXIII, nhiệm kỳ 2025 - 2030*, Hà Nội.
4. Thường vụ Đảng ủy Học viện Hậu cần (2024), *Chỉ thị số 1470-CT/ĐU, ngày 30/8/2024 về đại hội đảng các cấp trong Đảng bộ Học viện Hậu cần, tiến tới Đại hội Đảng bộ Quân đội lần thứ XII và Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng*, Hà Nội.

## CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VÀ BÀI HỌC VỀ NẮM BẮT THỜI CƠ TRONG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

Thiếu tướng, PGS.TS. LÊ THÀNH LONG  
Phó Chính ủy Học viện Hậu cần

*Cách mạng tháng Tám (CMT8) năm 1945 là một mốc son chói lọi trong lịch sử dân tộc Việt Nam; được bắt nguồn từ đường lối cách mạng đúng đắn, kết quả nắm bắt, tận dụng thời cơ lịch sử của Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Với tầm nhìn chiến lược, bản lĩnh chính trị và tài năng kiệt xuất, Người đã xác định đúng thời điểm quyết định để phát động tổng khởi nghĩa, lãnh đạo toàn dân đứng lên giành chính quyền, làm nên thắng lợi vĩ đại, mở ra kỷ nguyên mới cho dân tộc ta.*



Cuộc mít tinh phát động khởi nghĩa giành chính quyền do Mặt trận Việt Minh tổ chức tại Nhà hát Lớn Hà Nội, ngày 19/8/1945. (Ảnh: Tư liệu - TTXVN)

**C**ÁCH mạng tháng Tám năm 1945 diễn ra trong bối cảnh thế giới và khu vực có nhiều biến động lớn. Chiến tranh thế giới thứ Hai bước vào giai đoạn kết thúc với việc phát xít Đức đầu hàng Đồng minh (5/1945) và Nhật đầu hàng vô điều kiện (15/8/1945); tạo ra khoảng trống quyền lực

trên nhiều quốc gia bị chiếm đóng, trong đó có Việt Nam. Chính quyền bù nhìn thân Nhật ở Đông Dương bị hoang mang, tê liệt, mất phương hướng. Đây là “thời cơ vàng” ngàn năm có một để Nhân dân ta vùng lên giành chính quyền. Tuy nhiên, nắm bắt và tận dụng thời cơ lịch sử không dễ dàng, mà đòi

hỏi tư duy chiến lược, sự chuẩn bị kỹ lưỡng và năng lực lãnh đạo xuất sắc để hành động quyết đoán, kịp thời. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã hiện thực hóa những điều đó, đưa cách mạng Việt Nam từ thế bị động sang thế chủ động, tổ chức tổng khởi nghĩa thắng lợi trên phạm vi cả nước.

Tư duy chiến lược của Chủ tịch Hồ Chí Minh về thời cơ không phải là yếu tố bộc phát, mà là kết quả của quá trình tích lũy lý luận, kinh nghiệm thực tiễn và tôi luyện trong suốt chặng đường hoạt động cách mạng. Người nhìn nhận thời cơ vừa là yếu tố khách quan cần được tận dụng, vừa là kết quả của quá trình chủ động kiến tạo thông qua việc tích lũy lực lượng, chuẩn bị tổ chức và nâng cao nhận thức chính trị cho quần chúng. Người cho rằng, “thời cơ” và “lực” cách mạng luôn gắn bó chặt chẽ: Có thời cơ nhưng thiếu lực thì cách mạng không thể thành công; ngược lại, dù có lực nhưng không kịp thời chớp lấy thời cơ thì lực cũng không phát huy được hiệu quả. Thời cơ cách mạng thường chỉ xuất hiện trong một thời gian rất ngắn, nên cần nhận diện và hành động kịp thời. Chính vì vậy, ngay từ khi về nước, Hồ Chí Minh đã triệu tập Hội nghị Trung ương 8 (5/1941), khẳng định nhiệm vụ chủ yếu là giải phóng dân tộc; đồng thời, thành lập Mặt trận Việt Minh, xây dựng căn cứ địa, tổ chức lực lượng vũ trang tuyên truyền, tiến hành khởi nghĩa từng phần và mở rộng vùng giải phóng. Với sự nhạy bén và khả năng phân tích sâu sắc tình hình trong nước và quốc tế, Người đã sớm nhận thấy sự suy yếu của Nhật Bản và sự sụp đổ tất yếu của hệ thống phát xít. Người khẳng định: “Trong lúc này thời cơ thuận lợi đã tới, dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập”. Lời hiệu triệu ấy thể hiện bản lĩnh cách mạng và tinh thần quyết tâm, đồng thời là kết tinh của sự nhạy bén chính trị và

khả năng nhận diện đúng thời điểm “chín muồi” để hành động.

Sau khi Nhật đảo chính Pháp, thành lập Chính phủ Trần Trọng Kim, Hồ Chí Minh đã cảnh báo Trung ương Đảng và Nhân dân cần chuẩn bị cho một cuộc tổng khởi nghĩa. Người triệu tập Hội nghị Thường vụ Trung ương Đảng tại Tân Trào (13 ÷ 15/8/1945), vạch ra ba nguyên tắc chỉ đạo khởi nghĩa: Tập trung, thống nhất và kịp thời. Tại đây, Người nhận định phát xít Nhật hàng Đồng minh, bộ máy tay sai sụp đổ là thời cơ thuận lợi nhất để nước ta giành độc lập. Do đó, “Nhân dân cả nước ta từ trên xuống dưới, từ giàu đến nghèo, phải cùng nhau góp sức, đấu tranh tự giải phóng để tìm đường sống”.

Trong bối cảnh tình hình chính trị hỗn loạn, quân Nhật hoang mang, chính quyền tay sai rệu rã, quân Đồng minh chưa kịp kéo vào Đông Dương, Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng đã phát động Tổng khởi nghĩa trên toàn quốc. Đó là quyết định táo bạo, mang tính bước ngoặt, thể hiện bản lĩnh, trí tuệ và sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa phân tích khoa học tình hình trong nước, quốc tế với sự nhạy bén chính trị và hành động cách mạng quyết đoán. Chỉ trong vòng nửa tháng, chính quyền cách mạng đã được thiết lập trên phạm vi cả nước. Ngày 02/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh trịnh trọng tuyên bố thành lập Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á. Đây là kết quả trực tiếp của việc nắm bắt và phát huy tối đa thời cơ lịch sử.

Nghệ thuật nắm bắt thời cơ của Người là sự tổng hòa giữa ba yếu tố cốt lõi: Chuẩn bị chiến lược từ xa; nhận diện chính xác thời điểm chín muồi; hành động quyết đoán, hiệu quả. Chính điều này đã làm nên thắng lợi vĩ đại của CMT8 - một cuộc khởi nghĩa mang tính mẫu mực về lý luận và thực tiễn. Có thể khẳng định, nghệ thuật nắm bắt thời cơ trong CMT8 là đỉnh cao của tư duy chiến

## KỶ NIỆM 80 NĂM CÁCH MẠNG THÁNG TÁM THÀNH CÔNG VÀ QUỐC KHÁNH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

lực và tài năng lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, thể hiện sự chủ động làm chủ tình hình và dẫn dắt toàn dân thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng. Đến nay, trong bối cảnh đất nước đang đẩy mạnh công cuộc đổi mới, hội nhập quốc tế sâu rộng, vận hội và thách thức đan xen; bài học về nghệ thuật nắm bắt thời cơ của Người vẫn còn nguyên giá trị. Từ thực tiễn lịch sử và tư tưởng Hồ Chí Minh, có thể rút ra một số bài học cốt lõi về nắm bắt thời cơ trong sự nghiệp phát triển đất nước như sau:

*Thứ nhất*, bài học về sự chủ động chuẩn bị toàn diện để đón nhận và tận dụng thời cơ một cách hiệu quả. Không có thời cơ nào thực sự “tự đến”, nếu không có sự chuẩn bị kỹ lưỡng về chính trị, tư tưởng, tổ chức và lực lượng. Tư duy chiến lược ấy thể hiện một triết lý hành động rất quan trọng: Để có thể chớp lấy thời cơ cần phải tích lũy đủ về thế và lực, chủ động trong chuẩn bị từ xa, từ sớm, từ những việc nhỏ nhất: từ xây dựng cơ sở cách mạng, đào tạo cán bộ, đến việc tuyên truyền, giác ngộ Nhân dân. Người không ngồi chờ thời cơ mà luôn chủ động “kiến tạo” thời cơ, để khi cơ hội xuất hiện, cách mạng sẽ hành động ngay.

Bài học này có ý nghĩa đặc biệt trong bối cảnh hiện nay, khi đất nước ta đang triển khai mạnh mẽ các đột phá chiến lược về thể chế, nguồn nhân lực và mô hình tăng trưởng. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã khẳng định: “đất nước đang đứng trước nhiều thời cơ, thuận lợi và nhiều khó khăn, thách thức đan xen, nhiều vấn đề mới đặt ra phải giải quyết; cán bộ, đảng viên và Nhân dân đặt niềm tin và kỳ vọng vào những quyết sách đúng đắn, mạnh mẽ của Đảng để đất nước ta phát triển nhanh và bền vững hơn”. Cùng với đó, quá trình tinh gọn tổ chức bộ máy, cải cách hành chính, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và nâng cao hiệu lực quản trị quốc gia đang mở ra nhiều cơ hội thúc đẩy phát triển, song cũng đặt ra không ít thách

thức trong tổ chức thực hiện và bảo đảm đồng bộ giữa các lĩnh vực. Nếu không nhận thức rõ và nắm bắt được thời cơ, không có quyết tâm đổi mới mạnh mẽ thì đất nước sẽ tụt hậu. Do vậy, muốn tận dụng vận hội phát triển trong thời đại chuyển đổi số, cách mạng công nghiệp 4.0, hội nhập toàn cầu sâu rộng, thì phải xây dựng nền tảng vững chắc về thể chế hiện đại, nguồn nhân lực chất lượng cao, hạ tầng khoa học - công nghệ tiên tiến và khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Việc chủ động chuẩn bị đồng bộ là điều kiện để mỗi thời cơ trở thành bước ngoặt phát triển đất nước phồn vinh, thịnh vượng trong kỷ nguyên mới.

*Thứ hai*, bài học về khả năng nhận diện chính xác thời cơ và hành động linh hoạt, quyết đoán. Thời cơ là yếu tố khách quan, nhưng chỉ có thể được phát hiện và tận dụng hiệu quả khi có tư duy biện chứng, nhạy bén với dòng chảy thực tiễn, năng lực phân tích tình hình và dự báo chính xác xu thế phát triển. Chủ tịch Hồ Chí Minh là hình mẫu tiêu biểu cho sự kết hợp hài hòa giữa tầm nhìn chiến lược và tư duy thực tiễn sắc bén. Người đã đánh giá đúng cục diện quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ Hai, sự tan rã của bộ máy chính quyền tay sai ở Đông Dương, sự chuyển biến trong tinh thần quần chúng và so sánh lực lượng cách mạng với kẻ thù, từ đó xác định thời điểm “ngàn năm có một” để phát động Tổng khởi nghĩa.

Bên cạnh đó, thời cơ dù có thuận lợi đến đâu cũng có thể trở nên vô nghĩa nếu thiếu sự quyết đoán và hành động kịp thời. Người nêu rõ: “Cơ hội cho dân tộc ta giải phóng chỉ ở trong một năm hoặc năm rưỡi nữa. Thời gian rất gấp. Ta phải làm nhanh”. Chính tinh thần ấy cùng với tư duy quyết đoán “đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có chủ trương, biện pháp kịp thời, chủ động nắm bắt thời cơ kết hợp tạo thế và lực bên trong hội tụ thành sức mạnh tổng hợp để Tổng khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi.

Bài học này đặt ra yêu cầu cấp thiết trong giai đoạn hiện nay khi xây dựng đội ngũ cán bộ, lãnh đạo các cấp phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, tư duy đổi mới, nhạy bén với thời cuộc, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Bên cạnh đó, nâng cao năng lực lãnh đạo chiến lược và tầm nhìn dài hạn của đội ngũ cán bộ các cấp đặt ra một cách cấp thiết. Trong thời đại số, những người lãnh đạo quốc gia phải “biết nhìn xa trông rộng”, có khả năng “đi trước một bước” để nắm bắt thời cơ phát triển đất nước, tránh để cơ hội chiến lược bị lỡ nhịp trước sự chuyển động nhanh của thế giới.

*Thứ ba*, bài học về phát huy sức mạnh tổng hợp của Nhân dân để hiện thực hóa thời cơ. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: “Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng”, quần chúng Nhân dân là chủ thể quyết định thành bại của cách mạng. Người chủ trương huy động sức mạnh của toàn dân, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, giới tính, lứa tuổi hay giai cấp. Sự tham gia đồng lòng, tự nguyện và mạnh mẽ của Nhân dân trong CMT8 là nhân tố then chốt giúp thời cơ được cụ thể hóa thành thắng lợi trọn vẹn.

Ngày nay, trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ chủ quyền quốc gia, chuyển đổi số, ứng phó với biến đổi khí hậu, khủng hoảng phi truyền thống,... là nhân tố quyết định để mỗi cơ hội trở thành thành quả cụ thể. Trong quá trình hiện thực hóa các chiến lược phát triển hiện nay, mọi chủ trương, chính sách, chiến lược phát triển quốc gia đều phải đặt lợi ích thiết thân của Nhân dân lên hàng đầu, lấy dân làm gốc, phát huy dân chủ, tạo đồng thuận, khơi dậy tinh thần trách nhiệm và khát vọng cống hiến của toàn dân trong sự nghiệp đổi mới và bảo vệ Tổ quốc.

*Thứ tư*, bài học về kết hợp giữa lý luận và thực tiễn trong tư duy và hành động cách mạng. Một đặc trưng nổi bật trong nghệ thuật lãnh đạo của Hồ Chí Minh là sự gắn bó nhuần nhuyễn, chặt chẽ giữa lý luận và

thực tiễn, giữa tư duy chiến lược và hành động cụ thể. Người không chỉ xác định “thời cơ” như một điều kiện khách quan, mà còn chủ động kiến tạo nó thông qua đường lối đúng đắn và hành động sáng tạo. Người phân tích thời cơ trên bình diện lý thuyết và chuyển hóa nó thành hành động cụ thể: Phát động phong trào quần chúng, tổ chức lực lượng chính trị, xây dựng chính quyền cách mạng, soạn thảo Tuyên ngôn Độc lập.

Trong điều kiện hiện nay, khi đất nước triển khai các quyết sách chiến lược mang tính cách mạng đến năm 2030, 2045, bài học này càng mang tính thời sự. Mọi chủ trương, chính sách cần bao đảm tính nhất quán giữa mục tiêu chiến lược và khả năng thực thi. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy phát triển, nâng cao năng lực quản trị quốc gia, kiên trì tư tưởng đổi mới sáng tạo và giữ vững nguyên tắc “lý luận gắn liền với thực tiễn”. Cùng với đó, phát huy vai trò hạt nhân lãnh đạo toàn diện của Đảng trong việc phát hiện, kiến tạo và dẫn dắt thời cơ, bảo đảm đổi mới tư duy đi đôi với xây dựng bản lĩnh chính trị kiên định, tạo nền tảng để các thời cơ lịch sử được chuyển hóa thành động lực cho đất nước vươn mình mạnh mẽ.

Nghệ thuật nắm bắt thời cơ trong CMT8 thể tầm nhìn chiến lược và tư duy khoa học của Chủ tịch Hồ Chí Minh, làm nên thắng lợi vĩ đại của dân tộc. Trong bối cảnh đất nước có nhiều vận hội và thách thức đan xen, bài học về nắm bắt thời cơ của Người vẫn còn nguyên giá trị, là chỉ dẫn quan trọng góp phần nâng cao năng lực dự báo và hành động kịp thời, để đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững trong kỷ nguyên mới♦

### Tài liệu tham khảo

1. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, Tập 3*, Nxb CTQG, Hà Nội.
2. Võ Nguyên Giáp (1994), *Những chặng đường lịch sử*, Nxb CTQG, Hà Nội.

# PHÁT HUY SỨC MẠNH TỔNG HỢP TRONG BẢO ĐẢM HẬU CẦN - KỸ THUẬT CHO CÁC LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN TRƯỚC VÀ TRONG TỔNG KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN THÁNG 8 NĂM 1945

Đại tá, PGS.TS. VŨ HỒNG HÀ  
Phó Giám đốc Học viện Hậu cần



Lực lượng Việt Minh hỗ trợ Nhân dân phá kho thóc của Nhật  
để cứu đói và cung cấp cho các đơn vị vũ trang nhân dân. (Ảnh: Tư liệu)

**N**GAY từ khi thành lập, Đảng ta đã xác định “Con đường cách mạng là sử dụng bạo lực cách mạng”; muốn vậy, phải “Tổ chức ra đội quân công nông”. Theo đó, từ cao trào cách mạng Việt Nam, với những cuộc khởi nghĩa từng phần và chiến tranh du kích cục bộ nổ ra liên tiếp ở nhiều nơi, các đội vũ trang lần lượt ra đời để bảo vệ chính quyền cách mạng. Trong phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh (năm 1930 - 1931), các Đội Tự vệ Đỏ (tự vệ công nông) được thành lập. Đến tháng 9/1940, cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn nổ ra, Đội du kích Bắc Sơn ra đời. Khởi nghĩa Nam Kỳ (11/1940) dẫn đến

sự xuất hiện Du kích Nam Kỳ. Sau Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 về chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang, Đội du kích Bắc Sơn đổi tên là Cứu quốc quân, phong trào du kích được đẩy mạnh. Cuối năm 1941, Đội vũ trang Cao Bằng thành lập. Đến ngày 22/12/1944, theo chỉ thị của Lãnh tụ Hồ Chí Minh, Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân được thành lập. Từ đây, hệ thống tổ chức LLVT cách mạng Việt Nam gồm ba thứ quân: Quân chủ lực; quân địa phương (các đội vũ trang thoát ly ở tỉnh, huyện); du kích, tự vệ.

Đầu năm 1945, tình hình thế giới chuyển biến mau lẹ: Nhật đảo chính Pháp;

tiếp đến, phát xít Đức đầu hàng Liên Xô và Đồng Minh; sau đó, Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng Minh. Ở Việt Nam, chính phủ thân Nhật tan rã; quân Nhật thực hiện “ngừng bắn”; các tổ chức phản động tay sai rệu rã. Đảng ta và Lãnh tụ Hồ Chí Minh cho rằng, đây là thời cơ nghìn năm có một để giành lấy độc lập, tự do. Theo đó, đúng 23 giờ ngày 13/8/1945, Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc ra Quân lệnh số 1, phát lệnh Tổng khởi nghĩa. Từ ngày 14 đến 28/8/1945, quần chúng nhân dân các địa phương có giải phóng quân, tự vệ chiến đấu, du kích làm nòng cốt đã tiến hành Tổng khởi nghĩa. Chỉ trong 14 ngày đêm, Đảng ta lãnh đạo cả dân tộc vùng lên đánh đổ chế độ thực dân gần một trăm năm và chế độ phong kiến hàng nghìn năm, giành chính quyền trên cả nước, đưa dân tộc ta bước vào một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 thành công để lại những bài học kinh nghiệm quý báu về lãnh đạo khởi nghĩa giành chính quyền, về phát huy sức mạnh tổng hợp trong bảo đảm hậu cần, kỹ thuật (HCKT) cho các lực lượng vũ trang (LLVT) nhân dân trước và trong Tổng khởi nghĩa. Bài học về phát huy sức mạnh tổng hợp trong bảo đảm HCKT cho LLVT thời kỳ này có thể khái quát trên những vấn đề sau:

**Một là**, xây dựng căn cứ địa là chỗ dựa vững chắc để bảo đảm HCKT cho các LLVT. Trong điều kiện đất nước dưới ách thống trị của thực dân nửa phong kiến, Đảng ta đã sớm nhận thức tầm quan trọng của việc xây dựng căn cứ địa làm bàn đạp để tiến công địch, bảo vệ mình. Việc huy động nhân lực, vật lực tại căn cứ địa để bảo đảm cho các LLVT chiến đấu có vai trò quyết định đối với tiến trình phát triển và thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Đầu năm 1941,

căn cứ Cao Bằng, Bắc Sơn, Võ Nhai được xây dựng và đến tháng 08/1943 được nối thông với nhau. Địa bàn hoạt động được mở rộng từ Cao Bằng đến Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Bắc Cạn, Hà Giang, Vĩnh Yên; thực sự trở thành hậu phương kháng chiến của cả nước. Căn cứ địa là nơi cung cấp, dự trữ lương thực, phát triển lực lượng mọi mặt; là nơi đùm bọc, che chở cho cơ quan lãnh đạo, LLVT. Ở mỗi vùng căn cứ, Đảng chỉ đạo tuyên truyền, động viên Nhân dân quyên góp, ủng hộ lương thực, nhu yếu phẩm và động viên con em đồng bào tham gia các đơn vị LLVT. Dựa vào dân để tạo ra nguồn cung cấp lương thực, thực phẩm, vũ khí, tiền, vàng... Sử dụng lò rèn ở các địa phương để sản xuất vũ khí thô sơ bảo đảm cho LLVT chiến đấu. Nhân dân gom nhặt phân đói, than xoan, lưu huỳnh cho Cứu quốc quân chế tạo thuốc súng. Tại các căn cứ địa, ta đã lập xưởng chế tạo vũ khí ở Lũng Hoàng, Làng Chè... Đồng thời, tổ chức mua và thu vũ khí của địch, theo phương châm “Lấy súng giặc để giết giặc”, vừa chiến đấu, vừa trang bị cho LLVT nhân dân. Phụ nữ phát động phong trào trồng dâu nuôi tằm, dệt vải, may quần áo tặng chiến sỹ. Nhờ có những căn cứ địa vững chắc, LLVT tổ chức nhiều trận đánh thắng lợi, như trận: Đồn Bàng (Kiến An), Tam Đảo (Vĩnh Yên), huyện lỵ Yên Hưng, thị xã Quảng Yên (Quảng Ninh). Từ đó, đẩy mạnh cao trào khởi nghĩa từng phần ở các địa phương trong cả nước, tiến tới Tổng khởi nghĩa thành công trên cả nước.

**Hai là**, dựa chắc vào dân, phát huy sức mạnh tổng hợp để bảo đảm cho các LLVT hoạt động chiến đấu. Trong tiền khởi nghĩa, Giải phóng quân và các đội vũ trang xây dựng, hoạt động chiến đấu trong điều kiện khó khăn; chưa có lực lượng chuyên trách

## KỶ NIỆM 80 NĂM CÁCH MẠNG THÁNG TÁM THÀNH CÔNG VÀ QUỐC KHÁNH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

làm công tác HCKT; việc bảo đảm HCKT chủ yếu dựa vào Nhân dân vùng căn cứ địa. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, các đoàn thể, các cơ sở cách mạng là những người trực tiếp bảo đảm HCKT cho các đội vũ trang chiến đấu. Đảng phát động phong trào quyên góp “Đồng tiền cứu quốc” và vàng để mua súng đạn; phong trào “Phá kho thóc Nhật”, “Lập kho thóc Giải phóng quân”... Chỉ tính riêng ở Tuyên Quang, đến tháng 8/1945, Nhân dân đã ủng hộ và chuyển đến Tân Trào hơn 100 tấn lương thực, thực phẩm, gồm: Thóc, gạo, ngô, khoai, trâu, bò, lợn, gà, vịt, rau, củ, quả và hàng tấn muối (lúc đó 1 kg muối đổi được hơn 10 kg gạo). Cùng với đó, Nhân dân còn ủng hộ ngày công và gỗ, tre, vầu, lá cọ để làm lán trại, nhà ở cho các cơ quan Trung ương. Việc bảo đảm sinh hoạt của các đội du kích, tự vệ chiến đấu do gia đình đội viên và các đoàn thể lo. Trong Tổng khởi nghĩa, bảo đảm HCKT được huy động từ nhiều nguồn, kết hợp sức mạnh của LLVT và Nhân dân tạo thành mạng lưới vững chắc, đáp ứng nhu cầu của cuộc khởi nghĩa trên cả nước. Các tổ chức, cơ quan của Đảng, Mặt trận, các đoàn thể quần chúng có vai trò quan trọng trong việc huy động, quản lý và phân phối các nguồn lực HCKT. Các đội vũ trang, du kích và các đơn vị quân đội tự sản xuất vũ khí, tự bảo đảm ăn uống có sự hỗ trợ của Nhân dân để duy trì hoạt động. Các đơn vị Giải phóng quân được Nhân dân, đoàn thể phụ nữ tình nguyện đi chợ, nấu cơm tiếp tế; thương binh được Nhân dân vận chuyển vào bệnh viện cứu chữa... Các địa phương đã chủ động xây dựng căn cứ địa, kho tàng và các cơ sở sản xuất, sửa chữa vũ khí phục vụ cho Tổng khởi nghĩa.

Ba là, phát huy tinh thần cần, kiệm; tự lực, tự cường; sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực HCKT. Trong điều kiện chiến đấu vô cùng

khó khăn, ác liệt, việc bảo đảm sinh hoạt, tổ chức ăn uống cho các đội vũ trang chủ yếu dựa vào Nhân dân. Đồng thời, các đội viên luôn nêu cao tinh thần đoàn kết, đồng cam cộng khổ; sử dụng tiết kiệm từng hạt gạo, hạt muối, viên đạn, viên thuốc; chú trọng vệ sinh phòng bệnh, giữ gìn sức khỏe, nâng cao sức chiến đấu. Việc mua sắm vũ khí rất khó khăn, chi phí lớn; lượng tiền, vàng quyên góp được không nhiều nên trang bị ban đầu của các đội vũ trang chủ yếu là vũ khí thô sơ, súng đạn tự chế và thu được của địch. Tinh thần, ý chí tự lực, tự cường còn được thể hiện trên nhiều lĩnh vực khác; đó là việc tự túc lương thực, thực phẩm, tự bảo đảm một số mặt hàng phục vụ đời sống và sinh hoạt của các đội Giải phóng quân. Phong trào tăng gia sản xuất của LLVT đã tạo ra nguồn lương thực để tự bảo đảm, khắc phục khó khăn ở nhiều đội Giải phóng quân. Trong tiền khởi nghĩa và Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, các địa phương đã thực hiện vừa đánh giặc, vừa sản xuất, phục vụ chiến đấu. Theo đó, một số xưởng sửa chữa súng, đạn; sản xuất mìn, lựu đạn ra đời. Quá trình chiến đấu, ta thu được nhiều vũ khí, đạn của địch nên các đội vũ trang được trang bị tốt hơn, sức chiến đấu được nâng lên. Việc phát huy truyền thống tự lực, tự cường, dựa vào sức mình là chính đã góp phần khắc phục khó khăn, bảo đảm cho các LLVT chiến đấu.

Bài học kinh nghiệm về phát huy sức mạnh tổng hợp bảo đảm HCKT cho các LLVT nhân dân trước và trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 vẫn còn nguyên giá trị. Tuy nhiên, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tương lai (nếu xảy ra), đối tượng tác chiến sử dụng vũ khí công nghệ cao, diễn biến chiến đấu phức tạp, nhu cầu bảo đảm HCKT rất lớn. Mặt khác, đất nước ta có địa thế dài và hẹp, dễ bị chia cắt. Khi đó, sự chi viện của

hậu phương cho các chiến trường và giữa các chiến trường với nhau sẽ gặp khó khăn. Song, đây là cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, ta có điều kiện chuẩn bị trước từ thời bình. Vì vậy, để xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, công tác HCKT phải tiếp tục đổi mới theo hướng chủ động thích ứng, linh hoạt, bền vững; phát huy tối đa sức mạnh tổng hợp, kết hợp hiệu quả kinh tế, xã hội với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế, xã hội, nhất là ở những địa bàn chiến lược. Theo đó, cần tập trung vào một số nội dung chủ yếu:

*Thứ nhất*, tiếp tục triệt sâu sắc quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, HCKT toàn dân, toàn diện. Tinh thần “hậu cần - kỹ thuật nhân dân” trong Cách mạng tháng Tám cần được kế thừa và phát triển trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, gắn với thế trận an ninh nhân dân. Ở mỗi địa phương, mỗi cấp, mỗi ngành cần có kế hoạch chuẩn bị lực lượng, cơ sở vật chất, phương tiện; việc xây dựng thế trận HC-KT được gắn liền với xây dựng thế trận khu vực phòng thủ và xây dựng thế trận lòng dân sẽ là “lực đỡ” vững chắc cho LLVT nhân dân trong mọi tình huống.

*Thứ hai*, xây dựng lực lượng HC-KT các cấp vững mạnh; kết hợp các nguồn tạo thế, tạo lực trong bảo đảm. Lực lượng HC-KT bao gồm cả lực lượng HC-KT quân đội, lực lượng HC-KT nhân dân và lực lượng dự bị động viên ở cấp chiến lược, chiến dịch, chiến thuật, trong các khu vực phòng thủ... phải được củng cố thường xuyên, ngày càng hoàn thiện, đồng bộ về tổ chức, biên chế, trang bị. Nguồn bảo đảm HC-KT phải được chuẩn bị, xây dựng toàn diện, đồng bộ; tăng cường khả năng bảo đảm tại chỗ cho các lực lượng hoạt động tác chiến trên từng hướng, địa bàn, đặc biệt địa bàn dễ bị chia cắt; nơi dự kiến mở các chiến dịch, chiến lược, các trận đánh then chốt, then chốt quyết định.

*Thứ ba*, kết hợp kinh tế với quốc phòng, xây dựng hoàn thiện hệ thống giao thông liên hoàn liên kết căn cứ hậu phương, căn cứ HC-KT các cấp. Hiện nay, nước ta được chia thành các vùng kinh tế; trong đó, đáng chú ý là các vùng kinh tế trọng điểm, vùng biên giới, biển đảo; mỗi vùng có vị trí, vai trò khác nhau. Do đó, cần kết hợp quốc phòng với kinh tế trong xây dựng các tuyến đường lưỡng dụng, từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng cho phù hợp với nhiệm vụ quốc phòng ở từng vùng chiến lược và từng quân khu. Đồng thời, xây dựng các tổ chức vận tải quân sự phù hợp với nhiệm vụ vận tải của từng cấp chiến lược, chiến dịch, chiến thuật và từng quân, binh chủng.

Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 là minh chứng sinh động về vai trò và sức mạnh to lớn của công tác HCKT trong chiến tranh nhân dân. Thành công của Cách mạng tháng Tám không chỉ dựa trên lòng yêu nước, tinh thần cách mạng mà còn là thành quả của sự chuẩn bị chu đáo, khoa học; phát huy tối đa sức mạnh tổng hợp của toàn dân. Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, tiếp tục kế thừa và phát huy tinh thần ấy chính là điều kiện tiên quyết để xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong mọi tình huống♦

### Tài liệu tham khảo

1. Ban Tuyên giáo Trung ương (2000), *Lịch sử Cách mạng tháng Tám năm 1945*, Nxb CTQG - Sự thật, Hà Nội.
2. Tổng cục Hậu cần (2005), *Tổng kết công tác hậu cần phục vụ khởi nghĩa giành chính quyền năm 1945 và kháng chiến chống Pháp*, Hà Nội.
3. Phạm Hồng Tung (2015), *Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 - Bối cảnh lịch sử và giá trị thời đại*, Nxb CTQG - Sự thật, Hà Nội.

# CÙNG CỐ, KIỆN TOÀN TỔ CHỨC, LỰC LƯỢNG HẬU CẦN - KỸ THUẬT QUÂN ĐỘI TỪ SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM ĐẾN THẮNG LỢI CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP

Đại tá, TS. ĐỒNG VĂN THƯỜNG  
Trung tá, ThS. LÊ QUANG HÒA  
Học viện Hậu cần



Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm một công binh xưởng  
trong kháng chiến chống Pháp (Ảnh: Tư liệu)

SAU cách mạng tháng Tám, Vệ quốc đoàn (tiền thân là Việt Nam Giải phóng quân) là lực lượng nòng cốt bảo vệ chính quyền non trẻ của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Để Vệ quốc đoàn hoạt động, ta thành lập lực lượng bão đảm quân lương, quân giới (tiền thân của ngành Hậu cần - Kỹ thuật (HC-KT) hiện nay). Khi cách mạng phát triển, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Vệ quốc đoàn từng bước lớn mạnh. Ngày 22/5/1946, Vệ quốc đoàn đổi tên thành Quân đội Quốc gia Việt Nam, được đặt dưới sự chỉ huy tập trung thống nhất của Bộ Tổng tham mưu. Đến năm 1950, Quân đội Quốc gia Việt Nam được đổi tên thành Quân đội nhân dân Việt Nam. Từ đây, các đại đoàn chủ lực lần lượt được thành lập - lực lượng nòng cốt làm nên thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Cùng với đó, lực lượng HC-KT quân đội cũng được củng cố, kiện toàn, góp phần

tạo nên sức mạnh vô địch của Quân đội ta. Việc củng cố, kiện toàn tổ chức, lực lượng HC-KT được thể hiện trên một số vấn đề sau:

Một là, quán triệt đường lối của Đảng, chủ trương của Chính phủ, chủ động củng cố, kiện toàn tổ chức, phát triển lực lượng HC-KT bão đảm cho Vệ quốc đoàn bảo vệ Nhà nước, chính quyền non trẻ (8/1945 - 11/1946). Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời, dưới sự lãnh đạo của Đảng, tổ chức Vệ quốc đoàn được phát triển mạnh, từ một số chi đội, đại đội, tổng quân số khoảng 5.000 người (trước ngày tổng khởi nghĩa) đến cuối năm 1945 đã phát triển lên 50.000 người. Để bảo đảm HC-KT cho các đơn vị đó, tháng 9/1945, Ủy ban binh lương được thành lập; sau đó, các tổ chức ngành Quân giới, Y tế, Quân nhu cũng ra đời. Ngành HC-KT quân đội đã tiến hành vừa vận động nhân dân tham gia ủng hộ các

“Quỹ độc lập”, “Tuần lễ vàng”; vừa động viên nhân dân thực hiện “Ngày đồng tâm”, tích cực “tăng gia sản xuất” để chiến thắng “giặc đói”; vừa tổ chức, kiện toàn lực lượng, cụ thể là:

Tháng 9/1945, Ủy ban binh lương được thành lập, sau đổi tên là Phòng Quân lương. Ngành Quân nhu đã thực hiện nhiệm vụ Chủ tịch Hồ Chí Minh giao: “Quân nhu là nhu cầu của quân đội,...Cái gì bộ đội cần, quân sự yêu cầu ta phải giải quyết”, “trọng tâm công tác quân nhu lúc này là vũ khí”. Trong thời gian này, các chiến khu cũng tổ chức Phòng Quân nhu - Tài chính lo việc nuôi dưỡng bộ đội.

Về lực lượng y tế: Y tế Vệ quốc đoàn Hà Nội được thành lập để bảo đảm sức khoẻ và cứu chữa cho bệnh binh, thương binh. Ủy ban nhân dân Bắc Bộ thành lập “Hội cứu thương” để vừa cứu thương vừa huấn luyện công tác cứu thương. Ngày 16/4/1946, Cục Quân y được thành lập trong Bộ Quốc phòng để bảo đảm sức khoẻ cho lực lượng vũ trang.

Ngày 15/9/1945, ta thành lập Phòng Quân giới trong Bộ Quốc phòng để tổ chức bảo đảm quân giới cho lực lượng vũ trang. Dưới sự chỉ đạo của Phòng Quân giới, cuối năm 1946, các xưởng vũ khí được thành lập ở nhiều nơi. Tại Hà Nội có xưởng Mai Trung Tâm, Nam Thắng, Hoàng Văn Thụ, Công ty sản xuất vũ khí Phan Đình Phùng. Hải Phòng có Công ty sản xuất vũ khí Liên tỉnh miền Bắc. Tại Bắc Giang, có xưởng Hoàng Hoa Thám; Thanh Hóa có xưởng Cao Thắng... Các xưởng đã tích cực sản xuất súng, đạn, lựu đạn, mìn bảo đảm cho quân đội chiến đấu. Đến ngày 25/3/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 34/SL, Quyết định thành lập Quân nhu Cục. Ngay khi thành lập, Quân nhu Cục đã chỉ đạo các cơ sở nghiên cứu, sản xuất quân trang, nhất là quân trang chống rét cho bộ đội; chỉ đạo việc “thu thập lương thực của Nhật và Ngụy quyền, tổ chức vận chuyển muối lên chiến khu để dự trữ trong căn cứ địa, để phòng chiến tranh có thể xảy ra”.

Ngày 22/5/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 71/SL về “Quy tắc Quân đội quốc gia Việt Nam”. Theo đó, ở cấp đại đội trở

lên có tiểu ban quản lý, ban quân y; cấp trung đoàn có thêm tiểu ban vận tải; cấp đại đoàn có phòng quân nhu, phòng giao thông vận tải, phòng quân y. Trên cơ sở đó, các tổ chức của ngành HC-KT tiếp tục được kiện toàn để phục vụ các chiến dịch, trận đánh trong kháng chiến chống Pháp.

*Hai là*, khẩn trương thực hiện tổng di chuyển, nhanh chóng củng cố tổ chức, kiện toàn lực lượng HC-KT đáp ứng yêu cầu bảo đảm cho bộ đội chiến đấu bảo vệ và mở rộng chiến khu Việt Bắc (12/1946 - 9/1950). Sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi “Toàn quốc kháng chiến”, Trung ương và Chính phủ tiến hành tổng di chuyển rút khỏi Hà Nội, chuyển ra ngoài Thủ Đô, rồi cơ động lên chiến khu Việt Bắc. Ngành HC-KT thực hiện di chuyển cơ quan, cơ sở vật chất ra các căn cứ để sản xuất, dự trữ và cung cấp vật chất HC-KT cho các lực lượng bước vào kháng chiến chống Pháp. Khi Trung đoàn Thủ đô được thành lập (01/1947), ta tổ chức cơ quan HC-KT để bảo đảm cho Trung đoàn chiến đấu. Cơ quan HC-KT trung đoàn có Ban Quản lý chăm lo việc quân khí, 1 xưởng sửa chữa vũ khí bảo đảm sửa chữa nhỏ và hỏng hóc thông thường; nhờ vậy, đã bảo đảm cho Trung đoàn chiến đấu gần 200 trận (trong 60 ngày đêm) tại trung tâm Thủ đô Hà Nội, đạt mục đích giam chân địch nhiều ngày để hậu phương kịp tổ chức, triển khai thế trận kháng chiến lâu dài.

Theo sự phát triển của cách mạng, đầu năm 1947, các cơ quan HC-KT đã đổi tên: “Quân nhu cục đổi là Cục Quân nhu; Quân y cục là Cục Quân y; Chế tạo Quân giới cục là Cục Quân giới”. Cục Quân nhu tổ chức thành 4 ty: Ty Chế tạo; Ty Tiếp liệu; Ty Tích liệu; Ty Kế hoạch. Cục Quân y tổ chức 4 ty: Ty Thương binh; Ty Kiểm tra; Ty Quân y; Ty Bảo chế. Cục Quân giới tổ chức các nha để đảm nhiệm từng lĩnh vực được giao: Nha Nghiên cứu kỹ thuật; Nha Giám đốc Bình công xưởng; Nha Mậu dịch; Nha sự vụ. Để bảo đảm HC-KT cho bộ đội, ở các khu, “bộ máy HC-KT gồm có: Phòng Quân nhu - Tài chính, Quân y vụ, Ty Quân giới”. Ngay khi được củng cố,

## KỶ NIỆM 80 NĂM CÁCH MẠNG THÁNG TÁM THÀNH CÔNG VÀ QUỐC KHÁNH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

kiện toàn tổ chức, các cục chuyên ngành vừa xây dựng lực lượng, chuẩn bị căn cứ ở các chiến khu, chỉ đạo các xưởng trực thuộc và xưởng của các tỉnh sản xuất quân trang, thuốc men, súng, đạn, lựu đạn và mìn; vừa cơ động, vận chuyển lực lượng ra vùng ngoại ô và các chiến khu. Đến cuối tháng 4/1947, cuộc tổng di chuyển cơ sở, vật chất HC-KT cơ bản hoàn thành; đồng thời, ngành HC-KT đã bảo đảm cho các lực lượng chiến đấu đánh bại hơn một vạn quân Pháp với nhiều vũ khí phương tiện hiện đại tiến công lên Việt Bắc. Đến năm 1950, Tổng cục Cung cấp được thành lập, gồm các cục: Quân lương, Quân y, Quân trang, Quân vụ, Vận tải, Quân giới và Phòng Quân khí. Ngay sau khi thành lập, Tổng cục Cung cấp đã bảo đảm cho tác chiến chiến dịch Biên giới giành thắng lợi, bảo vệ và mở rộng căn cứ Việt Bắc nối liền hậu phương của ta với nước bạn.

Bảo đảm cho các lực lượng chiến đấu thắng lợi trong giai đoạn này, đánh dấu sự phát triển vượt bậc của ngành HC-KT quân đội về tổ chức lực lượng ở các cấp; đã tiến hành bảo đảm cho cách đánh du kích phát triển lên bảo đảm cho tác chiến chiến dịch quy mô lớn, đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ.

Ba là, tiếp tục xây dựng tổ chức HC-KT chặt chẽ, phù hợp với sự phát triển của tổ chức quân đội theo chủ trương “trường kỳ kháng chiến, nhất định thắng lợi” (11/1950-5/1954). Đại hội lần thứ II của Đảng xác định, “kiên quyết cải tiến việc cấp dưỡng cho bộ đội, chế độ cấp dưỡng thích hợp với nhu cầu quân đội” đã đặt ra yêu cầu cao về bảo đảm HC-KT cho các lực lượng chiến đấu. Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, tháng 6/1951, Tổng cục Cung cấp mở lớp huấn luyện đầu tiên đào tạo cán bộ hậu cần (tiền thân của Học viện Hậu cần ngày nay). Các cục chuyên ngành cũng mở một số lớp huấn luyện ngắn ngày về nghiệp vụ. Do đẩy mạnh củng cố, kiện toàn tổ chức, lực lượng HC-KT và chú trọng huấn luyện nên chất lượng cán bộ ngành HC-KT được nâng lên; làm cơ sở quan trọng để bảo đảm HC-KT cho các chiến dịch lớn giành

thắng lợi, đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ lịch sử.

Bốn là, vừa xây dựng vừa thực hiện giảm chính và chấn chỉnh tổ chức HC-KT nâng cao khả năng bảo đảm của lực lượng HC-KT đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của cuộc kháng chiến. Để phù hợp với tổ chức quân đội, năm 1950, ta giải tán các cơ sở sản xuất của Phòng Quân nhu Khu; năm 1951, tiếp tục chấn chỉnh tổ chức ở các cục và các đơn vị. Năm 1952, Tổng cục Cung cấp điều chỉnh tổ chức biên chế của cơ quan, đơn vị theo phương châm “nhẹ, khỏe, trong sạch”; theo đó, đã giám định được 59 đầu mối đơn vị, đồng thời tổ chức thêm 15 đơn vị mới theo yêu cầu nhiệm vụ. Cùng với việc chấn chỉnh tổ chức ngành HC-KT; tháng 5/1953, Tổng cục Cung cấp còn mở nhiều lớp tập huấn tập trung. Bộ máy gọn, chất lượng cán bộ được nâng lên, đã giúp bảo đảm HC-KT cho quân đội đạt hiệu quả cao.

Như vậy, từ lực lượng non trẻ, sau 9 năm, tổ chức, lực lượng HC-KT có sự trưởng thành vượt bậc, bảo đảm cho quân đội chiến đấu thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Những vấn đề về củng cố, kiện toàn tổ chức, lực lượng HC-KT quân đội thời kỳ này có giá trị to lớn; có thể nghiên cứu, vận dụng vào chuẩn bị tổ chức HC-KT quân đội trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tương lai (nếu xảy ra) trên những vấn đề chủ yếu sau:

Thứ nhất, quán triệt, triển khai thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước, Quân đội để xây dựng Ngành HC-KT quân đội trong tình hình mới. Theo đó, cần quán triệt, triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 05-NQ/TW, ngày 17/01/2022 của Bộ Chính trị về tổ chức Quân đội nhân dân Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 và những năm tiếp theo; Nghị quyết số 230-NQ/QUTW, ngày 02/4/2022 của Quân ủy Trung ương về lãnh đạo thực hiện tổ chức Quân đội nhân dân Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 và những năm tiếp theo; Kế hoạch số 1228/KH-BQP, ngày 25/4/2022 của Bộ Quốc phòng thực hiện Nghị quyết của Quân ủy

Trung ương về tổ chức Quân đội nhân dân Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 và những năm tiếp theo. Đặc biệt, cần quán triệt sâu sắc chủ trương sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp, xây dựng chính quyền địa phương 2 cấp; tổ chức lực lượng “tinh, gọn, mạnh” thực hiện xây dựng quân đội “cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại”; làm cơ sở để củng cố, kiện toàn tổ chức ngành HC-KT vững mạnh, toàn diện.

*Thứ hai*, kiện toàn tổ chức, biên chế ngành HC-KT ngay từ thời bình chặt chẽ, linh hoạt đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Tổ chức, biên chế tổ chức ngành HC-KT quân đội là một thành phần quan trọng trong hệ thống tổ chức Quân đội nhân dân Việt Nam và là bộ phận hợp thành hệ thống tổ chức HC-KT quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc. Do đó, ngay từ thời bình, cần phải kiện toàn tổ chức, biên chế ngành HC-KT chặt chẽ, phù hợp. Điều đó đòi hỏi lãnh đạo, chỉ huy HC-KT các cấp cần tiếp tục quán triệt sâu sắc đường lối, quan điểm của Đảng, Nhà nước về kiện toàn tổ chức, biên chế ngành HC-KT chặt chẽ, thống nhất; bổ sung, điều chỉnh, hoàn thiện hệ thống điều lệ, xây dựng chức năng, xác định nhiệm vụ và mối quan hệ công tác của HC-KT từng cấp, làm cơ sở cho công tác chỉ huy, chỉ đạo, điều hành công tác HC-KT đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

*Thứ ba*, xây dựng lực lượng HC-KT “vừa hồng vừa chuyên”. Trong giai đoạn mới, yêu cầu công tác HC-KT ngày càng cao, nhiệm vụ nặng nề; liên quan đến nhiều cấp, bộ, ngành trong và ngoài quân đội; môi trường đa dạng. Do vậy, cần phải xây dựng lực lượng HC-KT có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, thực sự “cần, kiệm, liêm, chính”, “chí, công, vô, tư”, quyết tâm vượt qua khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ được giao. Đồng thời, phải làm tốt công tác huấn luyện để nâng cao năng lực chuyên môn cho lực lượng HC-KT. Hình thức, nội dung huấn luyện phải đa dạng, sát thực tế chiến đấu, đáp ứng yêu cầu phát triển quân đội.

*Thứ tư*, trên cơ sở tổ chức hệ thống HC-KT thời bình, nhanh chóng điều chỉnh tổ chức bảo đảm HC-KT cho nhiệm vụ khi chiến tranh xảy ra. Thời bình, tổ chức HC-KT gồm có HC-KT cấp chiến lược, chiến dịch và chiến thuật; được bố trí phù hợp với thế trận quân sự trên từng chiến trường, hướng chiến lược, chiến dịch và từng đơn vị; bảo đảm thế liên hoàn, vững chắc. Khi có nhiệm vụ đột xuất, HC-KT từng cấp có thể tổ chức thành bộ phận, lực lượng HC-KT phù hợp để bảo đảm cho các lực lượng. Trong chiến tranh, theo kế hoạch xác định, HC-KT các cấp nhanh chóng kiện toàn tổ chức biên chế thời chiến, tiếp nhận lực lượng dự bị động viên, tổ chức HC-KT được tổ chức lại thành các căn cứ, phân căn cứ HC-KT (cấp chiến lược, chiến dịch), cơ sở HC-KT, các bộ phận HC-KT (cấp chiến thuật) và lực lượng khác; tiến hành điều chỉnh thế bố trí đáp ứng yêu cầu bảo đảm cho các nhiệm vụ tác chiến trên các hướng, phòng thủ quân khu, KVPT, phòng thủ khu vực trong chiến tranh.

Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác HC-KT giai đoạn từ sau cách mạng tháng Tám thành công đến thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Đảng, Chính phủ, Quân đội đã tiến hành củng cố, kiện toàn tổ chức, lực lượng HC-KT kịp thời, chặt chẽ, linh hoạt. Do đó, Ngành HC-KT đã hoàn thành nhiệm vụ bảo đảm cho quân đội chiến đấu thắng lợi. Những bài học đó còn nguyên giá trị, cần được nghiên cứu, vận dụng, phát triển về chuẩn bị tổ chức HC-KT quân đội trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc♦

### Tài liệu tham khảo

1. Tổng cục Hậu cần (1983), *Tổng kết công tác của các Cục thuộc Tổng cục Cung cấp trong kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954)*, Hà Nội.
2. Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (2010), *Lịch sử HC-KT quân sự Việt Nam trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)*, Nxb QĐND, Hà Nội.

# TƯ TƯỞNG “ĐỘC LẬP, TỰ DO” CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI SỰ KIẾN LẬP NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

Đại tá, PGS.TS. ĐOÀN QUYẾT THẮNG  
Trung tá, ThS. TÔ VĂN TIỆP  
Học viện Hậu cần

Trong di sản tư tưởng Hồ Chí Minh, “Độc lập, tự do” và “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” là nội dung mang ý nghĩa lý luận và chứa đựng giá trị nhân văn to lớn. Người đã hy sinh cả cuộc đời cho sự nghiệp đấu tranh để giành lại quyền độc lập, tự do cho dân tộc Việt Nam. “Độc lập, tự do” là giá trị nền tảng xuyên suốt trong quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng ta, làm nên thắng lợi lịch sử Cách mạng tháng Tám và lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, mở ra kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập, tự do cho dân tộc, hạnh phúc của Nhân dân.



Chủ tịch Hồ Chí Minh nói chuyện với thanh niên  
về giá trị của “độc lập, tự do” (Mai Dịch, Hà Nội). (Ảnh: Tư liệu)

**1** Từ tư tưởng “Độc lập, tự do”  
Từ giữa thế kỷ XIX, thực dân Pháp  
xâm lược Việt Nam, biến đất nước ta thành nước thuộc địa nửa phong kiến, Nhân dân chìm trong đêm trường nô lệ. Nhằm đánh đuổi thực dân Pháp và bè lũ tay sai, đã xuất hiện nhiều phong trào yêu

nước; song, đều thất bại. Nguyên nhân cơ bản là đội ngũ lãnh đạo và các phong trào chưa tìm đúng câu trả lời “Thế nào là độc lập, tự do” cho dân tộc, Nhân dân.

Với lòng yêu nước, thương dân sâu sắc, Nguyễn Tất Thành đã trăn trở một con đường cách mạng. “Độc lập cho Tổ quốc tôi,

tự do cho đồng bào tôi” là tài sản, là hành trang để người thanh niên yêu nước ấy quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước. Sau gần 10 năm (6/1911 ÷ 7/1920) bôn ba khắp các phương trời Âu - Mỹ, Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn theo lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin: Giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, nghĩa là độc lập cho dân tộc gắn liền với tự do, hạnh phúc cho Nhân dân. Từ đây, Người đã tận hiến sức lực, trí tuệ cho mục tiêu cao cả ấy; xây dựng nên hệ thống quan điểm về quyền độc lập, tự do của dân tộc, gồm những vấn đề sau:

*Một là*, quyền độc lập, tự do của dân tộc phải thật sự, toàn diện và triệt để. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, độc lập, tự do là quyền dân tộc, quyền con người, là xuất phát điểm đối với mọi dân tộc trên con đường đi tới phồn vinh và hạnh phúc. Người chỉ rõ: “Tự do độc lập là quyền trời cho của mỗi dân tộc... Hễ một dân tộc đã kiên quyết đứng lên đấu tranh cho Tổ quốc họ thì không ai, không lực lượng gì chiến thắng được họ”. Và Người khẳng định: Quyền độc lập, tự do của các dân tộc là những quyền tự nhiên, thiêng liêng và bất khả xâm phạm, là quy luật khách quan của xã hội loài người mà tất cả các dân tộc đều được hưởng. “Độc lập nghĩa là chúng tôi điều khiển lấy mọi công việc của chúng tôi, không có sự can thiệp ở ngoài vào”; Việt Nam hoàn toàn thống nhất và độc lập, có quốc hội riêng, chính phủ riêng, quân đội riêng, ngoại giao riêng, kinh tế và tài chính riêng.

*Hai là*, độc lập, tự do của dân tộc phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội (CNXH). Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện CNXH. Hồ Chí Minh chỉ rõ: Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ. Và đó chỉ có thể là một cuộc cách mạng triệt để - cách mạng xã hội chủ nghĩa. Khi Cách mạng tháng Mười Nga thành công (1917), với thiên tài trí tuệ của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tìm được câu trả lời duy nhất đúng cho con đường

cách mạng Việt Nam: “Làm tư sản dân quyền cách mạng và thổi địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”. Bởi “chỉ có CNXH, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ”; CNXH là cơ sở vững chắc của độc lập dân tộc. Đi lên CNXH là con đường duy nhất để củng cố và bảo vệ vững chắc quyền độc lập, tự do của dân tộc; là điều kiện cơ bản để giải quyết và xóa bỏ mọi sự chênh lệch và khác biệt; đồng thời, tạo nên sức mạnh tổng hợp để bảo vệ quyền độc lập, tự do của dân tộc.

*Ba là*, quyền độc lập, tự do của dân tộc phải gắn liền với sự thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ. Người khẳng định: “Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một, ý chí thống nhất Tổ quốc của Nhân dân cả nước không bao giờ lay chuyển” và “đấu tranh cho thống nhất là con đường sống của Nhân dân Việt Nam”. Vì vậy, trong Thư gửi đồng bào Nam Bộ ngay sau ngày thực dân Pháp nổ súng tái chiếm Sài Gòn (tháng 9/1945), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Đồng bào Nam Bộ là dân nước Việt Nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi!”. Sau đó, nhằm tìm cách hòa hoãn tạm thời với kẻ thù để tránh một cuộc chiến tranh tàn khốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định sang Pháp với mục đích giải quyết vấn đề Việt Nam độc lập, cùng Trung, Nam, Bắc thống nhất. Người khẳng định: “Trung, Nam, Bắc đều là đất nước Việt Nam... Nước có Trung, Nam, Bắc, cũng như một nhà có ba anh em. Cũng như nước Pháp có vùng Noócmăngđi, Prôvăngxơ, Bôxơ. Không ai có thể chia rẽ con một nhà, không ai có thể chia rẽ nước Pháp, thì cũng không ai có thể chia rẽ nước Việt Nam ta”. Sau Hiệp định Giơnevơ, nhận thấy bản chất âm mưu thâm độc của đế quốc Mỹ và tay sai ở miền Nam, một lần nữa Người khẳng định: “Nước Việt Nam nhất định sẽ thống nhất, vì nước ta là một khối, không ai chia cắt được... đó là nguyện vọng thiết tha của toàn thể nhân dân ta từ Bắc đến Nam”. Tại Đại hội lần thứ III của Đảng (9/1960), Chủ

## KỶ NIỆM 80 NĂM CÁCH MẠNG THÁNG TÁM THÀNH CÔNG VÀ QUỐC KHÁNH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

tịch Hồ Chí Minh tiếp tục nhấn mạnh: “Đại hội lần này sẽ soi sáng hơn nữa con đường đấu tranh cách mạng của Nhân dân ta nhằm hoà bình thống nhất đất nước. Dân tộc ta là một, nước Việt Nam là một. Nhân dân ta nhất định sẽ vượt tất cả mọi khó khăn và thực hiện kỳ được “thống nhất đất nước, Nam Bắc một nhà”. Cho đến trước phút đi xa, Người vẫn đau đáu một niềm tin chắc chắn: “Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam, Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà”.

Bốn là, quyền độc lập, tự do của dân tộc phải được thể chế hóa bằng Hiến pháp, buộc thế giới phải thừa nhận và tôn trọng. Tại phiên họp đầu tiên của Chính phủ (03/9/1945), Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu phải tổ chức sớm cuộc Tổng tuyển cử để bầu Quốc hội, trên cơ sở đó tiến hành soạn thảo Hiến pháp dân chủ. Và bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam đã ra đời (9/11/1946), chính thức thể chế hóa các quyền cơ bản của dân tộc, các quyền tự do dân chủ của người dân, phản ánh rõ thắng lợi của cuộc đấu tranh giành quyền độc lập, tự do của dân tộc. Hiến pháp bảo đảm cho Chính phủ thay mặt Nhân dân ta thực hiện các hoạt động đối nội và đối ngoại với tư cách là một nước độc lập, có chủ quyền và đầy đủ các quyền dân tộc tự quyết; buộc thế giới phải công nhận, tôn trọng.

Năm là, đấu tranh vì quyền độc lập, tự do của dân tộc mình, đồng thời tôn trọng quyền độc lập, tự do của dân tộc khác. Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ là một người yêu nước, thương dân sâu sắc, suốt đời hy sinh đấu tranh cho độc lập, tự do của dân tộc, hạnh phúc của Nhân dân mình, mà còn là một chiến sĩ cộng sản chân chính đấu tranh không mệt mỏi cho độc lập, tự do của tất cả các dân tộc bị áp bức khác. Người chỉ rõ: “Chẳng những Việt Nam phải đấu tranh giành lấy độc lập dân tộc cho chính mình, mà còn phải gánh vác trách nhiệm một phần trong sự nghiệp mưu cầu hòa bình cho toàn thế giới”. Theo Người, tất cả các dân tộc phải có trách nhiệm và bình đẳng với nhau trong

công cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung với tinh thần giúp bạn là tự giúp mình. Người chỉ rõ, phải “làm cho các dân tộc thuộc địa, từ trước đến nay vẫn cách biệt nhau, hiểu biết nhau hơn và đoàn kết lại để đặt cơ sở cho một Liên minh phương Đông tương lai, khối liên minh này sẽ là một trong những cái cánh của cách mạng vô sản”. Từ đó, Người đã đưa dân tộc Việt Nam hòa chung nhịp đập với các dân tộc thuộc địa, cùng đấu tranh vì quyền độc lập, tự do.

Tuy nhiên, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng cho rằng, thực hiện nghĩa vụ quốc tế không có nghĩa là can thiệp vào công việc nội bộ của các nước, giúp bạn không có nghĩa là làm thay bạn. Điều đó có nghĩa là phải tôn trọng quyền dân tộc tự quyết của tất cả các dân tộc, phải mong muốn các dân tộc có được độc lập, tự do như dân tộc chúng ta. Người kịch liệt phê phán những tư tưởng dân tộc hẹp hòi chỉ nghĩ cho dân tộc mình mà không nghĩ cho dân tộc khác.

Tóm lại, những nội dung trong quan điểm của Hồ Chí Minh về độc lập, tự do có ý nghĩa rất quan trọng, đó là giá trị nền tảng xuyên suốt để sau này Người cùng Trung ương Đảng từng bước chuẩn bị cho sự ra đời Nhà nước Việt Nam độc lập, tự do.

**2. Đến sự ra đời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - nhà nước pháp quyền vì tự do hạnh phúc của Nhân dân.**

Cùng với quá trình hình thành quan điểm đúng đắn về “độc lập, tự do”, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng đã nỗ lực không ngừng, lãnh đạo, chỉ đạo phong trào cách mạng, lập nên Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Đêm 09/3/1945, Nhật đảo chính Pháp để độc chiếm Đông Dương. Nhận thấy những điều kiện khởi nghĩa vũ trang đang chín muồi; Đảng Cộng sản Đông Dương đã phát động Cao trào kháng Nhật cứu nước. Từ đó đã nổ ra các cuộc khởi nghĩa từng phần, lập chính quyền bộ phận, hình thành

khu giải phóng gồm 6 tỉnh Cao - Bắc - Lạng - Thái - Hà - Tuyên, và một số vùng lân cận. Tân Trào được chọn làm thủ đô tạm thời của Khu giải phóng. Hơn một triệu đồng bào trong Khu giải phóng đã bắt đầu hưởng được hạnh phúc cách mạng. "Một nước Việt Nam mới đang nảy nở. Nhiều chiến khu ở các địa phương khác cũng lần lượt được thành lập. Một phần Bắc Bộ đã thực tế đặt dưới chính quyền cách mạng. Nước Việt Nam mới phôi thai từ đó". Đến giữa tháng 8/1945, tình thế cách mạng trực tiếp đã đến. Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào đã quyết định phát động cuộc khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn quốc. Ngày 16/8/1945, Đại hội quốc dân đã khai mạc, quyết định: (1) Tán thành chủ trương sáng suốt của Đảng là lãnh đạo quần chúng nhân dân nỗi dậy tước vũ khí của Nhật trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương, giành lấy chính quyền từ tay Nhật và bọn bù nhìn tay sai của Nhật, dùng địa vị cầm quyền mà tiếp đón quân Đồng Minh vào giải ngũ quân Nhật trên đất Đông Dương. (2) Thông qua 10 chính sách lớn của Việt Minh và hiệu triệu đồng bào toàn quốc tích cực phấn đấu thực hiện, trong đó điều mấu chốt đầu tiên là giành lấy chính quyền, xây dựng một nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trên nền tảng hoàn toàn độc lập. (3) Thành lập Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

Thực hiện theo tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, toàn thể dân tộc Việt Nam đã nhất tề đứng dậy "đem sức ta giải phóng cho ta", quật đổ ách thống trị hơn 80 năm của đế quốc, thực dân, lật nhào ngai vàng của chế độ phong kiến hàng nghìn năm, đưa dân tộc ta bước tới đài vinh quang. Cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 thành công. Chính quyền cách mạng thuộc về toàn dân; Ủy ban dân tộc giải phóng đã được cải tổ thành Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Ngày 02/9/1945,

Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời trình trọng đọc bản Tuyên ngôn độc lập, tuyên bố với quốc dân và thế giới: "Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời", "có quyền hưởng tự do và độc lập, và thực sự đã trở thành một nước tự do, độc lập".

Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là nhà nước pháp quyền của dân tộc, do dân tộc và vì dân tộc. Vì vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng, Chính phủ đã thể chế hóa chế độ dân chủ bằng việc tiến hành Tổng tuyển cử thắng lợi trong cả nước, bầu ra Quốc Hội. Tại kỳ họp thứ nhất của Quốc hội (02/3/1946), Chính phủ liên hiệp kháng chiến được thành lập. Đến kỳ họp thứ hai, bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam được thông qua Quốc hội.

Bản Hiến pháp 1946 đã thể hiện rõ tính dân tộc, dân chủ của toàn dân, là cơ sở để đoàn kết, thống nhất ý chí toàn dân tộc; là cơ sở để Chính phủ quản lý xã hội... Sau hơn một năm điều hành, quản lý đất nước, Chính phủ đã "tỏ rõ một ý muốn duy nhất làm sao đem lại cho dân chúng được tự do độc lập hoàn toàn và để cho tất cả mọi phần tử quốc dân được hưởng tự do, độc lập..."

Như vậy, nhận thức tính khách quan và giá trị thiêng liêng của quyền tự do độc lập, Đảng ta do Hồ Chí Minh sáng lập, rèn luyện đã thực thi quyền thiêng liêng đó ngay từ đêm trước và trong năm đầu của sự ra đời Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (1945 - 1946); là sáng tạo tuyệt vời về trí tuệ và sức mạnh của Đảng, của toàn dân tộc Việt Nam, tạo nên một động lực vĩ đại cho sự trường tồn, phát triển của Việt Nam trong sự nghiệp giữ vững và phát triển quyền tự do, độc lập từ đó đến nay và mãi về sau♦

### Tài liệu tham khảo

1. Trường Chinh, *Cách mạng dân chủ nhân dân*, tập 1, Nxb Sự thật, Hà Nội.
2. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb CTQG, Hà Nội.

# BẢO ĐÀM HẬU CẦN CỦA CỨU QUỐC QUÂN CHỐNG ĐỊCH ĐÀN ÁP TRÊN CĂN CỨ ĐỊA BẮC SƠN - VÔ NHAI TRONG THỜI KỲ GIÀNH CHÍNH QUYỀN

Đại tá, TS. HÀ THANH NAM  
Khoa Chỉ huy Hậu cần, Học viện Hậu cần

*Khởi nghĩa Bắc Sơn diễn ra ngày 27/9/1940 là cuộc khởi nghĩa vũ trang đầu tiên của Cách mạng Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Một trong những thành quả quan trọng của khởi nghĩa Bắc Sơn là việc hình thành căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhài (Vũ Nhài), một trong hai căn cứ địa đầu tiên của cách mạng nước ta với những đội quân vũ trang cách mạng đã chiến đấu kiên cường, dũng cảm góp phần làm nên thắng lợi vĩ đại của Cách mạng Tháng Tám năm 1945.*



Đội Cứu quốc quân tập luyện tại Lùng Đán (xã Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn). (Ảnh: Tư liệu)

**V**ÀO cuối năm 1940, tình hình Đông Dương và thế giới diễn biến phức tạp. Phát xít Nhật nhảy vào Đông Dương, thực dân Pháp suy yếu. Tại vùng núi Bắc Sơn - Lạng Sơn, phong trào cách mạng phát triển mạnh mẽ, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quần chúng yêu nước sẵn sàng nỗ lực. Lực lượng vũ trang chủ lực lúc

này là Đội du kích Bắc Sơn (thành lập cuối năm 1940), sau đó là Đội Cứu quốc quân I (thành lập 23/02/1941), Đội Cứu quốc quân II (thành lập 15/9/1941), ban đầu có 36 chiến sĩ, sau thời gian ngắn đã lên 70 người; được biên chế thành 5 tiểu đội, tổ chức chặt chẽ, có chi bộ đảng và Ban chỉ huy thống nhất.

Cứu quốc quân thực hiện nhiệm vụ vũ trang công tác, chiến đấu chống địch đòn áp, bảo vệ nhân dân, phát triển cơ sở cách mạng. Mục tiêu đấu tranh là chống chính sách bắt phu, thu thuế, chống áp bức bóc lột của thực dân Pháp và tay sai, đòi các quyền tự do, dân chủ. Hội nghị Trung ương VIII xác định: Một thời kỳ đấu tranh mới của cách mạng Việt Nam bắt đầu, đó là thời kỳ “Đổi đế quốc chiến tranh ra nội chiến, đổi chiến tranh cướp bóc ra chiến tranh cách mạng, đánh đổ đế quốc chủ nghĩa, dựng chính quyền cách mạng, tuyên bố ra khỏi đế quốc chiến tranh”. Hội nghị đã xác định trách nhiệm của Đảng là “Dự bị những điều kiện bước tới bạo động làm cách mệnh giải phóng dân tộc”, và quyết định phát triển đội tự vệ thật đồng đảo và rộng khắp để tiến tới xây dựng “Quốc dân cách mệnh quân”.

Trước các phong trào cách mạng của quần chúng vũ trang lan rộng, cả phát xít Nhật lẫn thực dân Pháp đều hoảng sợ; địch tìm mọi biện pháp để dập tắt phong trào cách mạng ở Bắc Sơn và tiến hành cuộc nhiều cuộc đòn áp dã man. Thực dân Pháp đã tập trung khoảng hơn 100 lính dồng, thực hiện âm mưu mở rộng đòn áp. Địch sử dụng đội quân của tên Boóc-di-ê, lính dồng và tổng đoàn, dùng bọn mật thám địa phương chỉ đường từ Mỏ Nhài đi theo đường tắt vào đánh úp ta. Địch tiến vào Vũ Lăng, bắn giết quần chúng cách mạng, đốt phá làng bản. Chúng “sức” dân chỉ điểm, bắt cán bộ; bọn tổng, xã đoàn vác loa đi khắp các làng, bắn kêu gọi “Cộng sản” đầu hàng.

Trước tình hình thực dân Pháp ra tay tàn bạo nhằm xoá bỏ phong trào cách mạng. Ban chỉ huy khởi nghĩa xin ý kiến chỉ đạo từ Trung ương, tổ chức lại lực lượng du kích, chuẩn bị vũ khí, nắm địa bàn, nắm địch. Vận động, tập trung hơn 600 quần chúng cùng

quân khởi nghĩa chia làm 3 mũi tiến công đồn Mỏ Nhài (tức châu lỵ Bắc Sơn); Cứu quốc quân áp dụng phương pháp mật tập, nhanh chóng, tích cực và chủ động đánh địch. Cuộc khởi nghĩa giành thắng lợi, đồng bào các dân tộc nô nức kéo tới chân đồn Mỏ Nhài, họp thành một cuộc mít tinh lớn. Ban chỉ huy khởi nghĩa tuyên bố xóa bỏ chính quyền đế quốc, dập tắt cuộc “khủng bố trắng”; toàn bộ sổ sách, giấy tờ, bằng, triện thu được của địch đem ra đốt ngay trước quần chúng.

Công tác bảo đảm hậu cần cho Cứu quốc quân chống địch đòn áp trong điều kiện vật chất cực kỳ khó khăn, thiếu thốn. Nhu cầu hậu cần như: Lương thực, quân trang, thuốc men, vũ khí, cơ sở trú quân, lực lượng vận chuyển, tiếp tế và che giấu lực lượng kháng chiến chủ yếu dựa vào nguồn đóng góp, ủng hộ tại chỗ của đồng bào địa phương và chức sắc dân tộc Tày, Nùng.

Thời kỳ này không có các kho lương thực dự trữ, không có nguồn tiếp tế từ nơi khác chuyển đến, đồng bào các dân tộc Tày, Nùng tại các làng, bản ở Võ Nhai và Bắc Sơn đã tự nguyện đóng góp lương thực, thực phẩm, vũ khí cho lực lượng khởi nghĩa. Khi đội du kích và Ban chỉ huy khởi nghĩa rút vào rừng phân tán hoạt động, đồng bào địa phương gửi gạo, ngô và tổ chức các bếp ăn trong rừng đặt tại các điểm trú quân tạm thời hoặc hang động, khe suối, nơi lực lượng khởi nghĩa đóng quân, luyện tập để bảo đảm; trạm tiếp tế và kho tàng được bố trí phân tán tại các bản làng sâu trong núi, như: Tràng Xá, La Hiên, Phú Thượng... để tránh sự truy quét của địch. Việc bảo đảm mặc (quân trang), mỗi chiến sĩ chỉ có từ 1 ÷ 2 bộ quần áo được tự may bằng vải sợi thô, vải chàm địa phương, mang đặc trưng dân tộc và phù hợp với lối đánh du kích.

## KỶ NIỆM 80 NĂM CÁCH MẠNG THÁNG TÁM THÀNH CÔNG VÀ QUỐC KHÁNH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Tổ chức cứu chữa cho Đội Cứu quốc quân thời kì đầu rất thiếu thốn, không có lực lượng y tế, cơ sở vật chất, thuốc men, công tác cứu chữa chủ yếu dựa vào nguồn lực hiện có tại địa phương. Thuốc men chủ yếu là thuốc nam do lương y dân tộc bào chế, sử dụng các cây thuốc địa phương (lá vông, nghệ, xuyên tâm liên...). Khi lực lượng du kích chiến đấu bị thương được đưa vào hang đá, lán, trại giấu trong rừng, được người dân cứu chữa, chăm sóc và nuôi dưỡng.

Việc bảo đảm vũ khí chủ yếu do các lò rèn của hộ gia đình ở các làng, như: Vũ Lăng, Hữu Vĩnh rèn dao, kiếm, mũi giáo; các cụ già, phụ nữ làm bẫy, chông bằng tre, nứa, vầu... Vũ khí thu được của địch trong các trận đánh đồn Mỏ Nhài, đèo Canh Tiếm, đèo Sập Rì, chiến sĩ Cứu quốc quân tự tìm hiểu, khắc phục, sửa chữa để sử dụng và duy trì chiến đấu lâu dài.

Về tổ chức lực lượng hậu cần bảo đảm cho Cứu quốc quân chủ yếu là tự phát của các cơ sở tại chỗ, được Đảng vận động, giác ngộ, tuyển chọn trong các làng, bản để thành lập các tổ nuôi dưỡng, tiếp tế, gùi hàng là chủ yếu và hoàn toàn dựa vào quần chúng nhân dân địa phương, việc vận chuyển lương thực, vũ khí, thuốc men được thực hiện bằng sức người, dự trữ trong các hang động, lán trại bí mật để bảo đảm cho cuộc khởi nghĩa.

Bảo đảm hậu cần chống địch đòn áp ở căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai trong thời kỳ giành chính quyền mới là bước đầu hình thành tổ chức bảo đảm hậu cần; tuy còn nhiều hạn chế về quy mô và tổ chức nhưng đã thể hiện được tinh thần tự lực, sáng tạo; đến nay vẫn còn nguyên giá trị trong xây dựng tiềm lực hậu cần, kỹ thuật tại chỗ vững mạnh, phục vụ nhiệm vụ quốc

phòng, QSĐP trong tình hình mới. Kế thừa, phát triển những kinh nghiệm đó, trong bảo đảm hậu cần, kỹ thuật của KVPT các tỉnh miền núi có thể vận dụng theo hướng sau:

*Một là*, phát huy vai trò hậu cần, kỹ thuật nhân dân trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc. Trong những ngày đầu thành lập đội du kích Bắc Sơn, việc bảo đảm hậu cần hoàn toàn do nhân dân địa phương đóng góp, ủng hộ, nên bảo đảm hậu cần trong những ngày đầu kháng chiến chống Pháp đều là hậu cần toàn dân - hậu cần chiến tranh nhân dân; lực lượng, phương tiện, vật chất của hậu cần nhân dân được huy động ngay tại địa bàn để bảo đảm cho tác chiến nên đáp ứng được nhanh nhất, kịp thời nhất, giảm bớt được nhiều công sức vận chuyển từ nơi khác đến và hạn chế được thiệt hại do địch đánh phá.

Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (nếu xảy ra), đối tượng tác chiến của quân đội ta sẽ có nhiều thay đổi về phương pháp tác chiến, lực lượng, vũ khí, trang bị và phương tiện hiện đại; kết hợp lực lượng phản động nước ngoài và trong nước gây cho ta nhiều khó khăn. Theo đó, khối lượng vật chất hậu cần, kỹ thuật phải bảo đảm cho tác chiến lớn, nhiều chủng loại; khai thác, tạo nguồn bảo đảm chịu tác động của cơ chế thị trường. Tuy nhiên, ta có thuận lợi là phát huy được vai trò của hậu cần, kỹ thuật nhân dân để xây dựng tiềm lực hậu cần, kỹ thuật được chuẩn bị, dự trữ vững chắc từ thời bình; khi chiến tranh xảy ra, có điều kiện huy động hậu cần, kỹ thuật trong nhân dân, trong các thành phần kinh tế - xã hội để bảo đảm kịp thời cho tác chiến. Vì vậy, hơn lúc nào hết, cấp ủy đảng, chính quyền địa phương (các cấp) phải ra sức xây dựng hậu cần, kỹ thuật nhân dân bằng nhiều biện pháp đồng bộ và hiệu quả.

*Hai là*, tích cực chuẩn bị hậu cần nhân dân tại chỗ, dựa vào hậu cần tại chỗ và gắn bó chặt chẽ với hậu phương tại chỗ. Địa bàn khu vực phòng thủ các tỉnh miền núi thường là địa hình rừng núi, hiểm trở, có điều kiện để lựa chọn khu vực có lợi thế để tổ chức bố trí, xây dựng các cơ sở hậu cần nhân dân để chuẩn bị lực lượng, phương tiện, vật chất hậu cần, kỹ thuật tại chỗ. Theo đó, bộ CHQS các tỉnh miền núi cần tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền địa phương trong việc bố trí dân cư và các cơ sở sản xuất để tích cực chuẩn bị hậu cần tại chỗ, dựa vào hậu cần tại chỗ và gắn bó chặt chẽ với hậu phương tại chỗ, gắn với xây dựng, bố trí căn cứ hậu phương, căn cứ HC-KT, cơ sở HC-KT làm chỗ dựa cơ bản, phù hợp với ý định tác chiến, tạo nên thế bố trí (thế trận) vững chắc và cơ động bảo đảm cho tác chiến; đồng thời, có điều kiện phối hợp, chi viện cho địa bàn kế cận.

*Ba là*, xây dựng hậu cần - kỹ thuật KVPT vững mạnh, đủ khả năng bảo đảm cho tác chiến lâu dài. Đây là kinh nghiệm thực tiễn về tổ chức hoạt động của hậu cần - kỹ thuật nhân dân trong thời kỳ đầu kháng chiến giành chính quyền, cho đến nay vẫn còn nguyên giá trị kế thừa, vận dụng trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước ta về “Xây dựng, hoạt động của KVPT bằng sức mạnh tổng hợp do toàn dân tham gia, các lực lượng vũ trang địa phương làm nòng cốt. Phát huy sức mạnh tại chỗ để chủ động, đủ khả năng xử lý thắng lợi về tình huống quốc phòng, an ninh trên địa bàn... tạo sức mạnh bên trong để ngăn chặn và đánh thắng chiến tranh xâm lược”. Đặc biệt, thực hiện Kết luận số 126-KL/TW, ngày 14/02/2025; Kết luận số 127-KL/TW, ngày 28/02/2025; Kết luận số 130-KL/TW,

ngày 14/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về chủ trương sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; Đề án 839-ĐA/QUTW, ngày 24/4/2025 của Quân ủy Trung ương về sắp xếp tổ chức quân sự địa phương “tinh, gọn, mạnh” đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Điều đó, đặt ra cho hậu cần - kỹ thuật KVPT tỉnh, thành phố phải được xây dựng vững mạnh, toàn diện, đủ khả năng bảo đảm cho lực lượng vũ trang và nhân dân hoạt động trong thời bình; sẵn sàng bảo đảm cho tác chiến khu vực phòng thủ, chi viện cho bộ đội chủ lực hoạt động tác chiến trên địa bàn và chi viện cho trên theo yêu cầu, kế hoạch hiệp đồng khi có chiến tranh xảy ra.

Trong điều kiện còn nhiều khó khăn và thiếu thốn; song, công tác bảo đảm hậu cần cho cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn đã chứng minh được giá trị thực tiễn và tư tưởng chiến tranh nhân dân mà sau này Đảng và Bác Hồ đã kế thừa, phát triển. Việc nghiên cứu và vận dụng bài học kinh nghiệm từ cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn - Võ Nhai không chỉ có ý nghĩa lịch sử mà còn được vận dụng, góp phần bổ sung, hoàn thiện lý luận và thực tiễn công tác hậu cần, kỹ thuật trong điều kiện hiện đại, nhất là trong chiến tranh công nghệ cao ♦

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Chính trị (1963), *Văn kiện Đảng (1939 - 1945)*, Nxb Sự Thật, Hà Nội.
2. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Lạng Sơn (2020), *Kỷ yếu 80 năm khởi nghĩa Bắc Sơn, Lạng Sơn*.
3. Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (2005), *Lịch sử Quân sự Việt Nam, Tập I*, Nxb QĐND, Hà Nội.
4. Nguyễn Quốc Trị (2001), *Bắc Sơn - Dấu ấn một thời*, Nxb QĐND, Hà Nội.

# SỰ LÃNH ĐẠO CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC HẬU CẦN - KỸ THUẬT BẢO ĐẢM CHO CÁC ĐỘI VŨ TRANG TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

Đại tá, PGS. TS. NGUYỄN HỮU HOẠT  
Khoa CTĐ, CTCT, Học viện Hậu cần

*Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 là kết tinh của nhiều yếu tố: Thời cơ lịch sử chín muồi, tinh thần yêu nước sục sôi của quần chúng... và trên hết, là sự lãnh đạo tài tình, đúng đắn, sáng tạo của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Một trong những nhân tố rất quan trọng, có ý nghĩa chiến lược, góp phần làm nên thắng lợi vĩ đại ấy chính là công tác hậu cần - kỹ thuật (HC-KT) bảo đảm cho các đội vũ trang (ĐVT) cách mạng trong các giai đoạn đấu tranh chính trị, chuẩn bị và tiến hành Tổng khởi nghĩa.*



Nhân dân tích cực ủng hộ gạo cho Việt Minh (tháng 6/1945). (Ảnh: Tư liệu)

**Q**UÂN đội Nhân dân Việt Nam ra đời, phát triển trên cơ sở các ĐVT cách mạng trước Cách mạng tháng Tám năm 1945. Đó là các đội tự vệ công nông “Tự vệ đỏ”, “Xích vệ đỏ” hình thành trong phong trào cách mạng 1930 - 1931; là các ĐVT trong thời kỳ chuẩn bị Tổng khởi nghĩa, như: Đội du kích Bắc Sơn, Quân du kích Nam Kỳ, Cứu quốc quân, Việt Nam tuyê

truyền Giải phóng quân, Đội du kích Ba Tơ, các đội du kích chiến khu Quang Trung, Trần Hưng Đạo, cùng các đội du kích và tự vệ chiến đấu khác trong nước; sau đó được thống nhất thành Việt Nam Giải phóng quân - lực lượng quân sự quan trọng, cùng toàn dân Tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

Để các ĐVT hoạt động và lớn mạnh, Đảng ta đã dày công lãnh đạo, chỉ đạo toàn

diện; trong đó, sự lãnh đạo của Đảng về công tác HC-KT giữ vai trò rất quan trọng, được biểu hiện ở một số vấn đề sau:

*Thứ nhất*, Trung ương Đảng xác định công tác HC-KT là mặt công tác rất quan trọng, không thể thiếu trong tổ chức vũ trang cách mạng. Trong Nghị quyết về Đội tự vệ (1935), Đảng chỉ rõ: “Một nguyên nhân thất bại của Nghệ - Tĩnh bạo động là quần chúng vừa không quân sự huấn luyện, vừa không có tối thiểu vũ trang, gươm giáo; tay không đòn nào địch nổi tàu bay, tạc đạn?”. Từ đó, Đảng yêu cầu “Phải tăng cường vũ khí trang bị cho quân du kích và tích trữ lương thực”. Trong tổ chức biên soạn tài liệu Con đường giải phóng (năm 1941), Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định, việc sắm sửa vũ khí, tích trữ lương thực thực chiếm một vị trí quan trọng. Tiếp đó, trong Điều lệ của Việt Nam tiểu tổ du kích cứu quốc (1941) đã quy định việc trang bị vũ khí và bảo đảm nuôi dưỡng cho tiểu tổ du kích. Hội nghị quân sự Bắc kỳ (1945), nhấn mạnh: Phải tăng cường súng ống, bom đạn và tích trữ lương thực cho đầy đủ.

Như vậy, ngay từ khi tổ chức thành lập các ĐVT tiền thân của Quân đội, Đảng ta đã vận dụng sáng tạo quan điểm của V.I.Lênin “... Muốn có một đội quân kiên cường và vững mạnh thì trước hết phải tổ chức thật vững chắc công tác lương thực” và “Một đội quân giỏi nhất, những người trung thành nhất với sự nghiệp cách mạng cũng đều sẽ lập tức bị quân thù tiêu diệt nếu không được vũ trang, tiếp tế lương thực và huấn luyện một cách đầy đủ” vào điều kiện thực tiễn Việt Nam. Xác định đúng vai trò của công tác HC-KT làm cơ sở cho Trung ương, các chi, đảng bộ địa phương và chỉ huy các ĐVT xác định chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo sát thực tiễn nhằm huy động mọi nguồn lực bảo đảm tốt nhất nhu cầu vật chất HC-KT cho các ĐVT công tác và chiến đấu.

*Thứ hai*, Trung ương Đảng xác định phải dựa vào dân, tổ chức và huy động Nhân

dân tham gia làm công tác HC-KT bảo đảm cho các ĐVT cách mạng. Thực hiện phuong châm đó, Trung ương Đảng chỉ đạo: “Công nông cách mạng Tự vệ đội tổ chức ra mục đích để: ủng hộ quần chúng hàng ngày; ủng hộ quần chúng trong các cuộc đấu tranh; ủng hộ cơ quan cách mạng và chiến sĩ cách mạng của công nông; quân sự huấn luyện cho lao động cách mạng. Chống quân thù giai cấp tấn công và làm cho vận động cách mạng phát triển thắng lợi”. Phải vận động Nhân dân tham gia đóng góp sức người, sức của làm công tác HC-KT. Hội nghị phò biến Chỉ thị của Xứ ủy Bắc Kỳ về tổ chức quân du kích và chiến khu cách mạng (năm 1940) đã quyết định: Vận động Nhân dân thu nhặt vũ khí của địch vứt lại dọc đường lùc chạy trốn để trang bị cho quân du kích. Kêu gọi Nhân dân các dân tộc Bắc Sơn ủng hộ quân du kích tích trữ lương thực. Nhờ vậy, đến 10/1940, quân du kích Bắc Sơn đã có 20 súng trường, hơn 100 súng kíp; có đủ lương thực cho các hoạt động đánh địch hoặc chống địch càn quét. Tại Lễ thành lập Đội du kích Bắc Sơn (năm 1941), đồng bào đã ủng hộ Đội nhiều lương thực. Đồng bào Cao Bằng còn chắt chiu từng hạt muối, bát gạo, lập ra “gạo TT”, “muối TT” để nuôi dưỡng, dùm bọc các chiến sĩ giải phóng. Phụ nữ cứu quốc ở các địa phương bí mật mang cơm nước, thuốc men tiếp tế cho các ĐVT cách mạng...

Cùng thời điểm này, ở miền Nam, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Xứ ủy Nam Kỳ, Nhân dân các địa phương đã quyên góp tiền bạc, rèn đúc, mua sắm các loại vũ khí, thuốc, lương thực ủng hộ các đội du kích. Các Trung đội Cứu quốc quân 1, 2, 3 thường xuyên bám sát và vận động Nhân dân giúp đỡ vũ khí, lương thực, thuốc men. Do vậy, quá trình công tác, chiến đấu bị thực dân Pháp cản quyết, cắt đứt mối liên hệ giữa Cứu quốc quân với Nhân dân, nhưng Nhân dân vẫn tìm mọi cách cung cấp tin tức, tài

## KỶ NIỆM 80 NĂM CÁCH MẠNG THÁNG TÁM THÀNH CÔNG VÀ QUỐC KHÁNH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

liệu, báo nơi cất giấu lương thực, quần áo, thuốc men để cung cấp cho Cứu quốc quân. Việt Nam giải phóng quân ra đời, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhân dân lập “kho thóc giải phóng quân”, đóng góp “Đồng tiền cứu quốc” để bảo đảm cho giải phóng quân.

Như vậy, ra đời, công tác và chiến đấu trong điều kiện cực kỳ khó khăn, thiếu thốn, nhưng dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương Đảng, các ĐVT tiềng thân đã thường xuyên gắn bó mật thiết với Nhân dân, bảo vệ Nhân dân, vận động Nhân dân giúp đỡ về mọi mặt, nhất là về HC-KT. Nhờ vậy, sức mạnh công tác và chiến đấu được tăng cường, cùng Nhân dân làm nên thắng lợi vĩ đại của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

**Thứ ba,** Trung ương Đảng xác định HC-KT bảo đảm cho các ĐVT cách mạng phải cần, kiệm, tự lực cánh sinh. Theo đó, Trung ương chỉ đạo: “Nguồn trang bị chủ yếu cho du kích sẽ là tập kích vào các kho vũ khí, cướp vũ khí của cảnh sát và các toán quân định”; “Về trang bị của đội tự vệ công nông bên cạnh vũ khí thô sơ tự trang bị, phải tìm cách cướp lấy súng của địch mà trang bị cho mình”. Thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương Đảng, phong trào cướp vũ khí, lương thực, thuốc men của địch trang bị cho ta đã trở thành phong trào lớn, sôi nổi, rộng khắp từ các đội tự vệ công nông, đến các đội du kích, các trung đội cứu quốc quân cho tới khi quân đội được thành lập. Cùng với đó, phải làm tốt công tác địch vận, đe lôi kéo các binh sĩ là con, em đồng bào ta trong hàng ngũ của địch, lấy vũ khí, lương thực, thuốc men của địch cho ta; tổ chức tự mua sắm, tự chế tạo các loại vũ khí thông thường. Khi bị Nhật đảo chính, quân Pháp thất trận đầu hàng, bỏ chạy, Trung ương Đảng phát động phong trào “thu nhặt vũ khí, lương thực, thực phẩm, thuốc men” của quân Pháp để bổ sung vào trang bị cho ta.

Việc quản lý, cấp phát phải chặt chẽ, sử dụng thật tiết kiệm, nhất là lương thực,

thuốc men, đạn dược trong những lúc địch càn quét. Quá trình công tác và chiến đấu, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân luôn chủ trương “sử dụng rất tiết kiệm, mỗi bữa ăn bớt một ít gạo dành dụm để mỗi chiến sĩ luôn có một bao lương khô bằng gạo rang hoặc ngô rang dự phòng. Kỷ luật về lương thực cũng được đặt ra rất nghiêm, khi chưa có lệnh của người chỉ huy, không ai được dụng đến lương thực dự phòng”.

Đồng thời, phải tích cực tăng gia sản xuất, tự túc một phần lương thực. Ngoài giờ công tác, chiến đấu, cán bộ, chiến sĩ các ĐVT đều tranh thủ vào rừng săn bắn, đào củ, hái rau để bổ sung cho bữa ăn hàng ngày; khi có các căn cứ chiến đấu, các khu căn cứ cách mạng thì tổ chức trồng trọt và chăn nuôi, tạo nguồn cung cấp quan trọng cho các ĐVT cách mạng.

**Thứ tư,** bám sát thực tiễn để tổ chức xây dựng lực lượng và phân cấp chỉ đạo bảo đảm HC-KT cho các ĐVT. Từ năm 1930 ÷ 1939, các đội tự vệ công nông được thành lập, ngày thường vẫn lao động sản xuất, khi có tình huống mới tập trung thực hiện nhiệm vụ cách mạng. Do vậy, chưa tổ chức ra lực lượng HC-KT, mọi hoạt động bảo đảm đều dựa vào Nhân dân và tự cấp, tự túc.

Khi chiến tranh thế giới thứ Hai bùng nổ, Nhật tiến vào Đông Dương, đặt ách thống trị kép lên Việt Nam. Cả nước chìm trong khổ đau, Nhân dân phẫn nộ - tình thế cách mạng xuất hiện, Đảng Cộng sản Đông Dương xác định: Nhiệm vụ trung tâm là giải phóng dân tộc, đưa đầu tranh vũ trang lên vị trí then chốt. Từ đó, các trung đội Cứu quốc quân, sau là Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân; rồi đến Việt Nam giải phóng quân lần lượt ra đời. Trung ương Đảng xác định: Để duy trì, phát triển các ĐVT cách mạng, phải tổ chức một hệ thống HC-KT gắn với dân, dựa vào dân, phục vụ chiến lược “toute dân nỗi dậy”. Do đó, phải tổ chức được lực lượng cung cấp tại chỗ,

hình thành các tuyến vận chuyển an toàn, xây dựng kho tàng bí mật trong dân, kết hợp giữa cơ sở chính trị – tổ chức quần chúng với HC-KT của các ĐVT.

Thực hiện sự chỉ đạo đó, các địa phương được phân cấp tổ chức hậu cần, có ban hậu cần huyện, xã; đồng thời, lập các tuyến hậu cần liên khu, nối liền từ căn cứ địa tới các vùng hoạt động của ĐVT. Mỗi ĐVT thường có một “tổ hậu cần tại chỗ” có một cán bộ quản lý, lo vận chuyển lương thực, tìm nguồn tiếp tế “Để bảo đảm cấp dưỡng, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân tổ chức ra ban quản lý đại đội. Các trung đội hoạt động độc lập cũng được biên chế người quản lý”.

Cùng với huy động Nhân dân tham gia HC-KT, tại các khu căn cứ cách mạng, hệ thống kho lương thực bí mật đã được lập. Đồng thời, lập mô hình “xưởng quân giới thủ công”, tổ chức các “lò rèn cách mạng” để rèn giáo mác, dao găm, súng kíp; chế tạo lựu đạn bằng vỏ quả, thuốc súng thô sơ; sửa chữa, tân trang vũ khí cũ thu được từ Pháp, Nhật. Để vận chuyển HC-KT cho các ĐVT, các địa phương đã lập đội dân công hỏa tuyến; thiết lập “trạm giao liên” tại các làng bản ven rừng, hẻm núi, hang đá.

Như vậy, công tác HC-KT dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng đã đảm bảo cho các ĐVT tồn tại và phát triển ngay trong lòng địch; góp phần hình thành thế trận “quân với dân một ý chí”, tạo cơ sở để lực lượng vũ trang đóng vai trò nòng cốt cùng toàn dân khởi nghĩa từng phần, tiến tới Tổng khởi nghĩa giành thắng lợi.

Thực tiễn chỉ đạo công tác HC-KT bảo đảm cho các ĐVT cách mạng tiền thân của Quân đội ta cho thấy: Phải đặt công tác HC-KT trong tổng thể chiến lược cách mạng, không coi là việc phụ hay hành chính thuần túy. Dựa vào Nhân dân, động viên và tổ chức Nhân dân làm công tác HC-KT là chìa khóa để xây dựng thế trận HC-KT

bền vững. Sáng tạo, linh hoạt, tận dụng triệt để điều kiện thực tiễn là yếu tố hàng đầu bảo đảm cho sự thành công của công tác khai thác tạo nguồn, quản lý, vận chuyển và cấp phát các loại vật tư, vật chất HC-KT. Chăm lo xây dựng lực lượng HC-KT từ cơ sở, có tổ chức, huấn luyện và bảo vệ tốt là điều kiện để tiến hành khởi nghĩa thắng lợi. Đây chính là mô hình tổ chức sơ khai của ngành HC-KT Quân đội Nhân dân Việt Nam sau này. Nghiên cứu quá trình lãnh đạo của Trung ương Đảng đối với công tác HC-KT cho các ĐVT trước Cách mạng Tháng Tám không chỉ làm sáng tỏ một nhân tố lịch sử có ý nghĩa quyết định, mà còn rút ra nhiều bài học quý phục vụ sự nghiệp xây dựng nền quốc phòng toàn dân, HC-KT Nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay. Đồng thời, qua đó tiếp tục khẳng định rằng: Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam; kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hành động sai trái, thù địch hòng xuyên tạc, phủ nhận, hay xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng ta. Thực hiện nghiêm nguyên tắc Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt Quân đội Nhân dân Việt Nam; tiếp tục xây dựng các cấp ủy, tổ chức đảng ngành HC-KT quân đội trong sạch, vững mạnh mẫu mực, tiêu biểu về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao♦

### Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập, Tập 5,7*, Nxb CTQG, Hà Nội.
2. Viện Lịch sử quân sự (2024), *Lịch sử các đội quân tiền thân Quân đội Nhân dân Việt Nam*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb CTQG, Hà Nội.

# BẢO ĐẢM HẬU CẦN, KỸ THUẬT LỰC LƯỢNG THỦY QUÂN TRONG NĂM ĐẦU THÀNH LẬP NƯỚC

Đại tá, TS. NGUYỄN QUỐC HOÀI

Tạp chí Nghiên cứu khoa học Hậu cần quân sự

**N**ƯỚC Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, mở ra một kỷ nguyên mới cho dân tộc Việt Nam. Tuy nhiên, trong năm đầu thành lập nước (02/9/1945 – 19/12/1946) mặc dù Nhân dân ta được sống trong độc lập, tự do; song, phải đối phó với khó khăn chồng chất và những thử thách ngặt nghèo, nhất là nguy cơ thực dân Pháp xâm lược nước ta một lần nữa. Trước tình thế đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng đặc biệt quan tâm xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, trong đó có lực lượng đánh địch trên sông biển.

Ở ven biển, các xóm làng, thôn, xã được khẩn trương xây dựng. Đồng thời, một số đơn vị chuyên đánh địch trên sông biển được các địa phương thành lập cũng ra đời. Tại Hải Phòng, Bộ Tư lệnh Duyên hải (sau là Chiến khu 3) tổ chức Ủy ban Hải quân Việt Nam, quân số gần 200 người; trong đó có Đại đội Ký Con, với phuơng tiện hoạt động gồm 01 tàu nhỏ và 03 ca nô. Ở Đà Nẵng, có tổ chức thủy quân miền Nam Trung Bộ, quân số khoảng 400 người. Ngoài ra, một số địa phương khác, như Cửa Lò, Nha Trang, Sài Gòn..., các lực lượng vũ trang hoạt động trên biển cũng được thành lập. Những đơn vị này, dù có nơi gọi là “thủy quân”, nơi gọi “hải quân”; song, đều đặt dưới sự lãnh đạo của đảng bộ địa phương, được bộ tư lệnh chiến khu chỉ huy trực tiếp.

Thực hiện âm mưu tái xâm lược nước ta, đầu tháng 9/1945, thực dân Pháp cho tàu Cray-xắc đến vùng biển Hòn Gai tiến hành các hoạt động khiêu khích, móc nối với bọn phản động trong đất liền. Đại đội Ký Con dùng 02 tàu là Bạch Đằng, Giao Chỉ và

01 ca nô cùng một trung đội từ Hải Phòng ra vây bắt tàu địch. Trước tinh thần chiến đấu sục sôi của quân, dân ta, bọn giặc trên tàu địch hoang mang, lúng túng buộc phải đầu hàng. Ta bắt toàn bộ quân địch trên tàu, thu nhiều vật chất hậu cần, kỹ thuật (HCKT); và đổi tên tàu Cray-xắc thành tàu Ký Con.

Ngày 11/9/1945, địch tiếp tục sử dụng tàu Ô-đa-xi-ơ đến vùng biển Hòn Gai gây hấn. Ta dùng tàu Ký Con đánh đuổi và bắt gọn tàu Ô-đa-xi-ơ. Ngay sau đó, các tàu Ký Con, Ô-đa-xi-ơ và một số ca nô được Chiến khu 3 tổ chức thành một thủy đội, biên chế trong Ủy ban Hải quân Việt Nam để bảo vệ vùng ven biển Đông Bắc Bộ.

Được quân Anh tiếp tay, đêm 22 rạng ngày 23/9/1945, quân Pháp nổ súng đánh chiếm Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ 2. Lợi dụng các sông, rạch, thủy quân Pháp hành quân đánh chiếm những vị trí quan trọng ở khắp các tỉnh Nam Bộ. Tuy nhiên, địch liên tiếp bị các lực lượng thủy quân (LLTQ) cùng quân và dân ven biển của ta chặn đánh, gây cho chúng nhiều thiệt hại. Đến 15/10/1945, quân dân ta đốt cháy tàu A-lác ở cảng Sài Gòn; đến 26/10, quân dân Nha Trang bắn hỏng một tàu địch; ngày 28/10, quân dân Gò Công đánh thiệt hại tàu Ri-sor-li-ơ (chở nhiều quân địch)... Tại Hải Phòng, đêm ngày 10 và 13/11/1945, Chiến khu 3 sử dụng LLTQ tiến công giải phóng hai đảo Cô Tô, Vạn Hoa (bị tàn quân Pháp lén lút chiếm hồi đầu 9/1945). Song, do lực lượng ta mỏng, chưa có kinh nghiệm đổ bộ nên các trận đánh không đạt mục đích đề ra.

Những tháng cuối năm 1946, địch tăng quân đổ bộ vào Nam Bộ, Đà Nẵng,

Đại Lãnh, Quy Nhơn, Đồ Sơn, Cát Bà, Hải Phòng... Lực lượng thủy quân, lực lượng vũ trang cùng Nhân dân địa phương ven biển đã chiến đấu quyết liệt chặn bước tiến của địch và từng bước diệt địch...

Nhìn lại lịch sử cho thấy, trong năm đầu thành lập nước, tuy LLTQ của ta còn bé nhỏ, chưa được tổ chức chính quy nhưng hoạt động chiến đấu rất phong phú, tạo nên thế trận vô cùng lợi hại trên chiến trường sông biển Việt Nam. Với lối đánh mưu trí, dũng cảm và nghệ thuật lựa chọn mục tiêu, LLTQ và quân, dân ta đã đánh chìm, đánh bị thương hàng trăm tàu chiến lớn, nhỏ, tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch. Kết quả đó góp phần đặc biệt quan trọng trong kìm giữ chân địch, tạo điều kiện cho quân dân cả nước chuẩn bị mọi mặt để bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ khi thực dân Pháp mở rộng chiến tranh xâm lược ra cả nước.

Để giành được những chiến công, lực lượng thủy binh của ta đã phải vượt qua vô vàn khó khăn; từ cung cống, phát triển lực lượng, phương tiện, tích lũy kinh nghiệm chiến đấu đến các mặt bảo đảm, nhất là bảo đảm HCKT. Đất nước ta mới được độc lập; chế độ thực dân, phong kiến đã bị đập tan, song những tàn dư của nó cùng hậu quả của hơn 80 năm dưới ách thống trị của thực dân Pháp và phát xít Nhật còn hết sức nặng nề. Nạn đói khùng khiếp và hậu quả của nó vẫn đeo đẳng. Bão lụt liên tiếp xảy ra; đê điều bị vỡ làm holec-ta lúa, hoa màu, hàng nghìn thôn xóm của Bắc Bộ bị ngập chìm. Nhiều cơ sở công nghiệp phải ngừng sản xuất. Thủ trong, giặc ngoài, giặc đói, giặc dốt tạo ra áp lực chưa từng có. Điều kiện đó làm bảo đảm HCKT của LLTQ Việt Nam lúc đó gặp khó khăn vô cùng.

Sớm thấy trước những khó khăn, phức tạp nói trên; cấp ủy, chính quyền địa phương và các khu có LLTQ đã kịp thời đề ra những chủ trương và biện pháp cách

mạng để bảo đảm HCKT cho LLTQ, được thể hiện trên một số nội dung sau:

Một là, dựa vào dân để bảo đảm HCKT. Quán triệt lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Quân nhu là nhu cầu của quân đội... Cái gì bộ đội cần, quân sự yêu cầu ta phải giải quyết. Sẽ có khó khăn vất vả, nhưng ta phải biết dựa vào dân. Được dân lo cho, được dân ủng hộ mọi việc sẽ xong”; bộ chỉ huy các chiến khu có biển đều tổ chức Phòng Quân nhu – Tài chính lo việc nuôi dưỡng bộ đội, trong đó có LLTQ. Cán bộ làm công tác quân nhu, quản lý ở các đơn vị thủy quân tích cực quan hệ với chính quyền và các đoàn thể quần chúng để vận động quyên góp tiền, gạo cấp cho đơn vị. Để bảo đảm về ăn mặc cho các tổ chức thủy quân và lực lượng vũ trang ở địa phương mình, các địa phương ven biển (từ tỉnh, huyện, xã) đều tổ chức Ban Tiếp tế (sau đổi thành Ủy ban Bình lương) và Ban Tài mậu. Hàng tháng, quản lý các đơn vị thủy quân lập nhu cầu về lương thực, thực phẩm (LTTP), nhu yếu phẩm gửi các Ban này để được bảo đảm. Khi tàu thuyền cơ động đến đâu, cán bộ phụ trách hậu cần đến liên hệ với cấp ủy, chính quyền địa phương nhờ giúp đỡ và đều được đáp ứng kịp thời. Nhân dân các địa phương ven biển luôn tích cực chăm lo đời sống bộ đội; hăng hái nhiệt tình đóng góp tiền bạc, vải, len, may chăn màn, áo trán thủ và gửi quà bánh, thực phẩm cho thủy thủ. Gia đình thủy thủ được chính quyền và nhân dân địa phương động viên, giúp đỡ. Hội mẹ chiến sĩ nhận nhiều thủy thủ làm con nuôi. Quán quân nhân được tổ chức ở nhiều vùng, nhất là Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh cho bộ đội đi công tác vào ăn nghỉ không phải trả tiền.

Ngoài bảo đảm LTTP, quân trang, bảo đảm quân y cho các đơn vị thủy quân cũng được quan tâm. Ở miền Bắc, các Chiến khu 3, 4 lập Ban Y tế. Khi thủy thủ bị bệnh, bị thương sẽ được Ban Y tế khám bệnh, cấp thuốc, giới thiệu đến các bệnh viện dân y

## KỶ NIỆM 80 NĂM CÁCH MẠNG THÁNG TÁM THÀNH CÔNG VÀ QUỐC KHÁNH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

điều trị. Nhiều tỉnh ven biển tổ chức hội y học dân tộc, nhà thương để cứu chữa bệnh cho quân và dân. Ở Vinh, có nhà thương Hồ Chí Minh dành cho quân đội. Đây là nơi giàu kinh nghiệm trong điều trị các bệnh đặc thù của thủy quân. Tại phía Nam, một số bệnh viện dân y ở Phan Thiết, Nha Trang, Tuy Hòa, Đà Nẵng... được quân y hóa. Chiến khu 6 tổ chức một bệnh viện phía trước ở Bắc đèo Cả. Nha Trang có trạm phẫu thuật ở Phú Vinh, bệnh xá ở đèo Rù Rì... Những cơ sở quân y này trực tiếp khám, chữa bệnh cho LLTQ ở các địa phương.

*Hai* là, tích cực tăng gia sản xuất và thu gom, sửa chữa, chế tạo trang bị kỹ thuật. Trong điều kiện đất nước vô cùng thiênh thốn về LTTP, ngày 03/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát động chiến dịch tăng gia sản xuất. Đáp lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, dưới sự lãnh đạo của chiến khu, các đơn vị thủy quân đã ra sức trồng trọt, chăn nuôi. Ở nhiều nơi, chính quyền địa phương đã dành nhiều công điền màu mỡ tịch thu của thực dân Pháp và bọn Việt gian phản động để chia cho các đơn vị thủy quân canh tác. Chiến khu 3 có Nông trường Quảng Yên rộng hàng trăm hécta chuyên sản xuất LTTP. Với tinh thần “tắc đát, tắc vàng”, “không bỏ một tấc đát hoang”; các đơn vị thủy quân đã cử người luân phiên sản xuất, chủ yếu trồng lúa, đậu, ngô, khoai, sắn; chăn nuôi lợn và gia cầm. Ngoài ra, thủy thủ còn tích cực đánh bắt thủy sản để dùng hằng ngày và đổi lấy nhu yếu phẩm. Khi bị địch càn quét, đánh phá, LLTQ rút vào rừng ven biển, tự đánh bắt cá và tìm nguồn lương thực có sẵn trong rừng như củ chup, củ mài bổ sung kịp thời.

Để có vũ khí đánh giặc, các đơn vị thủy quân đã tích cực thu gom súng đạn của địch bỏ lại. Nhiều đơn vị tổ chức các đội thợ lặn để mò tìm vũ khí ở vùng biển ven bờ, sông, rạch. Đại đội Ký Con còn trực vớt tàu địch ở ven biển Hải Phòng để lấy vũ khí, vật liệu;

nghiên cứu sửa chữa 3 khẩu pháo đối hải 138 mm bố trí tại đảo Cát Bà để bảo vệ tuyến đường đi vào cảng Hải Phòng. Ở Nam Bộ, đơn vị thủy quân rùng Sác ngăn cả một đoạn sông, tát nước để tìm vũ khí. Cùng với tự tìm kiếm vũ khí, việc tổ chức sản xuất vũ khí bảo đảm cho lực lượng vũ trang nói chung, LLTQ nói riêng được coi trọng đặc biệt. Hàng loạt xưởng vũ khí được lập ra trong cả nước. Ở Hải Phòng, Chiến khu 3 tổ chức xưởng quân giới gồm nhiều thợ cơ khí giỏi, chủ yếu sản xuất lựu đạn vỏ gang, các loại mìn và trang thiết bị phục vụ tàu đi biển. Ở Thanh Hóa, Tỉnh ủy thành lập xưởng Cao Thắng để chế tạo súng tiểu liên Sten, lựu đạn đập kiểu Nhật, sửa chữa súng trường bắn đạn DAM. Đây là xưởng đầu tiên trang bị vũ khí cho Đại đội Ký Con và các đơn vị thủy quân của Thanh Hóa. Tại Nghệ An, ta xây dựng xưởng Đặng Thái Thân và Rạng Đông. Cuối năm 1945, tổ chức thủy quân miền Nam Trung Bộ đã tổ chức thuyền ra các xưởng ở Nghệ An nhận nhiều vũ khí. Tại Cà Mau, để đánh tàu địch trên kênh rạch, ta thành lập Đội thủy lôi, có nhiệm vụ nghiên cứu cải tiến thủy lôi của Nhật và đánh tàu địch. Ngay sau khi thành lập, Đội thủy lôi đã đánh chìm tàu Ma-ri Hăng-ri-ét chở 01 đại đội địch ở Mây Dốc (Năm Căn).

*Ba* là, thu hồi trang bị kỹ thuật và vật chất hậu cần của địch; tích cực mua vật chất HCKT từ địch và nước ngoài. Khi thành lập, vũ khí, trang bị của các tổ chức thủy quân rất thiênh thốn. Bằng nhiều cách công khai, bí mật, các tổ chức thủy quân đã thương lượng và thuyết phục để quân địch bàn giao vũ khí cho ta hoặc tìm cách chiếm đoạt. Tại Hải Phòng, Đại đội Ký Con đã dùng vàng cho sĩ quan quân Tưởng và chúng đua nhau lấy trộm súng đạn, quân trang, quân dụng trong kho đem bán cho ta. Trong trận đánh tàu Cray-xắc; Đại đội Ký Con thu 01 pháo 37mm, 2 súng máy 12,7mm và nhiều súng ngắn cùng LTTP. Xã Hùng Thắng

(Tiên Lãng) đã mua 6 khẩu súng và 210 quả lựu đạn ủng hộ thủy quân. Nhiều đám cưới của người nhà thủy thủ đã bỏ tục lệ cũ, thách cưới bằng la bàn, súng và lựu đạn để trang bị cho thủy quân. Tại Ba Ngòi, Nha Trang, các đơn vị thủy quân đã tuyên truyền tốt chính sách của cách mạng nên quân Nhật đã bàn giao cho ta hơn 1.000 súng các loại. Ở Nam Bộ, Xứ ủy Nam Bộ tổ chức nhiều đoàn đi Ma-lai-xi-a, Hồng Công, Cam-phu-chia, Thái Lan để mua vũ khí cho lực lượng vũ trang, trong đó có thủy quân.

Như vậy, trong năm đầu thành lập nước, bảo đảm HCKT cho LLTQ chủ yếu với ba mặt chính là quân nhu, quân y và quân giới. Tuy còn sơ khai, lực lượng nhỏ bé; chưa có nhiều cán bộ chuyên trách, nhân viên chuyên môn; cơ sở vật chất nghèo nàn, thô sơ... nhưng bảo đảm HCKT cho LLTQ mang tính nhân dân sâu rộng, thể hiện tính chất của chiến tranh nhân dân Việt Nam và là nền móng để phát triển ngành HCKT Hải quân trong kháng chiến sau này.

Trong tương lai, nếu chiến tranh bảo vệ Tổ quốc xảy ra thì ngay từ đầu địch sẽ tiến hành phong tỏa đường biển, đường không và tấn công hỏa lực mãnh liệt vào khu vực ven biển và sâu trong đất liền của ta. Khi đó, Hải quân nhân dân Việt Nam sẽ là lực lượng nòng cốt tác chiến trên biển; có nhiệm vụ chặn đứng hoặc làm chậm lại cuộc tấn công mở đầu chiến tranh của địch, giữ vững hoặc tạm thời giữ vững các mục tiêu và địa bàn chiến lược trên biển mà địch định đánh chiếm, bảo toàn lực lượng, tạo điều kiện cho ta hoàn thành việc chuyển toàn bộ đất nước vào thời chiến. Kê thừa kinh nghiệm bảo đảm HCKT cho LLTQ trong năm đầu thành lập nước, để bảo đảm HCKT cho Hải quân ta chiến đấu trong giai đoạn đầu của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, cần thực hiện tốt một số vấn đề cơ bản sau đây:

*Thứ nhất*, nâng cao khả năng HCKT tại chỗ để bảo đảm cho lực lượng hải quân

(LLHQ) hoạt động, chiến đấu trong khu vực. Tiến hành phong tỏa đường biển và tiến công hỏa lực từ hướng biển vào đất liền nước ta, địch sẽ tiến hành theo từng khu vực, nhất là nơi có LLHQ ta hoạt động; sử dụng lực lượng rất mạnh, gồm 1 ÷ 2 cụm tàu sân bay. Để phòng tránh, đánh trả địch có hiệu quả và bảo vệ vững chắc các mục tiêu trên biển; ở những khu vực trọng điểm, ta sẽ bố trí nhiều LLHQ khác nhau (tên lửa bờ, tàu mặt nước, tàu ngầm, hải quân đánh bộ, đặc công nước...). Cho nên, nhu cầu HCKT bảo đảm cho LLHQ ở từng khu vực sẽ rất lớn. Mặt khác, do địch có phương tiện trinh sát hiện đại, luôn làm chủ trên không, trên biển nên ta khó có thể cơ động HCKT từ nơi khác đến để bảo đảm cho các LLHQ. Vì vậy, nâng cao khả năng HCKT tại chỗ để bảo đảm cho LLHQ tác chiến trong khu vực là vấn đề quan trọng. Muốn vậy, ngay từ thời bình, cần đẩy mạnh xây dựng HCKT các khu vực phòng thủ (KVPT) vững mạnh, toàn diện, cả về lực lượng, cơ sở và thế trận; không ngừng nâng cao khả năng bảo đảm HCKT của KVPT cho các LLHQ. Tổ chức, hoàn thiện quy chế hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả, hiệu lực của hội đồng cung cấp (các cấp) trong xây dựng và huy động các nguồn lực HCKT. Bên cạnh đó, cần chú trọng xây dựng và phát huy vai trò nòng cốt của HCKT Hải quân trong khu vực tác chiến. Trên cơ sở quy hoạch, phương án tác chiến cơ bản, ngành HCKT Hải quân từng bước đầu tư xây dựng các căn cứ, phân căn cứ, cơ sở HCKT vững mạnh, tạo thế trận HCKT liên hoàn, vững chắc, có khả năng chuyển hoá linh hoạt; song, cũng đủ khả năng độc lập bảo đảm trong điều kiện bị chia cắt.

*Thứ hai*, xây dựng lực lượng HCKT hải quân cơ động trên biển vững mạnh về chính trị; giỏi về chuyên môn; tinh, gọn, mạnh về tổ chức. Đồng thời, chú trọng xây dựng lực lượng dự bị động viên của ngành HCKT Hải quân có chất lượng cao, sẵn

## KỶ NIỆM 80 NĂM CÁCH MẠNG THÁNG TÁM THÀNH CÔNG VÀ QUỐC KHÁNH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

sàng động viên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong các tình huống. Do đất nước ta dài và hẹp nên để tạo chiều sâu phòng thủ, LLHQ phải đẩy mạnh hoạt động tác chiến xa bờ. Mặt khác, hiện nay, khả năng dự trữ HCKT của các LLHQ hoạt động trên biển có hạn. Vì vậy, tăng cường xây dựng lực lượng HCKT hải quân cơ động trên biển giữ vị trí then chốt. Bên cạnh đó, để thực hiện cuộc chiến tranh nhân dân trên biển, ta sẽ huy động số lượng lớn tàu thuyền dân sự tham gia bảo đảm chiến đấu cho các LLHQ; làm cho nhu cầu HCKT bảo đảm cho tác chiến tăng đột biến, phạm vi bảo đảm rộng. Cho nên, ngay từ thời bình, cần chú trọng xây dựng lực lượng dự bị động viên ngành HCKT Hải quân có chất lượng cao để kịp thời huy động.

Để thực hiện biện pháp này, các đơn vị hải quân cần tích cực đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, nhân viên HCKT các cấp có phẩm chất đạo đức tốt, bản lĩnh chính trị vững vàng, tri thức cao, kỹ năng nghề nghiệp giỏi, sức khoẻ tốt. Từng bước trang bị tàu thuyền, phương tiện nỗi trên biển làm nhiệm vụ bảo đảm HCKT có tốc độ cao, khả năng chứa trữ vật chất HCKT lớn, có thể cấp phát, bổ sung vật chất, sửa chữa trang bị kỹ thuật cho nhiều đầu mối trong một thời điểm và có khả năng chịu sóng lớn. Trên cơ sở đó, tổ chức ra các phân đội HCKT tinh gọn, có khả năng cơ động cao. Tổ chức xây dựng, quản lý, huấn luyện lực lượng HCKT dự bị động viên chặt chẽ, chú trọng kiểm tra, luyện tập tổng hợp, diễn tập nâng cao khả năng sẵn sàng huy động, động viên.

Thứ ba, nâng cao khả năng bảo vệ HCKT trong tác chiến. Do địa hình ven biển và trên biển trống trải; địch có phương tiện trinh sát hiện đại, tổ chức trinh sát liên tục, nhiều lớp, nhiều tầng; cho nên, các lực lượng HCKT hải quân dễ bị địch phát hiện, đánh phá. Vì vậy, cần phải nâng cao khả

năng bảo vệ HCKT để duy trì bảo đảm cho LLHQ tác chiến trong thời gian dài. Trước hết, cần đặc biệt coi trọng công tác ngụy trang, nghi trang bảo vệ mục tiêu HCKT; phải vận dụng tổng hợp biện pháp kỹ thuật và nghệ thuật nhằm “giấu thật, bày giả”. Bố trí HCKT phân tán, hợp lý; triệt để tận dụng và cải tạo địa hình, nhất là các hang động để bố trí HCKT; dịch chuyển, di chuyển kịp thời; luôn có lực lượng dự bị cơ động đủ mạnh để xử trí các tình huống. Mặt khác, lực lượng HCKT của các đơn vị hải quân cần hiệp đồng chặt chẽ với các lực lượng tác chiến bảo vệ mục tiêu, nhất là trước sự tiến công của phương tiện không người lái (UAV, USV, UUV), tên lửa... Nếu bị địch đánh phá thì phải tập trung lực lượng cao nhất để khắc phục nhanh hậu quả, kiên quyết duy trì khả năng bảo đảm liên tục, kịp thời.

Như vậy, ngay sau khi thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, LLTQ đã từng bước được thành lập, với trang bị ban đầu rất thô sơ, thiếu thốn. Song, dưới sự lãnh đạo của Đảng ta và nhờ dựa chắc vào dân, nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, các đơn vị thủy quân đã được bảo đảm HCKT một cách chu đáo, đầy đủ, để lại nhiều kinh nghiệm quý. Những bài học kinh nghiệm đó cần tiếp tục nghiên cứu, vận dụng trong bảo đảm HCKT cho lực lượng Hải quân Việt Nam trong thời kỳ đầu của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (nếu xảy ra)♦

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Quốc phòng (2021), *Chiến lược phát triển hậu cần quân đội đến năm 2030*, Hà Nội.
2. Bộ Tư lệnh Hải quân (2015), *Lịch sử Hải quân nhân dân Việt Nam (1955 - 2015)*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Viện lịch sử quân sự Việt Nam (2010), *Lịch sử HCKT quân sự Việt Nam trong kháng chiến chống thực dân Pháp*, Nxb QĐND, Hà Nội

# PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA “NUÔI QUÂN ĐÁNH GIẶC” CỦA BỘ ĐỘI HẬU CẦN TRONG CHIỀU DÀI LỊCH SỬ

Thượng tá, TS. KHUẤT TRỌNG NAM  
Học viện Chính trị

*“Nuôi quân đánh giặc” là một giá trị văn hóa đặc thù, được kết tinh từ truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, được Quân đội nhân dân Việt Nam kế thừa, phát triển và hiện thực hóa trong quá trình xây dựng, chiến đấu và trưởng thành. Đây không chỉ là quan điểm mang tính chiến lược, mà còn là sự thể hiện rõ nét mối quan hệ hữu cơ giữa bảo đảm hậu cần - kỹ thuật (HCKT) với hoạt động tác chiến; giữa chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, sức khỏe bộ đội với việc nâng cao sức mạnh chiến đấu và chất lượng tổng hợp của toàn quân.*

**T**HỜI gian qua, bộ đội hậu cần - kỹ thuật (HCKT) đã cụ thể hóa giá trị văn hóa “nuôi quân đánh giặc” bằng những hành động thực tiễn, đồng bộ, toàn diện và hiệu quả; được thể hiện như sau:

**Thứ nhất**, Quân đội nhân dân Việt Nam kế thừa từ truyền thống văn hóa “nuôi quân đánh giặc” của của dân tộc. Trong lịch sử dân tộc Việt Nam, ông cha ta có nhiều kệ sách hay về bảo đảm HCKT phục vụ cho công cuộc dựng nước và giữ nước; trong đó, dựa vào dân để đánh giặc, dựa vào dân để nuôi quân là một đặc trưng văn hóa. Trong truyền thuyết Thánh Gióng đánh giặc Ân, vua (nhà nước) đã cắp ngựa sắt, gươm sắt, giáp sắt và nón sắt; Nhân dân làng Phủ Đổng nô nức đem thực lương, đua nhau mang vải lụa may quần áo để phục vụ Gióng đánh giặc. Đây là nét văn hóa thể hiện dân tộc Việt Nam đánh giặc trong thế trận lòng dân, dân “nuôi quân đánh giặc” trên khắp mọi miền đất nước. Thời Nhà Lý truyền thống “nuôi quân đánh giặc” được cụ thể bằng chính sách “Ngự binh ư nông”, làm cho “binh”, “nông” đều mạnh. Đến Nhà Trần, ngoài tiếp tục thực hiện chính sách “Ngự binh ư nông”, còn có kế “chứa lương không gì tiện bằng sai dân tự chứa, nếu mỗi nhà chứa trữ thì lo gì giặc đến mà không có lương ăn”; khi đánh giặc, lại có mưu “vườn không

nhà trống” để không cho lương thảo rơi vào tay giặc và coi trọng đánh chặn đường tiếp tế lương thực của quân địch. Trong dân gian còn lưu truyền câu “trẻ con bàn chuyện chiến thuật, người già bàn chuyện nuôi quân” phần nào thể hiện rõ tư tưởng quân sự toàn dân đánh giặc, vai trò nhân dân tiếp tế thực phẩm, trang bị cho quân đội. Phát huy giá trị văn hóa “nuôi quân đánh giặc” của dân tộc, quân đội ta đã thực hiện thắng lợi đường lối của đảng về chiến tranh nhân dân, hậu cần toàn dân, cùng toàn dân đánh bại thù trong, giặc ngoài.

**Thứ hai**, ngành HCKT quân đội có truyền thống tạo dựng văn hóa “nuôi quân đánh giặc”. Văn hóa “nuôi quân đánh giặc” của bộ đội hậu cần đã phát huy tinh thần hào hùng của dân tộc “Vua tôi đồng tâm, anh em hòa mục, cả nước góp sức” vì đất nước nuôi quân đánh giặc. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, trên khắp Việt Nam, ở đâu cũng có lực lượng nuôi quân là dân; Nhân dân mọi miền “nhường cơm, xé áo” cho bộ đội, và “xe chưa qua, nhà không tiếc”.

Thẩm nhuần lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Công việc cung cấp cũng quan trọng như việc trực tiếp đánh giặc trước mặt trận: Cung cấp đủ súng đạn, đủ cơm áo cho bộ đội thì bộ đội mới đánh thắng trận”; và

## KỶ NIỆM 80 NĂM CÁCH MẠNG THÁNG TÁM THÀNH CÔNG VÀ QUỐC KHÁNH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

"Các chú phải làm thế nào một bát gạo, một đồng tiền, một viên đạn, một viên thuốc, một tấc vải, phải đi thẳng đến chiến sĩ. Đó là bỗn phận của các chú"; trong suốt cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đánh đuổi đế quốc Mỹ, cán bộ HCKT của Quân đội ta đã thực sự "cần, kiệm, liêm, chính", toàn tâm, toàn ý trong công tác nuôi dưỡng bộ đội, đưa văn hóa "nuôi quân đánh giặc" lên tầm cao mới.

Văn hóa "nuôi quân đánh giặc" là sự kết tinh giá trị vật chất - tinh thần trong lĩnh vực quân sự, toát lên phẩm chất "Bộ đội Cụ Hồ". Nói đến giá trị văn hóa "nuôi quân đánh giặc" là khẳng định rõ sự trưởng thành, phát triển của bộ đội HCKT, mang trong mình truyền thống văn hóa dân tộc; được Đảng, Bác Hồ và quân đội rèn luyện trong khó khăn, ác liệt. Giá trị văn hóa đó đang được các thế hệ cán bộ, chiến sĩ HCKT quân đội không ngừng vun đắp. Tuy nhiên, trước yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng mới, nhất là nhiệm vụ xây dựng Quân đội ta "tinh, gọn, mạnh"; cùng sự phát triển của khoa học - công nghệ, mặt trái cơ chế thị trường luôn có nguy cơ tác động tới đội ngũ cán bộ HCKT... Do vậy, trong thời gian tới, việc phát huy giá trị văn hóa "nuôi quân đánh giặc" của bộ đội HCKT cần tập trung vào một số định hướng sau:

*Một là*, tăng cường giáo dục truyền thống văn hóa "nuôi quân đánh giặc" của dân tộc; ngành HCKT phải quán triệt sâu sắc truyền thống văn hóa của dân tộc vào truyền thống của mình. Đây là vấn đề có tính nguyên tắc hàng đầu, tạo tiền đề vững chắc phát triển văn hóa "nuôi quân đánh giặc" của bộ đội HCKT trong điều kiện mới. Đảng ta xác định: Xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số quân chủng, binh chủng, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại. Đến năm 2025, cơ bản xây dựng quân đội "tinh, gọn, mạnh", tạo tiền đề vững chắc, phấn đấu năm 2030 xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam

cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại". Vì thế, đây là nhiệm vụ nặng nề, tính chất công việc bảo đảm đặt ra cho bộ đội HCKT yêu cầu về phẩm chất rất cao. Cho nên, cần tăng cường giáo dục, cụ thể hoá truyền thống văn hóa "nuôi quân đánh giặc" của dân tộc vào ngành HCKT. Thực tế cho thấy, để chuyển hóa từ tri thức tới tình cảm, niềm tin, ý chí và hành vi chuẩn mực phụ thuộc rất lớn vào chất lượng giáo dục, bồi dưỡng giá trị văn hóa "nuôi quân đánh giặc"; và chỉ thông qua quá trình tuyên truyền, kết hợp rèn luyện thì bộ đội HCKT mới chiếm lĩnh được giá trị chân, thiện, mỹ trong hoạt động bảo đảm.

*Hai là*, tiếp tục phát huy toả sáng truyền thống ngành HCKT trong thực tiễn hoạt động chính trị - xã hội. Để toả sáng truyền thống tạo dựng ngành HCKT, các chủ thể tích cực thông qua hoạt động thực tiễn chính trị - xã hội nhằm rèn luyện, thử thách bộ đội HCKT; mục đích khơi dậy truyền thống, sức sáng tạo trong phát huy giá trị văn hóa "nuôi quân đánh giặc" trước yêu cầu mới. Đảng ta khẳng định: "Xây dựng đội ngũ cán bộ phải thông qua hoạt động thực tiễn". Thực tiễn rèn luyện, kiểm nghiệm, đánh giá chính xác trình độ văn hóa của bộ đội HCKT. Vì vậy, cấp ủy đảng và người chỉ huy tăng cường giao nhiệm vụ, đưa hoạt động của bộ đội HCKT sát với môi trường chiến đấu, như trong diễn tập, sẵn sàng chiến đấu, làm công tác dân vận, nhiệm vụ phòng chống bão lũ, khắc phục hậu quả thiên tai, phòng chống dịch bệnh; các phong trào phát động "Ngành Hậu cần Quân đội làm theo lời Bác Hồ dạy", "Đơn vị nuôi quân giỏi, quản lý tốt", "Đơn vị quân y 5 tốt", "Quản lý, sử dụng xăng dầu an toàn, tiếp kiệm, hiệu quả"; "Xây dựng và quản lý doanh trại chính quy, xanh, sạch đẹp"... Đây là môi trường, cái "nội" bồi dưỡng, xây dựng bộ đội HCKT hướng tới giá trị chân, thiện, mỹ.

*Ba* là, tích cực đổi mới, hoàn thiện công tác nuôi dưỡng bộ đội trong điều kiện mới. Trong điều kiện mới, tác động của toàn cầu hoá, hội nhập quốc tế, thế lực thù địch tăng cường chống phá cách mạng nước ta, hòng làm “phi chính trị hóa” quân đội; nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa từ sớm, từ xa... đặt ra yêu cầu rất cao với quân đội. Do vậy, công tác HCKT phải được quán triệt trước bối cảnh mới để xây dựng thế trận HCKT, bảo đảm tác chiến cho quân đội theo hướng “tinh, gọn, mạnh”. Muốn xây dựng quân đội hiện đại thì trong đó, công tác HCKT phải được phát huy giá trị truyền thống, trước hết là văn hóa “nuôi quân đánh giặc”; cùng với đó, phải ích cực đổi mới, hoàn thiện công tác nuôi dưỡng bộ đội. Muốn vậy, ngành HCKT ở các đơn vị cần phối hợp chặt chẽ với chính quyền và nhân dân địa phương; làm tốt công tác dân vận để tiến hành “nuôi quân đánh giặc”; chú trọng nghiên cứu những vấn đề đặt ra đối với công tác bảo đảm HCKT qua các cuộc xung đột quân sự trên thế giới để tham mưu, đề xuất về công tác nuôi dưỡng bộ đội trong tình hình mới. Tập trung xây dựng ngành HCKT vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ, ngày càng chính quy, hiện đại, đủ khả năng làm tròn nhiệm vụ HCKT khi có tình huống chiến tranh hiện đại.

*Bốn* là, phát huy tính tích cực của bộ đội HCKT trong đấu tranh có hiệu quả trên mặt trận tư tưởng, lý luận trong tình hình mới, bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng. Giá trị văn hóa “nuôi quân đánh giặc” của bộ đội HCKT là sự kế thừa truyền thống dân tộc, sự tự tạo dựng truyền thống ngành HCKT. Giá trị văn hóa “nuôi quân đánh giặc” phản ánh nội dung quan điểm chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối chính trị của Đảng ta và chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Song,

nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng Đảng đặt ra rất cấp thiết, các thế lực thù địch tăng cường chống phá Đảng, Nhà nước, xuyên tạc truyền thống dân tộc, truyền thống quân đội, trong đó có giá trị văn hóa “nuôi quân đánh giặc” của dân tộc. Do vậy, trong quá trình phát huy giá trị văn hóa “nuôi quân đánh giặc”, cần kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện chủ nghĩa cá nhân, thực dụng, phản bác mọi luận điệu sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch trong thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình”, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”, “phi chính trị hóa” quân đội. Mặt khác, mỗi cán bộ, đảng viên ngành HCKT cần thực hiện tốt lợi dạy của Bác: “Cán bộ cung cấp càng phải làm kiểu mẫu cần, kiệm, liêm, chính... để cải chính dư luận bảo rằng: Cán bộ cung cấp thường hủ hóa”; đồng thời, xây dựng văn hoá phòng, chống lãng phí, đưa thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trở thành “tự giác”, “tự nguyện”, “cơm nước uống, áo mặc hàng ngày”. Đây vừa là cơ sở xây dựng văn hóa “nuôi quân đánh giặc” trong tình hình mới, vừa là cơ sở lý luận, thực tiễn phản bác, đấu tranh có hiệu quả, bảo vệ vững chắc văn hóa dân tộc Việt Nam.

Văn hóa “nuôi quân đánh giặc” có giá trị nhân văn sâu sắc nên cần được bộ đội HCKT phát huy trong tình hình mới. Các định hướng nêu trên là cơ sở quan trọng để thực hiện điều đó♦

### Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 2*, Nxb CTQG - Sự thật, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII*, Nxb CTQG, Hà Nội.
3. Bộ Quốc phòng (2004), *Từ điển Bách khoa Quân sự Việt Nam*, Nxb QĐND, Hà Nội.

# XÂY DỰNG THẾ TRẬN VẬN TẢI TÁC CHIẾN PHÒNG THỦ QUÂN KHU TRONG CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC

Thiếu tướng, TS. NGUYỄN QUANG DŨNG  
Phó Giám đốc Học viện Hậu cần

**Xây dựng thế trận vận tải (TTVT) liên hoàn, vững chắc có ý nghĩa quyết định đến hoàn thành nhiệm vụ công tác vận tải (CTVT) trong tác chiến phòng thủ quân khu (PTQK). Vì vậy, vấn đề này cần được nghiên cứu một cách thấu đáo.**

**T**HẾ trận vận tải tác chiến phòng thủ quân khu (PTQK) là một bộ phận hợp thành thế trận hậu cần - kỹ thuật (HC-KT), là hình thái tổ chức, bố trí lực lượng vận tải (LLVT) gắn với mạng lưới giao thông vận tải và kho trạm HC-KT để thực hiện CTVT bảo đảm cho tác chiến. Trong tác chiến phòng thủ, nhiệm vụ CTVT rất nặng nề, phức tạp: Khối lượng vận chuyển lớn, vận chuyển bảo đảm cho nhiều lực lượng trên không gian tác chiến rộng, địa hình, đường sá phức tạp và địch đánh phá ác liệt, trong khi khả năng về lực lượng, phương tiện, các mặt bảo đảm cho vận chuyển còn hạn chế... Để hoàn thành nhiệm vụ vận chuyển bảo đảm tác chiến PTQK, đòi hỏi CTVT phải giải quyết nhiều vấn đề, trong đó xây dựng TTVT liên hoàn, vững chắc, có khả năng chuyển hoá là vấn đề quan trọng.

Thực tiễn trong chiến tranh giải phóng, LLVT của quân khu (mặt trận) từng bước được thành lập, bảo đảm vận tải cho quân khu (mặt trận) tổ chức các chiến dịch trong các hoạt động tác chiến. Thế trận vận tải được xây dựng theo các tuyến vận tải và các căn cứ hậu cần. Mạng đường vận tải của các quân khu (mặt trận) là sự kết hợp giữa hệ thống giao thông đường bộ và đường thủy có sẵn, kết hợp với làm đường mới. Qua đó, tạo nên TTVT liên hoàn, kết nối giữa hậu cần chiến lược với hậu cần của các quân khu, mặt trận và đơn vị.

Kế thừa kinh nghiệm đó, thời gian qua, các quân khu đã chú trọng xây dựng TTVT, từng bước hình thành thế bố trí vận tải và phát triển mạng đường vận tải theo các phương án tác chiến, điều kiện địa bàn. Tuy nhiên, TTVT còn nặng về kế hoạch; tổ chức căn cứ HC-KT, phân căn cứ HC-KT và khu bố trí vận tải triển khai trên thực địa chưa nhiều; mạng đường vận tải chủ yếu phục vụ cho phát triển kinh tế, chưa thực sự gắn kết với phương án vận tải tác chiến PTQK. Mặt khác, hoạt động của chính quyền địa phương 2 cấp đang đặt ra những vấn đề mới trong xây dựng thế trận quân sự, HC-KT nói chung và TTVT tác chiến PTQK nói riêng. Vì vậy, trong xây dựng TTVT tác chiến PTQK cần thực hiện tốt một số nội dung, biện pháp chủ yếu sau đây:

*Một là, chuẩn bị lực lượng, phương tiện vận tải từ thời bình; nhanh chóng bổ sung, kiện toàn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ vận tải tác chiến PTQK. Đây là vấn đề rất quan trọng trong xây dựng TTVT tác chiến PTQK. Trong thời bình, chuẩn bị lực lượng, phương tiện vận tải các cấp ở quân khu phải phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ, có thành phần biên chế hợp lý, tinh, gọn, mạnh; làm nòng cốt để phát huy sức mạnh tổng hợp LLVT nhân dân trên địa bàn quân khu, tạo tiềm lực vận tải sẵn sàng đáp ứng yêu cầu CTVT tác chiến PTQK.*

*Đối với cơ quan xe máy - vận tải, lữ (trung đoàn) vận tải thuộc cục HC-KT và*

LLVT các đơn vị của quân khu: Tổ chức, biên chế lực lượng, phương tiện vận tải trong thời bình phải được nghiên cứu rút gọn đáp ứng nhiệm vụ CTVT thường xuyên và yêu cầu mở rộng theo các phương án tác chiến trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (BVTQ). Trợ lý ở cơ quan xe máy – vận tải phải được lựa chọn, biên chế phù hợp, có năng lực tốt trong tham mưu, chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai tất cả các chuyên ngành vận tải. Cán bộ, chỉ huy ở đơn vị vận tải các cấp phải được đào tạo chính quy; có khả năng cập nhật kiến thức mới về khoa học vận tải và chỉ huy, quản lý hiện đại đáp ứng yêu cầu trong điều kiện mới của chiến tranh BVTQ. Đội ngũ lái xe, lái tàu, thợ sửa chữa được biên chế rút gọn phù hợp để vừa đáp ứng nhiệm vụ vận tải thường xuyên, vừa có lực lượng kế cận, dự trữ đáp ứng kịp thời khi chiến tranh xảy ra. Tăng cường huấn luyện, bồi dưỡng nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ năng lực chuyên môn cho LLVT; nghiên cứu, huấn luyện sử dụng hiệu quả các vật liệu, trang bị ngụy trang cho người và phương tiện. Tăng cường diễn tập thực binh cho LLVT chiến dịch nhằm đánh giá toàn diện khả năng thực hành vận tải và tiếp tục nghiên cứu bổ sung, điều chỉnh phương án vận tải gắn với điều chỉnh LLVT. Thường xuyên bão quản, sửa chữa, nghiên cứu các sáng kiến cải tiến nâng cao chất lượng phương tiện hiện có ở các đơn vị để tiếp tục sử dụng có hiệu quả. Nắm chắc nhu cầu vận tải thường xuyên và tác chiến PTQK để kiến nghị, đề xuất với Bộ Quốc phòng từng bước mua sắm, bổ sung trang bị, phương tiện vận tải hiện đại, đồng bộ với sự phát triển của vũ khí, trang bị tác chiến. Quá trình đầu tư trang bị, phương tiện vận tải cần chú trọng tham mưu cho chỉ huy các cấp và chính quyền địa phương xây dựng đồng bộ cả cơ sở bảo đảm như: Nhà ga, cảng, kho, phương tiện bốc xếp chuyển tải

cùng với công nghệ bao gói hàng hoá, có tính lưỡng dụng cao, vừa bảo đảm có thể khai thác kinh tế và sẵn sàng phục vụ các nhiệm vụ quân sự. Nâng cao chất lượng, hiệu quả và bảo đảm an toàn trong CTVT.

Đối với lực lượng dự bị động viên (DBDV) vận tải: Ngay từ thời bình, lực lượng DBDV vận tải phải được xây dựng đủ về số lượng, bảo đảm chất lượng, đúng chuyên môn, gắn với địa bàn để thuận tiện cho quản lý, huy động khi tác chiến. Các cơ quan xe máy – vận tải và đơn vị vận tải các cấp của quân khu cần chủ động tham mưu cho chủ nhiệm HC-KT xây dựng lực lượng DBDV vận tải; chủ động phối hợp chặt chẽ với các địa phương làm tốt công tác tạo nguồn, đăng ký, quản lý quân nhân dự bị, phương tiện kỹ thuật dự bị; xây dựng kế hoạch và tổ chức huấn luyện cho lực lượng DBDV vận tải. Đồng thời, duy trì có nền nếp việc phúc tra, kiểm tra sẵn sàng động viên đối với lực lượng DBDV đơn vị quản lý và bảo đảm chế độ, chính sách cho quân nhân dự bị đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với lực lượng, phương tiện vận tải nhân dân địa phương trên địa bàn sẵn sàng huy động trong tác chiến, vận tải quân khu có trách nhiệm tham mưu, chỉ đạo xây dựng, đề xuất nhu cầu và hiệp đồng kế hoạch huy động theo phương án tác chiến.

Tác chiến PTQK tiến hành qua nhiều giai đoạn. Chuẩn bị và chuyển hóa TTPT là quá trình liên tục, theo thế trận HC-KT ở các giai đoạn tác chiến, hoặc khi nhu cầu vận chuyển cho các tình huống ngoài dự kiến. Trong các trường hợp đó, phải ưu tiên kiện toàn lực lượng, phương tiện vận tải. Ở giai đoạn chuẩn bị trực tiếp, cần tập trung huy động, tiếp nhận lực lượng, phương tiện DBDV vận tải; nhanh chóng kiện toàn biên chế thời chiến của vận tải quân khu; kiểm tra và bảo đảm tốt kỹ thuật của các phương tiện. Huấn luyện chiến thuật, kỹ thuật bổ

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

sung cho LLVT. Trong giai đoạn thực hành tác chiến, vận tải quân khu nắm chắc phương án bảo đảm và nhiệm vụ CTVT để điều chỉnh lực lượng phương tiện vận tải ở căn cứ HC-KT, phân căn cứ HC-KT, ở các thành phần HCKT khác, chuyển hóa thế trận HC-KT để kịp thời vận chuyển vật chất, thương binh theo yêu cầu tác chiến. Tập trung kiện toàn hệ thống chỉ huy vận tải; điều chỉnh số lượng lực lượng, phương tiện vận tải; tổ chức, bố trí, điều chỉnh LLVT phù hợp giữa các phương thức, phương tiện vận tải, giữa vận tải chuyên nghiệp và huy động.

*Hai là, tổ chức mạng giao thông vận tải tác chiến PTQK liên hoàn, vững chắc. Mạng giao thông vận tải là yếu tố quan trọng tạo nên TTVT nói riêng. Mạng giao thông vận tải tác chiến PTQK phải được tổ chức liên hoàn, vững chắc, đáp ứng yêu cầu: có đủ số lượng đường cần thiết, có đường dự bị, đường vòng tránh, hình thành mạng đường liên hoàn kết nối giữa căn cứ, phân căn cứ HC-KT đến các hướng, khu vực tác chiến; tổ chức các bến, bãi, cảng, khu trung chuyển, các công trình phụ trợ thuận tiện, an toàn, bí mật, luôn sẵn sàng hỗ trợ cho các loại phương tiện vận tải hoạt động.*

Ngay từ thời bình, căn cứ kế hoạch vận tải tác chiến PTQK, cơ quan xe máy - vận tải quân khu tiến hành khảo sát, đánh giá và điều chỉnh phương án tổ chức mạng giao thông vận tải. Thực hiện tốt nguyên tắc lấy mạng lưới giao thông hiện có làm nòng cốt, kết hợp đề xuất, tham mưu cho cấp thẩm quyền cải tạo, nâng cấp và mở mới các tuyến đường, bến bãi... phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội, gắn với nhiệm vụ vận tải trong các giai đoạn tác chiến.

Mạng giao thông vận tải tác chiến PTQK liên hoàn, vững chắc, phải tổ chức ra các đường dọc, đường ngang, các đường nhánh, đường vòng tránh; đường trong căn

cứ, phân căn cứ HC-KT và ở các bộ phận HC-KT; đường ô tô, đường thô sơ - sức người, đường vận tải thủy, đường sắt (nếu có điều kiện). Phải có hệ thống bền, bãy, khu tiếp chuyển, trung chuyển vật chất kỹ thuật, thương binh, bệnh binh. Về kỹ thuật, phải đáp ứng khả năng thông qua của các phương thức, phương tiện vận tải. Đồi với đường bộ cho vận tải ô tô, chú ý các chỉ tiêu về bề rộng, khả năng chịu tải, độ dốc dọc, bán kính đường vòng, các công trình cầu, cống, ngầm trên đường. Đồi với đường thủy, phải nắm chắc chiều dài tuyến, độ sâu luồng lạch; các công trình như cầu, phà, hệ thống cảng, bến bãi, khu tiếp chuyển giữa vận tải thủy và phương tiện vận tải khác. Khi có tuyến đường sắt qua địa bàn, nếu có điều kiện sử dụng thì nắm loại toa xe, hệ thống nhà ga trên tuyến, các điểm có thể kết nối với đường bộ. Đường ra, vào và đường nội bộ trong căn cứ, phân căn cứ HC-KT và các bộ phận HC-KT đơn vị phải tổ chức theo một chiều riêng biệt (chiều ra và vào), có bến đủ diện tích cho xe tiến, lùi và quay đầu thuận lợi; không để địa hình có nhiều dốc, gập ghềnh và lầy lội. Đồng thời, dự báo được tình hình địa hình, mạng giao thông trong các giai đoạn tác chiến; dự kiến thủ đoạn, loại vũ khí, các trọng điểm giao thông (ngã ba, ngã tư, cầu, hầm, nhà ga, bến, cảng...) địch sử dụng, tập trung đánh phá để có biện pháp phòng tránh, đánh trả, tổ chức đường dự bị ở các tuyến vận chuyển huyết mạch.

Khi chiến tranh xảy ra, trên cơ sở mạng giao thông vận tải được chuẩn bị trước từ thời bình, vận tải quân khu tổ chức trình sát đánh giá và điều chỉnh kịp thời đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ CTVT trong các giai đoạn tác chiến, phối hợp với công binh quân khu và các đơn vị sửa chữa, cải tạo, đề xuất mở đường vận tải mới khi cần thiết; tổ chức các trạm điều chỉnh, bảo đảm an toàn, tránh tắc ở các trọng điểm. Phối hợp với các lực

lượng bảo vệ giao thông vận chuyển để bảo vệ giao thông vận tải thông suốt. Nghiên cứu sản xuất, trang bị UAV trinh sát vận tải cho lữ (trung) đoàn vận tải quân khu, sử dụng trong điều kiện khó khăn, nhằm cập nhật thông tin, tổ chức, điều chỉnh giao thông vận tải kịp thời.

Bà là, tổ chức, bố trí LLVT hợp lý và có khả năng điều chỉnh linh hoạt, chuyển hóa nhanh. Tổ chức, bố trí LLVT tác chiến PTQK hợp lý nhằm tạo nên “lực” và “thế” của xây dựng TTVT. Tổ chức, bố trí LLVT phải phù hợp với thế trận tác chiến PTQK, hướng, khu vực, mục tiêu phòng thủ, các hình thức, biện pháp tác chiến, loại hình chiến dịch; phù hợp với phương án tổ chức, sử dụng lực lượng tác chiến PTQK nói chung và phương án tổ chức HC-KT nói riêng; phù hợp với nhiệm vụ vận chuyển trên từng hướng, khu vực tác chiến. Phân chia, sắp xếp các thành phần vận tải phải kết hợp và phát huy khả năng sở trường giữa LLVT cấp trên tăng cường, LLVT trong biên chế và huy động tại địa phương; vận tải cơ giới và thô sơ – sức người; vận tải chuyên nghiệp và không chuyên nghiệp, trong đó LLVT thuộc biên chế của quân khu làm nòng cốt. Tổ chức các quy mô (đơn vị) và hệ thống chỉ huy vận tải phù hợp, bố trí ở các căn cứ, phân căn cứ HC-KT, các trạm trung chuyển; tổ chức lực lượng dự bị vận tải mạnh và tăng cường LLVT cho các đơn vị tác chiến trên các hướng, khu vực, mục tiêu phòng thủ chủ yếu.

Bố trí LLVT phải khoa học, bí mật, an toàn, liên hoàn với các thành phần của ngành HCKT trong căn cứ, phân căn cứ, phù hợp với thế bố trí chiến lược, chiến thuật. Trong thời bình, trên cơ sở phương án tổ chức, sử dụng, bố trí LLVT, phòng xe máy – vận tải tham mưu cho chủ nhiệm HCKT chỉ đạo, từng bước chuẩn bị các hạng mục, công trình vận tải. Tập trung lựa

chọn, quy hoạch, cải tạo các hang động sẵn có, xây dựng một số hầm hào, công sự sơ bộ, công trình vận tải trọng điểm và trồng cây ngụy trang. Tham mưu cho chính quyền địa phương xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông vận tải, phát triển các loại hình doanh nghiệp vận tải, cơ sở sửa chữa phương tiện vận tải phục vụ phát triển kinh tế và sẵn sàng huy động, khai thác trong chiến tranh.

Thực tiễn cho thấy, trong các chiến tranh gần đây trên thế giới, đặc biệt từ “Chiến dịch quân sự đặc biệt” của Nga tại Ukraine, hệ thống đường, cầu, nhà ga, bến cảng, đội hình vận tải được cả hai bên sử dụng UAV, USV, tên lửa... đánh phá ác liệt nhằm ngăn chặn cơ động lực lượng, tiếp tế hậu cần, phá hoại cơ sở hạ tầng, gây tổn thất lực lượng, phương tiện vận tải. Vì vậy, có rất nhiều tình huống ngoài dự kiến trong tác chiến, việc điều chỉnh, bổ sung, chuyển hóa TTVT trong từng giai đoạn tác chiến là điều không thể tránh khỏi. Do vậy, vận tải quân khu cần dự kiến nhiều tình huống; tổ chức chuyển hóa TTVT đúng thời cơ; di chuyển đội hình, bố trí lực lượng phù hợp, ít bị tổn thất lực lượng, phương tiện vận tải, đảm bảo không gián đoạn vận chuyển.

Xây dựng TTVT tác chiến PTQK trong chiến tranh BVTQ tương lai (nếu xảy ra) có nhiều khó khăn, phức tạp. Để hoàn thành nhiệm vụ, cần giải quyết tốt các vấn đề đã nêu. Quá trình thực hiện cần vận dụng linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với tình hình thực tiễn ở từng quân khu♦

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Quốc phòng (2022), *Điều lệ CTVT Quân đội Nhân dân Việt Nam*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Tổng Tham mưu (2018), *Bảo đảm hậu cần trong tác chiến PTQK*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Bộ Tổng Tham mưu (2018), *Bảo đảm kỹ thuật trong tác chiến PTQK*, Nxb QĐND, Hà Nội.

# BÀN VỀ TỔ CHỨC, SỬ DỤNG, BỐ TRÍ LỰC LƯỢNG HẬU CẦN - KỸ THUẬT SỰ ĐOÀN BỘ BINH BIÊN CHẾ HỎA LỰC MẠNH TIẾN CÔNG VÀO KHU VỰC ĐỊCH PHÒNG NGỤ

Đại tá, PGS.TS. VŨ NHẬT VĂN

Trưởng phòng Đào tạo, Học viện Hậu cần

*ABSTRACT: Arranging, employing, and deploying logistical and technical forces for a firepower-intensive infantry division attacking enemy defenses is of utmost importance, serving as the foundation for successful logistical and technical support. Based on theoretical and practical research, this article addresses key issues related to the arrangement, employment, and deployment of logistical and technical forces for a firepower-intensive infantry division attacking enemy defenses in the Northern midland terrain.*

## I. TÓM TẮT

Tổ chức, sử dụng (TCSD), bố trí lực lượng hậu cần - kĩ thuật (HC-KT) sư đoàn bộ binh (fBB) được biên chế hỏa lực mạnh (BCHLM) tiến công vào khu vực địch phòng ngự (KVĐPN) có ý nghĩa hết sức quan trọng, là cơ sở để hoàn thành nhiệm vụ bảo đảm HC-KT. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, bài viết đề cập một số vấn đề về TCSD, bố trí lực lượng HC-KT sư đoàn bộ binh được BCHLM tiến công vào KVĐPN ở địa hình trung du Bắc Bộ.

## II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tiến công vào KVĐPN, sư đoàn bộ binh được BCHLM thường thực hiện phương châm “đánh điểm, diệt viện”, lấy tiêu diệt địch ngoài công sự là chủ yếu. Để chiến đấu thắng lợi, fBB phải tiến hành nhiều nội dung; trong đó, TCSD, bố trí lực lượng HC-KT là một nội dung quan trọng trong bảo đảm HCKT.

Tổ chức, sử dụng, bố trí lực lượng HC-KT là phân chia, sắp xếp các lực lượng HC-KT một cách hợp lý, phù hợp với cách đánh, tổ chức đội hình chiến đấu của sư đoàn và tính chất chuyên môn nghiệp vụ của từng lực lượng, nhằm tạo ra sức mạnh tổng

hợp bảo đảm cho sư đoàn hoàn thành nhiệm vụ được giao. Trong kháng chiến chống Mỹ, việc TCSD, bố trí lực lượng HC-KT sư đoàn bộ binh tiến công vào KVĐPN luôn được thực hiện hiệu quả và để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý. Tuy nhiên, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (BVTQ) tương lai, fBB được BCHLM có sự phát triển về vũ khí trang bị cùng nghệ thuật tác chiến; các yếu tố về địch, địa hình, khí hậu, thời tiết cũng có nhiều thay đổi, tạo ra khó khăn rất lớn đối với bảo đảm HCKT. Điều đó cũng đòi hỏi, việc TCSD, bố trí lực lượng HC-KT sư đoàn bộ binh BCHLM tiến công vào KVĐPN phải được nghiên cứu cho phù hợp.

## III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Đối tượng chiến đấu trực tiếp của fBB được BCHLM là tiểu đoàn, lữ đoàn bộ binh (bộ binh cơ giới, hải quân đánh bộ, kỵ binh đường không) địch hoặc lực lượng tương đương phòng ngự trong công sự và lực lượng dự bị của lữ đoàn, sư đoàn bộ binh (bộ binh cơ giới) địch ứng cứu giải tỏa (ƯCGT) bằng đường bộ, đổ bộ đường không (ĐBĐK) trên địa hình trung du. Lực lượng địch trong

công sự thường chiếm giữ các địa hình có giá trị chiến thuật, chiến dịch, tổ chức trận địa phòng ngự vững chắc. Khi bị ta tiến công, địch dựa vào hệ thống công sự, trận địa, vật cản và hỏa lực, kiên quyết ngăn chặn, đẩy lui các đợt tiến công của ta. Thực hiện phân tuyến, tạo thời cơ đưa lực lượng UCGT bằng đường bộ, ĐBĐK tiến công vào sở chỉ huy, trận địa hỏa lực, khu bố trí HC-KT của ta. Dịch UCGT có thể đồng thời hoặc lần lượt cả đường bộ và đường không.

Sư đoàn được BCHLM tiến công vào KVDPN thường được cấp trên tăng cường lực lượng, phương tiện và một số phân đội bảo đảm khác; thời gian chuẩn bị ngắn; thời gian thực hành chiến đấu không dài. Quá trình chiến đấu, fBB thường tổ chức thành các lực lượng: Tiến công địch trong công sự; tiến công địch ngoài công sự; dự bị, xe tăng; pháo binh, phòng không; công binh, hóa học; HC-KT; sở chỉ huy và một số lực lượng khác. Sư đoàn có thể vận dụng các hình thức chiến thuật: Tiến công trận địa, tập kích, vây lấn; vận động tiến công, đánh địch ĐBĐK, phục kích, truy kích...; trong đó, tiến công trận địa, vận động tiến công và đánh địch ĐBĐK là các hình thức chiến thuật cơ bản, chủ yếu. Như vậy, HC-KT sư đoàn phải bảo đảm cho nhiều lực lượng chiến đấu, tiến công địch bằng các trận đánh với quy mô cấp trung đoàn, từ nhiều hướng (mũi), với không gian rộng; khu vực chiến đấu có thể trong dự kiến hoặc ngoài dự kiến, nhiều tình huống có thể xảy ra, diễn biến khẩn trương, ác liệt, tính biến động cao, với nhiều hình thức chiến thuật, thủ đoạn chiến đấu. Do đó, quá trình bảo đảm sẽ gặp rất nhiều khó khăn, phức tạp. Tuy vậy, trong điều kiện mới của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, HC-KT sư đoàn có điều kiện dựa vào thế trận HC-KT quân khu, kết hợp với HC-KT tại chỗ, HC-KT khu vực phòng thủ (KVPT) tỉnh trong khu vực chiến đấu để bảo đảm; đặc biệt, rất thuận lợi ở khu

vực trung du Bắc Bộ có sự phát triển mạnh về kinh tế - xã hội.

Để TCSD, bố trí lực lượng HC-KT sư đoàn bộ binh BCHLM tiến công vào KVDPN hiệu quả, HC-KT sư đoàn cần tiến hành tốt một số nội dung sau:

Một là, hậu cần - kỹ thuật fBB tổ chức thành các bộ phận phù hợp, có lực lượng HC-KT dự bị cùng một số thành phần lực lượng khác. Trên cơ sở lực lượng HC-KT trong biên chế, có thể được cấp trên tăng cường đội điều trị (ĐĐT), đại đội vận tải ô tô, đội sửa chữa và huy động được một số lực lượng quân y, vận tải của KVPT tỉnh, thành phố trong địa bàn tác chiến...; HC-KT sư đoàn cần được tổ chức thành các bộ phận cho phù hợp. Hiện nay, về mặt lý luận, xác định, fBB tiến công vào KVDPN, hậu cần - kĩ thuật của fBB thường tổ chức từ một vài bộ phận. Tuy nhiên, nghiên cứu môi trường chiến đấu vùng trung du Bắc Bộ và dự báo về địch cho thấy, fBB được BCHLM thực hiện đánh địch trong công sự có lựa chọn, buộc địch ra tăng viện UCGT bằng đường bộ và ĐBĐK. Các trận đánh địch UCGT đường bộ và ĐBĐK có thể diễn ra đồng thời hoặc lần lượt. Theo đó, fBB phải tổ chức thành nhiều lực lượng, bố trí phân tán trên một phạm vi tương đối rộng. Do khả năng lực lượng HC-KT sư đoàn có hạn, nếu tổ chức thành nhiều bộ phận (chẳng hạn là 3) bộ phận thì lực lượng HC-KT sư đoàn sẽ bị phân tán, khó chỉ huy, hiệp đồng. Nếu tổ chức thành 1 bộ phận thì lực lượng HC-KT quá tập trung, khó cơ động, chuyển hóa, dễ bị địch đánh phá gây tổn thất, khả năng bảo đảm kịp thời cho các hướng (khu vực) chiến đấu hạn chế. Do vậy, trong trường hợp này, tổ chức lực lượng HC-KT sư đoàn thành các bộ phận HC-KT chủ yếu và bộ phận HC-KT thứ yếu, có lực lượng HC-KT dự bị, lực lượng HC-KT tăng cường cho dưới và một số thành phần lực lượng HC-KT khác là phù hợp. Phương án

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

này sẽ vừa đáp ứng được yêu cầu cơ động, linh hoạt, khắc phục sự chia cắt khi bị địch phân tuyến; vừa tập trung bảo đảm cho lực lượng tiến công; vừa có điều kiện tổ chức ra lực lượng dự bị mạnh để xử trí các tình huống và có lực lượng HC-KT tăng cường cho đơn vị, hình thành các tuyến bảo đảm HC-KT theo khu vực hoàn chỉnh; đồng thời, thuận lợi trong chuyển hóa thế trận bảo đảm kịp thời khi có tình huống xảy ra.

*Hai là*, xác định thành phần lực lượng HC-KT ở các bộ phận hợp lý. Để xác định nhu cầu lực lượng HC-KT ở các bộ phận thường dựa vào nhu cầu vận chuyển bổ sung vật chất, cứu chữa, vận chuyển thương binh, bệnh binh (TBBB) và nhu cầu sửa chữa vũ khí trang bị.

Thực tiễn trong chiến tranh giải phóng, trận đánh của fBB24 tiến công Điểm cao 935 tại miền Tây Thùa Thiêng (năm 1970) có tỷ lệ thương binh (TLTB) là 13,8% quân số chiến đấu (QSCĐ), tỉ lệ hư hỏng vũ khí trang bị toàn trận trung bình là 10%. Trận tiến công Chi khu Lộc Ninh trong Chiến dịch Nguyễn Huệ (04 ÷ 07/4/1972) của fBB5, có TLTB là 14,6% QSCĐ. Hiện nay, trong một số phương án diễn tập, xác định: TLTB toàn trận là 13% QSCĐ, tỉ lệ hư hỏng vũ khí trang bị súng bộ binh nhóm 1 là 6%, súng bộ binh nhóm 2 là 10%, pháo xe kéo, ô tô khoảng 10%; xe tăng thiết giáp khoảng 15%. Trong chiến tranh BVTQ (nếu xảy ra), fBB được BCHLM tiến công vào KVDPN phải thực hiện nhiều trận đánh khác nhau, có thể đồng thời hoặc kế tiếp. Trong khi đó, địch được trang bị nhiều loại vũ khí, trang bị hiện đại, khả năng chuyển hóa linh hoạt. Vì thế, tỉ lệ TBBB, tỉ lệ hư hỏng vũ khí trang bị và nhu cầu vật chất của fBB được BCHLM tiến công vào KVDPN có thể sẽ cao. Xuất phát từ cách đánh và thời gian, nhiệm vụ chiến đấu, dự kiến TLTB của fBB được BCHLM tiến công vào KVDPN khoảng 12 ÷ 14% QSCĐ; trong đó, thương

binh ngày cao nhất khoảng 6%; tỉ lệ hư hỏng vũ khí trang bị: súng bộ binh từ 5% ÷ 7%; pháo xe kéo, ô tô khoảng 10%; xe tăng thiết giáp khoảng 15%. Đồng thời, qua nghiên cứu cho thấy, lực lượng tiến công địch phòng ngự trong công sự thường có tỉ lệ TBBB cao hơn tỉ lệ chung của toàn fBB khoảng 2 ÷ 4%; lực lượng tiến công địch ngoài công sự có tỉ lệ TBBB tương đương toàn fBB, hoặc cao hơn 1 ÷ 2%; lực lượng dự bị binh chủng hợp thành và các lực lượng còn lại thường có tỉ lệ TBBB thấp hơn. Vì vậy, fBB được BCHLM tiến công vào KVDPN, dự kiến TLTB toàn trận ở lực lượng tiến công địch phòng ngự trong công sự là 16% QSCĐ; lực lượng đánh địch UCGT bằng đường bộ là 14% QSCĐ; lực lượng đánh địch ĐBĐK là 12% QSCĐ; lực lượng dự bị là 10% QSCĐ; lực lượng còn lại khoảng 9,7% QSCĐ.

Trên cơ sở các yếu tố về QSCĐ, thời gian tác chiến, nhu cầu vật chất, dự kiến TLTB và tỉ lệ hư hỏng vũ khí trang bị trên các hướng (khu vực) tiến công và lực lượng, phuơng tiện HC-KT có trong biên chế, tăng cường...; có thể đề xuất phuơng án sử dụng lực lượng HC-KT như sau:

Ở bộ phận HC-KT chủ yếu, lực lượng HC-KT gồm: Lực lượng quân y cấp tiểu đoàn và đội điều trị; lực lượng vận tải (bộ, ô tô) cấp đại đội; đại đội kho HC-KT thiểu; đại đội sửa chữa và một số kíp mỗ CCCB, đại đội dân quân huy động tại địa phuơng.

Ở bộ phận HC-KT thứ yếu, lực lượng HC-KT gồm: Các đội phẫu thuật CCCB; các trung đội vận tải (bộ, ô tô); trung đội sửa chữa, trung đội kho HC-KT và hàng chục dân quân; một số kíp mỗ CCCB của địa phuơng.

Đối với lực lượng HC-KT dự bị, cần tổ chức: Một số kíp mỗ hoặc đội phẫu, các trung đội vận tải (bộ, ô tô), trung đội sửa chữa và một số vật chất cần thiết được xếp sẵn trên xe để sẵn sàng cơ động.

Lực lượng HC-KT tăng cường cho dưới: Đội phẫu thuật CCCB; đại đội vận tải của sư đoàn, trung đội vận tải ô tô sư đoàn.

Đối với lực lượng HC-KT ở lại phía sau, gồm: Bệnh xá sư đoàn, bVT ô tô và số nhân viên còn lại. Lực lượng HC-KT tại sở chỉ huy cơ bản, sử dụng phó chủ nhiệm và các trợ lý. Lực lượng HC-KT tại sở chỉ huy phía sau, gồm: Chủ nhiệm, các trợ lý. Ngoài ra, fBB thường tổ chức các tổ sửa chữa, cứu kéo cơ động và các khu vực tập trung vũ khí trang bị kỹ thuật hư hỏng.

Ba là, bố trí bộ phận HC-KT với khoảng cách phù hợp, thuận tiện cơ động, đủ diện tích triển khai, bảo đảm bí mật, an toàn; đồng thời, xác định thời gian triển khai phù hợp. Bộ phận HC-KT chủ yếu có nhiệm vụ tiếp nhận vật chất, phương tiện từ căn cứ hoặc phân căn cứ HC-KT của quân khu và của KVPT tỉnh, thành phố để dự trữ và bảo đảm cho toàn fBB; bảo đảm trực tiếp cho lực lượng tiến công địch trong công sự, lực lượng đánh địch ĐBĐK, lực lượng dự bị binh chủng hợp thành và lực lượng còn lại; sẵn sàng chi viện cho bộ phận HC-KT thứ yếu. Vì vậy, cần bố trí bộ phận HC-KT chủ yếu gần sở chỉ huy cơ bản của sư đoàn, cách HC-KT các trung đoàn trên hướng (khu vực) bảo đảm khoảng vài ki-lô-mét. Được triển khai cùng lúc với trung đoàn làm nhiệm vụ tiến công địch phòng ngự trong công sự vào vị trí tạm dừng hoặc triển khai.

Bộ phận HC-KT thứ yếu có nhiệm vụ: Tiếp nhận vật chất, phương tiện từ căn cứ, hoặc phân căn cứ HC-KT của quân khu và của KVPT tỉnh, thành phố; trực tiếp bảo đảm cho lực lượng tiến công địch UCGT đường bộ. Vì vậy, cần bố trí cách HC-KT trung đoàn trên hướng thứ yếu vài ki-lô-mét, nơi thuận tiện cơ động, đủ diện tích triển khai lực lượng HC-KT, bảo đảm bí mật, an toàn. Được triển khai cùng lúc với trung đoàn đánh địch

UCGT đường bộ cơ động vào khu vực bố trí chiến đấu.

Lực lượng HC-KT dự bị có nhiệm vụ: Sẵn sàng xử trí các tình huống, nhất là khi sư đoàn sử dụng lực lượng dự bị binh chủng hợp thành bước vào chiến đấu. Lực lượng này được bố trí trong bộ phận HC-KT chủ yếu, nơi tiện cơ động triển khai lực lượng khi bổ sung cho các bộ phận HC-KT. Triển khai đồng loạt, cùng với bộ phận HC-KT chủ yếu.

### IV. KẾT LUẬN

Tổ chức, sử dụng, bố trí lực lượng HC-KT sư đoàn bộ binh được BCHLM tiến công vào KVĐPN trong điều kiện địch đánh phá ác liệt, tính biến động cao, địa hình dễ bị chia cắt. Tuy nhiên, HC-KT sư đoàn có điều kiện chuẩn bị lực lượng HC-KT, thế bố trí HC-KT từ trước; được quân khu tăng cường lực lượng HC-KT và huy động một số lực lượng HC-KT trong KVPT tỉnh, thành phố trên địa bàn chiến đấu. Do vậy, ngay từ thời bình, cần phải nghiên cứu phương án tổ chức HC-KT cho phù hợp với nhiệm vụ, cách đánh của sư đoàn; phù hợp với điều kiện địa hình, thời tiết và các yếu tố khác có liên quan♦

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng Tham mưu (2018), *Bảo đảm hậu cần fBB tiến công vào KVĐPN*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Tổng tham mưu (2023), *Bảo đảm hậu cần, kỹ thuật fBB được BCHLM tiến công địch phòng ngự*, NXb QĐND, Hà Nội.
3. Học viện Hậu cần (1975), *Công tác hậu cần fBB5 tăng cường tiến công Chi khu Lộc Ninh*, Nxb QĐND, Hà Nội.
4. Học viện Hậu cần (2008), *Giáo trình bảo đảm hậu cần fBB chiến đấu tiến công*, Hà Nội.

# MỘT SỐ GIẢI PHÁP CỨU CHỮA, VẬN CHUYỂN THƯƠNG BINH, BỆNH BINH LỰC LƯỢNG THỌC SÂU CỦA SỰ ĐOÀN BỘ BINH TIẾN CÔNG ĐỊCH PHÒNG NGỤ Ở ĐỊA HÌNH TRUNG DU

Đại tá, TS. NGUYỄN THÀNH TRUNG  
Chánh Văn phòng, Học viện Hậu cần

**ABSTRACT:** Based on theoretical research, surveys, and related influencing factors, this article proposes several solutions for the treatment and evacuation of wounded and sick soldiers of deep-penetration forces of an infantry division reinforced to attack enemy defenses in the midland terrain, in scenarios where combat is conducted from the outset.

## I. TÓM TẮT

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận, khảo sát thực tiễn và các yếu tố tác động liên quan; bài viết đề xuất một số giải pháp cứu chữa, vận chuyển thương binh, bệnh binh (TBBB) lực lượng thọc sâu (LLTS) của sư đoàn bộ binh (fBB) tăng cường tiến công địch phòng ngự ở địa hình trung du, trong trường hợp tổ chức từ đầu chiến đấu.

## II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sư đoàn bộ binh chiến đấu trong đội hình của chiến dịch tiến công, thế trận khu vực phòng thủ địa phương, có nhiệm vụ tiêu diệt cứ điểm, cụm cứ điểm tiểu đoàn hoặc sở chỉ huy lữ đoàn địch, chiếm giữ mục tiêu. Sát thương, ngăn chặn đánh bại lực lượng tăng viện phản kích trực tiếp của lữ đoàn. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ về làm lực lượng dự bị cho chiến dịch hoặc cùng với lực lượng của chiến dịch tiếp tục phát triển chiến đấu.

Đánh bại quân địch phòng ngự, sư đoàn phải vận dụng linh hoạt nhiều hình thức chiến thuật và thủ đoạn chiến đấu; trong đó, thọc sâu là một trong những thủ đoạn được vận dụng phổ biến và mang lại

hiệu quả chiến đấu cao. Để bảo đảm cho LLTS của fBB chiến đấu thắng lợi, cần phải giải quyết nhiều vấn đề; trong đó, cứu chữa, vận chuyển TBBB là một nội dung hết sức quan trọng. Chiến tranh giải phóng, ta đã tổ chức LLTS trong các trận fBB tiến công địch phòng ngự thắng lợi và để lại nhiều kinh nghiệm quý về bảo đảm hậu cần - kỹ thuật nói chung; cứu chữa, vận chuyển TBBB nói riêng, có thể vận dụng, kế thừa. Tuy nhiên, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tương lai (nếu xảy ra) cả ta và địch đều có những sự phát triển, thay đổi. Vì vậy, cần nghiên cứu giải pháp cứu chữa, vận chuyển TBBB cho LLTS của fBB tiến công địch phòng ngự phù hợp thực tiễn.

## III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Đối tượng chiến đấu trực tiếp của lực lượng thọc sâu fBB tiến công địch phòng ngự ở địa hình trung du là bộ phận chủ yếu trong sở chỉ huy lữ đoàn bộ binh (BBCG) của địch. Các bộ phận trong đội hình sở chỉ huy thường hình thành từng cụm, với lực lượng cấp đại đội; cơ quan tham mưu lữ và chỉ huy nằm ở khu vực trung tâm, xung quanh triển khai lực lượng tiểu đoàn chỉ

huy. Hỏa lực được bố trí thành hệ thống liên hoàn, nhiều tầng, nhiều lớp. Vật cản chủ yếu là mìn các loại, kết hợp với hàng rào kẽm gai và vật cản tự nhiên, tạo thành từng khu vực vật cản phức tạp có chính diện và chiều sâu. Vì vậy, chiến đấu diễn ra ác liệt, vật chất hậu cần, vật tư kỹ thuật tiêu thụ, tổn thất lớn, đường vận tải bị địch ngăn chặn; việc cứu chữa, vận chuyển TBBB gặp rất nhiều khó khăn...

Lực lượng thọc sâu fBB có thể tổ chức ngay từ đầu hoặc trong quá trình chiến đấu; sử dụng khoảng tiểu đoàn bộ binh, được phối thuộc tăng, thiết giáp cùng một số phân đội chiến đấu và bảo đảm khác; cấp trên chỉ viện hỏa lực pháo binh, phòng không, để tiến công vào mục tiêu chủ yếu, quan trọng của địch. Để hoàn thành nhiệm vụ được giao, LLTS có thể tổ chức thành các bộ phận: Trinh sát, thọc sâu mũi nhọn, thọc sâu chủ yếu, thọc sâu dự bị, tăng thiết giáp, hỏa lực, binh chủng (công binh, hóa học), chỉ huy và hậu cần - kỹ thuật; có nhiệm vụ thực hành đột phá, đánh nhanh, đánh lướt hoặc bỗ qua một số mục tiêu bên ngoài, táo bạo đánh chiếm mục tiêu đã xác định.

Sư đoàn bộ binh tiến công địch phòng ngự ở địa hình trung du thường tiến hành vào ban đêm, trong điều kiện địa hình phức tạp, địch có hỏa lực mạnh, dễ bị đánh phá, chia cắt, ngăn chặn. Lực lượng thọc sâu chiến đấu xen kẽ với địch, thường xuyên cơ động, phát triển chiến đấu nhanh trong chiều sâu đội hình phòng ngự của địch, TBBB nằm rải rác trong suốt quá trình cơ động chiến đấu, tính chất vết thương phức tạp, tỷ lệ TBBB nặng và vừa cao... Để cứu chữa, vận chuyển TBBB lực lượng thọc sâu hiệu quả, hậu cần - kỹ thuật fBB cần thực hiện tốt một số giải pháp chủ yếu sau:

*Một là*, nâng cao khả năng tự cấp cứu và cấp cứu cho nhau và động viên bộ đội

vận chuyển TBBB. Đây là biện pháp có ý nghĩa quan trọng nhằm tạo điều kiện cho việc cứu chữa, điều trị ở các tuyến sau được thuận lợi; giảm tỷ lệ biến chứng, thương vong cho TBBB... Thực tiễn, bảo đảm quân y cho LLTS của fBB8 tiến công căn cứ Đông Hà (từ ngày 27 ÷ 28/4/1972) cho thấy, có 68% thương binh tự băng hoặc do đồng đội băng cho, 32% do nhân viên y tế băng. Trong trận fBB316 tiến công sở chỉ huy fBB23 địch phòng ngự thị xã Buôn Ma Thuột (chiến dịch Tây Nguyên năm 1975), đối với thương binh của LLTS, quân y băng là 31,4%, bộ đội tự băng là 47,1%; còn lại là đồng đội băng.

Để thực hiện tốt giải pháp này, ngay từ thời bình, cần tổ chức huấn luyện cho bộ đội nắm chắc các kỹ thuật cấp cứu cơ bản, như: Băng bó vết thương, cầm máu tạm thời vết thương, cố định tạm thời gãy xương, hô hấp nhân tạo và chuyển thương hỏa tuyến. Ngoài ra, phải thường xuyên tổ chức huấn luyện diễn tập, rèn luyện nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Trong chiến đấu, cần làm tốt công tác tư tưởng, giáo dục, động viên bộ đội phát huy tinh thần tự cấp cứu và cấp cứu lẫn nhau. Trong điều kiện cho phép, bộ đội có thể tự chuyển thương để cấp cứu được kịp thời; hạn chế thương vong, tàn phế, nâng cao khả năng phục hồi cho TBBB, góp phần giữ vững quân số chiến đấu cho các đơn vị.

*Hai là*, tổ chức cứu chữa, vận chuyển TBBB theo tuyến; tăng cường lực lượng quân y và vận tải bộ cho hậu cần LLTS đủ khả năng bảo đảm. Số lượng TBBB lực lượng thọc sâu của fBB tiến công địch phòng ngự ở địa hình trung du không quá lớn. Tuy nhiên, chiến đấu diễn ra ác liệt, LLTS cơ động, phát triển chiến đấu nhanh trong chiều sâu đội hình phòng ngự của địch, việc tìm kiếm vận chuyển TBBB rất khó khăn.

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

Vì vậy, hậu cần - kỹ thuật fBB cần có biện pháp phù hợp để tìm kiếm vận chuyển và cứu chữa TBBB kịp thời.

Khi LLTS bước vào chiến đấu, việc cứu chữa và chuyển thương thực hiện theo tuyến là chủ yếu. Yêu cầu cứu chữa kịp thời, an toàn, đúng tuyến, phát huy vai trò tự cứu và cứu chữa lẫn nhau của bộ đội, phát huy hết khả năng cứu chữa của từng tuyến. Tổ chức lực lượng vận tải theo sát lực lượng chiến đấu để tìm kiếm và vận chuyển thương binh kịp thời. Thực tiễn, bảo đảm quân y cho LLTS của fBB8 tiến công Đông Hà năm 1972, tổ chức cứu chữa TBBB theo tuyến, LLTS bổ sung cấp cứu TBBB và bàn giao cho hậu cần sư đoàn ở cánh Bắc. Thương binh được chuyển về nhanh chóng, ngày nào gọn ngày đấy. Khi về đến các trạm, TBBB đều được phân loại và cứu chữa kịp thời. Trong chiến đấu, để bảo đảm gọn nhẹ, LLTS không giữ lại TBBB nhẹ mà gửi về fBB. Sư đoàn tổ chức nuôi dưỡng tại hậu cứ.

Do đặc thù LLTS thường cơ động phát triển chiến đấu nhanh, trong điều kiện đan xen với địch, địa hình trống trải, việc tìm kiếm vận chuyển thương binh rất khó khăn. Vì vậy, vận chuyển TBBB cho LLTS cần vận dụng rất linh hoạt, tuyến trên xuống tuyến dưới chuyển TBBB về, tuyến trước chủ động đưa TBBB về tuyến sau, kết hợp trên dưới cùng chuyển. Cụ thể:

Đối với tuyến đại đội: Tiền hành tìm kiếm, cấp cứu đầu tiên, đưa TBBB vào nơi an toàn và chuẩn bị mọi mặt để chuyển thương về tuyến quân y tiểu đoàn kịp thời. Y tá, cứu thương đại đội phải bám sát đội hình chiến đấu để kịp thời cứu chữa, chỉ đạo bộ đội cứu chữa lẫn nhau. Địa hình trung du tầm quan sát hạn chế, nằm trong chiều sâu đội hình phòng ngự của địch, khó có sự liên hệ hỗ trợ nhau trong chiến đấu, hoạt động

mang tính độc lập cao... Vì vậy, nếu không có lực lượng tải thương đi cùng sẽ rất dễ bỏ lại TBBB; trong khi đó, y tá, cứu thương không thể vừa cấp cứu vừa vận chuyển TBBB. Do vậy, phải đưa lực lượng tải thương xung kích xuống các đại đội để thực hiện chuyển thương ngay trong chiến đấu. Đặc biệt, chiến đấu hiệp đồng binh chủng có xe tăng đi cùng, cần huấn luyện cho bộ đội biết cấp cứu và đưa TBBB ra khỏi xe tăng, xe cơ giới.

Đối với tuyến quân y LLTS: Tiền hành phân loại, bổ sung cấp cứu và chuẩn bị mọi mặt cho TBBB để chuyển thương về sau kịp thời, an toàn. Mặc dù, hậu cần - kỹ thuật được biên chế trung đội vận tải bộ; song, khi thực hiện nhiệm vụ, thường đưa một lực lượng tải thương xung kích xuống các đại đội bộ binh để chuyển thương, nên cần được trên tăng cường quân y và vận tải bộ. Theo tính toán, hậu cần - kỹ thuật fBB tăng cường cho LLTS khoảng tổ quân y, tiểu đội (trung đội) vận tải bộ là phù hợp.

Đối với quân y sư đoàn: Trước khi về đến tuyến quân y sư đoàn, TBBB của LLTS mới chỉ được bổ sung cấp cứu; mặt khác, TBBB cần được nhanh chóng chuyển về tuyến sau. Do đó, quân y fBB ở bộ phận hậu cần – kỹ thuật phía trước cần được tăng cường lực lượng đủ khả năng thực hiện cứu chữa cơ bản và chuẩn bị mọi mặt cho TBBB chuyển về tuyến sau. Có thể bố trí kíp mổ và trung đội vận tải bộ để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Ba là, huy động các lực lượng tham gia chuyển thương, sử dụng kết hợp các phương tiện vận chuyển TBBB cho LLTS khi có điều kiện. Với tính chất ác liệt, biến động của trận đánh; mặt khác, khả năng của lực lượng vận tải bộ của fBB có hạn. Vì vậy, hậu cần - kỹ thuật fBB cần kết hợp chặt chẽ với địa phương để huy động lực

lượng dân công, các phương tiện vận tải thô sơ, cơ giới... để tìm kiếm, vận chuyển TBB cho LLTS của sư đoàn. Thực tiễn, fBB8 tiến công Đông Hà, hậu cần fBB đã phát huy được khả năng xe ô tô để vận chuyển; đồng thời, tổ chức tốt việc vận chuyển bằng sức người. Thống kê cho thấy, TBBB đi bộ chiếm 47,09%; cát 36,69%; tiếp chuyển bằng xe ô tô 16,22%. Đối với LLTS của fBB316 tiến công Buôn Ma Thuột năm 1975, chuyển thương về fBB bằng ô tô chiếm 96%.

Hậu cần - kỹ thuật fBB cần tổ chức lực lượng chuyển thương chặt chẽ, sử dụng lực lượng hợp lý, phát huy cao nhất khả năng của mọi lực lượng, phương tiện; vận dụng linh hoạt biện pháp chuyển thương, như: Dùi, cõng, cát, động viên TBBB nhẹ đi về tuyến sau, chở TBBB bằng xe cơ giới khi có điều kiện. Cụ thể:

Đối với lực lượng vận tải của fBB: Sử dụng trong tìm kiếm, vận chuyển TBBB là chủ yếu. Tuy nhiên, sau khi nổ súng, hậu cần sư đoàn có thể sử dụng lực lượng vận tải cơ giới cơ động lên, tiếp chuyển TBBB về tuyến sau. Khi sử dụng lực lượng vận tải cơ giới phải bảo đảm yếu tố an toàn. Đối với dân quân tự vệ: Đây là lực lượng có ưu điểm quen thuộc địa hình, đường vận chuyển, được tổ chức chặt chẽ ở các xã, phường và cơ quan, nhà máy, xí nghiệp; có nhiệm vụ phối hợp với bộ đội chủ lực và sẵn sàng tham gia bảo đảm. Vì vậy, fBB cần nắm chắc và hiệp đồng chặt chẽ với địa phương để huy động thực hiện nhiệm vụ chuyển thương cho đơn vị.

Sử dụng bộ đội chuyển thương: Đây là biện pháp được vận dụng phổ biến trong chiến tranh giải phóng; tuy nhiên, cần nghiên cứu sử dụng cho phù hợp. Xuất phát từ tính chất của chiến đấu tiến công, nên sử dụng bộ đội vào tìm kiếm và vận chuyển TBBB sau trận chiến đấu là chủ yếu. Khi tổ chức,

cần quán triệt mục đích, ý nghĩa của công tác chuyển thương cho cán bộ, chiến sĩ; chỉ huy hiệp đồng chặt chẽ, có lực lượng vận tải chuyên nghiệp làm nòng cốt cùng đi.

Về sử dụng các phương tiện vận chuyển: Cần kết hợp các loại phương tiện trong chuyển thương, chú trọng sử dụng vận chuyển bằng phương tiện thô sơ, sức người; triệt để tận dụng vận tải cơ giới ở cấp fBB để tiếp chuyển TBBB khi có điều kiện. Song, phải làm tốt công tác ngụy trang, hiệp đồng chặt chẽ với các lực lượng bảo vệ an toàn quá trình chuyển thương, không để TBBB bị thương lần hai.

### IV. KẾT LUẬN

Cứu chữa, vận chuyển TBBB cho LLTS của fBB chiến đấu tiến công địch phòng ngự ở địa hình trung du có vị trí, vai trò rất quan trọng, tác động trực tiếp đến kết quả trận đánh. Để làm tốt vấn đề này, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp trên một cách linh hoạt, sáng tạo vào từng trận đánh, góp phần cho fBB chiến đấu giành thắng lợi♦

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng Tham mưu (2012), *Sư đoàn bộ binh tiến công địch phòng ngự ở địa hình trung du*, Nxb QĐND, Hà Nội
2. Bộ Tổng Tham mưu (2012), *Bảo đảm hậu cần fBB tiến công địch phòng ngự ở địa hình trung du*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Cục Quân y (2009), *Tổ chức chỉ huy quân y*, Nxb QĐND, Hà Nội.
4. Học viện Hậu cần (2005), *Tổng kết công tác hậu cần fBB tiến công địch phòng ngự trong kháng chiến chống Mỹ*, Nxb QĐND, Hà Nội.
5. Vũ Văn Đức (2019), *Tổ chức chuẩn bị thọc sâu của fBB tiến công địch phòng ngự ở địa hình trung du*, Luận văn thạc sĩ quân sự, Học viện Lực lượng, Đà Lạt.

# NÂNG CAO HIỆU QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÁC DOANH NGHIỆP QUÂN ĐỘI

Thiếu tá, ThS. LÊ THỊ HỒNG

Nghiên cứu sinh, Học viện Tài chính

*Hiệu quả sản xuất kinh doanh (SXKD) của doanh nghiệp thể hiện khả năng huy động và sử dụng nguồn lực một cách tối ưu nhằm đạt được các mục tiêu đề ra. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận, thực tiễn, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả SXKD của các doanh nghiệp quân đội (DNQĐ) trong bối cảnh hiện nay.*

**D**OANH nghiệp quân đội giữ vai trò quan trọng trong hệ thống kinh tế quốc gia, ngày càng khẳng định vị thế tiên phong, dẫn đầu trong một số lĩnh vực mới, trọng yếu, như công nghiệp quốc phòng, viễn thông, logistics..., góp phần đảm bảo quốc phòng, an ninh quốc gia.

Trong những năm qua, quán triệt sâu sắc các nghị quyết, kết luận, chỉ thị của Đảng, Chính phủ về đổi mới quản trị, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và thúc đẩy mạnh mẽ đầu tư phát triển của các Tập đoàn, Tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước; Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, triển khai đồng bộ nhiều giải pháp và nỗ lực không ngừng của các DNQĐ. Vì vậy, đã đạt được những kết quả tích cực: Mỗi năm đóng góp khoảng 15 ÷ 20 tỷ USD; giữ vai trò quan trọng trong ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và đảm bảo an sinh xã hội; thực hiện tốt nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước, cải thiện đời sống người lao động, đóng góp quan trọng vào sự phát triển kinh tế, cung cấp tiềm lực quốc phòng của đất nước; tiêu biểu có các doanh nghiệp: Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội, Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn, Tổng Công ty Trực

thăng Việt Nam, Ngân hàng Quân đội, Nhà máy Z183... Tuy nhiên, hiệu quả sản xuất kinh doanh của các DNQĐ vẫn còn bộc lộ một số hạn chế như: Tốc độ tăng trưởng của một số doanh nghiệp chưa cao, thậm chí có doanh nghiệp thua lỗ kéo dài; hiệu quả sử dụng vốn còn thấp, một số doanh nghiệp chưa tối ưu hóa nguồn lực, còn tình trạng đầu tư dàn trải, phân bổ vốn chưa hợp lý, khả năng sinh lời chưa cao; quản trị doanh nghiệp ở một số đơn vị còn chậm tiếp cận và áp dụng các mô hình hiện đại, chưa phát huy hết tiềm năng và lợi thế cạnh tranh; công nghệ sản xuất ở một số lĩnh vực còn lạc hậu, chậm đổi mới, chưa theo kịp xu hướng công nghệ tiên tiến, ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh, đặc biệt là trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập kinh tế sâu rộng... Nguyên nhân của những hạn chế trên là do: vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chỉ huy các cấp trong thực hiện nâng cao hiệu quả SXKD chưa thực sự rõ nét; việc hoạch định chiến lược tài chính chưa phát huy hiệu quả tối ưu; công tác quản trị doanh nghiệp chưa được chú trọng; chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu; việc ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi

số vẫn còn hạn chế... Trong thời gian tới, nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới, đồng thời nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, hướng tới phát triển bền vững, các DNQĐ cần tập trung triển khai một số biện pháp trọng tâm sau:

*Một là*, phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chỉ huy các cấp trong thực hiện nâng cao hiệu quả SXKD của DNQĐ. Cấp ủy, chỉ huy các cấp trong DNQĐ có vai trò quyết định đối với việc nâng cao hiệu quả SXKD, bảo đảm sự phát triển bền vững gắn với nhiệm vụ củng cố quốc phòng. Trước tiên, các DNQĐ tiếp tục quán triệt, đẩy mạnh thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, đề án của Đảng, Chính phủ, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, trọng tâm là Kết luận số 1815-KL/QUTW, ngày 03/3/2023 của Quân ủy Trung ương về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 425-NQ/QUTW, ngày 18/5/2017 “Về sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của DNQĐ đến năm 2020 và những năm tiếp theo”; Đề án sắp xếp lại DNQĐ giai đoạn 2021 - 2025. Thông qua đó, lãnh đạo, chỉ huy các cấp cần xác định rõ mục tiêu, kế hoạch, lộ trình và các biện pháp thực hiện. Từ đó, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt những nhiệm vụ trọng tâm, đẩy mạnh SXKD hiệu quả gắn với thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng. Ngoài ra, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, cấp ủy, chỉ huy các cấp cần chú trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng lồng ghép trong xây dựng văn hóa doanh nghiệp theo hướng phát huy truyền thống “Bộ đội cụ Hồ” tiên phong trên mọi địa bàn, vùng kinh tế khó khăn, khu vực trọng yếu của đất nước. Từ đó, xây dựng được tinh thần đoàn kết, thống nhất, quyết tâm trong thực hiện nhiệm vụ đạt chất lượng, hiệu quả cao nhất.

*Hai là*, tăng cường các giải pháp tài chính nhằm nâng cao hiệu quả SXKD của doanh nghiệp. Các giải pháp tài chính đóng

vai trò then chốt, giúp DNQĐ xây dựng chiến lược tài chính tối ưu và phát triển bền vững. Việc triển khai các giải pháp tài chính này không chỉ giúp DNQĐ nâng cao hiệu quả SXKD mà còn đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ kép, phát triển kinh tế gắn với củng cố quốc phòng, giữ vững vai trò chủ lực trong nền kinh tế và an ninh quốc gia. Trước tiên, doanh nghiệp cần xây dựng chiến lược tài chính vững chắc, quản lý dòng tiền hiệu quả nhằm duy trì thanh khoản ổn định và đảm bảo khả năng đầu tư dài hạn. Đa dạng hóa nguồn vốn thông qua các kênh như phát hành trái phiếu, vay vốn ưu đãi, hợp tác đầu tư với các đối tác trong và ngoài nước. Doanh nghiệp quân đội cần chủ động tính toán, xác định cơ cấu vốn hợp lý theo từng giai đoạn phát triển, từ đó tổ chức huy động nguồn lực tài chính tối ưu. Tiếp đó, DNQĐ cần tăng cường kiểm soát chi phí sản xuất, cắt giảm các khoản chi không cần thiết và nâng cao hiệu suất sử dụng tài sản cũng là yếu tố quan trọng. Nghiên cứu áp dụng mô hình sản xuất tinh gọn (LEAN) nhằm tiết kiệm chi phí. Đây là mô hình áp dụng phương pháp cải tiến có hệ thống, liên tục và tập trung vào việc loại bỏ các lãng phí trong quá trình sản xuất, từ đó cắt giảm chi phí, tối ưu hóa việc sử dụng các nguồn lực, rút ngắn thời gian chu trình sản xuất, đồng thời tăng khả năng đáp ứng linh hoạt các yêu cầu không ngừng biến động và ngày càng khắt khe của thị trường. Đồng thời, DNQĐ cần ứng dụng công nghệ tài chính (Fintech), chuyển đổi số trong quản lý tài chính để tối ưu hóa quy trình, nâng cao tính minh bạch và tăng cường khả năng dự báo tài chính. Việc xây dựng hệ thống kiểm soát tài chính nội bộ chặt chẽ sẽ giúp doanh nghiệp phòng tránh rủi ro, ngăn chặn thất thoát tài sản. Cuối cùng, DNQĐ cần chủ động cập nhật chính sách tài chính, thuế và các quy định của Nhà nước để tận dụng tối đa các ưu đãi trong quá trình cải tiến công nghệ, đặc biệt là các chính sách ưu đãi về

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

thuế, tiền thuê đất, hỗ trợ về đào tạo lao động..., đảm bảo tuân thủ pháp luật, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững.

Ba là, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp. Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong việc tối ưu hóa hoạt động SXKD, nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp. Để đạt được điều này, trước hết, DNQĐ cần xây dựng một mô hình quản trị hiện đại, minh bạch, phù hợp với xu hướng phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế. Việc áp dụng các chuẩn mực quản trị tiên tiến giúp doanh nghiệp vận hành hiệu quả, giảm thiểu rủi ro và tận dụng tối đa nguồn lực sẵn có. Đội ngũ lãnh đạo và quản lý trong các DNQĐ cần được nâng cao năng lực thông qua các chương trình đào tạo chuyên sâu về quản trị chiến lược, tài chính, nhân sự và đổi mới sáng tạo. Việc xây dựng một hệ thống quản trị dựa trên dữ liệu và ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI), phân tích dữ liệu lớn (Big Data) giúp doanh nghiệp đưa ra quyết định nhanh chóng, chính xác hơn. Việc phân quyền và trách nhiệm rõ ràng giữa các bộ phận cũng giúp doanh nghiệp vận hành linh hoạt và hiệu quả hơn. Đồng thời, DNQĐ cần tăng cường ứng dụng công nghệ trong quản trị, như hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP), quản trị quan hệ khách hàng (CRM) để tối ưu hóa quy trình làm việc và nâng cao năng suất. Cuối cùng, trong bối cảnh hội nhập và cạnh tranh ngày càng gay gắt, DNQĐ cần chủ động cập nhật xu hướng quản trị tiên tiến trên thế giới, học hỏi kinh nghiệm từ các mô hình quản trị thành công để không ngừng đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động và phát triển bền vững. Muốn vậy, trên cơ sở Hướng dẫn về quản trị công ty trong doanh nghiệp nhà nước của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (Organization for Economic Cooperation and Development-OECD) năm 2015 với 4 nguyên tắc cần tuân thủ; các DNQĐ cần nghiên cứu, xây dựng

và áp dụng khung quản trị doanh nghiệp phù hợp với chuẩn mực quốc tế; đi đôi với đào tạo, bồi dưỡng, đẩy mạnh tổ chức các buổi hội thảo, mở rộng hợp tác quốc tế để học hỏi những kinh nghiệm quản trị doanh nghiệp hiện đại, hiệu quả của thế giới.

Bốn là, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong DNQĐ nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Đây là giải pháp căn bản và lâu dài, có vị trí, vai trò vô cùng quan trọng trong bối cảnh hiện nay. Doanh nghiệp quân đội cần có nhận thức và thực hiện đầu tư đúng mức cho việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, gồm đội ngũ cán bộ quản lý và người lao động trực tiếp sản xuất, đáp ứng yêu cầu phát triển; cùng với làm tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sử dụng cán bộ theo hiệu quả công việc, phát huy khả năng, sở trường. Bên cạnh đó, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển nguồn nhân lực tại chỗ với xây dựng chính sách phù hợp, hiệu quả để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao từ bên ngoài bổ sung cho doanh nghiệp. Nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, DNQĐ cần chú trọng đào tạo, đào tạo lại đội ngũ cán bộ quản lý để có hiểu biết đầy đủ về kinh tế thị trường, thị trường công nghệ, năng động sáng tạo; kết hợp giữa sử dụng và đào tạo thông qua hoạt động thực tiễn ở doanh nghiệp tạo ra đội ngũ cán bộ quản lý DNQĐ có đức, có tài, có năng lực quản lý sử dụng tốt máy móc công nghệ mới. Tiếp đó, DNQĐ cần tăng đầu tư kinh phí, mở lớp đào tạo công nhân kỹ thuật lành nghề, chất lượng đáp ứng yêu cầu đổi mới công nghệ. Các DNQĐ cần lập kế hoạch gửi công nhân đi đào tạo ở các trường kỹ thuật trong nước và nước ngoài giúp công nhân được tiếp cận, học hỏi và làm chủ công nghệ. Quá trình đào tạo cần coi trọng đào tạo thực hành, đổi mới chương trình, nội dung và phương pháp đào tạo; đặc biệt chú trọng đào tạo nâng cao tay nghề, kỹ năng, kỹ

xảo là chính, giúp người công nhân kỹ thuật có tay nghề cao, đáp ứng với yêu cầu ngày càng cao của thị trường.

Năm là, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với chuyển đổi số trong nâng cao hiệu quả SXKD. Trước xu hướng phát triển mới, việc ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến, đổi mới sáng tạo vào SXKD gắn với chuyển đổi số là nội dung cần được các DNQĐ đặc biệt quan tâm. Thông qua việc sử dụng công nghệ cho phép các doanh nghiệp kết nối dễ dàng hơn với khách hàng, tối ưu hóa hoạt động của các doanh nghiệp và mở ra các cơ hội tiếp cận thị trường mới. Bằng việc kết hợp phù hợp giữa các công cụ kỹ thuật số, phân tích dữ liệu lớn trong suốt quá trình bán hàng, các doanh nghiệp có thể kết nối các điểm trong hành trình của khách hàng. Điều này sẽ giúp tăng thị phần, tăng doanh thu và lợi nhuận. Các DNQĐ cần bám sát chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực SXKD chủ động tiếp thu, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới, hiện đại trên thế giới vào tất cả các lĩnh vực: lãnh đạo điều hành, xuất khẩu công nghệ, sản xuất, kinh doanh. Đồng thời, các DNQĐ cần đẩy mạnh việc hợp tác, liên kết, giúp đỡ lẫn nhau về ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số, hướng tới tiên phong trong lĩnh vực này. Để đạt hiệu quả cao, các DNQĐ nên tìm các hướng đi mới, lựa chọn đối tác chiến lược hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ; gắn kết chặt chẽ giữa hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ với hợp tác kinh tế quốc tế; kết hợp với tăng cường phối hợp với các chuyên gia, đơn vị tư vấn nghiên cứu, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng SXKD.

Để đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số, các DNQĐ cần đặc biệt quan tâm đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng số, bởi đây là yếu tố

quyết định hiệu quả của quá trình số hóa và là nền tảng vững chắc cho sự phát triển kinh tế số. Trước hết, DNQĐ cần hoàn thiện và nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, đảm bảo hệ thống máy chủ, đường truyền, trung tâm dữ liệu đáp ứng yêu cầu vận hành liên tục, bảo mật cao. Đồng thời, đầu tư trang bị các công cụ kỹ thuật số tiên tiến, giúp tối ưu hóa quy trình làm việc, số hóa tài liệu, thông tin từ dạng giấy sang dữ liệu điện tử, giảm thiểu thủ tục hành chính. Bên cạnh đó, việc ứng dụng điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo (AI) và dữ liệu lớn (Big Data) sẽ giúp DNQĐ nâng cao khả năng phân tích, dự báo và ra quyết định nhanh chóng, chính xác hơn. Chuyển đổi số thành công không chỉ giúp DNQĐ nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất kinh doanh mà còn góp phần xây dựng hệ thống quản trị hiện đại, linh hoạt, sẵn sàng thích ứng với những thách thức trong thời đại mới.

Đứng trước những thách thức mới, việc nâng cao hiệu quả SXKD không chỉ là nhiệm vụ mà còn là động lực để các DNQĐ phát triển bền vững. Triển khai quyết liệt và đồng bộ các giải pháp trên giúp các DNQĐ nâng cao hiệu quả SXKD, tiếp tục vững vàng trước mọi biến động, không ngừng đổi mới, tăng cường năng lực cạnh tranh, khẳng định vai trò chủ lực trong nền kinh tế gắn với hoàn thành nhiệm vụ quốc phòng, an ninh♦

### Tài liệu tham khảo

- Quân ủy Trung ương (2023), *Kết luận 1815-KL/QUTW về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 425-NQ/QUTW*, Hà Nội.
- Quân ủy Trung ương (2021), *Nghị quyết số 820-NQ/QUTW lãnh đạo nhiệm vụ lao động sản xuất, xây dựng kinh tế kết hợp quốc phòng của quân đội đến năm 2030*, Hà Nội.
- Học viện Tài chính (2021), *Giáo trình Tài chính doanh nghiệp*, Nxb Tài chính, Hà Nội.

# GIẢI PHÁP TIẾP NHẬN, BỒ SUNG VẬT CHẤT HẬU CẦN TRUNG ĐOÀN BỘ BINH CHIẾN ĐẤU TẬP KÍCH Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Thượng tá, TS. ĐINH VĂN ĐÔNG

Ban Khảo thí và bảo đảm chất lượng GDĐT, Học viện Hậu cần

**ABSTRACT:** Receiving and replenishing logistical supplies plays a crucial role in the timely and adequate provision of all necessary logistical materials to support successful combat operations. Based on theoretical and practical grounds, this article proposes several solutions for receiving and replenishing logistical supplies for an infantry regiment conducting raid operations in the Mekong Delta during the flood season.

## I. TÓM TẮT

Tổ chức tiếp nhận, bồi sung vật chất hậu cần (VCHC) có vai trò quan trọng nhằm cung cấp kịp thời, đầy đủ mọi nhu cầu VCHC cho đơn vị chiến đấu thắng lợi. Từ lý luận và thực tiễn, bài viết đề cập một số giải pháp tổ chức tiếp nhận, bồi sung VCHC trung đoàn bộ binh (eBB) chiến đấu tập kích (CĐTK) ở đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) mùa nước nổi.

## II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trung đoàn bộ binh CĐTK có thời gian chuẩn bị rất gấp, trận đánh diễn ra trong đêm, ở ĐBSCL mùa nước nổi địa hình trũng trũng, bị sông nước bao bọc chia cắt nên việc tiếp nhận, bồi sung VCHC bảo đảm eBB chiến đấu sẽ rất khó khăn, phức tạp. Thực tiễn, trong kháng chiến chống Mỹ, ta đã tổ chức một số trận eBB chiến đấu tập kích ở ĐBSCL giành thắng lợi và để lại những kinh nghiệm quý về tiếp nhận, bồi sung VCHC có thể kể thừa. Qua khảo sát diễn tập của một số eBB ở ĐBSCL gần đây cho thấy, hậu cần – kỹ thuật trung đoàn (HC-KT/e) đã xây dựng phương án bảo đảm VCHC cho đơn vị CĐTK; tuy nhiên, còn một số nội dung chưa được giải quyết triệt để, đó là: Phương án bồi sung VCHC chưa phù hợp với tính chất

trận đánh và điều kiện ĐBSCL mùa nước nổi; biện pháp sử dụng lực lượng, phương tiện để vận chuyển bồi sung VCHC chưa cụ thể... Vì vậy, cần nghiên cứu có giải pháp tiếp nhận, bồi sung VCHC bảo đảm eBB chiến đấu tập kích ở ĐBSCL mùa nước nổi cho phù hợp.

## III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Đối tượng CĐTK của eBB ở ĐBSCL là tiểu đoàn bộ binh địch tạm dừng, sử dụng vũ khí công nghệ cao, tác chiến điện tử mạnh. Quá trình tạm dừng, địch triệt để tận dụng địa hình có lợi để bố trí đội hình, chú trọng cảnh giới, trinh sát phát hiện ta từ xa; sử dụng hỏa lực đánh phá vào những nơi nghi ngờ và chống trả quyết liệt khi bị ta tiến công. Khi ta làm chủ trận đánh, hỏa lực của địch ở những nơi lân cận sẽ đánh phá trùm lên trận địa để hủy diệt thế trận và lực lượng của ta.

Thực hiện nhiệm vụ tập kích tiêu diệt địch tạm dừng, đánh bại ý định chiến đấu của địch, tạo thế và thời cơ có lợi cho các hoạt động tiếp theo của cấp trên và lực lượng vũ trang địa phương, eBB bí mật cơ động triển khai lực lượng ngay trong đêm, bất ngờ nổ súng đánh nhanh diệt gọn, lui quân nhanh trước khi trời sáng. Vì vậy, thời gian chuẩn

bị hậu cần rất gấp (khoảng 1/2 ngày), việc tiếp nhận, bổ sung VCHC diễn ra trong điều kiện đêm tối, tính chất khẩn trương, biến động cao, địa bàn sông nước rất khó khăn, phức tạp. Trong khi lực lượng, kho trạm hậu cần, mạng luồng lạch, đường vận tải là mục tiêu địch trinh sát phát hiện và đánh phá ác liệt. Tuy nhiên, eBB chiến đấu trong khu vực phòng thủ (KVPT) tỉnh, thành phố và trong thế chiến tranh nhân dân được chuẩn bị trước, nên HC-KT/e có điều kiện huy động lực lượng, phương tiện và khai thác VCHC trên địa bàn để vận chuyển bổ sung cho các lực lượng chiến đấu.

Để tiếp nhận, bổ sung VCHC kịp thời, đáp ứng đầy đủ nhu cầu chiến đấu của các đơn vị cần thực hiện tốt một số giải pháp chủ yếu sau:

*Một là*, tiếp nhận, bổ sung đủ lượng VCHC phải có trước giờ nổ súng ngay tại khu tập kết, khi vào vị trí triển khai mang theo bổ sung các VCHC thiết yếu đáp ứng nhu cầu chiến đấu. Trung đoàn bộ binh CĐTK có tính cơ động, biến động lớn; thời gian chiến đấu rất ngắn, diễn biến chiến đấu phức tạp, khẩn trương, các bộ phận bố trí phân tán gần địch; kết thúc chiến đấu dù thành công hay không thành công eBB đều phải nhanh chóng lui quân trước khi trời sáng. Hơn nữa, địa bàn chiến đấu ở DBSCL mùa nước nổi có địa hình trũng trũng, bị bao bọc bởi đồng nước nên việc triển khai kho trạm, bến bãi tiếp nhận, bổ sung VCHC tại vị trí triển khai trong điều kiện sông nước gặp khó khăn. Vì vậy, HC-KT/e tiếp nhận, bổ sung đủ lượng VCHC phải có trước giờ nổ súng ngay tại khu tập kết không chỉ đáp ứng yêu cầu chuẩn bị tích cực, khẩn trương mà còn đảm bảo yếu tố bí mật, hạn chế việc phải tiếp nhận VCHC tại vị trí triển khai trong điều kiện sông nước rất khó khăn, thời gian gấp, yêu cầu giữ bí mật cao, trong khi địch tăng cường trinh sát, phát hiện.

Thực tiễn, trong kháng chiến chống Mỹ cho thấy, hậu cần các trung đoàn CĐTK ở

DBSCL đã tiếp nhận, bổ sung đầy đủ VCHC tại khu tập kết, khi vào vị trí triển khai chỉ mang theo những VCHC thiết yếu để bổ sung cho các đơn vị như: Trận CĐTK tại cánh đồng Sáu Kim của eBB20/fBB4/qk9 (đêm 28 rạng 29/9/1973), hậu cần eBB20 đã tiếp nhận VCHC từ nhân dân xã Hòa Thuận bổ sung 3 ngày gạo, thực phẩm và các VCHC khác cho các tiểu đoàn ngay tại khu tập kết; khi vào vị trí triển khai, hậu cần eBB20 mang theo các VCHC thiết yếu (trừ gạo, thực phẩm) bổ sung cho các đơn vị theo nhu cầu. Trong trận CĐTK tại ấp Long Điền của eBB1/fBB8 (đêm 27 rạng 28/4/1975), trước khi cơ động vào triển khai, hậu cần eBB1 đã nhanh chóng tiếp nhận VCHC của địa phương và sư đoàn bổ sung đủ lượng dự trữ theo quy định cho các tiểu đoàn, khi vào vị trí triển khai bộ đội mang theo 2 ngày lương khô và bông băng, trong quá trình chiến đấu sử dụng VCHC dự trữ trên các xuồng, ghe để bổ sung cho các đơn vị khi có yêu cầu.

Ngay khi chuẩn bị ở khu tập kết, HC-KT/e sử dụng VCHC hiện có ở kho để bổ sung cho các đơn vị hoặc điều hòa VCHC giữa các đơn vị; đồng thời, khẩn trương hiệp đồng, tiếp nhận VCHC từ HC-KT sư đoàn và KVPT để bổ sung đủ lượng VCHC phải có trước giờ nổ súng cho cả kho eBB và các đơn vị. Tại vị trí triển khai, ở đơn vị và kho eBB chỉ mang theo bổ sung các VCHC thiết yếu, chủ yếu là đạn, các VCHC phục vụ cho nhu cầu cứu chữa thương binh, bệnh binh; các loại VCHC cấp phát cho bộ đội phải hết sức gọn nhẹ, tiện cơ động để đáp ứng đủ nhu cầu thiết yếu, không làm ảnh hưởng đến quá trình chiến đấu của bộ đội.

Để thực hiện giải pháp, HC-KT/e phải xác định nhu cầu VCHC, lượng phải có trước giờ nổ súng, lượng phải có sau chiến đấu cho phù hợp và phân cấp dự trữ ở kho eBB và các tiểu đoàn hợp lý; quy định cụ thể những loại VCHC thiết yếu mang theo bổ sung ở vị trí triển khai đáp ứng nhu cầu

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

chiến đấu, những VCHC không mang vào vị trí triển khai được để tại khu tập kết.

*Hai là*, sử dụng kết hợp các thành phần lực lượng, phương tiện vận tải để vận chuyển bổ sung VCHC cho các đơn vị. Trung đoàn bộ binh thường nhận nhiệm vụ CĐTK gấp, thực hành nổ súng giải quyết trận đánh ngay trong đêm, diễn biến chiến đấu khẩn trương, trong khi nhu cầu vận chuyển bổ sung VCHC lớn (nhất là đạn các loại), đòi hỏi HC-KT/e phải phát huy hết khả năng của các thành phần lực lượng để vận chuyển bổ sung VCHC kịp thời cho các đơn vị chiến đấu. Hơn nữa, địa bàn chiến đấu ở ĐBSCL có mạng đường bộ liên tỉnh tương đối phát triển, nhưng các tuyến đường bộ liên thôn, liên xã qua các xóm, ấp còn ít, phần lớn là đường độc đạo bị chia cắt bởi sông nước; trong khi tại đây vào mùa nước nổi, địa hình bị ngập nước nên có điều kiện khai thác vận tải thủy (VTT). Mặt khác eBB chiến đấu ở ĐBSCL được biên chế các thành phần vận tải gồm: Vận tải ô tô; VTT thô sơ, cơ giới nhỏ; vận tải bộ (VTB) thô sơ, sức người, ngoài ra còn có lực lượng vận tải tăng cường và huy động. Vì vậy, để phát huy khả năng của các thành phần lực lượng vận tải trong điều kiện địa bàn sông nước vận chuyển bổ sung VCHC kịp thời cho các đơn vị, HC-KT/e phải sử dụng kết hợp các thành phần lực lượng vận tải, trong đó khai thác tối đa cả VTB, vận tải thủy vận chuyển bổ sung VCHC; làm như vậy, tạo nên sự hỗ trợ bổ sung cho nhau giữa các lực lượng, phương tiện vận tải nhằm phát huy các ưu điểm, lợi thế của lực lượng, phương tiện vận tải này, đồng thời khắc phục những hạn chế của lực lượng, phương tiện vận tải khác trên tuyến vận chuyển.

Sử dụng kết hợp các lực lượng, phương tiện vận tải vận chuyển bổ sung VCHC, thể hiện: Trên cùng một tuyến vận tải có thể bố trí nhiều thành phần lực lượng vận tải (VTT thô sơ, cơ giới nhỏ; VTB thô

sơ, sức người; vận tải ô tô) và tổ chức hoạt động vận chuyển đa dạng, có lực lượng độc lập chuyển thẳng hoặc vận tải tiếp sức cho nhau... Trong trường hợp cần thiết có thể điều chỉnh cho phù hợp, không cố định theo cung tuyến nhất định, cụ thể: Trong giai đoạn chuẩn bị, sử dụng VTT cơ giới nhỏ và vận tải ô tô có thể độc lập chuyển thẳng hoặc tiếp sức cho nhau; lực lượng VTB làm nhiệm vụ xếp dỡ VCHC. Trong giai đoạn thực hành chiến đấu, sử dụng VTT thô sơ, cơ giới nhỏ để vận chuyển từ tập kết vào vị trí triển khai; khi thực hành nổ súng sử dụng VTT thô sơ kết hợp VTB thô sơ, sức người, trong đó lấy VTT chuyển thẳng là chủ yếu, ở những khu vực VTT thô sơ không thể vận chuyển thẳng được sử dụng kết hợp với VTB để tiếp chuyển; tại một số thời điểm, khả năng vận chuyển của hậu cần các tiểu đoàn không đáp ứng được, yêu cầu vận chuyển khẩn trương thì vận chuyển vượt cấp để bảo đảm kịp thời cho các hướng, mũi.

Thực hiện giải pháp, HC-KT/e phải nắm chắc ưu điểm, hạn chế và điều kiện khai thác của từng loại phương tiện vận chuyển bổ sung VCHC, trên cơ sở đó vận dụng linh hoạt các hình thức vận tải cho phù hợp với điều kiện luồng lạch, đường sá; làm tốt công tác tổ chức, chỉ huy, bảo đảm vận chuyển bổ sung VCHC chặt chẽ, chu đáo sát với tình hình hoạt động của các lực lượng tham gia vận chuyển; xác định vị trí bến, bãi chuyển tải đảm bảo bí mật, an toàn; hiệp đồng cụ thể với các lực lượng trong thực hiện việc tiếp nhận, bàn giao VCHC; tổ chức, điều hành việc xếp dỡ VCHC khẩn trương, chu đáo.

*Ba là*, hiệp đồng chặt chẽ với hậu cần sư đoàn, hậu cần - kỹ thuật KVPT trong tiếp nhận, bổ sung vật chất cho các đơn vị. Trung đoàn bộ binh CĐTK có thời gian chuẩn bị rất ngắn, yêu cầu bí mật, khẩn trương, tính biến động cao, trong khi HC-KT/e vừa phải vận chuyển bổ sung VCHC cho các đơn vị sẵn

sàng bước vào chiến đấu, vừa phải làm công tác chuẩn bị mọi mặt cho bảo đảm trong giai đoạn thực hành nổ súng, khối lượng VCHC cần bổ sung lớn (nhất là đạn các loại), khả năng của HC-KT/e có hạn. Vì vậy, để vận chuyển bổ sung VCHC kịp thời cho các đơn vị cần phải hiệp đồng chặt chẽ với hậu cần cấp trên, hậu cần - kỹ thuật KVPT trong tiếp nhận, bổ sung VCHC.

Thực tiễn trong kháng chiến chống Mỹ, trận tập kích tại cánh đồng Sáu Kim của eBB20/fBB4 (đêm 28 rạng 29/9/1973), hậu cần eBB20 gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp nhận, bổ sung VCHC cho CĐTK. Với thời gian chuẩn bị rất gấp, lực lượng hậu cần bị thương vong, tổn thất, trong khi nguồn VCHC từ cấp trên chưa bổ sung kịp, song hậu cần eBB20 đã chủ động hiệp đồng chặt chẽ với nhân dân xã Vĩnh Hòa Hưng và xã Hòa Thuận tiếp nhận, vận chuyển bổ sung đủ 3 ngày gạo, huy động được 50 dân công và gần 35 xuồng, ghe tham gia vận chuyển bổ sung VCHC đáp ứng kịp thời cho các đơn vị bước vào chiến đấu.

Để bảo đảm VCHC cho eBB chiến đấu, trong chỉ lệnh HC-KT, sư đoàn thường quy định một số loại VCHC do sư đoàn bảo đảm cho eBB, còn lại HC-KT sư đoàn phân cấp cho eBB khai thác, tiếp nhận tại KVPT để bảo đảm. Theo đó, HC-KT/e tính toán xác định nhu cầu VCHC, lượng VCHC phải có trước giờ nổ súng, đồng thời nắm chắc lượng VCHC hiện có của eBB, trên cơ sở đó cân đối với VCHC do sư đoàn bảo đảm và lượng hiện có của eBB để xác định nhu cầu về chủng loại, số lượng VCHC cần tiếp nhận của hậu cần sư đoàn và hậu cần KVPT trong giai đoạn chuẩn bị. Trên cơ sở lượng VCHC cần tiếp nhận, bổ sung ở giai đoạn chuẩn bị tại khu tập kết, HC-KT/e hiệp đồng với HC-KT sư đoàn, hậu cần- kỹ thuật KVPT về khối lượng, thời gian, địa điểm, phương pháp tiếp nhận, trách nhiệm vận chuyển bổ sung VCHC.

Để có cơ sở hiệp đồng tiếp nhận, bổ sung vật chất khẩn trương, chu đáo, HC-KT/e cần nắm chắc quyết tâm chiến đấu, nhiệm vụ bảo đảm hậu cần, chỉ lệnh HC-KT sư đoàn; chủ động hiệp đồng với hậu cần - kỹ thuật KVPT để khai thác VCHC; tổ chức tiếp nhận, vận chuyển bổ sung khẩn trương, chu đáo; phân công, phân cấp cụ thể, hiệp đồng chặt chẽ với các lực lượng trong tiếp nhận, bổ sung.

### IV. KẾT LUẬN

Tiếp nhận, bổ sung VCHC trong điều kiện ĐBSCL mùa nước nổi mang tính đặc thù, tác động trực tiếp đến kết quả bảo đảm hậu cần và khả năng hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu của eBB. Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tương lai (nếu xảy ra), các yếu tố về địch, ta, địa bàn chiến đấu có những thay đổi. Vì vậy, HC-KT/e cần vận dụng tổng hợp các giải pháp trên góp phần bảo đảm cho chiến đấu thắng lợi♦

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng Tham mưu (2015), *Trung đoàn bộ binh chiến đấu tập kích ở địa hình đồng bằng*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Tư lệnh Quân khu 9 (1992), *Những trận đánh của lực lượng vũ trang ĐBSCL, tập IV, tập XIII, tập XV*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Bộ Tư lệnh Quân khu 9 (1998), *Lịch sử hậu cần lực lượng vũ trang nhân dân ĐBSCL (1945-1975)*, Nxb QĐND, Hà Nội.
4. Cục hậu cần Quân khu 9 (1985), *Tổng kết hậu cần nhân dân ở ĐBSCL trong kháng chiến chống Mỹ 1954 - 1975*, Cần Thơ.
5. Đinh Văn Đông (2023), *Bảo đảm hậu cần eBB chiến đấu tập kích ở ĐBSCL*, Luận án tiến sĩ khoa học quân sự, Học viện Hậu cần, Hà Nội.

# **RÈN LUYỆN ĐẠO ĐỨC CẦN, KIỆM, LIÊM, CHÍNH, CHÍ CÔNG VÔ TƯ CHO ĐỘI NGŨ CÁN BỘ HẬU CẦN - KỸ THUẬT QUÂN ĐỘI THEO QUY ĐỊNH 144 - QĐ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

**Thượng tá, TS. PHẠM ĐÌNH DUYÊN**

*Trưởng Sĩ quan Chính trị*

***Rèn luyện đạo đức cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư đối với đội ngũ cán bộ hậu cần - kỹ thuật (CBHC-KT) Quân đội nhân dân Việt Nam giai đoạn mới là nhiệm vụ chiến lược, giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong xây dựng đội ngũ CBHC-KT quân đội có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức cách mạng trong sáng góp phần xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại.***

**X**uyên suốt mọi giai đoạn cách mạng, công tác hậu cần, kỹ thuật luôn đóng vai trò “mạch máu” then chốt, bảo đảm sức mạnh chiến đấu cho Quân đội nhân dân Việt Nam. Đội ngũ CBHC-KT là lực lượng giữ vai trò nòng cốt trong tổ chức thực hiện bảo đảm vật chất HCKT, tài chính, trang bị kỹ thuật... phục vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu và các hoạt động thường xuyên của quân đội. Đây là lực lượng có chuyên môn sâu, đảm trách những nhiệm vụ mang tính kỹ thuật, nghiệp vụ cao, đòi hỏi sự tỉ mỉ, trung thực, chính xác, kỷ luật và tinh thần trách nhiệm cao do gắn với quản lý và sử dụng khối lượng lớn vật tư, trang bị, tài sản, ngân sách lớn. Đặc thù công việc khiến CBHC-KT có thể đổi diện với nhiều cảm xúc, dễ nảy sinh tiêu cực nếu như kém bản lĩnh và không trong sáng về đạo đức. Hơn nữa, CBHC-KT cũng đang chịu áp lực lớn từ yêu cầu hiện đại hóa, chuyển đổi số trong công tác bảo đảm HCKT và điều kiện làm việc đặc thù ở cơ sở, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo hiện nay... Những đặc điểm đó đặt ra yêu cầu cấp thiết phải thường xuyên rèn luyện, giữ gìn và phát huy phẩm chất đạo đức cách mạng, đặc biệt là chuẩn mực cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Đây vừa là yêu cầu tự thân, vừa là giải pháp quan trọng bảo đảm kỷ cương, minh bạch và hiệu quả trong công tác HC-KT, góp phần

xây dựng quân đội chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Đồng thời, rèn luyện đạo đức cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư cho đội ngũ CBHC-KT cũng chính là bước đi cụ thể hóa và thực hiện Quy định 144 của Bộ Chính trị về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới.

Nhận thức rõ vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng của việc rèn luyện đạo đức cách mạng, đội ngũ CBHC-KT quân đội luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, tích cực thực hiện các chuẩn mực đạo đức: Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư trong công tác và cuộc sống. Đại đa số CBHC-KT quân đội đều có bản lĩnh chính trị vững vàng, tận tụy với nhiệm vụ, phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo trong bảo đảm hậu cần trên các mặt công tác; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; chấp hành nghiêm kỷ luật tài chính và không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, tích cực ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, điều hành và bảo đảm hậu cần, tài chính cho các nhiệm vụ. Tuy nhiên, từ thực tiễn công tác bảo đảm hậu cần ở các đơn vị cơ sở hiện nay có thể thấy, một số CBHC-KT còn bộc lộ những hạn chế, như: Chưa thật sự chặt chẽ, trách nhiệm trong quản lý vật chất, tài sản và trong phân phối tiêu chuẩn giữa các đối tượng; biểu hiện hành chính hóa trong

thực hiện nhiệm vụ; chậm đổi mới phương pháp công tác chuyên môn. Những hạn chế, khuyết điểm nêu trên tuy không phổ biến nhưng cũng ảnh hưởng nhất định đến chất lượng xây dựng cơ quan, đơn vị vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ trong tình hình mới. Nguyên nhân của những tồn tại này chủ yếu xuất phát từ đặc thù công việc, trong khi cơ chế giám sát, kiểm tra còn bất cập, chế độ đai ngộ chưa tương xứng với tính chất, yêu cầu nhiệm vụ. Hơn nữa, một số CBHC-KT nhận thức chưa đầy đủ về ý nghĩa, nội dung và tầm quan trọng của việc rèn luyện đạo đức cách mạng; công tác giáo dục chính trị, tư tưởng còn mang tính hình thức; việc tự phê bình và phê bình chưa thật sự nghiêm túc, thẳng thắn...

Từ thực trạng trên, để nâng cao hiệu quả rèn luyện đạo đức: Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư cho đội ngũ CBHC-KT quân đội theo tinh thần Quy định 144-QĐ/TW của Bộ Chính trị, cần thực hiện đồng bộ, toàn diện các biện pháp sau:

*Một là*, tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, giúp đội ngũ CBHC-KT nhận thức rõ và sâu sắc hơn nội dung, yêu cầu của các chuẩn mực đạo đức, đặc biệt là chuẩn mực: Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; thấy được mối quan hệ chặt chẽ giữa đạo đức cách mạng với phẩm chất người quân nhân, đặc biệt là với đặc thù công tác hậu cần, kỹ thuật, nơi thường xuyên tiếp xúc, quản lý, sử dụng vật chất, tài chính, tài sản Nhà nước. Nội dung giáo dục cần gắn với đặc điểm công tác chuyên môn trong các lĩnh vực tài chính, xăng dầu, quân nhu, quân y, vận tải,..., giúp cán bộ đổi chiều chuẩn mực đạo đức với nhiệm vụ hằng ngày. Nội dung giáo dục phải cụ thể, sát thực tiễn, thông qua phân tích tình huống điển hình, vụ việc vi phạm để định hướng hành vi rõ ràng. Yêu cầu giáo dục cần toàn diện, liên tục, kết hợp giữa giáo dục chính khóa với tự giáo dục, giữa giáo dục theo kế

hoạch với giáo dục thông qua các hoạt động thực tiễn. Hình thức tổ chức cần linh hoạt, phong phú, như học tập chuyên đề, sinh hoạt chính trị, diễn đàn “Tự soi, tự sửa”, kể chuyện gương người tốt, thi tìm hiểu chuẩn mực đạo đức,... Mỗi cán bộ cần cam kết tu dưỡng, rèn luyện sát với chức trách, nhiệm vụ của mình; thường xuyên tự kiểm điểm, điều chỉnh nhận thức, thái độ, hành vi trong thực tiễn công tác. Cấp ủy, chỉ huy các cấp cần đưa nội dung này vào kế hoạch công tác, tổ chức kiểm tra, đánh giá khách quan, công khai và coi đây là tiêu chí quan trọng trong bình xét, đánh giá và phân loại cán bộ, đảng viên hằng năm.

*Hai là*, phát huy vai trò nêu gương của đội ngũ cán bộ chủ trì, nhất là người đứng đầu trong rèn luyện và thực hành đạo đức cách mạng. Cán bộ chủ trì các cấp phải thực sự gương mẫu, thể hiện rõ các chuẩn mực đạo đức trong hành vi, lối sống và phong cách công tác, bảo đảm sự thống nhất giữa lời nói và việc làm, giữa tư tưởng và hành động. Nội dung nêu gương không chỉ dừng lại ở lời nói, cam kết mà phải được thể hiện bằng những hành động cụ thể, thiết thực. Cán bộ chủ trì các cấp phải mẫu mực trong chấp hành pháp luật, kỷ luật quân đội; công tâm, minh bạch trong phân công nhiệm vụ, quản lý tài chính, vật chất hậu cần, tài sản công; trách nhiệm, quyết liệt xử lý sai phạm; thẳng thắn, trung thực trong tự phê bình và phê bình. Đồng thời, cần thể hiện lối sống giản dị, liêm khiết, trách nhiệm, tận tụy với công việc, thái độ cầu thị, sẵn sàng lắng nghe và tiếp thu ý kiến góp ý của cấp dưới. Việc nêu gương cần gắn với thực hiện chức trách, nhiệm vụ, nhất là trong xử lý công việc liên quan đến phân bổ, quản lý tài chính, vật chất, tài sản công... Cấp trên gương mẫu sẽ tạo sức lan tỏa tích cực, giúp cấp dưới tự giác học tập, noi theo. Đơn vị cần xác định rõ tiêu chí nêu gương, đưa việc đánh giá thực hiện nêu gương vào kiểm điểm hằng năm, lấy đó làm căn cứ để xem xét tín nhiệm, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ.

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

*Ba* là, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chuẩn mực đạo đức trong hoạt động hậu cần, kỹ thuật. Nghiên cứu, xây dựng kế hoạch kiểm tra một cách khoa học, hợp lý, kết hợp chặt chẽ giữa kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất, trong đó tập trung vào những khâu, lĩnh vực quan trọng, như: Quản lý tài chính, xăng dầu, quân nhu, mua sắm trang bị, thanh quyết toán,... Kiểm tra phải bảo đảm khách quan, công tâm, cụ thể, kết luận rõ ràng; nếu phát hiện vi phạm phải xử lý nghiêm minh. Kết quả kiểm tra, giám sát cần được gắn chặt với công tác đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tổ chức và cá nhân, làm căn cứ quan trọng trong quy hoạch, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ. Đồng thời, cần phát huy vai trò giám sát của cán bộ, chiến sĩ trong đơn vị; khuyến khích việc phản ánh, góp ý xây dựng từ cơ sở thông qua dân chủ, công khai, minh bạch.

*Bốn* là, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong các cơ quan, đơn vị. Môi trường văn hóa phải thực sự đề cao kỷ luật, kỷ cương; khơi dậy tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác chấp hành; thúc đẩy lối sống trong sạch, lành mạnh, vì tập thể. Trong đó, cần chú trọng xây dựng môi trường làm việc dân chủ, công khai, minh bạch, đặc biệt là trong các hoạt động chuyên môn dễ liên quan đến lợi ích vật chất như phân bổ tiêu chuẩn, cấp phát quân nhu, quân y, quản lý tài chính, xăng dầu,... Đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy vai trò giám sát của tập thể, hội đồng quân nhân, các tổ chức quần chúng và của cán bộ, chiến sĩ đối với đội ngũ CBHC-KT, nhất là những nội dung liên quan đến quyền lợi chính đáng của bộ đội. Đồng thời, cần kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng môi trường văn hóa với xây dựng nền nếp chính quy, rèn luyện tác phong công tác khoa học, kỷ luật, thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí và biểu hiện tiêu cực trong công việc.

*Năm* là, gắn rèn luyện đạo đức cách mạng với đánh giá, sử dụng, quy hoạch, đào

tạo đội ngũ CBHC-KT. Xây dựng và cụ thể hóa các tiêu chí đạo đức cách mạng, nhất là các chuẩn mực: Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư trong hệ thống tiêu chuẩn đánh giá cán bộ. Việc cụ thể hóa phải gắn với chức trách, nhiệm vụ, lĩnh vực công tác, bảo đảm tính thực chất, phù hợp với từng vị trí, chức danh trong ngành Hậu cần - Kỹ thuật. Đánh giá đạo đức cán bộ không chỉ dừng ở nhận xét chung chung mà cần căn cứ vào hành vi, thái độ, mức độ hoàn thành nhiệm vụ, nhất là trong thực thi công vụ liên quan đến tài chính, vật chất, tiêu chuẩn, chế độ của bộ đội. Quá trình quy hoạch, bổ nhiệm, đề bạt cán bộ cần gắn chặt với kết quả rèn luyện phẩm chất đạo đức và mức độ tín nhiệm trong tập thể. Phải coi đạo đức là "gốc", là tiêu chí quan trọng hàng đầu, không để xảy ra tình trạng đánh giá hình thức, cảm tính, chạy theo thành tích hoặc bỏ qua các sai phạm về phẩm chất, đạo đức lỗi lầm. Đồng thời, chú trọng rèn luyện kỹ năng tự soi, tự sửa, biết đấu tranh với cái sai, bảo vệ cái đúng trong môi trường công tác.

Rèn luyện đạo đức cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư đối với đội ngũ CBHC-KT quân đội theo Quy định 144-QĐ/TW của Bộ Chính trị là việc làm thường xuyên. Tùy vào đặc thù ở các đơn vị để vận dụng sáng tạo các biện pháp nêu trên. Qua đó, xây dựng đội ngũ CBHC-KT có phẩm chất đạo đức trong sáng, phong cách làm việc mẫu mực, trình độ chuyên môn vững vàng góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ bảo đảm hậu cần, kỹ thuật cho các đơn vị và quân đội♦

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Chính trị (2024), Quy định số 144-QĐ/TW, ngày 09/5/2024 về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới, Hà Nội.
2. Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, tập 15, Nxb CTQG, Hà Nội.

# MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG KIỂM TRA CÔNG TÁC HẬU CẦN, KỸ THUẬT CỦA TRUNG ĐOÀN BỘ BINH

Thượng úy, CN. NGUYỄN MINH HIẾU  
Học viện Kỹ thuật quân sự

KIỂM tra công tác hậu cần, kỹ thuật (HC-KT) là một trong những chức năng quan trọng của hoạt động HC-KT trung đoàn, nhằm giúp người chỉ huy, cán bộ HC-KT trung đoàn nắm chắc kết quả thực hiện nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch HC-KT của đơn vị; kịp thời nắm bắt thuận lợi, khó khăn trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ HC-KT để có biện pháp chỉ huy, chỉ đạo; thông qua kiểm tra còn giúp người chỉ huy, cán bộ HC-KT phát hiện, ngăn chặn những vi phạm trong quản lý, sử dụng vật tư, tài sản, tài chính, chế độ tiêu chuẩn HC-KT.

Khảo sát hoạt động kiểm tra công tác HC-KT tại các trung đoàn bộ binh (eBB) của các Sư đoàn 5, 10, 316, 395, cho thấy, các eBB đã tổ chức thực hiện kiểm tra công tác HC-KT tương đối nền nếp, nội dung kiểm tra tương đối toàn diện, có quan điểm tích cực trong kiểm tra...; qua đó, góp phần quan trọng trong thúc đẩy công tác HC-KT của đơn vị đạt kết quả cao. Tuy nhiên, kiểm tra công tác HC-KT của một số đơn vị vẫn còn những hạn chế, như: Nhận thức của một bộ phận cán bộ về kiểm tra công tác HC-KT chưa tốt; việc tổ chức kiểm tra ở một số đơn vị chưa vận dụng đa dạng hình thức kiểm tra, còn thiếu cân đối giữa kiểm tra thường xuyên và kiểm tra đột xuất; quá trình tiến hành kiểm tra đôi khi còn hình thức, đối phó, thiếu chiêu sâu; một số cuộc kiểm tra chưa đi vào trọng tâm, chưa đánh giá đúng thực chất tình hình; kết luận kiểm tra còn chung chung, thiếu các khuyến nghị, định hướng cụ thể để khắc phục...

Hiện nay, nhiệm vụ chủ yếu của eBB là huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, xây dựng đơn vị và thực hiện các nhiệm vụ khác do cấp trên giao. Bởi vậy, nhiệm vụ HCKT của eBB cũng hết sức nặng nề và phức tạp, vì mỗi nhiệm vụ quân sự đặt ra cho HCKT một nội dung bảo đảm cụ thể, phương pháp tiến hành và yêu cầu bảo đảm khác nhau. Do đó, công tác kiểm tra HCKT ở eBB cần tập trung vào các nội dung chủ yếu như: Kiểm tra công tác quán triệt các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn; kiểm tra tổ chức, bảo đảm HCKT; kiểm tra quản lý HCKT; kiểm tra xây dựng ngành và các công tác khác được giao. Như vậy, hoạt động kiểm tra công tác HC-KT của eBB gồm nhiều nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành, nhiều đối tượng. Trong khi đó, cán bộ tiến hành kiểm tra công tác HC-KT của eBB không chuyên trách, trình độ năng lực có mặt còn hạn chế...

Từ những vấn đề trên, để nâng cao chất lượng kiểm tra công tác HC-KT của eBB, cần thực hiện tốt một số nội dung, giải pháp sau đây:

*Thứ nhất*, nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho toàn bộ cán bộ, nhân viên, chiến sĩ eBB về kiểm tra công tác HC-KT, tạo sự đồng thuận, thống nhất trong kiểm tra. Trước hết, cần nâng cao nhận thức về kiểm tra công tác HC-KT cho cấp ủy, người chỉ huy các cấp trong eBB thông qua việc: Thường xuyên quán triệt sâu kĩ các nghị quyết, chỉ thị, hướng dẫn về công tác HC-KT và kiểm tra công tác HC-KT. Xác định

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

rõ trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện và trực tiếp đối với kiểm tra công tác HC-KT. Nêu cao vai trò tiền phong, gương mẫu của cấp ủy, chỉ huy các cấp trong chấp hành các quy định về công tác HC-KT và trong hoạt động kiểm tra. Đồng thời, nâng cao nhận thức về kiểm tra công tác HC-KT cho lực lượng thực hiện nhiệm vụ kiểm tra; phải giáo dục cho họ nhận thức sâu sắc về ý nghĩa của kiểm tra HC-KT. Cán bộ kiểm tra phải được bồi dưỡng về đạo đức nghề nghiệp, bản lĩnh chính trị, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần đấu tranh, phê bình, tự phê bình với các biểu hiện tiêu cực; tuyệt đối không bao che, né tránh, làm sai lệch kết quả hoặc lợi dụng quyền kiểm tra để trực lợi cá nhân. Ngoài ra, cần nâng cao nhận thức về kiểm tra công tác HC-KT cho lực lượng được kiểm tra; làm cho họ hiểu rõ kiểm tra không phải tìm sai phạm hay xử lý kỷ luật, mà là quá trình hỗ trợ, hướng dẫn, giúp đơn vị, cá nhân nhận diện, khắc phục tồn tại, hạn chế nhằm hoàn thiện công tác quản lý, bảo đảm HC-KT để nâng cao đời sống bộ đội và kết quả thực hiện nhiệm vụ của đơn vị.

Để thực hiện biện pháp trên, cấp ủy đảng, chỉ huy các cấp trong eBB cần tập trung lãnh đạo, chỉ huy, quán triệt các nội dung tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về kiểm tra công tác HC-KT cho tất cả các đối tượng. Phát huy sức mạnh tổng hợp của các cơ quan, đơn vị toàn eBB trong hoạt động tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về kiểm tra công tác HC-KT. Xây dựng môi trường dân chủ, công khai, minh bạch trong kiểm tra công tác HC-KT. Kết hợp giữa tuyên truyền, giáo dục với chính sách khen thưởng và xử lý nghiêm minh những trường hợp vi phạm chế độ kiểm tra.

*Thứ hai*, bồi dưỡng nâng cao trình độ năng lực, chuyên môn HCKT cho lực lượng thực hiện kiểm tra. Thực tiễn cho thấy, trong

kiểm tra, một số cán bộ của đoàn kiểm tra còn yếu về phương pháp; kỹ năng nghiệp vụ chưa vững vàng; thiếu nhạy bén trong phát hiện sai sót... Vì vậy, cần nâng cao trình độ, năng lực, chuyên môn HCKT cho lực lượng kiểm tra công tác HC-KT của eBB. Theo đó, trước mỗi đợt kiểm tra, cần bồi dưỡng, nâng cao năng lực, chuyên môn nghiệp vụ cho lực lượng kiểm tra. Tiến hành bồi dưỡng cho lực lượng kiểm tra công tác HC-KT phải đầy đủ, toàn diện cả về kiến thức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ kiểm tra, tác phong phương pháp kiểm tra.

Thực hiện biện pháp trên, các eBB cần làm tốt một số vấn đề chủ yếu sau: Cơ quan HC-KT kết hợp chặt chẽ với các cơ quan trong eBB, đơn vị trực thuộc, xây dựng kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng chi tiết, cụ thể. Làm tốt công tác định hướng, triển khai tổ chức thực hiện kế hoạch bồi dưỡng đúng yêu cầu đề ra, chú trọng tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ Đảng, chỉ huy trung đoàn. Khi thực hành kiểm tra, cần theo dõi chặt chẽ, bám sát quá trình kiểm tra để kịp thời xác định các điểm mạnh, điểm yếu. Cơ quan HC-KT kết hợp chặt chẽ với bộ phận công nghệ thông tin của eBB để tổ chức tập huấn, hướng dẫn, nâng cao trình độ công nghệ thông tin cho lực lượng kiểm tra nhằm kiểm tra các phần mềm quản lý.

*Thứ ba*, nâng cao chất lượng bảo đảm cho kiểm tra công tác HC-KT. Công tác bảo đảm cho kiểm tra công tác HC-KT gồm nhiều nội dung như: Bảo đảm trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ kiểm tra; tài liệu, hồ sơ, sổ sách ghi chép của đơn vị; địa điểm, vị trí tiến hành kiểm tra và các vật chất bảo đảm kiểm tra công tác HC-KT khác. Bên cạnh đó, khối lượng và chủng loại vật chất, tài chính HC-KT bảo đảm cho eBB ngày càng lớn, trong khi các biểu hiện vi phạm chế độ, tiêu chuẩn HCKT vẫn tiềm ẩn. Thực tế hiện

nay, kinh phí kiểm tra công tác HC-KT của eBB còn hạn hẹp, công tác bảo đảm về vật chất, trang thiết bị chuyên dụng phục vụ cho kiểm tra... có nội dung chưa đáp ứng yêu cầu nên độ chính xác, khả năng đánh giá của đoàn kiểm tra có nội dung còn hạn chế, khiến chất lượng kiểm tra chưa cao. Vì vậy, đoàn kiểm tra cần được bảo đảm phương tiện, trang bị kỹ thuật phục vụ kiểm tra công tác HC-KT, chú trọng bảo đảm các trang thiết bị, đầy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ quá trình kiểm tra; đồng thời, cần cung cấp đầy đủ các loại sổ sách, biểu mẫu, biên bản kiểm tra theo đúng mẫu biểu quy định nhằm thống nhất nội dung, bảo đảm tính chính xác và cơ sở pháp lý cho các văn bản sau kiểm tra. Bên cạnh đó, cần chuẩn bị đầy đủ tài liệu tham khảo, hệ thống quy định, hướng dẫn, tiêu chuẩn, chế độ HCKT được cập nhật mới nhất, giúp đoàn kiểm tra đổi chiếu, đánh giá đúng thực trạng, phát hiện sai sót và đưa ra kết luận khách quan, chính xác. Các đơn vị được kiểm tra cần chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu và sổ sách liên quan đến công tác HC-KT để đoàn kiểm tra tiếp xúc, kiểm tra thực tế các nội dung tại đơn vị. Bố trí nơi làm việc cho đoàn kiểm tra phù hợp, đủ diện tích, thuận tiện cho việc bố trí tài liệu, trang thiết bị và trao đổi công việc. Bảo đảm sinh hoạt (theo quy định) và tạo môi trường làm việc thuận lợi cho đoàn kiểm tra. Hàng năm, eBB cần lập kế hoạch sử dụng ngân sách bảo đảm cho kiểm tra công tác HC-KT, trong đó tập trung sử dụng củng cố, đầu tư trang thiết bị phục vụ kiểm tra; quản lý chặt chẽ việc sử dụng ngân sách phục vụ kiểm tra CTHC.

Thực hiện biện pháp trên, chỉ huy eBB, cơ quan HC-KT cần có chính sách hỗ trợ kinh phí, động viên, khen thưởng phù hợp để động viên cán bộ, nhân viên eBB tích cực tham gia các hoạt động sáng kiến cải

tiến phương tiện, thiết bị phục vụ kiểm tra công tác HC-KT. Cơ quan HC-KT phải chủ động trong chuẩn bị, bảo đảm đầy đủ vật chất, trang bị chuyên dụng phục vụ cho nhiệm vụ kiểm tra. Cán bộ và lực lượng thực hiện kiểm tra cần phát huy cao độ tinh thần chủ động, sáng tạo, linh hoạt trong tổ chức thực hiện. Trước mỗi đợt kiểm tra, cần làm tốt công tác hiệp đồng, quy định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị trong phục vụ kiểm tra. Tích cực phát huy nội lực, huy động nguồn ngân sách của đơn vị và sử dụng kinh phí kiểm tra đúng mục đích, đúng quy định, hiệu quả, tiết kiệm.

*Thứ tư*, kết hợp các hình thức tổ chức, phương pháp tiến hành trong kiểm tra công tác HC-KT. Công tác HC-KT ở eBB có khối lượng bảo đảm lớn, vật chất, phương tiện đa dạng về số lượng, chủng loại; bảo đảm cho nhiều đối tượng, liên quan đến nhiều lĩnh vực, nhiều cấp, nhiều ngành; mỗi lĩnh vực lại có những đặc thù riêng về quy trình, tiêu chuẩn và yêu cầu quản lý. Thực tiễn công tác kiểm tra ở eBB, có thời điểm còn hình thức, thiếu linh hoạt; phương pháp tiến hành đơn điệu, chủ yếu dựa vào báo cáo, hồ sơ sổ sách, chưa chú trọng đến việc kiểm tra hiện vật... Do đó, quá trình kiểm tra cần kết hợp các hình thức tổ chức, phương pháp tiến hành một cách linh hoạt, góp phần nâng cao chất lượng kiểm tra công tác HC-KT của eBB.

Cần vận dụng linh hoạt các phương pháp tổ chức kiểm tra, như: (1) Phương pháp kiểm tra, đánh giá qua văn bản, hồ sơ, sổ sách, gồm: Chỉ thị, quy định, hướng dẫn của cấp trên về công tác HC-KT; các loại sổ sách theo dõi xuất nhập kho, cấp phát, bảo dưỡng, sửa chữa cùng với chứng từ, hóa đơn thu chi....; (2) Phương pháp kiểm tra thực tế tại hiện trường, tại các khu vực liên quan trực tiếp đến công tác HC-KT,

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

nhiều: Kho, bếp ăn, trạm chè biển, khu vực nhà ở của bộ đội, các khu vực vệ sinh... để kiểm tra số lượng, chất lượng vật chất, công tác bảo quản, thực trạng tiến hành công tác HC-KT; (3) Phương pháp phỏng vấn, trao đổi, tập trung vào việc thu thập thông tin trực tiếp từ những cá nhân có liên quan, bao gồm cán bộ chỉ huy, nhân viên HCKT và cả đối tượng được thụ hưởng; (4) Phương pháp lấy ý kiến thăm dò, khảo sát, sử dụng phiếu khảo sát hoặc bảng câu hỏi được thiết kế sẵn với nội dung cụ thể, rõ ràng, liên quan đến các nội dung của công tác HC-KT, hay các đánh giá về chất lượng bảo đảm HC-KT dựa trên từng nội dung cụ thể; (5) Phương pháp phân tích, tổng hợp, đánh giá các thông tin thu được từ quá trình kiểm tra, qua đó đưa ra kết luận về tình hình công tác HC-KT; (6) Ứng dụng công nghệ thông tin trong kiểm tra công tác HC-KT, như các phần mềm quản lý HCKT hoặc trang bị các thiết bị chuyên dụng như máy đo chất lượng thực phẩm, thiết bị kiểm tra nhiên liệu... hay hệ thống camera giám sát tại các khu vực.

Về sử dụng hợp lý các hình thức kiểm tra: (1) Kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất; trong đó, kiểm tra định kỳ được duy trì theo nền nếp chế độ quy định, có thể tiến hành kiểm tra theo từng tháng, quý, 6 tháng, năm. Kiểm tra đột xuất được tiến hành bất thường nhằm đáp ứng yêu cầu lãnh đạo chỉ huy đơn vị, yêu cầu của cơ quan HC-KT cấp trên...; (2) Kiểm tra toàn diện và kiểm tra chuyên đề; trong đó, kiểm tra toàn diện là hình thức đánh giá bao quát tất cả các mặt của công tác HC-KT tại eBB. Kiểm tra chuyên đề là hình thức kiểm tra có trọng tâm, tập trung vào một lĩnh vực, một vấn đề cụ thể hoặc một nội dung đang nổi lên trong thực tiễn công tác HC-KT; (3) Kiểm tra của cấp trên và tự kiểm tra của đơn vị; trong đó,

kiểm tra của cấp trên là hoạt động do các cơ quan, đơn vị cấp trên như sư đoàn, quân khu hoặc các cơ quan chức năng thuộc Bộ Quốc phòng tiến hành đối với eBB; tự kiểm tra là hoạt động do chính eBB chủ động tổ chức.

Thực hiện biện pháp trên, eBB cần tích cực nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra. Trước mỗi đợt kiểm tra, chỉ huy eBB, cơ quan HC-KT nghiên cứu kỹ lưỡng, tham mưu, xây dựng quy trình, kế hoạch kiểm tra phù hợp với từng đối tượng, nội dung kiểm tra. Tích cực đầu tư phát triển, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ kiểm tra. Cơ quan HC-KT tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị trong eBB trong quá trình kiểm tra. Làm tốt công tác tổng kết, rút kinh nghiệm sau mỗi đợt kiểm tra đánh giá cụ thể chất lượng kiểm tra, hiệu quả của các phương thức kiểm tra. Đảm bảo tính minh bạch và công khai trong toàn bộ quá trình kiểm tra.

Kiểm tra công tác HC-KT của eBB là một nội dung quan trọng, song có nhiều khó khăn, phức tạp, bởi công tác HC-KT luôn vận động và phát triển. Bài viết đã đề xuất một số nội dung, giải pháp nâng cao chất lượng kiểm tra công tác HC-KT. Tuy nhiên, đó mới là những nghiên cứu bước đầu; do vậy, cần tiếp tục được nghiên cứu và phát triển để phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng eBB ♦

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Quốc phòng (2023), *Điều lệ Công tác tham mưu hậu cần Quân đội nhân dân Việt Nam*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Sư đoàn 5 (10, 316, 395), *Báo cáo tổng kết công tác hậu cần năm 2023, 2024*, Tây Ninh.
3. Học viện Hậu cần (2013), *Giáo trình công tác hậu cần thường xuyên của trung đoàn, sư đoàn bộ binh*, Nxb QĐND, Hà Nội.

# DỰ BÁO ĐỐI TƯỢNG TÁC CHIẾN CỦA TRẬN THEN CHỐT TIÊU DIỆT ĐỊCH ĐỒ BỘ ĐƯỜNG KHÔNG TRONG CHIẾN DỊCH PHÒNG NGỤ Ở ĐỊA BÀN QUÂN KHU 3

Thượng tá, ThS. LÊ VĂN BẰNG  
Nghiên cứu sinh, Học viện Lực lượng

**ABSTRACT:** Accurately forecasting the enemy forces is a prerequisite for commanders to make timely, precise, and well-informed decisions. This article discusses several key aspects of forecasting the enemy forces in a decisive battle to destroy airborne troops in a medium-scale defensive campaign in Military Region 3.

## I. TÓM TẮT

Dự báo chính xác đối tượng tác chiến là điều kiện tiên quyết để người chỉ huy hạ quyết tâm nhanh, chính xác và khoa học. Bài viết đề cập một số nội dung chủ yếu về dự báo đối tượng tác chiến của trận then chốt tiêu diệt địch đồ bộ đường không (ĐBĐK) trong chiến dịch phòng ngụ (CDPN) quy mô vừa ở địa bàn Quân khu 3.

## II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Quân khu 3 có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng, là địa bàn tác chiến trọng yếu, cửa ngõ án ngữ bảo vệ mục tiêu chiến lược là Thủ đô Hà Nội trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (nếu xảy ra). Khi quân khu mở CDPN trên hướng tác chiến phòng ngụ chủ yếu, phải đánh địch với nhiều trận đánh, quy mô và lực lượng khác nhau, trong đó trận then chốt tiêu diệt địch ĐBĐK là trận đánh quan trọng, quyết định đến thắng lợi của chiến dịch. Trận then chốt tiêu diệt địch ĐBĐK thường diễn ra ác liệt, phức tạp, thời gian ngắn, tính biến động cao, thời cơ xuất hiện và mất đi nhanh; địch có ưu thế về các phương tiện trinh sát, tác chiến điện tử, tác chiến không gian mạng, nhất là các phương tiện UAV, phát huy sức mạnh của các loại vũ khí công nghệ cao; khả năng cơ động

nhanh; chủ động về không gian, thời gian, khu vực, bối cảnh bộ. Vì vậy, để giành thắng lợi; chiến dịch cần nghiên cứu, giải quyết nhiều vấn đề về nghệ thuật tác chiến; trong đó, dự báo, nắm chắc đối tượng địch ĐBĐK là nội dung quan trọng, là cơ sở để bộ tư lệnh chiến dịch hạ quyết tâm chính xác.

## III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Dự báo về địch, cần nghiên cứu, đánh giá chính xác các vấn đề cơ bản sau đây:

*Thứ nhất*, xác định rõ đối tượng, mục đích, thời cơ ĐBĐK.

Đối tượng địch ĐBĐK vào khu vực phòng ngụ (KVPN) của chiến dịch có thể là quân địch ĐBĐK thuộc lực lượng dự bị của các sư đoàn bộ binh (BB), bộ binh cơ giới (BBCG) địch tiến công, lực lượng từ cấp tiểu đoàn đến cấp lữ đoàn BB (thiểu) hoặc hơn. Dự báo khi tác chiến ở địa bàn Quân khu 3, trong thế trận tác chiến phòng thủ quân khu, thế chiến tranh nhân dân rộng khắp, địch có thể sử dụng lực lượng khoảng 1 lữ đoàn BB (thiểu) để ĐBĐK nhằm nhanh chóng đánh chiếm mục tiêu chủ yếu của chiến dịch.

Sư đoàn BB, BBCG địch ĐBĐK có thể nhằm thực hiện các mục đích như:

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

Phối hợp với lực lượng tiền công chính diện nhanh chóng đánh chiếm mục tiêu chủ yếu trong KVPN của chiến dịch; mở hướng tiến công mới để đánh chiếm các mục tiêu chủ yếu của ta; chốt giữ, đánh chiếm địa hình có giá trị chiến thuật, chiến dịch trong chiều sâu phòng ngự; thực hiện chia cắt chiến dịch; sẵn sàng đánh chặn lực lượng của chiến dịch cơ động từ phía sau lên phản kích. Thực tiễn, sau nhiều lần tiến công vào Cánh đồng Chum thất bại, ngày 21, 22/8/1972, địch ĐBĐK xuống khu vực Điểm cao 1098, Bản Sang, Bắc Phu Keng nhằm hình thành hướng tiến công mới từ Tây Bắc nhanh chóng đánh vào các mục tiêu quan trọng của chiến dịch ở trung tâm Cánh đồng Chum. Với đặc điểm địa bàn Quân khu 3, khi tiến công vào KVPN của chiến dịch, địch có thể thực hiện các mục đích trên; Tuy nhiên, do địa hình ở Quân khu 3 tương đối bằng phẳng, địch sẽ ĐBĐK để phối hợp với lực lượng tiến công đường bộ nhanh chóng đánh chiếm mục tiêu chủ yếu, quan trọng trong KVPN của chiến dịch hoặc khi các hướng tiến chính diện gặp khó khăn (nhất là hướng tiến công chủ yếu), địch sẽ ĐBĐK để tăng sức đột kích, hoặc mở hướng tiến công mới nhanh chóng đánh chiếm mục tiêu chủ yếu của chiến dịch là mục đích luôn được địch chú trọng.

Về thời cơ, địch có thể ĐBĐK trước, đồng thời hoặc sau khi lực lượng tiến công đường bộ thực hành đột phá trận địa phòng ngự của chiến dịch. Thực tiễn, trận tiến công địch ĐBĐK trong Đợt 2, CDPN Cánh Đồng Chum - Xiêng Khoảng, địch chọn thời cơ ĐBĐK là sau khi đã đột nhập trận địa, đánh chiếm được một số mục tiêu. Dự báo khi tiến công vào KVPN của chiến dịch ở địa bàn Quân khu 3, để nhanh chóng đánh chiếm mục tiêu chủ yếu, địch sẽ lựa chọn thời cơ ĐBĐK đồng thời với tiến công đường bộ là phô biến; bởi vì, địch có thể lợi dụng được kết quả hỏa lực chuẩn bị trực

tiếp để cơ động và đổ quân bí mật, tạo bất ngờ cho ta, buộc ta phải phân tán, bị động đối phó ngay từ đầu nhằm thực hiện đánh nhanh, giải quyết nhanh hoặc tạo điều kiện cho lực lượng đột nhập phát triển tiến công, mở rộng phạm vi đã chiếm; bên cạnh đó, khi ĐBĐK vào bên sườn, phía sau KVPN của chiến dịch, buộc ta phải phân tán lực lượng, hỗ trợ cho lực lượng tiến công chính diện phát triển thuận lợi.

*Thứ hai, tổ chức đội hình, phương pháp, thời gian, thời điểm đổ bộ*

Tổ chức đội hình: Nghiên cứu các cuộc ĐBĐK ở chiến trường Miền Nam trong chiến tranh giải phóng và các cuộc ĐBĐK gần đây ở Irắc, Afghanistan cho thấy: Khi ĐBĐK lực lượng công kích chiếm khoảng 70 đến 80% quân số tham gia đổ bộ, tiếp đến là lực lượng kế tiếp và lực lượng bảo đảm. Ở địa bàn Quân khu 3, quá trình tiến công vào khu vực phòng ngự của chiến dịch, đội hình đổ bộ cấp tiểu đoàn, lữ đoàn địch có thể tổ chức thành 3 thê đội: Thê đội công kích, thê đội tiếp theo và thê đội phía sau. Trong đó thê đội công kích là lực lượng tác chiến chủ yếu, thường chiếm khoảng 70 đến 80% lực lượng đổ bộ.

Phương pháp đổ bộ và rời khỏi máy bay: Từ thực tiễn các cuộc ĐBĐK ở chiến trường Miền Nam trong chiến tranh giải phóng và các cuộc ĐBĐK gần đây ở Irắc và Afghanistan cho thấy, địch vận dụng rất linh hoạt các phương pháp đổ bộ, có thể đổ bộ đồng loạt cả 1 tiểu đoàn xuống một khu vực hoặc đổ lần lượt từng đại đội xuống các bãi. Dự báo khi ĐBĐK vào khu vực phòng ngự của chiến dịch ở địa bàn Quân khu 3, với đặc điểm địa hình tương đối bằng phẳng, địch có thể vận dụng kết hợp giữa 2 phương pháp trên để nhanh chóng thực hiện mục đích đổ bộ; đồng thời sẽ vận dụng phương pháp rời khỏi máy bay bằng cách hạ cánh xuống đất là phô biến.

Thời gian, thời điểm đỗ bộ: Thời gian đỗ bộ của địch phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: Lực lượng, phương tiện đỗ bộ, phương pháp đỗ bộ, địa hình, thời tiết, khả năng phòng không của ta. Ở địa bàn Quân khu 3, cấp lữ đoàn BB (thiếu) của địch khi đỗ bộ sẽ vận dụng phương pháp đỗ bộ làn lượt là phổ biến, nếu tính cả thời gian để đỗ các phương tiện chiến đấu thì thời gian đỗ bộ xong 1 đại đội BB có thể khoảng 30 phút, tiểu đoàn BB từ 1 ÷ 2 giờ, lữ đoàn BB (thiếu) từ 2 ÷ 3 giờ hoặc hơn. Bởi vì, đỗ bộ lực lượng cấp lữ đoàn (thiếu), địch phải chịu sự tác động lớn hơn của địa hình, thời tiết và khả năng chống đỗ bộ của các lực lượng phòng không, khi tiếp đất phải liên tục đổi đổi với lực lượng tại chỗ rộng khắp của ta. Thời điểm đỗ bộ có thể vào ban ngày hoặc ban đêm; tuy nhiên, ở địa bàn Quân khu 3, địch ĐBĐK thường tiến hành cùng với quá trình đột phá từ chính diện ở thời cơ có lợi, vào thời điểm ban ngày (rạng sáng) là phổ biến. Trong tương lai, với sự phát triển mạnh mẽ của các phương tiện quan sát, trinh sát ban đêm, địch có thể đỗ bộ cả ban đêm để tăng tính bí mật, bất ngờ tiến công mục tiêu.

### Thứ ba, chuẩn bị đỗ bộ

Trinh sát: Ở địa bàn Quân khu 3, địch có thể sử dụng tổng hợp các lực lượng, phương tiện trinh sát nhằm phân tích, xử lý các số liệu có liên quan đến địa hình, khí hậu, thời tiết, khả năng tác chiến của ta. Thời điểm trinh sát thường tiến hành trước thời điểm đỗ bộ từ 2 ÷ 3 ngày, có trường hợp chỉ trước từ 1 ÷ 2 giờ. Hiện nay và trong tương lai, địch có nhiều phương tiện trinh sát hiện đại, sử dụng máy bay không người lái (UAV) kết hợp trinh sát kỹ thuật và hoạt động của lực lượng trinh sát mặt đất để thu thập tình hình của ta. Diễn hình, trong chiến dịch quân sự ở Nga tại Ukraine đã xuất hiện nhiều loại UAV mang lại hiệu quả cao trong quá trình tác chiến.

Chọn khu vực, bãi đỗ bộ: Lựa chọn khu vực, bãi đỗ bộ là nội dung được quân địch rất chú trọng; ở địa bàn Quân khu 3, địch thường đỗ bộ vào hai bên sườn, phía sau KVPN của ta; nếu lực lượng phòng ngự có sơ hở, hoặc địa hình cho phép, chúng có thể đỗ bộ vào khoảng tiếp giáp giữa các KVPN, sau đó triển khai tiến công mục tiêu; cấp tiểu đoàn từ 1 ÷ 3 bãi đỗ bộ chính, 3 ÷ 4 bãi đỗ bộ dự bị; cấp lữ đoàn từ 2 ÷ 3 khu vực đỗ bộ cấp tiểu đoàn. Ngoài khu vực, bãi chính, bãi dự bị, địch còn lựa chọn các khu vực, bãi nghi binh để đánh lừa khả năng phán đoán của ta.

Nghi binh: Ở địa bàn Quân khu 3, thủ đoạn nghi binh sẽ được địch vận dụng rộng rãi làm cho ta khó phán đoán được mục đích, thời điểm, thời gian, quy mô và vị trí đỗ bộ; đồng thời, kết hợp với hỏa lực dọn bãi giả, thả biệt kích, thám báo, phương tiện bay không người lái nhằm thăm dò lực lượng, phân tán đối phó của ta.

Hỏa lực dọn bãi: Thường được tiến hành theo 2 bước, hỏa lực dọn bãi trước và hỏa lực dọn bãi trực tiếp. Dự báo, khi địch ĐBĐK vào khu vực phòng ngự ở địa bàn Quân khu 3, thời gian hỏa lực dọn bãi trước có thể từ 1 ÷ 2 giờ hoặc hơn. Hỏa lực dọn bãi trực tiếp thường tiến hành trước khi đỗ bộ từ 15 ÷ 30 phút và chuyển làn trước khi đợt đỗ bộ đầu tiên khoảng 2 ÷ 3 phút. Trong tương lai, địch có xu hướng rút ngắn thời gian hỏa lực chuẩn bị, nhưng tăng cường độ đánh phá và mức độ sử dụng hỏa lực, vũ khí công nghệ cao.

### Thứ tư, thực hành đỗ bộ

Cơ động đến khu vực, bãi đỗ bộ: Lực lượng ĐBĐK của địch tiến hành cơ động bằng các phương tiện máy bay chở quân, máy bay trinh sát và trực thăng vũ trang dẫn đường, hộ tống, sẵn sàng dùng hỏa lực chế áp, tiêu diệt trận địa hỏa lực phòng không của ta. Trong quá trình bay vào khu vực, bãi

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

đỗ bộ, máy bay địch thường bay ở độ cao từ  $300 \div 500$ m, tốc độ bay từ  $150 \div 250$ km/giờ, đội hình bay chữ A, chữ V hoặc hình thoi; đồng thời, chúng triệt để tận dụng yếu tố che khuất của địa hình nhằm hạn chế việc quan sát, phát hiện của ta. Khi gần tới khu vực, bãy đổ bộ máy bay trực thăng chở quân giảm tốc độ, hạ thấp độ cao cách mặt đất từ  $100 \div 150$ m để chuẩn bị cho binh lính và phương tiện tiếp đất.

Hỏa lực chi viện cho đổ bộ: Được tiến hành kế tiếp với hỏa lực dọn bãy trực tiếp nhằm tạo vành đai hỏa lực xung quanh các khu vực, bãy đổ bộ để ngăn chặn, tiêu diệt lực lượng, phương tiện của ta ở vòng ngoài, không cho tiếp cận, áp sát bãy đổ bộ. Trong quá trình đổ bộ, địch sử dụng trực thăng vũ trang, máy bay không người lái loại UAV, UACV tiếp tục trinh sát, quan sát xung quanh khu vực, bãy đổ bộ; sử dụng máy bay hộ tống, cảnh giới sẵn sàng chế áp, tiêu diệt lực lượng của ta tiếp cận để bảo vệ đội hình đổ bộ. Máy bay trực thăng vũ trang tìm diệt những mục tiêu vòng ngoài cách khu vực, bãy đổ bộ khoảng 200m trở ra nhằm tạo vành đai hỏa lực, ngăn chặn và đẩy các lực lượng của ta ra xa, tạo khoảng cách an toàn cho lực lượng, phương tiện địch đổ bộ.

Đỗ bộ lực lượng, phương tiện: Tận dụng kết quả của hỏa lực chi viện, máy bay trực thăng chở quân nhanh chóng tiếp cận bãy đổ bộ và thực hành đổ quân. Trường hợp đang đổ quân bị ta tiến công, lực lượng đã đổ bộ lợi dụng địa hình, nhanh chóng triển khai lực lượng chống trả quyết liệt; đẩy lùi các hướng, mũi tiến công và phá vòng vây của ta. Nếu lực lượng bị tiêu hao, tổn thất, không có khả năng tiếp tục tiến công hoặc sau khi ĐBĐK có nguy cơ bị tiêu diệt, địch có thể lợi dụng địa hình có giá trị để co cụm, sử dụng hỏa lực ngăn chặn các hướng, mũi tiến công của ta, kéo dài thời gian chờ lực lượng tăng viện

hoặc rút chạy bằng đường bộ, bốc rút bằng đường không.

Để trận then chốt tiêu diệt địch ĐBĐK giành thắng lợi, cơ quan hậu cần - kỹ thuật (HCKT) cần chủ động nắm chắc những nội dung dự báo về địch; đánh giá tình hình địch có liên quan, tác động đến công tác bảo đảm HCKT; có biện pháp phòng tránh, đánh trả khi địch ĐBĐK vào khu vực HCKT của chiến dịch; xây dựng hệ thống kho trạm HCKT vững chắc, bí mật; xây dựng các mạng đường cơ động để vận chuyển, tiếp tế bảo đảm tính liên tục không bị gián đoạn; làm tốt công tác bảo đảm ngũ trang, nghi binh; sử dụng kết hợp các lực lượng, phương tiện, vận dụng linh hoạt các hình thức, phương thức vận chuyển, bổ sung vật chất HCKT; phát huy sức mạnh tổng hợp của mọi thành phần, lực lượng; kịp thời chuyển hóa thế trận HCKT để bảo đảm cho chiến dịch đánh địch ĐBĐK giành thắng lợi.

## IV. KẾT LUẬN

Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tương lai (nếu xảy ra), đối tượng tác chiến của CDPN quy mô vừa ở địa bàn Quân khu 3 sẽ tiếp tục có sự thay đổi, phát triển. Vũ khí, trang bị, phương tiện ĐBĐK ngày càng hiện đại. Vì vậy, những vấn đề nêu trên cần được tiếp tục cập nhật và nghiên cứu, từng bước bổ sung, phát triển làm cơ sở vận dụng vào huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu trong điều kiện tác chiến mới♦

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng Tham mưu (2019), *Nghệ thuật chiến dịch phòng ngự*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (1987), *Chiến dịch phòng ngự Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng mùa mưa năm 1972*, Nxb QĐND, Hà Nội.

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ TÁC CHIẾN CỦA LỰC LƯỢNG PHÁO BINH ĐÁNH ĐỊCH ĐỒ BỘ ĐƯỜNG KHÔNG CHIẾN LƯỢC TRONG TÁC CHIẾN PHÒNG THỦ CHIẾN LƯỢC TÁC ĐỘNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG BẢO ĐẢM HẬU CẦN, KỸ THUẬT

Đại tá, TS. NGUYỄN HẢI SƠN  
Học viện Quốc phòng

*Khi tiến hành chiến tranh xâm lược nước ta, cùng với lực lượng tiến công đường bộ, đường biển, có thể địch sẽ tổ chức đổ bộ đường không (ĐBĐK) chiến lược vào bên sườn, phía sau trong chiều sâu phòng thủ của ta, nhằm chia cắt chiến lược và phối hợp với các hướng tác chiến khác đẩy nhanh tốc độ đánh chiếm các mục tiêu trọng yếu quốc gia. Trong đánh địch ĐBĐK chiến lược, lực lượng pháo binh (LLPB) có vai trò rất lớn, cần được bảo đảm tác chiến toàn diện, nhất là về hậu cần, kỹ thuật (HC,KT).*

**D**ÁNH địch ĐBĐK chiến lược trong tác chiến phòng thủ chiến lược có nhiều lực lượng tham gia; trong đó, pháo binh (PB) là lực lượng tác chiến quan trọng, được tổ chức trên cơ sở thế trận PB trong tác chiến phòng thủ chiến lược và thường theo phân cấp, gồm: PB trực thuộc chiến trường; PB quân khu nơi địch đổ bộ và PB của lực lượng cơ động chiến lược. Mỗi lực lượng cũng được tổ chức phù hợp theo nhiệm vụ tác chiến được giao và thuận tiện cho chỉ huy hỏa lực và bảo đảm tác chiến. Một số vấn đề trong đánh địch ĐBĐK chiến lược liên quan trực tiếp đến bảo đảm HC, KT cho LLLPB, đó là:

Thứ nhất, trong tác chiến, PB là mục tiêu chủ yếu của các loại phương tiện, vũ khí công nghệ cao của địch. Địch xác định yểm trợ hỏa lực là biện pháp có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là điều kiện không thể thiếu trong tác chiến ĐBĐK, cả trước và trong khi đổ bộ, tập trung vào giai đoạn hỏa lực dồn bã và hỏa lực chi viện trực tiếp cho quân đổ bộ. Mục đích của giai đoạn hỏa lực chuẩn bị cho bã đổ bộ là nhằm tiêu diệt sinh lực, phá hủy công sự, trận địa và hỏa lực, phá vật cản, đẩy đối phương ra xa để lực lượng đổ bộ tiếp đất an toàn. Do vậy, địch sử dụng hỏa lực của các loại máy bay chiến đấu, tiêm kích bom, tên lửa chiến thuật,

chiến dịch hoặc máy bay ném bom chiến lược và PB, tên lửa cấp trên; một số trường hợp có thể sử dụng cả máy bay chiến lược B52 tham gia, với thời gian nhất định và cường độ cao, tập trung vào các mục tiêu là các trận địa phòng không, PB, xe tăng, các sở chỉ huy, đài rada, các đầu mối giao thông, trực đường cơ động, nơi nghỉ ngơi có lực lượng chống ĐBĐK của ta, có thể sử dụng cả vũ khí hóa học tan nhanh, để tập kích sát thương các trận địa hỏa lực của ta. Hoả lực chi viện trực tiếp được tiến hành nối tiếp hỏa lực dồn bã, nhằm tiêu diệt lực lượng, phương tiện của đối phương, ngăn chặn ta tiếp cận mục tiêu. Địch thường sử dụng hỏa lực PB, không quân chiến thuật, trực thăng vũ trang, hỏa lực của lữ đoàn, sư đoàn và kết hợp hỏa lực của cấp trên, đánh phá các mục tiêu xung quanh các bã đổ bộ với mật độ tăng dần, tập trung vào các trận địa hỏa lực phòng không, PB, súng cối và lực lượng của ta xung quanh khu vực đổ bộ trong phạm vi cách bã đổ bộ tới 15 km hoặc xa hơn, tạo ra vành đai an toàn cho lực lượng đổ bộ.

Trong quá trình đổ bộ, địch sử dụng hỏa lực chi viện trực tiếp, nhất là khi một bộ phận quân đổ bộ bị ta tiến công, địch có thể dùng hỏa lực tạo vành đai xung quanh khu vực, bã đổ bộ, đánh chặn đội hình

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

tiến công của ta. Khi cơ động tiến công mục tiêu, cùng với hoạt động trinh sát, địch sử dụng hỏa lực đánh phá các khu vực, các trục đường cơ động nghi có lực lượng ta. Khi đội hình cơ động bị ta ngăn chặn, địch có thể sử dụng hỏa lực không quân, PB, tên lửa, đánh phá vào các mục tiêu, trận địa phòng không, PB của ta; tạo điều kiện cho quân đổ bộ tiếp tục cơ động đánh chiếm mục tiêu.

Hoạt động tác chiến bằng hỏa lực của địch, sẽ gây ra thiệt hại lớn về lực lượng, phương tiện, vũ khí, pháo, đạn..., của các trận địa PB. Thực tiễn, trong Chiến dịch Plei-me năm 1965, để ngăn chặn tiến công của ta và cứu nguy cho quân đổ bộ (thuộc Sư đoàn kỵ binh không vận số 1 Mỹ) ở thung lũng Ia-Đrăng, địch đã dùng máy bay chiến lược B52 ném bom và bắn 6.000 loạt quả đạn pháo/ngày vào các khu vực nghi có trận địa hỏa lực và lực lượng của ta, để yểm trợ và cứu nguy cho quân Mỹ và gây ra những thiệt hại nhất định cho LLPB của Trung đoàn bộ binh 33 và Trung đoàn bộ binh 66.

Hiện nay, địch đã nghiên cứu chế tạo các loại PB, tên lửa hiện đại, như hệ thống pháo phản lực Himas đa năng (đã tác chiến trên chiến trường Ukraina), bắn được nhiều loại đạn khác nhau, có tầm bắn hàng trăm ki-lô-mét, tích hợp hệ thống dẫn đường đạn tiên tiến; các loại bom, đạn "thông minh" tự động bám, bắt mục tiêu, có sự hỗ trợ của các phương tiện bay không người lái (UAV). Do vậy, trong tương lai, độ chính xác của hỏa lực chi viện cho quân ĐBĐK ngày càng cao. Đồng thời, địch sử dụng các loại vũ khí công nghệ cao, bom GBU-28..., có sức công phá lớn, làm cho tính chất ác liệt và mức thiệt hại đối với LLPB ta tham gia tác chiến có thể tăng lên gấp nhiều lần, đặt ra yêu cầu cao cho công tác bảo đảm tác chiến PB nói chung và bảo đảm HC,KT cho PB nói riêng.

*Thứ hai*, pháo binh tham gia đánh địch ĐBĐK có nhiều thành phần, lực lượng khác nhau; chi viện hỏa lực trên nhiều khu vực theo yêu cầu, nhiệm vụ của binh chủng hợp thành. Pháo binh tham gia đánh địch ĐBĐK chiến lược, có nhiều thành phần lực lượng, có biên chế trang bị và khả năng chiến đấu khác nhau. Để phát huy sức mạnh tổng hợp về hỏa lực và tính năng, kỹ chiến thuật của từng loại vũ khí, trang bị PB, mỗi LLPB tham gia tác chiến được giao nhiệm vụ với tính chất khác nhau, diễn ra trên nhiều khu vực đánh địch từ nơi địch tập kết lực lượng, phương tiện, đến các khu vực đổ bộ và cơ động tiến công mục tiêu..., đặt ra yêu cầu bảo đảm HC,KT phải toàn diện, nhất là bảo đảm về hệ số kỹ thuật của các loại xe, pháo cơ giới, tự hành.

Địch ĐBĐK chiến lược có thể diễn ra trên nhiều khu vực; khả năng lực lượng, phương tiện đổ bộ và nhiệm vụ tác chiến của các lực lượng đổ bộ trên mỗi khu vực cũng khác nhau. Do vậy, để đánh địch ĐBĐK chiến lược, Bộ (chiến trường) phát huy sức mạnh tổng hợp của thế trận phòng thủ các quân khu, các tỉnh, thành phố, nơi địch đổ bộ và khả năng của các lực lượng cơ động chiến lược; tiến hành các trận đánh, các chiến dịch đánh địch ĐBĐK phù hợp trên các khu vực. Các trận đánh, chiến dịch đánh địch ĐBĐK chiến lược có thể diễn ra đồng thời trên nhiều khu vực, với quy mô tác chiến và loại hình tác chiến khác nhau. Theo đó, LLPB tham gia tác chiến cũng được tổ chức, sử dụng và bố trí phù hợp để chi viện hỏa lực kịp thời cho các trận đánh, chiến dịch; quá trình tác chiến phải cơ động PB linh hoạt trên từng hướng, từng khu vực. Đòi hỏi bảo đảm HC,KT phải bằng nhiều hình thức, biện pháp, kịp thời trên tất cả các khu vực PB tác chiến và phù hợp với từng loại hình chiến dịch, hình thức chiến thuật của binh chủng hợp thành; dựa chắc và khai thác triệt để hiệu quả, khả năng HCKT của khu

vực phòng thủ để bảo đảm cho PB tác chiến giành thắng lợi.

*Thứ ba*, pháo binh đánh địch ĐBĐK trong điều kiện tác chiến ác liệt, khó khăn, có nhiều biến động, ảnh hưởng trực tiếp đến bảo đảm HC,KT. Địch ĐBĐK chiến lược có phương tiện trinh sát hiện đại; có hỏa lực mạnh, thường sử dụng các phương tiện chở quân hiện đại, có khả năng cơ động nhanh, linh hoạt, từ xa, thời gian đổ quân ngắn, lực lượng, phương tiện nhiều và tính cơ động cao; chủ động lựa chọn các khu vực đổ bộ, đường cơ động và các mục tiêu tấn công..., tạo nên tình huống diễn biến hết sức mau lẹ, phức tạp. Do đó, để đánh địch ĐBĐK hiệu quả, nhanh chóng, đúng thời cơ, Bộ (chiến trường) chỉ đạo các lực lượng tham gia tác chiến, nhất là PB, phải khẩn trương tiến hành công tác tổ chức chuẩn bị tác chiến và cơ động nhanh; dự kiến nhiều phương án về tổ chức, sử dụng và bố trí lực lượng hợp lý trên nhiều khu vực. Đồng thời, luôn sẵn sàng chuyển hóa thế trận, kịp thời đổi phó với mọi tình huống. Vì vậy, công tác bảo đảm HC,KT cho PB tác chiến cũng phải rất khẩn trương, linh hoạt, toàn diện và đầy đủ trên tất cả các khu vực diễn ra trận đánh, chiến dịch đánh địch ĐBĐK chiến lược.

*Thứ tư*, công tác bảo đảm tác chiến PB đánh địch ĐBĐK được chuẩn bị trước một bước từ thời bình. Thực hiện đường lối chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, trên cơ sở thế trận khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố, ngay từ thời bình, ta đã xây dựng các căn cứ HC,KT các cấp trên các chiến trường (hướng) chiến lược. Đây là cơ sở quan trọng để kịp thời chuyển hóa thế trận khi có chiến tranh. Đồng thời, ta cũng dự kiến trước các phương án tác chiến, các khu vực địch có thể ĐBĐK chiến lược; chuẩn bị trước một bước về thế trận, lực lượng, phương tiện, cơ sở vật chất..., để đánh địch ĐBĐK chiến lược. Theo đó,

PB có điều kiện chuẩn bị mọi mặt về thế trận, xây dựng và phát triển lực lượng, xây dựng kế hoạch tác chiến và bảo đảm... Trong đó, các khu vực dự kiến bố trí đội hình chiến đấu PB từ hệ thống đài quan sát, trận địa bắn và vị trí chỉ huy trận địa bắn PB được dự kiến trên các hướng, hình thành hệ thống liên hoàn, vững chắc, phù hợp với ý định tác chiến đánh địch ĐBĐK của Bộ (chiến trường), thuận lợi cho công tác bảo đảm từ các căn cứ HC,KT của Bộ đến các quân khu, các tỉnh, thành phố..., thuận tiện cho việc huy động nhân lực, vật lực tại chỗ, bảo đảm cho tác chiến PB khi có nhiệm vụ tác chiến trên mỗi khu vực.

Trong hiệp đồng tác chiến PB đánh địch ĐBĐK, mỗi LLPB đảm nhiệm các khu vực mục tiêu bắn khác nhau nhưng luôn bảo đảm tập trung, có trọng điểm trên từng hướng, khu vực đánh địch ĐBĐK chủ yếu. Do đó, trong thời bình, trên từng chiến trường (hướng) chiến lược, hệ thống trận địa PB được bố trí thống nhất, đồng bộ trong các đơn vị PB toàn quân từ Bộ đến các quân khu, quân đoàn, quân chủng...; cùng với đó, các phương tiện, khí tài trinh sát, đo đạc, được trang bị ngày càng hiện đại, là cơ sở thuận lợi cho các đơn vị PB chuẩn bị phần tử nhanh chóng, chính xác, bảo đảm bắn trúng, đúng thời cơ, đạt hiệu suất chiến đấu cao.

Từ những vấn đề trên, khi nghiên cứu về bảo đảm HC,KT cho PB tác chiến đánh địch ĐBĐK chiến lược, cần chú ý:

Một là, bảo đảm HC,KT là một nội dung rất quan trọng, có tính tổng hợp cao, một nội dung không thể thiếu trong công tác bảo đảm tác chiến PB, có nhiều nội dung, quan trọng nhất là: Bảo đảm lương thực, thực phẩm, quân trang, xăng dầu, bảo đảm quân y, công tác vận tải; bảo đảm xe, pháo, đạn, khí tài, theo các hệ số kỹ thuật của từng loại vũ khí, trang bị, nhằm nâng hệ số sử dụng... Do vậy, cần quán triệt quan

điểm đồng bộ, toàn diện mới đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ cho PB đánh địch ĐBĐK chiến lược trong tác chiến phòng thủ chiến lược giành thắng lợi.

*Hai là*, tổ chức lực lượng để bảo đảm phù hợp theo khu vực, bố trí, triển khai của LLPB tác chiến, bảo đảm tính vững chắc, phân tán; lấy bảo đảm theo khu vực, tập trung nơi diễn ra các trận đánh, chiến dịch đánh địch ĐBĐK chiến lược trọng yếu; cho LLPB trực thuộc Bộ (chiến trường) là chủ yếu. Đồng thời, chỉ đạo các quân khu, quân đoàn, tổ chức lực lượng HC, KT phù hợp, trên cơ sở các căn cứ, phân căn cứ HC, KT của quân khu, chiến dịch để bảo đảm HC, KT cho PB quân khu, quân đoàn tác chiến trên từng khu vực; chỉ đạo các tỉnh, thành phố trực tiếp bảo đảm HC, KT cho LLPB của tỉnh, thành phố tham gia tác chiến phối hợp đánh địch đổ bộ trên địa bàn. Cùng với đó, cần tổ chức các phân đội HC, KT cơ động, phù hợp trên từng khu vực đánh địch tại bãi (khu vực) đổ bộ và đánh địch cơ động tiến công mục tiêu, theo các hình thức chiến thuật và loại hình chiến dịch binh chủng hợp thành vận dụng; có lực lượng dự bị thích hợp bảo đảm kịp thời, trong thời gian nhanh nhất, giữ vững khả năng tác chiến của LLPB, bảo đảm luôn có hỏa lực chi viện theo các nhiệm vụ tác chiến của Bộ (chiến trường).

*Ba là*, phát huy sức mạnh tổng hợp trong bảo đảm HC, KT cho PB tác chiến. Trong đó, Bộ (chiến trường) chỉ đạo LLPB xây dựng kế hoạch và tổ chức hiệp đồng chặt chẽ với các lực lượng có liên quan; dựa vào khả năng của khu vực phòng thủ, hiệp đồng chặt chẽ với cấp uỷ, chính quyền địa phương để huy động nhân lực, vật chất bảo đảm cho tác chiến; tận dụng và khai thác nguồn lực của địa phương, như: Lương thực, thực phẩm, phương tiện cơ động, cơ sở vật chất HC, KT; huy động nhân lực, phương tiện vận chuyển, cứu kéo;

bảo đảm kịp thời, đầy đủ và thường xuyên cho đơn vị PB; bảo đảm hệ số kỹ thuật xe, pháo, khí tài cao, đồng bộ; bảo quản và phân lô, loại đạn, ngòi liều phù hợp; vận chuyển, tiếp nhận kịp thời đến các khu vực tác chiến; tổ chức các lực lượng, phương tiện cứu kéo, sửa chữa, bảo đảm đường cơ động, vận tải, khắc phục hậu quả, nâng cao khả năng chiến đấu cho các đơn vị PB. Khi có điều kiện, có thể chuẩn bị trước cơ sở vật chất hậu cần, vũ khí, đạn..., ở các khu vực dự kiến đánh địch ĐBĐK chiến lược. Đồng thời, chuẩn bị và triển khai có hiệu quả công tác bảo vệ HC, KT trong quá trình tác chiến; có phương án đánh địch trên không, mặt đất và bảo vệ an toàn hệ thống đường giao thông vận tải, cơ sở vật chất, vũ khí, đạn dược... cho LLPB trong đánh địch ĐBĐK chiến lược.

Nghệ thuật sử dụng PB đánh địch ĐBĐK chiến lược trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc là vấn đề lý luận mới, có tính kế thừa và phát triển; bao gồm cả nội dung tổ chức, sử dụng, bố trí lực lượng; tổ chức chỉ huy hỏa lực và tiến hành công tác bảo đảm tác chiến PB. Trong đó, bảo đảm HC KT là vấn đề quan trọng, cần được nghiên cứu, bổ sung, phát triển phù hợp với hoạt động tác chiến PB và điều kiện mới của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong tương lai (nếu xảy ra)♦

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng tham mưu (2018), *Sử dụng PB trong tác chiến phòng thủ chiến lược*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Tổng Tham mưu (2019), *Bảo đảm hậu cần trong tác chiến chiến lược*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Học viện Quốc phòng (2018), *Tác chiến DBĐK của quân đội Mỹ*, Hà Nội.

# TỔ CHỨC CHỈ HUY HẬU CẦN - KỸ THUẬT SƯ ĐOÀN BỘ BINH BIÊN CHẾ HỎA LỰC MẠNH TIẾN CÔNG VÀO KHU VỰC ĐỊCH PHÒNG NGỤ Ở ĐỊA HÌNH TRUNG DU

Thượng tá, TS. HOÀNG KIM HIỆU  
Khoa Chỉ huy Hậu cần, Học viện Hậu cần

**ABSTRACT:** *The command of logistical and technical support is a component of combat command, playing a vital role in determining the successful fulfillment of logistical and technical support for combat of the division. Based on both theoretical and practical grounds, this article clarifies the characteristics and content and proposes several measures for commanding logistical and technical support for a firepower-intensive infantry division attacking enemy defenses in the midland terrain, within the operational disposition of higher command.*

## I. TÓM TẮT

Tổ chức chỉ huy hậu cần, kỹ thuật (HC,KT) là một nội dung của hoạt động tổ chức chỉ huy chiến đấu, giữ vai trò quan trọng, quyết định đến việc hoàn thành nhiệm vụ bảo đảm HC,KT chiến đấu của sư đoàn. Trên cơ sở lý luận và thực tiễn, bài viết làm rõ đặc điểm, nội dung và đề xuất một số biện pháp về tổ chức chỉ huy HC,KT sư đoàn bộ binh biên chế hỏa lực mạnh tiến công vào (TCV) khu vực địch phòng ngự ở địa hình trung du (ĐHTD) trong thế trận tác chiến của cấp trên.

## II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (nếu xảy ra), sư đoàn bộ binh biên chế hỏa lực mạnh TCV khu vực địch phòng ngự ở ĐHTD có nhiệm vụ tiêu diệt lực lượng địch phòng ngự công sự, ngăn chặn, đánh bại lực lượng tăng viện, phản kích đường bộ, đổ bộ đường không. Để sư đoàn chiến đấu thăng lợi, cần phải giải quyết nhiều vấn đề, trong đó tổ chức chỉ huy HC,KT có ý nghĩa then chốt, góp phần quan trọng bảo đảm đầy đủ, kịp thời HC,KT cho sư đoàn hoàn thành

nhiệm vụ chiến đấu. Thực tiễn trong chiến tranh giải phóng trước đây, đã để lại những bài học quý về tổ chức chỉ huy HC,KT. Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong tương lai, cả ta và địch đều có sự phát triển về chiến thuật, vũ khí, trang bị... đòi hỏi tổ chức chỉ huy HC,KT sư đoàn bộ binh biên chế hỏa lực mạnh TCV khu vực địch phòng ngự ở ĐHTD cần được nghiên cứu, phát triển.

## III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Đối tượng chiến đấu trực tiếp của sư đoàn bộ binh biên chế hỏa lực mạnh TCV khu vực địch phòng ngự ở ĐHTD là tiểu đoàn bộ binh (bộ binh cơ giới) địch phòng ngự trong công sự và lực lượng dự bị của lữ đoàn, sư đoàn bộ binh (bộ binh cơ giới) địch ứng cứu giải tỏa bằng đường bộ, đổ bộ đường không. Địch sử dụng vũ khí công nghệ cao, tác chiến điện tử mạnh; kết hợp với lực lượng phản động gây bạo loạn có vũ trang trên địa bàn tác chiến. Vì vậy, các hoạt động tổ chức chuẩn bị chiến đấu của ta dễ bị địch trinh sát, phát hiện, đánh phá; việc tổ chức chỉ huy HC,KT gặp nhiều khó

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

khăn. Tiến công vào khu vực địch phòng ngự ở ĐHTD, sư đoàn tổ chức thành nhiều lực lượng, vận dụng nhiều hình thức chiến thuật. Theo đó, hậu cần-kỹ thuật (HC-KT) sư đoàn cũng phải đảm bảo cho nhiều lực lượng, với nhiều nhiệm vụ khác nhau, duy trì khả năng bảo đảm cho sư đoàn chiến đấu liên tục.

Tổ chức chỉ huy HC,KT sư đoàn trong điều kiện địch đánh phá ác liệt, phương tiện trinh sát, tác chiến điện tử (TCĐT) của địch rất mạnh. Với ưu thế về phương tiện trinh sát, TCĐT, địch có khả năng gây nhiễu, vô hiệu hóa hoạt động thu thập, xử lý thông tin, cắt đứt hệ thống truyền tin của ta. Mặt khác, lực lượng, phương tiện chỉ huy HC,KT sư đoàn hạn chế, bố trí phân tán trên phạm vi rộng; điều đó đã tác động trực tiếp đến quy trình, phương pháp chỉ huy HC,KT đòi hỏi phải tổ chức hệ thống chỉ huy HC,KT linh hoạt, tập trung, thống nhất, đầy đủ thành phần vừa bảo đảm chỉ huy trực tiếp, vừa bảo đảm chỉ huy vượt cấp và tăng cường chỉ huy. Để thực hiện tốt các nội dung tổ chức chỉ huy HC,KT, cần thực hiện tốt một số biện pháp chủ yếu sau đây:

Một là, tổ chức lực lượng chỉ huy HC,KT hợp lý; có phương án ở sở chỉ huy dự bị. Trong bảo đảm HC,KT sư đoàn bộ binh biên chế hỏa lực mạnh TCV khu vực địch phòng ngự ở ĐHTD, hậu cần - kỹ thuật sư đoàn thiết lập hệ thống chỉ huy từ sở chỉ huy (SCH) các cấp tới HC-KT các đơn vị. Tuy nhiên, HC-KT sư đoàn không tổ chức SCH riêng mà tổ chức thành các bộ phận chỉ huy HC,KT trong các SCH sư đoàn, lực lượng chỉ huy ở các bộ phận hậu cần-kỹ thuật (BPHC-KT) và ở các thành phần khác. Trong đó, lực lượng chỉ huy HC-KT trong các SCH, các BPHC-KT giữ vai trò trung tâm trong chỉ huy HC,KT sư đoàn chiến đấu. Sư đoàn bộ binh biên chế hỏa lực mạnh TCV khu vực địch phòng ngự ở ĐHTD thường tổ

chức ra SCH cơ bản, SCH phía sau, SCH dự bị khi cần thiết.

Đối với SCH cơ bản: Tổ chức chỉ huy HC,KT ở SCH cơ bản phải đầy đủ các thành phần nhưng cần gọn nhẹ, tiện cơ động và phải được trang bị tối ưu các trang bị chỉ huy hiện đại bảo đảm giữ bí mật, an toàn. Ở SCH cơ bản, người chỉ huy HC,KT trực tiếp nắm mệnh lệnh của chỉ huy sư đoàn và tình hình HC,KT phía trước. Đồng thời làm tham mưu và ra các mệnh lệnh nhằm đáp ứng nhiệm vụ bảo đảm phía trước, kịp thời chuyển mệnh lệnh và nhận mệnh lệnh từ chỉ huy HC,KT ở SCH phía sau. Bộ phận chỉ huy HC,KT ở SCH cơ bản thường sử dụng chỉ huy cơ quan và một vài sĩ quan có năng lực, kinh nghiệm trong tổ chức bảo đảm chiến đấu.

Đối với SCH phía sau: bố trí đầy đủ các thành phần lực lượng, bao gồm: chỉ huy sư đoàn, các cơ quan tham mưu, chính trị, HC,KT, đại diện địa phương..., song, lực lượng HC-KT vẫn là chủ yếu. Đây là nơi tập trung nhất mọi chỉ huy, chỉ đạo công tác HC,KT của sư đoàn. Do vậy, SCH phía sau thường được ưu tiên về lực lượng, thường gồm phần lớn lực lượng cơ quan chỉ huy HC,KT. Thực tiễn fBB324 bao vây tiêu diệt quân dù Mỹ tại điểm cao 935 miền Tây Thừa Thiên (01 ÷ 23/7/1970), Bộ phận chỉ huy HC-KT đi với SCH phía sau gồm: Chủ nhiệm HC-KT, Phó chủ nhiệm HC-KT, các trưởng ban và một số trợ lý, bố trí trong SCH phía sau ở cùng khu vực với SCH sư đoàn tại Dãy Kôvaladđut.

Đối với SCH dự bị: sở chỉ huy dự bị là nơi thay thế SCH cơ bản để các cơ quan sư đoàn chuyển đến chỉ huy, điều hành tác chiến khi cần thiết. Tuy nhiên, lực lượng chỉ huy HC-KT sư đoàn bộ binh biên chế hỏa lực mạnh TCV khu vực địch phòng ngự ở ĐHTD không đủ khả năng bố trí sẵn ở

SCH dự bị. Do vậy, HC-KT sư đoàn cần có phương án sử dụng lực lượng, phân công cho các sĩ quan chỉ huy HC,KT ở SCH cơ bản và 1÷2 sĩ quan chỉ huy HC,KT ở SCH phía sau chủ động chuẩn bị các loại vật chất, tài liệu cần thiết để sẵn sàng chuyển đến làm việc ở SCH dự bị khi có lệnh.

Đối với các BPHC-KT: Trong mỗi BPHC-KT, có thể giao cho một trưởng ban trong cơ quan HC-KT sư đoàn hoặc chỉ huy của một trong các thành phần lực lượng trong BPHC-KT có năng lực và kinh nghiệm chỉ huy BPHC-KT bảo đảm cho chiến đấu, nhất là ở BPHC-KT trực tiếp bảo đảm cho trận địa hỏa lực (ePB4, dPPK).

Để thực hiện tốt biện pháp này, Chủ nhiệm HC-KT sư đoàn cần nắm chắc tình hình đơn vị, khả năng, sở trường của từng cán bộ thuộc quyền, nắm chắc ý định chiến đấu của người chỉ huy, tính chất nhiệm vụ chỉ huy HC,KT ở từng thành phần của hệ thống chỉ huy chiến đấu và các tình hình khác có liên quan từ đó có phương án bố trí, sắp xếp đúng người, đúng việc nhằm phát huy tối đa khả năng của từng cán bộ thuộc quyền, tạo ra sức mạnh tổng hợp phần vào chiến thắng chung của toàn sư đoàn.

*Hai là*, nâng cao hiệu quả thu thập, xử lý thông tin để ra quyết định chỉ huy HC,KT kịp thời, chính xác. Thu thập, xử lý thông tin kịp thời, chính xác có ý nghĩa rất quan trọng, giúp người chỉ huy HC,KT ra các quyết định đúng và nhanh chóng, tổ chức thực hiện hiệu quả nhất. Các thông tin HC,KT sư đoàn bộ binh biên chế hỏa lực mạnh TCV khu vực địch phòng ngự ở ĐHTD cần thu thập thường gồm: tình hình địch; nhiệm vụ chiến đấu của đơn vị, ý định, quyết tâm chiến đấu và chỉ thị công tác HC,KT của người chỉ huy; nghị quyết lãnh đạo của đảng uỷ sư đoàn và phòng HC-KT; chỉ lệnh, quy định... của HC-KT cấp trên; hiệp đồng bảo đảm HC,KT

của các cơ quan đơn vị, địa phương; diễn biến chiến đấu; tình hình bảo đảm HC,KT trên các hướng, khu vực chiến đấu; các tình hình khác có liên quan.

Xử lý thông tin là hoạt động phân tích, tổng hợp của người chỉ huy và cơ quan chỉ huy HC,KT đối với các nguồn thông tin thu thập được. Khi xử lý thông tin phải phân tích kỹ lưỡng, đánh giá đầy đủ, chính xác những tác động cả tích cực và tiêu cực của thông tin đó để có phương án bảo đảm HC,KT phù hợp.

Để thu thập, xử lý thông tin và ra quyết định được kịp thời, chính xác, đòi hỏi người chỉ huy HC,KT phải luôn chủ động nắm thông tin qua các nguồn như: chỉ huy đơn vị, HC-KT cấp trên, các cơ quan trong đơn vị, các phân đội, bộ phận HC-KT thuộc quyền, HC-KT cấp dưới báo cáo, đơn vị bạn và địa phương...đồng thời phải xây dựng tác phong, phương pháp công tác khoa học, tư duy lô gíc, nhanh nhạy trong phán đoán tình hình; mặt khác, cần tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình thu thập, xử lý thông tin và ra các quyết định chỉ huy HC,KT đúng đắn, kịp thời nhất.

*Ba là*, xây dựng phương án bảo vệ hệ thống chỉ huy HC,KT an toàn, bí mật. Hệ thống chỉ huy HC,KT là nơi thu thập, xử lý thông tin, ra các quyết định và truyền đạt quyết định đến người thực hiện. Mặt khác, hệ thống chỉ huy HC,KT sư đoàn bộ binh biên chế hỏa lực mạnh TCV khu vực địch phòng ngự ở ĐHTD phải hoạt động trong điều kiện địch thường xuyên trinh sát, TCĐT và đánh phá ác liệt. Do vậy, cần phải xây dựng các phương án bảo vệ hệ thống chỉ huy HC,KT chặt chẽ, an toàn, bí mật. Thực tiễn, xung đột Nga - Ukraine cho thấy, một trong những mục tiêu đối phương tìm cách đánh phá là trung tâm chỉ huy (các cấp). Để đối phó với vũ khí công nghệ cao, tác

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

chiến điện tử và các hoạt động tiền công của địch vào hệ thống chỉ huy HC,KT, Chủ nhiệm HC-KT sư đoàn phải triển khai thực hiện đồng bộ những nội dung sau:

Đối với bảo vệ bộ phận chỉ huy HC-KT ở các SCH: Do cơ quan tham mưu của sư đoàn đảm nhiệm tổ chức phương án bảo vệ ở các SCH. Bộ phận chỉ huy HC-KT là một thành phần trong các SCH của sư đoàn, sẵn sàng chiến đấu theo kế hoạch chiến đấu tại chỗ của người chỉ huy. Bộ phận chỉ huy HC-KT phải hiệp đồng chặt chẽ với cơ quan tham mưu để nắm chắc phương án bảo vệ, sẵn sàng di chuyển khi có lệnh của người chỉ huy.

Đối với bảo vệ trước các đòn tập kích hỏa lực. Triệt để tận dụng thế che đỡ, che khuất của địa hình, địa vật để bố trí, nhằm hạn chế sự bộc lộ trước các phương tiện trinh sát vệ tinh, quang học, radar, UAV của địch, giảm thiệt hại khi bị các đòn tiến công hỏa lực từ tên lửa hành trình, pháo binh, UAV cảm tử...của đối phương. Khi lựa chọn vị trí bố trí cần tuân thủ các yêu cầu: bố trí trong phạm vi bố trí SCH, thuận tiện cho chỉ huy, chỉ đạo bảo đảm HC,KT tiện cơ động di chuyển; tận dụng được thế bảo vệ của các lực lượng chiến đấu ở gần; hạn chế tổn thất lớn do mưa, lũ, sụt, lở đất.

Đối với bảo vệ mạng thông tin liên lạc (TTLL). Mạng lưới TTLL luôn là mục tiêu đánh phá hàng đầu của đối phương ngay từ đầu và trong suốt quá trình chiến đấu. Mạng TTLL của Hệ thống chỉ huy HC,KT là một bộ phận trong hệ thống mạng TTLL của sư đoàn, do đó phải thống nhất theo phương án bảo vệ của cơ quan tham mưu. Bảo vệ mạng TTLL trong hệ thống chỉ huy HC,KT sư đoàn thường tập trung vào thực hiện tốt các nội dung sau: che giấu sự phát xạ sóng vô tuyến của các phương tiện TTLL vô tuyến điện bằng cách hạn chế thời gian phát

sóng; sử dụng VTĐ có công suất phù hợp; tổ chức liên lạc VTĐ linh hoạt, hợp lý, kết hợp chặt chẽ mạng TTLL sư đoàn với mạng TTLL khu vực phòng thủ. Trên một hướng liên lạc cần sử dụng kết hợp chặt chẽ, hiệu quả các phương tiện TTLL thô sơ với hiện đại. Đối với cán bộ chỉ huy HC,KT cần nắm vững các quy định sử dụng TTLL trong các giai đoạn chiến đấu, triệt để tuân thủ chế độ sử dụng mật ngữ khi đàm thoại. Đồng thời phải biết sử dụng thành thạo VTĐ trang bị cho cơ quan HC-KT để rút ngắn thời gian hoạt động của VTĐ.

## IV. KẾT LUẬN

Tổ chức chỉ huy HC,KT sư đoàn bộ binh biên chế hỏa lực mạnh TCV khu vực địch phòng ngự ở ĐHTD trong thế trận tác chiến của cấp trên có nhiều khó khăn, phức tạp. Để thực hiện tốt các nội dung tổ chức chỉ huy HC,KT sư đoàn cần thực hiện đồng bộ các biện pháp, vận dụng linh hoạt vào điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của từng trận đánh, góp phần bảo đảm HC,KT sư đoàn chiến đấu giành thắng lợi. Đồng thời, những kinh nghiệm này cần tiếp tục được hoàn thiện thông qua huấn luyện, diễn tập và tổng kết thực tiễn để nâng cao chất lượng chỉ huy HC,KT trong chiến tranh hiện đại♦

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Quốc phòng (2003), *Tổng kết chiến dịch trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và Đế quốc Mỹ (1945 - 1975)*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Tổng Tham mưu (2024), *Sư đoàn bộ binh biên chế hỏa lực mạnh tiến công vào khu vực địch phòng ngự*, NXb QĐND, Hà Nội.
3. Học viện Hậu cần (2014), *Chỉ huy hậu cần trung đoàn, sư đoàn bộ binh chiến đấu*, Nxb QĐND, Hà Nội.

# KẾT HỢP GIỮA HẬU CẦN - KỸ THUẬT QUÂN SỰ ĐỊA PHƯƠNG VỚI HẬU CẦN - KỸ THUẬT NHÂN DÂN ĐỊA PHƯƠNG TRONG DỰ TRỮ VẬT CHẤT QUÂN NHU BẢO ĐẢM CHO LỰC LƯỢNG TÁC CHIẾN PHÒNG THỦ TỈNH, THÀNH PHỐ

Thượng tá, TS. DƯƠNG QUANG BÌNH

Khoa Quân nhu, Học viện Hậu cần

Đại úy, CN. BÙI TIỀN ĐẠT

Học viên Cao học, Học viện Hậu cần

**ABSTRACT:** Reserving military supply materials, a key component of military logistics support, serves as a crucial foundation for the sufficient and timely provision of military supply materials to provincial and municipal defensive combat forces to win victory. Based on both theoretical and practical grounds, this article examines the content and methods of coordinating between local military logistics and local civilian logistics in reserving military supply materials to support provincial and municipal defensive combat forces in the event of a Fatherland protection war.

## I. TÓM TẮT

Dự trữ vật chất quân nhu (VCQN), một nội dung quan trọng của bảo đảm quân nhu (BĐQN); là cơ sở để bảo đảm đầy đủ, kịp thời VCQN cho các lực lượng tác chiến phòng thủ tỉnh, thành phố giành thắng lợi. Từ lý luận và thực tiễn, bài viết nghiên cứu nội dung, biện pháp kết hợp giữa hậu cần quân sự địa phương (QSĐP) với hậu cần nhân dân (HCND) địa phương trong dự trữ VCQN để bảo đảm cho các lực lượng tác chiến phòng thủ tỉnh, thành phố khi chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (BVTQ) xảy ra.

## II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tác chiến phòng thủ tỉnh, thành phố giữ vị trí chiến lược quan trọng trong chiến tranh BVTQ, nhằm thực hiện chiến tranh nhân dân địa phương; phát huy sức mạnh tổng hợp tại chỗ đánh địch, bảo vệ vững chắc địa bàn. Trong phòng thủ, lực lượng vũ trang (LLVT) địa phương phải tổ chức thành nhiều lực lượng, quân số đông, chiến đấu rộng khắp, thời gian dài. Do đó, nhu cầu

VCQN bảo đảm cho LLVT địa phương lớn, nhiều chủng loại và phải bảo đảm trên địa bàn rất rộng, với nhiều dạng địa hình khác nhau (đồng bằng, trung du, rừng núi, sông nước...). Trong khi đó, khả năng quân nhu QSĐP có hạn. Vì vậy, việc kết hợp giữa hậu cần QSĐP với HCND địa phương trong dự trữ VCQN để bảo đảm cho các lực lượng tác chiến phòng thủ tỉnh, thành phố là một giải pháp hết sức quan trọng.

## III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Kết hợp các lực lượng trong dự trữ VCQN để bảo đảm cho chiến đấu đã được thực hiện trong chiến tranh giải phóng, như: Trước mỗi đợt hoạt động tác chiến, bộ đội cùng với nhân dân trên địa bàn các tỉnh, thành phố đều chuẩn bị VCQN, dự trữ trước gạo, muối, nước mắm... trên các hướng, các địa bàn trọng điểm.

Ngày nay, các KVPT đã xây dựng phương án tác chiến phòng thủ và bảo đảm hậu cần, kỹ thuật (HCKT), chuẩn bị

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

cơ sở hạ tầng... Do vậy, lực lượng HCKT quân sự địa phương có điều kiện kết hợp với HCND địa phương trong dự trữ VCQN; chuẩn bị trước khu vực bối trí kho, trạm; dự trữ trước một số loại vật chất quân nhu thiết yếu tại các cơ sở (CS) HC-KT bí mật. Để phù hợp với xu hướng phát triển của chiến tranh BVTQ (nếu xảy ra), việc kết hợp dự trữ VCQN cần tập trung vào một số nội dung chủ yếu sau:

*Thứ nhất*, trong thời bình: Các đơn vị bộ đội địa phương phải tổ chức dự trữ theo chỉ thị của Tổng Tham mưu trưởng, các chỉ lệnh, hướng dẫn của Tổng cục HC-KT, Cục Quân nhu và HC-KT quân khu. Đối với dân quân tự vệ, HCND địa phương không tổ chức kho riêng mà đưa lượng dự trữ này vào lĩnh vực lưu thông, tổ chức dưới dạng các “Quỹ” để dự trữ VCQN. Các quỹ này giao cho doanh nghiệp Nhà nước (trên địa bàn tỉnh) có đủ điều kiện về cơ sở kho tàng, bến bãi, năng lực quản lý và phải thực hiện nghiêm việc giữ bí mật Nhà nước, quân sự theo quy định; chịu sự kiểm tra, giám sát của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh và các cơ quan chức năng. Cấp xã, phường, có thể dự trữ ở các hợp tác xã, cơ sở kinh tế hộ gia đình, trang trại hoặc gửi trong nhà dân. Những địa phương có nguồn lương thực, thực phẩm (LTTP) dồi dào, có thể chuyển một phần quỹ, từ dự trữ hiện vật sang dự trữ bằng tiền... Ngoài các quỹ dự trữ trên, tổ chức vận động nhân dân địa phương dự trữ thêm một số loại LTTP, chất đốt sẵn sàng chi viện cho dân quân tự vệ, các lực lượng tác chiến trên địa bàn.

*Thứ hai*, trong tác chiến: Lượng LTTP phải có trước giờ quy định của bộ đội địa phương và dân quân tự vệ khoảng 3 tháng. Kết hợp dự trữ ở kho tinh (ccHC-KT, phân ccHC-KT/tỉnh; csHC-KT bí mật) với lượng

dự trữ của HCND địa phương bao gồm hậu cần địa phương tỉnh và hậu cần nhân dân cơ sở. Cụ thể:

Đối với hậu cần QSDP: Ở ccHC-KT dự trữ khoảng 1 tháng cho bộ đội địa phương và khoảng 0,5 tháng cho đơn vị dân quân tự vệ của tỉnh, lực lượng dân quân tự vệ cơ động phối hợp chiến đấu. Ở phân ccHC-KT, dự trữ khoảng 0,5 tháng cho bộ đội địa phương, khoảng 10 ngày cho đơn vị dân quân tự vệ tác chiến trên hướng, khu vực đảm nhiệm. Ở csHC-KT bí mật, dự trữ khoảng 0,5 tháng cho lực lượng trong căn cứ chiến đấu (CCCD); lực lượng cơ động tác chiến trên phạm vi địa bàn và khoảng 5 ngày cho lực lượng dân quân tự vệ chiến đấu tại chỗ.

Đối với HCND địa phương: Hậu cần địa phương tỉnh (gồm các cơ sở sản xuất kinh doanh, cơ sở kinh tế, nhà máy xí nghiệp trên địa bàn), cần dự trữ cho bộ đội địa phương khoảng 20 ngày và cho dân quân tự vệ khoảng 40 ngày. Hậu cần nhân dân cơ sở xã, phường (hợp tác xã, hộ gia đình), dự trữ cho bộ đội địa phương khoảng 10 ngày và dân quân tự vệ khoảng 20 ngày.

Lượng dự trữ của các cơ sở sản xuất kinh doanh, cơ sở kinh tế, nhà máy xí nghiệp trên địa bàn được dự trữ trong các kho, xưởng bí mật (dự kiến bối trí từ thời bình, triển khai xây dựng hoàn thiện trong thời chiến). Chú trọng triển khai dưới dạng kho cơ động, chất xếp vật chất trên phương tiện vận tải để tăng tính cơ động bảo đảm.

Lượng dự trữ của HCND cơ sở được huy động tập kết tại một địa điểm và giao cho tổ nhóm huy động địa phương tổ chức triển khai dự trữ ở các trạm cấp phát, bổ sung VCQN trong các làng, xã chiến đấu.

Để tiến hành kết hợp dự trữ VCQN của hậu cần QSĐP với dự trữ của HCND địa phương bảo đảm cho các lực lượng tác chiến phòng thủ tỉnh, thành phố trong chiến tranh BVTQ cần thực hiện một số biện pháp sau:

*Một là*, quân nhu QSĐP giúp chủ nhiệm HC-KT tham mưu cho chỉ huy trưởng chủ động đề xuất chủ tịch ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh, thành phố kiện toàn tổ chức hội đồng cung cấp (HĐCC), ban hậu cần nhân dân cơ sở để huy động, dự trữ VCQN. Để chuẩn bị VCQN cho tác chiến phải huy động một khối lượng lớn, nhiều chủng loại, phạm vi khai thác trên địa bàn rộng, liên quan nhiều ban, ngành ở các cấp. Do đó, cần thiết tổ chức các lực lượng để trực tiếp làm công việc huy động. Lực lượng này có thể chia thành các tổ (nhóm) thực hiện nhiệm vụ huy động VCQN trên một địa bàn nhất định. Mỗi tổ (nhóm) có trách nhiệm phối hợp với các tiểu ban huy động vật chất (các cấp) để tiếp nhận, vận chuyển và thanh quyết toán VCQN.

Cơ quan hậu cần QSĐP chủ động tham mưu đề xuất với chỉ huy trưởng bộ chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố về thành phần, tiêu chuẩn các chức danh bổ sung vào các tiểu ban huy động VCQN; chỉ đạo ban HCND cơ sở thành lập các tổ (nhóm) huy động VCQN, gồm những người có phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn và am hiểu các vấn đề quân sự, quốc phòng. Tập trung những đồng chí có chuyên môn sâu về các lĩnh vực liên quan, như: Y tế, vận tải, công thương, nông nghiệp... Các tiểu ban, tổ (nhóm) làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, triển khai tổ chức khi có nhiệm vụ huy động VCQN, dưới sự chỉ huy, điều hành trực tiếp của bộ chỉ huy quân sự, ban chỉ huy quân sự xã.

Quân nhu QSĐP làm nòng cốt kết hợp với các ban, sở, ngành của địa phương tiến hành khảo sát, đăng ký khả năng huy động vật chất cho tác chiến. Ban HCND cơ sở kết hợp với các tổ (nhóm) huy động VCQN, tiến hành khảo sát khả năng, huy động, dự trữ của hộ dân trên địa bàn xã, phường làm cơ sở xây dựng kế hoạch dự trữ sát đúng. Kết hợp các tổ chức chính trị, xã hội ở địa phương làm tốt công tác tuyên truyền chủ trương, chính sách, quy định của Nhà nước, địa phương về huy động VCQN bảo đảm cho chiến tranh... Tổ chức luyện tập, diễn tập đánh giá khả năng huy động vật chất cho tác chiến. Đối với cấp xã, diễn tập theo từng thôn, khóm, ấp, đối tượng diễn tập là các hộ gia đình. Đối với cấp tỉnh, đối tượng diễn tập là các cơ sở sản xuất, kinh doanh buôn bán, nhà máy xí nghiệp sản xuất chế biến LTTP.

*Hai là*, quân nhu QSĐP tham mưu, đề xuất hình thức huy động, giao nhận, vận chuyển và thanh toán VCQN. Về hình thức huy động: HĐCC cần duy trì nghĩa vụ thuế; thu mua theo giá thỏa thuận; trao đổi hàng hóa hai chiều; động viên thời chiến, đóng góp, ủng hộ... Tuy nhiên, khi chiến tranh xảy ra, không tránh khỏi tác động của quy luật chiến tranh, quy luật vận động của thị trường, tình hình kinh tế, xã hội có những biến đổi sâu sắc, phức tạp, dễ dẫn đến tình trạng đầu cơ, tích trữ. Vì vậy, đi đôi với các hình thức huy động truyền thống cần chú ý đến hình thức huy động bắt buộc thông qua Luật trưng mua, trưng dụng tài sản. Quân nhu QSĐP cần nghiên cứu, nắm chắc các quy định về việc trưng mua, trưng dụng tài sản, quyền và trách nhiệm của cơ quan Nhà nước trong việc trưng mua, trưng dụng tài sản; quyền và nghĩa vụ của người có tài sản trưng mua, trưng dụng; quyền và nghĩa vụ người khác có liên quan...

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

Tham mưu cho HĐCC chỉ đạo thực hiện phù hợp với điều kiện thực tiễn tại địa phương.

Trong tác chiến, quân nhu QSĐP tham mưu cho HĐCC trình UBND tỉnh biện pháp quản lý toàn bộ vật chất đã được giao chỉ tiêu đăng ký bảo đảm cho nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của các doanh nghiệp, công ty tư nhân, hộ kinh doanh cá thể... trên địa bàn. Tùy tình hình cụ thể, có thể tiến hành huy động một phần hoặc toàn bộ lượng vật chất theo quy định cho nhiệm vụ tác chiến phòng thủ.

Về phương thức giao nhận, vận chuyển, có thể vận dụng linh hoạt các hình thức: (1) Cơ sở xã, phường huy động và vận chuyển về kho của tỉnh trên địa bàn để bàn giao. Sau khi nhận được lệnh huy động của cấp trên, chủ tịch UBND xã (phường) thông báo cho các thôn, xóm (ấp) và ban HCND cơ sở. Trên cơ sở kế hoạch chung, các tổ (nhóm) huy động vật chất sẽ trực tiếp thông báo đến các hộ gia đình, các hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn về chỉ tiêu huy động (số lượng, chủng loại), thời gian, địa điểm tập kết vật chất. (2) Lực lượng, phương tiện của tỉnh xuống tiếp nhận của địa phương cơ sở tại các vị trí tập trung được thông báo trước (nhà văn hóa thôn, xóm, sân vận động...). Tiến hành giao nhận tay ba giữa tiểu ban huy động VCQN tỉnh; tổ (nhóm) huy động cơ sở và người dân, các hộ gia đình, hộ kinh doanh cá thể.... Phương thức này sẽ giảm công sức cho cơ sở, tận dụng được thời gian tổ chức huy động, lực lượng, phương tiện, vận chuyển nhanh chóng, thuận lợi nên thường được áp dụng và có tính khả thi cao hơn.

Về phương thức thanh toán: Quân nhu QSĐP tham mưu cho hậu cần QSĐP tỉnh, thành phố linh hoạt các hình thức thanh toán, như: Chi trả tiền mặt, sử dụng

tem phiếu ghi nợ. Quân nhu QSĐP phối hợp với các sở công thương, sở nông nghiệp và môi trường, thống nhất quy định mẫu tem, phiếu làm cơ sở tham mưu trình UBND tỉnh, thành phố quyết định ban hành.

Sau tác chiến, căn cứ vào số lượng ghi trên tem phiếu để chi trả tiền mặt hoặc trao đổi hàng hóa. Đồng thời, các tiểu ban huy động, tổ (nhóm) huy động từng cấp phải có sổ sách ghi chép, thống kê chặt chẽ số lượng, chủng loại vật chất, làm căn cứ để thanh, quyết toán.

## IV. KẾT LUẬN

Bảo đảm VCQN có khối lượng lớn, nhiều chủng loại, dự trữ ở nhiều cấp, nhiều nơi, chịu sự chi phối, tác động mạnh mẽ của yếu tố địa hình, thời tiết địa bàn tác chiến; quá trình tác chiến có thể bị địch đánh phá ác liệt, gây tổn thất lớn. Vì vậy, tổ chức dự trữ VCQN phải đầy đủ, đồng bộ, tổ chức dự trữ phân tán, rộng khắp. Tổ chức kết hợp dự trữ VCQN giữa hậu cần QSĐP và HCND địa phương giúp giảm tải áp lực cho kho, trạm, phù hợp với khả năng của hậu cần QSĐP. Đồng thời, phát huy được sức mạnh tổng hợp trong BĐQN của mạng lưới HCND địa phương, sẵn sàng chi viện cho các lực lượng tác chiến rộng khắp trên địa bàn, góp phần hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ tác chiến phòng thủ♦

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Quốc phòng (2022), Điều lệnh tác chiến khu vực phòng thủ cấp tỉnh, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Tổng Tham mưu (2020), *Tác chiến khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Chính phủ (2019), Nghị định số 21/2019/NĐ-CP về KVPT, Hà Nội.

# MỘT SỐ BIỆN PHÁP BỔ SUNG VẬT CHẤT HẬU CẦN, KỸ THUẬT TRUNG ĐOÀN BỘ BINH PHÒNG NGỤ KHU VỰC PHÒNG THỦ THEN CHỐT TỈNH BIÊN GIỚI TÂY NGUYÊN

Trung tá, ThS. HÁN VĂN DŨNG  
Nghiên cứu sinh, Học viện Hậu cần  
Đại úy, CN. LÊ HUY HOÀNG  
Khoa Chỉ huy Hậu cần, Học viện Hậu cần

*Trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (nếu xảy ra), phòng ngự khu vực phòng thủ (KVPT) then chốt tỉnh biên giới sẽ diễn ra ngay từ đầu; trung đoàn bộ binh (eBB) là lực lượng nòng cốt thực hiện hình thức chiến đấu này. Bảo đảm hậu cần, kỹ thuật (HCKT) cho eBB sẽ dựa vào thế trận HCKT khu vực phòng thủ tỉnh được chuẩn bị trước một bước từ thời bình và tiến hành điều chỉnh trong chiến tranh. Cho nên, bổ sung vật chất HCKT cho eBB sẽ rất linh hoạt và cần được nghiên cứu.*

**C**ÁC tỉnh biên giới Tây Nguyên (BGTN) có đường biên giới dài hơn 594 km, giáp với hai nước bạn Lào và Campuchia. Ở khu vực BGTN có đồng đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống; kinh tế - xã hội từng bước phát triển; hệ thống giao thông đang được “nhựa” hóa, thuận lợi liên kết vùng; lĩnh vực nông nghiệp có tiềm năng lớn... Điều đó tạo nên khả năng lớn trong huy động hậu cần, kỹ thuật (HCKT) bảo đảm cho các trung đoàn bộ binh (eBB) thuộc tỉnh phòng ngự khu vực phòng thủ (KVPT) then chốt.

Đối tượng trực tiếp tấn công vào KVPT then chốt tỉnh BGTN là lữ đoàn bộ binh cơ giới địch nằm trong đội hình cấp trên, sử dụng vũ khí công nghệ cao, tác chiến điện tử và tác chiến không gian mạng mạnh. Quá trình tấn công, địch liên tục trinh sát, sử dụng vũ khí công nghệ cao, phương tiện bay không người lái (UAV) đánh phá ác liệt vào các mục tiêu, nhất là khu vực bô trí kho, trạm HCKT, mạng đường vận chuyển; làm cho hoạt động vận chuyển, bổ sung vật chất HCKT của eBB gặp khó khăn.

Về ta, eBB thuộc tỉnh BGTN chiến đấu trong thế trận KVPT, có nhiệm vụ: Sát thương, tiêu hao tiêu diệt một bộ phận sinh lực và phương tiện chiến đấu; ngăn chặn, đánh bại tiến công của địch, giữ vững KVPT then chốt... Trong ngụ KVPT then chốt tỉnh, eBB thường tổ chức thành: Bộ phận chiến đấu vòng ngoài (ven đô); bộ phận phòng ngự; bộ phận cơ động tiến công; bộ phận hỏa lực pháo binh, phòng không; bộ phận công binh, hóa học; bộ phận sở chỉ huy; bộ phận HC-KT. Quá trình chiến đấu, eBB được cấp trên tăng cường lực lượng, chi viện hỏa lực; tính chất chiến đấu thường ác liệt, nhiều tình huống phức tạp, HC-KT của eBB phải bổ sung vật chất cho nhiều bộ phận, trên địa bàn rộng, thời gian dài, khối lượng lớn, nhiều chủng loại; cơ động vận chuyển vật chất gặp khó khăn. Vì vậy, để công tác bổ sung vật chất HCKT trung đoàn bộ binh phòng ngự KVPT then chốt trong tác chiến phòng thủ tỉnh BGTN đạt hiệu quả cao, cần thực hiện tốt các biện pháp sau:

*Một là, bổ sung vật chất phù hợp với nhiệm vụ, đặc điểm chiến đấu của các bộ phận trong từng giai đoạn chiến đấu. Trung*

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

đoàn tổ chức nhiều bộ phận, mỗi bộ phận vận dụng hình thức chiến thuật, thủ đoạn chiến đấu khác nhau... nên nhu cầu vật chất HCKT cũng khác nhau. Do đó, ngoài chủ động tổ chức dự trữ vật chất toàn diện, có trọng điểm, có chiều sâu cho lực lượng phòng ngự; HC-KT/e phải tổ chức phân cấp dự trữ, tiến hành các biện pháp bổ sung vật chất HCKT phù hợp với nhiệm vụ, đặc thù chiến đấu của các bộ phận khác.

Đối với bộ phận chiến đấu vòng ngoài (ven đô): Là lực lượng đầu tiên đánh địch khi chúng tiến công vào KVPT then chốt tỉnh. Do vậy, HC-KT/e cần ưu tiên bổ sung trước, toàn diện các loại vật chất HCKT, như: Thuốc chiến thương, lương khô, đạn; sử dụng lực lượng vận tải bộ (tăng cường) kết hợp với lực lượng dân quân mang vác đùi theo yêu cầu chiến đấu.

Đối với bộ phận cơ động tiến công: Do quá trình chiến đấu, lực lượng này thường phải cơ động liên tục để đánh địch đột nhập trận địa, thọc sâu, vu hồi, đổ bộ đường không, săn sàng xử trí các tình huống...; cho nên, HC-KT/e cần bổ sung một số loại vật chất HCKT đủ lượng dự kiến tiêu thụ trong giai đoạn chuẩn bị và một phần lượng phải có đến giờ quy định. Khi cơ động chiến đấu, HC-KT/e bổ sung tại khu triển khai đội hình. Nếu có điều kiện thì lót trước vật chất (đạn) ở vị trí dự kiến đánh địch đổ bộ đường không (đối với địa hình bị chia cắt, đường vận tải khó khăn...) nhưng phải bảo đảm bí mật, an toàn, cẩn thận coi.

Đối với lực lượng phòng ngự, thường phải chiến đấu dài ngày, thực hành nhiều trận đánh liên tục, ác liệt; các cụm điểm tựa có thể bị bao vây, cô lập, chia cắt. Do đó, để bổ sung vật chất HCKT cho lực lượng này, HC-KT/e thường sử dụng vận tải bộ, thô sơ kết hợp với vận tải cơ giới (khi có điều kiện tiếp nhận vật chất từ kho eBB bổ sung đủ lượng phải có trước giờ quy định cho kho

và các đơn vị. Trong chiến đấu, thường bổ sung vào cuối ngày, chủ yếu là đạn; sau 2 ÷ 3 ngày sẽ bổ sung theo kế hoạch; nếu tiêu thụ, tổn thất lớn thì bổ sung ngay.

Thực tiễn, eBB48 phòng ngự bảo vệ Thành cổ Quảng Trị (26/8 ÷ 15/9/1972), trong 81 ngày đã tiếp nhận, bổ sung 123 tấn gạo; 30,5 tấn lương khô các loại; 4 tấn muối; 13 tấn thực phẩm; 5,5 tấn đường sữa. Các đơn vị phòng ngự được bổ sung vật chất sau từng đợt chiến đấu; bộ phận cơ động tiến công được bổ sung vật chất kịp thời tại khu vực triển khai chiến đấu.

Để thực hiện biện pháp này, HC-KT/e cần nắm chắc nhiệm vụ chiến đấu của eBB, quyết tâm chiến đấu của trung đoàn trưởng; nhiệm vụ HC-KT/e; chỉ lệnh bảo đảm HCKT quân sự địa phương tỉnh; diễn biến chiến đấu, tình hình tiêu thụ, tổn thất vật chất HCKT của các đơn vị và các yếu tố khác có liên quan; tổ chức tiếp nhận vật chất của HC-KT quân sự địa phương tỉnh, kết hợp với lượng hiện có ở kho eBB để bổ sung cho các lực lượng theo yêu cầu, phù hợp với nhiệm vụ chiến đấu của từng đơn vị.

*Hai là*, kết hợp các lực lượng, phương tiện để vận chuyển, bổ sung vật chất HCKT kịp thời, đầy đủ cho các bộ phận chiến đấu. Trung đoàn bộ binh phòng ngự KVPT then chốt trong tác chiến phòng thủ tỉnh, ngoài lực lượng vận tải có trong biên chế, HC-KT/e còn được HC-KT quân sự địa phương tỉnh tăng cường lực lượng, phương tiện vận tải và có thể huy động một số phương tiện vận tải tại chỗ. Ở cấp trung đoàn, khả năng của vận tải ô tô lớn hơn so với vận tải thô sơ sức người. Tuy nhiên, vận tải ô tô cần có hệ thống đường sá hoàn chỉnh, mặt đường đủ tiêu chuẩn, khó giữ bí mật. Vận tải thô sơ sức người tuy năng suất vận chuyển thấp, cung đường vận chuyển ngắn, khó vận chuyển các loại vật chất có khối lượng lớn; song, yêu cầu về điều kiện đường sá

không lớn, chuyển được vật chất đến trận địa, giữ được bí mật. Từ những vấn đề đó, cần kết hợp vận tải thô sơ sức người với vận tải ô tô để hỗ trợ nhau, giúp cho HC-KT/e bổ sung vật chất HC-KT một cách kịp thời. Theo đó, HC-KT/e cần sử dụng vận tải thô sơ sức người để vận chuyển, bổ sung những loại vật chất có khối lượng nhỏ, cung vận chuyển gần, trên đường khó khăn; sử dụng vận tải ô tô để vận chuyển vật chất có khối lượng lớn, cự ly xa...

Thực tiễn, eBB12 phòng ngự khu vực Đồng Đăng (17/02 ÷ 11/3/1979), các đơn vị đã tích cực chuẩn bị đường vận chuyển, bổ sung vật chất từ kho trung đoàn ở Thực Bình, Lũng Áng và Đồng Áng đến kho dBB4 ở khu vực Cồn Chủ, Phạc Lùng và dBB5 phòng ngự phía trước ở Đồng Uất; từ bộ phận HC,KT phía sau của trung đoàn Bình Trung và Pác Lung (Lũng Cong) bổ sung cho dBB6; chuẩn bị đường vận chuyển, bổ sung vật chất từ đơn vị lên các điểm tựa, cụm điểm tựa phòng ngự. Tiếp nhận vận chuyển vật chất bổ sung từ hậu cần cấp trên, địa phương cho HC-KT/e bằng vận tải ô tô là chủ yếu. Sử dụng kết hợp vận tải cơ giới với vận tải bộ để bổ sung vật chất từ HC-KT/e cho các tiểu đoàn và từ HC-KT các tiểu đoàn cho đơn vị chiến đấu tại các khu vực, điểm tựa phòng ngự.

Từ lý luận và thực tiễn đó, khi kết hợp các lực lượng, phương tiện để vận chuyển, bổ sung vật chất HCKT của eBB, có thể thực hiện như sau:

Giai đoạn chuẩn bị, tại khu vực tập kết, HC-KT/e chủ yếu sử dụng vận tải ô tô để vận chuyển bổ sung vật chất từ các căn cứ, phân căn cứ HC-KT của KVPT để bổ sung cho các đơn vị và vật chất dự trữ ở kho HC-KT/e. Ngoài ra, có thể huy động lực lượng bộ đội các đơn vị cùng tham gia vận chuyển. Quá trình cơ động từ tập kết vào vị trí triển khai xây dựng trận địa phòng ngự,

HC-KT/e sử dụng kết hợp các lực lượng và phương tiện vận tải để vận chuyển kho.

Trong giai đoạn chiến đấu, kết hợp sử dụng lực lượng vận tải bộ với các phương tiện vận tải thô sơ, vận tải ô tô để vận chuyển bổ sung vật chất tại HC-KT đơn vị và các trận địa phòng ngự.

Sau chiến đấu, HC-KT/e khẩn trương tiếp nhận, bổ sung cho đơn vị tại vị trí mới, theo yêu cầu nhiệm vụ.

Để thực hiện tốt biện pháp trên, ngay từ thời bình, vận tải eBB phải được kiện toàn tổ chức biên chế về lực lượng và phương tiện vận tải; thường xuyên huấn luyện nâng cao chất lượng bão đảm vận tải cho các phương án chiến đấu của eBB. Trong chiến đấu, vận tải eBB không ngừng cải tiến nâng cao khả năng vận chuyển của các thành phần lực lượng vận tải, đáp ứng yêu cầu vận chuyển vật chất cho các lực lượng; coi trọng cải tiến phương tiện vận tải ô tô theo hướng tăng khả năng cơ động, tính Việt dã và tăng khả năng bảo vệ. Ngoài ra, trên cơ sở kế hoạch bão đảm HCKT đã xác định, HC-KT/e chủ động liên hệ, hiệp đồng với địa phương và sử dụng kết hợp với lực lượng, phương tiện HCKT các cấp của trung đoàn trong vận chuyển vật chất HCKT, xác định phạm vi và phân cấp tiếp nhận lực lượng, phương tiện vận tải cho các đơn vị.

*Ba là*, hiệp đồng chặt chẽ với HCKT các cấp và HCKT khu vực phòng thủ để tiếp nhận, khai thác và bổ sung vật chất trong các giai đoạn. Trung đoàn bộ binh phòng ngự KVPT then chốt trong tác chiến phòng thủ tỉnh, thế trận KVPT được chuẩn bị một bước từ thời bình; do đó, có nhiều thành phần lực lượng HC-KT tham gia bảo đảm: HC-KT/e, hậu cần-kỹ thuật KVPT tỉnh, HC-KT quân khu, HC-KT các đơn vị ... Mặt khác, HC-KT/e phải bảo đảm cho eBB chiến đấu trên phạm vi rộng, trong điều kiện khả năng bảo đảm có hạn...

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

Vì vậy, để bảo đảm đầy đủ, kịp thời vật chất HCKT cho các bộ phận chiến đấu, HC-KT/e cần thực hiện tốt việc hiệp đồng và phối hợp với HC-KT các cấp trong các giai đoạn chiến đấu theo kế hoạch thống nhất. Theo đó, HC-KT/e cần hiệp đồng về tiếp nhận và bổ sung vật chất HCKT với HC-KT các cấp và hậu cần - kỹ thuật KVPT thông qua hiệp đồng HC-KT quân sự địa phương tỉnh. Hậu cần - kỹ thuật eBB có thể tổ chức hội nghị hiệp đồng HC-KT, cử phái viên hiệp đồng trên từng hướng (đơn vị) chiến đấu; ngoài ra, có thể hiệp đồng bằng văn bản với các đơn vị có liên quan. Khi hiệp đồng tiếp nhận, bổ sung vật chất với các đối tượng, chủ nhiệm HC-KT tập trung vào một số nội dung: Chủng loại, khối lượng, thời gian, địa điểm bổ sung vật chất cho từng đơn vị trong các giai đoạn, ở vị trí tập kết, triển khai và trong quá trình thực hành chiến đấu; trách nhiệm xếp dỡ vật chất... Cần hiệp đồng tỉ mỉ, cụ thể về từng mốc thời gian bắt đầu, kết thúc bổ sung vật chất cho từng đơn vị, tránh ùn tắc và gây mất an toàn; bảo đảm bí mật, nhất là giai đoạn chiến đấu. Phải thống nhất về số lượng, chất lượng và chủng loại vật chất giữa các đơn vị bàn giao. Hiệp đồng quy định thống nhất phạm vi, quyền hạn, phương thức khai thác cơ sở vật chất, kỹ thuật của hậu cần - kỹ thuật KVPT, thống nhất với các đơn vị các loại vật chất không mang theo trong chiến đấu, khu vực, địa điểm cất giữ và trách nhiệm quản lý.

Để thực hiện tốt hiệp đồng với HC-KT các cấp, hậu cần - kỹ thuật KVPT trong tiếp nhận và khai thác vật chất HCKT, đòi hỏi HC-KT/e phải thường xuyên nắm chắc diễn biến chiến đấu, diễn biến bảo đảm HCKT, kịp thời điều chỉnh, bổ sung vật chất HCKT đáp ứng yêu cầu chiến đấu; HC-KT/e chủ động hiệp đồng sớm một số nội dung về tiếp nhận, bổ sung vật chất cho

các đơn vị ngay khi có ý định chiến đấu và chỉ lệnh bảo đảm HC-KT quân sự địa phương tỉnh, để tranh thủ thời gian và tạo điều kiện cho cấp dưới làm công tác chuẩn bị. Ngoài ra, HC-KT/e cần vận dụng linh hoạt các phương pháp hiệp đồng phù hợp với đối tượng, nội dung hiệp đồng và điều kiện chiến đấu.

Bổ sung vật chất eBB phòng ngự KVPT then chốt trong tác chiến phòng thủ tỉnh là một nội dung quan trọng, quyết định đến việc hoàn thành nhiệm vụ bảo đảm HCKT và kết quả của trận đánh. Để thực hiện tốt nội dung này, HC-KT/e cần thực hiện đồng bộ các biện pháp trên một cách linh hoạt, sáng tạo, vận dụng vào thực tiễn của từng trận đánh, góp phần cho eBB chiến đấu giành thắng lợi. Dự báo chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong tương lai (nếu xảy ra), đối tượng chiến đấu của eBB phòng ngự KVPT then chốt trong tác chiến phòng thủ tỉnh sẽ có sự vận động phát triển cả về lực lượng, phương tiện và phương thức tác chiến; nghệ thuật eBB phòng ngự KVPT then chốt trong tác chiến phòng thủ tỉnh của ta cũng có sự phát triển cho phù hợp với điều kiện mới; do đó, bảo đảm vật chất HCKT nói chung, bổ sung vật chất HCKT nói riêng cần tiếp tục được nghiên cứu, phát triển, hoàn thiện hơn♦

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng Tham mưu (2010), *Bảo đảm hậu cần tác chiến phòng thủ tỉnh (thành phố) trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Tổng Tham mưu (2013), *Bảo đảm hậu cần trung eBB phòng ngự đô thị*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Bộ Tổng Tham mưu (2013), *Bảo đảm hậu cần eBB phòng ngự trung du*, Nxb QĐND, Hà Nội.

# BÀN VỀ XÁC ĐỊNH LƯỢNG TIÊU THỤ XĂNG DẦU CỦA CÁC PHƯƠNG TIỆN CƠ GIỚI TRONG CHIẾN DỊCH PHẢN CÔNG

Đại tá, TS. NGUYỄN ANH DŨNG  
Phó Chủ nhiệm Khoa Xăng dầu, Học viện Hậu cần

**ABSTRACT:** *Estimating fuel consumption in combat is of great importance, serving as the basis for identifying requirements, reserving, transporting, replenishing, and refueling fuel during operations. Based on theoretical research and related influencing factors, this article addresses several issues concerning the estimation of fuel consumption for vehicles and equipment during counteroffensive campaigns in the event of a Fatherland protection war.*

## I. TÓM TẮT

Xác định lượng xăng dầu (XD) tiêu thụ trong tác chiến có ý nghĩa rất quan trọng, là cơ sở để xác định nhu cầu, tổ chức dự trữ và vận chuyển bổ sung, tra nạp XD trong chiến đấu. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận, các yếu tố tác động liên quan, bài viết đề cập một số vấn đề về xác định lượng XD tiêu thụ của xe, máy trong chiến dịch phản công (CDPC) khi chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (BVTQ) xảy ra.

## II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong chiến tranh BVTQ (nếu xảy ra), CDPC sẽ được mở để đánh địch ở trạng thái tiến công, giành và giữ quyền chủ động, tạo chuyển biến có lợi cho cục diện tác chiến chiến lược của cấp trên. Thành phần CDPC gồm bộ đội chủ lực, địa phương, dân quân tự vệ, các ban ngành, đoàn thể, quần chúng...; với lực lượng, phương tiện tương đối lớn, tác chiến hiệp đồng quân, binh chủng rộng khắp. Vì vậy, ngành XD phải bảo đảm cho nhiều phương tiện xe máy, với khối lượng XD tiêu thụ lớn, nhiều chủng loại và thường xuyên bị địch trinh sát, đánh phá. Trong điều kiện đó, ngành XD chiến dịch phải có phương pháp xác định lượng

XD tiêu thụ của xe, máy trong các giai đoạn chiến đấu cho phù hợp.

## III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Đối tượng tác chiến của CDPC là các lữ đoàn bộ binh (bộ binh cơ giới) thuộc sư đoàn bộ binh (bộ binh cơ giới) địch, kết hợp với các lực lượng khác tiến công bằng đường bộ, đổ bộ đường không nhằm giành, giữ và khai thác thế chủ động hòng đánh chiếm các mục tiêu của ta.

Về phía ta, để đánh địch, CDPC sẽ tổ chức nhiều bộ phận lực lượng, vận dụng nhiều hình thức chiến thuật, yêu cầu bí mật cao; các lực lượng tác chiến liên tục cơ động bằng phương tiện cơ giới trên phạm vi rộng, khẩn trương và biến động cao nên nhu cầu tiêu thụ XD của chiến dịch rất lớn. Lượng XD tiêu thụ trong CDPC phụ thuộc vào quy mô chiến dịch, mức độ sử dụng xe máy, nhu cầu vận chuyển vật chất, cơ động bộ đội, thời gian tác chiến; đặc điểm về địa hình, đường sá, thời tiết; tình trạng kỹ thuật của xe máy, định mức tiêu thụ XD của từng loại phương tiện; trình độ chuyên môn của đội ngũ lái xe, thợ máy.

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

Hiện nay, ngành XD quân đội xác định lượng XD dự kiến tiêu thụ cho xe, máy theo một trong hai phương pháp: (1) Theo mức độ sử dụng và điều kiện làm việc của xe máy; (2) Theo mức tiêu thụ trung bình một ngày đêm. Trong hai phương pháp tính toán trên, mỗi phương pháp có những ưu điểm và hạn chế riêng. Phương pháp (1) cho kết quả sát với thực tế hơn nhưng tính toán phức tạp, mất nhiều thời gian; phương pháp (2) cho kết quả tương đối chính xác nhưng tính toán đơn giản, thời gian tính toán nhanh.

Do CDPC thường có thời gian chuẩn bị trực tiếp và thực hành tác chiến ngắn, tác chiến trong điều kiện cả địch và ta đều ở trạng thái tiến công, diễn biến mau lẹ và khẩn trương; đòi hỏi công tác chuẩn bị phải rất khẩn trương, thậm chí có trường hợp không kịp chuẩn bị. Với số lượng lớn phương tiện cơ giới tham gia chiến dịch, đa dạng về chủng loại; cho nên, để bảo đảm tính chính xác, sát điều kiện thực tế, có thể áp dụng kết hợp hai phương pháp trên để xác định lượng XD tiêu thụ của xe máy. Theo đó, việc xác định lượng XD tiêu thụ theo mức độ sử dụng và điều kiện làm việc của xe máy thường áp dụng đối với các xe vận tải; xe tăng, xe thiết giáp; xe kéo pháo. Đối với xe, máy của các đơn vị công binh, trinh sát, đặc công, hóa học... thường áp dụng xác định lượng XD theo mức tiêu thụ trung bình một ngày đêm. Cụ thể như sau:

*Thứ nhất*, đối với các xe vận tải: Trong CDPC, nếu tính toán và dự kiến được khối lượng vật chất, cự ly vận chuyển và có thời gian chuẩn bị thì có thể sử dụng phương pháp xác định lượng XD tiêu thụ theo mức độ sử dụng và điều kiện làm việc của xe máy để tính lượng XD tiêu thụ cho các phương tiện vận tải làm nhiệm vụ vận chuyển vật chất trong các giai đoạn của chiến dịch.

Để xác định lượng XD tiêu thụ theo mức độ sử dụng và điều kiện làm việc của

các xe vận tải, cần phải xác định được khối lượng vật chất, số lượng thương binh, bệnh binh cần vận chuyển; số lượng, chủng loại, cự ly hoạt động của các xe máy. Việc xác định khối lượng vật chất; số lượng thương binh, bệnh binh cần vận chuyển bao gồm tổng khối lượng vật chất cần vận chuyển trong giai đoạn chuẩn bị và giai đoạn thực hành.

Về cự ly vận chuyển: Trong CDPC, thường xác định cự ly vận chuyển từ căn cứ hậu cần - kỹ thuật chiến lược đến khu vực tập kết chiến dịch, khoảng vài chục ki-lô-mét; cự ly vận chuyển từ kho hậu cần - kỹ thuật đến các đơn vị ở khu vực tập kết không xa; cự ly vận chuyển từ tập kết vào triển khai khoảng vài chục ki-lô-mét; cự ly vận chuyển từ căn cứ hậu cần - kỹ thuật đến phân căn cứ hậu cần - kỹ thuật trên hướng phản công chủ yếu không lớn và đến hậu cần sư đoàn khoảng vài chục ki-lô-mét; cự ly từ phân căn cứ hậu cần đến các bộ phận hậu cần phía sau của sư đoàn trên hướng bảo đảm khoảng trên chục ki-lô-mét. Để thuận tiện trong quá trình tính toán, với khối lượng vận chuyển và các cự ly đã xác định ở trên, chúng ta có thể xác định cự ly bình quân ở giai đoạn chuẩn bị và thực hành chiến dịch. Tuy nhiên, khi tính toán lượng XD tiêu thụ trong các giai đoạn chiến dịch, nên lựa chọn cự ly vận chuyển bình quân xa nhất nhằm đảm bảo đủ lượng XD tiêu thụ cho các phương tiện vận chuyển trong điều kiện khó khăn nhất.

Việc lựa chọn phương tiện vận chuyển phải dựa vào các tiêu chí của ngành vận tải: Lựa chọn theo tính năng việt dã của ô tô; lựa chọn theo đặc điểm, tính chất của loại vật chất vận chuyển; lựa chọn dựa vào trọng tải thiết kế của xe và tỷ trọng loại vật chất. Theo dự kiến các chủng loại phương tiện xe máy của CDPC, khi vận chuyển vật chất, thường sử dụng các loại xe zil-130, Kamaz - 43253, hyundai... Trường hợp vận chuyển vật chất

cho các đơn vị ở những nơi đường sá khó khăn (đèo cao, dốc sâu, lầy lội) sẽ lựa chọn xe có tính năng việt dã cao như Gaz-66, zil-131, Kamaz - 43266... Trên cơ sở khối lượng vận chuyển, các thông số đã xác định ở trên, dựa vào định mức tiêu thụ nhiên liệu khi sử dụng ô tô, mô tô, sẽ xác định được lượng XD tiêu thụ của các xe vận tải của chiến dịch.

**Thứ hai,** đối với xe tăng, xe thiết giáp: Trong tác chiến hiệp đồng binh chủng của CDPC, tăng thiết giáp hiệp đồng chặt chẽ với bộ binh và các lực lượng chiến dịch, có nhiệm vụ đánh bại lực lượng chủ yếu trong đội hình tiến công của địch trên hướng chủ yếu, đây là nhiệm vụ phổ biến và thường là nhiệm vụ chủ yếu. Trên cơ sở quyết tâm của tư lệnh chiến dịch, kế hoạch tác chiến và điều kiện cụ thể của chiến dịch, lực lượng tăng thiết giáp của chiến dịch thường được tổ chức thành các bộ phận lực lượng: Cơ động tiến công, tại chỗ và dự bị. Các đơn vị tăng thiết giáp được bố trí xen kẽ, gần đơn vị cơ động tiến công hoặc lực lượng tại chỗ binh chủng hợp thành, hiệp đồng với đơn vị bạn, hình thành thế liên hoàn, chi viện lẫn nhau.

Giai đoạn tổ chức chuẩn bị chiến dịch, đơn vị tăng thiết giáp thường tiến hành một số nội dung, như: Quán triệt nhiệm vụ, tính toán thời gian, xác định những công việc cần làm ngay; nghiên cứu đánh giá tình hình; dự kiến kế hoạch, để đạt sử dụng tăng thiết giáp; trinh sát thực địa, hoàn chỉnh kế hoạch. Trong giai đoạn chuẩn bị, tại vị trí tập kết chiến dịch, các xe sẽ tiêu thụ một lượng nhỏ XD phục vụ cho việc sắp xếp, dồn dịch đội hình nhằm triển khai, hình thành thế trận ban đầu, sẵn sàng cơ động vào vị trí triển khai khi có lệnh.

Giai đoạn thực hành chiến dịch, tăng thiết giáp tiến hành cơ động triển khai lực lượng. Lực lượng tăng thiết giáp chủ lực trước khi cơ động có thể đứng chân ở một

số khu vực ngoài địa bàn chiến dịch hoặc đã có một số đơn vị đứng chân trên địa bàn. Khi cơ động, các phân đội tăng thiết giáp từng bước hoặc cơ động thẳng vào các khu vực tác chiến trên địa bàn.

Khi xác định lượng XD tiêu thụ cho xe tăng thiết giáp trong giai đoạn thực hành, cần phải xác định một số khu vực, tuyến, vị trí và khoảng cách đến mục tiêu. Có thể lấy ví dụ như sau: Khu vực tập kết chiến dịch thường cách địch  $40 \div 60$ km, xe tăng thiết giáp cơ động mất từ  $1 \div 2$  giờ; khu vực tập kết chiến đấu cách địch  $10 \div 20$ km, để bảo đảm bí mật, xe tăng thiết giáp thường phải cơ động chậm hoặc lúc đi lúc nghỉ nên thời gian cơ động khoảng  $2 \div 3$  giờ; khu vực tạm dừng điều chỉnh cách địch  $3 \div 5$ km; trận địa bắn ngắm trực tiếp cách địch  $1 \div 1,5$ km; tuyến triển khai xung phong cách địch khoảng 1km; khu vực tập trung sau chiến đấu cách khu vực tác chiến  $10 \div 20$ km, xe tăng thiết giáp cơ động mất từ  $2 \div 3$  giờ. Từ các số liệu về khoảng cách như vậy, để tính toán, xác định lượng XD tiêu thụ cho xe tăng thiết giáp, cần xác định cự ly hoạt động giữa các khu vực trong quá trình cơ động, gồm: Từ khu vực tập kết chiến đấu đến khu vực tập kết chiến đấu; từ khu vực tập kết chiến đấu đến khu vực tạm dừng điều chỉnh; từ khu vực tạm dừng điều chỉnh đến trận địa ngắm bắn trực tiếp; từ trận địa ngắm bắn trực tiếp đến tuyến triển khai xung phong và từ khu vực tác chiến đến khu vực tập kết sau chiến đấu. Khi lựa chọn, xác định cự ly hoạt động giữa các khu vực cần chú ý đến những tình huống, trường hợp khó khăn, xe tăng thiết giáp phải cơ động nhiều để tính toán, xác định đủ lượng XD tiêu thụ cho phù hợp.

Trên cơ sở thời gian hoạt động; tổ chức biên chế lực lượng xe tăng thiết giáp của chiến dịch; định mức tiêu thụ XD khi sử dụng xe tăng thiết giáp sẽ xác định được lượng XD tiêu thụ cho xe tăng thiết giáp của chiến dịch.

*Thứ ba*, đối với xe kéo pháo: Trong CDPC, pháo binh là một thành phần chiến đấu quan trọng; hỏa lực pháo binh giữ vai trò chủ yếu, chi viện cho các lực lượng chiến dịch đánh địch hoàn thành mục đích của chiến dịch. Đối với lực lượng pháo binh, lượng XD tiêu thụ chủ yếu cho các xe làm nhiệm vụ kéo pháo để pháo binh chiến dịch cơ động triển khai lực lượng.

Giai đoạn chuẩn bị, lực lượng pháo binh chiến dịch sẽ thực hiện một số nội dung, như: Quán triệt nhiệm vụ, tính toán thời gian, xác định những công việc làm ngay; nghiên cứu đánh giá, kết luận tình hình và tiến hành cơ động triển khai lực lượng. Việc cơ động lực lượng đối với pháo sử dụng xe kéo được chuẩn bị sớm và đảm bảo tốt mạng đường cơ động, phương tiện cơ động và dự kiến nhiều tình huống có thể xảy ra trong quá trình cơ động. Trong điều kiện được chuẩn bị trước, các lực lượng pháo binh trực thuộc chiến dịch có thể tổ chức cơ động vào chiếm lĩnh trận địa bắn. Khoảng cách cơ động từ khu vực tập kết chiến dịch đến vị trí triển khai chiến đấu khoảng  $30 \div 35$ km.

Giai đoạn thực hành, pháo binh tiến hành cơ động dịch chuyển trong quá trình chiến đấu. Việc dịch chuyển vị trí có thể được tiến hành sau một (một số) nhiệm vụ hỏa lực hoặc sau một đợt chiến dịch. Khoảng cách dịch chuyển thường từ  $2 \div 3$ km. Khi tính lượng XD tiêu thụ cho các xe kéo pháo, để đảm bảo đủ lượng XD tiêu thụ trong điều kiện khó khăn nhất, cần lựa chọn khoảng cách xa nhất.

Trên cơ sở cự ly hoạt động trong các giai đoạn; tổ chức biên chế lực lượng pháo binh chiến dịch sẽ xác định được lượng XD tiêu thụ cho các xe kéo pháo.

*Thứ tư*, đối với xe, máy của các đơn vị công binh, trinh sát, đặc công, hóa học: Do quá trình tác chiến khó xác định được

chính xác các yếu tố để tính lượng XD tiêu thụ theo mức độ sử dụng và điều kiện làm việc của xe máy, như cự ly, mức độ hoạt động... Vì vậy, các loại xe máy này áp dụng tính lượng XD theo mức tiêu thụ trung bình một ngày đêm.

Nghiên cứu thực tiễn một số CDPC trong chiến tranh giải phóng cho thấy, các lực lượng phải cơ động trên phạm vi rộng, các mục tiêu luôn di chuyển, địch chủ động về thời gian, không gian, lực lượng và cách đánh. Do vậy, lượng XD tiêu thụ sẽ lớn. Mặt khác, thời gian chuẩn bị và thực hành tác chiến CDPC thường ngắn nên lượng XD tiêu thụ trung bình 1 ngày đêm lớn và thường cao hơn so với các loại hình chiến dịch khác. Do vậy, giá trị mức tiêu thụ XD trung bình 1 ngày đêm thường sẽ cao.

### IV. KẾT LUẬN

Xác định lượng XD tiêu thụ trong các giai đoạn của chiến dịch là một nội dung quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả bảo đảm XD cho CDPC. Căn cứ vào tình hình thực tiễn, ngành XD chiến dịch cần nghiên cứu, vận dụng linh hoạt các phương pháp xác định lượng XD tiêu thụ cho phù hợp nhằm hoàn thành nhiệm vụ bảo đảm XD cho tác chiến thắng lợi♦

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng Tham mưu (2021), *Nghệ thuật CDPC*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Cục Xăng dầu (2017), *Hướng dẫn sử dụng định mức xăng dầu trong quân đội*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Nguyễn Anh Dũng (2020), *Bảo đảm xăng dầu CDPC trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc*, Luận án tiến sĩ, Học viện Hậu cần, Hà Nội.

# NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG LUYỆN TẬP CHUYỂN TRẠNG THÁI SẴN SÀNG CHIẾN ĐẤU CỦA TIỂU ĐOÀN VẬN TẢI THUỘC SỰ ĐOÀN BỘ BINH

Đại úy, CN. LÊ VIỆT THÀNH  
Khoa Vận tải, Học viện Hậu cần

**ABSTRACT:** Training for combat readiness transition is a central and regular task, aimed at enabling commanders and units to master the sequence and content of actions required during combat readiness transition, thereby avoiding passivity and surprise in unexpected situations. Based on a survey of the current situation, this article proposes measures for improving the quality of combat readiness transition training for the transport battalion under the infantry division.

## I. TÓM TẮT

Luyện tập chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu (SSCD) là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên; nhằm rèn luyện cho người chỉ huy, đơn vị về thứ tự, nội dung hành động thực hành chuyển trạng thái SSCD; không để bị động, bất ngờ khi có các tình huống xảy ra. Trên cơ sở khảo sát thực trạng, bài viết đề xuất biện pháp nâng cao chất lượng luyện tập chuyển trạng thái SSCD của tiểu đoàn vận tải (dVT) thuộc sư đoàn bộ binh.

## II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tiểu đoàn vận tải cấp chiến thuật là lực lượng vận tải chủ yếu thuộc biên chế sư đoàn bộ binh, có nhiệm vụ vận chuyển vật chất hậu cần-kỹ thuật, cơ động bộ đội bảo đảm cho các nhiệm vụ huấn luyện, thường xuyên và đột xuất của sư đoàn; vận chuyển công dân nhập ngũ, bộ đội xuất ngũ; huấn luyện SSCD và chiến đấu. Ngoài ra đơn vị tham gia vận chuyển bảo đảm cho phòng chống cứu hộ, cứu nạn, thiên tai, dịch bệnh và các nhiệm vụ đột xuất khác của sư đoàn khi được giao. Sẵn sàng vận chuyển và vận chuyển đầy đủ, kịp thời mọi nhu cầu vật chất hậu cần-kỹ thuật đáp ứng yêu cầu SSCD và chiến đấu thắng của fBB là chức năng, nhiệm vụ cơ bản, chủ yếu của dVT.

Để hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị trung tâm này, đòi hỏi phải thực hiện nhiều nội dung, trong đó triển khai thực hiện hiệu quả công tác luyện tập chuyển trạng thái SSCD cho cán bộ, chiến sĩ (CBCS) trong tiểu đoàn có ý nghĩa hết sức quan trọng.

## III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Những năm qua, Đảng ủy, chỉ huy dVT ở các sư đoàn bộ binh luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai đồng bộ, toàn diện nhiều giải pháp; hướng dẫn các đơn vị thuộc quyền thực hiện nghiêm túc, đạt được những kết quả tích cực, chất lượng luyện tập ngày càng nâng lên. Khảo sát công tác luyện tập chuyển trạng thái SSCD ở một số dVT thuộc các quân khu, quân đoàn đứng chân ở miền Bắc, cho thấy: Trên cơ sở bám sát nhiệm vụ của đơn vị, nắm vững chỉ lệnh huấn luyện của sư đoàn, nhiệm vụ, hướng dẫn của cấp trên, các tiểu đoàn đã chủ động xây dựng kế hoạch luyện tập chuyển trạng thái SSCD khoa học, cụ thể; xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, thời gian, phương pháp luyện tập. Nội dung luyện tập hàng năm có sự thay đổi, cập nhật và tập trung vào những vấn đề mới, những phát triển về công tác hậu cần, công tác vận tải, phù hợp

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

với đặc điểm, nhiệm vụ của tiểu đoàn. Bên cạnh đó, quá trình luyện tập, các đơn vị đã chú trọng đổi mới hình thức, phương pháp luyện tập; thực hiện tốt kế hoạch, lịch luyện tập bảo đảm đồng bộ, chuyên sâu, sát với từng đối tượng, gắn kết chặt chẽ giữa luyện tập chuyển trạng thái SSCĐ với công tác huấn luyện thường xuyên ở đơn vị. Kết quả đạt được đã góp phần nâng cao nhận thức, trình độ chuyên môn, kỹ năng tổ chức, chỉ huy trong thực hiện nhiệm vụ chuyển trạng thái SSCĐ của CBCS vận tải ở các dVT/fBB. Tuy nhiên, công tác luyện tập chuyển trạng thái SSCĐ tại đơn vị còn một số hạn chế nhất định, như: Nhận thức của một số CBCS chưa sâu sắc, chưa thấy rõ được vị trí, vai trò của luyện tập chuyển trạng thái SSCĐ ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị trung tâm của đơn vị trong cả thời bình và thời chiến. Hệ thống văn kiện luyện tập chưa thống nhất; công tác bồi dưỡng nội dung, phương pháp luyện tập chuyển trạng thái SSCĐ chưa được chú trọng, chưa phân loại các đối tượng để bồi dưỡng trước khi tổ chức luyện tập. Công tác bảo đảm tài liệu, vật chất và chuẩn bị khu sơ tán cho luyện tập chuyển trạng thái SSCĐ chưa thật sự được chú trọng; hệ thống hầm hào công sự, thao trường luyện tập chưa đồng bộ, thống nhất; chưa huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực trong luyện tập chuyển trạng thái SSCĐ. Kết quả luyện tập chuyển trạng thái SSCĐ hàng năm chưa thật sự vững chắc, việc triển khai, ứng dụng CNTT trong luyện tập chuyển trạng thái SSCĐ chưa thật sự hiệu quả.

Từ kết quả đạt được và những hạn chế trong công tác luyện tập chuyển trạng thái SSCĐ của các đơn vị thời gian qua, trước yêu cầu ngày càng cao về chất lượng SSCĐ, yêu cầu xây dựng quân đội, ngành Xe máy - Vận tải trong tình hình mới đòi hỏi

phải nâng cao hơn nữa chất lượng luyện tập chuyển trạng thái SSCĐ ở các dVT. Để làm được điều đó, cần thực hiện tốt một số biện pháp sau:

*Một là*, tích cực tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho các lực lượng tham gia luyện tập chuyển trạng thái SSCĐ. Nếu có nhận thức đúng thì các hoạt động thực tiễn sẽ đúng hướng, hiệu quả, CBCS tham gia luyện tập với tinh thần, trách nhiệm cao, tích cực tự giác trong luyện tập, chấp hành nghiêm các quy định, từ đó nâng cao chất lượng luyện tập. Nội dung giáo dục, quán triệt cho từng đối tượng phải được xác định đúng đắn cụ thể, phù hợp với cương vị, vai trò, chức trách của từng CBCS trong luyện tập chuyển trạng thái SSCĐ.

*Đối với đội ngũ cán bộ trong toàn tiểu đoàn trực tiếp làm công tác quản lý, chỉ huy đơn vị tham gia luyện tập chuyển trạng thái SSCĐ phải giáo dục, quán triệt một cách toàn diện những vấn đề chung nhất về chuyển trạng thái SSCĐ, các văn bản, chỉ thị của quân đội, quân khu (quân đoàn) và đơn vị về SSCĐ và chuyển trạng thái SSCĐ. Trong đó tập trung vào những vấn đề mang tính nguyên tắc; yêu cầu, nội dung, thời gian, phương pháp tiến hành luyện tập chuyển trạng thái SSCĐ. Đồng thời, tiểu đoàn cần cụ thể hóa trong nghị quyết của đảng ủy tiểu đoàn bằng phương hướng lãnh đạo, đề ra chủ trương, biện pháp sát, đúng; giao nhiệm vụ về chỉ tiêu, chất lượng luyện tập cho từng đơn vị.*

*Đối với CBCS tham gia luyện tập chuyển trạng thái SSCĐ, cần quán triệt, giáo dục để CBCS nhận thức đúng vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác SSCĐ và chuyển trạng thái SSCĐ trong tình hình mới; nắm chắc nhiệm vụ của Quân đội, đơn vị và âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch hoạt động trên địa*

bàn; chú trọng giáo dục truyền thống, nghệ thuật đánh giặc giữ nước, truyền thống “mở đường mà tiến, đánh địch mà đi” của lực lượng vận tải quân sự. Đồng thời, xây dựng quyết tâm, đề cao trách nhiệm cho CBCS tham gia luyện tập nỗ lực, hoàn thành tốt nhiệm vụ luyện tập trên từng cương vị được phân công đảm nhiệm.

Tiến hành giáo dục cho CBCS tham gia luyện tập chuyển trạng thái SSCĐ trong tiểu đoàn thông qua kế hoạch luyện tập của tiểu đoàn, sinh hoạt đơn vị, giao ban triển khai công việc hằng ngày. Quá trình quán triệt, triển khai nhiệm vụ luyện tập chuyển trạng thái SSCĐ chỉ huy các cấp trong tiểu đoàn phải điều hành chặt chẽ; giao nhiệm vụ, phân công cụ thể cho từng đơn vị; có cán bộ phụ trách và quy định thời gian hoàn thành các nội dung công việc. Công tác giáo dục, quán triệt phải tiến hành bền bỉ, thường xuyên có trọng tâm, trọng điểm ngay từ khi chuẩn bị luyện tập chuyển trạng thái SSCĐ đến khi đơn vị hoàn thành nhiệm vụ.

*Hai là*, nâng cao chất lượng xây dựng kế hoạch, lịch điều hành và hệ thống văn kiện luyện tập chuyển trạng thái SSCĐ. Đây là cơ sở pháp lý, là điều kiện tiên quyết để tiểu đoàn tổ chức và duy trì luyện tập theo trình tự thống nhất từ cấp tiểu đoàn đến cấp trung đội đạt chất lượng hiệu quả. Theo đó, hệ thống văn kiện luyện tập chuyển trạng thái SSCĐ ở dVT/fBB được thực hiện thông qua các bước: (1) Chuẩn bị các yếu tố xây dựng kế hoạch: Tiểu đoàn căn cứ vào tình hình nhiệm vụ, quân số, phương tiện xây dựng nội dung, xác định thời gian luyện tập và các biện pháp chính để thực hiện kế hoạch. (2) Dự thảo kế hoạch: Đề xuất nội dung công việc cần làm ngay khi tiểu đoàn luyện tập chuyển trạng thái SSCĐ, trong đó chỉ huy tiểu đoàn phải xác định các nội dung trọng tâm và cụ thể hóa thành các nội

dung, công việc cần thực hiện, xác định việc nào cần thực hiện trước, việc nào thực hiện sau. (3) Hội ý chỉ huy, hoàn chỉnh kế hoạch: tiểu đoàn trưởng triệu tập ban chỉ huy tiểu đoàn hội ý, trên cơ sở các ý kiến đóng góp, tiểu đoàn trưởng điều chỉnh, hoàn chỉnh kế hoạch luyện tập. (4) Báo cáo, phê duyệt kế hoạch: sau khi hoàn chỉnh kế hoạch, tiểu đoàn trưởng báo cáo sư đoàn trưởng phê duyệt và triển khai luyện tập.

Xây dựng kế hoạch, lịch điều hành luyện tập chuyển trạng thái SSCĐ phải tiến hành nhiều công việc phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, nhiều đơn vị. Việc xây dựng kế hoạch, lịch điều hành luyện tập chủ yếu do cán bộ, chiến sĩ của dVT thực hiện. Do đó, trước hết chỉ huy sư đoàn cần tiến hành tốt công tác quy hoạch, đào tạo cán bộ, kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo tại trường và bồi dưỡng tại đơn vị để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ ngành vận tải. Khi bố trí, sắp xếp, bổ nhiệm các chức danh ở dVT phải ưu tiên cán bộ có phẩm chất, năng lực, phương pháp, tác phong tốt, tốt nghiệp đúng chuyên ngành chỉ huy vận tải ở Học viện Hậu cần vào các vị trí cấp trưởng. Đặc biệt, hàng năm, đưa nội dung xây dựng kế hoạch huấn luyện nói chung, kế hoạch luyện tập chuyển trạng thái SSCĐ nói riêng vào chương trình tập huấn, huấn luyện tại chức.

Tiểu đoàn cần bồi dưỡng nâng cao năng lực toàn diện trong xây dựng kế hoạch luyện tập chuyển trạng thái SSCĐ cho đội ngũ cán bộ gồm: Tác phong, phương pháp công tác; phương pháp thống kê, tổng hợp tình hình; phương pháp phân tích đánh giá các tình huống và phương pháp tư duy khoa học. Đồng thời, chú trọng bồi dưỡng về kiến thức về SSCĐ và chuyển trạng thái SSCĐ; kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ ngành Xe máy - Vận tải cho lực lượng tham gia xây dựng văn kiện, kế hoạch luyện tập.

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

Đối với cán bộ được giao nhiệm vụ xây dựng kế hoạch luyện tập chuyển trạng thái SSCĐ phát huy tinh thần trách nhiệm, thường xuyên rèn luyện phẩm chất đạo đức, tác phong, phương pháp công tác; trau dồi, bổ sung kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn. Đồng thời, thường xuyên kiểm điểm hạn chế, khuyết điểm để tự hoàn thiện, nâng cao trình độ của bản thân.

*Ba là*, đổi mới, lựa chọn phương pháp luyện tập hiệu quả cho cán bộ, chiến sĩ trong tiểu đoàn. Tiểu đoàn cần lãnh đạo, chỉ đạo vận dụng tốt “3 quan điểm, 8 nguyên tắc, 6 mối kết hợp” trong huấn luyện; đổi mới tư duy nhằm nâng cao nhận thức về nhiệm vụ huấn luyện, SSCĐ trong tình hình mới. Tổ chức làm “điểm”, làm “mẫu” thứ tự, nội dung hành động của từng cương vị, chức trách để thống nhất về nội dung, phương pháp luyện tập trong toàn tiểu đoàn. Qua tổ chức luyện tập hàng năm, lựa chọn những đồng chí có nhiều kinh nghiệm, phương pháp, tác phong tốt để tham gia biên soạn nội dung luyện tập của CBCS trong đơn vị.

Hằng năm, trên cơ sở kế hoạch luyện tập chuyển trạng thái SSCĐ của sư đoàn, tiểu đoàn đề xuất với chỉ huy sư đoàn cho phép cử CBCS của dVT tham quan các đơn vị trong toàn sư đoàn luyện tập chuyển trạng thái SSCĐ. Sau tham quan, tổ chức rút kinh nghiệm, lựa chọn những phương pháp hay, sáng tạo, phù hợp tình hình thực tế của đơn vị để học hỏi, thống nhất nội dung, phương pháp luyện tập chuyển trạng thái SSCĐ đối với tiểu đoàn. Quá trình luyện tập cần kết hợp dẫn dắt tình huống theo đầu bài tập với triển khai luyện tập tại thực địa để bộ đội dễ hiểu, dễ vận dụng; các nội dung luyện tập triển khai tuần tự, thống nhất theo trình tự thời gian.

Tổ chức luyện tập từ thấp đến cao, từ cá nhân đến tập thể đảm bảo tính hệ thống theo kế hoạch, lịch luyện tập, phù hợp với từng đối tượng. Tiểu đoàn có thể linh hoạt sử dụng các phương pháp luyện tập chuyển trạng thái SSCĐ sau: (1) Đóng vai nhận thức (CBCS thực hiện những hành động, thao tác phù hợp trên từng cương vị đảm nhiệm, qua đó hình thành được những kỹ năng, kinh nghiệm hoạt động thực tiễn sát với mục đích, yêu cầu trong luyện tập chuyển trạng thái SSCĐ); (2) Đàm thoại (CBCS sử dụng hệ thống câu hỏi được để trao đổi, thống nhất về nhận thức và phương pháp diễn nhằm nắm chắc thứ tự, nội dung hành động chuyển trạng thái SSCĐ của các chức danh đảm nhiệm trước khi luyện tập); (3) Sử dụng giáo trình và tài liệu (sử dụng giáo trình, tài liệu luyện tập chuyển trạng thái SSCĐ đã được chuẩn bị trước và các nguồn tài liệu tham khảo khác để cung cấp thông tin chung về chuyển trạng thái, giúp CBCS nắm được thứ tự, nội dung hành động của các vai trò trong luyện tập từ đó hiểu, tiếp cận được các nội dung luyện tập một cách trực tiếp, khoa học, hiệu quả); (4) Quan sát (CBCS quan sát đội mẫu hoặc đơn vị khác tổ chức luyện tập chuyển trạng thái SSCĐ, qua đó lĩnh hội các nội dung luyện tập).

*Bốn là*, làm tốt công tác bảo đảm; chú trọng củng cố, hoàn thiện hệ thống thao trường luyện tập. Hệ thống tài liệu, vật chất trang bị phục vụ luyện tập là cơ sở, công cụ để tiến hành luyện tập chuyển trạng thái SSCĐ. Trước khi luyện tập, tiểu đoàn cần rà soát lại toàn bộ hệ thống tài liệu, văn kiện luyện tập chuyển trạng thái SSCĐ hiện có; kiểm tra lại nội dung cụ thể trong từng tài liệu; đề nghị cơ quan nghiệp vụ cấp trên tu chỉnh, biên soạn mới các tài liệu theo chương trình huấn luyện chung về chuyển trạng thái SSCĐ.

Trong thời gian chuẩn bị cho luyện tập, tiểu đoàn phải triển khai cho các đại đội, nhân viên tiểu đoàn tổng hợp nhu cầu, lập danh sách chi tiết trang bị, vật chất luyện tập cần thiết gửi cơ quan cấp bổ sung theo đúng quy định. Trong đó, tập trung vào các loại vật chất do cấp trên cấp phát bổ sung như: vật chất tham mưu (sổ sách huấn luyện, vở, bút, bản đồ); vật chất CTĐ-CTCT; vật chất hậu cần (tăng, võng; nhà bạt cáp tiểu đoàn, đại đội, trung đội; vật chất quân nhu SSCĐ); vật chất kỹ thuật (súng TLAK, súng ngắn K54, đạn, cuốc, xêng bộ binh). Quá trình tiếp nhận vật chất của cấp trên tiểu đoàn phải cắt cử lực lượng nhận đầy đủ số lượng, kiểm tra chất lượng từng loại vật chất sau đó mới tiếp nhận; chuẩn bị sổ sách ghi chép cụ thể, chi tiết danh mục các loại vật chất tiếp nhận làm công tác theo dõi, kiểm tra trong suốt quá trình luyện tập chuyển trạng thái SSCĐ.

Cùng với chuẩn bị vật chất, tài liệu luyện tập, tiểu đoàn cần củng cố, hoàn thiện hệ thống thao trường luyện tập sát điều kiện thực tiễn hoạt động vận tải. Theo đó, khu luyện tập chuyển trạng thái SSCĐ ở dVT/fBB nên bố trí các hạng mục công trình chính như: khu vực vị trí chỉ huy tiểu đoàn; khu vực phân đội vận tải ô tô; khu vực phân đội vận tải bộ; khu vực giấu xe; khu vực hậu cần; khu vực công trình vệ sinh; hệ thống hầm hào, rãnh thoát nước. Căn cứ vào tình hình, nhiệm vụ của tiểu đoàn trước khi luyện tập chuyển trạng thái SSCĐ từ 2 đến 3 tuần, chỉ huy tiểu đoàn nên xây dựng kế hoạch sử dụng lực lượng củng cố khu vực trú quân, làm công tác chuẩn bị phục vụ luyện tập chuyển trạng thái SSCĐ của tiểu đoàn. Phân công trách nhiệm, giao nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị và xác định yêu cầu cần đạt được của từng hạng mục, công trình.

Ngoài ra, đối với phân đội vận tải ô tô phải làm tốt công tác kiểm tra tình trạng kỹ thuật của các phương tiện trước, trong và sau khi luyện tập chuyển trạng thái SSCĐ. Trước khi cơ động, từng lái xe và phân đội phải chuẩn bị tốt phương tiện, kiểm tra lại tất cả các hệ thống, kịp thời đề nghị cấp trên bổ sung vật tư, phụ tùng thay thế, đặc biệt là hệ thống phanh, săm, lốp xe, bảo đảm xe sẵn sàng cơ động. Khi xảy ra tình huống đột xuất, lái xe tiến hành tự khắc phục. Trường hợp vượt quá khả năng báo cáo trực tiếp với chỉ huy tiểu đoàn hoặc báo cáo cấp trên theo đúng quy định để kịp thời xử lý. Sau khi đơn vị tổ chức luyện tập xong, khi cơ động về tiểu đoàn, chỉ huy tiểu đoàn phải kiểm tra lại số lượng, chất lượng của từng phương tiện, cơ động an toàn vào vị trí nhà xe của đơn vị sau đó mới tổng hợp tình hình, báo cáo cấp trên theo đúng quy định.

### V. KẾT LUẬN

Nâng cao chất lượng luyện tập chuyển trạng thái SSCĐ ở dVT thuộc sư đoàn bộ binh có ý nghĩa quan trọng. Quá trình luyện tập các đơn vị cần vận dụng và thực hiện đồng bộ, sáng tạo các biện pháp trên cho phù hợp với tình hình thực tiễn của đơn vị, góp phần xây dựng lực lượng vận tải chiến thuật chính quy, tinh nhuệ, luôn SSCĐ cao♦

#### Tài liệu tham khảo

1. Cục Vận tải (2023), *Hướng dẫn soạn thảo văn kiện của lữ đoàn, trung đoàn, tiểu đoàn, đại đội vận tải trong tác chiến (chiến đấu)*, Hà Nội.
2. Quân uỷ Trung ương (2022), *Nghị quyết 1659-NQ/QUTW về nâng cao chất lượng huấn luyện giai đoạn 2023 - 2030 và những năm tiếp theo*, Hà Nội.

# HOÀN THIỆN MÔ HÌNH VƯỜN RAU CÔNG NGHỆ CAO GẮN VỚI HUẤN LUYỆN CHUYÊN NGÀNH

Thượng tá, TS. CHU HOÀNG NGA

Khoa Quân nhu, Học viện Hậu cần

*Mô hình vườn rau công nghệ cao (CNC) gắn với huấn luyện chuyên ngành ở Học viện Hậu cần là sự cụ thể hóa phương châm “Chất lượng đào tạo của nhà trường là khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị”, “Nhà trường đi trước đơn vị”, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, bám sát yêu cầu thực tế hoạt động của đơn vị.*

**T**RONG những năm qua, Khoa Quân nhu được chỉ huy Học viện Hậu cần giao quản lý, duy trì hoạt động vườn rau CNC tại Khu vực 2. Đây là mô hình hiện đại trong sản xuất rau xanh, hoàn toàn khác mô hình vườn tảng gia truyền thống.

Mô hình vườn rau CNC được thiết kế trong nhà lưới; được trang bị hệ thống thủy canh tuần hoàn, tưới nhỏ giọt, tưới phun luân duy trì ổn định lượng nước cho cây trồng; hệ thống quạt gió, lưới “cắt nắng” giúp điều hòa và lưu thông không khí trong vườn; các trang thiết bị theo dõi, kiểm tra chất dinh dưỡng, nhiệt độ, độ ẩm đất, không khí, độ pH... bảo đảm cây trồng luôn có dinh dưỡng tối ưu để sinh trưởng phát triển tốt. Vườn được bố trí thành các khu trồng rau riêng biệt, đó là: Khu trồng rau thuỷ canh trồng các loại rau ăn lá cao cấp theo từng mùa vụ. Khu trồng giá thể (sử dụng phương pháp tưới nhỏ giọt) trồng các loại rau lấy củ, quả. Khu trồng rau hữu cơ gồm các loại rau, củ, quả theo tiêu chuẩn VietGap.

Hoàn thiện mô hình vườn rau CNC gắn với huấn luyện là biện pháp thiết thực nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của Khoa Quân nhu; thông qua đó, giúp học viên vận dụng kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn tăng gia sản xuất (TGSX); giúp giảng viên nâng cao trình độ chuyên môn, kinh

nghiệm thực tiễn và năng lực nghiên cứu khoa học. Xuất phát từ ý nghĩa đó, Khoa Quân nhu đã tích cực phối hợp với các cơ quan, đơn vị trong quy hoạch, xây dựng kế hoạch, hoàn thiện vườn; chủ động nắm bắt, tìm hiểu công nghệ sản xuất; đầu tư vật tư, trang thiết bị.... Đội ngũ giảng viên (Bộ môn Sản xuất) đã làm tốt công tác chuẩn bị kế hoạch, bài giảng; quy trình huấn luyện, nắm chắc nội dung, phương pháp, gắn lý thuyết với sản xuất thực tiễn. Trong 6 tháng đầu năm 2025, Khoa đã trồng được nhiều loại rau cao cấp, như: Cải Kale, Cần tây, dưa chuột baby, rau cải trái vụ, mướp siêu trái, lặc lè, cà chua chịu nhiệt...; thu hoạch 539 kg rau, năng suất cao hơn so với trồng tự nhiên từ 25 - 30%. Đồng thời, đã tổ chức huấn luyện thực hành chuyên ngành được 45 buổi cho 257 học viên thành thạo kỹ thuật trồng rau, đáp ứng chuẩn đầu ra.

Tuy nhiên, quá trình thực hiện, có khó khăn, như: Nhiều hiện tượng thời tiết bất thường làm thay đổi về nhiệt độ và lượng mưa, số ngày cực nóng và cực lạnh tăng... ảnh hưởng đến sinh trưởng, phát triển và khả năng ra hoa, đậu quả của các loại rau. Dạng thời tiết này cũng làm phát sinh, phát triển các loại sâu, bệnh cây trồng tăng cao và khó phòng trừ. Bên cạnh đó, kinh nghiệm thực tiễn trồng các loại rau cao cấp của cán

bộ, giảng viên chưa nhiều; phương pháp tổ chức thực hành huấn luyện có thời điểm chưa thực sự đáp ứng mục đích, yêu cầu.

Để hoàn thiện mô hình vườn rau CNC gắn với huấn luyện chuyên ngành, trong thời gian tới, cần thực hiện tốt nội dung sau:

*Một là*, nâng cao năng lực cho cán bộ, giảng viên trong vận hành mô hình vườn CNC gắn với huấn luyện chuyên ngành. Theo đó, cần tăng cường tổ chức các buổi tập huấn, tham quan, tiếp cận thực tiễn và học hỏi mô hình trong và ngoài quân đội; tham gia hội thảo chuyên đề cho đội ngũ giảng viên để có thêm các kiến thức chuyên môn, kinh nghiệm trong kỹ thuật canh tác hiện đại, như: Kiến thức về sinh lý cây trồng, quy trình chăm sóc rau theo từng giai đoạn, nhu cầu dinh dưỡng, ánh sáng, nước và CO<sub>2</sub>. Quy trình vận hành và tổ chức thực hiện các mô hình trồng thủy canh, giá thể, trồng rau hữu cơ và trồng rau ngoài tự nhiên; thành thạo các kỹ năng vận hành thiết bị công nghệ, như: Cảm biến đo nhiệt độ, độ ẩm, EC/pH, điều khiển khí hậu, bơm dinh dưỡng; sử dụng hợp lý phân bón, kiểm soát chất lượng nước, thuốc hóa học, tuân thủ quy trình an toàn thực phẩm (VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ) và quản lý dịch bệnh an toàn bền vững để vận dụng mô hình sản xuất rau CNC gắn với huấn luyện chuyên ngành được tốt hơn.

*Hai là*, tích cực đổi mới về nội dung và phương pháp huấn luyện. Đây là nội dung có vai trò quyết định đến khả năng nắm bắt, thực hành của học viên. Do vậy, giảng viên cần làm tốt công tác chuẩn bị cả về nội dung, phương pháp và trang bị cơ sở vật chất để thực hành, như: Kế hoạch huấn luyện, bài giảng, tài liệu học tập; bút, vở ghi và các vật chất khác; hệ thống thủy canh, giá thể, hạt giống, phân bón, xơ dừa, vôi, cuốc xẻng, gác, bình phun thuốc, bình tưới... Phương pháp huấn luyện cần linh

hoạt, tập trung tổ chức các hoạt động theo hướng tích cực, tránh “cầm tay chỉ việc”. Giảng viên cần tổ chức hướng dẫn học viên theo các vấn đề lớn, các tình huống hoặc các đề án, như: Vận hành mô hình trồng rau thủy canh, chăm sóc và xử lý đất, đánh giá chất lượng môi trường, xử lý khi cây rau bị sâu bệnh... Quá trình này sẽ giúp học viên phát triển tư duy độc lập, kỹ năng hợp tác và khả năng giải quyết các vấn đề phát sinh trong tổ chức thực hiện.

*Ba là*, sử dụng các giống có khả năng chịu nhiệt và kháng các loại sâu bệnh. Giống đóng vai trò then chốt, là nền tảng quyết định đối phó với các tác động bất lợi của khí hậu. Do đó, khi tổ chức sản xuất cần lựa chọn những giống rau, củ, quả có khả năng chịu nhiệt, kháng sâu bệnh, chịu hạn, úng, chịu phèn và chịu mặn cao.

Đối với các giống rau ăn thân lá, như bắp cải, cải xanh, xà lách...; đây là rau có nguồn gốc ôn đới, chỉ sinh trưởng, phát triển tốt trong điều kiện nhiệt độ trung bình ngày 15 - 20°C. Nếu nhiệt quá cao hoặc quá thấp thì cây sinh trưởng kém và cho năng suất thấp; cho nên, cần lựa chọn thời vụ để trồng các loại rau này. Cần ưu tiên chọn các giống chịu nhiệt, thời gian sinh trưởng ngắn, có khả năng thích ứng tốt với điều kiện nhiệt đới, gió mùa, như: Các giống cải bắp chịu nóng như KK cross, Grand KK, Thúy Phong, No 70, No 77; các giống cải bắp chịu lạnh tốt như NS Cross và KY Cross. Các giống cải xanh chịu nhiệt trồng quanh năm như cải mơ Hà Nội, cải bẹ xanh, cải chíp... Các giống cải ngọt chịu nhiệt, như TN 103, cải ngọt Phú Nông, cải ngọt tuyễn cao sản (VA67), cải ngọt Rado 54... Các giống xà lách xoăn chịu nhiệt trồng quanh năm, như Phí Hoa V0954, Rapido 344, xà lách xoăn PP127, xà lách Dún vàng,...

Với các loại rau ăn quả, cần lựa chọn các giống có năng suất cao, chất lượng tốt,

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

chống chịu sâu bệnh hại và chịu nhiệt tốt. Chẳng hạn, giống cà chua có khả năng chịu nhiệt và kháng bệnh là các giống được nhập khẩu từ Ấn Độ, Hà Lan và Isarel hoặc các giống cà chua trong nước do Viện Nghiên cứu rau quả, Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam, Học viện Nông nghiệp Việt Nam nghiên cứu, lai tạo. Với cây dưa chuột: Các giống trồng trong nhà lưới có khả năng chịu sâu bệnh hại và chịu nhiệt độ thấp, được nhập khẩu từ Hà Lan, Thái Lan và Đài Loan, như: Hazera 55003, Tomax, Romya, Thủy Nguyên, Mỹ Văn, Nếp đầm hoặc Happy 02 F1, Andaman 883 (Mỹ), C715...

*Bổn là*, sử dụng dinh dưỡng, phân bón và chế độ tưới nước hợp lý. Trồng rau CNC, yếu tố dinh dưỡng là nền tảng để cây trồng phát triển khỏe mạnh, chống chịu sâu bệnh và cho năng suất cao. Mỗi nguyên tố dinh dưỡng đều có vai trò riêng: Đạm (N) thúc đẩy phát triển lá; lân (P) hỗ trợ bộ rễ và ra hoa; kali (K) tăng khả năng chống chịu và chất lượng sản phẩm. Ngoài ra, các nguyên tố trung lượng và vi lượng, như canxi, magie, sắt, kẽm,... cũng cần thiết dù với hàm lượng nhỏ. Điều này vô cùng quan trọng trong sản xuất rau thủy canh; bởi rễ cây tiếp xúc trực tiếp với nước có chứa các khoáng chất cần thiết, làm cây hấp thu nhanh và phát triển tốt. Do đó, cần kiểm soát chính xác nồng độ phân bón, pH, EC (độ dẫn điện) và chế độ tưới liên tục. Nếu cây rau thiếu hoặc mất cân đối dinh dưỡng thì dẫn đến hiện tượng cháy lá, vàng lá hoặc không ra hoa đậu quả.

Phân bón là nguồn cung cấp chủ yếu cho phương thức trồng cây trong đất; cho nên, sử dụng phân bón cần nắm chắc nguyên tắc và kỹ thuật bón phân cân đối với từng loại cây trồng. Cần sử dụng đúng phân, đúng lúc, đúng đối tượng, đúng thời tiết, mùa vụ và đúng cách. Thực hiện đúng nguyên tắc và kỹ thuật giúp ổn định các chất dinh dưỡng trong dung dịch thủy canh và

cải thiện độ phì nhiêu của đất, bảo vệ đất, chống rửa trôi, xói mòn; tăng năng suất cây trồng, nâng cao hiệu quả của phân bón và của các biện pháp kỹ thuật canh tác khác; tăng chất lượng sản phẩm và bảo vệ nguồn nước, hạn chế chất thải độc hại.

Nước là yếu tố thiết yếu cho quá trình quang hợp và vận chuyển dinh dưỡng trong cây. Mỗi loại cây trồng có nhu cầu nước khác nhau tùy theo giai đoạn sinh trưởng, điều kiện thời tiết và loại đất. Để thực hiện chế độ tưới nước hợp lý, cần xác định độ ẩm của đất thông qua máy đo độ ẩm (độ ẩm đất phù hợp từ 60-70%). Nên lựa chọn thời điểm tưới nước cho cây rau thích hợp, tốt nhất là tưới khoảng 2 - 3 lần/ngày. Tưới vào buổi sáng (trong khoảng từ 7 - 10 giờ), buổi chiều bắt đầu tưới từ 15 - 16 giờ. Không được tưới nước cho cây vào thời điểm từ 11 - 14 giờ, vì lúc này buổi trời nắng nóng, nhiệt độ tăng cao, cây rau bị thiếu nước cục bộ, nếu tưới thì nước đọng trên lá, khi gặp nhiệt độ cao sẽ hấp thu nhiệt, xảy ra hiện tượng lá bị bỏng, cháy, khô và rụng.

*Năm là*, tăng cường quản lý dịch bệnh, lấy phòng bệnh là chính. Sâu bệnh vẫn là một thách thức lớn không chỉ trong sản xuất rau ngoài tự nhiên mà đối với sản xuất rau CNC, sâu bệnh ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất. Khi thời tiết bất lợi là điều kiện thuận lợi cho nhiều loại sâu bệnh phát triển, như: Sâu xanh ăn lá, sâu khoang, bọ trĩ, bọ dưa, rệp sáp, nhện đỏ, bệnh vàng lá, bệnh nứt thân chảy nhựa, bệnh phấn trắng, bệnh thán thư, sương mai, héo xanh,... Do vậy, cần thực hiện tốt công tác quản lý dịch bệnh tổng hợp, hiệu quả và bền vững. Đó là, thực hiện các nguyên tắc phòng trừ sâu bệnh an toàn, bền vững, lấy phòng ngừa là chính; tích cực ngăn chặn sự xuất hiện và phát triển của sâu bệnh thông qua các biện pháp quản lý môi trường, chọn giống và kỹ thuật canh tác hợp lý.

Để phòng trừ sâu bệnh cần kiểm soát chặt chẽ nhiệt độ, độ ẩm và ánh sáng trong nhà lưới để hạn chế điều kiện thuận lợi cho sâu bệnh phát triển. Ngoài ra, nên sử dụng giống rau có khả năng kháng bệnh; ưu tiên sử dụng biện pháp sinh học và lý, cơ học để kiểm soát sâu bệnh mà không làm ảnh hưởng tiêu cực đến hệ sinh thái. Các bẫy vật lý như bẫy ánh sáng, bẫy dính, hàng rào sinh học cũng là phương pháp cơ học hiệu quả giúp giảm sâu bệnh. Sử dụng thuốc sinh học và thảo dược để xử lý sâu bệnh như: Bacillus thuringiensis, chiết xuất thảo dược (tỏi, ớt, neem...). Đặc biệt, cần thực hiện tốt quy trình phòng sâu bệnh, đó là:

Trước khi trồng hoặc sau mỗi vụ thu hoạch cần tiến hành vệ sinh nhà lưới, cày xới phơi đất hay cho đất ngập nước và xử lý đất bằng thuốc dạng hạt, như: Vibam 5 GR, Padan 4G... để hạn chế nơi trú ngụ của sâu bệnh, tiêu diệt nhộng và sâu non trong đất. Trong quá trình canh tác, thường xuyên quan sát, phát hiện sâu bệnh và loại bỏ ngay, như: Ồ trứng trên thân lá, bắt sâu, tia cây bị bệnh, lá bị bệnh hoặc tiêu hủy cây bị bệnh nặng. Ngoài ra, sử dụng các loại bẫy bả để tiêu diệt sâu.

Khi cây bị sâu bệnh ở mức thấp, nên sử dụng các loại thuốc sinh học, thuốc thảo mộc để trừ dịch hại, bảo vệ thiên địch, sức khỏe con người, vật nuôi và môi trường như: Các chế phẩm sinh học Bacillus thuringiensis phòng trừ sâu ăn lá, nấm ký sinh côn trùng Beauveria, Metarhizium,... thuốc thảo mộc Azadirachtin, Rotenone, Saponin, Matrine,... dùng phòng trừ, xua đuổi nhiều sâu hại, nấm đối kháng Trichoderma hạn chế một số loại nấm bệnh trong đất hoặc các hoạt chất có nguồn gốc sinh học: Abamectin, Emamectin benzoate, Validamycin,...

Nếu trong vườn có sâu bệnh số lượng lớn thì cần sử dụng thuốc bảo vệ thực vật;

song, phải tuyệt đối tuân thủ nguyên tắc “4 đúng”: Đúng thuốc, đúng nồng độ liều lượng, đúng lúc và đúng cách. Đối với sâu xanh, sử dụng một trong các loại thuốc: Wamtox 100EC, Abasuper 1.8EC... Đối với sâu khoang, dùng thuốc Wamtox 100EC, Fimex36EC... Đối với bọ trĩ, cần sử dụng Trebon 10EC, Bassa 50EC... Đối với các loại rệp, có thể sử dụng Dầu khoáng, Map Winer 5WG, Map Green 6SL... Các bệnh thối rễ, dùng thuốc Ridomil Gold 68WP, Tilt super 300 EC... Bệnh phấn trắng, dùng thuốc Score 250 ND, Chevin 40WG,... và các loại thuốc chứa lưu huỳnh. Khi phun thuốc cần phun đều cả 2 mặt lá, để tăng hiệu quả và bảo đảm an toàn cho người phun.

Phát triển mô hình sản xuất rau CNC gắn với huấn luyện chuyên ngành sẽ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, giúp học viên nắm chắc công tác TGSX ở các đơn vị. Việc ứng dụng mô hình sản xuất rau CNC gắn với huấn luyện chuyên ngành chỉ thực sự có hiệu quả khi được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của chỉ huy các cấp; tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, giảng viên Khoa Quân nhu, và thực hiện đầy đủ, đồng bộ các biện pháp trên♦

### Tài liệu tham khảo

1. Đảng ủy Học viện Hậu cần (2023), *Nghị quyết số 883-NQ/ĐU về đổi mới công tác giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu xây dựng Học viện trong tình hình mới*, Hà Nội.
2. Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam (2022), *Ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất rau an toàn ở Việt Nam*, *Tạp chí Khoa học Nông nghiệp*, Hà Nội.
3. Trần Quang Huy & Võ Đình Khánh (2018), *Kiểm soát môi trường nhà kính trong sản xuất rau công nghệ cao*, *Tạp chí Kỹ thuật Nông nghiệp*, Hà Nội.

# BỒI DƯỠNG PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC VÀ UY TÍN ĐỘI NGŨ CÁN BỘ HẬU CẦN - KỸ THUẬT ĐÁP ỨNG YÊU CẦU XÂY DỰNG QUÂN ĐỘI TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Đại tá, TS. MAI TRUNG DONG  
Trường Sĩ quan Lục quân 1

Công tác hậu cần, kỹ thuật (HCKT) có vai trò quan trọng trong nâng cao sức mạnh chiến đấu và kết quả hoàn thành nhiệm vụ của quân đội. Cán bộ HCKT có vị trí chủ đạo trong thực hiện công tác HCKT. Cho nên, bồi dưỡng phẩm chất, năng lực và uy tín đội ngũ cán bộ HCKT quân đội quyết định đến chất lượng bảo đảm HCKT cho quân đội.

**D**ội ngũ cán bộ HCKT có vị trí, vai trò rất quan trọng trong công tác bảo đảm HCKT cho quân đội; trực tiếp chịu trách nhiệm tổ chức quản lý, khai thác, bảo quản và cấp phát một khối lượng lớn cơ sở vật chất HCKT phục vụ cho các nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, chăm sóc sức khỏe, cải thiện đời sống bộ đội,... ở các cấp, các đơn vị. Phẩm chất, năng lực và uy tín của đội ngũ cán bộ HCKT quân đội có ý nghĩa quyết định tới chất lượng, hiệu quả bảo đảm HCKT, đóng góp tích cực vào xây dựng quân đội vững mạnh và tiềm lực quốc phòng của đất nước.

Quán triệt đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng về công tác cán bộ, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Quân ủy Trung ương (QUTW), Bộ Quốc phòng và cấp ủy, người chỉ huy các cấp, đội ngũ cán bộ HCKT quân đội từ cơ quan chiến lược đến đơn vị cơ sở đã thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng trong mọi điều kiện khó khăn, gian khổ, nêu cao tinh thần dũng cảm, tự lực, tự cường, đoàn kết, sáng tạo, hiệp đồng chặt chẽ, vượt qua mọi gian nan, thử thách để hoàn thành tốt nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước, Quân đội giao cho. Từ đó, góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta làm nên thắng lợi vĩ đại trong hai cuộc kháng chiến

chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, trong chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc, phía Tây Nam và làm nhiệm vụ quốc tế. Đội ngũ cán bộ HC-KT quân đội đã thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng trong mọi điều kiện khó khăn, gian khổ, luôn tâm huyết với nghề, tận tụy phục vụ, tiêu biểu về “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”, giỏi về chuyên môn.

Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, đội ngũ cán bộ HCKT quân đội đã quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân và định hướng chỉ đạo của QUTW, Bộ Quốc phòng về công tác HCKT. Thực hiện tốt công tác nghiên cứu, dự báo chiến lược, chủ động tham mưu với QUTW, Bộ Quốc phòng những chủ trương, chính sách về xây dựng tiềm lực, lực lượng, thế trận HCKT, nhất là trên các địa bàn chiến lược, trọng điểm về quốc phòng, an ninh, sẵn sàng bảo đảm cho các tình huống. Phối hợp với các cơ quan chức năng, chủ động tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương các giải pháp thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng, an ninh địa phương, xây dựng tiềm lực, lực lượng, thế trận HCKT khu vực phòng thủ ngày càng vững chắc và huy động các nguồn lực của

địa phương cho thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự...

Tuy nhiên, so với yêu cầu, nhiệm vụ, đội ngũ cán bộ HCKT quân đội vẫn còn có những hạn chế về phẩm chất, năng lực và uy tín công tác. Một số cán bộ có những vi phạm, sai phạm, thậm chí tham ô, tham nhũng, lăng phí; lợi dụng chức vụ, quyền hạn, câu kết lợi ích nhóm, nâng giá thành sản phẩm, quyết toán không, lập chứng từ giả, kinh phí để ngoài sổ sách,... làm ảnh hưởng đến bản chất, truyền thống vẻ vang của ngành HCKT quân đội.

Hiện nay, trước yêu cầu “Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số quân chủng, binh chủng, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại. Đến năm 2025, cơ bản xây dựng Quân đội, Công an “tinh, gọn, mạnh”, tạo tiền đề vững chắc, phấn đấu năm 2030 xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại”, nhiệm vụ của ngành HCKT quân đội có bước phát triển mới, nặng nề hơn. Từ đó, đặt ra yêu cầu cao hơn, toàn diện hơn đối với đội ngũ cán bộ HCKT quân đội; trong đó, tập trung nâng cao phẩm chất, năng lực và uy tín của đội ngũ cán bộ HCKT là điều kiện tiên quyết quan trọng để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ bảo đảm HCKT cho toàn quân trong giai đoạn cách mạng hiện nay. Để bồi dưỡng phẩm chất, năng lực và uy tín đội ngũ cán bộ HCKT quân đội, cần tập trung thực hiện có hiệu quả một số giải pháp cơ bản sau đây:

*Một là*, đề cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, người chỉ huy các cấp trong lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng đội ngũ cán bộ HCKT quân đội. Cấp ủy, người chỉ huy các cấp quán triệt và thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương

Đảng khóa XII về “Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ”; Nghị quyết số 05-NQ/TW, ngày 17/01/2022 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 230-NQ/QUTW, ngày 02/4/2022 của QUTW, Kế hoạch số 1228/KH-BQP, ngày 25/4/2022 của Bộ Quốc phòng về “Tổ chức Quân đội nhân dân Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 và những năm tiếp theo”, Nghị quyết số 1658-NQ/QUTW, ngày 20/12/2022 của QUTW về “Lãnh đạo công tác HCKT quân đội đến năm 2030 và những năm tiếp theo”. Chú trọng quán triệt, nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ HCKT quân đội về sự phát triển nhiệm vụ công tác HCKT, những vấn đề mới trong giai đoạn hiện nay. Xác định đúng đắn các chủ trương, biện pháp lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ HCKT quân đội có đủ về số lượng, nâng cao chất lượng, có cơ cấu hợp lý để hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao trước yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng quân đội theo hướng “tinh, gọn, mạnh”. Cấp ủy, người chỉ huy các cấp quán triệt và thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, việc sắp xếp, bổ nhiệm cán bộ theo đúng nguyên tắc, chỉ thị, nghị quyết và đúng quy trình các bước về công tác cán bộ trong phạm vi được phân công.

*Hai là*, tăng cường giáo dục, rèn luyện đội ngũ cán bộ HCKT quân đội về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và chuyên môn nghiệp vụ. Tập trung giáo dục, rèn luyện đội ngũ cán bộ HCKT quân đội thực sự trung thành với Đảng, với Tổ quốc và Nhân dân, không ngừng nâng cao trình độ hiểu biết về chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nắm vững đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, điều lệnh, điều lệ, kỷ luật của quân đội và vận dụng sáng tạo vào thực tiễn công tác. Rèn luyện ý chí quyết tâm cao, tận tâm,

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

tận lực trong công việc, có tinh thần vượt qua mọi khó khăn, gian khổ hoàn thành tốt nhiệm vụ. Chú trọng giáo dục, rèn luyện đội ngũ cán bộ HCKT quân đội thật sự là tấm gương mẫu mực về cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, có lối sống trong sạch, lành mạnh; có phong cách làm việc khoa học, dân chủ, nêu gương trong cả lời nói và việc làm.

Ba là, đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ HCKT quân đội. Quán triệt sâu sắc và tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 1657-NQ/QUTW, ngày 20/12/2022 của QUTW về “Đổi mới công tác giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng quân đội trong tình hình mới”, Nghị quyết số 1659-NQ/QUTW, ngày 20/12/2022 của QUTW về “Nâng cao chất lượng huấn luyện giai đoạn 2023 - 2030 và những năm tiếp theo” gắn với thực hiện phương châm “Chất lượng đào tạo của nhà trường là khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị”. Xây dựng nội dung đào tạo, bồi dưỡng toàn diện, sát với việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ HCKT quân đội và thực tiễn công tác huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu tại các đơn vị. Trong đó, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ quản lý, chỉ huy và chuyên môn nghiệp vụ. Kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo, bồi dưỡng với tạo nguồn, quy hoạch, sắp xếp, sử dụng đội ngũ cán bộ HCKT quân đội đáp ứng yêu cầu đủ về số lượng, có chất lượng cao và cơ cấu hợp lý, đúng chuyên ngành. Đa dạng các hình thức huấn luyện, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ HCKT quân đội, như: Đào tạo chính quy, đào tạo tại chức, học tại trường, huấn luyện, tập huấn, bồi dưỡng tại đơn vị, cấp trên bồi dưỡng cấp dưới,...

Bốn là, phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo tự học tập, tu dưỡng,

rèn luyện phẩm chất, năng lực và uy tín của đội ngũ cán bộ HCKT quân đội. Mỗi cán bộ HCKT quân đội cần tích cực, tự giác học tập, tu dưỡng, rèn luyện, không ngừng nâng cao phẩm chất, năng lực và uy tín, có quyết tâm cao trong thực hiện kế hoạch tự học tập, tu dưỡng, rèn luyện của bản thân. Chủ động, sáng tạo thực hiện các quy định của Đảng; nhất là Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII, XIII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn với Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Tích cực thực hiện phong trào Thi đua Quyết thắng; trong đó, triển khai thực hiện hiệu quả phong trào thi đua “Ngành Hậu cần Quân đội làm theo lời Bác Hồ dạy”. Xây dựng và thực hiện tốt các quy định để phát huy vai trò gương mẫu trong rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống, phong cách, tác phong, lề lối làm việc của người cán bộ HCKT quân đội. Việc nêu gương của đội ngũ cán bộ HCKT quân đội phải thể hiện toàn diện trên các mặt về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tác phong; tự phê bình và phê bình; quan hệ với nhân dân; trách nhiệm trong công tác; ý thức tổ chức kỷ luật và đoàn kết nội bộ...

Xây dựng đội ngũ cán bộ HCKT quân đội là vấn đề quan trọng để xây dựng ngành HCKT quân đội vững mạnh. Bồi dưỡng phẩm chất, năng lực và uy tín là nền tảng để xây dựng đội ngũ cán bộ HCKT quân đội đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam “tinh, gọn, mạnh” trong tình hình mới♦

### Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I*, Nxb CTQG - Sự thật, Hà Nội.
2. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, Tập 7*, Nxb CTQG, Hà Nội.

# MỘT SỐ BIỆN PHÁP TỔ CHỨC, SỬ DỤNG, BỐ TRÍ LỰC LƯỢNG XĂNG DẦU LŨ ĐOÀN PHÁO BINH TRONG CHIẾN DỊCH TIẾN CÔNG

Trung tá, TS. TRẦN VĂN LINH  
Khoa Xăng dầu, Học viện Hậu cần

**ABSTRACT:** The arrangement, employment, and deployment of fuel forces plays critical role, directly influencing the effectiveness of fuel support. Based on theoretical and practical research, this article proposes several measures for arranging, employing, and deploying fuel forces for an operational artillery brigade in a medium-scale offensive campaign launched by the Ministry of National Defense and conducted by army corps in the Fatherland protection war.

## I. TÓM TẮT

Tổ chức, sử dụng, bố trí lực lượng xăng dầu (XD) có ý nghĩa quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả bảo đảm XD. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và và thực tiễn, bài viết đề xuất một số giải pháp tổ chức, sử dụng, bố trí lực lượng XD lữ đoàn pháo binh (PB) chiến dịch tham gia chiến dịch tiến công (CDTC) quy mô vừa, do Bộ mò, quân đoàn tổ chức thực hiện trong tác chiến phòng thủ chiến lược của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (BVTQ).

## II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong CDTC, pháo binh là hỏa lực chủ yếu của lục quân, góp phần quan trọng vào thắng lợi của chiến dịch. Lữ đoàn PB được biên chế nhiều phương tiện cơ giới; phải thực hiện nhiều nhiệm vụ trong suốt thời gian chiến dịch; có thể phải cơ động, dịch chuyển, bố trí phân tán trên địa bàn rộng nên nhu cầu tiêu thụ XD tương đối lớn. Để hoàn thành nhiệm vụ BĐXD cần thực hiện nhiều nội dung; trong đó, tổ chức, sử dụng, bố trí lực lượng XD là nội dung quan trọng. Thực tiễn tổ chức, sử dụng, bố trí lực lượng XD các trung (lữ) đoàn PB tham gia các CDTC trong chiến tranh giải phóng đã để lại nhiều kinh nghiệm quý, có thể kể thừa

và vận dụng. Tuy nhiên, chiến tranh BVTQ tương lai (nếu xảy ra) sẽ diễn ra trong điều kiện địch, ta và môi trường tác chiến có nhiều thay đổi, đòi hỏi tổ chức, sử dụng, bố trí lực lượng XD cần được nghiên cứu, hoàn thiện.

## III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Trong CDTC quy mô vừa, đối tượng chiến đấu trực tiếp của lữ đoàn PB chiến dịch bao gồm cả lực lượng địch trong công sự và ngoài công sự do chiến dịch đảm nhiệm. Trong đó, đối tượng chủ yếu là các đơn vị PB, xe tăng, xe thiết giáp, sở chỉ huy, trận địa hỏa lực, lực lượng địch trong công sự, địch ứng cứu giải toả bằng đường bộ, đường không. Trước, trong và sau chiến đấu, địch tăng cường các hoạt động trinh sát, sử dụng không quân, pháo binh, tên lửa, UAV... tập trung đánh vào đội hình của ta, trong đó có các trận địa pháo binh, kho trạm hậu cần, xăng dầu, đường vận tải là các mục tiêu địch ưu tiên đánh phá. Vì vậy, việc BĐXD cho các lực lượng PB sẽ gặp nhiều khó khăn, phức tạp.

Để hoàn thành nhiệm vụ được giao, lữ đoàn PB chiến dịch thường tổ chức ra

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

các trận địa hỏa lực cấp tiểu đoàn để chi viện chung; sử dụng phần lớn lực lượng tập trung trên khu vực tác chiến chủ yếu. Ngoài ra, còn tổ chức một vài tiểu đoàn PB độc lập để chi viện hỏa lực cho các khu vực tác chiến khác. Bố trí lực lượng PB theo nguyên tắc “Hỏa khí phân tán, hỏa lực tập trung, cơ động tích cực, linh hoạt”, nhằm vừa phòng tránh vũ khí công nghệ cao, vừa tập trung hỏa lực trên khu vực tác chiến chủ yếu, cho các trận then chốt, then chốt quyết định. Với lực lượng XD trong biên chế, lực lượng tăng cường và huy động của khu vực phòng thủ (KVPT). Căn cứ vào phương án tổ chức, sử dụng, bố trí lực lượng PB của người chỉ huy, phương án tổ chức HC-KT, khả năng lực lượng XD của lữ đoàn; đồng thời kế thừa và vận dụng những kinh nghiệm thực tiễn tổ chức XD của các trung (lữ) đoàn PB trong chiến tranh giải phóng và trong diễn tập; xăng dầu lữ đoàn PB thường tổ chức thành một lực lượng nắm trong bộ phận HC-KT trên khu vực tác chiến chủ yếu để trực tiếp bảo đảm cho lữ đoàn chiến đấu. Ngoài ra, còn tổ chức ra lực lượng dự bị và tăng cường cho dưới. Tổ chức, sử dụng, bố trí lực lượng XD lữ đoàn PB trong CDTC bao gồm nhiều nội dung, công việc. Do đó, để tổ chức, sử dụng, bố trí lực lượng XD hợp lý, hiệu quả, góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo đảm XD, cần thực hiện tốt một số biện pháp sau:

*Một là, Tích cực, chủ động chuẩn bị trước lực lượng xăng dầu.* Đây là biện pháp nhằm hoàn thiện về tổ chức biên chế, nâng cao khả năng bảo đảm, làm cơ sở để tổ chức, sử dụng lực lượng XD trong chiến đấu. Trong thời bình, lữ đoàn PB thuộc quân đoàn thực hiện biên chế rút gọn, gồm các đơn vị PB chiến dịch, chiến thuật, pháo chống tăng, pháo phản lực. Khi chiến tranh xảy ra, lực lượng PB được mở rộng theo biên chế thời chiến, khi đó ngành XD ở các trung, lữ đoàn cũng được kiện toàn.

Lữ đoàn PB chiến dịch là lực lượng nòng cốt thực hiện kế hoạch hoả lực của chiến dịch nên cần ưu tiên các đồng chí cán bộ, nhân viên XD có bản lĩnh chính trị vững vàng, trình độ chuyên môn tốt, hiểu và nắm chắc nhiệm vụ của đơn vị. Theo đó, trợ lý và nhân viên XD theo biên chế của lữ đoàn trong thời bình thường được giữ lại trong cơ quan HC-KT của lữ đoàn PB chiến dịch, ở mỗi tiểu đoàn sẽ được bổ sung NVXD để thực hiện nhiệm vụ BĐXD cho tiểu đoàn. Khi chiến tranh xảy ra, theo kế hoạch huy động, tiếp nhận lực lượng dự bị động viên, ngành XD lữ đoàn sẽ được bổ sung đầy đủ theo biên chế thời chiến. Cán bộ, nhân viên XD được huy động sẽ được huấn luyện bổ sung trước khi được đưa về các đơn vị. Trợ lý XD lữ đoàn là người có chuyên môn cao nhất, có kinh nghiệm thực tiễn, hiểu về nhiệm vụ của từng đơn vị nên cần xây dựng kế hoạch và tổ chức huấn luyện XD sát với thực tế chiến đấu. Trong đó, tập trung huấn luyện cho nhân viên, chiến sĩ XD nắm chắc cách triển khai kho XD dã chiến, các biện pháp bố trí, ngụy trang, che giấu kho XD, nắm vững thao tác khi tiếp nhận, vận chuyển, tra nạp XD; cách sơ tán, thu hồi kho XD khi phải di chuyển.

Để thực hiện biện pháp trên, ngay từ thời bình, trợ lý XD lữ đoàn cần phối hợp với cơ quan cán bộ, quân lực nắm chắc nguồn dự bị động viên về XD, nắm số lượng, chất lượng của lực lượng này. Hàng năm, cùng với huấn luyện lực lượng dự bị động viên, ngành XD cần kiểm tra, quản lý và nắm chắc tình hình nhân lực nguồn động viên XD của lữ đoàn. Khi chiến tranh xảy ra, nhanh chóng kiện toàn tổ chức biên chế, tăng cường huấn luyện để nâng cao bản lĩnh chính trị, kiến thức quân sự, trình độ chuyên môn nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ BĐXD cho lữ đoàn chiến đấu.

*Hai là*, tổ chức, sử dụng lực lượng xăng dầu hợp lý, ưu tiên bảo đảm cho trận then chốt (TTC) mở đầu giành thắng lợi, sẵn sàng cơ động bảo đảm cho các nhiệm vụ tiếp theo. Đây là biện pháp nhằm đáp ứng yêu cầu bảo đảm trong điều kiện tính cơ động, biến động cao. Thực tiễn trong chiến dịch Đường 9 - Khe Sanh (1968), lúc đầu kho XD của ePB675 bố trí cách căn cứ hậu cần A3 ở Ha Sing Kô khoảng  $5 \div 6$ km. Tuy nhiên, ngay khi phát hiện địa hình bất lợi, đồng chí trợ lý XD đã kịp thời tham mưu với chủ nhiệm hậu cần di chuyển kho XD sang vị trí mới. Ngày hôm sau, B52 bắn phá vào vị trí cũ, nhưng kho xăng dầu Trung đoàn vẫn bảo đảm được an toàn. Trong chiến dịch Tây Nguyên (04/3  $\div$  03/4/1975), sau khi đánh chiếm được quận lỵ Khánh Dương (22/3), ngành xăng dầu ePB40 nhanh chóng tra nạp cho các xe và tổ chức kho cơ động nên kịp thời bảo đảm cho Trung đoàn truy kích địch đến tận đồng bằng ven biển Khu 5.

Với lực lượng PB, cơ động không chỉ là biện pháp để tạo lập và chuyển hóa thế trận, mà còn là biện pháp để bảo toàn lực lượng trong chiến tranh công nghệ cao. Căn cứ vào khả năng phương tiện kỹ thuật XD của ở từng cấp để tổ chức kho XD cơ động cho phù hợp. Đối với kho XD lữ đoàn: Ngoài lượng xăng dầu đã được đóng sẵn trên các xe chuyên dùng, số lượng XD chứa trữ ở kho mặt đất tương đối lớn (khoảng  $30 \div 40m^3$ ) nên cần sử dụng các bể mềm polimer dung tích  $5m^3$ ,  $10m^3$  là chủ yếu; kết hợp với các loại máy bơm lưu lượng lớn, được lắp đặt theo lưu trình công nghệ phù hợp để nhanh chóng triển khai, thu hồi kho XD khi có tình huống. Cần xây dựng kế hoạch di chuyển cụ thể, chuẩn bị sẵn khu bố trí dự bị, huy động tối đa khả năng vận chuyển của các phương tiện vận tải, vận dụng phương pháp di chuyển thích hợp để di chuyển kho xăng dầu an toàn, không làm gián đoạn và ảnh hưởng đến nhiệm vụ bảo đảm. Để bảo

đảm XD cho các tình huống chiến đấu, cần tổ chức ra lực lượng dự bị, lực lượng này cần phải có tính cơ động cao, khả năng bảo đảm nhanh. Vì vậy, cần sử dụng  $1 \div 2$  xe tra, 1 xe vận tải xếp sẵn vật chất XD, do nhân viên XD chỉ huy để tổ chức thành lực lượng dự bị, sẵn sàng cơ động bảo đảm khi có lệnh của Chủ nhiệm. Đối với các tiểu đoàn PB: Để nâng cao khả năng tự bảo đảm, phù hợp với tính chất cơ động của tiểu đoàn. Về lâu dài cần trang bị xe tra xăng dầu cho các tiểu đoàn. Căn cứ định hướng phát triển các phương tiện vận tải, căn cứ nhu cầu sử dụng xe tra của các dPB trong chiến đấu, nên trang bị xe tra có động cơ sử dụng nhiên liệu điêzen, có khả năng việt dã tốt, độ bền cao, dung tích bồn chứa khoảng  $5 \div 8m^3$  là phù hợp. Ngoài ra, cần nâng cấp khả năng phòng vệ trước các phương tiện trinh sát và vũ khí công nghệ cao của địch cho các xe tra XD.

Để thực hiện tốt biện pháp trên, ngành XD cần nghiên cứu nắm chắc số lượng XD cần chứa trữ, thông số kỹ thuật của các phương tiện kỹ thuật XD có trong biên chế. Tăng cường huấn luyện, luyện tập cho cán bộ, nhân viên XD nắm chắc quy trình, kỹ năng triển khai, thu hồi kho XD dã chiến. Từng bước trang bị các dPB xe tra nạp với tính năng phù hợp. Trong điều kiện hiện nay, cần tích cực nghiên cứu cải tiến các phương tiện kỹ thuật XD hiện có, kết hợp các phương tiện mới để nâng cao hiệu quả bảo đảm trong điều kiện cơ động cao.

*Ba là*, triệt để tận dụng thế trận xăng dầu của chiến dịch, khu vực phòng thủ và thế của địa hình để bố trí xăng dầu liên hoàn, vững chắc, bí mật, bất ngờ, phân tán hợp lý. Đây là biện pháp để tối ưu hóa việc bố trí XD của lữ đoàn, nhằm phát huy sức mạnh của các lực lượng XD có liên quan, đồng thời bảo toàn được lực lượng XD trước sự đánh phá của địch. Lữ đoàn PB

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

chiến đấu trong đội hình của CDTC, trong thế trận KVPT tỉnh (thành phố) ngày càng được củng cố và hoàn thiện. Bên cạnh đó, còn nhiều đơn vị bạn chiến đấu trên địa bàn. Vì vậy, khi bố trí XD cần tận dụng thế trận XD của chiến dịch, KVPT và các đơn vị bạn để tạo thành thế trận XD liên hoàn, vững chắc. Chiến tranh BVTQ, địch có ưu thế về khả năng trinh sát và vũ khí CNC nên dễ bảo toàn lực lượng cần bố trí XD bí mật, bất ngờ, phân tán hợp lý. Trong kháng chiến chống Mỹ, khi bố trí XD, ta đã thực hiện theo phương châm “đại phân tán, tiểu quy mô, dựa vào núi, dựa vào hang, bám vào bìa rừng, rìa làng bảo đảm bí mật, bất ngờ”. Qua thực tiễn rút kinh nghiệm, sau đó công tác xây dựng, bố trí kho hậu cần nói chung và kho XD phải đạt được bốn khía, một dễ đó là “địch khó thấy, thấy khó đánh, đánh khó trúng, trúng khó cháy, cháy dễ chữa”. Kinh nghiệm trong các cuộc chiến tranh gần đây cho thấy: Các biện pháp xây dựng các kho XD mang tính kiên cố, vững chắc (như ở I-rắc) cần phải cân nhắc bởi biện pháp này tốn nhiều công sức nhưng hiệu quả không cao, mang tính khô cứng và khó thay đổi thế bố trí khi diễn biến chiến đấu thay đổi. Thay vào đó, cần vận dụng các biện pháp như chiến tranh trước đây đã làm, đó là bố trí kho XD bí mật, bất ngờ, phân tán hợp lý.

Khi bố trí kho XD, cần tận dụng địa hình, địa vật che đỡ, che khuất. Nếu điều kiện cho phép có thể tận dụng các hang động, hẻm núi, sườn đồi phía sau, bố trí dưới các tán cây rậm rạp để che dấu kho XD. Để hạn chế tổn thất lớn cần bố trí phân tán nhưng phải phù hợp phương án tổ chức, sử dụng, bố trí lực lượng PB của người chỉ huy, phương án tổ chức HC-KT; phải đặt trong thế BĐXD của cấp trên và KVPT, hình thành thế trận XD liên hoàn, vững chắc. Đồng thời, cần tính đến khả năng quản lý, chỉ huy, bảo vệ trong suốt quá trình chiến đấu. Căn cứ

vào bán kính sát thương các loại bom, đạn của địch, căn cứ vào địa hình, kinh nghiệm thực tiễn trước đây, có thể bố trí kho XD với các thành phần như: Khu chứa trữ nhiên liệu; khu tiếp nhận, cấp phát; khu bảo quản phương tiện kỹ thuật và dầu mỡ; khu giấu xe chuyên dùng. Ngoài ra, còn có nơi ăn ở sinh hoạt của cán bộ, nhân viên XD, vị trí canh gác...

Để thực hiện biện pháp trên, trợ lý XD cần nắm chắc hướng dẫn bảo đảm XD cấp trên, thông báo của cơ quan tham mưu để nắm chắc vị trí bố trí kho XD chiến dịch, KVPT và các đơn vị bạn. Trên cơ sở phương án bố trí HC-KT, kết hợp nghiên cứu bản đồ với kết quả trinh sát thực địa để xác định vị trí cụ thể cho từng thành phần của kho XD, vừa giữ được thế trận liên hoàn, vững chắc với kho XD các cấp, vừa bảo đảm bí mật, bất ngờ, phân tán, duy trì được khả năng bảo đảm trong suốt chiến dịch.

## IV. KẾT LUẬN

Trong chiến tranh BVTQ, đối tượng chiến đấu của lữ đoàn có sự phát triển mạnh mẽ cả về vũ khí trang bị và thủ đoạn tác chiến. Vì vậy, tác chiến sẽ diễn ra rất ác liệt, biến động khó lường. Để BĐXD cho lữ đoàn PB chiến đấu, đòi hỏi ngành XD lữ đoàn cần thực hiện đồng bộ, linh hoạt và sáng tạo các biện pháp trên, sẽ góp phần quan trọng bảo đảm kịp thời, đầy đủ XD cho các lực lượng của lữ đoàn chiến đấu thắng lợi♦

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Quốc phòng (2019), *Sử dụng PB trong chiến dịch tiến công*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Tổng tham mưu (2019), *Bảo đảm hậu cần trong chiến dịch tiến công*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Bộ Tư lệnh Pháo binh (2010), *Tổng kết tác chiến PB*, Nxb QĐND, Hà Nội.

# HOÀN THIỆN CÔNG TÁC LẬP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TẠI CÁC HỌC VIỆN, NHÀ TRƯỜNG TRỰC THUỘC BỘ QUỐC PHÒNG

Thiếu tá, ThS. MAI VIỆT HÙNG  
Khoa Tài chính, Học viện Hậu cần

**ABSTRACT:** Budget estimation is the first step in the budget management cycle at military budgetary units, which is of paramount importance. Based on theoretical and practical research, this article proposes several solutions for improving the budget estimation process at academies and schools under the Ministry of National Defense.

## I. TÓM TẮT

Lập dự toán ngân sách (DTNS) là khâu đầu tiên trong chu trình quản lý ngân sách tại đơn vị dự toán quân đội, có vị trí vai trò hết sức quan trọng. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, bài viết đề xuất một số giải pháp hoàn thiện công tác lập DTNS tại các học viện, nhà trường (HV,NT) trực thuộc BQP (sau đây gọi tắt là HV,NT).

## II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay, có 6 học viện và 3 trường sĩ quan trực thuộc BQP. Đây là các đơn vị dự toán cấp 3 trực thuộc đơn vị dự toán cấp 1; có những đặc thù riêng trong quản lý ngân sách, như: Nhận, quyết toán ngân sách trực tiếp với Cục Tài chính; không có đơn vị cấp dưới trực thuộc, kinh phí chi tiêu lớn gắn với lĩnh vực giáo dục, đào tạo (GDĐT). Gần đây, công tác lập dự toán, chấp hành, quyết toán ngân sách nhà nước (NSNN) trong BQP có những cập nhật, sửa đổi, bổ sung quy trình thực hiện lập DTNS so với các nội dung đã được thực hiện trong giai đoạn 2019-2023, đặt ra yêu cầu mới trong quy trình lập DTNS tại các HV,NT. Năm 2024, Cục Tài chính triển khai thực hiện thí điểm định mức lập, phân bổ DTNS đối với 167 nội dung chi, 60 ngành nghiệp vụ áp dụng cho 39 đơn vị trực thuộc BQP cũng đặt ra nhiều thay đổi trong

thực hiện lập DTNS tại các HV,NT. Vì vậy, cần phải hoàn thiện công tác lập DTNS tại các HV,NT cho phù hợp.

## III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Các HV,NT có chức năng chính là GDĐT và nghiên cứu khoa học, với nhiều đối tượng đào tạo. Những năm qua, công tác lập DTNS tại các HV,NT được thực hiện nghiêm theo quy định, hướng dẫn của BQP. Dự toán ngân sách năm tại các HV,NT được lập thể hiện đầy đủ nhu cầu chi, đúng mẫu biểu, thời gian và chi tiết đến từng mục, tiểu mục, tiểu tiết mục, ngành của hệ thống mục lục ngân sách, đảm bảo bao quát đầy đủ nội dung chi theo từng ngành đơn vị cụ thể. Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, vẫn còn bộc lộ một số hạn chế, như: Không lập thuyết minh DTNS; tỷ lệ số dự toán với số thực chi chưa sát đúng; một số nội dung chi chưa được lập DTNS và nhiều nội dung lập DTNS chưa sát với nhu cầu thực tế; việc triển khai thực hiện thí điểm định mức lập và phân bổ ngân sách có ngành gấp nhiều lúng túng... Từ thực trạng trên, để hoàn thiện công tác lập DTNS tại các HV,NT, thời gian tới, cần thực hiện tốt các giải pháp sau:

Một là, xây dựng và ban hành định mức lập, phân bổ dự toán phù hợp,

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

sát đúng với yêu cầu nhiệm vụ. Công tác lập và phân bổ DTNS trong BQP hiện nay chủ yếu được thực hiện trên cơ sở một số định mức kỹ thuật - kinh tế, định mức chi ngân sách do Nhà nước và BQP ban hành. Tuy nhiên, những định mức này còn thiếu hoặc chưa bao quát hết các nội dung, lĩnh vực chi; một số định mức đã lạc hậu; một số nội dung, nhiệm vụ chi chưa có định mức nên việc lập nhu cầu và lập DTNS năm chủ yếu theo DTNS năm trước; kết quả lập DTNS không sát với nhiệm vụ, thực tế của đơn vị và khả năng NSNN; công tác lập, phân bổ ngân sách giữa các đơn vị chưa có sự thống nhất, khách quan, khoa học. Vì vậy việc ban hành và áp dụng định mức hệ thống định mức lập, phân bổ dự toán tại các HV,NT là cần thiết.

Quá trình xây dựng định mức cần đáp ứng các nguyên tắc sau: Tính đúng, tính đủ để hoàn thành việc đào tạo cho học viên đạt được những tiêu chí, tiêu chuẩn, chất lượng theo quy định hiện hành. Các định mức phải phù hợp với yêu cầu đặc thù của từng chuyên ngành đào tạo tại các HV,NT. Căn cứ xây dựng định mức có cơ sở rõ ràng. Thời gian áp dụng định mức từ 03 ÷ 05 năm.

Ngoài ra, việc xây dựng định mức cần đáp ứng các yêu cầu: DTNS được lập không vượt tròn NSNN giao cho BQP hàng năm; nếu các đơn vị thụ hưởng ngân sách có nhiệm vụ, yêu tố tác động đến sử dụng ngân sách như nhau thì được xếp cùng nhóm; định mức phải dựa trên số liệu lịch sử; số kiểm tra NSQP chi thường xuyên hàng năm kết hợp với khảo sát, thu thập các yếu tố tác động; tiêu chí lập và phân bổ DTNS phải rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, kiểm tra và giám sát; bảo đảm công bằng, công khai và minh bạch.

*Hai là*, chấp hành quy trình lập nhu cầu ngân sách chi thường xuyên. Lập nhu cầu ngân sách là bước đầu tiên để xây dựng

dự toán sau khi các ngành nghiệp vụ toàn quân hướng dẫn nhiệm vụ trọng tâm, dự kiến nhiệm vụ tăng, giảm, thứ tự ưu tiên đảm bảo cho năm kế hoạch. Việc lập nhu cầu phải đáp ứng yêu cầu: Nhu cầu ngân sách chi thường xuyên được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên và được lập theo nhiệm vụ, tổ chức, quân số, trang bị, chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi, định mức phân bổ ngân sách theo lĩnh vực. Để lập nhu cầu ngân sách có hiệu quả, sát đúng với yêu cầu thực hiện nhiệm vụ, cơ quan tài chính và các ngành nghiệp vụ cần: Quán triệt, chấp hành hướng dẫn thực hiện công tác GDĐT năm hiện hành, hướng dẫn định hướng nhiệm vụ công tác GDĐT năm kế hoạch để làm căn cứ xác định nhiệm vụ đảm bảo cho năm tiếp theo. Xác định một số nhiệm vụ trọng tâm như: Xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo, tuyển sinh, quản lý phôi bằng, chứng chỉ; công tác bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, khảo thí và bảo đảm chất lượng, hợp tác đào tạo quốc tế, đảm bảo trang thiết bị đào tạo, chuyển đổi số, hội thi, hội nghị, khai giảng, kiểm tra, phúc tra, kiểm định... Đồng thời, căn cứ tổ chức biên chế, quân số, các chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi, định mức phân bổ ngân sách và các căn cứ khác để làm cơ sở để lập nhu cầu ngân sách năm. Sau khi các ngành nghiệp vụ lập nhu cầu, cơ quan tài chính tiến hành thẩm định chặt chẽ, tổng hợp nhu cầu ngân sách của các ngành nghiệp vụ cùng cấp thành nhu cầu ngân sách năm của đơn vị (giải thích rõ nhiệm vụ tăng, giảm so với số kiểm tra năm trước), trình Thủ trưởng đơn vị phê duyệt, gửi cơ quan tài chính cấp trên. Để việc thẩm định và tổng hợp nhu cầu mang tính thống nhất, xác định được chính xác nhu cầu cần đảm bảo cho năm kế hoạch, cơ quan tài chính cần phối hợp chặt chẽ với các cơ quan nhân sự, đặc biệt liên quan đến công tác tuyển sinh, xác định quân số và các đối tượng học viên đào tạo

trong năm kế hoạch. Cần làm tốt kế hoạch quân số bảo đảm tài chính tới từng loại, từng đối tượng học viên. Nếu quân số kế hoạch được dự kiến càng chính xác thì nhu cầu chi ngân sách càng sát đúng thực tế. Cơ quan tài chính, các cơ quan quản lý nhân sự cần phối hợp chặt chẽ, kịp thời trong xây dựng kế hoạch quân số bảo đảm tài chính hàng năm để làm căn cứ xây dựng các chỉ tiêu dự toán chi ngân sách. Xây dựng quy chế phối hợp giữa các cơ quan trong việc trao đổi thông tin và thống nhất phương pháp tính toán, mốc thời gian, trách nhiệm và thứ tự lập nhu cầu; trong đó, cơ quan tài chính của đóng vai trò chủ trì, kết nối và thẩm định số nhu cầu năm kế hoạch cũng như giải thích rõ nhiệm vụ tăng, giảm so với số kiểm tra năm trước kèm theo các căn cứ.

Ba là, sử dụng linh hoạt các phương pháp lập nhu cầu phù hợp với tính chất và đặc thù của nội dung ngân sách. Do mỗi loại ngân sách có căn cứ, đặc thù và các yếu tố cấu thành khác nhau, tùy thuộc vào nhiệm vụ chi cho GDĐT; cho nên, để dự toán được lập chính xác, có tính khả thi cao, cần áp dụng các phương pháp khác nhau, như: Phương pháp căn cứ vào định mức, tiêu chuẩn, số lượng và thời gian phải bảo đảm; phương pháp căn cứ vào chi phí thực hiện từng nhiệm vụ, từng công việc cụ thể; phương pháp căn cứ vào số thực hiện (hoặc ước thực hiện) của năm trước và các yếu tố sẽ thay đổi trong năm kế hoạch; phương pháp căn cứ vào dự toán (tổng dự toán) và tiến độ của từng chương trình, dự án; phương pháp so sánh, đối chiếu với số dự kiến giao DTNS... Tùy tính chất nhiệm vụ GDĐT, các HV,NT có thể áp dụng nhiều phương pháp lập để lựa chọn ra một phương án tối ưu cho dự toán.

Bốn là, chú trọng xác định giá trị hàng tồn kho làm cơ sở huy động và lập nhu cầu chi năm kế hoạch. Đối với các nội dung chi mua sắm hiện vật, sau khi đã xác định được

tổng nhu cầu chi trong năm phải trừ đi giá trị hiện vật tồn kho có thể huy động để xác định được nhu cầu chi trong năm kế hoạch. Do đó, xác định giá trị tồn kho có ý nghĩa quan trọng đến công tác lập nhu cầu cũng như đảm bảo quá trình quản lý, sử dụng ngân sách đạt mục tiêu tiết kiệm, hiệu lực và hiệu quả. Muốn vậy, các HV,NT cần: Ban hành quy định của đơn vị về quy trình, nghĩa vụ, trách nhiệm của ngành nghiệp vụ trong việc kiểm kê, xác định hàng tồn kho, giá hàng hóa đúng quy định; hướng dẫn phương pháp xác định số lượng và hướng sử dụng hàng tồn kho để nâng cao hiệu quả lập dự toán và sử dụng. Quy định rõ quy trình, nội dung kiểm kê hàng tồn kho trước khi lập DTNS. Xây dựng kế hoạch sử dụng hàng tồn kho phù hợp với kế hoạch huấn luyện, nhiệm vụ GDĐT trong năm của HV,NT gắn với lập kế hoạch chi ngân sách quý.

### IV. KẾT LUẬN

Lập DTNS tại các HV,NT là nội dung quan trọng chi phối toàn bộ quá trình quản lý ngân sách tại đơn vị. Để hoàn thiện công tác lập DTNS, cơ quan tài chính các đơn vị cần nắm chắc nhiệm vụ, làm tốt vai trò tham mưu, thực hiện đồng bộ các giải pháp trên, làm cơ sở tổ chức quản lý tốt ngân sách♦

#### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Quốc phòng (2023), *Hướng dẫn số 4554/HĐ-BQP, về công tác lập dự toán, chấp hành, quyết toán NSNN trong BQP*, Hà Nội.
2. Bộ Quốc phòng (2024), *Quyết định số 4475/QĐ-BQP, về việc ban hành định mức lập và phân bổ dự toán ngân sách nhà nước chi thường xuyên trong Bộ Quốc phòng thực hiện thí điểm năm 2025*, Hà Nội.
3. Thủ tướng Chính phủ (2016), *Quyết định số 1982/QĐ-TTg về việc phê duyệt khung trình độ Quốc gia Việt Nam*, Hà Nội.

# PHƯƠNG THỨC BẢO ĐẢM HẬU CẦN, KỸ THUẬT TÁC CHIẾN PHÒNG THỦ QUÂN KHU TRONG CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC

Trung tá, TS. HOÀNG MẠNH THÁI

Khoa Chỉ huy tham mưu kỹ thuật, Học viện Kỹ thuật quân sự

**ABSTRACT:** *The method of logistics and technical support is essential and has impact on the organization of logistics and technical and the implementation of various aspects of logistics and technical support, with the aim of timely and comprehensively meeting logistics support requirements for successful combat operations. This article focuses on clarifying the application of logistics and technical support methods for defensive operations in military region in the Homeland protection war.*

## I. TÓM TẮT

Phương thức bảo đảm hậu cần, kỹ thuật (HC,KT) là vấn đề cốt lõi, tác động qua lại đến tổ chức hậu cần - kỹ thuật (HC-KT) và tiến hành các mặt bảo đảm HC,KT nhằm bảo đảm kịp thời, đầy đủ, mọi mặt về HC,KT cho tác chiến giành thắng lợi. Nội dung bài viết tập trung làm rõ vận dụng phương thức bảo đảm HC,KT tác chiến phòng thủ quân khu (PTQK) trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (BVTQ) (nếu xảy ra).

## II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tác chiến PTQK là hoạt động tác chiến có vị trí rất quan trọng trong chiến tranh BVTQ, nhằm từng bước ngăn chặn, đẩy lùi các hướng tiến công chiến lược của địch; bảo vệ vững chắc các khu vực, mục tiêu trọng yếu; tạo thế, tạo thời cơ thuận lợi và củng lực lượng của Bộ đánh bại cuộc tiến công xâm lược trên địa bàn quân khu.

Bảo đảm HC,KT tác chiến PTQK giữ vị trí hết sức quan trọng trong bảo đảm cho các lực lượng hoạt động tác chiến, góp phần tạo nên sức mạnh tổng hợp của quân khu để giành thắng lợi trong chiến tranh BVTQ; trong đó, phương thức bảo đảm có ý nghĩa hết sức quan trọng. Thực tiễn, trong chiến tranh giải phóng đã để lại nhiều kinh nghiệm quý báu về bảo đảm HC,KT nói chung và

phương thức bảo đảm HC,KT nói riêng. Tuy nhiên, tác chiến PTQK trong chiến tranh BVTQ tương lai (nếu xảy ra) sẽ diễn ra trong những điều kiện tác chiến mới, cả ta và địch đều có sự thay đổi về tổ chức, biên chế, nghệ thuật quân sự,... Do đó, phương thức bảo đảm HC,KT tác chiến PTQK trong chiến tranh BVTQ cần tiếp tục được nghiên cứu cho phù hợp.

## III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Phương thức bảo đảm HC,KT là tổng thể các phương pháp và hình thức tổ chức bảo đảm HC,KT nhằm giải quyết đúng đắn và hợp lý các mối quan hệ giữa các thành phần, lực lượng HC-KT; giữa các nguồn bảo đảm và các đối tượng bảo đảm; nhằm bảo đảm kịp thời, đầy đủ, mọi mặt về HC,KT cho tác chiến giành thắng lợi. Phương thức bảo đảm HC,KT tác chiến PTQK gồm: Bảo đảm HC,KT tại chỗ; bảo đảm HC,KT cơ động từ nơi khác đưa đến; kết hợp bảo đảm HC,KT tại chỗ với bảo đảm HC,KT cơ động hình thành bảo đảm theo khu vực hoàn chỉnh. Từ nghiên cứu lý luận và thực tiễn cho thấy, để đáp ứng yêu cầu bảo đảm HC,KT tác chiến PTQK trong chiến tranh BVTQ trong tương lai, cần nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện các phương thức bảo đảm HC,KT trên một số nội dung cơ bản sau:

Bảo đảm HC,KT tại chỗ là phương thức bảo đảm cơ bản dựa vào khả năng, tiềm lực HC-KT có sẵn hoặc tổ chức sản xuất tại địa bàn và đưa từ nơi khác đến để tích lũy, dự trữ sẵn từ trước, làm cơ sở cho việc khai thác, bảo đảm HC,KT cho LLVT hoạt động tác chiến trên địa bàn. Về không gian tại chỗ, được xét theo địa bàn tác chiến. Với tác chiến PTQK, tác chiến phòng thủ tĩnh, các khu vực phòng ngự, chốt chiến dịch có thể coi toàn bộ địa bàn theo vùng lãnh thổ đảm nhiệm là địa bàn tác chiến. Tuy nhiên, với các trận chiến đấu, đợt hoạt động tác chiến, chiến dịch, việc xác định địa bàn chỉ là tương đối. Vận dụng phương thức bảo đảm HC,KT tại chỗ trong tác chiến PTQK sẽ bảo đảm hiệu quả và kịp thời cho các lực lượng tác chiến tại địa bàn, huy động lực lượng, vật chất, trang bị HC-KT nhanh, khi có tình huống, các lực lượng có ngay vật chất, phương tiện để sử dụng, giảm được khối lượng phải vận chuyển đưa từ nơi khác đến, hạn chế tổn thất do địch đánh phá và lãng phí vật chất, trang bị HC-KT, bảo toàn lực lượng trên đường vận chuyển, cơ động, thuận lợi trong việc bảo đảm cho các lực lượng tác chiến phòng thủ, phòng ngự trên từng hướng, khu vực tác chiến, đặc biệt là việc bảo đảm cho lực lượng bộ đội địa phương, dân quân tự vệ ở các khu vực phòng thủ (KVPT) tĩnh, thành phố và lực lượng chủ lực tác chiến ở các điểm tựa, cụm điểm tựa, chốt chiến dịch. Tuy nhiên, với các quân khu có điều kiện kinh tế - xã hội trên địa bàn kém phát triển, việc huy động sẽ gặp nhiều khó khăn, phụ thuộc lớn vào tiềm lực, khả năng nguồn lực tại chỗ, khả năng, tốc độ khai thác, huy động và khả năng dự trữ của các cấp, các đơn vị. Ngoài ra, phương thức này khó có khả năng bảo đảm khối lượng lớn vật chất, trang bị HC-KT, nhất là các trang bị có hàm lượng kỹ thuật cao, trong thời gian dài, tác chiến hiệp đồng quân, binh chủng.

Bảo đảm HC,KT cơ động từ nơi khác đưa đến, là phương thức bảo đảm dựa vào

lực lượng, vật chất, trang bị HC-KT đã được xây dựng, tích lũy dự trữ ở các cấp và các địa phương khác để cơ động mang theo đội hình hoặc cơ động tới địa bàn bảo đảm cho đơn vị trong quá trình hoạt động tác chiến. Với phương thức này, HC-KT các cấp có thể chủ động, tập trung bảo đảm được hầu hết các loại vật chất, trang bị HC-KT với khối lượng lớn với yêu cầu chính xác, đồng bộ kể cả trang bị có hàm lượng kỹ thuật cao; bảo đảm kịp thời cho nhiều lực lượng, nhiều hình thức chiến thuật, kể cả các tình huống tác chiến khẩn trương, ác liệt, dài ngày trong điều kiện chiến tranh hiện đại sử dụng vũ khí công nghệ cao; bảo đảm có hiệu quả, linh hoạt cho các binh đoàn chủ lực, tác chiến cơ động độc lập, biển, đảo, trên các địa bàn xa hậu phương. Tuy nhiên, điều đó còn phụ thuộc rất lớn vào công tác vận chuyển (lực lượng, phương tiện, đường vận tải, phương tiện bảo vệ), khả năng cơ động của lực lượng HC-KT và mức độ, khả năng phát hiện, đánh phá của địch.

Kết hợp bảo đảm HC,KT tại chỗ với bảo đảm HC,KT cơ động hình thành bảo đảm theo khu vực hoàn chỉnh là phương thức bảo đảm vừa dựa vào lực lượng, vật chất, trang bị HC-KT có tại địa bàn vừa cơ động lực lượng, vật chất, trang bị HC-KT từ nơi khác đến chi viện, bổ sung, nhằm nâng cao khả năng bảo đảm mọi mặt HC,KT một cách đồng bộ, vững chắc cho hoạt động tác chiến trên địa bàn. Phương thức này phát huy được ưu điểm và khắc phục được một số hạn chế của hai phương thức trên. Đây là phương thức phù hợp với nghệ thuật quân sự Việt Nam, có thể bảo đảm vững chắc, liên tục, kịp thời cho các hoạt động tác chiến; vừa tạo điều kiện cho LLVT đứng chân bám trụ tại chỗ tạo thế đánh địch trên địa bàn, vừa chuẩn bị chiến trường về HC-KT và tập trung bảo đảm cho các đơn vị chủ lực cơ động tác chiến hiệp đồng quân, binh chủng, tác chiến tập trung, trong thời gian ngắn. Tuy nhiên, vấn đề kết hợp giữa hai

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

phương thức như thế nào cho hiệu quả, hợp lý đối với tác chiến PTQK phải xem xét dưới góc độ phù hợp với điều kiện thực tế và các loại hình tác chiến và nghệ thuật điều hành của người chỉ huy để phát huy tốt nhất ưu điểm, khắc phục tối đa hạn chế của từng phương thức riêng lẻ nhất là khi quân khu chuyển từ tác chiến phòng thủ, phòng ngự sang tiến công, phản công địch trên địa bàn quân khu.

Bằng việc nghiên cứu 3 phương thức bảo đảm HC,KT tác chiến PTQK trong chiến tranh BVTQ. Đồng thời, xem xét các yếu tố tác động đến bảo đảm HC,KT tác chiến PTQK; bài viết đề xuất phương thức: Kết hợp bảo đảm HC,KT tại chỗ với bảo đảm HC,KT cơ động hình thành bảo đảm theo khu vực hoàn chỉnh trên từng hướng phòng thủ, từng khu vực tác chiến, trong đó, lấy bảo đảm HC,KT tại chỗ là chủ yếu là phương thức phổ biến được vận dụng, bởi vì:

*Thứ nhất*, xét về địch: Đối tượng tác chiến của quân khu là lực lượng địch có ưu thế về vũ khí công nghệ cao, tác chiến điện tử mạnh, nhất là khả năng cơ động đường bộ, đổ bộ đường không tạo đột biến, nhiều tình huống phức tạp có thể xảy ra ngoài dự kiến. Như vậy, việc dự trữ tập trung cũng như cơ động lực lượng, vận chuyển bổ sung vật chất, trang bị, phương tiện HC-KT hết sức khó khăn. Do đó, để bảo đảm HC,KT đáp ứng yêu cầu khẩn trương, liên tục, với nhu cầu bảo đảm lớn cần tập trung theo khu vực trên từng hướng phòng thủ, từng khu vực tác chiến.

*Thứ hai*, xét về nghệ thuật tác chiến PTQK: Hoạt động tác chiến kết hợp chặt chẽ phòng thủ toàn diện, phòng ngự có trọng điểm (giữ vững địa bàn, bám trụ kiên cường của chốt chiến dịch, KVPT then chốt tĩnh) với tiến công, phản công có lựa chọn (khi điều kiện, thời cơ cho phép), kết hợp tác chiến rộng khắp căng kéo chia cắt địch với tác chiến tập trung, tác chiến khu vực là

phổ biến. Như vậy, nếu dựa vào HC-KT tại chỗ để bảo đảm là chủ yếu kết hợp với bảo đảm cơ động hợp lý từng lực lượng, từng trận đánh, từng chiến dịch, trong từng giai đoạn, thời cơ sẽ phù hợp với nghệ thuật tác chiến PTQK nói riêng, nghệ thuật tiến hành chiến tranh nhân dân nói chung.

*Thứ ba*, xét về thế trận và lực lượng tác chiến PTQK: Trong những năm qua Đảng, Nhà nước ta luôn quan tâm kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với củng cố vững chắc quốc phòng, an ninh; xây dựng nền quốc phòng toàn dân; gắn xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân với thế trận an ninh nhân dân, khi có chiến tranh xảy ra sẽ là chỗ dựa vững chắc cho các đơn vị chủ lực của Bộ, quân khu. Vì vậy, cần phát huy sức mạnh tổng hợp của cả nước, của các lực lượng HC-KT; kết hợp sức mạnh tại chỗ với sức mạnh được chuẩn bị từ nơi khác, địa phương khác đưa đến; giữa HC-KT chiến lược, chiến dịch và chiến thuật.

## IV. KẾT LUẬN

Phương thức bảo đảm HC,KT tác chiến PTQK trong chiến tranh BVTQ là vấn đề hết sức quan trọng nhằm bảo đảm cho tác chiến thắng lợi. Tùy theo từng trận đánh, chiến dịch và môi trường tác chiến cụ thể, chủ nhiệm và cơ quan HC-KT cần tham mưu cho người chỉ huy xác định và lựa chọn phương thức bảo đảm HC,KT phù hợp nhất, góp phần nâng cao hiệu quả, khả năng bảo đảm HC,KT cho tác chiến thắng lợi, đáp ứng yêu cầu bảo đảm HC,KT tác chiến PTQK trong điều kiện mới của chiến tranh BVTQ♦

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng tham mưu (2018), *Bảo đảm hậu cần tác chiến PTQK trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Tổng tham mưu (2018), *Bảo đảm kỹ thuật tác chiến PTQK trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc*, Nxb QĐND, Hà Nội.

# VẬN DỤNG HÌNH THỨC CHIẾN THUẬT ĐÁNH ĐỊCH TIẾN CÔNG ĐƯỜNG BỘ TRONG CHIẾN DỊCH PHẦN CÔNG VÀ ĐẶT RA MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ BẢO ĐẢM HẬU CẦN, KỸ THUẬT

Đại tá, TS. VŨ HUY TRÁNG  
Khoa Quân sự, Học viện Hậu cần

*Hình thức chiến thuật (HTCT) là phương pháp thực hành trận chiến đấu có đặc trưng phù hợp với tính chất, trạng thái của đối phương; so sánh lực lượng địch, ta, môi trường chiến đấu. Việc xác định và vận dụng phù hợp, linh hoạt, sáng tạo các HTCT có ý nghĩa quyết định đến kết quả chiến đấu, chiến dịch. Bài viết trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, đề xuất vận dụng HTCT đánh địch tiến công đường bộ (TCĐB) trong chiến dịch phản công (CDPC) và một số vấn đề đặt ra đối với bảo đảm hậu cần, kỹ thuật (HC, KT).*

**D**ÁNH địch TCĐB trong CDPC thường là trận then chốt hoặc then chốt quyết định. Chiến dịch thường sử dụng lực lượng từ trung đoàn đến sư đoàn bộ binh hoặc có thể đến sư đoàn bộ binh tăng cường, được hỏa lực chi viện, kết hợp với lực lượng tại chỗ để đánh trận then chốt tiêu diệt địch TCĐB. Mục tiêu chủ yếu của trận then chốt có thể là cụm quân địch cõi tiểu đoàn hoặc sở chỉ huy lữ đoàn địch ở trạng thái tiến công. Thời cơ đánh trận then chốt tiêu diệt địch TCĐB tốt nhất là khi lực lượng chủ yếu của địch đã lọt vào khu vực ta đã dự kiến chuẩn bị sẵn, đội hình bị ngăn chặn, lực lượng bị tiêu hao, tổn thất nặng hoặc đã bộc lộ rõ các hướng (mũi) tiến công và có sơ hở; lực lượng phía sau chưa lén kịp hoặc bị chia cắt. Lực lượng cơ động của chiến dịch đã triển khai thành thế bao vây áp sát địch, hỏa lực đã triển khai xong sẵn sàng chi viện. Để trận chiến đấu giành thắng lợi, chiến dịch phải giải quyết nhiều vấn đề về nghệ thuật tác chiến; trong đó xác định và vận dụng linh hoạt, sáng tạo các HTCT cùng với công tác bảo đảm HC, KT chu đáo, kịp thời là vấn đề

quan trọng có ý nghĩa quyết định. Thực tiễn trong chiến tranh giải phóng, quân đội ta có nhiều trận đánh địch TCĐB giành thắng lợi, để lại nhiều bài học kinh nghiệm có thể kế thừa và phát triển. Tuy nhiên, trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, yếu tố địch, ta và môi trường tác chiến có nhiều thay đổi; vì vậy, việc vận dụng các HTCT cần phải linh hoạt, sáng tạo. Một số HTCT chủ yếu có thể được vận dụng là:

*Thứ nhất, vận động tiến công*

Vận động tiến công là HTCT thuộc hoạt động chiến đấu “Đánh vận động”, tiến hành chủ yếu ngoài công sự, với đặc điểm nổi bật là tính biến động cao, tình huống diễn biến mau lẹ. Nội dung cốt lõi của HTCT này là tổ chức các hoạt động tác chiến tạo thế, khéo lừa dụ địch vào khu vực ta đã chuẩn bị, ngăn chặn địch phía trước, chia cắt địch phía sau, đánh chiếm bàn đạp hai bên sườn, vây ép, chia cắt, buộc địch phải dừng lại ở thế bất lợi. Bất ngờ bằng giai đoạn hỏa lực chế áp ngắn; vận dụng linh hoạt các phương pháp tiến công (đồng loạt hoặc lần lượt), xung phong trên nhiều

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

hướng (mũi), táo bạo thọc sâu tiêu diệt ngay mục tiêu chủ yếu, vận dụng kết hợp các thủ đoạn chiến đấu tiêu diệt địch trong phạm vi nhiệm vụ, kết thúc trận đánh trong điều kiện có lợi nhất. Thực tiễn: Trong đợt 2/CDPC Đường số 9 - Nam Lào (năm 1971), Chiến dịch đã sử dụng 64/fBB320 hiệp đồng chiến đấu với cT1, ePB45, vận dụng HTCT vận động tiến công đánh trận then chốt tiêu diệt sở chỉ huy Lữ 3 dù và 1 tiểu đoàn pháo binh ở điểm cao 543. Địch hoàn toàn bị bất ngờ về thời gian, hướng và sức mạnh đột kích của ta nên nhanh chóng bị tiêu diệt; cụ thể: Khoảng 370 quân địch chết và bị thương, bắt sống 137 tên trong đó có tên Lữ đoàn trưởng cùng toàn bộ ban tham mưu Lữ đoàn dù 3.

Để vận dụng HTCT này đạt hiệu suất chiến đấu cao nhất, cần phải có quyết tâm, kế hoạch tác chiến sát đúng. Bố trí triển khai các thành phần lực lượng, phương tiện, thiết bị chiến trường phải hình thế có lợi, thuận tiện cho chỉ huy, hiệp đồng, bảo đảm và phát triển chiến đấu. Tận dụng triệt để kết quả tác chiến của lực lượng tại chỗ; bám nắm chắc diễn biến về địch, thực hành tác chiến tạo thế kịp thời, chính xác. Tiến hành hỏa lực chuẩn bị ngắn phải bất ngờ tập trung vào mục tiêu chủ yếu đẩy địch vào thế bị động đối phó. Quá trình xung phong, lực lượng trên các hướng phải vận dụng linh hoạt các thủ đoạn chiến đấu bám sát, đánh gần, cài xen kẽ, vừa có lực lượng kiềm chế, vừa có lực lượng vòng vượt đánh vào bên sườn, phía sau các mục tiêu địch; kiên quyết phát triển mở rộng khu vực đã đánh chiếm được, tạo thế áp đảo tiêu diệt địch. Quá trình chi viện hỏa lực và phát triển chiến đấu cần hiệp đồng chặt chẽ giữa bộ binh, pháo binh, xe tăng.... Lực lượng dự bị phải luôn nắm chắc tình hình, sẵn sàng bước vào chiến đấu. Tổ chức và biện pháp chỉ huy của chỉ huy các cấp phải kịp thời,

linh hoạt, quyết đoán nhất là trong xử trí các tình huống tác chiến.

### Thứ hai, chiến đấu tập kích

Chiến đấu tập kích là HTCT lợi dụng sơ hở của địch và các điều kiện có lợi khác bất ngờ tiến công; được tiến hành bí mật, với lực lượng ít nhưng đạt hiệu suất chiến đấu cao; được vận dụng tiêu diệt địch tạm dừng hoặc mới chuyển vào phòng ngự trong điều kiện địa hình, khí hậu thời tiết thuận lợi cho ta triển khai lực lượng bí mật, áp sát địch. Nội dung cốt lõi của HTCT này là bố trí triển khai lực lượng, phương tiện, thiết bị chiến trường hình thành thế trận tiến công hiểm hóc; vận dụng linh hoạt các phương pháp tiến công, thủ đoạn chiến đấu; phát huy hiệu quả chiến thuật phân đội nhỏ, đánh nhanh, giải quyết nhanh. Khi vận dụng HTCT này, chiến dịch thường sử dụng lực lượng quy mô trung đoàn, có thể là sư đoàn tùy thuộc vào tính chất mục tiêu; chiến đấu bằng vũ khí trong biên chế, cũng có thể được phối thuộc (chuyển thuộc) pháo binh, xe tăng..., được hỏa lực chiến dịch chi viện, lực lượng tại chỗ phối hợp, hiệp đồng chiến đấu. Tùy thuộc vào điều kiện cụ thể, có thể tập kích không có hỏa lực chế áp ngắn hoặc tập kích có hỏa lực chế áp ngắn. Thực tiễn: Trong Đợt 1/CDPC Đường 6 của Quân giải phóng miền Đông Nam Bộ phối hợp với lực lượng vũ trang cách mạng Campuchia (năm 1971). Ngày 11/11, Chiến dịch đã sử dụng eBB205 phối hợp với 1/eBB1 bất ngờ tập kích bằng phương pháp tập kích không có hỏa lực chế áp ngắn vào đội hình địch tạm dừng ở khu vực nam Tăng Cốc khi địch tạm dừng để thay quân, đã tiêu diệt phần lớn quân địch, số còn lại rút chạy về phía bắc Tăng Cốc; trận đánh góp phần quan trọng vào thắng lợi chung của Đợt 1/Chiến dịch.

Để vận dụng HTCT này đạt hiệu suất chiến đấu cao nhất, bộ tư lệnh, cơ quan

chiến dịch và lực lượng trực tiếp đánh địch TCĐB phải thường xuyên, liên tục bám sát địch, triệt để tận dụng địa hình có lợi; đẩy mạnh các hoạt động tác chiến tạo thế, đẩy địch vào thế bất lợi. Khi cơ động, triển khai lực lượng phải giữ được yếu tố bí mật, bất ngờ. Các lực lượng chuyên trách phải đẩy mạnh hoạt động nghi binh, phân tán sự chú ý và hỏa lực của địch; hiệp đồng phải chặt chẽ giữa lực lượng tiến công với lực lượng hỏa lực. Các lực lượng tiến công trên các hướng (mũi) phải nắm chắc thời cơ, cơ động phải bí mật, xuất kích phải bất ngờ, tiến công phải kiên quyết, mãnh liệt, chính xác; hành động thọc sâu phải táo bạo, đẩy địch vào thế bị rối loạn về chỉ huy, hiệp đồng; thực hiện chia cắt, đánh gần, cài xen với địch, giải quyết trận đánh nhanh, lui quân an toàn.

### *Thứ ba, tiến công địch phòng ngự trận địa.*

Tiến công địch phòng ngự trận địa là HTCT thuộc loại hình tác chiến tiến công được thực hiện bằng cách dùng hỏa lực sát thương quân địch, công kích mãnh liệt, nhanh chóng tiến vào chiều sâu bố trí của địch, tiêu diệt và đánh chiếm khu vực (mục tiêu) quy định; vận dụng khi địch TCĐB bị chặn lại đã đánh chiếm địa hình có giá trị về chiến thuật, chiến dịch, chuyển vào phòng ngự trong hệ thống công sự, vật cản tương đối vững chắc. Nội dung cốt lõi của HTCT tiến công địch phòng ngự trận địa là bố trí triển khai lực lượng, phương tiện, thiết bị chiến trường hình thành thế trận tiến công vững chắc, chuyển hóa linh hoạt; phát huy sức mạnh hiệp đồng quân, binh chủng, đột phá mạnh, chắc thắng, đưa nhanh lực lượng vào phát triển chiến đấu bên trong trận địa địch; vận dụng linh hoạt các thủ đoạn chiến đấu tiêu diệt ngay mục tiêu chủ yếu và các mục tiêu khác của địch trong phạm vi nhiệm vụ được giao, đánh bại phản kích, làm chủ trận đánh. Thực tiễn: Trong CDPC của Mặt

trận Tây Nguyên đánh bại cuộc hành quân Quang Trung 4/quân đội Sài Gòn ở phía tây t. Kon Tum (từ 27/2 đến 16/4/1971); khi địch đánh chiếm và chuyển vào phòng ngự trong cứ điểm Ngọc Rinh Rua, ngày 31.3, Chiến dịch đã sử dụng 7/eBB66, cĐC19 và một số phân đội hỏa lực vận dụng HTCT tiến công địch phòng ngự trận địa đánh chiếm cứ điểm Ngọc Rinh Rua, do có quyết tâm sát đúng, hành động tiến công kiên quyết, chỉ huy, hiệp đồng, bảo đảm chặt chẽ, sau gần 9 giờ chiến đấu ta đã làm chủ cứ điểm, diệt và bắt sống hơn 100 địch, thu gần 100 súng pháo các loại (có 4 pháo 105mm với hàng nghìn quả đạn), bắn rơi 5 máy bay trực thăng.

Để vận dụng có hiệu quả HTCT này, chiến dịch phải xác định chính xác các mục tiêu, hướng tiến công, cửa mở và phương pháp mở cửa, trong đó phải xác định được mục tiêu, hướng tiến công chủ yếu; tổ chức hỏa lực diệt địch và tổ chức sử dụng lực lượng phải dựa trên cơ sở tổ chức hỏa lực, tổ chức lực lượng của các hoạt động tác chiến trước đó để tổ chức (điều chỉnh) cho phù hợp với HTCT tiến công địch phòng ngự trận địa. Nắm vững và tận dụng tốt thời cơ tiến công; bất ngờ bằng giai đoạn hỏa lực chuẩn bị mãnh liệt tập trung vào trận địa hỏa lực, sở chỉ huy các cấp của địch; thực hành mở cửa, đánh chiếm và giữ chắc đầu cầu. Lực lượng chủ yếu tận dụng kết quả hỏa lực chuẩn bị nhanh chóng vượt qua cửa mở, tiến công kiên quyết liên tục; sẵn sàng đánh bại phản kích của địch, kịp thời chuyển hóa thế trận để đánh địch co cụm, rút chạy.

Bảo đảm HC,KT là mặt công tác quan trọng, góp phần quyết định đến khả năng hoàn thành nhiệm vụ trong quá trình vận dụng các HTCT đánh trận then chốt tiêu diệt địch TCĐB trong CDPC. Để bảo đảm đầy đủ, kịp thời, chính xác, người chỉ huy, cơ quan, phân đội hậu cần - kỹ thuật (HC-KT)

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

chiến dịch và các đơn vị cần thực hiện tốt một số nội dung chủ yếu sau:

*Một là*, đối với chỉ huy cơ quan HC-KT chiến dịch phải nắm chắc ý định tác chiến của bộ tư lệnh chiến dịch, cụ thể là nắm chắc về khu vực (hướng), mục tiêu phản công, tổ chức, sử dụng, bố trí lực lượng chiến dịch, nhiệm vụ các đơn vị, tổ chức chỉ huy chiến dịch, các mốc thời gian... Đối với chỉ huy cơ quan phân đội HC-KT các đơn vị phải nắm chắc ý định chiến đấu của người chỉ huy, cụ thể là nắm chắc khu vực, mục tiêu, hướng (mũi) tiến công, tổ chức, sử dụng và bố trí lực lượng (lực lượng trong biên chế và lực lượng được phối thuộc hoặc chuyển thuộc). Đồng thời phải nắm chắc về nhiệm vụ bảo đảm HC,KT chiến dịch, HC,KT các đơn vị chiến đấu, ý định của chỉ huy cơ quan HC-KT cấp trên.

*Hai là*, đánh giá chính xác các yếu tố tác động đến công tác bảo đảm HC,KT; nhất là tình hình địch, cụ thể là về khả năng lực lượng, phương tiện, vũ khí trang bị, khí tài... thủ đoạn đối phó, các biện pháp, thủ đoạn tác chiến...; đặc điểm của địa hình, khí hậu thời tiết, thủy văn... trên địa bàn tác chiến của chiến dịch, trận chiến đấu... Qua đó rút ra được những chi phối tác động chủ yếu đến nhiệm vụ và khả năng bảo đảm HC,KT; biết tận dụng khai thác, phát huy những yếu tố, điều kiện thuận lợi, đồng thời đề ra được các biện pháp khắc phục những tác động tiêu cực, gây khó khăn, cản trở trong các hoạt động khi tiến hành công tác tổ chức chuẩn bị và thực hành bảo đảm HC,KT cho nhiệm vụ tác chiến, chiến đấu của chiến dịch, trận chiến đấu.

*Ba là*, nắm chắc, hiểu rõ và phối hợp tổ chức thực hiện chính xác các nội dung trong kế hoạch hiệp đồng tác chiến của bộ tư lệnh chiến dịch, kế hoạch hiệp đồng chiến đấu của chỉ huy các đơn vị thực hiện nhiệm vụ

chiến đấu; kế hoạch phối hợp hiệp đồng, bảo đảm, phục vụ chiến đấu của khu vực phòng thủ địa phương trên địa bàn chiến dịch, trận chiến đấu (through qua cơ quan bộ tham mưu chiến dịch, cơ quan tham mưu các đơn vị chiến đấu)

*Bốn là*, đánh giá chính xác khả năng HC,KT chiến dịch; HC,KT các đơn vị chiến đấu; khả năng bảo đảm của cơ quan HC-KT cấp trên cũng như khả năng phối hợp, chi viện, bảo đảm của hội đồng cung cấp địa phương, cơ quan HC-KT khu vực phòng thủ trên địa bàn chiến dịch, trận chiến đấu. Tham mưu sát đúng, chủ trì xây dựng và tổ chức triển khai hiệu quả kế hoạch bảo đảm HC,KT chiến dịch, trận chiến đấu phù hợp với ý định, quyết tâm tác chiến của chiến dịch, trận chiến đấu.

Vận dụng HTCT đánh trận then chốt tiêu diệt địch TCĐB trong CDPC là vấn đề mang tính nghệ thuật cao, tuy nhiên, trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, các yếu tố về địch, ta, môi trường tác chiến đã và đang nhiều thay đổi và phát triển, do đó lý luận về vận dụng HTCT cần được thường xuyên nghiên cứu cập nhật, bổ sung và phát triển cho phù hợp với tình hình thực tiễn, đáp ứng với yêu cầu và điều kiện tác chiến mới của chiến tranh hiện đại♦

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Quốc phòng/Cục Khoa học quân sự (2015), *Bách khoa toàn thư quân sự Việt Nam, Quyển 1: Lịch sử quân sự*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Tổng tham mưu (2018), *Điều lệnh tác chiến Quân đội nhân dân Việt Nam*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Hoàng Minh Thảo (1990), *Nghệ thuật tác chiến máy vẫn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb QĐND, Hà Nội.

# MỘT SỐ GIẢI PHÁP VẬN CHUYỂN BỒ SUNG XĂNG DẦU CHIẾN DỊCH PHẢN CÔNG ĐÁNH ĐỊCH ĐỔ BỘ ĐƯỜNG KHÔNG TRONG TÁC CHIẾN PHÒNG THỦ CHIẾN LƯỢC TRÊN CHIẾN TRƯỜNG MIỀN BẮC

Trung tá, ThS. PHẠM HOÀNG HẢI  
Nghiên cứu sinh, Học viện Hậu cần

**ABSTRACT:** Based on theoretical and practical grounds and related influencing factors, this article proposes several solutions for the transportation and resupply of fuel during counteroffensive campaigns against enemy airborne assaults in the strategic defensive operations on the Northern battlefield.

## I. TÓM TẮT

Trên cơ sở lý luận, thực tiễn và các yếu tố tác động liên quan, bài viết đề xuất một số giải pháp vận chuyển bồ sung (VCBS) xăng dầu chiến dịch phản công (CDPC) đánh địch đổ bộ đường không (ĐBĐK) trong tác chiến phòng thủ chiến lược (PTCL) trên chiến trường miền Bắc.

## II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chiến dịch phản công đánh địch ĐBĐK trong tác chiến PTCL có vị trí hết sức quan trọng, cùng với các loại hình chiến dịch khác góp phần đánh bại tiến công của địch, bảo vệ và giữ vững địa bàn chiến lược. Để hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ chiến dịch, đòi hỏi phải giải quyết nhiều vấn đề, trong đó VCBS xăng dầu giữ vai trò quan trọng. Thực tiễn trong kháng chiến chống Mỹ đã để lại nhiều kinh nghiệm quý về VCBS xăng dầu trong đánh địch ĐBĐK. Tuy nhiên, CDPC đánh địch ĐBĐK trong tác chiến PTCL là vấn đề mới; tình hình địch, ta và môi trường tác chiến có nhiều thay đổi; nhiệm vụ BĐXD nói chung và VCBS xăng dầu nói riêng sẽ gặp nhiều khó khăn, phức tạp, đòi hỏi cần nghiên cứu các giải pháp phù hợp.

## III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Đối tượng tác chiến của CDPC là lực lượng địch ĐBĐK chiến lược quy mô từ một số lữ đoàn đến sư đoàn. Địch có ưu thế vượt trội về trinh sát, tác chiến điện tử, tác chiến không gian mạng; sử dụng rộng rãi các loại vũ khí công nghệ cao, phương tiện bay, phương tiện mặt đất không người lái (UAV, UGV) nhằm trinh sát, tấn công, đánh phá các trực đường, kho trạm, phương tiện vận chuyển xăng dầu của ta, gây thiệt hại, tổn thất lớn.

Mặt khác, CDPC đánh địch ĐBĐK trong tác chiến PTCL thường có thời gian chuẩn bị trực tiếp ngắn, tính biến động cao; lượng xăng dầu dự trữ, tiêu thụ lớn, bảo đảm cho nhiều lực lượng; bố trí phân tán trên địa bàn rộng, yêu cầu bí mật, an toàn cao; các lực lượng chiến dịch phải cơ động nhiều nên nhu cầu tiêu thụ xăng dầu tăng, đột biến ở những thời điểm quan trọng, nhất là ở khu vực phản công chủ yếu. Vì vậy, để VCBS xăng dầu đầy đủ, kịp thời cho các đơn vị, XDCD cần thực hiện tốt một số giải pháp sau:

*Một là,* chuẩn bị chu đáo, toàn diện, hiệp đồng chặt chẽ với các lực lượng có liên

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

quan trọng vận chuyển bồ sung xăng dầu. Trong CDPC đánh địch ĐBĐK chiến lược, lượng xăng dầu cần VCBS cho các đơn vị rất lớn. Quá trình tác chiến, có thời điểm, lượng xăng dầu tiêu thụ, tổn thất ngoài dự kiến. Do đó, để VCBS, ngành XDCC cần chuẩn bị chu đáo, toàn diện và hiệp đồng chặt chẽ với lực lượng liên quan.

Về công tác chuẩn bị, cần tập trung lực lượng, phương tiện vận chuyển và chuẩn bị về kế hoạch VCBS xăng dầu. Lực lượng đảm nhiệm VCBS xăng dầu phải đủ số lượng, có kỹ năng vận chuyển xăng dầu trong chiến đấu. Cần chuẩn bị đủ số lượng, tốt chất lượng của phương tiện vận chuyển, có thể vận chuyển xăng dầu ở mọi địa hình. Lập kế hoạch VCBS xăng dầu khoa học, cụ thể sẽ phát huy khả năng vận chuyển của các phương tiện; từ đó, xăng dầu được bảo đảm đầy đủ, kịp thời cho các đơn vị. Kế hoạch VCBS xăng dầu là cơ sở để tổ chức thực hiện và hiệp đồng với các lực lượng liên quan trong quá trình VCBS xăng dầu cho các đơn vị. Trong kế hoạch cần làm rõ số lượng xăng dầu VCBS; thời gian, địa điểm, phương tiện vận chuyển, lực lượng bốc xếp trong từng đợt vận chuyển, ưu tiên cho khu vực phản công chủ yếu, nơi có trận then chốt, then chốt quyết định của chiến dịch.

Chiến dịch phản công đánh địch ĐBĐK trong tác chiến PTCL trên chiến trường miền Bắc có sự tham gia của nhiều lực lượng; tiến hành trong thế trận chiến tranh nhân dân, thế trận khu vực phòng thủ (KVPT) đã được xây dựng từ thời bình. Vì vậy, quá trình VCBS xăng dầu sẽ liên quan đến nhiều lực lượng nên XDCC cần tổ chức hiệp đồng chặt chẽ để tạo nên sức mạnh tổng hợp. Với xăng dầu chiến lược, cần hiệp đồng rõ số lượng, địa điểm, thời gian giao nhận xăng dầu trong từng giai đoạn; khả năng tăng cường lực lượng, phương tiện. Với các lực lượng xăng dầu KVPT, cấp trên, đơn vị

được bảo đảm và các cơ sở xăng dầu trên địa bàn tác chiến, cần hiệp đồng khi phải VCBS xăng dầu trong tình huống đột xuất. Hiệp đồng chặt chẽ với lực lượng vận tải để nắm chắc đường vận chuyển đến các kho và phải có phương án bảo vệ xăng dầu.

Để thực hiện tốt vấn đề này, XDCC cần theo dõi nắm chắc tình hình tiêu thụ, tổn thất xăng dầu và nhu cầu VCBS xăng dầu cho các đơn vị; hiệp đồng chặt chẽ với xăng dầu cấp trên, nắm vững khả năng huy động, khai thác của xăng dầu KVPT và các lực lượng xăng dầu khác trên địa bàn tác chiến để chủ động làm tốt công tác hiệp đồng, phối hợp, triển khai thực hiện nhiệm vụ VCBS, tra nạp xăng dầu kịp thời, có hiệu quả cho các lực lượng tác chiến ở các khu vực khác nhau.

Hai là, phân cấp vận chuyển phù hợp với khả năng của từng cấp, từng đơn vị trong các giai đoạn chiến dịch. Vận chuyển bồ sung xăng dầu CDPC đánh địch ĐBĐK trong tác chiến PTCL trên chiến trường miền Bắc là một trong những nhiệm vụ rất khó khăn, phức tạp; bởi khối lượng xăng dầu tiêu thụ trong các giai đoạn của chiến dịch lớn, vận chuyển trong thời gian ngắn, tính khẩn trương, cơ động và biến động cao, địch đánh phá ác liệt. Vì vậy, để hoàn thành nhiệm vụ VCBS xăng dầu, cần phân cấp vận chuyển hợp lý, khoa học, phù hợp với khả năng và sở trường của từng đơn vị, từng cấp, từng khu vực của chiến dịch.

Việc phân cấp vận chuyển dựa trên nguyên tắc chung của ngành, đó là: "Cấp trên vận chuyển cho cấp dưới là chủ yếu, kết hợp trên dưới cùng vận chuyển". Trên cơ sở đó, XDCC xác định phân cấp vận chuyển như sau:

Trong giai đoạn chuẩn bị: Các đơn vị sử dụng tối đa phương tiện được trang bị (xe xitec, xe tra, xe vận tải) để vận chuyển

xăng dầu từ cấp trên, kho địa phương, của đơn vị bạn theo kế hoạch đã hiệp đồng về đơn vị mình. Lượng xăng dầu còn lại cần bổ sung (theo đề nghị của đơn vị), XDCD sẽ tổ chức vận chuyển xuống cho các đơn vị, cũng có thể tổ chức tiếp nhận tay ba giữa xăng dầu đơn vị, XDCD với xăng dầu KVPT để giảm quá trình trung chuyển. Đối với đơn vị có lượng xăng dầu tiêu thụ lớn, nếu đơn vị không đủ khả năng tự vận chuyển thì XDCD sẽ đảm nhiệm VCBS.

Trong giai đoạn thực hành tác chiến: Các đơn vị đều tập trung cho nhiệm vụ tác chiến trong điều kiện khẩn trương, ác liệt, tính biến động cao, lượng xăng dầu tiêu thụ lớn nên việc tổ chức VCBS xăng dầu sẽ gặp khó khăn. Vì vậy, XDCD cần hiệp đồng chặt chẽ với cơ quan vận tải chiến dịch để tổ chức VCBS xăng dầu cho các đơn vị theo kế hoạch; ưu tiên cho đơn vị đánh địch ĐBĐK ở khu vực phản công chủ yếu, trận then chốt, then chốt quyết định. Quá trình tác chiến có thể xảy ra nhiều tình huống bất ngờ, cần điều chỉnh kế hoạch VCBS xăng dầu cho phù hợp. Khi các đơn vị gặp khó khăn, xăng dầu bị tổn thất lớn, hoặc làm nhiệm vụ đột xuất cần phải bổ sung ngay thì có thể VCBS vượt cấp cho những đơn vị này. Trường hợp XDCD chưa thể tổ chức VCBS kịp thời, thì có thể chủ động điều chuyển xăng dầu giữa các lực lượng, đơn vị cho nhau, sau đó bổ sung lượng xăng dầu đã điều chuyển để duy trì đủ lượng dự trữ theo quy định.

Kết thúc chiến dịch: Tùy điều kiện cụ thể, XDCD có thể VCBS xăng dầu cho các đơn vị tại vị trí đứng chân sau chiến dịch, hoặc các đơn vị sử dụng xe đến kho chiến dịch, kho của KVPT để nhận xăng dầu về đơn vị mình.

Ba là, lựa chọn, sử dụng linh hoạt các phương tiện vận chuyển xăng dầu để thích ứng kịp thời với điều kiện diễn biến chiến

dịch. Thực tiễn trong CDPC Đường 9 - Nam Lào, VCBS xăng dầu được thực hiện bằng cơ giới, kết hợp với vận chuyển bằng đường ống và thô sơ sức người. Bình trạm Đường ống số 169 và 171 trực tiếp cung cấp xăng dầu từ hậu phương đến Đường 9 để bảo đảm cho chiến dịch. Trong điều kiện hiện nay, khi ta mở CDPC đánh địch ĐBĐK trong tác chiến PTCL, với khả năng ưu việt của ô tô nên đây sẽ là phương tiện vận chuyển chủ yếu để VCBS xăng dầu cho các lực lượng tác chiến. Khi lựa chọn ô tô để VCBS, xăng dầu chiến dịch cần lựa chọn loại xe và xác định số lượng xe hợp lý nhằm phát huy tối đa khả năng của các xe chuyên dùng. Căn cứ vào số lượng, chủng loại ô tô được biên chế ở các đơn vị cấp chiến dịch hiện nay; khi ta mở CDPC, có thể lựa chọn loại xe tra Maz-5340, Ural 375, Đông phong để vận chuyển phần lớn lượng nhiên liệu của chiến dịch; xe xitec Zil-130, Zil-131 để vận chuyển lượng nhiên liệu lẻ còn lại và xe vận tải CA-10, Kamaz để chở lượng dầu mỏ cần VCBS. Trong trường hợp các xe chuyên dùng bị tổn thất, hoặc lượng tiêu thụ, tổn thất của các đơn vị vượt dự kiến sẽ làm nhu cầu VCBS xăng dầu tăng cao; khi đó, ngành XDCD phải tham mưu cho chủ nhiệm HC-KT sử dụng xe vận tải để vận chuyển xăng dầu (sử dụng các loại bể mềm polymer thế hệ mới, có dung tích nhỏ ( $1\text{ m}^3$ ,  $3\text{ m}^3$ ), các loại can, phuy chuyên dùng đặt trên các xe).

Mặt khác, trong tác chiến ĐBĐK, địch thường chủ động về thời gian, địa điểm đổ bộ và có thể bất ngờ thay đổi địa điểm đổ bộ; tác chiến sẽ diễn ra ác liệt, hệ thống giao thông dễ bị chia cắt, ảnh hưởng lớn đến quá trình VCBS xăng dầu cho chiến dịch. Qua thực tiễn cuộc xung đột quân sự giữa Nga - Ukraine cho thấy, các bên thường tổ chức vận chuyển xăng dầu với quy mô nhỏ, lẻ, theo từng xe; song, vẫn luôn bị UAV tìm diệt.

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

Vì vậy, XDCD cần chủ động sử dụng kết hợp linh hoạt giữa ô tô và các loại phương tiện vận chuyển khác để VCBS xăng dầu thích ứng kịp thời với điều kiện diễn biến chiến dịch. Cụ thể:

Vận chuyển bằng đường ống: Là hình thức VCBS rất phù hợp với loại hình tác chiến chiến lược trong thời gian dài, khoảng cách xa, không có điều kiện vận chuyển bằng ô tô. Từ năm 1968 ÷ 1975, Quân đội ta đã triển khai gần 5.000 km đường ống từ Bắc vào Nam, cung cấp hàng trăm ngàn tấn xăng dầu cho chiến trường miền Nam. Trong CDPC đánh địch ĐBĐK, ta có thể tận dụng 3 tuyến ống chiến lược (đã có). Muốn vậy, XDCD cần hiệp đồng chặt chẽ với xăng dầu chiến lược, KVPT và dự kiến các phương án khai thác sử dụng các tuyến ống xăng dầu phù hợp điều kiện chiến dịch.

Phương tiện xe thô sơ, cơ giới nhỏ để vận chuyển xăng dầu: Được sử dụng trong trường hợp đường vận tải của xe cơ giới bị địch đánh phá, hoặc những trọng điểm giao thông, xe cơ giới không hoạt động được. Khi sử dụng phương tiện này, XDCD cần hiệp đồng với hậu cần KVPT, nhân dân trên địa bàn tác chiến để giúp đỡ, bảo đảm phương tiện, lực lượng VCBS xăng dầu cho các đơn vị. Sử dụng linh hoạt, hợp lý phương tiện thô sơ, sức người, kết hợp các loại phương tiện vận chuyển khác sẽ tạo ra sự đa dạng, vững chắc và liên tục trong VCBS xăng dầu.

Bốn là, tổ chức vận chuyển bổ sung theo thứ tự ưu tiên hợp lý và bảo vệ bão đảm an toàn trong quá trình VCBS xăng dầu. Trong xác định thứ tự ưu tiên VCBS xăng dầu, cần tuân theo nguyên tắc: Tiêu thụ nhiều trước, ít sau; tham gia tác chiến ở khu vực phản công chủ yếu trước, khu vực khác sau; đơn vị khó khăn trước, thuận lợi sau. Trong đó, cần chú ý ưu tiên cho lực lượng cơ động tiến công; lực lượng tham

gia đánh địch ĐBĐK ở trận then chốt, then chốt quyết định, bởi vì đây là những lực lượng tác chiến chủ yếu làm nhiệm vụ quan trọng của chiến dịch, lượng xăng dầu tiêu thụ nhiều, trong khi khả năng mang theo và điều kiện khai thác tại chỗ của những lực lượng này hạn chế.

Địch ĐBĐK chiến lược luôn có ưu thế về trinh sát, tác chiến điện tử; thường xuyên sử dụng các loại vũ khí công nghệ cao, UAV, UGV... nhằm phát hiện và đánh phá mạng đường vận tải, đội hình vận chuyển của ta. Vì vậy, XDCD phải có biện pháp bảo vệ trong quá trình VCBS, như: Lựa chọn thời điểm, cung đường vận chuyển hợp lý (trong giai đoạn địch ngừng đánh phá, hoặc khi hỏa lực địch chuyển làn); trường hợp cần VCBS gấp thì tận dụng lúc thời tiết xấu để vận chuyển; khi vận chuyển qua các trọng điểm, phải tìm đường nhánh, đường vòng tránh. Đồng thời, làm tốt công tác ngụy trang, nghi trang che giấu đội hình vận chuyển.

## IV. KẾT LUẬN

Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong tương lai (nếu xảy ra), công tác VCBS xăng dầu CDPC đánh địch ĐBĐK trong tác chiến PTCL trên chiến trường miền Bắc tiến hành trong điều kiện mới, khó khăn, phức tạp. Do vậy, ngành XDCD cần thực hiện đồng bộ, linh hoạt các giải pháp nêu trên nhằm bảo đảm đầy đủ, kịp thời xăng dầu cho các lực lượng tác chiến giành thắng lợi♦

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng Tham mưu (2018), *Tác chiến phòng thủ chiến lược trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Cục Xăng dầu (2022), *Phương tiện kỹ thuật, vật tư xăng dầu quân đội*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Học viện Quốc phòng (2021), *Nghệ thuật CDPC*, Nxb QĐND, Hà Nội.

# NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ CHO HỌC VIÊN ĐÀO TẠO CÁN BỘ HẬU CẦN - KỸ THUẬT Ở CÁC NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI HIỆN NAY

Đại tá, TS. PHÙNG THANH  
Học viện Chính trị

*Giảng dạy các môn lý luận chính trị (LLCT) góp phần truyền thụ tri thức lý luận, hoàn thiện phẩm chất, năng lực của người học. Do đó, phải luôn đổi mới chương trình, nội dung và phương pháp giảng dạy cho phù hợp. Bài viết đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy các môn LLCT cho học viên đào tạo cán bộ hậu cần - kỹ thuật (HC-KT) ở các nhà trường quân đội trong giai đoạn hiện nay.*

SINH thời, hiểu rõ tầm quan trọng của học tập lý luận, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: “Mỗi cán bộ, mỗi đảng viên phải học lý luận, phải đem lý luận áp dụng vào công việc thực tế. Phải chữa cái bệnh kém lý luận, khinh lý luận và lý luận suông”. Quán triệt quan điểm trên của Người, Đảng Cộng sản Việt Nam đã có nhiều chủ trương, giải pháp đầy mạnh công tác tuyên truyền, giảng dạy các môn LLCT trong hệ thống chính trị để cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân nắm vững những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng. Trong cái chung đó, việc giảng dạy các môn LLCT cho cán bộ đào tạo sĩ quan HC-KT ở các nhà trường quân đội đã được coi trọng đúng mức, khẳng định vị trí, vai trò của các môn LLCT, biểu hiện ở các nội dung sau:

Một là, giảng dạy các môn LLCT cho học viên đào tạo cán bộ HC-KT ở các nhà trường quân đội để đội ngũ học viên nhận thức ngày càng đầy đủ, sâu sắc hơn những nội dung cơ bản và giá trị to lớn của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh;

làm cho chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh thật sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của đời sống xã hội. Nội dung giảng dạy góp phần làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn, hoàn thiện hệ thống lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; tiếp tục khẳng định và cụ thể hóa những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng phù hợp với thực tiễn giáo dục, đào tạo của từng nhà trường trong kỷ nguyên mới.

Hai là, giảng dạy các môn LLCT cho học viên đào tạo cán bộ HC-KT ở các nhà trường quân đội góp phần giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng đối với quân đội. Quá trình tổ chức, lãnh đạo xây dựng quân đội, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn khẳng định vai trò lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt đối với quân đội, xem đó là nguyên tắc căn bản, là quy luật trong xây dựng quân đội kiểu mới của giai cấp công nhân, cũng là nhân tố tạo nên cội nguồn sức mạnh, quyết định đến quá trình xây dựng, chiến đấu, trưởng thành và chiến thắng của quân đội

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

trong suốt hơn 80 năm qua. Giảng dạy các môn LLCT cho học viên đào tạo cán bộ HC-KT ở nhà trường quân đội có vai trò quan trọng nhằm khẳng định, giữ vững sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội và sự nghiệp cung cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên mới của dân tộc.

Ba là, giảng dạy các môn LLCT cho học viên đào tạo cán bộ HC-KT ở các nhà trường quân đội góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Với chức năng nổi trội của mình, các môn LLCT góp phần tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, thực hiện "xây" đi đôi với "chống", góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của đảng; đồng thời, bổ sung, phát triển, làm phong phú thêm những nội dung mới, phù hợp với bối cảnh và điều kiện mới của đất nước. Mặt khác, thông qua tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, giảng dạy các môn LLCT cho học viên đào tạo cán bộ HC-KT ở các nhà trường quân đội trực tiếp bồi dưỡng cho đội ngũ học viên nhận diện và đấu tranh, ngăn chặn những âm mưu, thủ đoạn của những kẻ cơ hội chính trị, các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam trong bối cảnh mới.

Thực tiễn giảng dạy các môn LLCT cho học viên đào tạo cán bộ HC-KT ở các nhà trường quân đội thời gian qua đã có sự đổi mới theo hướng tích cực, chất lượng giảng dạy các môn LLCT đã không ngừng được nâng lên, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo. Các nhà trường đã xác định những yêu cầu và giải pháp phù hợp để nâng cao chất lượng giảng dạy các môn LLCT; phương pháp giảng dạy được đội ngũ giảng viên các nhà trường vận dụng khá phong phú, linh hoạt

theo từng đối tượng, mục tiêu đào tạo đối với từng môn học, bài học cụ thể, trên cơ sở kết hợp giữa phương pháp dạy học truyền thống với các phương pháp dạy học hiện đại. Quy trình giảng dạy đã được tiến hành theo một trình tự lôgic chặt chẽ, từ khâu chuẩn bị bài giảng, thực hành giảng, hướng dẫn xemina, trao đổi, thực hành, thực tập đến công tác tổ chức quản lý học tập. Tuy nhiên, giảng dạy các môn LLCT cho học viên đào tạo cán bộ HC-KT còn gặp phải những khó khăn nhất định, như: Việc vận dụng phương pháp dạy học theo hướng tích cực ở một số nhà trường còn chưa đồng đều; bài giảng của một số giảng viên chuẩn bị chưa sâu, thiếu sức thuyết phục trong giảng dạy, tính thực tiễn về công tác HCKT không cao; một số giảng viên được đào tạo cơ bản, song thiếu kiến thức thực tế về hoạt động bảo đảm HCKT ở đơn vị. Phương pháp giảng dạy còn dàn trải, nặng về nội dung lý luận... Điều đó đã ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy các môn LLCT cho học viên đào tạo cán bộ HC-KT ở các nhà trường quân đội hiện nay.

Trước ngưỡng cửa của kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc ta, công tác tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vừa là nhiệm vụ cơ bản lâu dài của cả hệ thống chính trị; song, cũng là yêu cầu tự thân nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy LLCT ở các nhà trường quân đội theo đúng tư tưởng Hồ Chí Minh: "Thực tiễn không có lý luận hướng dẫn thì thành thực tiễn mù quáng. Lý luận mà không liên hệ với thực tiễn là lý luận suông". Theo đó, để nâng cao chất lượng giảng dạy các môn LLCT trong kỷ nguyên mới của dân tộc, cần chú trọng thực hiện tốt các nội dung sau:

Thứ nhất, tiếp tục quán triệt, nâng cao nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng của

việc “Đổi mới căn bản chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục LLCT theo phương châm khoa học, thực tiễn, sáng tạo và hiện đại” theo quan điểm của Đảng gắn với những nhận thức mới về kỷ nguyên vươn minh của dân tộc. Những vấn đề liên quan đến đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục LLCT mà các văn kiện của Đảng đã chỉ ra là rất cần thiết đổi mới với mỗi nhà trường và đội ngũ giảng viên. Do đó, các nhà trường và đội ngũ giảng viên giảng dạy LLCT cần quán triệt và cụ thể hóa trong mọi mặt hoạt động giáo dục - đào tạo, trước tiên là trong nhận thức để thống nhất thực hiện. Việc quán triệt và thực hiện tốt những nội dung này phải đi cùng với quán triệt và thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Quân đội lần thứ XI; Nghị quyết 1657/NQ-QUTW, ngày 20/12/2022 của Quân ủy Trung ương về “Đổi mới công tác giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng Quân đội trong tình hình mới”; Chỉ thị số 23-CT/TW, ngày 09/02/2018 của Ban Bí thư về “Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới” và những nội dung lý luận và thực tiễn mới mà Đảng và đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm vừa đặt ra liên quan đến kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc.

*Thứ hai*, tiếp tục thực hiện tốt việc chuẩn hóa nội dung, chương trình các môn LLCT cho học viên đào tạo cán bộ HC-KT ở các nhà trường quân đội. Việc chuẩn hóa nội dung, chương trình giảng dạy các môn LLCT phải được biểu hiện ở trình độ học thuật, sự hiện đại, tính thực tiễn của nội dung, chương trình từng môn học, từng chuyên đề, bài giảng mà mục tiêu, yêu cầu của từng đối tượng đào tạo cụ thể đòi hỏi.

Việc chuẩn hóa nội dung, chương trình các môn LLCT ở từng cấp học, bậc học trong nhà trường quân đội vừa phải đảm bảo tính ổn định, vừa phải được thường xuyên cập nhật, bổ sung, hoàn thiện phù hợp với thực tiễn phát triển của tình hình thế giới, trong nước và yêu cầu của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, xây dựng quân đội trong tình hình mới. Đặc biệt, cần bổ sung những thành tố, nội hàm mới về kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn minh của dân tộc trong chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm và các văn kiện của Đảng, nhất là những vấn đề mới được trình bày trong văn kiện Đại hội XIV của Đảng sắp diễn ra.

*Thứ ba*, chú trọng bồi dưỡng kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn cho đội ngũ giảng viên LLCT để nâng cao tính thực tiễn trong các bài giảng. Các nhà trường quân đội cần thường xuyên bồi dưỡng kiến thức tổng hợp, kiến thức chuyên ngành và kinh nghiệm thực tiễn cho giảng viên LLCT, bao gồm cả kinh nghiệm thực tiễn xã hội, kinh nghiệm hoạt động quân sự, kinh nghiệm giảng dạy và kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ huy. Để thực hiện được các nội dung này, cần thông qua nhiều hình thức, biện pháp cụ thể như: Tập huấn giảng viên, sinh hoạt học thuật, thông tin khoa học, tăng cường cho giảng viên đi thực tế, dự nhiệm tại đơn vị theo đúng tinh thần Nghị quyết số 1657-NQ/QUTW của Quân ủy Trung ương: “Đổi mới và tăng cường chế độ luân phiên đi thực tế bằng nhiều hình thức theo hướng rút ngắn thời gian mỗi đợt, tăng số đợt và số lượng nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục đi thực tế tại đơn vị”.

*Thứ tư*, đổi mới phương pháp giảng dạy các môn LLCT cho học viên đào tạo cán bộ HC-KT theo hướng “khoa học, sáng tạo, hiện đại và gắn lý luận với thực tiễn”. Trong giảng dạy, giảng viên LLCT cần vận dụng

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

linh hoạt các hình thức, phương pháp giảng dạy các môn LLCT theo hướng giảm tối đa việc truyền thụ một chiều, cung cấp kiến thức có sẵn; cần tăng cường việc hướng dẫn, tổ chức cho người học chủ động học tập, nghiên cứu về những nội dung của bài học, tạo điều kiện cho người học rèn luyện phương pháp tự học, phát triển năng lực, tính chủ động, tự chủ của cá nhân. Việc sử dụng các phương pháp giảng dạy phải phù hợp, thiết thực với đối tượng, dung lượng bài giảng về lý luận và thực tiễn sao cho mỗi bài giảng phải có sự kết hợp được các phương pháp phù hợp tốt nhất cùng với các phương tiện dạy học khác làm cho bài giảng phong phú và thiết thực để khắc phục những hạn chế trong giáo dục LLCT mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra: “Học cốt để mà làm. Học mà không làm được, học mấy cũng vô ích. Vì vậy, huấn luyện phải thiết thực, sao cho những người đến học, học rồi, về địa phương họ có thể thực hành ngay”.

Thứ năm, phát huy vai trò đội ngũ giảng viên LLCT nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy. Để bài giảng LLCT phong phú, sinh động, nhuần nhuyễn giữa lý luận và thực tiễn, mỗi giảng viên cần luôn bám sát sự phát triển mới của thực tiễn thế giới, của đất nước trong kỷ nguyên phát triển mới và đặc điểm nhiệm vụ của nhà trường để bổ sung một cách thường xuyên vào bài giảng; phải cập nhật những vấn đề mang tính thời sự, cần thiết để làm cho bài giảng trở nên sinh động, có tính thuyết phục cao, không lạc hậu, đi sau so với thực tiễn. Đồng thời, mỗi giảng viên cần tập trung quán triệt sâu sắc quan điểm, chủ trương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo, nhất là quan điểm, chủ trương của Đảng về đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục lý luận Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong kỷ nguyên mới. Mặt khác, giảng viên LLCT

phải không ngừng rèn luyện sự tâm huyết, say mê, tận tụy với công việc, bởi chính từ sự say mê, tâm huyết, trách nhiệm mà giảng viên tự mình trau dồi, tích lũy kiến thức thực tiễn ở mọi nơi, mọi lúc và dưới mọi hình thức mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn: “Ở các cơ quan, mỗi ngày ít nhất phải học tập một tiếng đồng hồ. Những nơi vì hoàn cảnh kháng chiến đặc biệt, thời giờ dài hay ngắn, tùy theo điều kiện mà định. Những giờ học tập đều tính như những giờ làm việc. Khi cần nhắc cán bộ, phải xem kết quả học tập cũng như kết quả công tác khác mà định”.

Trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc đòi hỏi mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi nhà trường cả trong và ngoài quân đội cần đồng lòng, chung sức để góp sức đưa đất nước vươn mình trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Trong nhiệm vụ chung đó, nâng cao chất lượng giảng dạy các môn LLCT cho học viên đào tạo cán bộ HC-KT ở các nhà trường quân đội không chỉ là nhiệm vụ cấp bách trước mắt, mà còn là giải pháp quan trọng để nâng cao chất lượng đào tạo của mỗi nhà trường, góp phần xây dựng quân đội “tinh, gọn, mạnh”, tinh nhuệ về chính trị trong kỷ nguyên mới♦

### Tài liệu tham khảo

- Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I*, Nxb CTQG - Sự thật, Hà Nội.
- Quân ủy Trung ương (2022), *Nghị quyết số 1657-NQ/QUTW ngày 20/12/2022 “Về đổi mới công tác giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng Quân đội trong tình hình mới”*, Hà Nội.
- Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, Tập 5, 11*, Nxb CTQG, Hà Nội.

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ BẢO ĐẢM HẬU CẦN, KỸ THUẬT CỦA TRUNG ĐOÀN BỘ BINH TRONG RỜI KHỎI TRẬN ĐÁNH VẬN ĐỘNG TIẾN CÔNG Ở ĐỊA HÌNH RỪNG NÚI

Trung tá, CN. PHẠM ĐỨC THÀNH  
Học viên Cao học, Học viện Lực lượng

*Trong chiến đấu vận động tiến công (VĐTC) ở địa hình rừng núi, việc tổ chức cho trung đoàn rời khỏi trận đánh (RKTĐ) là vấn đề đặc biệt quan trọng, mang tính nghệ thuật cao nhằm bảo toàn lực lượng. Để trung đoàn RKTĐ thành công, cần tiến hành nhiều vấn đề; trong đó, bảo đảm hậu cần, kỹ thuật là vấn đề cần được quan tâm đúng mức.*

TRUNG đoàn bộ binh vận động tiến công (VĐTC) ở địa hình rừng núi, kết thúc chiến đấu RKTĐ là nhiệm vụ quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến việc bảo toàn lực lượng và khả năng duy trì sức chiến đấu của trung đoàn trong chiến tranh hiện đại. Mục đích RKTĐ nhằm đưa đơn vị ra khỏi khu vực đang trực tiếp tiếp xúc với địch, di chuyển về phía sau theo lệnh của cấp trên để bảo toàn lực lượng, củng cố trang bị, phương tiện tạo điều kiện cho các hoạt động chiến đấu tiếp theo. Bộ phận hậu cần, kỹ thuật (HCKT) của trung đoàn là một thành phần trong đội hình RKTĐ; đồng thời, là lực lượng trực tiếp bảo đảm HCKT cho trung đoàn chiến đấu rời khỏi trận đánh. Bài viết trao đổi một số vấn đề về bảo đảm HCKT trong RKTĐ của trung đoàn bộ binh VĐTC ở địa hình rừng núi.

Rời khỏi trận đánh, trung đoàn thực hiện nhiều nội dung, vừa tiến hành công tác tổ chức RKTĐ, vừa tiếp tục chiến đấu. Dù trong trường hợp thuận lợi hoặc khó khăn, đều có đặc điểm chung là: Sau một thời gian chiến đấu, sức khỏe bộ đội giảm sút, tư tưởng thường chủ quan, dao động; thương binh, tử sỹ nhiều, vật chất, trang bị bị tổn thất. Vì vậy, khi nhận nhiệm vụ rời

khỏi chiến đấu, HCKT trung đoàn phải căn cứ vào tình hình cụ thể để điều chỉnh, bổ sung kế hoạch, nhiệm vụ, hiệp đồng cho phù hợp với các tình huống này sinh và diễn biến thực tế, chú trọng hiệp đồng, phối hợp với HCKT cấp trên, hậu cần khu vực phòng thủ địa phương, tận dụng nhân lực, vật lực tại chỗ để bảo đảm cho trung đoàn RKTĐ nhanh chóng, bí mật, an toàn. Nhiệm vụ bảo đảm HCKT trong giai đoạn này là bảo đảm các mặt HCKT cho bộ phận chiến đấu ngăn chặn, nghi binh địch và bộ phận RKTĐ cùng với trung đoàn.

Thứ nhất, bộ phận HCKT bảo đảm cho bộ phận chiến đấu ngăn chặn, nghi binh địch. Thành phần lực lượng HCKT có thể sử dụng gồm: Đội pháo, trung đội vận tải bộ, tổ sửa chữa, 1 ÷ 2 nhân viên kho, có thể có một số trợ lý và lực lượng HCKT của địa phương (thường là lực lượng địa phương chi viện cho trung đoàn trong chiến đấu phòng ngự), do phó chủ nhiệm HCKT của trung đoàn chỉ huy. Nhiệm vụ của bộ phận này là điều chuyển, bổ sung vũ khí trang bị đạn dược cho các đơn vị chiến đấu ngăn chặn, nghi binh địch. Tổ chức tìm kiếm thu dung thương binh, tử sỹ; tiến hành cứu chữa, giải quyết thương binh theo phân cấp

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

và bàn giao cho quân y cấp trên hoặc gửi vào quân y địa phương.

Khu vực triển khai của bộ phận này thường là dựa vào các cơ sở kho trạm còn lại của trung đoàn hoặc tận dụng địa hình có lợi của địa hình như hang đá, rừng cây... Khu vực triển khai phải bao đảm bí mật, thuận tiện cho việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và có điều kiện phòng tránh, đánh trả quân địch tập kích hỏa lực bảo vệ an toàn cho thương binh, tử sĩ và lực lượng phương tiện vật chất HCKT.

*Thứ hai*, bộ phận HCKT rời khỏi trận đánh cùng với trung đoàn. Thành phần HCKT rời khỏi trận đánh cùng với trung đoàn là toàn bộ lực lượng HCKT còn lại như: Đại đội quân y, đại đội vận tải, tiểu đội sửa chữa... và lực lượng HCKT cấp trên phái thuộc (nếu có), do chủ nhiệm HC-KT chỉ huy. Nhiệm vụ của bộ phận này là tổ chức bao đảm HCKT cho các đơn vị, bao đảm cho xử trí tình huống địch sử dụng không quân, pháo binh, tên lửa đánh phá vào đội hình RKTĐ; địch đổ bộ đường không ngăn chặn; địch truy kích trong quá trình cơ động về khu vực bố trí sau chiến đấu. Tổ chức mang theo các loại vật chất HCKT thiết yếu về nơi qui định của trung đoàn. Đến khu vực bố trí sau chiến đấu, nhanh chóng chuẩn bị HCKT cho trung đoàn nhận nhiệm vụ mới.

Hậu cần kỹ thuật trung đoàn thường tiến hành các mặt bao đảm chính, như: Vận chuyển thương binh, tử sĩ; tổ chức bao đảm vật chất, sinh hoạt, vũ khí trang bị và công tác vận tải.

Về vận chuyển thương binh, tử sĩ: Ngoài lực lượng của trung đoàn, lực lượng của các đại đội, tiểu đoàn bộ binh, lực lượng của các binh chủng, cần phối hợp hiệp đồng chặt chẽ với lực lượng vũ trang trong khu vực phòng thủ ở địa bàn chiến đấu để giúp đỡ trung đoàn trong việc vận chuyển

thương binh, tử sĩ về phía sau. Vì vậy, HCKT phải nắm chắc số thương binh, tử sĩ hiện còn để tổ chức lực lượng vận chuyển theo đội hình rời khỏi chiến đấu của trung đoàn. Trường hợp lực lượng vận tải chuyển không hết, HCKT trung đoàn phải đề nghị chỉ huy trung đoàn sử dụng bộ đội, hiệp đồng với lực lượng của khu vực phòng thủ địa phương tham gia vận chuyển, không bỏ sót thương binh, tử sĩ. Thực tiễn trong trận VĐTC khu vực cầu Ka Ki của Trung đoàn bộ binh 24, ngày 11/02/1971 cho thấy, do lượng thương binh chuyển về nhiều nên chủ nhiệm hậu cần đã đề nghị trung đoàn trưởng tăng cường lực lượng; sau đó, trung đoàn điều thêm 30 đồng chí của Đại đội 14 và Đại đội 16 chuyển thương binh về quân y Sư đoàn 308 ở Tiên Bột. Đến trưa ngày 12, trung đoàn đã chuyển hết thương binh về tuyến sau an toàn.

Ngoài ra, cần phát huy khả năng tự cấp cứu và cấp cứu cho nhau của bộ đội và các đơn vị cứu chữa theo phân cấp, nhanh chóng đưa thương binh ra khỏi khu vực nguy hiểm và vận chuyển cơ động theo đội hình hoặc gửi cơ sở quân y gần nhất. Như trong trận VĐTC cầu Ka Ki, tỉ lệ thương binh tự băng bó hoặc băng bó lẫn nhau là 49 đồng chí, chiếm 80%, quân y đại đội cấp cứu 11 đồng chí, chiếm 20%.

Tại khu vực bố trí sau chiến đấu, tùy tình hình nhiệm vụ tiếp theo để triển khai lực lượng cứu chữa, điều trị, nuôi dưỡng thương binh, bệnh binh cho phù hợp.

Về bao đảm vật chất: Trên cơ sở nắm chắc lượng vật chất hiện còn ở các cấp, ý định rời khỏi trận đánh của trung đoàn trưởng, nhiệm vụ các đơn vị thuộc quyền, nhanh chóng điều chỉnh đạn, vật chất hậu cần, vật tư kỹ thuật để các đơn vị tiếp tục chiến đấu, cung cấp đủ yêu cầu chiến đấu; đồng thời, tận dụng khả năng mang theo của bộ đội ra khu vực quy định. Trường

hợp khói lượng vật chất, đạn quá khả năng mang theo của đơn vị, có thể bàn giao cho khu vực phòng thủ địa phương, đơn vị tiếp tục chiến đấu hoặc tổ chức cất giấu không để địch thu chiến lợi phẩm.

Trong bảo đảm sinh hoạt: Khi rời khỏi trận đánh, cần tập trung đảm bảo cho bộ đội đủ lương khô và nước uống; ưu tiên bảo đảm cho bộ phận chiến đấu ngăn chặn, nghi binh và bộ phận phái đi trước.

Trong bảo đảm vũ khí trang bị: Trung đoàn bộ binh tổ chức điều chuyển vũ khí, trang bị, đạn dược cho bộ phận chiến đấu ngăn chặn, nghi binh để tiếp tục chiến đấu. Như trong trận VĐTC cầu Ka Ki, Trung đoàn bộ binh 24 đã tổ chức dự trữ đủ đạn dược theo nhu cầu nên trong quá trình chiến đấu không phải bổ sung cho các bộ phận. Tổ chức thu gom vũ khí trang bị hư hỏng, thu được của địch chuyển về nơi quy định. Tích cực sửa chữa, cứu kéo các loại vũ khí trang bị hư hỏng, nhanh chóng cơ động cùng đội hình rời khỏi chiến đấu của trung đoàn, kiên quyết không để vũ khí trang bị rơi vào tay quân địch.

Về công tác vận tải: Lực lượng tham gia công tác vận tải bao gồm lực lượng vận tải trung đoàn, lực lượng vận tải huy động tại địa phương và bộ đội tham gia vận chuyển. Ưu tiên vận chuyển hết số thương binh, bệnh binh và tử sỹ hiện còn ở trung đoàn. Phần đấu vận chuyển hết số vật chất hậu cần, đạn còn lại về khu vực bố trí sau chiến đấu.

Ngoài các mặt bảo đảm nêu trên, HCKT trung đoàn cần sẵn sàng bảo đảm cho xử trí tình huống địch sử dụng không quân, pháo binh, tên lửa đánh phá đội hình RKTĐ; địch đỗ bộ đường không để ngăn chặn trung đoàn; địch truy kích đường bộ trong quá trình trung đoàn cơ động về khu vực bố trí sau chiến đấu.

Lý luận bảo đảm HCKT trung đoàn bộ binh RKTĐ được hình thành từ thực tiễn chiến đấu của Quân đội ta. Sự phát triển về lý luận trên cơ sở quán triệt đường lối, quan điểm của Đảng, tư tưởng quân sự của Chủ tịch Hồ Chí Minh; phù hợp với đối tượng tác chiến, tổ chức trang bị của ta và trình độ tư duy khoa học trong điều kiện tác chiến mới. Khi chiến tranh bảo vệ Tổ quốc xảy ra, đó sẽ là cuộc chiến tranh hiện đại, địch sử dụng vũ khí, phương tiện công nghệ cao, tác chiến điện tử, tác chiến không gian mạng rộng rãi. Vì vậy, bảo đảm HCKT cho trung đoàn bộ binh RKTĐ sẽ gặp nhiều khó khăn. Do đó, HCKT cần tiếp tục nghiên cứu, cập nhật để kịp thời bổ sung, bảo đảm ngày càng hoàn thiện hơn. Đồng thời, tiếp tục bồi dưỡng, huấn luyện cho HCKT trung đoàn về công tác bảo đảm khi RKTĐ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; vừa bí mật tổ chức lực lượng nhanh chóng rời khỏi chiến đấu, vừa thực hiện tốt các mặt bảo đảm, sẵn sàng bảo đảm cho các lực lượng đánh bại các thủ đoạn truy kích, đỗ bộ đường không chặn đầu của địch, cơ động về khu vực bố trí sau chiến đấu an toàn, bổ sung lực lượng, phương tiện, cơ sở vật chất sẵn sàng nhận nhiệm vụ tiếp theo♦

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Quốc phòng (2018), *Điều lệnh công tác HCKT*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Tổng Tham mưu (2015), *Trung đoàn bộ binh VĐTC ở địa hình rừng núi*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Bộ Tổng Tham mưu (2015), *Bảo đảm hậu cần trung đoàn bộ binh VĐTC ở địa hình rừng núi*, Nxb QĐND, Hà Nội.
4. Bộ Tổng Tham mưu (2015), *Bảo đảm kỹ thuật trung đoàn bộ binh VĐTC ở địa hình rừng núi*, Nxb QĐND, Hà Nội.

# MỘT SỐ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ĂN UỐNG SƯ ĐOÀN BỘ BINH PHÒNG NGỤ ĐÔ THỊ Ở ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ TRONG TÁC CHIẾN PHÒNG THỦ QUÂN KHU

Trung tá, ThS. LÊ QUANG VINH  
Nghiên cứu sinh, Học viện Hậu cần

**ABSTRACT:** *Food and drink provision is an essential aspect of military logistical support, playing a crucial role and directly affecting the health and combat readiness of troops, especially during prolonged defensive operations. This article proposes several solutions to food and drink provision for infantry divisions engaged in urban defenses in the Red River Delta in military region defensive operations.*

## I. TÓM TẮT

Bảo đảm ăn uống (BĐAU) là một mặt của bảo đảm quân nhu, có vị trí, vai trò quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe, sức chiến đấu của bộ đội, đặc biệt là trong chiến đấu phòng ngự dài ngày. Bài viết đề xuất một số giải pháp BĐAU sư đoàn bộ binh phòng ngự đô thị (PNĐT) ở đồng bằng Bắc Bộ (ĐBBB) trong tác chiến phòng thủ quân khu (PTQK).

## II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong tác chiến PTQK ở ĐBBB, sư đoàn bộ binh được giao nhiệm vụ phòng ngự ở các địa bàn đô thị quan trọng, có giá trị theo kế hoạch phòng thủ thống nhất của quân khu, nhằm đánh bại ý định tiến công của địch, giữ vững khu vực đô thị được giao, tạo điều kiện cho các hoạt động tác chiến của quân khu. Để trận đánh giành thắng lợi, phải thực hiện tốt các mặt bảo đảm, trong đó có BĐAU. Trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trước đây, nhiều sư đoàn phòng ngự dài ngày ở địa hình đô thị như: fBB325 phòng ngự thị xã Quảng Trị (8/1972÷1/1973), fBB304 phòng ngự quận lỵ Thượng Đức (8/1974÷ 12/1974), fBB3 phòng ngự thị xã Lạng Sơn (17/2÷2/3/1979) để lại nhiều kinh nghiệm quý về BĐAU, có thể vận dụng kế thừa và phát triển. Chiến

tranh BVTQ (nếu xảy ra), BĐAU sư đoàn bộ binh PNĐT ở ĐBBB trong tác chiến PTQK tiến hành trong điều kiện địch, ta, địa bàn chiến đấu có nhiều thay đổi, phát triển. Do đó, BĐAU cho sư đoàn chiến đấu, cần được nghiên cứu, đề xuất các giải pháp phù hợp.

## III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Đối tượng chiến đấu trực tiếp của sư đoàn bộ binh PNĐT ở ĐBBB trong tác chiến PTQK là fBB(BBCG) địch sử dụng vũ khí công nghệ cao (CNC), có thể sử dụng vũ khí hóa học và sinh học. Tiến công vào đô thị ĐBBB, dự kiến địch sẽ tăng cường tiến công hỏa lực, nhằm tạo ưu thế ngay từ đầu; vận dụng nhiều thủ đoạn chiến đấu, kết hợp tiến công trên chính diện với đổ bộ đường không, vu hồi chia cắt các lực lượng chiến đấu của ta; đột phá nhanh, mạnh theo các trục đường, nhanh chóng đánh chiếm mục tiêu chủ yếu trong nội đô. Chiến đấu diễn ra hết sức ác liệt, gây cho ta nhiều tổn thất; việc nấu ăn và tiếp tế cơm nước sẽ gặp nhiều khó khăn, bất lợi.

Sư đoàn phòng ngự ở các địa bàn đô thị quan trọng trên hướng, khu vực phòng thủ chủ yếu của quân khu, tổ chức đội hình chiến đấu thành nhiều lực lượng, mỗi lực lượng có yêu cầu chiến thuật, cách đánh

khác nhau, bố trí trên phạm vi rộng. Do vậy, BĐAU cho sư đoàn chiến đấu phải bảo đảm cho nhiều lực lượng với yêu cầu bảo đảm khác nhau trong điều kiện chiến đấu ác liệt, dài ngày, nhiều tình huống phức tạp. Tuy nhiên, sư đoàn chiến đấu trong thế trận KVPT ở địa bàn đô thị ĐBBBB nên được hậu cần - kỹ thuật KVPT chi viện, giúp đỡ; có điều kiện thuận lợi trong khai thác các vật chất phục vụ ăn uống và tận dụng các công trình đô thị để BĐAU cho bộ đội. Để BĐAU kịp thời, đầy đủ cho các lực lượng, duy trì sức khỏe, sức chiến đấu dày ngày của bộ đội, cần tập trung thực hiện tốt một số giải pháp sau đây:

Một là, chủ động bảo đảm nguồn nước cho ăn uống; tích cực khai thác LTTP ở hậu cần-kỹ thuật KVPT. Bảo đảm nguồn nước phục vụ ăn uống ở các bếp là vấn đề rất quan trọng. Khi bước vào chiến đấu, nguồn nước từ các nhà máy phục vụ sinh hoạt ở đô thị có thể đã bị đánh phá; nguồn nước mặt có thể đã bị ô nhiễm do địch gây ra. Vì vậy, ngay từ thời bình, theo các phương án đã xác định, cần nắm chắc tình hình, khả năng khai thác nguồn nước, tập trung vào các nguồn nước ngầm, bể ngầm của các trung tâm thương mại, nhà chung cư, bể ngầm trữ nước của nhà dân... Khi nhận nhiệm vụ chiến đấu, chỉ đạo các đơn vị tích cực trinh sát, nắm chắc nguồn nước trong khu vực bố trí bếp ăn, trường hợp nguồn nước trên địa bàn khó khăn, quân nhu các đơn vị hiệp đồng với các lực lượng doanh trại, vận tải..., để kịp thời vận chuyển, bổ sung nguồn nước cho các bếp. Tại các bếp, tổ chức dự trữ bằng các dụng cụ chứa đựng như bể mềm cao su, can nhựa..., triệt để tận dụng các dụng cụ có trong nhà dân để dự trữ nước như các bể, tách, thùng, chậu...; khi dự trữ nước, cần bố trí nơi kín đáo, ngụy trang bí mật, an toàn.

Chiến đấu phòng ngự ở đô thị ĐBBBB trong thế trận tác chiến PTQK, sư đoàn luôn được sự chi viện bảo đảm của hậu cần - kỹ thuật KVPT tỉnh, thành phố. Mặt khác, đô thị ĐBBBB có sự phát triển kinh tế năng động, nhiều nhà máy, xí nghiệp; sản lượng trồng trọt và chăn nuôi ngày càng tăng. Khi chiến tranh xảy ra, quy mô sản xuất, trồng trọt, chăn nuôi của Nhân dân có nhiều thay đổi, thu hẹp so với trước đây; song, phần lớn vẫn duy trì hoạt động sản xuất, nhất là trong căn cứ hậu phương, Nhân dân các vùng ven đô... để bảo đảm cho tác chiến KVPT, đây là điều kiện thuận lợi, sư đoàn có thể liên hệ, hiệp đồng khai thác các loại LTTP, nhất là thực phẩm tươi, sống (thịt cá, rau xanh), thực phẩm chế biến sẵn (cá hộp, thịt hộp, rau, củ đóng hộp...) giúp chủ động nguồn bảo đảm LTTP, cải thiện bữa ăn bộ đội trong chiến đấu. Thực tiễn trong chiến tranh, các fBB325, fBB304 chiến đấu phòng ngự Quảng Trị, Thượng Đức đã tích cực trong khai thác các loại thực phẩm tươi, như thịt lợn, thịt bò, gà, vịt, rau xanh..., ở các vùng giải phóng phía sau để bảo đảm. Thực hiện nội dung này, ngay từ thời bình, cần thường xuyên liên hệ, nắm chắc khả năng khai thác LTTP của các địa phương xung quanh khu vực đô thị theo các phương án chiến đấu để xây dựng kế hoạch khai thác các loại vật chất nói chung, các loại LTTP nói riêng. Khi có tác chiến xảy ra, căn cứ vào chỉ lệnh, hướng dẫn của cấp trên, kịp thời tham mưu với người chỉ huy về chủng loại, số lượng, cách thức tiến hành khai thác các loại vật chất cụ thể. Quá trình khai thác, tiếp nhận phải bảo đảm tuyệt đối an toàn, bí mật, kiểm tra chặt chẽ khi tiếp nhận.

Hai là, kết hợp sử dụng các loại thực phẩm tươi, sống với chế biến sẵn, khẩu phần ăn chiến đấu hoặc lương khô để bảo đảm trong các giai đoạn. Trong BĐAU, nấu

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

ăn và cung cấp các loại thực phẩm tươi, sống là tốt nhất, giúp bộ đội ăn ngon, bồi dưỡng sức khỏe. Tuy nhiên, trong chiến đấu, địch luôn tăng cường hoạt động trinh sát, đánh phá; đường vận chuyển, tiếp tế có thể bị gián đoạn, lực lượng chiến đấu có thể bị bao vây, chia cắt; việc nấu ăn và tiếp tế cơm nước cho bộ đội, cũng như bảo đảm các loại thực phẩm tươi, sống là hết sức khó khăn, phức tạp. Hiện nay, quân đội ta và trên thị trường đã sản xuất nhiều loại thực phẩm chế biến sẵn, chất lượng tương đối tốt, sử dụng thuận tiện, thời gian bảo quản dài như: Thịt hộp, cá hộp, xúc xích ăn liền, ruốc thịt, cá các loại, rau quả đóng hộp, rau quả chế biến cùng thịt, rau quả sấy khô... Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm, thực phẩm chế biến sẵn cũng có hạn chế nhất định, như một số chất dinh dưỡng bị hao hụt khi chế biến, nhất là các loại vitamin; mức độ tiêu hóa, hấp thu của cơ thể kém hơn so với sử dụng thức ăn nóng, chế biến từ thực phẩm tươi; không giữ được hương vị thơm ngon của thực phẩm, nên ít hấp dẫn người ăn. Về khâu phần ăn chiến đấu (KPA) và lương khô, hiện nay quân đội ta đã nghiên cứu và sản xuất nhiều loại KPA chế biến sẵn, lương khô phù hợp với đặc điểm của từng lực lượng, quân, binh chủng; sử dụng tiện lợi, đầy đủ chất dinh dưỡng; các loại lương khô có giá trị dinh dưỡng ngày càng cao. Tuy nhiên, do tập quán ăn uống và thức ăn trong các KPA, lương khô ở dạng nguội ảnh hưởng đến tâm lý ăn uống, khả năng tiêu hoá, hấp thu hạn chế. Vì vậy, để bảo đảm và cải thiện bữa ăn, giữ vững sức khỏe bộ đội trong chiến đấu ác liệt cần kết hợp sử dụng thực phẩm tươi sống với các loại thực phẩm chế biến sẵn, KPA hoặc lương khô nhất là trong các điều kiện khó khăn.

Thực hiện giải pháp này, cụ thể trong các giai đoạn chiến đấu như sau: Giai đoạn

chuẩn bị và sau chiến đấu, có điều kiện khai thác LTTP, các đơn vị cố gắng sử dụng thực phẩm tươi, sống, rau xanh để nấu ăn nóng, bồi dưỡng sức khỏe bộ đội. Giai đoạn thực hành chiến đấu, khi điều kiện cho phép, sử dụng thực phẩm tươi, kết hợp với một phần sản phẩm chế biến sẵn, bảo đảm 2 bữa chính nóng cho bộ đội; thời điểm quá khó khăn, các bếp sử dụng sản phẩm chế biến sẵn, như thịt hộp, cá, với rau củ đóng hộp, hoặc sấy khô để chế biến, nấu ăn cho bộ đội; bữa phụ trưa, có thể sử dụng cơm nắm, thịt hộp, cá hộp, ruốc thịt cá..., để bộ đội sử dụng; khi có điều kiện, có thể tận dụng các dụng cụ trong các nhà dân, tự gia nhiệt, làm nóng các sản phẩm, tăng hương vị khi sử dụng. Trường hợp chiến đấu quá ác liệt, không thể triển khai bếp nấu ăn, hoặc không thể tiếp tế cơm nước được, các đơn vị cho bộ đội sử dụng KPA hoặc lương khô, khi có điều kiện cần tổ chức nấu ăn và tiếp tế cơm nước ngay cho bộ đội. Đồng thời, cần cứ vào tình hình cụ thể, các bếp ăn lợi dụng thế che đở, che khuất của công trình đô thị tích cực chế biến các sản phẩm ăn uống có quy trình chế biến đơn giản, thời gian chế biến ngắn như: Muối chua các loại rau, củ, ngâm ủ giá đỗ, sản xuất đậu phụ, chế biến các loại ruốc thịt, muối vừng, lạc..., để cải thiện bữa ăn bộ đội, kéo dài thời gian bảo quản và cung cấp một phần thực phẩm trong chiến đấu. Thực tế, trong chiến tranh, các fBB325, fBB304 phòng ngự Quảng Trị, Thượng Đức, một số bếp ăn đã chủ động ngâm ủ giá đỗ, chế biến đậu phụ..., do vậy bữa ăn của bộ đội luôn được cải thiện.

Ba là, triệt để tận dụng các công trình đô thị, kết hợp với giàn cẩu, ngụy trang, nghi trang để bố trí và bảo vệ khu vực bếp. Trong chiến đấu, các công trình hậu cần-kỹ thuật, trong đó có vị trí triển khai bếp ăn luôn là mục tiêu địch tăng cường trinh sát phát hiện,

đánh phá; mặt khác, chiến đấu ở địa hình đô thị thời gian chuẩn bị ngắn; tuy nhiên các đơn vị có điều kiện lợi dụng công trình sẵn có như: Các công trình ngầm, tầng hầm, gara, tầng 1 các tòa chung cư,... Vì vậy, các đơn vị cần triệt để tận dụng thế che đỡ, che khuất của các công trình này để bố trí bếp nhằm giảm thời gian, công sức đào bếp, triển khai bếp được nhanh chóng, bảo đảm an toàn. Thực tế, các lực lượng chiến đấu của eBB95/325 khi chiến đấu trong Thành cổ Quảng Trị đã tận dụng các căn nhà để cải tạo và bố trí bếp nấu ăn kết hợp với sử dụng các vật liệu công trình để ngụy trang bếp bảo đảm an toàn, hạn chế tốt trinh sát của địch phát hiện.

Khi tận dụng các công trình đô thị để bố trí bếp, nhất thiết phải có nhiều cửa thoát, phòng khi công trình bị sập, đổ do bom đạn. Các cửa thoát, phải bảo đảm vững chắc và nối với hệ thống giao thông hào có lớp nóc bảo vệ, độ dài giao thông hào, phải ra ngoài phạm vi có khả năng bị vùi lấp bởi vật liệu công trình, theo nghiên cứu ít nhất phải bằng 2/3 chiều cao của tòa nhà nơi bố trí; có thể tiến hành đục tường giữa các tòa nhà để làm cửa thoát, liên kết với hệ thống giao thông hào. Để tăng độ kiên cố của các công trình, có thể chống thêm các cột trụ; các cửa sổ, tường bao quanh có thể gia cố thêm bao cát, hoặc vật liệu khác để tăng tính kiên cố.

Bên cạnh việc tận dụng, gia cố các công trình đô thị để bố trí bếp, cần tăng cường các biện pháp ngụy trang, nghi trang để bảo vệ vị trí bếp ăn. Sử dụng các vật liệu công trình như tường nhà đổ, mái tôn, cửa nhà..., để che phủ khu vực triển khai bếp, làm cho khu vực có phông nền giống với địa hình xung quanh khi đã bị đánh phá. Triển khai khu vực bố trí bếp ăn giả, nhằm đánh lạc hướng, gây khó khăn cho địch trong việc phán đoán, xác định vị trí chính xác, thu hút

bom đạn của địch vào các mục tiêu giả để bảo vệ khu vực bố trí bếp ăn. Các mục tiêu giả phải có diện tích triển khai giống như thật, phải cách xa vị trí bố trí thật, có thể sử dụng các mìn khói, hoặc sử dụng các nguồn nhiệt giả như đốt củi, đốt than..., để thu hút bom đạn địch. Để thực hiện tốt việc ngụy trang, nghi trang, các đơn vị cần nắm chắc quy luật trinh sát, đánh phá của địch; nắm chắc địa hình đô thị nơi bố trí bếp; chuẩn bị đầy đủ các loại vật liệu ngụy trang phù hợp; hiệp đồng chặt chẽ với các lực lượng khác, nhất là dân quân, tự vệ, các tổ chức quần chúng và nhân dân trong hỗ trợ triển khai các vị trí bếp ăn giả, cũng như gia cố công trình và ngụy trang bếp ăn.

### IV. KẾT LUẬN

Để BĐAU tốt cho các lực lượng của sư đoàn bộ binh PNĐT ở Đ BBBB trong tác chiến PTQK, giữ vững sức chiến đấu dài ngày của bộ đội, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp nêu trên. Tuy nhiên, trong chiến tranh BVTQ, các yếu tố về địch, ta, địa hình, khí hậu đô thị Đ BBBB..., có nhiều thay đổi, phát triển. Do đó, cần tiếp tục nghiên cứu và vận dụng linh hoạt các giải pháp phù hợp với điều kiện cụ thể khi tác chiến xảy ra♦

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng Tham mưu (2011), *Bảo đảm hậu cần sư đoàn bộ binh phòng ngự đô thị*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Quân đoàn 2 (1998), *Tổng kết hoạt động tác chiến của Sư đoàn 304 ở khu vực Thượng Đức - Vùng B Đại Lộc*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Sư đoàn bộ binh 325 (2004), *Tổng kết công tác hậu cần bảo đảm cho sư đoàn chiến đấu phòng ngự*, Bắc Giang.

# MỘT SỐ GIẢI PHÁP BẢO VỆ HẬU CẦN - KỸ THUẬT SƯ ĐOÀN BỘ BINH ĐÁNH ĐỊCH ỦNG CỨU GIẢI TỎA ĐƯỜNG BỘ TRONG CHIẾN DỊCH TIẾN CÔNG

Thượng tá, TS. NGUYỄN ĐỨC HIỆU  
Khoa Chỉ huy Hậu cần, Học viện Hậu cần

*ABSTRACT: Protecting logistical and technical support is a critical component of combat logistics, aiming to minimize casualties, losses of personnel, equipment, and materials, thereby maintaining the unit's sustained support capabilities to win victory. Based on theoretical and practical research, this article proposes several solutions for protecting logistical and technical support for an infantry division in offensive operations against enemy forces conducting ground relief and rescue missions in offensive operations.*

## I. TÓM TẮT

Bảo vệ hậu cần - kỹ thuật (HC-KT) là nội dung quan trọng của tổ chức HC-KT chiến đấu, nhằm hạn chế thương vong, tổn thất lực lượng, phương tiện, vật chất, duy trì khả năng bảo đảm liên tục cho đơn vị chiến đấu thắng lợi. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn; bài viết đề xuất một số giải pháp bảo vệ HC-KT sư đoàn bộ binh đánh địch ứng cứu giải tỏa (UCGT) đường bộ trong chiến dịch tiến công (CDTC).

## II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sư đoàn bộ binh được phối thuộc lực lượng, phương tiện, đảm nhiệm trận then chốt đánh địch UCGT đường bộ trong CDTC có nhiệm vụ sát thương, tiêu hao sinh lực và phương tiện chiến đấu, làm thất bại mục đích cơ động của địch; tạo điều kiện cho chiến dịch và lực lượng vũ trang địa phương phát triển. Để hạn chế thương vong, tổn thất, duy trì khả năng bảo đảm liên tục mọi mặt HCKT cho sư đoàn chiến đấu thắng lợi, phải thực hiện đồng bộ nhiều nội dung; trong đó, bảo vệ HC-KT có vai trò rất quan trọng.

Thực tiễn trong chiến tranh giải phóng và các cuộc chiến tranh gần đây, cho thấy: Khả năng trinh sát, tỉ lệ sử dụng vũ khí công nghệ cao, nhất là thiết bị không người lái ngày càng lớn; chiến trường không còn phân biệt tiền tuyến, hậu phương, đêm, ngày; các loại hình và thủ đoạn tác chiến ngày càng đa dạng... Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tương lai (nếu xảy ra), tính ác liệt, cơ động, biến động của các trận đánh ngày càng mạnh hơn. Vì vậy, bảo vệ HC-KT sư đoàn bộ binh đánh địch UCGT đường bộ trong CDTC sẽ gặp nhiều khó khăn, cần có biện pháp phù hợp.

## III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Đối tượng chiến đấu của sư đoàn bộ binh đánh địch UCGT đường bộ là lữ đoàn bộ binh cơ giới địch, kết hợp với lực lượng phản động, bạo loạn; quá trình cơ động được hoả lực pháo binh, không quân, tên lửa, trực thăng vũ trang chi viện. Với ưu thế về hỏa lực, khả năng cơ động và tác chiến điện tử, địch sẽ tập trung đánh phá ác liệt vào các mục tiêu như: Lực lượng, phương tiện, kho, trạm HCKT, đường vận tải...

Về ta, sư đoàn bộ binh tổ chức thành nhiều lực lượng chiến đấu, theo nhiều phương án, ở các khu vực diệt địch khác nhau, trên phạm vi rộng; cơ động, chiến đấu ngoài công sự, địa hình tương đối trống trải. Do đó, phạm vi bảo đảm rộng, tính cơ động, biến động cao, nhiều tình huống ngoài dự kiến có thể xảy ra; lực lượng hậu cần, kỹ thuật (LLHC-KT) sư đoàn hoạt động trong tầm hỏa lực địch; nên việc lựa chọn khu vực bố trí, thực hành cơ động, triển khai, thực hành bảo đảm gặp rất nhiều khó khăn. Mặt khác, do trang bị của ta còn hạn chế, nên chưa đủ khả năng không chế hỏa lực địch, đối phó với trinh sát, tác chiến điện tử của địch, nhất là chống thiết bị không người lái, LLHC-KT sư đoàn dễ bị địch trinh sát, phát hiện, đánh phá, gây thương vong, tổn thất.

Vì vậy, để bảo vệ HC-KT hiệu quả, cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp sau:

Một là, chủ động chống trinh sát, phòng tránh, đánh trả địch tập kích hỏa lực pháo binh, không quân, UAV, UGV, hoặc bằng xung lực vào khu vực bố trí HCKT, mạng đường vận tải. Đây là giải pháp rất quan trọng để bảo vệ HC-KT; bởi, có chống trinh sát, phòng tránh, đánh trả tốt, mới bảo vệ an toàn được lực lượng, phương tiện, vật chất HCKT, duy trì khả năng bảo đảm. Thực tiễn trong kháng chiến chống Mỹ, các sư đoàn của ta đã vận dụng nhiều biện pháp để chủ động phòng tránh, đánh địch bảo vệ HC-KT, như: Dựa vào địa hình, điều kiện tự nhiên, tổ chức ngụy trang, giữ bí mật đường cơ động..., nhằm che giấu lực lượng, kho trạm, vật chất, phương tiện, hoạt động vận chuyển; tổ chức đánh địch... Tuy nhiên, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tương lai, HC-KT sư đoàn phải đối phó với hệ thống hỏa lực hiện đại, độ chính xác cao, nhất là máy bay không người lái..., nên vị trí chỉ huy, kho trạm HCKT dễ bị địch phát hiện, đánh phá. Để phòng tránh, đánh trả địch, phải thực

hiện đồng bộ nhiều biện pháp. Trước hết, cần giáo dục quán triệt cho các LLHC-KT phương châm: “Chủ động phòng tránh, kiên quyết đánh địch bảo vệ HC-KT”, trong đó lấy phòng tránh là chủ yếu. Tích cực phòng chống địch trình sát bằng các phương tiện trinh sát trên không, mặt đất (trinh sát nhiệt, trinh sát quang học, sử dụng UAV...), hoặc trinh sát bằng lực lượng biệt kích, thám báo. Hậu cần – kỹ thuật sư đoàn cần chủ động dự báo, phát hiện các thiết bị trinh sát địch sử dụng; cải tạo địa hình phù hợp để bố trí kho trạm; tổ chức ngụy trang, nghi trang cả thô sơ với hiện đại, phù hợp để tránh các thiết bị trinh sát của địch; làm tốt việc tuần tra, canh gác, phòng gian, bảo mật, kịp thời phát hiện các lực lượng biệt kích, thám báo, phản động trà trộn, xâm nhập, đánh phá vào khu vực bố trí HC-KT của sư đoàn. Triệt để tận dụng địa hình, để ngụy trang, che giấu kho trạm, lực lượng, vật chất, hoạt động vận chuyển. Kết hợp giữa tận dụng địa hình tự nhiên với lưới ngụy trang..., để chống trinh sát quang học, trinh sát radar, hồng ngoại.

Chủ động dự kiến các tình huống địch đánh phá cả ở khu vực bố trí kho, trạm và đường vận chuyển. Phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ với cơ quan tham mưu, lực lượng công binh, phòng không và các lực lượng khác để xây dựng phương án bảo vệ HC-KT, phòng chống máy bay, UAV, UGV, địch tập kích hỏa lực, phòng chống cháy nổ, lũ lụt..., duy trì thông tin liên lạc thông suốt.

Thực hiện nghiêm các chế độ trực ban, trực chiến, trực chỉ huy; duy trì nghiêm chế độ tuần tra, canh gác; chế độ phòng gian, bảo mật; quy định kí, tín, ám hiệu; quy định nguyên tắc làm việc, sinh hoạt trong các bộ phận HC-KT. Tổ chức lực lượng bảo vệ HC-KT (sẵn sàng chiến đấu, chống sập hầm), lấy lực lượng vận tải của sư đoàn làm nòng cốt. Phát huy khả năng của các loại vũ khí, trang bị có trong biên chế, các vật liệu sẵn

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

có; tích cực tiếp thu kinh nghiệm của các nước (nhất là Nga và Ukraina) trong các cuộc xung đột gần đây; đồng thời, chủ động đề nghị cấp trên đầy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và trang bị các loại vũ khí hiện đại để bảo vệ các lực lượng chiến đấu nói chung và bảo vệ HC-KT nói riêng.

*Hai là*, triệt để tận dụng địa hình có lợi (sườn đồi, yên ngựa, công trình kiên cố...) để khai thác, cải tạo, triển khai kho, trạm HCKT. Bố trí các thành phần LLHC-KT trong các bộ phận HC-KT bảo đảm phân tán, phù hợp để giảm mật độ lực lượng, phương tiện ở một khu vực nhất định, hạn chế khả năng phát hiện của địch, giảm tỉ lệ thương vong, tổn thất khi bị địch đánh phá. Triệt để tận dụng sườn đồi, công trình kiên cố sẵn có..., để bố trí HC-KT; bảo đảm giãn cách giữa các thành phần LLHC-KT, giữa các hầm, hào trong cùng một thành phần, phải lớn hơn khoảng cách an toàn tối thiểu theo bán kính sát thương của bom, pháo địch. Trên cơ sở hệ thống đường sá, sông suối, tổ chức mạng đường vận tải ngang, dọc rộng khắp, có đường chính thức, dự bị, vòng tránh... Dự kiến trước các tình huống có thể xảy ra trên đường và xác định các công sự ẩn nấp xung quanh các trục đường (nếu có); tổ chức vận chuyển chặt chẽ, linh hoạt. Ngoài phối hợp với các lực lượng của sư đoàn, HC-KT sư đoàn cần hiệp đồng chặt chẽ với các lực lượng trong khu vực phòng thủ, triển khai các phương án chiến đấu tại chỗ, trên đường vận chuyển để bảo vệ an toàn lực lượng, phương tiện, vật chất, thương binh.

Thực tiễn, hậu cần - kỹ thuật fBB7 đánh địch UCGT đường bộ ở Oát Thơ Mây, đã triệt để dựa vào địa hình có lợi để bố trí các thành phần kho, trạm HCKT; khai thác, cải tạo các trục đường săn có để tổ chức mạng đường vận tải rộng khắp, kết hợp chặt chẽ với lực lượng tại chỗ, nên đã bổ sung đầy

đủ, kịp thời vật chất, vận chuyển kịp thời thương binh, bảo vệ HC-KT an toàn.

Đồng thời, dựa vào điều kiện thời tiết, vật liệu tại chỗ (cây, cỏ...) và vật liệu nhân tạo (sơn ngụy trang, lưới ngụy trang, màn khói...) và các ứng dụng khoa học kỹ thuật, thực hiện tốt việc ngụy trang, nghi trang để che giấu giữ bí mật kho, trạm HCKT, hạn chế sự trinh sát, phát hiện của địch; kết hợp với sử dụng mô hình, kho, trạm giả... để lừa, thu hút hỏa lực của địch. Bên cạnh đó, HC-KT sư đoàn luôn bám sát diễn biến thời tiết, đặc điểm địa hình để chủ động phòng chống thiên tai, lũ lụt, hỏa hoạn..., bảo đảm an toàn lực lượng, phương tiện, vật chất, nhất là hệ thống kho, trạm HC-KT.

*Ba là*, tổ chức LLHC-KT linh hoạt, nâng cao khả năng cơ động của các LLHC-KT. Cơ động là một trong những yếu tố quan trọng để vừa bảo vệ HC-KT, vừa nâng cao khả năng bảo đảm trong điều kiện địch sử dụng vũ khí hiện đại, độ chính xác cao. Sư đoàn bộ binh đánh địch UCGT đường bộ tính cơ động, biến động cao; tổ chức linh hoạt, khả năng cơ động cao sẽ cho phép bố trí LLHC-KT phân tán, nhưng vẫn tập trung được khả năng bảo đảm ở những khu vực, thời cơ cần thiết. Theo đó, hạn chế được thương vong, tổn thất, nhưng vẫn có thể cơ động bám sát đơn vị chiến đấu.

Thực tiễn trong các cuộc chiến tranh, xung đột gần đây cho thấy, ngoài ngụy trang, nghi binh thì cơ động là yếu tố quyết định để bảo toàn lực lượng trước các đòn tiến công bằng vũ khí công nghệ cao, nhất là UAV tự sát của đối phương. Trận đánh địch UCGT đường bộ của Đại đoàn 308, lúc đầu, do ta tổ chức LLHC-KT chưa phù hợp, không có LLHC-KT dự bị nên khi chiến đấu phát triển, bảo đảm HCKT rất khó khăn, không theo kịp bộ đội, không kịp thời bổ sung vật chất, cứu chữa, chuyển thương. Trận đánh địch UCGT đường bộ ở khu vực

Oát Thơ Mây - Đầm Be của fBB7, lực lượng vận tải cũng kết hợp với hậu cần c20 để tổ chức các trạm tiếp chuyển thương binh, huy động dân công, ghe thuyền, xe cơ giới để chuyển thương.

Để tổ chức LLHC-KT linh hoạt, nâng cao khả năng cơ động của các LLHC-KT, hậu cần - kĩ thuật sư đoàn, cần nắm chắc nhiệm vụ, quyết tâm chiến đấu của sư đoàn trưởng; lập kế hoạch bảo đảm HCKT phù hợp, dự kiến nhiều phương án. Tính toán, xác định chính xác nhu cầu vận chuyển vật chất, chuyển thương trong các giai đoạn, ở các vị trí để cân đối với khả năng bảo đảm. Tổ chức đội hình vận chuyển nhỏ lẻ ( $2 \div 3$  phương tiện) với khoảng cách phù hợp để phòng tránh UAV, vừa vận chuyển, vừa phòng tránh, vừa sẵn sàng chiến đấu. Đồng thời, trên cơ sở dự kiến các tình huống có thể xảy ra, HC-KT sư đoàn xác định phương án tổ chức LLHC-KT dự bị, LLHC-KT cơ động phù hợp; tính toán nhu cầu vật chất cho các tình huống, tiếp nhận và sắp xếp lên các xe gọn gàng, sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ khi có lệnh; đặc biệt là thời điểm sư đoàn điều chỉnh đội hình chiến đấu hoặc sử dụng lực lượng dự bị binh chủng hợp thành bước vào chiến đấu. Nắm chắc diễn biến chiến đấu, quyết tâm xử trí của sư đoàn trưởng khi có tình huống ngoài dự kiến để sử dụng LLHC-KT dự bị, LLHC-KT cơ động đúng thời cơ.

Đồng thời, tham mưu cho lãnh đạo, chỉ huy sư đoàn các biện pháp nâng cao khả năng cơ động; từng bước ứng dụng các sáng kiến, cải tiến. Hậu cần – kỹ thuật sư đoàn phải nắm chắc nhiệm vụ, nhu cầu bảo đảm; sắp xếp, đóng gói vật chất gọn, nhẹ; tận dụng tối đa khả năng của xe cơ giới. Triệt để tận dụng phương tiện của cấp trên, của khu vực phòng thủ để cơ động lực lượng, phương tiện, vật chất, đáp ứng yêu cầu chiến đấu. Nâng cao trình độ tổ

chức, chỉ huy của cán bộ HCKT các cấp, kĩ năng nghiệp vụ; kĩ, chiến thuật của nhân viên, chiến sĩ, bảo đảm kịp thời, hiệu quả khi tình huống xảy ra. Đồng thời, chủ động nghiên cứu, cải tiến trang, thiết bị HCKT theo hướng nâng cao khả năng cơ động. Tham mưu cho lãnh đạo, chỉ huy các cấp tích cực ứng dụng các sáng kiến, cải tiến vào nhiệm vụ bảo đảm, từng bước đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đề ra, nâng cao hiệu quả bảo vệ HC-KT.

### IV. KẾT LUẬN

Bảo vệ HC-KT sư đoàn bộ binh đánh địch UCGT đường bộ trong CDTC có vai trò quan trọng, trực tiếp góp phần bảo đảm cho chiến đấu thắng lợi. Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tương lai (nếu xảy ra), điều kiện địch, ta, môi trường tác chiến có nhiều thay đổi, phát triển; tính cơ động, biến động của trận đánh cao hơn, đặt ra những khó khăn, thách thức lớn hơn đến bảo vệ HC-KT. Vì vậy, cần chủ động nghiên cứu các phương án bảo vệ HC-KT cho phù hợp với điều kiện mới; nhiệm vụ, cách đánh của sư đoàn; địa hình, thời tiết và các yếu tố khác có liên quan để duy trì bảo đảm mọi mặt HCKT cho sư đoàn chiến đấu thắng lợi♦

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng tham mưu (2019), *Bảo đảm hậu cần sư đoàn bộ binh tiến công địch cơ động*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Tổng tham mưu (2019), *Bảo đảm kỹ thuật sư đoàn bộ binh tiến công địch cơ động*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Bộ Tổng tham mưu (2019), *Sư đoàn bộ binh tiến công địch cơ động*, Nxb QĐND, Hà Nội.
4. Học viện Hậu cần (1993), *Bảo đảm hậu cần sư đoàn bộ binh tiến công trong kháng chiến chống Mỹ*, Tập 1, Nxb QĐND, Hà Nội..

# PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ HỌC VIÊN GÓP PHẦN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY HỌC THỰC HÀNH MÔN CÔNG TÁC ĐẢNG, CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ Ở HỌC VIỆN HẬU CẦN HIỆN NAY

Thượng tá, TS. ĐỖ ANH VINH  
Khoa CTĐ, CTCT, Học viện Hậu cần

*Phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ quản lý học viên (QLHV) đối với dạy học thực hành môn công tác đảng, công tác chính trị (CTĐ, CTCT) của học viên ở Học viện Hậu cần (HVHC) nhằm góp phần nâng cao phẩm chất, năng lực, phương pháp, tác phong công tác của người học đáp ứng nhiệm vụ bảo đảm hậu cần, kỹ thuật (HCKT) quân đội trong điều kiện mới; đồng thời, là hình mẫu cán bộ cho học viên học tập, noi theo.*

**H**ỌC thực hành môn CTĐ, CTCT của học viên ở HVHC có vai trò quan trọng nhằm hình thành, phát triển kỹ năng tiến hành các hoạt động CTĐ, CTCT, đảm bảo sự phát triển toàn diện về phẩm chất, năng lực, phương pháp tác phong công tác của sĩ quan HCKT cho học viên, đáp ứng chuẩn đầu ra và yêu cầu ngày càng cao của nhiệm vụ xây dựng quân đội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Để nâng cao chất lượng học thực hành CTĐ, CTCT của các đối tượng học viên ở HVHC hiện nay cần vận dụng tổng hợp nhiều biện pháp với nhiều tổ chức, nhiều lực lượng cùng tham gia; trong đó, phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ QLHV là biện pháp quan trọng.

Quán triệt, thực hiện quan điểm của Đảng ủy HVHC về đổi mới công tác giáo dục và đào tạo (GDĐT) theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa... và phương châm "Chất lượng đào tạo của nhà trường là khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị"; thời gian qua, cấp ủy, chỉ huy các cấp ở HVHC luôn quan tâm phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ QLHV trong nâng cao chất lượng GDĐT cũng như học thực hành CTĐ, CTCT. Độ ngũ cán bộ QLHV có vai trò to lớn trong việc

vận dụng các phương pháp dạy học tích cực, lấy người học làm trung tâm, ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin, kỹ thuật mô phỏng, mô hình trực quan, phim huấn luyện, kết hợp trang bị kiến thức với truyền thụ kinh nghiệm thực tiễn, kinh nghiệm chiến đấu trong dạy học thực hành môn CTĐ, CTCT nói riêng.

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, vẫn còn một số cán bộ đơn vị QLHV có nhận thức chưa sâu sắc về vai trò, tầm quan trọng của dạy học thực hành CTĐ, CTCT; chưa chủ động phối hợp với cơ quan chức năng, khoa CTĐ, CTCT tổ chức các hoạt động luyện tập ngoại khoá CTĐ, CTCT cho học viên; có thời điểm chưa thực sự sâu sát, chưa tạo điều kiện đúng mức về thời gian, không gian, vật chất để học viên tổ chức hoạt động CTĐ, CTCT...

Từ thực trạng trên, để phát huy vai trò đội ngũ cán bộ QLHV góp phần nâng cao chất lượng học thực hành CTĐ, CTCT, cần thực hiện tốt một số biện pháp sau:

*Một là, nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho đội ngũ cán bộ QLHV về vị trí, vai trò, nội dung, hình thức học thực hành CTĐ, CTCT của học viên. Theo đó, cần giáo*

dục nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ QLHV về đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng, chỉ thị của Đảng ủy, Ban Giám đốc Học viện và cơ quan chức năng các cấp, tập trung vào: Nghị quyết số 1657-NQ/QUTW, ngày 20/12/2022 của Quân ủy Trung ương về đổi mới công tác GDĐT đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng quân đội trong tình hình mới; Nghị quyết số 833-NQ/ĐU, ngày 22/3/2023 của Đảng ủy HVHC về đổi mới công tác GDĐT đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng Học viện trong tình hình mới; Nghị quyết số 1214-NQ/ĐU, ngày 29/12/2023 của Đảng ủy HVHC về xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ QLHV trong Học viện giai đoạn 2023 - 2030 và những năm tiếp theo... Từ đó, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của hoạt động CTĐ, CTCT và học thực hành CTĐ, CTCT; vị trí, vai trò, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ QLHV trong nâng cao chất lượng học thực hành CTĐ, CTCT của học viên ở HVHC.

Công tác giáo dục nâng cao nhận thức, trách nhiệm phải được tiến hành thường xuyên, bằng nhiều hình thức, phương pháp phong phú, đa dạng, như: Thông qua sinh hoạt của các tổ chức; qua giao ban, hội ý; thông qua việc giao nhiệm vụ trực tiếp của cấp trên; qua tổ chức các hội thao, hội thi; qua công tác tuyên truyền, cổ động; qua hoạt động thi đua thường xuyên ở đơn vị...

*Hai là*, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Giám đốc Học viện, kiểm tra, hướng dẫn của các cơ quan chức năng và cấp ủy, chỉ huy các cấp đối với cán bộ QLHV trong tổ chức học thực hành CTĐ, CTCT của học viên. Đảng ủy, Ban Giám đốc Học viện cần thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ nâng cao chất lượng dạy học thực hành CTĐ, CTCT của học viên; tích cực triển khai đổi mới nội dung chương trình, quy trình đào tạo cán bộ HCKT đáp ứng chuẩn đầu ra; lãnh đạo phát huy vai trò

của các tổ chức, lực lượng trong dạy học thực hành CTĐ, CTCT.

Phòng Đào tạo và Phòng Chính trị cần thực hiện tốt hoạt động kiểm tra, hướng dẫn hoạt động GDĐT và dạy học thực hành CTĐ, CTCT ở các đơn vị; khơi dậy, phát huy tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ QLHV trong tổ chức, duy trì, điều hành hoạt động học tập tại đơn vị; phát huy năng lực, sở trường, vận dụng sáng tạo nội dung, hình thức trong tổ chức học thực hành CTĐ, CTCT của học viên. Đồng thời, kiên quyết chấn chỉnh cán bộ QLHV chưa phát huy hết tinh thần trách nhiệm trong hướng dẫn, tổ chức học thực hành CTĐ, CTCT của học viên.

Cấp ủy, tổ chức đảng ở đơn vị QLHV căn cứ vào chỉ thị, nghị quyết của cấp trên và thực tiễn thực hiện nhiệm vụ để ra nghị quyết lãnh đạo đơn vị thực hiện tốt nền nếp CTĐ, CTCT, trong đó đặc biệt chú trọng việc phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ QLHV trong tổ chức học thực hành CTĐ, CTCT của học viên; cụ thể hóa bằng các chỉ tiêu cụ thể, chương trình hành động rõ ràng; coi đây là một nội dung trọng tâm, một nhiệm vụ chính trị xuyên suốt và cấp bách.

*Ba là*, có cơ chế gắn trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi của đội ngũ cán bộ QLHV vào nâng cao chất lượng GDĐT của Học viện nói chung và chất lượng học thực hành môn CTĐ, CTCT của học viên nói riêng. Lãnh đạo, chỉ huy các cấp phải “Thường xuyên quan tâm thực hiện có hiệu quả các chế độ, chính sách đối với cán bộ và hậu phương gia đình cán bộ theo đúng nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, Nhà nước”. Trong đó, cần phải có cơ chế gắn trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi của đội ngũ cán bộ QLHV trong nâng cao chất lượng học thực hành CTĐ, CTCT của học viên như thông qua số lượng, chất lượng tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hoạt động phương pháp sau bài giảng. Tổ chức

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

thường xuyên, bài bản và có hiệu quả các hoạt động hội thao, hội thi ở đơn vị..., lấy kết quả GDĐT, chất lượng rèn luyện của học viên để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ và xem xét đề nghị khen thưởng; bố trí vị trí công tác, học tập nâng cao trình độ với những cán bộ có tinh thần trách nhiệm tốt, kết quả học tập của đơn vị có thành tích cao.

Bốn là, cán bộ QLHV thường xuyên tổ chức tốt, phát huy hiệu quả các hoạt động ngoại khóa CTĐ, CTCT. Đội ngũ cán bộ QLHV thông qua nhiều hình thức, biện pháp, như: Tổ chức cho học viên học tập, ôn luyện nắm vững kiến thức cơ bản, cơ sở và chuyên ngành; giúp học viên giải đáp kịp thời những băn khoăn, vướng mắc, củng cố, mở rộng nâng cao kiến thức đã học; tổ chức trao đổi, mạn đàm học tập, thi tìm hiểu, kể chuyện, nói chuyện kinh nghiệm để học viên nắm bản chất kiến thức; tổ chức học tập chính trị, thông báo chính trị, nói chuyện thời sự, các hoạt động thi đua, tổ chức văn hóa văn nghệ, thể dục, thể thao, xây dựng môi trường văn hóa... giúp học viên không chỉ mở rộng, nâng cao kiến thức hiểu biết xã hội, mà còn biết cách vận dụng nội dung học thực hành CTĐ, CTCT vào tổ chức các hoạt động trong thực tiễn. Trên cơ sở tiến trình huấn luyện và thực tiễn đơn vị, đội ngũ cán bộ QLHV cần vận dụng thời gian tổ chức các hoạt động ngoại khóa CTĐ, CTCT cho phù hợp; đồng thời, thường xuyên phối hợp với Khoa CTĐ, CTCT trong hướng dẫn và đánh giá các hoạt động ngoại khóa CTĐ, CTCT của học viên.

Năm là, phối hợp chặt chẽ với Khoa CTĐ, CTCT, cơ quan chức năng và đơn vị QLHV trong hướng dẫn, tổ chức dạy học thực hành CTĐ, CTCT. Đối với Khoa CTĐ, CTCT, cán bộ QLHV cần chủ động nắm chắc về tiến trình huấn luyện môn CTĐ, CTCT của đơn vị để phối hợp chặt chẽ; từ đó xây dựng kế hoạch đề nghị bồi dưỡng,

hướng dẫn về nội dung, phương pháp tổ chức các hoạt động ngoại khóa, thực hành CTĐ, CTCT sau bài giảng nhằm hỗ trợ cho nội dung học thực hành. Phối hợp chặt chẽ với Khoa CTĐ, CTCT và các cơ quan "xây dựng học liệu, phát triển cơ sở dữ liệu bài giảng điện tử trên mạng truyền số liệu quân sự... phục vụ nghiên cứu, trao đổi, sử dụng. Từng bước đầu tư xây dựng các phòng phương pháp theo hướng số hóa, hiện đại hóa; xây dựng các phòng học, phòng thí nghiệm chuyên dụng, thư viện điện tử, thư viện số; ưu tiên đầu tư các trang thiết bị số phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học phù hợp với thực tiễn của Học viện".

Đối với Phòng Đào tạo, Phòng Chính trị, cán bộ QLHV cần nắm chắc các kế hoạch, hướng dẫn của các cơ quan; xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động sau bài giảng; từ đó báo cáo cơ quan nắm, theo dõi chỉ đạo, hướng dẫn, tạo điều kiện giúp đỡ cả về thời gian, không gian và điều kiện cơ sở vật chất phục vụ cho học thực hành CTĐ, CTCT của học viên.

Dạy học thực hành CTĐ, CTCT có vai trò to lớn góp phần phát triển, hoàn thiện nhân cách người sĩ quan HCKT. Do vậy, đội ngũ cán bộ QLHV cần phát huy tốt vai trò, trách nhiệm và tổ chức tốt các hoạt động CTĐ, CTCT tại đơn vị, bảo đảm lý luận luôn gắn liền với thực tiễn, đơn vị♦

### Tài liệu tham khảo:

- Đảng ủy Học viện Hậu cần (2023), *Nghị quyết số 833-NQ/ĐU về đổi mới công tác GDĐT đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng Học viện trong tình hình mới*, Hà Nội.
- Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, Tập 5*, Nxb CTQG - Sự thật, Hà Nội,

# TỔ CHỨC VẬN CHUYỂN THƯƠNG BINH, BỆNH BINH CHIẾN DỊCH PHÒNG NGỤ TRONG CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC

Đại tá, PGS.TS. NGUYỄN NGỌC SƠN

Trưởng phòng Khoa học quân sự, Học viện Hậu cần

**C**HIẾN dịch phòng ngụ (CDPN) trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc là một loại hình chiến dịch cơ bản của quân đội ta; có vai trò quan trọng, quyết định trong việc giữ vững các mục tiêu, khu vực địa bàn có giá trị chiến dịch, chiến lược. Các trận chiến đấu trên các hướng chiến dịch diễn ra rất ác liệt; thời gian tác chiến chiến dịch thường dài, trong điều kiện thời tiết, khí hậu có nhiều biến đổi... Do đó, số lượng thương binh, bệnh binh (TB,BB) nhiều, phân tán trên phạm vi rộng. Vì vậy, để cứu chữa, điều trị kịp thời, giảm tỷ lệ tử vong, tàn phế của TB,BB phải tiến hành nhiều nội dung, biện pháp; trong đó, tổ chức vận chuyển TB,BB là nội dung quan trọng.

Tổ chức vận chuyển TB,BB là việc sử dụng lực lượng, phương tiện tiếp nhận TB,BB từ nơi bị thương, bị bệnh về trạm quân y theo tuyến đảm nhiệm hoặc từ trạm quân y tuyến này (tuyến trước) đến trạm quân y tuyến khác (tuyến sau) bảo đảm nhanh chóng, kịp thời đúng thời gian, đúng chỉ định. Chiến dịch phòng ngụ diễn ra trong không gian rộng, địa hình phức tạp, trong thời gian dài, số lượng TB,BB lớn được vận chuyển thông qua nhiều tuyến khác nhau. Vì vậy, để đáp ứng yêu cầu ngành quân y, hoàn thành nhiệm vụ vận chuyển, hậu cần - kỹ thuật (HC-KT) từng cấp nói chung, HC-KT chiến dịch nói riêng phải xây dựng kế hoạch vận chuyển khoa học, tính toán cụ thể, phân công, phân cấp, hiệp đồng, phối hợp chặt chẽ.

Hậu cần - kỹ thuật CDPN là cơ quan trực tiếp tổ chức, chỉ huy các lực lượng vận tải cấp mình và chi viện, chỉ đạo cấp dưới

tiến hành việc vận chuyển TB,BB về các trạm quân y (tuyến quân y) theo phân cấp. Theo quy định của ngành y, tính từ khi bộ đội bị thương về đến các trạm quân y từng cấp càng sớm, càng tốt. Tuy nhiên, theo tính toán của ngành, thông thường TB,BB về đến trạm quân y tiểu đoàn khoảng 30-45 phút, trạm quân y trung đoàn từ 4-6 giờ, trạm quân y sư đoàn từ 8-12 giờ và về đến trạm quân y chiến dịch (tuyến cuối) khoảng 3-7 ngày sẽ đáp ứng được yêu cầu cứu chữa, điều trị. Để tổ chức cứu chữa, điều trị TB,BB được kịp thời, nhanh chóng, HC-KT chiến dịch và HC-KT các cấp phải thực hiện tốt việc tổ chức vận chuyển TB,BB ở từng cấp theo từng giai đoạn, bài báo tập trung làm rõ việc tổ chức vận chuyển TB,BB trong giai đoạn thực hành tác chiến, trên các nội dung cơ bản như sau:

*Thứ nhất, lựa chọn đường vận chuyển.* Đường vận chuyển là yếu tố quan trọng trong tổ chức vận chuyển TB,BB; đặc biệt trong việc lựa chọn và sử dụng các phương tiện cơ giới, có khả năng cơ động nhanh, vận chuyển được nhiều TB,BB cùng lúc. Chiến dịch phòng ngụ thường diễn ra trên địa bàn được dự kiến trước, tác chiến trong khu vực phòng thủ địa phương. Theo đó, HC-KT chiến dịch chủ yếu tận dụng hệ thống mạng đường có sẵn trong khu vực, gồm đường bộ (cơ giới, thô sơ), đường thủy (sông, suối) và có thể làm mới một số tuyến đường nối liền các căn cứ, phân căn cứ HC-KT đến đầu mối các đơn vị bảo đảm (bộ phận HC-KT) các sư đoàn, trung đoàn và đơn vị cùng tham gia chiến dịch. Hệ thống đường vận chuyển của chiến dịch

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

thường xác định gồm đường dọc, đường ngang, đường vòng tránh. Trên từng hướng, khu vực tác chiến phải xác định được 2 ÷ 3 đường, có đường chính thức, đường dự bị, có nơi ẩn nấp, phòng tránh địch đánh phá. Tùy theo điều kiện địa hình khi mở CDPN mà số lượng đường, chất lượng đường (tải trọng, độ bằng phẳng...) và bề rộng khác nhau. Vì vậy, HC-KT chiến dịch phải nắm chắc mạng đường có sẵn để tham mưu, đề xuất Bộ Tư lệnh chiến dịch về việc mở mới các tuyến đường vận chuyển trong giai đoạn chuẩn bị chiến dịch hoặc trong quá trình tác chiến chiến dịch để bảo đảm khả năng vận chuyển thông suốt không chỉ trong vận chuyển TB,BB mà còn vận chuyển, bổ sung vật chất, cơ động bộ đội, phương tiện bảo đảm an toàn, liên tục.

**Thứ hai**, lực lượng, phương tiện vận chuyển TB,BB. Đây là yếu tố quan trọng, tác động đến chất lượng trong việc vận chuyển TB,BB. Chiến dịch phòng ngự, HC-KT thường sử dụng lực lượng trong biên chế, huy động tại địa phương và cấp trên tăng cường (nếu có)... để tham gia vận chuyển là chủ yếu. Phương tiện vận chuyển bằng xe cơ giới (cơ giới vừa và nhỏ); trường hợp địa bàn chiến dịch có hệ thống mạng đường vận tải thuỷ thuận lợi, có thể sử dụng thuyền, ca nô, tàu loại nhỏ, các phương tiện vận tải thuỷ khác để vận chuyển TB,BB. Ở những địa hình phức tạp, đường cho xe cơ giới khó khăn có thể phải sử dụng phương tiện thô sơ sức người, lực lượng dân quân, vận tải bộ để vận chuyển. Thực tiễn trong CDPN Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng từ 21/5/1972 ÷ 15/11/1972, Hậu cần chiến dịch đã phát huy hết khả năng của lực lượng vận tải để vận chuyển bổ sung vật chất và vận chuyển TB,BB cho các đơn vị chiến đấu. Chiến dịch phòng ngự Quảng Trị từ 9/1972 ÷ 01/1973, chiến dịch tổ chức 4 cụm hậu cần chiến dịch, ở

mỗi cụm hậu cần có 1 ÷ 3 đại đội vận tải và lực lượng dân công, có 1 ÷ 2 xe chuyên thương chuyên dụng; ở các tiểu đoàn, trung đoàn, việc vận chuyển TB,BB bằng lực lượng vận tải trong biên chế của đơn vị kết hợp với lực lượng bộ đội, dân công, một số trường hợp được vận chuyển bằng cơ giới. Khảo sát một số phương án diễn tập ở một số đơn vị phía Bắc cũng cho thấy, lực lượng và phương tiện vận chuyển TB,BB rất linh hoạt, tùy theo điều kiện để vận dụng cho phù hợp, đáp ứng yêu cầu cứu chữa TB,BB. Hiện nay, với sự phát triển nhanh của khoa học công nghệ trong cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, các phương tiện tham gia vào hoạt động tìm kiếm, vận chuyển TB,BB sẽ phát triển hơn, có thể là các phương tiện không người lái. Theo đó, CDPC trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (nếu xảy ra), HC-KT chiến dịch và các cấp cần nghiên cứu vận dụng linh hoạt, sáng tạo trong từng tình huống của quá trình tác chiến chiến dịch.

**Thứ ba**, tổ chức vận chuyển TB,BB. Đây là nội dung quan trọng nhất trong tổ chức vận chuyển TB,BB, quyết định đến kết quả vận chuyển và chất lượng cấp cứu, điều trị TB,BB, góp phần giảm tỷ lệ tử vong, tàn phế, bổ sung quân số cho các đơn vị chiến đấu. Chiến dịch phòng ngự trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, xác định phương thức vận chuyển là cấp trên chuyển cho cấp dưới theo tuyến là chủ yếu và kết hợp trên dưới cùng vận chuyển. Trường hợp, cấp dưới quá khó khăn, có thể vận chuyển vượt tuyến. Hậu cần - kỹ thuật sử dụng lực lượng vận tải và quân y chiến dịch cơ động tiếp nhận TB,BB tại các bộ phận HC-KT sư đoàn, trung đoàn trực thuộc, các cơ sở y tế, bệnh viện của khu vực phòng thủ địa phương (nếu có) để vận chuyển về tuyến quân y chiến dịch. Thực tiễn trong CDPN Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng, các lực lượng vận tải của

chiến dịch đã chuyển 63% thương binh và 35% bệnh binh từ tuyến quân y trung đoàn về tuyến quân y chiến dịch, chuyển 26% thương binh và 10% bệnh binh từ tuyến quân y chiến dịch về hậu phương an toàn. Do đó, thương binh được cứu chữa và vận chuyển kịp thời nên hạn chế được tỷ lệ tử vong. Chiến dịch phòng ngự Quảng Trị, phương thức chuyển thương được xác định theo tinh thần tuyến sau lên tuyến trước lấy thương binh về kết hợp với tuyến trước đưa thương binh về một phần. Các cụm hậu cần xuống các trạm quân y sư đoàn đưa thương binh về tuyến chiến dịch. Bộ binh bảo đảm chuyển thương cho các binh chủng có kết hợp với binh chủng sử dụng lực lượng của đơn vị chuyển thương về sau. Trong phương án diễn tập của của một số đơn vị xác định: Tổ chức vận chuyển bằng phương tiện cơ giới là chủ yếu, kết hợp các lực lượng vận tải khác; thực hiện cấp trên vận chuyển cho cấp dưới là chủ yếu, vận chuyển theo phân cấp, vượt cấp khi cần thiết, có thể kết hợp trên dưới cùng vận chuyển để phát huy sức mạnh tổng hợp. Như vậy, việc tổ chức vận chuyển TB,BB cũng rất linh hoạt, tùy theo điều kiện cụ thể để vận dụng phương thức và cách thức tổ chức cho phù hợp, đáp ứng tốt yêu cầu cứu chữa TB,BB, góp phần hoàn thành nhiệm vụ chiến dịch.

Ngoài ra, HC-KT chiến dịch chỉ huy, chỉ đạo các đơn vị tổ chức lực lượng tải thương xung kích, tìm kiếm, không bỏ sót thương binh, tử sĩ; kết hợp mọi hình thức, phương pháp vận chuyển để đưa nhanh thương binh về trạm quân y; kịp thời tổ chức cứu chữa, phân loại và chuyển giao thương binh cho tuyến quân y chiến dịch. Chỉ huy, chỉ đạo các đơn vị phát huy tối đa khả năng lực lượng, phương tiện chuyển thương; tổ chức giao nhiệm vụ cụ thể, hiệp đồng chặt chẽ... bảo đảm giao nhận TB,BB nhanh chóng, chính xác. Thực tiễn, trong CDPN Quảng

Trị, việc vận chuyển thương binh hoả tuyến đã được các cấp lãnh đạo quan tâm và hậu cần chiến dịch chỉ đạo chặt chẽ nên đã tiếp nhận thương binh nhanh gọn. Thương binh từ đại đội về tiểu đoàn đã có 39,6% phải cảng, từ tiểu đoàn về trung đoàn có 43,6% phải cảng. Như vậy, ở mỗi chiến dịch, địa bàn tác chiến, mỗi cấp khác nhau, việc lựa chọn, sử dụng đường vận chuyển, xác định lực lượng, phương tiện, tổ chức và vận dụng phương thức vận chuyển khác nhau nhằm vận chuyển nhanh nhất, kịp thời nhất TB,BB ở trận địa về từng tuyến quân y, góp phần quan trọng giảm tỷ lệ, tử vong, tàn phế, bổ sung quân số chiến đấu cho chiến dịch diễn ra liên tục, dài ngày. Theo đó, để tổ chức tốt việc chuyển TB,BB, hậu cần – kỹ thuật chiến dịch cần thực hiện tốt các biện pháp sau:

*Một là*, xây dựng kế hoạch vận chuyển khoa học, cụ thể ở từng cấp. Hậu cần – kỹ thuật các cấp căn cứ vào nhiệm vụ của chiến dịch, quyết tâm tác chiến chiến dịch, mệnh lệnh vận chuyển của cấp trên, điều kiện địa hình, khí hậu, thời tiết, khả năng lực lượng vận tải từng cấp... và dự kiến tỷ lệ, tính toán số lượng nhu cầu TB,BB cần vận chuyển để xây dựng kế hoạch vận chuyển khoa học, cụ thể theo từng cấp. Theo đó, trong kế hoạch cần xác định rõ số lượng TB,BB cần vận chuyển theo phân cấp ở từng tuyến, trên từng khu vực, lực lượng khác nhau, tổng số nhu cầu cần vận chuyển; tính toán cự ly quãng đường, thời gian thực hành tác chiến và từng trận chiến đấu; xác định rõ khả năng của từng lực lượng vận chuyển (lực lượng trong biên chế, cấp trên tăng cường, huy động...). Thực hành cân đối giữa nhu cầu và khả năng vận chuyển để phân chia, giao nhiệm vụ cho từng lực lượng, phương tiện vận chuyển về đơn vị cần chuyển, số chuyến, số TB,BB cho từng chuyến, vị trí, địa điểm giao, nhận, người chỉ huy và các biện pháp

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

xử trí tình huống, bảo vệ an toàn người, phương tiện trên đường vận chuyển...

*Hai là*, kết hợp chặt chẽ việc vận chuyển bổ sung vật chất với vận chuyển TB,BB ở từng tuyến và các lực lượng trong khu vực chiến đấu để vận chuyển. Đây là biện pháp cơ bản, chủ yếu được vận dụng phổ biến trong quá trình tác chiến chiến dịch, nhất là đối với lực lượng phòng ngự cơ động. Hậu cần - kỹ thuật chiến dịch, căn cứ vào nhu cầu vận chuyển bổ sung vật chất trong giai đoạn thực hành tác chiến của từng đơn vị, lực lượng, bộ phận tác chiến; khôi lượng vật chất, phương tiện vận chuyển vật chất; thời cơ vận chuyển, địa điểm bổ sung vật chất để xác định việc phối hợp nhận và vận chuyển TB,BB ở tuyến dưới về quân y chiến dịch. Mặt khác, phải kết hợp chặt chẽ các lực lượng để vận chuyển TB,BB kịp thời. Lực lượng bảo đảm cho tác chiến chiến dịch gồm: Lực lượng trong biên chế, huy động tại địa phương, cấp trên tăng cường hoặc của đơn vị bạn và bộ đội tham gia. Theo đó, căn cứ vào việc tổ chức, sử dụng, phân chia lực lượng vận tải trong từng căn cứ, phân căn cứ HC-KT, địa bàn tác chiến, chiến đấu mà HC-KT chiến dịch chỉ huy, chỉ đạo chặt chẽ việc kết hợp các lực lượng cùng tham gia vận chuyển TB,BB cho phù hợp, giao nhiệm vụ cụ thể, hiệp đồng chặt chẽ.

*Ba là*, sử dụng hợp lý phương tiện vận tải cơ giới có trong biên chế, kết hợp khai thác, huy động tại chỗ để vận chuyển và động viên TB,BB tự đi hoặc dùn nhau về tuyến quân y gần nhất. Đây là biện pháp mang tính chỉ đạo xuyên suốt hoạt động vận chuyển TB,BB ở từng cấp trong tác chiến phòng ngự. Bởi, CDPN thường diễn ra trong thời gian dài, trên địa bàn tác chiến cố định, các hoạt động cơ động lực lượng, vận chuyển bổ sung vật chất, vận chuyển TB,BB lặp lại nhiều lần trên cùng một cung đường, địa bàn, hướng, khu vực tác chiến

nên dễ bị địch quan sát, phát hiện và tổ chức hỏa lực đánh phá cả trong giai đoạn chuẩn bị và thực hành tác chiến. Tuy nhiên, ở địa bàn quen thuộc, bộ đội ta nắm chắc địa hình, thuận lợi cho cơ động, di chuyển linh hoạt trong từng khu vực, đặc biệt nắm rõ các trạm quân y của từng cấp, từng đơn vị trong khu vực tác chiến. Do đó, khi các trận chiến đấu xảy ra trên từng hướng, khu vực khác nhau, phải căn cứ vào địa hình và tình hình thực tế để sử dụng phương tiện cơ giới vận chuyển TB,BB, chủ yếu là ở phía sau. Trên từng tuyến, tiền duyên phòng ngự, các đơn vị cấp tiểu đoàn chủ yếu sử dụng phương tiện thô sơ, vận tải bộ, bộ đội để vận chuyển TB,BB về tuyến sau và động viên TB,BB tự đi hoặc dùn nhau về quân y gần nhất.

Tổ chức vận chuyển TB,BB là nội dung quan trọng của bảo đảm quân y CDPN. Thực hiện tốt nội dung tổ chức vận chuyển TB,BB sẽ góp phần quan trọng trong việc cứu chữa TB,BB kịp thời, giảm tỷ lệ tử vong, tàn phế, bổ sung nhanh quân số chiến đấu cho các đơn vị. Vì vậy, HC-KT chiến dịch cần nghiên cứu vận dụng các biện pháp nêu trên nhằm góp phần hoàn thành nhiệm vụ bảo đảm quân y, bảo đảm HC-KT cho các lực lượng của chiến dịch tác chiến giành thắng lợi trong mọi tình huống♦

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng Tham mưu (2019), *Nghệ thuật CDPN*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Tổng Tham mưu (2019), *Bảo đảm hậu cần trong CDPN*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Học viện Hậu cần (2012), *Tổng kết công tác hậu cần CDPN trong kháng chiến chống Mỹ*, Nxb QĐND, Hà Nội.

# GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ĐẠN, VẬT CHẤT HẬU CẦN, VẬT TƯ KỸ THUẬT SƯ ĐOÀN BỘ BINH TIẾN CÔNG VÀO KHU VỰC ĐỊCH PHÒNG NGỤ

Trung tá, ThS. PHẠM VĂN HOÀN  
Khoa Chỉ huy Hậu cần, Học viện Hậu cần

**ABSTRACT:** *The provision of ammunition, logistical materials, and technical equipment is a core aspect of logistical and technical support, aimed at ensuring the timely and adequate supply of essential materials for troops, weapons, and equipment, thereby maintaining the unit's combat readiness and operational capability. This article proposes solutions for ensuring the supply of ammunition, logistical materials, and technical equipment for an infantry division conducting offensive operations against enemy defenses in the Fatherland protection war.*

## I. TÓM TẮT

Bảo đảm đạn, vật chất hậu cần, vật tư kỹ thuật là một nội dung bảo đảm hậu cần, kỹ thuật, nhằm cung cấp đầy đủ, kịp thời các loại vật chất cần thiết cho bộ đội, vũ khí, trang bị, duy trì khả năng sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu của đơn vị. Bài viết đề cập một số nội dung, giải pháp bảo đảm đạn, vật chất hậu cần, vật tư kỹ thuật sư đoàn bộ binh (fBB) tiến công vào khu vực địch phòng ngự trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

## II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sư đoàn bộ binh tiến công vào khu vực địch phòng ngự nhằm tiêu diệt một bộ phận quan trọng của tiểu đoàn địch, vây ép các mục tiêu còn lại buộc địch tăng viện phản kích, ứng cứu giải tỏa; lấy đánh địch ngoài công sự là chủ yếu; chiếm giữ mục tiêu, địa hình quan trọng; tạo thế, thời cơ cho các hoạt động tiếp theo của cấp trên và chiến tranh nhân dân địa phương. Để hoàn thành nhiệm vụ, cần giải quyết nhiều vấn đề, trong đó bảo đảm đạn, vật chất hậu cần, vật tư kỹ thuật có ý nghĩa đến kết quả của trận đánh. Trong kháng chiến chống Mỹ ta

đã tổ chức một số trận tiến công vào khu vực địch phòng ngự giành được thắng lợi, để lại nhiều kinh nghiệm quý về bảo đảm hậu cần, kỹ thuật trong đó có bảo đảm đạn, vật chất hậu cần, vật tư kỹ thuật. Mặt khác, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tương lai (nếu xảy ra), các yếu tố địch, ta và địa bàn chiến đấu thay đổi. Do đó, cần nghiên cứu bảo đảm đạn, vật chất hậu cần, vật tư kỹ thuật fBB tiến công vào khu vực địch phòng ngự cho phù hợp.

## III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Đối tượng chiến đấu của sư đoàn là lữ đoàn bộ binh (bộ binh cơ giới, kỵ binh đường không, hải quân đánh bộ) địch phòng ngự. Trong quá trình phòng ngự, địch thường tổ chức thành nhiều lực lượng, có thể được tăng cường lực lượng và binh khí kỹ thuật. Trước khi bị tiến công, địch tổ chức trinh sát, phát hiện bằng nhiều phương tiện hiện đại trên không (máy bay trinh sát, các UAV ...), mặt đất và lực lượng phản động nội địa; sử dụng hỏa lực đánh phá mật độ cao, dài ngày ở những khu vực nghi ngò; tác chiến điện

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

tử mạnh phá chỉ huy, hiệp đồng của ta. Khi bị tiến công, lực lượng địch bị tiến công dựa vào công sự, trận địa, vật cản tổ chức phản kích trực tiếp, kiên quyết ngăn chặn, đẩy lui tiến công của ta. Thực hiện phân tuyến, tạo thời cơ đưa lực lượng tăng viện phản kích bằng đường bộ, đổ bộ đường không từ bên ngoài tiến công vào bên sườn, phía sau đội hình tiến công của ta; thực hành tăng viện phản kích, ứng cứu giải tỏa có thể cùng lúc cả đường bộ, đường không hoặc có thể diễn ra lần lượt. Khi lực lượng tăng viện phản kích, ứng cứu giải tỏa bị ta chặn đánh, địch nhanh chóng chiếm địa hình có lợi, chống trả quyết liệt. Sử dụng máy bay trực thăng vũ trang, pháo binh, tên lửa, UAV đánh chặn phía trước, chia cắt phía sau đội hình tiến công của ta thực hiện phân tuyến. Sử dụng tác chiến điện tử phá chỉ huy, hiệp đồng của sư đoàn. Sau đó, dùng thủ đoạn tác chiến để đẩy lui quân ta tiến công. Khi có nguy cơ bị tiêu diệt, địch có thể co cụm chống trả; tăng viện phản kích, ứng cứu giải tỏa cho lực lượng bị tiến công, vây ép, cải thiện thế phòng ngự, giữ khu vực đã chiếm.

Để thực hiện nhiệm vụ, fBB thường xác định 1 khu vực diệt địch trong công sự; khu vực đánh địch cơ động đường bộ; khu vực đánh địch đổ bộ đường không. Sư đoàn tổ chức thành nhiều lực lượng, vận dụng nhiều hình thức chiến thuật khác nhau. Bảo đảm đạn, vật chất hậu cần, vật tư kỹ thuật sư đoàn bộ binh tiến công vào khu vực địch phòng ngự thời gian ngắn, tính cơ động, biến động nhanh, nhiều tình huống, khu vực rộng, địa hình phức tạp; mức độ tổn thất đạn, vật chất hậu cần, vật tư kỹ thuật lớn, thương vong cao, việc cơ động vận chuyển, bổ sung vật chất gấp rất nhiều khó khăn, phức tạp. Tuy nhiên, sư đoàn chiến đấu trong thế trận tác chiến phòng thủ quân khu và trong thế chiến tranh nhân dân đã được chuẩn bị trước. Cho nên, hậu cần, kỹ thuật sư đoàn có điều kiện để khai thác vật chất,

tận dụng thế trận hậu cần, kỹ thuật khu vực phòng thủ (KVPT), hậu cần, kỹ thuật của cấp trên và hậu cần, kỹ thuật tại chỗ tạo thành mạng lưới bao đảm rộng khắp, vừa bao đảm theo hướng, theo tuyến vừa bao đảm theo khu vực. Đồng thời, chi viện hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình bao đảm cho các lực lượng chiến đấu của sư đoàn. Để bao đảm kịp thời, đầy đủ đạn, vật chất hậu cần, vật tư kỹ thuật fBB tiến công vào khu vực địch phòng ngự thắng lợi, cần thực hiện tốt một số giải pháp chủ yếu sau:

*Một là*, xây dựng phương án phân cấp dự trữ đạn, vật chất hậu cần, vật tư kỹ thuật phù hợp với nhiệm vụ của các đơn vị, bao đảm gọn nhẹ nâng cao khả năng cơ động. Đây là giải pháp quan trọng nhằm bao đảm kịp thời, hiệu quả và duy trì khả năng cơ động của bộ đội. Nếu dự trữ nhiều ở đơn vị, ít ở kho, bộ đội không phải bổ sung đạn, vật chất hậu cần, vật tư kỹ thuật, bao đảm kịp thời, nhưng khi hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu việc thu gom vật chất rất khó khăn, gây lãng phí. Nếu dự trữ ở kho sư đoàn nhiều, ở đơn vị ít, bộ đội gọn nhẹ, tiện cơ động, nhưng trong trường hợp diễn biến chiến đấu kéo dài, chưa kịp bổ sung vật chất, dẫn đến không bao đảm kịp thời cho bộ đội chiến đấu. Trên cơ sở bao đảm đạn theo hiệp đồng của cơ quan tham mưu và quy định bao đảm vật chất hậu cần, vật tư kỹ thuật trong chỉ lệnh bao đảm hậu cần, kỹ thuật, quyết tâm chiến đấu của sư đoàn trưởng, đặc điểm của hình thức fBB tiến công vào khu vực địch phòng ngự, khả năng bao đảm của hậu cần, kỹ thuật sư đoàn... để hậu cần, kỹ thuật sư đoàn xây dựng phương án phân cấp dự trữ cho phù hợp với nhiệm vụ của các đơn vị và khả năng cơ động mang theo của bộ đội, kịp thời bao đảm trong mọi tình huống; đổi với đơn vị đánh địch trong công sự phải dự trữ nhiều hơn so với đơn vị đánh địch ngoài công sự (đánh địch ứng cứu đường bộ, ĐBĐK). Thực tiễn, trong chiến dịch Sa

Thầy của Sư đoàn bộ binh 1 (23/10/1966), trận tiến công địch ĐBĐK của eBB320/Sư đoàn bộ binh 1 ở bờ Tây sông Pô Cô vật chất ngoài dự trữ ở kho sư đoàn còn dự trữ ở các đơn vị, trong đó có eBB320. Tuy nhiên, trung đoàn không tổ chức kho, toàn bộ lượng vật chất đều đưa xuống các tiểu đoàn và trận địa cối 100mm. Quá trình chiến đấu không phải bổ sung vật chất, nhưng khi trung đoàn hoàn thành nhiệm vụ, thu vật chất gấp nhiều khó khăn, phải bỏ lại nhiều.

Dự trữ gọn nhẹ, tiện cơ động là chỉ dự trữ những loại vật chất thiết yếu ở đơn vị và kho sư đoàn, những loại vật chất không cần thiết để lại ở phía sau và sẽ tiến hành bổ sung trong từng giai đoạn, ở các khu vực cụ thể, không làm ảnh hưởng đến khả năng cơ động chiến đấu của bộ đội các đơn vị. Theo đó, phương án dự trữ vật chất như sau: Tại vị trí tập kết, ở đơn vị dự trữ đủ lượng tiêu thụ tại tập kết và một phần lượng phải mang theo vào triển khai hoặc khu bố trí chiến đấu. Kho sư đoàn dự trữ một phần đạn và các loại vật chất thiết yếu bảo đảm cho đơn vị theo nhu cầu của trận đánh. Tại triển khai (với lực lượng đánh địch trong công sự) tổ chức dự trữ đủ lượng phải có trước giờ nổ súng theo qui định; kho sư đoàn và lực lượng đánh địch ngoài công sự từng bước dự trữ đủ lượng phải có đến trước giờ nổ súng. Giai đoạn chiến đấu, dự trữ theo nhu cầu của trận đánh. Sau chiến đấu, căn cứ vào quy định của trên, nhiệm vụ cụ thể của đơn vị để tiến hành dự trữ cho phù hợp. Đối với các đơn vị tiếp tục chiến đấu hoặc chuẩn bị nhận nhiệm vụ thì dự trữ theo yêu cầu nhiệm vụ. Kho sư đoàn và các phân đội khác tổ chức dự trữ theo quy định sẵn sàng chiến đấu.

Để thực hiện tốt biện pháp trên, chủ nhiệm hậu cần, kỹ thuật sư đoàn phải nắm chắc nhiệm vụ các đơn vị để phân cấp dự trữ hợp lý, phù hợp với nhiệm vụ từng lực lượng; đặc biệt là lực lượng đánh địch trong

công sự, lực lượng hỏa lực để thực hiện ưu tiên trong phân cấp dự trữ vật chất.

*Hai là, kết hợp chặt chẽ với các tổ chức, lực lượng hậu cần, kỹ thuật trong khu vực chiến đấu để khai thác, huy động các loại vật chất bổ sung kịp thời cho sư đoàn chiến đấu. Sư đoàn bộ binh tiến công vào khu vực địch phòng ngự chiến đấu trong thế trận tác chiến phòng thủ quân khu và thế trận KVPT, nên trong khu vực chiến đấu có nhiều lực lượng tham gia bảo đảm như: Hậu cần - kỹ thuật quân khu, hậu cần - kỹ thuật KVPT và hậu cần - kỹ thuật các đơn vị bạn tham gia chiến đấu. Mặt khác, bảo đảm đạn, vật chất hậu cần, vật tư kỹ thuật trong điều kiện địch đánh phá ác liệt bằng vũ khí công nghệ cao, thời gian làm công tác chuẩn bị (nhất là chuẩn bị trực tiếp) ngắn trong khi khả năng của hậu cần, kỹ thuật có hạn. Kết hợp chặt chẽ giữa các tổ chức, lực lượng hậu cần, kỹ thuật trong khu vực chiến đấu, hậu cần, kỹ thuật sư đoàn kết hợp chặt chẽ với các tổ chức hậu cần, kỹ thuật trong KVPT, tạo nên thế trận bảo đảm hậu cần, kỹ thuật vững chắc; kết hợp với các lực lượng và phương tiện để vận chuyển bổ sung đạn, vật chất hậu cần, vật tư kỹ thuật; huy động, khai thác lực lượng và phương tiện trong KVPT để phục vụ công tác bảo đảm; kết hợp chặt chẽ với các cơ sở kinh tế để tạo nguồn hậu cần, kỹ thuật. Thực tiễn fBB5 tiến công chi khu Lộc Ninh (từ ngày 04 đến 07/4/1972) hậu cần, kỹ thuật sư đoàn đã liên hệ với 2 đoàn hậu cần 210, 220 để tiếp nhận vật chất và giao cho các trung đoàn dự trữ. Trong giai đoạn chuẩn bị dự trữ 30 ngày lương thực, thực phẩm (dự trữ ở kho sư đoàn; 20 ngày, kho trung đoàn; 10 ngày); quân trang mỗi người có 2 bộ quần áo dài, 2 bộ quần áo lót, 1 áo mưa, 1 tarp nylon, kho sư đoàn dự trữ 10% quân số; dụng cụ cấp dưỡng bảo đảm các trung đoàn 100% ăn theo bếp trung đội, kho sư đoàn dự trữ 10%; xăng dầu cho xe kéo pháo 4 cơ số. Giai đoạn chiến đấu:*

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

Khi bộ đội cơ động vào vị trí triển khai, hậu cần, kỹ thuật sư đoàn sử dụng 90 xe đạp thồ chuyển 17 tấn gạo đi sau đội hình hành quân của bộ đội. Hậu cần, kỹ thuật Miền tăng cường cho sư đoàn 2 tiểu đoàn xe thồ, kết hợp với 1 đại đội vận tải bộ của sư đoàn để vận chuyển đạn pháo cho các đơn vị. Quá trình chiến đấu hậu cần, kỹ thuật sư đoàn đã sử dụng lực lượng dự bị để bảo đảm cho eBB3 đánh địch ứng cứu.

Để thực hiện tốt vấn đề trên, hậu cần - kỹ thuật sư đoàn phải nắm chắc chỉ lệnh bảo đảm hậu cần, kỹ thuật quân khu, quyết tâm chiến đấu của sư đoàn trưởng, khả năng hậu cần, kỹ thuật KVPT, hiệp đồng chặt chẽ, cụ thể với các tổ chức, lực lượng hậu cần, kỹ thuật về các loại đạn, vật chất hậu cần, vật tư kỹ thuật được phép huy động (chủ yếu là lương thực, thực phẩm, xăng dầu, thuốc chiến thương...), số lượng, thời gian, địa điểm, phương thức giao nhận và sử dụng phương tiện vận chuyển, xếp dỡ hàng. Từ đó, tiến hành tiếp nhận, khai thác, tiếp nhận và vận chuyển vật chất bổ sung đáp ứng kịp thời cho các lực lượng chiến đấu.

Ba là, tổ chức bố trí kho trạm hậu cần, kỹ thuật hợp lý; làm tốt việc quản lý, bảo quản các loại đạn, vật chất hậu cần, vật tư kỹ thuật trong chiến đấu, góp phần duy trì khả năng bảo đảm liên tục, kịp thời cho chiến đấu. Tổ chức, bố trí kho trạm hậu cần, kỹ thuật có vai trò rất quan trọng trong bảo đảm hậu cần, kỹ thuật nói chung, bảo đảm đạn, vật chất hậu cần, vật tư kỹ thuật cho fBB chiến đấu nói riêng. Hậu cần, kỹ thuật sư đoàn phải chọn nơi có đủ diện tích triển khai; nơi địa hình có khả năng che khuất, che đỡ, bảo đảm an toàn, bí mật, tiện đường tiếp nhận, bổ sung đạn, vật chất hậu cần, vật tư kỹ thuật để bố trí kho trạm hậu cần, kỹ thuật; xác định cả vị trí chính thức, dự bị để sẵn sàng xử lý các tình huống. Cự li giữa các thành phần kho, trạm hậu cần, kỹ

thuật phải có khoảng cách bảo đảm an toàn. Tổ chức tốt việc ngũ trang, kết hợp chặt chẽ ngũ trang thiên nhiên với ngũ trang nhân tạo. Công tác quản lý, bảo quản đạn, vật chất hậu cần, vật tư kỹ thuật phải được tiến hành ở mọi cấp, ở tất cả các khâu từ khai thác, tiếp nhận, vận chuyển, bảo quản đến sử dụng. Phân cấp và xác định rõ trách nhiệm quản lý đối với từng tập thể và cá nhân; tránh tình trạng chung chung, dẫn đến tồn thắt, mất mát ảnh hưởng đến thực hiện nhiệm vụ của đơn vị. Trách nhiệm của người chỉ huy hậu cần, kỹ thuật phải thường xuyên theo dõi, kiểm tra, nắm chắc tình hình để chỉ đạo kịp thời. Làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho bộ đội có ý thức tiết kiệm, giữ tốt, dùng bền, hiệu quả. Có hệ thống sổ sách, đăng ký thống kê theo dõi cụ thể. Hiệp đồng chặt chẽ các lực lượng có liên quan để quản lý, bảo quản tốt đạn, vật chất hậu cần, vật tư kỹ thuật, góp phần bảo đảm cho sư đoàn chiến đấu thắng lợi.

## IV. KẾT LUẬN

Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tương lai (nếu xảy ra), đối tượng chiến đấu của sư đoàn, nghệ thuật fBB tiến công vào khu vực địch phòng ngự của ta có sự vận động phát triển. Thực hiện đồng bộ các giải pháp trên sẽ bảo đảm đầy đủ, kịp thời đạn, vật chất hậu cần, vật tư kỹ thuật cho fBB chiến đấu thắng lợi♦

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng Tham mưu (2018), *Bảo đảm hậu cần sư đoàn bộ binh tiến công vào khu vực địch phòng ngự*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Học viện Hậu cần (2004), *Tổng kết công tác hậu cần sư đoàn bộ binh tiến công địch phòng ngự trong kháng chiến chống Mỹ (thời kỳ 1971 - 1975)*, Hà Nội.
3. Học viện Kỹ thuật quân sự (2020), *Bảo đảm kỹ thuật tác chiến*, Nxb QĐND, Hà Nội.

# TỔ CHỨC KHAI THÁC MẠNG ĐƯỜNG VẬN TẢI SƯ ĐOÀN BỘ BINH TIẾN CÔNG ĐỊCH PHÒNG NGỤ ĐÔ THỊ Ở ĐỊA HÌNH TRUNG DU

Thiếu tá, ThS. ĐỖ HOÀNG ANH  
Khoa Vận tải, Học viện Hậu cần

**ABSTRACT:** In combat, the organization and exploitation of the transport network is a vital component of transportation work, directly determining the accomplishment of transport missions. Based on theoretical and practical research, this article proposes several solutions for organizing and exploiting the transport network for an infantry division conducting offensive operations against enemy urban defenses in the midland terrain.

## I. TÓM TẮT

Trong tác chiến, tổ chức, khai thác mạng đường vận tải (MĐVT) là một nội dung quan trọng của công tác vận tải, quyết định đến kết quả hoàn thành nhiệm vụ vận chuyển. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận, thực tiễn, bài viết đề xuất một số giải pháp tổ chức, khai thác MĐVT sư đoàn bộ binh (fBB) tiến công địch phòng ngự đô thị ở địa hình trung du (ĐHTD).

## II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (nếu xảy ra), đô thị sẽ là mục tiêu địch sử dụng mọi thủ đoạn, biện pháp hòng đánh chiếm và phòng ngự, tạo tiền đề cho các hoạt động tác chiến tiếp theo. Tiến công địch phòng ngự, ta thường mở chiến dịch tiến công, trong đó fBB tiến công địch phòng ngự đô thị thường là trận đánh then chốt của chiến dịch. Để sư đoàn hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu, cần phải giải quyết nhiều vấn đề, trong đó tổ chức và khai thác MĐVT có vai trò đặc biệt quan trọng. Trong chiến tranh giải phóng, ta đã tổ chức một số sư đoàn tiến hành các trận tiến công địch phòng ngự đô thị, để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý về nghệ thuật tác chiến cũng như bảo đảm hậu cần, kỹ thuật, trong đó có việc tổ chức khai thác MĐVT có thể nghiên cứu, kế thừa,

vận dụng. Tuy nhiên, chiến tranh tương lai diễn ra trong điều kiện mới, ta, địch, điều kiện địa hình, thời tiết có thay đổi... Vì vậy, cần nghiên cứu tổ chức, khai thác MĐVT hợp lý.

## III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Đối tượng chiến đấu trực tiếp của sư đoàn là lữ đoàn bộ binh (bộ binh cơ giới) địch, chúng vận dụng hình thức phòng ngự khu vực, nhằm giữ vững đô thị đã chiếm và các địa hình kế cận có giá trị; củng cố, bổ sung lực lượng; ngăn chặn, sát thương, đẩy lùi ta tiến công. Khi phòng ngự, địch chú trọng bố trí hệ thống hỏa lực, vật cản trên các trục đường dẫn vào nội đô, khu phố chính; đồng thời, tận dụng, cải tạo công trình kiến trúc trong đô thị để hình thành các tuyến trong trung tâm trận địa phòng ngự tương đối chặt chẽ; được hỏa lực không quân, pháo binh, tên lửa cấp trên chi viện. Với ưu thế về vũ khí trang bị, tác chiến điện tử, sức cơ động... luôn tạo nên bất ngờ về so sánh tương quan lực lượng trên từng hướng, nên chiến đấu diễn ra rất ác liệt và có nhiều tình huống.

Sư đoàn có nhiệm vụ tiến công tiêu diệt địch phòng ngự đô thị ở ĐHTD, ngăn chặn, tiêu hao, đánh bại lực lượng địch

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

phản kích trong và ngoài trận địa, tạo điều kiện cho các hoạt động tác chiến tiếp theo của cấp trên. Bước vào chiến đấu, sư đoàn có thể được chiến dịch phối thuộc một số lực lượng chiến đấu, bảo đảm, được hỏa lực pháo binh, phòng không, không quân của cấp trên, lực lượng vũ trang tại chỗ, đơn vị bạn chi viện, hậu cần - kỹ thuật cấp trên và khu vực phòng thủ bảo đảm. Đồng thời, địa hình cơ bản thuận lợi cho triển khai kho trạm hậu cần, cơ động của vận tải; một số khu vực có thể tận dụng được các yếu tố đồi núi, công trình kiến trúc để hạn chế khả năng phát hiện, đánh phá, sát thương của địch. Tuy nhiên, đường vận chuyển, có những khu vực địa hình tương đối trống trải, dễ bị địch trinh sát, phát hiện và dùng hỏa lực không quân, tên lửa, pháo binh đánh mạnh, nhất là quá trình điều chỉnh, cơ động lực lượng, vận chuyển bổ sung vật chất, vận chuyển thương binh, bệnh binh. Mặt khác, vận tải sư đoàn phải tiến hành nhiều nội dung công việc, khối lượng vận chuyển lớn, thời gian ngắn, trong khi đó, lực lượng, phương tiện, trang bị hạn chế. Vì vậy, để hoàn thành nhiệm vụ vận chuyển, vận tải sư đoàn cần xác định MĐVT từ hậu cần - kỹ thuật cấp trên đến hậu cần - kỹ thuật sư đoàn; từ hậu cần - kỹ thuật sư đoàn đến các kho trạm hậu cần - kỹ thuật của cấp dưới, trận địa hỏa lực và hậu cần - kỹ thuật khu vực phòng thủ. Các trục đường vận tải phải phù hợp với ý định sử dụng lực lượng, phương tiện vận tải; có đường dành riêng cho phương tiện cơ giới, phương tiện thô sơ và vận tải bộ; có đường ngang, đường dọc, đường vòng tránh, đường dự bị, đường phát triển chiến đấu... tạo thành mạng đường liên hoàn, vững chắc, để có thể vận chuyển liên tục kể cả khi bị địch đánh phá ngăn chặn.

Để tổ chức, khai thác MĐVT đạt hiệu quả cao, phù hợp với phương án sử dụng

lực lượng vận tải, fBB tiến công địch phòng ngự đô thị ở ĐHTD, cần tiến hành một số biện pháp chủ yếu sau:

Một là, tổ chức khai thác MĐVT bão đảm bí mật, an toàn, liên hoàn, vững chắc, đáp ứng nhiệm vụ vận chuyển liên tục, không bị gián đoạn. Đây là vấn đề hết sức quan trọng nhằm duy trì được khả năng vận chuyển liên tục, đáp ứng yêu cầu vận chuyển bảo đảm kịp thời, đầy đủ vật chất kỹ thuật và thương binh, bệnh binh trong chiến đấu. Đặc biệt, trong điều kiện địch sử dụng vũ khí công nghệ cao, phương tiện trinh sát hiện đại, có giữ được bí mật thì sức sống của các tuyến đường mới được kéo dài. Hơn nữa, khoảng cách ta và địch không xa, địch đang trong quá trình củng cố, điều chỉnh lực lượng, phương tiện từ phía sau lên bổ sung cho các bộ phận đang phòng ngự để tiếp tục tiến công; do đó, giữ được bí mật tuyến đường và giữ được bí mật ý định chiến đấu tiến công của sư đoàn. Khi tổ chức mạng đường, lực lượng vận tải sư đoàn phải tuyệt đối giữ bí mật cả về lực lượng, phương tiện và ý định mở đường. Ở các trọng điểm, tuyệt đối chú trọng làm hầm, hào bảo vệ cho người, phương tiện.

Thực tiễn, trong chiến dịch Tây Nguyên, từ ngày 4/3 – 11/3/1975, fBB316 được tăng cường dBB4/eBB24, dXT4/eXT273, eDC198 và một số đơn vị binh chủng, có nhiệm vụ tiến công tiêu diệt fBB23 ngụy và các lực lượng khác giải phóng thị xã Buôn Mê Thuột. Sau khi nhận nhiệm vụ, vận tải sư đoàn đã dựa vào thế bố trí, triển khai của Cụm hậu cần K20B; tận dụng các rừng cây, công trình kiến trúc khu vực ven thị xã để tổ chức MĐVT liên hoàn nối liền các kho, trạm của hậu cần sư đoàn với các trung đoàn và trận địa hỏa lực. Tổ chức lực lượng tuần tra, cảnh giới trong suốt quá trình vận chuyển để bảo đảm vận chuyển

được thông suốt, góp phần vào thắng lợi của trận đánh.

Để thực hiện biện pháp trên, vận tải sư đoàn cần: Nắm chắc ý định chiến đấu, nhiệm vụ bảo đảm hậu cần kỹ thuật, địa điểm tiếp nhận, bổ sung vật chất, kỹ thuật; nắm chắc tuyến đường, ngõ, hẻm trong đô thị từ đó xây dựng các phương án mạng vận tải có đường chính, dự bị; đường nhánh, đường vòng,... thực hiện tốt các biện pháp ngụy trang, nghi trang, che giấu phương tiện; tiến hành xây dựng hầm hào, công sự, tận dụng các công trình có sẵn trong đô thị như hầm, nhà máy, xí nghiệp,...; bố trí các lực lượng bảo vệ, đặc biệt là tuyển trọng yếu, đầu mối giao thông.

*Hai là*, tận dụng triệt để mạng đường hiện có, chủ động cải tạo, nâng cấp, mở đường mới đáp ứng nhu cầu vận chuyển. Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tương lai, chiến đấu tiến công, thời gian chuẩn bị thường ngắn, vận tải sư đoàn phải tiến hành nhiều nhiệm vụ, sử dụng nhiều thành phần lực lượng vận tải, lực lượng đảm bảo đường thường có hạn cho nên phải triệt để tận dụng đường sẵn có, giảm thời gian chuẩn bị, nhanh chóng hình thành mạng đường vận chuyển. Mặt khác, địa bàn trung du mạng đường sá tương đối phát triển; ngoài ra sư đoàn đã chuẩn bị hệ thống đường để cơ động lực lượng, binh khí kỹ thuật, nên vận tải sư đoàn có điều kiện để khai thác vận chuyển. Tuy nhiên, mạng đường có sẵn là mục tiêu cố định, nên địch thường xuyên trinh sát, đánh phá hoặc phong tỏa bằng hỏa lực, vật cản từ xa gây khó khăn cho công tác chuẩn bị đường và bảo đảm cơ động. Vì vậy, vận tải sư đoàn cần chủ động cải tạo, nâng cấp, kết hợp với các lực lượng soi mìn mở đường mới để đáp ứng yêu cầu vận chuyển.

Thực tiễn fBB9 tiến công thị xã Bình Long từ ngày 05/5 ÷ 14/5/1972, địa bàn chiến đấu có Quốc lộ 13 chạy hướng Bắc - Nam, trải nhựa rộng 8m, bên trong thị xã có nhiều trục đường ngang, dọc; ngoài ra, còn có đường liên tỉnh, các trục đường này xe cơ giới cơ động thuận tiện. Vì vậy, vận tải sư đoàn đã tận dụng triệt để các trục đường có sẵn; đồng thời, cải tạo và mở mới một số trục đường khu vực Tà Pao để vận chuyển vật chất ở các kho và tiếp nhận thương binh, bệnh binh về bệnh xá sư đoàn ở Đông Tà Pao để vận chuyển bảo đảm tính bí mật. Trong trận đánh của fBB5 tiến công chi khu Lộc Ninh (từ 28/3 ÷ 7/4/1972), mặc dù trong thời gian rất gấp, nhưng vận tải sư đoàn đã dựa vào MĐVT chuẩn bị trước của chiến dịch, thế bố trí của các đoàn hậu cần để triển khai các thành phần lực lượng, hình thành mạng lưới vận tải tương đối hoàn chỉnh; tận dụng rừng cao su xung quanh thị trấn để tiến hành vận chuyển bổ sung cho các kho, các đơn vị kịp thời, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chiến đấu.

Để thực hiện tốt biện pháp trên, vận tải sư đoàn phải nắm chắc tình hình MĐVT trong khu vực chiến đấu. Đồng thời, có kế hoạch và hiệp đồng chặt chẽ với công binh và địa phương tiến hành san sửa, mở rộng mặt đường, san lấp hố bom, đạn pháo của địch, dọn đất đá, cây đổ... Căn cứ vào điều kiện và địa hình thực tiễn, tiến hành mở mới mạng đường vận chuyển phù hợp với tính năng phương tiện vận tải, yêu cầu hoạt động vận chuyển, các đường vòng tránh, đường lên, xuống ngầm (bến vượt)... Quá trình khắc phục, sửa chữa, mở mới phải đảm bảo bí mật, coi trọng việc ngụy trang, nghi binh tránh bị địch phát hiện, đánh phá.

*Ba là*, có kế hoạch khai thác phù hợp, hiệp đồng chặt chẽ với các lực lượng bảo đảm, bảo vệ mạng đường thường xuyên

thông suốt. Trên địa bàn khu vực tác chiến, nhiều đơn vị có nhu cầu sử dụng MĐVT để cơ động lực lượng, binh khí kỹ thuật, hoặc vận chuyển vật chất... Để tránh chồng chéo, ùn tắc, trong khai thác sử dụng phải có kế hoạch khai thác cụ thể, phù hợp. Đồng thời, hiệp đồng chặt chẽ với các lực lượng tham gia bảo đảm, bảo vệ, như công binh, pháo binh, phòng không, cứu hộ... góp phần cho vận tải sư đoàn thực hiện nhiệm vụ vận chuyển thông suốt, liên tục.

Thực tiễn fBB5 tiến công chi khu Lộc Ninh (từ 28/3 ÷ 7/4/1972), cho thấy: Khu vực chiến đấu có trục Đường 13 chạy từ Xnun về Lộc Ninh, Hòn Quản; Đường 14 tiếp giáp Đường 13 ở ngã ba Lộc Tán về Mi Nốt, Xnun; sông Tôn Lê Chàm chảy sát biên giới, chia cắt địa hình phía Tây. Trận đánh bắt đầu vào mùa mưa, đường sá lầy lội, nước sông suối dâng cao để vận chuyển thông suốt trước trong và sau quá trình chiến đấu, vận tải sư đoàn đã phối hợp với các lực lượng bảo đảm, như pháo binh, phòng không; các trạm điều chỉnh giao thông dọc trục Đường 13, 14; lực lượng công binh và dân công khu vực để cải tạo đường trơn lầy và sạt lở. Tiến hành công tác chuẩn bị, hiệp đồng với các đoàn hậu cần để tổ chức tiếp nhận, bổ sung vật chất cho kho và các đơn vị trong các giai đoạn; kết hợp chặt chẽ các lực lượng, phương tiện trong vận chuyển vật chất. Vì vậy, đã bảo đảm tốt việc vận chuyển thương bệnh binh, các loại vật chất cho sư đoàn chiến đấu thắng lợi.

Để thực hiện tốt biện pháp, trước hết vận tải sư đoàn cần làm tốt công tác hiệp đồng; trong đó, tập trung vào thời gian, lực lượng, phương tiện vận tải hoạt động trên các trục đường; thống nhất phương án xử trí khi địch đánh giao thông; lực lượng bảo đảm, bảo vệ trên tuyến, các ký, tín hiệu chỉ huy trên các tuyến đường và hiệu lệnh khi

có các tình huống địch đánh phá... Về bảo vệ đường vận chuyển, vận tải sư đoàn chủ động phối hợp với lực lượng liên quan để tổ chức các bộ phận: Sửa chữa đường, chỉ dẫn đường, cảnh giới tuần tra... nhằm giúp đỡ lực lượng vận tải và xử lý các tình huống xảy ra. Đặc biệt, khu vực trọng điểm, bến vượt, đầu mối giao thông quan trọng, ngầm, cầu, đường nhánh, nơi vào các khu vực kho trạm... cần tổ chức lực lượng điều chỉnh giao thông, để tránh ùn tắc, đảm bảo an toàn cho các lực lượng hành quân và đội hình vận chuyển.

### IV. KẾT LUẬN

Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tương lai (nếu xảy ra), công tác vận tải fBB tiến công địch phòng ngự đô thị ở ĐHTD có những thuận lợi rất cơ bản, song cũng có nhiều khó khăn, phức tạp. Theo đó, vận tải sư đoàn cần thực hiện đồng bộ, linh hoạt các giải pháp về tổ chức, khai thác MĐVT phù hợp với tình hình thực tiễn, góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ vận chuyển, đảm bảo kịp thời mọi mặt cho sư đoàn chiến đấu tiến công địch phòng ngự đô thị thắng lợi♦

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng Tham mưu (2012), *Bảo đảm hậu cần sư đoàn bộ binh tiến công địch phòng ngự đô thị*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Học viện Hậu cần (1975), *Công tác hậu cần Sư đoàn bộ binh 5 tăng cường tấn công chi khu Lộc Ninh*, Hà Nội.
3. Học viện Hậu cần (1976), *Công tác hậu cần bảo đảm cho các lực lượng tham gia tấn công tiêu diệt quân địch ở thị xã Buôn Mê Thuột*, Hà Nội.
4. Học viện Hậu cần (2012), *Công tác vận tải sư đoàn bộ binh chiến đấu*, Nxb QĐND, Hà Nội.

# TẠO LẬP, CHUYỂN HÓA THẾ TRẬN LŨ ĐOÀN TÊN LỬA BỜ A/E TIẾN CÔNG ĐỊCH ĐỔ BỘ ĐƯỜNG KHÔNG TRONG TÁC CHIẾN CHỐNG ĐỔ BỘ ĐƯỜNG BIỂN

Trung tá, ThS. VŨ ĐỨC LINH  
Nghiên cứu sinh, Học viện Hải quân

*Đánh địch bằng mưu kế, thế trận là nét đặc sắc trong nghệ thuật tác chiến của Quân đội ta nói chung và Hải quân nhân dân Việt Nam nói riêng, là cơ sở để thực hiện “lấy nhỏ đánh lớn”, “lấy ít địch nhiều”, góp phần hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ chiến đấu được giao. Bài viết nghiên cứu một số vấn đề về tạo lập và chuyển hóa thế trận của lữ đoàn tên lửa bờ (TLB) A/E tiến công địch đổ bộ đường không (ĐBĐK) trong tác chiến chống đổ bộ đường biển (ĐBĐB) khi chiến tranh bảo vệ Tổ quốc xảy ra.*

TẠO lập và chuyển hóa thế trận tiến công địch ĐBĐK trong chống ĐBĐB là nội dung cơ bản, rất quan trọng trong cách đánh của lữ đoàn TLB A/E; là cơ sở bảo đảm lữ đoàn có thể nắm chắc thời cơ và hành động đúng thời cơ, đạt hiệu quả chiến đấu cao nhất, hạn chế tổn thất, thương vong trong quá trình chuẩn bị và thực hành chiến đấu. Trong điều kiện địch chiếm ưu thế về vũ khí công nghệ cao, thực hành tác chiến điện tử và chi viện hỏa lực áp đảo, liên tục, sử dụng các phương tiện ĐBĐK hiện đại, đa năng; đồng thời, địch vận dụng nhiều biện pháp và thủ đoạn đối phó; diễn biến trận đánh thường bất ngờ, khó dự báo chính xác. Cho nên, để lữ đoàn TLB A/E đánh địch ĐBĐK trong chống ĐBĐB giành thắng lợi, cần phải tạo lập thế trận vững chắc, linh hoạt và chuyển hóa thế trận phù hợp với tình hình thực tiễn. Để tạo lập và chuyển hóa thế trận lữ đoàn TLB A/E được đúng mục đích, cần tập trung vào các vấn đề chủ yếu sau:

Thứ nhất, về tạo lập thế trận

Tổ chức, bố trí, triển khai lực lượng, thiết bị chiến trường nhằm hình thành thế

trận ban đầu có lợi, sẵn sàng tiến công địch ĐBĐK trong chống ĐBĐB là một vấn đề nghệ thuật có ý nghĩa rất quan trọng, quyết định đến kết quả hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu của lữ đoàn TLB A/E. Tạo lập thế trận ban đầu cho lữ đoàn TLB A/E thường căn cứ vào nhiệm vụ chiến đấu được giao, khả năng chiến đấu của lữ đoàn, đặc điểm tự nhiên khu vực chiến đấu và kết quả phân tích, phán đoán về hành động ĐBĐK của địch trong ĐBĐB. Trong điều kiện mới của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (nếu xảy ra), vấn đề tạo lập thế trận cho lữ đoàn TLB A/E tiến công địch ĐBĐK trong chống ĐBĐB là một vấn đề khó khăn, phức tạp, gồm nhiều nội dung; trong đó, tập trung tạo lập cho lữ đoàn TLB A/E thế nghi binh, lừa địch hiệu quả; thế tiến công liên hoàn, hiềm hóc, vững chắc, đáp ứng yêu cầu đánh địch theo các phương án đã xác định là vấn đề trọng tâm.

Về tạo lập thế nghi binh, lừa địch hiệu quả:

Thế nghi binh, lừa địch của lữ đoàn TLB A/E là thành phần quan trọng của thế trận chống địch ĐBĐB nói chung và thế trận tiến công địch ĐBĐK trong ĐBĐB nói riêng.

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

Mục đích của tạo thế nghi binh, lừa địch cho lữ đoàn TLB A/E là làm cho địch phán đoán, đánh giá sai về ý định, hành động của lữ đoàn; thu hút sự chú ý của trinh sát địch, tiêu hao hỏa lực của địch hoặc phân tán khả năng đối phó của chúng vào các khu vực giả, hướng giả; cùng với thế nghi binh của quân khu từng bước lừa, dụ địch ĐBĐK vào những khu vực ta đã có chuẩn bị để tiến công sát thương địch theo phương án xác định trước. Tạo thế nghi binh, lừa địch cho lữ đoàn TLB A/E phải được tiến hành cả trước, trong và sau khi kết thúc trận chiến đấu, nhất là thời điểm địch tiến hành các hoạt động trinh sát, thực hành hỏa lực dọn bãi, chở quân vào khu vực đổ bộ và thực hành đổ bộ đợt đầu tiên, theo một kế hoạch cụ thể, dưới sự chỉ huy thống nhất của quân khu.

Để thế nghi binh, lừa địch của lữ đoàn phát huy hiệu quả đòi hỏi lữ đoàn trưởng và cơ quan tham mưu lữ đoàn cần nghiên cứu, tính toán tổ chức, sử dụng lực lượng nghi binh phù hợp với tổ chức lực lượng của lữ đoàn tham gia trận đánh, bố trí trên hướng (khu vực) nghi binh chủ yếu, phù hợp với phương án đánh địch ĐBĐK dự kiến nhưng không ảnh hưởng đến thế trận của các lực lượng khác. Trên cơ sở nghiên cứu nắm chắc các thủ đoạn hoạt động của địch ĐBĐK, nhất là hoạt động trinh sát, thực hành hỏa lực dọn bãi, đổ bộ nghi binh, tính năng của các phương tiện, khí tài trinh sát, quan sát của địch,... lực lượng nghi binh của lữ đoàn cần vận dụng linh hoạt, sáng tạo các biện pháp nghi binh, như: Tổ chức các trận địa giả, mô hình vũ khí giả, cơ động triển khai lực lượng, tung tin giả, các hoạt động chuẩn bị và thực hành chiến đấu; đồng thời, khéo léo bộc lộ những sơ hở giả để thu hút trinh sát và hỏa lực địch, vừa làm cho địch phán đoán sai về khu vực phòng

ngự chủ yếu của ta vừa giữ bí mật khu vực chiến đấu chủ yếu của lữ đoàn.

Về tạo thế tiến công liên hoàn, hiễm hóc, vững chắc:

Thế tiến công là thành phần chủ yếu, quyết định nhất đến thế trận đánh địch ĐBĐK trong chống ĐBĐB của lữ đoàn TLB A/E. Thế tiến công có lợi nhất là thế trận hội tụ đầy đủ các yếu tố: Thuận lợi cho các trận địa tên lửa tiến công các khu vực (mục tiêu) trong khả năng không gian (vùng bắn) của lữ đoàn; hạn chế được thương vong, tổn thất về người và vũ khí trang bị trong quá trình tác chiến,... Tạo thế tiến công cho lữ đoàn TLB A/E phải trên cơ sở thế trận chống ĐBĐB chung của quân khu, đặc biệt là thế tiến công địch ĐBĐK của các trung đoàn bộ binh, thế bố trí pháo binh quân khu và lực lượng vũ trang địa phương để bố trí, triển khai lực lượng cho phù hợp, hình thành hệ thống các trận địa bắn liên hoàn, vững chắc, có thể hiệp đồng chặt chẽ với nhau trong quá trình chiến đấu theo nguyên tắc “hỏa khí phân tán, hỏa lực tập trung”; đồng thời, có thể tận dụng khả năng chi viện, yểm trợ của các lực lượng trong khu vực phòng thủ trong quá trình chiến đấu. Dựa vào thế trận chung của quân khu để tạo thế tiến công cho lữ đoàn TLB A/E thể hiện ở việc khai thác hệ thống thiết bị chiến trường do các lực lượng của quân khu và các lực lượng khác trong khu vực phòng thủ đã, đang và sẽ chuẩn bị, như: Hệ thống công sự chiến đấu, đường giao thông, mạng lưới thông tin liên lạc,... để triển khai, bố trí các lực lượng chiến đấu của lữ đoàn được nhanh chóng, thuận lợi, đáp ứng kịp thời nhiệm vụ chiến đấu trong điều kiện có sự đối kháng quyết liệt giữa ta và địch. Ngoài ra, khi bố trí, triển khai lực lượng tiến công, cần triệt để dựa vào thế thiên hiễm của địa hình, điều kiện khí

tượng, thủy văn có lợi ở khu vực chiến đấu để giữ bí mật ý định chiến đấu, hành động của lữ đoàn. Căn cứ vào kết quả dự báo các bãi biển địch có thể lợi dụng ĐBĐK, sử dụng các cao điểm có giá trị chiến thuật, khả năng không chế khu vực rộng để bố trí các trận địa tên lửa, bảo đảm phát huy cao nhất khả năng không gian (vùng bắn) của lữ đoàn khi tiến công địch ở các khu vực (bãi) ĐBĐK trong khu vực.

Để phát huy cao nhất hiệu quả chiến đấu của lữ đoàn TLB A/E, phải chú trọng nghiên cứu, xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết bị chiến trường phục vụ cho hoạt động chiến đấu của lữ đoàn TLB A/E, như: Chuẩn bị các khu vực sơ tán, sở chỉ huy, kho cất giữ và bảo quản vũ khí trang bị, hầm ngầm trú ẩn cho bộ đội; công sự, hầm hào cơ động trong chiến đấu; các trận địa hỏa lực chính, trận địa hỏa lực dự bị và các trận địa giả trên hướng trọng điểm nơi dự kiến địch ĐBĐK; hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống trinh sát, nắm tình hình...; đồng thời, tiến hành ngụy trang kín đáo, bảo đảm bí mật, an toàn cho các bộ phận trong quá trình chuẩn bị và thực hành chiến đấu.

Trong điều kiện địch sử dụng vũ khí công nghệ cao, phương tiện đổ bộ hiện đại, đa năng, tác chiến điện tử và tác chiến không gian mạnh mẽ; chủ động về thời gian, khu vực đổ bộ; biện pháp, thủ đoạn đổ bộ đa dạng, phức tạp, nhất là thủ đoạn nghi binh đánh lừa, dự báo chính xác những khu vực địch có thể ĐBĐK để tổ chức bố trí, triển khai lực lượng, phương tiện, thiết bị chiến trường, hình thành thế tiến công có lợi cho lữ đoàn TLB A/E rất khó khăn, phụ thuộc rất lớn vào khả năng nắm, dự báo, phán đoán, phân tích đánh giá tình hình địch trên không, trên biển và hiệu quả của các hoạt động nghi binh, tác chiến tạo thế của ta,... Chính vì thế, trong thời bình

và trước khi tác chiến xảy ra, lữ đoàn cần tích cực, chủ động thu thập tin tức từ nhiều nguồn để nắm chắc tình hình địch ĐBĐK; phối hợp chặt chẽ với cơ quan quân khu để nghiên cứu, dự báo các hướng, khu vực địch ĐBĐK; từ đó, xây dựng cơ sở dữ liệu vị trí các khu vực (bãi) đổ bộ đó, bố trí các đài khí tượng trong khu vực tác chiến để xác định các yếu tố khí tượng, sẵn sàng cung cấp cho tên lửa khi có tình huống tác chiến xảy ra.

### Thứ hai, về chuyển hóa thế trận

Quá trình thực hành ĐBĐK trong ĐBĐK, do thường xuyên phải đổi phó với các hoạt động tiến công của ta từ nhiều hướng, ở các quy mô khác nhau; cho nên, để bảo đảm an toàn, địch có thể thay đổi một phần hoặc toàn bộ ý định ĐBĐK. Mặt khác, sự đổi kháng giữa ta và địch trong tác chiến, nhất là những thiệt hại do hỏa lực địch gây ra trước khi chúng bắt đầu đổ bộ đợt đầu tiên có thể làm cho thế trận đánh địch của lữ đoàn TLB A/E mất đi một số yếu tố có lợi ban đầu. Do đó, kịp thời điều chỉnh tổ chức, bố trí lại lực lượng để tạo ra thế trận mới phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện tiến hành trận chiến đấu là vấn đề tất yếu, có ý nghĩa quyết định đến hiệu quả chiến đấu của lữ đoàn TLB A/E. Chuyển hóa thế trận của lữ đoàn TLB A/E phù hợp với thực tế, không những bảo toàn được lực lượng mà còn phát huy tối đa khả năng hỏa lực của lữ đoàn, bảo đảm hoàn thành chỉ tiêu sát thương địch theo ý định chiến đấu.

Thời cơ chuyển hóa thế trận của lữ đoàn TLB A/E có thể trùng với thời cơ chuyển hóa thế trận tiến công địch ĐBĐK của các lực lượng tham gia nhưng cũng có thể độc lập theo ý định của lữ đoàn trưởng trên cơ sở phân tích, đánh giá các nguồn thông tin trinh sát về địch và khả năng chiến

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

đầu thực tế của lữ đoàn sau giai đoạn địch thực hành hỏa lực dọn bãi.

Tùy thuộc vào thời điểm ĐBĐK so với thời điểm đồ bộ các phương tiện mặt nước mà nội dung, biện pháp chuyển hóa thế trận cho lữ đoàn TLB A/E cũng khác nhau. Trong trường hợp chung, căn cứ vào sự biến đổi của tình hình thực tiễn, nội dung chuyển hóa thế trận của lữ đoàn TLB A/E bao gồm: Cơ động, bố trí lại lực lượng, thiết bị chiến trường hoặc cơ động hỏa lực đánh địch theo phương án mới; điều chỉnh tổ chức, biên chế của các đơn vị, nhất là đơn vị hỏa lực. Thông thường, nếu thời điểm ĐBĐK của địch trùng hoặc trước thời điểm đồ bộ các phương tiện mặt nước, nội dung chuyển hóa thế trận cho lữ đoàn tập trung vào cơ động, bố trí lại lực lượng, thiết bị chiến trường hoặc dự kiến phương án cơ động hỏa lực để tiến công địch tại các khu vực (bãi) đồ bộ ngoài dự kiến của ta. Trường hợp địch ĐBĐK sau thời điểm đồ bộ các phương tiện mặt nước, việc chuyển hóa thế trận của lữ đoàn sẽ khó khăn, phức tạp hơn do lực lượng, phương tiện chiến đấu của lữ đoàn đã có tổn thất, thương vong; thế trận của các lực lượng trong khu vực phòng thủ có thể đã bị phá vỡ một phần. Trong trường hợp này, nội dung chuyển hóa thế trận của lữ đoàn TLB A/E phải tập trung vào việc điều chỉnh tổ chức, biên chế cho các lực lượng của lữ đoàn tham gia trận đánh.

Trong điều kiện tình huống chiến đấu diễn ra rất khẩn trương, mau lẹ, việc cơ động các giàn phóng đã triển khai rất khó khăn, nhất là khi địch bắt đầu có dấu hiệu đồ quân. Vì vậy, các phương án cơ động trận địa hỏa lực cần được nghiên cứu, chuẩn bị trước; chú trọng tập trung mọi nỗ lực để đưa các giàn phóng dự bị vào chiến đấu, đồng thời, cần bố trí các trận địa tên lửa ở các vị

trí có khả năng không chê nhiều khu vực, bãi biển dự kiến địch ĐBĐK nhằm kịp thời cơ động hỏa lực đánh địch theo diễn biến của tình hình, bảo đảm tính linh hoạt của thế trận, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đánh địch ĐBĐK cả trong và ngoài dự kiến. Ngoài ra, để bảo đảm chuyển hóa thế trận kịp thời, phù hợp với tình hình, cơ quan tham mưu lữ đoàn phải thường xuyên bám sát diễn biến thực tế, kịp thời đề đạt với lữ đoàn trưởng về nội dung và các biện pháp chuyển hóa thế trận cho phù hợp.

Tiến công địch ĐBĐK trong chống ĐBĐK là nhiệm vụ khó khăn, phức tạp, diễn ra trong điều kiện địch luôn chiếm ưu thế về nhiều mặt, nhất là khả năng kiểm soát chiến trường và vũ khí công nghệ cao. Để bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong quá trình chuẩn bị chiến đấu, lữ đoàn cần xác định cách đánh hợp lý, vận dụng và điều chỉnh linh hoạt, sáng tạo phù hợp với sự vận động, biến đổi của tình hình thực tế, trong đó, tạo lập và chuyển hóa thế trận là một nội dung cơ bản, quan trọng cần được quan tâm. Đây là vấn đề vừa mang tính nghệ thuật, vừa là yêu cầu thực tiễn cần tiếp tục được nghiên cứu, bổ sung phù hợp với đặc điểm của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tương lai (nếu xảy ra)♦

### Tài liệu tham khảo

1. Học viện Hải quân (2021), *Hoạt động tác chiến chống ĐBĐK trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Tổng cục II (2018), *Điều lệnh tác chiến DBĐK Hải quân Mỹ* (JP 3-02), Hà Nội.
3. Nguyễn Văn Lâm (2020), *Tổ chức sử dụng lực lượng TLB trong điều kiện mới của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc*, Khánh Hòa.
4. Hoàng Minh Thảo (2001), *Máy văn đề về nghệ thuật quân sự*, Nxb CTQG, Hà Nội.

# XÂY DỰNG ĐẢNG VỀ ĐẠO ĐỨC THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Đại tá, TS. LÊ VIỆT THẮNG  
Khoa CTĐ, CTCT, Học viện Hậu cần

*Xây dựng Đảng về đạo đức theo tư tưởng Hồ Chí Minh là một yêu cầu tất yếu, khách quan, có ý nghĩa chiến lược, lâu dài đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và cuộc đấu tranh phòng, chống suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống hiện nay, việc chăm lo xây dựng Đảng về đạo đức không chỉ là nhiệm vụ cấp thiết mà còn là tiêu chí hàng đầu để bảo đảm vai trò cầm quyền, năng lực lãnh đạo và uy tín chính trị của Đảng.*

**B**ƯỚC vào kỷ nguyên mới – kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam, yêu cầu nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng càng trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Trong đó, xây dựng Đảng về đạo đức theo tư tưởng Hồ Chí Minh là yêu cầu mang tính nền tảng, bảo đảm cho Đảng luôn là đạo đức, là văn minh, xứng đáng với vai trò cầm quyền và niềm tin của Nhân dân. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh xây dựng Đảng về đạo đức được tập trung vào những nội dung cốt lõi sau:

Thứ nhất, xây dựng Đảng gắn với tự tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của cán bộ, đảng viên. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, đạo đức là “gốc” của người cách mạng và của Đảng cách mạng. Người chỉ rõ, để Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh, mỗi cán bộ, đảng viên phải thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; nêu cao tinh thần “dũng vi thượng”, tuyệt đối trung thành với Đảng, tận tụy với dân. Người luôn mong muốn mỗi cán bộ, đảng viên phải thấm nhuần sâu sắc đạo đức cách mạng, vừa là người lãnh đạo tài ba, vừa là người đầy tớ trung thành của nhân dân.

Thứ hai, xây dựng Đảng về đạo đức phải đi đôi với xây dựng về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh tính toàn diện trong xây dựng Đảng. Người khẳng định: “Muốn củng cố Đảng thì phải chú trọng về tư tưởng, về tổ chức và phải sửa đổi lối làm việc”. Người cho rằng, nếu chỉ chú trọng một mặt mà buông lỏng mặt khác, thì không thể xây dựng được một Đảng cách mạng chân chính. Vì vậy, xây dựng đạo đức phải gắn liền với nâng cao bản lĩnh chính trị, củng cố tổ chức, chỉnh đốn lề lối, phương pháp công tác.

Thứ ba, đấu tranh chống suy thoái đạo đức, lối sống trong Đảng. Hồ Chí Minh coi chủ nghĩa cá nhân là một trong những nguyên nhân lớn nhất đối với sự tồn vong của Đảng. Người chỉ rõ: “một Đảng mà giàu gièm khuyết điểm của mình là một Đảng hỏng. Một Đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ những cái đó, vì đâu mà có khuyết điểm đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó, rồi tìm kiếm mọi cách để sửa chữa khuyết điểm đó. Như thế là một Đảng tiên bội, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính”. Theo đó, việc xây dựng đạo đức Đảng đòi hỏi phải thường xuyên kiểm tra,

## HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH

giám sát, tự phê bình và phê bình; xử lý nghiêm những biểu hiện tha hóa, biến chất của cán bộ, đảng viên.

Thứ tư, xây dựng Đảng về đạo đức gắn với phục vụ Nhân dân. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, đạo đức Đảng không tồn tại một cách trừu tượng, mà thể hiện qua mối quan hệ giữa Đảng với Nhân dân. Người khẳng định: “Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của Nhân dân”. Do đó, đạo đức cách mạng thể hiện rõ nhất ở tinh thần phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân, lấy lợi ích của nhân dân làm mục tiêu cao nhất.

Thẩm nhuần sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh xây dựng Đảng về đạo đức, trong quá trình xây dựng và phát triển, Đảng ta luôn quan tâm xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Đặc biệt, tại Đại hội XIII của Đảng, vấn đề xây dựng Đảng về đạo đức được nhắc đến với tư cách là “thành tố thứ tư” trong công tác xây dựng Đảng để trở thành một chỉnh thể: “Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức, cán bộ”. Sự bổ sung trên là sự vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh thể hiện trong Di chúc của Người, đáp ứng kịp thời những đòi hỏi bức thiết của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam. Vì vậy, xây dựng Đảng về đạo đức theo tư tưởng Hồ Chí Minh, cần quán triệt và thực hiện tốt một số biện pháp sau:

Một là, cấp uỷ, tổ chức đảng các cấp phải coi trọng công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên. Giáo dục đạo đức, lối sống cách mạng cho cán bộ, đảng viên là một giải pháp có ý nghĩa nền tảng, góp phần trực tiếp nâng cao phẩm chất chính trị, tư tưởng và đạo đức cách mạng của đội ngũ cán bộ, đảng viên, qua đó củng cố sự trong sạch, vững mạnh của

tổ chức Đảng trong toàn hệ thống chính trị. Đây là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục và cần được các cấp ủy, tổ chức đảng quan tâm thực hiện một cách bài bản, thiết thực và hiệu quả.

Trước hết, cần đưa nội dung giáo dục đạo đức Hồ Chí Minh trở thành một phần không thể tách rời trong sinh hoạt chính trị, học tập lý luận của cán bộ, đảng viên. Việc học tập không chỉ dừng lại ở lý luận mà phải gắn chặt với thực tiễn công tác, sinh hoạt và lối sống hằng ngày. Trong đó, cần tiếp tục thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII, XIII) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị, đảm bảo việc “học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” được hiện thực hóa thông qua hành vi cụ thể như tiết kiệm, chống chủ nghĩa cá nhân, sống gần dân, vì dân. Bên cạnh đó, cần phát huy vai trò nêu gương của đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ chủ trì, lãnh đạo, quản lý các cấp, theo đúng tinh thần của Quy định 101-QĐ/TW và 08-QĐ/TW. Việc nêu gương không chỉ thể hiện ở lời nói mà phải được chứng minh qua hành động, bắt đầu từ những việc nhỏ nhất, thể hiện sự mẫu mực, chính trực, gương mẫu trong đạo đức và lối sống.

Để nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức, cần đa dạng hóa các hình thức truyền thông, tuyên truyền và giáo dục như: Chiếu phim tư liệu, kể chuyện về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, tham quan các địa danh lịch sử cách mạng, tổ chức tọa đàm, diễn đàn trao đổi, giao lưu với những điển hình tiên tiến. Đồng thời, cần rút kinh nghiệm từ các sai phạm điển hình để giáo dục, cảnh tỉnh, nâng cao ý thức trách nhiệm trong tự tu dưỡng đạo đức.

Hai là, đẩy mạnh tự phê bình và phê bình để xây dựng Đảng và giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên. Tự phê bình và phê bình là nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt cơ bản,

là quy luật phát triển nội tại của Đảng Cộng sản Việt Nam; đồng thời, còn là phương thức giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên hiệu quả nhất. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, “Tự phê bình và phê bình là thứ vũ khí sắc bén nhất, nó giúp cho Đảng ta mạnh và ngày càng thêm mạnh. Nhờ nó mà chúng ta sửa chữa khuyết điểm, phát triển ưu điểm, tiến bộ không ngừng”. Đây là nhiệm vụ vừa có tính cấp bách trước những biểu hiện suy thoái đạo đức trong Đảng hiện nay, vừa mang tính lâu dài, thường xuyên trong toàn bộ tiến trình xây dựng và phát triển của Đảng.

Để tự phê bình và phê bình phát huy hiệu quả thực chất, trước hết cần nâng cao nhận thức của cấp ủy, tổ chức đảng và từng cán bộ, đảng viên về vai trò, ý nghĩa và mục tiêu của nguyên tắc này. Phải hiểu rõ rằng, tự phê bình và phê bình không nhằm mục đích làm tổn thương hay trù dập cá nhân, mà là để giúp nhau cùng tiến bộ, sửa chữa khuyết điểm, hoàn thiện phẩm chất đạo đức cách mạng. Các tổ chức đảng cần thường xuyên tổ chức sinh hoạt phê bình, tự phê bình một cách dân chủ, công khai, cầu thị và chân thành, trong đó đặc biệt nhấn mạnh đến trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu. Cán bộ lãnh đạo các cấp phải là những người tiên phong, gương mẫu trong tự soi, tự sửa; chủ động nhận trách nhiệm về những hạn chế, khuyết điểm của tập thể và cá nhân; từ đó tạo động lực thúc đẩy đảng viên khác làm theo. Đồng thời, việc thực hiện tự phê bình và phê bình phải gắn chặt với rèn luyện đạo đức cách mạng, coi đó là một mối quan hệ biện chứng. Phê bình có trách nhiệm, tự phê bình có Dũng khí, cả hai phải được thực hiện trên nền tảng tình đồng chí, đồng đội, tôn trọng sự thật và đặt lợi ích của Đảng, của nhân dân lên trên hết. Cần tránh cả hai khuynh hướng: Nể nang, né tránh gò ý hoặc lợi dụng phê bình để công kích, gây chia rẽ nội bộ.

Để công tác này đi vào chiều sâu, các cấp ủy cần thiết lập quy trình rõ ràng, có tiêu chí đánh giá cụ thể; khen thưởng những tập thể, cá nhân thực hiện tốt và xử lý nghiêm các trường hợp phê bình hình thức, không trung thực hoặc cố tình né tránh trách nhiệm. Đồng thời, nên kết hợp với các hình thức kiểm tra, giám sát nội bộ nhằm phát hiện, uốn nắn kịp thời các biểu hiện lệch chuẩn trong đạo đức, lối sống.

Ba là, đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, gắn với tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là một giải pháp tổng hợp, có giá trị chiến lược lâu dài nhằm bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, đồng thời góp phần hiện thực hóa mục tiêu xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về đạo đức trong thời kỳ mới. Đây không chỉ là yêu cầu cấp thiết trong bối cảnh xuất hiện ngày càng nhiều biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống mà còn là nội dung xuyên suốt trong tiến trình xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

Theo đó, việc học tập và làm theo Bác cần được xác định là nhiệm vụ chính trị thường xuyên của mỗi cán bộ, đảng viên. Không chỉ dừng lại ở việc tiếp thu lý luận, nội dung học tập phải được cụ thể hóa bằng hành động thiết thực, gắn với chức trách, nhiệm vụ được giao. Mỗi cán bộ, đảng viên cần lấy chuẩn mực đạo đức Hồ Chí Minh làm thước đo tự soi, tự sửa, tự rèn luyện trong công tác và trong sinh hoạt hàng ngày. Các cấp ủy, tổ chức đảng cần chủ động đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nhân rộng các mô hình hay, cách làm hiệu quả và biểu dương kịp thời các tập thể, cá nhân tiêu biểu trong học tập và làm theo tư

## HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH

tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Cùng với đó, cần thiết lập và vận hành hiệu quả các cơ chế giám sát, kiểm tra, nhất là từ nội bộ Đảng và giám sát của Nhân dân. Việc phát hiện, đấu tranh và xử lý các biểu hiện suy thoái, vi phạm đạo đức, kỷ luật của cán bộ, đảng viên phải được tiến hành kịp thời, khách quan, công khai, minh bạch. Những cán bộ, đảng viên thiếu phẩm chất, giảm sút uy tín, không còn đủ tiêu chuẩn cần được kiên quyết đưa ra khỏi bộ máy nhằm giữ vững kỷ cương, kỷ luật của Đảng và tăng cường niềm tin của nhân dân. Đặc biệt, nội dung rèn luyện đạo đức theo tư tưởng Hồ Chí Minh cần được lồng ghép chặt chẽ trong các kỳ sinh hoạt chi bộ, trong quá trình đánh giá, phân loại cán bộ, đảng viên hàng năm. Tiêu chí đạo đức, lối sống cần trở thành một trong những căn cứ quan trọng trong công tác quy hoạch, bố trí, sử dụng cán bộ. Trong đó, việc đề cao vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ lãnh đạo, quản lý nhất là người đứng đầu phải được xác định là nguyên tắc bắt buộc, là nhân tố quyết định tính nêu gương trong tổ chức Đảng.

Bốn là, phát huy tính tích cực, tự giác của cán bộ, đảng viên trong việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống suốt đời. Để nâng cao đạo đức cách mạng, trước hết phải xuất phát từ ý thức tự giác của mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ lãnh đạo các cấp. Theo tinh thần Quy định số 144-QĐ/TW ngày 09/5/2024 của Bộ Chính trị về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới, việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức không thể chỉ dừng ở khẩu hiệu mà phải trở thành hành động cụ thể hàng ngày. Đối với cán bộ lãnh đạo, việc nêu gương phải thể hiện bằng những việc làm thiết thực: Đi đầu trong giải quyết những vấn đề khó, không dùn đẩy trách nhiệm; dám nhận khuyết điểm và sửa chữa khi có sai phạm; luôn đặt lợi ích tập thể lên trên lợi ích cá nhân. Mỗi cán bộ,

đảng viên cần chủ động xây dựng kế hoạch rèn luyện bản thân, gắn với nhiệm vụ được giao. Việc “tự soi, tự sửa” phải được thực hiện thường xuyên thông qua các buổi sinh hoạt Đảng, bằng tinh thần tự phê bình và phê bình nghiêm túc. Đồng thời, cần tích cực học tập các tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh để vận dụng vào công việc thực tế. Các tổ chức Đảng cần xây dựng cơ chế giám sát chặt chẽ thông qua việc lấy phiếu tín nhiệm định kỳ, công khai kết quả đánh giá để nhân dân giám sát. Đặc biệt, phải kịp thời biểu dương những điển hình tiên tiến và xử lý nghiêm minh các trường hợp vi phạm. Việc nêu gương của cán bộ, đảng viên phải được coi là nhiệm vụ bắt buộc, là tiêu chí quan trọng trong đánh giá, bổ nhiệm cán bộ.

Xây dựng Đảng về đạo đức theo tư tưởng Hồ Chí Minh là nhiệm vụ sống còn, đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên phải gương mẫu thực hành “cần, kiệm, liêm, chính”. Đây chính là “phép giữ nước” trong thời bình, giúp Đảng tránh xa suy thoái và giữ vững lòng dân. Bài học đạo đức từ Bác mãi là ngọn đuốc soi đường để Đảng vững vàng trước mọi thử thách. Chỉ khi giữ được phẩm chất trong sạch, Đảng mới thực sự xứng đáng với vai trò lãnh đạo đất nước◆

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Chính trị (2016), *Chỉ thị số 05-CT/TW, của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*, Hà Nội.
2. Bộ Chính trị (2024), *Quy định số 144-QĐ/TW của Bộ Chính trị về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới*, Hà Nội.
3. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb CTQG, Hà Nội.

# VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CÔNG TÁC HẬU CẦN QUÂN ĐỘI VÀO XÂY DỰNG NGÀNH HẬU CẦN - KỸ THUẬT QUÂN ĐỘI VỮNG MẠNH

NGUYỄN VĂN CƯƠNG

Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp

*Tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác hậu cần (CTHC) quân đội là hệ thống quan điểm toàn diện, sâu sắc, thể hiện sự quan tâm đặc biệt của Người đối với việc xây dựng và bảo đảm hậu cần cho quân đội. Vận dụng tư tưởng của Người trong xây dựng ngành hậu cần - kỹ thuật (HCKT) quân đội giai đoạn hiện nay có ý nghĩa chiến lược, toàn diện.*

**T**ư tưởng Hồ Chí Minh về CTHC được hình thành từ thực tiễn cách mạng Việt Nam, đặc biệt là trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ; thể hiện sâu sắc quan điểm, vai trò, nhiệm vụ, nguyên tắc tổ chức và phương pháp tiến hành CTHC quân đội. Có thể khái quát tư tưởng đó của Người trên những nội dung sau:

**Thứ nhất**, hậu cần là yếu tố thiết yếu, quyết định sự thành bại của cuộc chiến đấu. Theo Hồ Chí Minh, thắng lợi trong chiến đấu không chỉ dựa vào vũ khí hay chiến thuật, mà còn phụ thuộc rất lớn vào việc bảo đảm đầy đủ, kịp thời lương thực, quân trang, quân y, phương tiện kỹ thuật cho chiến đấu: “Công việc cung cấp cũng quan trọng như việc trực tiếp đánh giặc trước mặt trận: Cung cấp đủ súng đạn, đủ cơm áo cho bộ đội thì bộ đội mới đánh thắng trận, điều đó rất rõ ràng dễ hiểu”. Người còn chỉ rõ, CTHC không chỉ phục vụ cho quân đội mà còn gắn liền với đời sống Nhân dân: “Xe, xăng là mồ hôi, nước mắt, xương máu của nhân dân. Các chú phải chăm sóc xe, yêu xe như con, quý xăng như máu”. Hậu cần quân đội phải gắn bó với hậu phương nhân dân, kết hợp giữa lực lượng hậu cần chuyên nghiệp với sự hỗ trợ của quần chúng. Huy động sức dân, tài

lực, vật lực tại chỗ để phục vụ kháng chiến. Trong thời bình, theo Người, CTHC vẫn giữ vai trò quan trọng xây dựng sức mạnh tổng hợp của quân đội. Hậu cần tham gia huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, phòng chống thiên tai, dịch bệnh, bảo đảm đời sống cho bộ đội và Nhân dân.

**Thứ hai**, phát huy tinh thần tự lực, tự cường trong CTHC. Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu quân đội phải chủ động xây dựng lực lượng hậu cần, đầy mạnh tăng gia sản xuất, nâng cao khả năng bảo đảm tại chỗ: “Các chú phải tranh thủ tăng gia để có thêm rau ăn. Dù nay đây mai đó cũng cần tăng gia. Mình không ăn thì để cho đơn vị khác ăn, nhân dân ăn. Ở đâu và ai cũng làm như thế nhất định có thêm nhiều thức ăn cải thiện”. Trong tổ chức hậu cần, Người yêu cầu: “Tổ chức phải gọn gàng. Nhiệm vụ của mỗi bộ phận, mỗi người phải quy định rõ ràng. Các cấp và các cán bộ lãnh đạo phải giúp đỡ và đôn đốc thường xuyên, phải kiểm tra chặt chẽ”. Trong từng thời kỳ, từng chiến dịch, CTHC phải được tổ chức linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với điều kiện thực tiễn và mục tiêu chiến đấu cụ thể. Hồ Chí Minh luôn đề cao việc học tập kinh nghiệm, tổng kết thực tiễn để không ngừng cải tiến CTHC:

## HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH

“Đoàn kết thân ái, liên tục thi đua, cải tiến kỹ thuật, tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, quản lý xí nghiệp”... để giảm lệ thuộc.

*Thứ ba, xây dựng lực lượng hậu cần vững mạnh, chính quy, hiện đại. Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ, chiến sĩ hậu cần có phẩm chất chính trị vững vàng, chuyên môn giỏi, đạo đức cách mạng: “Các cán bộ, chiến sĩ không được tự mãn trước những thành tích đã đạt được, phải tiếp tục cố gắng đẩy mạnh phong trào thi đua lên một bước nữa, phải tổ chức việc thi đua cho tốt hơn nữa làm cho quân đội ta trở nên hùng mạnh về mọi mặt, sẵn sàng làm tròn nhiệm vụ để xây dựng miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội, đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà. Cán bộ phải chống tư tưởng chủ quan, bảo thủ, phải đẩy mạnh hơn nữa phong trào phê bình và tự phê bình”. Người cẩn dặn, cán bộ hậu cần phải cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư, phục vụ tận tụy, chu đáo, không quan liêu, tham ô, lãng phí: “Các đợt chỉnh huấn đã thu được kết quả khá. Để phát triển và củng cố kết quả ấy, cần phải thực hiện dân chủ, mở rộng phong trào thật thà tự phê bình và phê bình từ trên xuống, từ dưới lên, gây phong trào thiết thực chống quan liêu, tham ô, lãng phí”. Hậu cần quân đội phải phát huy tinh thần “vì dân phục vụ”, chăm lo đời sống bộ đội và cần tiết kiệm, tránh lãng phí, tham ô.*

Thời gian qua, nhận thức rõ vị trí, tầm quan trọng của công tác HCKT trong tạo sức mạnh tổng hợp, khả năng sẵn sàng chiến đấu, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng luôn chú trọng kiện toàn, xây dựng ngành HCKT tinh, gọn, vững mạnh về mọi mặt; nhờ đó, ngành HCKT quân đội đã có sự phát triển cả về tổ chức, lực lượng và nhiệm vụ. Trong bối cảnh khẩn trương, cùng lúc vừa sắp xếp, ổn định tổ chức biên chế, vừa triển khai các mặt bảo đảm. Cùng với đó, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, xây dựng quân đội tinh, gọn, mạnh, tiến lên hiện đại

tiếp tục đặt ra cho ngành HCKT những yêu cầu mới, rất cao, nhất là việc tiếp tục kiện toàn tổ chức, biên chế; xây dựng tiềm lực, thế trận HCKT và tổ chức bảo đảm cho cả nhiệm vụ thường xuyên và đột xuất. Quán triệt, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về CTHC quân đội vào xây dựng ngành HCKT quân đội vững mạnh trong tình hình đó, cần thực hiện tốt một số vấn đề sau:

*Một là, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chỉ huy các cấp đối với công tác HCKT. Cấp ủy, chỉ huy các cơ quan, đơn vị, trước hết là cấp ủy, chỉ huy và đội ngũ cán bộ, nhân viên ngành HCKT tiếp tục quán triệt sâu sắc các chỉ thị, nghị quyết, trọng tâm là Nghị quyết Trung ương 8 (khóa XIII) “về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”; Nghị quyết số 1658-NQ/QUTW, ngày 20/12/2022 của Quân ủy Trung ương “về CTHC Quân đội đến năm 2030 và những năm tiếp theo”. Nghị quyết số 1656-NQ/QUTW, ngày 20/12/2022 của Quân ủy Trung ương “về lãnh đạo công tác kỹ thuật đến năm 2030 và những năm tiếp theo”. Trên cơ sở đó, cụ thể hóa xây dựng nghị quyết lãnh đạo, xác định rõ chủ trương, biện pháp thực hiện phù hợp với đặc điểm, chức năng, nhiệm vụ được giao. Chú trọng nâng cao năng lực nghiên cứu, đề xuất, thực hiện tốt chức năng tham mưu cho lãnh đạo, chỉ huy các cấp về bảo đảm HCKT cho thực hiện các nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, phòng, chống thiên tai, bão lụt; xây dựng tiềm lực, thế trận HCKT vững chắc, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của quân đội trong tình hình mới. Tập trung lãnh đạo đột phá vào các nội dung công tác trọng tâm, trọng điểm và làm chuyển biến những khâu yếu, mặt yếu, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác HCKT từ đơn vị cơ sở. Cùng với đó, các cơ quan, đơn vị HCKT tiếp tục phát huy vai trò nòng cốt trong tham mưu, chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Ngành Hậu cần*

Quân đội làm theo lời Bác Hồ dạy”, Cuộc vận động “Quản lý, khai thác vũ khí, trang bị kỹ thuật tốt, bền, an toàn, tiết kiệm và an toàn giao thông”, tạo động lực, phát huy sức mạnh tổng hợp trong bảo đảm.

*Hai là*, đẩy mạnh kiện toàn tổ chức, biên chế, xây dựng đội ngũ cán bộ, nhân viên HCKT có phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ. Cấp ủy, chỉ huy các cấp tiếp tục đẩy mạnh sắp xếp, tinh chỉnh về biên chế theo hướng gọn, mạnh; tiến hành sắp xếp, bố trí, sử dụng đội ngũ cán bộ, nhân viên HCKT có cơ cấu, số lượng hợp lý, chất lượng cao, có tính kế thừa, phát triển. Chủ trọng thực hiện tốt công tác quy hoạch, bố trí, sử dụng gắn với thực hiện đồng bộ các biện pháp xây dựng đội ngũ cán bộ, nhân viên HCKT có bản lĩnh chính trị vững vàng, năng lực toàn diện, chuẩn hóa về trình độ, tay nghề, làm nòng cốt thực hiện công tác HCKT ở các đơn vị. Tăng cường tổ chức bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ và giáo dục, rèn luyện xây dựng tinh thần, thái độ phục vụ đúng đắn, hết lòng, hết sức vì bộ đội cho đội ngũ cán bộ, nhân viên HCKT. Chủ động phát hiện, chẩn chỉnh và kiên quyết đấu tranh với nhận thức, hành động lệch lạc; tạo điều kiện thuận lợi, có chính sách đãi ngộ phù hợp, khuyến khích cán bộ, nhân viên tự học tập, rèn luyện, nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

*Ba là*, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; nâng cao chất lượng huấn luyện, nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ HCKT. Tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ, chuyển đổi số vào thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, nâng cao chất lượng, hiệu quả, nhất là trong tăng gia sản xuất, sửa chữa, bảo quản, bảo dưỡng vũ khí, trang bị. Tập trung đổi mới nội dung, phương pháp huấn luyện HCKT cho các đối tượng sát thực tiễn của đơn vị; tập trung huấn luyện, diễn tập, nâng cao khả năng

cơ động, bảo đảm cho phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn. Đồng thời, tích cực nghiên cứu, ứng dụng khoa học quân sự và phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật vào thực hiện nhiệm vụ bảo đảm HCKT tại đơn vị. Tập trung xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách, thực hiện tốt công tác bảo đảm HCKT cho các nhiệm vụ. Tiếp tục tham gia nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện cơ chế chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về công tác HCKT, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, phù hợp quy định của pháp luật, nhiệm vụ của quân đội. Tập trung nghiên cứu, đề xuất điều chỉnh, bổ sung hệ thống điều lệ, văn kiện HCKT các cấp và đẩy mạnh đổi mới phương thức bảo đảm HCKT, nâng cao chất lượng thực hiện nhiệm vụ. Chủ trọng đầu tư củng cố, xây dựng các kho, trạm xưởng, khu kỹ thuật; thực hiện tốt công tác bảo quản, bảo dưỡng, sửa chữa, niêm cát trang bị kỹ thuật tại các đơn vị và cơ sở kỹ thuật. Cùng với đó, tiếp tục tham mưu quy hoạch, xây dựng các căn cứ, phân căn cứ HCKT; cải tạo, nâng cấp các hang, hầm đủ sức chứa, dự trữ vật chất HCKT đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cả trước mắt và lâu dài.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về CTHC quân đội là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý luận và thực tiễn, giữa chiến lược và đạo đức, giữa xây dựng và bảo vệ. Trong tình hình hiện nay, tư tưởng của Người tiếp tục là kim chỉ nam, nền tảng để đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác HCKT, đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên mới♦

### Tài liệu tham khảo

- Quân ủy Trung ương (2022), Nghị quyết số 1658-NQ/QUTW “về CTHC Quân đội đến năm 2030 và những năm tiếp theo”, Hà Nội.
- Quân ủy Trung ương (2022), Nghị quyết số 1656-NQ/QUTW “về lãnh đạo công tác kỹ thuật đến năm 2030 và những năm tiếp theo”, Hà Nội.
- Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, Tập 7, 8, 11, 12*, Nxb CTQG, Hà Nội.

# ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG QUẢN LÝ CÔNG TÁC KHOA HỌC Ở HỌC VIỆN HẬU CẦN

Trung tá, ThS. NGUYỄN VĂN TRƯỜNG  
Phòng Khoa học quân sự, Học viện Hậu cần

*Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 phát triển mạnh mẽ, chuyển đổi số (CĐS) đã trở thành xu hướng tất yếu và yêu cầu bắt buộc, đồng thời là động lực chính để nâng cao hiệu quả hoạt động của tất cả các ngành, các lĩnh vực trong đời sống xã hội. Bài viết đề xuất một số nội dung, biện pháp đẩy mạnh CĐS trong quản lý công tác khoa học (CTKH) ở Học viện Hậu cần (HVHC).*

**C**huyển đổi số trong quản lý CTKH là quá trình ứng dụng công nghệ số, các nền tảng số trong toàn bộ quy trình quản lý hoạt động khoa học, nhằm đổi mới, hiện đại hóa phương thức quản lý, nâng cao hiệu quả tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy, điều hành, tối ưu hóa nguồn lực khoa học, từ đề xuất nhiệm vụ nghiên cứu, thẩm định, xét duyệt, giao nhiệm vụ, triển khai thực hiện đến đánh giá, nghiệm thu, công nhận, công bố và lưu trữ và ứng dụng, chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học (NCKH). Trong những năm qua, quản lý CTKH ở HVHC luôn bám sát các nghị quyết, kế hoạch, hướng dẫn của các cấp, đặc biệt là Nghị quyết số 1652-NQ/QUTW, ngày 20/12/2022 của Quân ủy Trung ương, Kế hoạch số 1122/KH-BQP, ngày 07/4/2023 của Bộ Quốc phòng. Học viện tích cực đổi mới và hoàn thiện cơ chế, quy trình quản lý CTKH theo tiêu chuẩn ISO 9000-2015, xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch KH,CN&MT năm học đồng bộ, thống nhất, hiệu quả bám sát thực tiễn. Thường xuyên kiện toàn, phát huy vai trò của cơ quan, hội đồng khoa học các cấp trong quản lý CTKH. Trong giai đoạn 2020 - 2025, Học viện nghiên cứu, biên soạn 381 GT, TL; 484 ĐT, SK các cấp, dự thi giải

thưởng TTST toàn quân đạt kết quả cao, hàng năm Học viện được Bộ Quốc phòng tặng Bằng khen; xây dựng và phát triển tiềm lực khoa học đạt kết quả tốt (bổ nhiệm 01 GS, 19 PGS, xét và công nhận chức danh sĩ quan CM-KT-NV cho 343 đồng chí).

Tuy nhiên, quản lý CTKH chưa có bước đột phá về đổi mới phương thức quản lý, việc ứng dụng công nghệ thông tin, những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.0, đặc biệt là CĐS trong quản lý còn hạn chế như: Hệ thống cơ sở dữ liệu khoa học, kết quả NCKH, nhà khoa học chưa được cập nhật đầy đủ, liên tục, kịp thời; công tác quản lý và chia sẻ thông tin về hoạt động khoa học quân sự chưa thật sự hiệu quả, chưa theo kịp quá trình CĐS và chưa tương xứng với tiềm năng của Học viện. Những hạn chế này là do nhận thức về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của CĐS trong quản lý CTKH của một số cơ quan, đơn vị chưa thật đầy đủ; chưa đánh giá hết những thuận lợi, khó khăn của CĐS; chưa sử dụng nhiều các phần mềm, dữ liệu số được ứng dụng trong công tác quản lý; chưa có nhiều cán bộ, giảng viên có trình độ công nghệ thông tin cao tham gia vào hoạt động quản lý; cơ sở hạ tầng, trang thiết bị còn hạn chế. Vì vậy, để đẩy mạnh

CĐS trong quản lý CTKH, hướng tới quản lý CTKH quân sự trên môi trường số ở Học viện cần phải tập trung làm tốt một số nội dung, giải pháp chủ yếu sau:

**Một là**, tăng cường vai trò lãnh đạo của cấp ủy, chỉ huy các cấp; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, giảng viên về CĐS trong quản lý CTKH. Đây là giải pháp có vai trò quan trọng, định hướng đến việc triển khai nghiêm túc, hiệu quả các quan điểm, đường lối, chủ trương, kế hoạch của Đảng, Nhà nước, Quân đội và Học viện về CĐS, từ đó tạo sự chuyển biến nhận thức, tư duy, trách nhiệm của cán bộ, giảng viên về CĐS trong quản lý CTKH. Trước tiên cấp ủy, chỉ huy các cấp cần phải quán triệt sâu sắc Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 03/NQ-CP, ngày 09/01/2025 của Chính phủ, Nghị quyết số 3488-NQ/QUTW, ngày 29/01/2025 của Quân ủy Trung ương, Kế hoạch số 536/KH-BQP, ngày 31/01/2025 của Bộ Quốc phòng; Kế hoạch số 3126/KH-HV, ngày 31/5/2025 về triển khai phong trào “Bình dân học vụ số” ở Học viện Hậu cần. Giáo dục nâng cao nhận thức, phát huy tinh thần trách nhiệm của cán bộ, giảng viên, nhất là cán bộ quản lý khoa học ở các cơ quan, khoa, đơn vị nhận thức đúng đắn và sâu sắc vai trò, lợi ích, thấy rõ xu thế tất yếu, khách quan phải đẩy mạnh CĐS trong quản lý CTKH, phải xem đây là nhiệm vụ quan trọng từ đó sẽ phát huy nội lực, tiềm năng của cán bộ, giảng viên.

Cấp uỷ, lãnh đạo, chỉ huy các cấp cần phải xác định và đưa nội dung CSD là một nội dung trọng yếu để lãnh đạo, chỉ đạo từ đó đề ra chủ trương, định hướng đúng đắn, xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể về CĐS trong quản lý CTKH, phân công nhiệm vụ rõ ràng; đồng thời thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện. Tăng cường, đa dạng hóa

các hình thức, phương pháp giáo dục tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, kết quả đạt được khi thực hiện CĐS, như: Lồng ghép trong học tập chính trị, quán triệt trong các buổi sinh hoạt tập trung, trong giao ban triển khai công việc, tuyên truyền trên các bản tin phát thanh, cổng thông tin điện tử, website của Học viện. Phát huy tinh thần tiền phong, gương mẫu của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, chỉ huy và cán bộ quản lý khoa học trong việc ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng thành thạo các phần mềm quản lý khoa học, phần mềm dùng chung, khai thác dữ liệu khoa học, nền tảng số, kỹ năng tác nghiệp trên môi trường số... qua đó tạo sự lan tỏa, thúc đẩy toàn đơn vị cùng tham gia, đẩy mạnh CĐS một cách tích cực, hiệu quả và bền vững.

**Hai là**, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý CTKH. Đây là giải pháp then chốt, quyết định hiệu quả của CĐS trong quản lý CTKH, đồng thời góp phần nâng cao trình độ công nghệ thông tin (CNTT), kỹ năng số cho cán bộ, giảng viên, nhất là cán bộ làm quản lý CTKH ở các cơ quan, đơn vị đáp ứng với chiến lược CĐS ở Học viện hiện nay. Ứng dụng CNTT trong quản lý CTKH tập trung vào quản lý NCKH; cơ sở dữ liệu khoa học; quản lý tiềm lực khoa học; quản lý công bố, ứng dụng, chuyển giao kết quả NCKH; hỗ trợ thống kê, phân tích số liệu, báo cáo, xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ NCKH.

Để ứng dụng CNTT trong quản lý CTKH đạt hiệu quả cao, đáp ứng yêu cầu CĐS cần nghiên cứu, thiết kế, triển khai hệ thống phần mềm quản lý khoa học thống nhất, toàn diện, có tính mở, khả năng tùy biến theo yêu cầu quản lý của Học viện trong từng giai đoạn cụ thể; tích hợp được với các phần mềm chuyên sâu của quá trình quản lý khoa học như: Phần mềm tính giờ NCKH của cán bộ, giảng viên, phần mềm quản lý tiến độ NCKH. Phát triển, ứng dụng

cơ sở dữ liệu dùng chung về khoa học như dữ liệu đề tài, sáng kiến, giáo trình, tài liệu các cấp, sản phẩm NCKH, ấn phẩm thông tin khoa học, bài báo khoa học, thư viện số, thư viện dùng chung, số hóa hồ sơ, tài liệu liên quan đến NCKH. Xây dựng và triển khai phần mềm quản lý nhà khoa học, lý lịch khoa học, thành tích khoa học, chức danh khoa học. Xây dựng, thường xuyên cập nhật kết quả NCKH trên cổng thông tin khoa học; liên kết với hệ thống công thông tin khoa học của các cơ quan, đơn vị để quảng bá, chia sẻ, hợp tác NCKH. Ứng dụng công nghệ AI hỗ trợ xây dựng kế hoạch khoa học công nghệ và môi trường, báo cáo, phân tích, đánh giá xu hướng và tối ưu hóa quá trình ra quyết định. Ứng dụng CNTT phải theo hướng tương thích, kết nối được với nhau, triển khai trên nền tảng web chạy trên mạng truyền số liệu quân sự, kết nối mạng dữ liệu dùng chung và chia sẻ dữ liệu trên nền tảng học trực tuyến mở đại trà đối với các đơn vị trong Học viện và toàn quân.

Ứng dụng CNTT trong quản lý CTKH cần phải phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất, hạ tầng số, nhất là hệ thống máy chủ; trình độ CNTT, kỹ năng tác nghiệp trên môi trường số của cán bộ, giảng viên; khả năng triển khai bám sát với Kế hoạch CDS ở Học viện và từng bước xây dựng lộ trình CDS trong lĩnh vực khoa học quân sự giai đoạn 2025-2030 và những năm tiếp theo phù hợp; trước mắt là hoàn thành xây dựng quy trình, nghiên cứu, tổ chức triển khai và vận hành quản lý CTKH toàn trình trên hệ thống mạng nội bộ của Học viện. Việc ứng dụng CNTT trong quản lý CTKH giúp tối ưu hóa, hiện đại hóa quy trình quản lý, xây dựng nền tảng cho sự phát triển bền vững, hiệu quả của hoạt động NCKH ở Học viện.

Ba là, nâng cao trình độ chuyên môn về CDS cho đội ngũ cán bộ, giảng viên trong quản lý CTKH.

Đây là biện pháp nhằm phát huy hiệu quả nguồn nhân lực của Học viện. CDS trong quản lý CTKH ở Học viện là quá trình lâu dài, liên tục cần có sự tham gia của các cơ quan, khoa, đơn vị. Chất lượng, hiệu quả của CDS không chỉ phụ thuộc vào sự phối hợp thống nhất, chặt chẽ của các lực lượng, trong tất cả các khâu, các bước trong quá trình thực hiện mà phụ thuộc rất nhiều vào trình độ CNTT, kỹ năng số của cán bộ, giảng viên trên môi trường số. Học viện cần phối hợp với các cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng, các học viện, nhà trường, trung tâm xây dựng kế hoạch và triển khai mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng tập huấn, tọa đàm, hội thảo khoa học về các kỹ năng công nghệ thông tin, trình độ ngoại ngữ, kỹ năng số trong quản lý CTKH, giải pháp bảo mật, an toàn thông tin, xây dựng văn hóa số, tư duy số trong cho đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhà khoa học; chú trọng cử cán bộ, giảng viên đi đào tạo cơ bản, chuyên sâu trong và ngoài nước đối với ngành CNTT, AI... nhằm đáp ứng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và CDS trong Học viện. Xây dựng quy hoạch, điều động, bổ nhiệm, sắp xếp cán bộ nên bố trí, sắp xếp cán bộ, giảng viên trực tiếp làm công tác quản lý khoa học không chỉ có chuyên môn vững vàng mà còn phải có khả năng sử dụng thành thạo CNTT, ngoại ngữ, có kỹ năng tác nghiệp trên môi trường số, khả năng tổng hợp phân tích dữ liệu lớn, đặc biệt là khả năng nắm bắt, thu thập, xử lý thông tin và khai thác, sử dụng hiệu quả các sản phẩm được ứng dụng trong quản lý CTKH.

Tạo điều kiện, khuyến khích động viên cán bộ, giảng viên tự học tập, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ trình độ; đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhà khoa học và cán bộ đảm nhiệm công tác quản lý khoa học phải thường xuyên, liên tục cập nhật, nâng cao trình độ CNTT, kỹ năng số và trình độ ngoại ngữ; xác định rõ kỹ năng CNTT, kỹ năng số

cần phải nâng cao, phân chia thời gian học và thực hành hợp lý, thường xuyên đánh giá tiến độ, điều chỉnh mục tiêu cho phù hợp; khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên và hình thức tự học tập hợp lý như tự học trên các nền tảng trực tuyến, thông qua tài liệu; tăng cường trao đổi tự học với đồng chí, đồng đội, các nhóm học tập, tham gia các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, giao lưu cập nhật kiến thức mới về CNTT và CDS; thường xuyên cập nhật, nắm bắt xu thế phát triển công nghệ, tích cực ứng dụng CNTT, kỹ năng số vào công việc thực tế đang đảm nhiệm để nâng cao trình độ, kỹ năng trên môi trường số.

Bốn là, tích cực huy động các nguồn lực, đầu tư hiện đại hóa cơ sở hạ tầng đảm bảo cho chuyển đổi số trong quản lý CTKH. Đây là giải pháp nền tảng để đổi mới, nâng cao chất lượng quản lý CTKH. Trước hết cần tăng cường cơ sở vật chất, bổ sung hệ thống phần cứng, phần mềm, mạng máy tính và hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung từng bước nâng cao điều kiện NCKH đáp ứng Kế hoạch CDS, xây dựng chính phủ điện tử tại Học viện Hậu cần trong thời gian tới. Tạo điều kiện tốt nhất về cơ sở hạ tầng kỹ thuật và CNTT cho cán bộ, giảng viên được tiếp cận, sử dụng những tiện ích, giá trị mà CNTT mang lại phục vụ cho hoạt động NCKH là rất cần thiết.

Đầu tư hiện đại hóa cơ sở hạ tầng và các điều kiện đảm bảo cho ứng dụng CNTT trong quản lý CTKH trong bối cảnh nguồn lực còn hạn chế, cần phải trọng tâm, trọng điểm. Trong đó tích cực tạo nguồn kinh phí để nghiên cứu các phần mềm, xây dựng cơ dữ liệu dùng chung ứng dụng trong CDS nói chung và công tác quản lý nói riêng. Đầu tư, nâng cấp hiện đại hóa, đồng bộ hạ tầng CNTT như: Xây dựng phần mềm dùng chung; nâng cấp mở rộng tỷ lệ kết nối mạng truyền số liệu quân sự, mạng Internet kết nối đến 100% cán bộ, giảng viên, nhân

viên; nâng cấp máy chủ đủ khả năng tích hợp, chạy các phần mềm và lưu trữ dữ liệu với dung lượng lớn, băng thông rộng, tốc độ cao; xây dựng hệ thống khai thác, chia sẻ dữ liệu NCKH hiện đại, đồng bộ thông qua hệ thống thư viện số, thư viện dùng chung... để từng bước hình thành hệ sinh thái số ở Học viện và trong quản lý CTKH.

Trước sự phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, CDS trong giai đoạn hiện nay nhiệm vụ NCKH ở Học viện liên tục có sự phát triển, với yêu cầu ngày càng cao, quá trình thực hiện còn xuất hiện những vấn đề nảy sinh và khó khăn mới đòi hỏi phải đổi mới phương thức quản lý, theo kịp xu hướng do vậy đẩy mạnh CDS trong quản lý CTKH là nhiệm vụ quan trọng, góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ NCKH ở Học viện Hậu cần hiện nay♦

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Chính trị (2024), *Nghị quyết Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*, Hà Nội.
2. Học viện Hậu cần (2025), *Kế hoạch số chuyên đổi số của Học viện Hậu cần năm 2025*, Hà Nội.
3. Quân uỷ Trung ương (2022), *Nghị quyết số 1652-NQ/QUTW ngày 20/12/2022 của Quân ủy Trung ương về lãnh đạo CTKH quân sự đến năm 2030 và những năm tiếp theo*, Hà Nội.
4. Quân uỷ Trung ương (2025), *Nghị quyết số 3488-NQ/QUTW ngày 29/01/2025 của Quân ủy Trung ương về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong Quân đội*, Hà Nội.
5. Quân uỷ Trung ương (2025), *Kế hoạch triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” trong Quân đội*, Hà Nội.

# **PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUÂN SỰ TRONG ĐỊNH HƯỚNG DỰ LUẬN XÃ HỘI, BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG**

**Thượng tá, TS. VŨ TRƯỜNG GIANG**  
*Trường Sĩ quan Chính trị*

*Đội ngũ trí thức khoa học xã hội và nhân văn (KHXH&NV) quân sự trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia vào công tác giáo dục, tuyên truyền, nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn nhằm phục vụ nhiệm vụ xây dựng quân đội vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Vì vậy, phát huy vai trò của đội ngũ trí thức KHXH&NV quân sự trong bảo vệ nền tảng tư tưởng (NTTT) của Đảng luôn là vấn đề cấp thiết hiện nay.*

**D**ội ngũ trí thức KHXH&NV quân sự được hiểu là những cán bộ chính trị, giảng viên, nhà nghiên cứu, nhà báo, chuyên gia có trình độ chuyên môn cao trong các lĩnh vực KHXH&NV, hoạt động trong môi trường quân đội. Đây là lực lượng có trình độ học vấn cao, có năng lực tư duy lý luận, phẩm chất chính trị vững vàng; là lực lượng nòng cốt đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, định hướng dư luận xã hội, bảo vệ vững chắc trận địa tư tưởng của Đảng trong quân đội.

Những năm qua, đội ngũ trí thức KHXH&NV quân sự đã thể hiện vai trò quan trọng trong việc cung cấp luận cứ khoa học, định hướng tư tưởng cho cán bộ, chiến sĩ và phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Họ đã chủ động tham gia xây dựng các luận cứ lý luận, phục vụ cho việc hoạch định đường lối, chiến lược phát triển đất nước và quân đội; tích cực đấu tranh tư tưởng - lý luận, bảo vệ NTTT của Đảng trong quân đội. Tuy nhiên, việc phát huy vai trò của đội ngũ trí thức KHXH&NV quân sự trong định hướng dư luận xã hội, bảo vệ NTTT của Đảng hiện nay vẫn còn hạn chế nhất định, như: Nhận thức của một số cấp ủy, chỉ huy về vai trò, vị

trí của đội ngũ trí thức KHXH&NV quân sự chưa thực sự đầy đủ và sâu sắc, điều này dẫn đến việc bối rối, sử dụng đội ngũ trí thức chưa hợp lý, thiếu chính sách khuyến khích, tạo động lực để họ phát huy hết năng lực, sở trường. Chất lượng đội ngũ trí thức chưa đồng đều, cơ cấu còn mất cân đối; một bộ phận trí thức còn thiếu thực tiễn, năng lực nghiên cứu và phản biện còn hạn chế, chưa theo kịp yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số và không gian mạng vừa tạo thuận lợi trong việc phổ biến tri thức, tuyên truyền, định hướng dư luận, nhưng cũng đặt ra những thách thức không nhỏ. Các thế lực thù địch triệt để lợi dụng mạng xã hội để lan truyền thông tin xấu độc, kích động tâm lý tiêu cực, gây nhiễu loạn thông tin, làm một bộ phận cán bộ, chiến sĩ hoang mang, thậm chí rơi vào tình trạng “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Trong bối cảnh đó, nếu đội ngũ trí thức không thường xuyên cập nhật kiến thức, không đủ khả năng nhận diện và phản bác các luận điệu sai trái thì sẽ khó đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Để phát huy vai trò đội ngũ trí thức KHXH&NV quân sự trong định hướng dư

luận xã hội, bảo vệ NTTT của Đảng hiện nay, cần thực hiện tốt các biện pháp sau:

*Một là*, nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho các tổ chức, các lực lượng về vai trò đội ngũ trí thức KHXH&NV quân sự trong định hướng dư luận xã hội, bảo vệ NTTT của Đảng; phân công, giao nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng và có cơ chế, chính sách phù hợp. Đây là điều kiện tiên quyết để tạo lập cơ chế lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất, thúc đẩy sự phối hợp hiệu quả giữa các tổ chức đảng, chỉ huy, cơ quan chức năng và tổ chức quần chúng. Vì vậy, các đơn vị phải cụ thể hóa chủ trương này trong nghị quyết, kế hoạch tư tưởng, đẩy mạnh tuyên truyền và phát huy vai trò các cơ quan, tổ chức trong công tác quy hoạch, đào tạo, sử dụng và tạo diễn đàn để trí thức đóng góp hiệu quả. Bên cạnh đó, cơ quan chính trị, cơ quan chuyên môn cần tham mưu, phát hiện, quy hoạch, đào tạo, sử dụng và bảo vệ đội ngũ trí thức; tổ chức bồi dưỡng kỹ năng định hướng dư luận, đấu tranh phản bác thông tin sai trái, đồng thời xây dựng hệ thống dữ liệu phục vụ nghiên cứu, giảng dạy. Cần tạo điều kiện để trí thức tiếp cận học liệu mới, tham gia hoạt động học thuật, phản biện và trao đổi lý luận nhằm nâng cao hiệu quả công tác tư tưởng - lý luận trong quân đội. Các tổ chức quần chúng cần phối hợp chặt chẽ với đội ngũ trí thức trong tổ chức diễn đàn chính trị, hội thi, xây dựng các mô hình tuyên truyền, phản bác thông tin xấu độc có sự cố vấn của trí thức.

*Hai là*, bồi dưỡng năng lực lý luận, năng lực truyền thông, công nghệ thông tin cho đội ngũ trí thức KHXH&NV quân sự; tập trung nâng cao năng lực lý luận, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm, đường lối của Đảng vào nghiên cứu và thực tiễn công tác. Phát triển năng lực truyền thông, tức là khả năng truyền đạt tư tưởng, lập luận sắc bén, thuyết phục với các nhóm đối tượng trong quân đội. Nâng cao trình độ ứng dụng công

nghệ thông tin, đặc biệt là kỹ năng sử dụng nền tảng số, mạng xã hội, công cụ truyền thông hiện đại để truyền bá tư tưởng đúng đắn, định hướng dư luận và chủ động đấu tranh trên không gian mạng.

Để làm được điều đó, cấp ủy, tổ chức đảng và chỉ huy các cấp cần xây dựng kế hoạch bồi dưỡng phù hợp với yêu cầu mới của cuộc đấu tranh tư tưởng. Các học viện, nhà trường, viện nghiên cứu trong quân đội nên phối hợp với cơ quan chức năng tổ chức các khóa tập huấn ngắn hạn, chuyên sâu theo từng nhóm năng lực. Nội dung cần tích hợp kỹ năng viết bài tuyên truyền, nói chuyện chuyên đề, thiết kế nội dung số và sử dụng thành thạo các nền tảng truyền thông. Tăng cường hoạt động tọa đàm, hội thi, sinh hoạt chuyên môn để đội ngũ trí thức vừa học tập, vừa thực hành và nâng cao chất lượng cả về chuyên môn, kỹ năng và bản lĩnh chính trị.

Ngoài ra, cấp ủy, chỉ huy các cấp trong đơn vị cần cho phép trí thức tham gia trực tiếp vào hoạt động tuyên truyền, sản xuất nội dung truyền thông. Cần lựa chọn những cá nhân tiêu biểu, có trình độ và trách nhiệm cao để giao nhiệm vụ chuyên biệt như biên soạn tài liệu, thiết kế sản phẩm phản bác luận điệu sai trái. Đầu tư cơ sở vật chất hiện đại, như: Thư viện số, phòng truyền thông số, công nghệ AI... làm nền tảng để đội ngũ trí thức bảo vệ NTTT của Đảng trong tình hình mới.

*Ba là*, tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học gắn với thực tiễn đấu tranh tư tưởng của đội ngũ trí thức KHXH&NV quân sự. Nghiên cứu khoa học cần tập trung vào các vấn đề lý luận và thực tiễn cấp thiết, như: Âm mưu “diễn biến hòa bình”, định hướng dư luận xã hội trong các tình huống chính trị - xã hội phức tạp, mô hình tuyên truyền trong thời đại số, giá trị văn hóa quân sự cách mạng... Các đề tài phải gắn với thực tiễn, phục vụ nhiệm vụ xây dựng Quân đội

## **ĐẤU TRANH, BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG**

vững mạnh về chính trị, có khả năng ứng dụng cao trong công tác tư tưởng và truyền thông quân đội.

Các viện nghiên cứu, học viện, nhà trường, cơ quan chính trị cần chủ động xây dựng kế hoạch nghiên cứu hằng năm, khuyến khích hình thành các nhóm nghiên cứu liên ngành, liên kết giữa lý luận với thực tiễn cơ sở. Mở rộng nội dung nghiên cứu sang các vấn đề xã hội - tư tưởng trong quân đội, kết hợp ứng dụng công nghệ hiện đại như AI, big data nhằm nâng cao năng lực dự báo, phân tích xu hướng dư luận. Đồng thời, tăng cường liên kết giữa nghiên cứu với công tác báo chí, tuyên truyền để chuyển hóa kết quả nghiên cứu thành sản phẩm thực tiễn. Đồng thời, cần có cơ chế động viên, đầu tư tài chính, xây dựng mạng lưới chuyên gia lý luận - phản biện, góp phần củng cố vai trò nòng cốt trên mặt trận tư tưởng của đội ngũ trí thức KHXH&NV quân sự hiện nay.

Bốn là, tạo môi trường thuận lợi để đội ngũ trí thức KHXH&NV tham gia hiệu quả vào đấu tranh phản bác thông tin sai trái, thù địch. Nội dung này cần bắt đầu từ nhận thức, thái độ và chính sách của các cấp ủy, tổ chức đảng, người chỉ huy. Để thực hiện hiệu quả, cần tạo điều kiện cho trí thức tham gia vào thực tiễn đơn vị, từ đó có góc nhìn sát thực tế và khả năng phản ánh đúng tâm tư, nguyện vọng của quân nhân. Việc được trực tiếp nghiên cứu, trao đổi, phản biện xã hội sẽ giúp nâng cao tính thực chiến của các sản phẩm tư tưởng - lý luận. Đồng thời, cần xây dựng hành lang pháp lý và chính sách bảo vệ đội ngũ trí thức trước các nguy cơ bị công kích, xuyên tạc khi tham gia đấu tranh tư tưởng, nhất là trên môi trường số đầy phức tạp.

Để hiện thực hóa định hướng trên, cần đầu tư xây dựng các trung tâm, nhóm nghiên cứu, diễn đàn học thuật có sự kết nối chặt chẽ giữa cơ quan nghiên cứu, đào

tạo, cơ quan chính trị và đơn vị cơ sở trong toàn quân. Đồng thời, bảo đảm cho đội ngũ trí thức được tiếp cận thông tin kịp thời, giao lưu học thuật trong nước và quốc tế, góp phần nâng cao tư duy phản biện và kỹ năng truyền thông sáng tạo; có cơ chế khen thưởng, khuyến khích phù hợp, tạo động lực phát huy vai trò, khơi dậy tinh thần công hiến. Việc xây dựng “không gian học thuật mở” trong quân đội là bước đi chiến lược để đội ngũ trí thức KHXH&NV được tự do tư duy trong khuôn khổ lý luận của Đảng, góp phần bền vững cho mặt trận tư tưởng trong tình hình mới.

Năm là, xây dựng cơ chế phối hợp giữa đội ngũ trí thức với các lực lượng khác trong định hướng dư luận, bảo vệ NTTT của Đảng. Muốn vậy, cấp ủy, chỉ huy các cấp cần ban hành quy chế phối hợp cụ thể, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, cơ chế làm việc giữa đội ngũ trí thức với các cơ quan, tổ chức trong đơn vị. Tổ chức các hội nghị chuyên đề, diễn đàn trao đổi giữa trí thức và cán bộ chủ trì nhằm thống nhất nhận thức, chia sẻ kinh nghiệm và phối hợp hiệu quả trong công tác tư tưởng. Xây dựng các mô hình phối hợp linh hoạt như “Tổ tư vấn lý luận – tư tưởng”, “Câu lạc bộ lý luận trẻ”, đồng thời ứng dụng công nghệ, mạng xã hội để mở rộng tương tác và nâng cao khả năng phản ứng nhanh với các vấn đề tư tưởng này sinh♦

### **Tài liệu tham khảo**

1 Ban Chỉ đạo 35 Quân ủy Trung ương (2023), *Báo cáo sơ kết 05 năm về tăng cường bảo vệ NTTT của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới, Hà Nội*.

2. Tổng cục Chính trị (2024), *Kỷ yếu Hội nghị sơ kết 5 năm thực hiện Đề án “Quân đội phòng, chống “diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa trong tình hình mới”, Hà Nội*.

## TIẾP TỤC THỰC HIỆN TỐT PHONG TRÀO THI ĐUA “NGÀNH HẬU CẦN QUÂN ĐỘI LÀM THEO LỜI BÁC HỒ DẠY” Ở HỌC VIỆN HẬU CẦN

Thượng tá, TS. LÊ ĐÌNH QUÂN

Chủ nhiệm Hậu cần - Kỹ thuật, Học viện Hậu cần

NHỮNG năm qua, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Giám đốc Học viện Hậu cần, cấp ủy, chỉ huy các cấp trong toàn Học viện đã quán triệt, chỉ đạo và triển khai thực hiện toàn diện, đồng bộ, hiệu quả Phong trào thi đua “Ngành Hậu cần Quân đội làm theo lời Bác Hồ dạy” giai đoạn 2020 – 2025 (sau đây gọi tắt là Phong trào thi đua - PTTĐ), đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ, được thể hiện chủ yếu trên các nội dung sau:

*Thứ nhất*, PTTĐ đã thúc đẩy các cơ quan, đơn vị trong toàn Học viện nỗ lực khắc phục khó khăn, thực hiện tốt nhiệm vụ hậu cần bảo đảm cho huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu (SSCD) và đột xuất. Quá trình thực hiện PTTĐ, hệ thống văn kiện hậu cần, kỹ thuật (HC-KT) sẵn sàng chiến đấu cấp Học viện và các cơ quan, đơn vị đã được điều chỉnh, hoàn thiện phù hợp với tình hình nhiệm vụ sau khi thành lập Ngành HC-KT, bám sát nội dung diễn tập cho các đối tượng của Học viện. Duy trì lượng dự trữ SSCD đủ về số lượng, tốt về chất lượng. Kịp thời điều chỉnh kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế; thực hiện đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả các biện pháp phòng, chống đại dịch Covid-19. Xây dựng kế hoạch, tổ chức luyện tập và bảo đảm mọi mặt về hậu cần cho các cuộc diễn tập; tham gia diễn tập HN-24 phục vụ Bộ kiểm tra; phòng, chống thiên tai, bão lũ. Trong khắc phục hậu quả của Bão Yagi, Học viện đã huy động hàng trăm lượt cán bộ, học viên, chiến sỹ tích cực phối hợp, giúp đỡ nhân dân trên địa bàn đứng quân, ổn định cuộc sống.

Đặc biệt, Học viện đã đưa 40 lượt cán bộ, học viên chuyên ngành Doanh trại tham gia dự án xây dựng khu tái định cư tại tỉnh Cao Bằng, Thái Nguyên, để lại ấn tượng tốt đẹp trong lòng nhân dân.

*Thứ hai*, PTTĐ đã thúc đẩy các cơ quan, đơn vị trong toàn Học viện làm tốt công tác bảo đảm hậu cần thường xuyên. Ngành HC-KT Học viện đã tích cực, chủ động khai thác, tạo nguồn lương thực, thực phẩm (LTTP) có chất lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, giá cả hợp lý. Tiến hành lắp đặt 100% hệ thống bếp dầu, góp phần giảm thiểu khí thải bảo vệ môi trường.

Thường xuyên duy trì thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm; tiến hành quy hoạch, cải tạo đồng bộ, hiệu quả khu tăng gia sản xuất (TGSX), chăn nuôi; tích cực ứng dụng khoa học kỹ thuật trong TGSX gắn với bảo vệ môi trường và vệ sinh an toàn thực phẩm. Từng bước thực hiện có hiệu quả Đề án QN-21, góp phần nâng cao chất lượng huấn luyện thực hành chuyên ngành quân nhu. Chủ động tạo nguồn, tổ chức tiếp nhận, cấp phát đầy đủ, kịp thời tiêu chuẩn quân trang cho các đối tượng. Đưa xe bếp tự hành vào bảo đảm ăn uống trong huấn luyện, diễn tập, đáp ứng linh hoạt các phương thức bảo đảm.

Học viện tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, đẩy mạnh PTTĐ xây dựng “Đơn vị quân y 5 tốt”. Duy trì nghiêm chế độ trực nghiệp vụ, trực SSCD; kết hợp chặt chẽ giữa công tác bảo đảm và tham gia huấn luyện, diễn tập;

## THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

bảo đảm tốt quân y phục vụ diễn tập, tập bài dã ngoại và các nhiệm vụ đột xuất. Hướng dẫn thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh, say nắng, say nóng. Tổ chức tốt việc khám, chữa bệnh, cấp cứu, thu dung và điều trị theo quy định; quản lý, chăm sóc, bảo vệ sức khỏe bộ đội, tỷ lệ quân số khỏe đạt trên 99,7% trở lên. Phối hợp chặt chẽ với các bệnh viện tuyến trên trong khám sức khoẻ định kỳ cho 100% cán bộ, nhân viên, học viên, chiến sỹ; khám tuyển sinh quân sự theo đúng kế hoạch và hướng dẫn của trên. Thực hiện tốt công tác dân số, gia đình và trẻ em, chương trình quân, dân y kết hợp.

Trong xây dựng và quản lý doanh trại chính quy, xanh, sạch, đẹp; Học viện đã tiến hành điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng doanh trại các khu vực đóng quân. Triển khai, duy trì tiến độ, hoàn thành các dự án, công trình xây dựng cơ bản, công trình nước sạch, hạ tầng kỹ thuật, sân, đường, tường rào, xóa nhà cấp 4 xuống cấp nghiêm trọng thiết thực góp phần xây dựng cảnh quan doanh trại. Tôn tạo, mở rộng khu di tích Quốc gia tại xã Yên Trạch (Thái Nguyên) bảo đảm chất lượng. Quản lý, sử dụng đất quốc phòng, nhà ở công vụ chặt chẽ, đúng mục đích. Bảo đảm đầy đủ, kịp thời, đồng bộ cơ sở vật chất, doanh cụ, điện, nước cho các đối tượng theo từng nhiệm vụ. Mở rộng diện tích các công trình, dự án, khuôn viên doanh trại, phát triển vườn hoa, cây cảnh, sân đường, gắn với nâng cao chất lượng huấn luyện, kỹ năng thực hành cho học viên chuyên ngành doanh trại.

Chủ động tiếp nhận, tạo nguồn khai thác bảo đảm đúng, đủ, kịp thời nhu cầu xăng dầu cho các nhiệm vụ thường xuyên và đột xuất của Học viện. Duy trì nền nếp chế độ công tác bảo quản, bảo vệ, sửa chữa, củng cố hệ thống kho tàng, phương tiện - kỹ thuật xăng dầu; tiến hành đồng bộ các biện pháp bảo đảm chất lượng, an toàn, phòng chống cháy nổ kho, trạm xăng

dầu. Tiến hành xây dựng khu huấn luyện thực hành chuyên ngành xăng dầu tại thao trường KV2; sửa chữa, nâng cấp kho, trạm cấp phát; bổ sung các trang thiết bị vật tư kỹ thuật xăng dầu ở các khu vực, góp phần nâng cao chất lượng công tác bảo đảm và huấn luyện thực hành cho học viên.

Tổ chức tiếp nhận, quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả các phương tiện vận tải; duy trì chặt chẽ, nền nếp chế độ công tác của ngành Xe máy - Vận tải, bảo đảm hệ số kỹ thuật đạt 0,9 trở lên, hệ số bảo đảm bằng 1; hoàn thành 100% kế hoạch vận chuyển, đáp ứng kịp thời các nhiệm vụ thường xuyên, huấn luyện dã ngoại, diễn tập... Tiến hành đầu tư, xây dựng mới "Bài tập lái xe" đạt chuẩn; thường xuyên kiểm tra, sát hạch nhằm nâng cao trình độ đội ngũ lái xe của Học viện và chất lượng huấn luyện thực hành cho học viên chuyên ngành Vận tải. Đã phối hợp với Cục Xe máy - Vận tải tổ chức huấn luyện, sát hạch lái xe hạng C đổi với xe Kamaz thay cho xe Zil 130; đưa 3 phương tiện vận tải thủy vào huấn luyện cho các đối tượng học viên.

Thứ ba, PTTĐ đã góp phần nâng cao chất lượng công tác xây dựng Ngành HC-KT phát triển ngày càng vững chắc. Thực hiện sự chỉ đạo của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, Học viện đã thành lập Phòng HC-KT. Duy trì nghiêm nền nếp chế độ và đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số trong công tác HCKT. Quản lý chặt chẽ cơ sở vật chất, kinh phí, thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Chủ trọng đổi mới nội dung, hình thức tổ chức Hội thi, Hội thao, tập huấn, bồi dưỡng tại Học viện và tham gia huấn luyện, tập huấn, bồi túc, chấm thi hội thi, hội thao ngành hậu cần tại các đơn vị trong toàn quân. Hàng năm, Học viện đều cử giảng viên Khoa Quân nhu tham gia huấn luyện và tham dự Hội thao Quân sự Quốc tế "Army Games" đạt thành tích tốt, được Bộ trưởng Bộ Quốc

phòng tặng Bằng khen (năm 2021). Ngoài ra, Học viện còn phối hợp với Cục Gìn giữ hòa bình Việt Nam để mở lớp huấn luyện bồi túc về công tác hậu cần cho các đối tượng; cử giảng viên Khoa Ngoại ngữ tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình Liên Hợp Quốc, qua đó lan toả mạnh mẽ hình ảnh, truyền thống, uy tín của Học viện và Ngành HC-KT trong thời kỳ mới.

Học viện tích cực rà soát, điều chỉnh, đổi mới nội dung, quy trình, chương trình đào tạo; đổi mới nội dung, phương pháp dạy học theo hướng tăng thời gian huấn luyện thực hành, thực tế đơn vị; xây dựng kế hoạch và tổ chức mồi cán bộ của Tổng cục HC-KT và các đơn vị về Học viện giảng dạy, truyền thụ kinh nghiệm thực tiễn, nói chuyện chuyên đề, hướng nghiệp cho học viên đầu khóa và trước khi đi thực tập. Tổ chức tiếp nhận các phương tiện vận tải thủy, xe tra nạp xăng dầu... để phục vụ huấn luyện. Trên cơ sở đó, chú trọng huấn luyện thực hành cho học viên năm thứ 3, 4 theo các nội dung công tác HCKT tại các bếp ăn, trạm chế biến, xưởng thực hành và các mô hình hậu cần của Học viện, góp phần nâng cao năng lực thực hành, đáp ứng chuẩn đầu ra và yêu cầu, nhiệm vụ sau khi ra trường. Học viện đã đưa cán bộ, giảng viên khung và mồi cán bộ các ngành của Tổng cục HC-KT, chỉ huy Sư đoàn 3, 316 tham gia diễn tập cùng học viên. Đồng thời, mời Thủ trưởng Bộ Quốc phòng và các cơ quan chức năng tới dự và chỉ đạo diễn tập. Đặc biệt, Học viện đã tổ chức diễn tập cấp sư đoàn bộ binh biên chế hoả lực mạnh. Phối hợp chặt chẽ với Cục Khoa học quân sự, Phòng Khoa học quân sự (Tổng cục HC-KT) trong nghiên cứu khoa học (NCKH) hậu cần quân sự, biên soạn giáo trình tài liệu; chuyển giao sản phẩm các đề tài, sáng kiến ứng dụng tốt vào thực tiễn đơn vị.

Bên cạnh kết quả đạt được, trong thực hiện PTTĐ ở Học viện Hậu cần vẫn còn tồn

tại những hạn chế nhất định, như: Kết quả xây dựng mô hình điểm về hậu cần kết hợp giữa bảo đảm với huấn luyện các chuyên ngành hậu cần chưa được sâu, rộng. Việc xây dựng, nhân rộng tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến trong PTTĐ có thời điểm chưa thường xuyên, hiệu quả chưa cao. Hiệu quả các mô hình TGSX chưa được liên tục, vững chắc; quản lý sử dụng cơ sở vật chất, trang bị hậu cần có lúc chưa chặt chẽ, tiết kiệm. Hạn chế trên là do Học viện đóng quân phân tán, địa bàn rộng, trên nhiều khu vực; cơ sở vật chất, hạ tầng doanh trại bảo đảm chưa đồng bộ, đã xuống cấp. Giá cả thị trường biến động; dịch bệnh trên gia súc, gia cầm, dịch Covid-19 bùng phát, diễn biến phức tạp. Trình độ, năng lực của một số cán bộ, nhân viên, chiến sĩ ngành HCKT có mặt chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ; ý thức tự học tập bồi dưỡng, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm chưa cao...

Trong thời gian tới, dự báo tình hình kinh tế, chính trị, xã hội tiếp tục ổn định, phát triển. Quân đội tiếp tục phát triển theo hướng “tinh, gọn, mạnh”, tạo tiền đề vững chắc đến năm 2030 xây dựng Quân đội “cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại”. Trong điều kiện đó, Học viện Hậu cần tiếp tục đột phá, đổi mới nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo (GDĐT) và NCKH; thực hiện tốt phương châm “Chất lượng đào tạo của nhà trường là khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị”... Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, trong thực hiện PTTĐ, Học viện cần tiếp tục quán triệt sâu sắc chỉ thị, nghị quyết của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, nhất là Nghị quyết 623-NQ/QUTW (ngày 29/12/2012), Nghị quyết số 1658-NQ/QUTW (ngày 20/12/2022) của Quân ủy Trung ương về lãnh đạo công tác hậu cần Quân đội đến năm 2030 và những năm tiếp theo; các hướng dẫn của Ban Chỉ đạo PTTĐ Bộ Quốc Phòng. Thực hiện có hiệu quả PTTĐ với thực hiện các mục tiêu của Cuộc vận động 50, PTTĐ Quyết thắng,

## THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

gắn với xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo cán bộ HCKT phù hợp với tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp. Duy trì, thực hiện tốt “Một tập trung”, “Ba khâu đột phá” và “Năm tốt”; xây dựng, nhân rộng những mô hình hiệu quả; tích cực chuyển đổi số, nâng cao chất lượng các mặt bảo đảm HCKT, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ GDĐT và NCKH của Học viện. Trong đó, cần thực hiện thắng lợi một số chỉ tiêu cơ bản, như: Chủ động khai thác, tạo nguồn vật chất; nâng cao hiệu quả các hoạt động TGSX, chế biến, kinh doanh dịch vụ; duy trì đủ lượng vật chất dự trữ SSCĐ; giữ vững ổn định, nâng cao chất lượng bữa ăn. Phấn đấu 100% các bếp ăn đạt tiêu chuẩn: “Đơn vị nuôi quân giỏi, quản lý quân nhu tốt”. Đẩy mạnh TGSX theo Đề án QN-21; phấn đấu tự bảo đảm 80% rau xanh, 85% thịt lợn, 30% thịt gia cầm, 30% cá. Tổ chức tiếp nhận, cấp phát đầy đủ, kịp thời tiêu chuẩn, chế độ quân trang cho các đối tượng. Chủ động phòng, chống các loại dịch bệnh; quản lý, chăm sóc, bảo vệ sức khỏe bộ đội tốt, duy trì chế độ khám sức khỏe định kỳ cho các đối tượng; phấn đấu quân số khỏe đạt trên 99,7 %, đạt tiêu chuẩn “Đơn vị quân y 5 tốt”. Thực hiện hiệu quả chương trình quân dân y kết hợp. Thực hiện tốt công tác quy hoạch, xây dựng các công trình, dự án theo kế hoạch trung hạn 2026 - 2030, bám sát quy hoạch tổng mặt bằng doanh trại. Bảo đảm đầy đủ, kịp thời các tiêu chuẩn doanh trại cho các đối tượng. Quản lý chặt chẽ đất quốc phòng, nhà ở công vụ; thực hành tiết kiệm điện, nước. Quản lý chặt chẽ hạn mức xăng dầu, duy trì đủ lượng dự trữ SSCĐ. Quản lý, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị ngành xăng dầu; tăng cường công tác phòng cháy chay nổ, bảo đảm an toàn tuyệt đối. Duy trì nền nếp chế độ công tác vận tải, bảo đảm hệ số kỹ thuật đạt trên 0,9; hoàn thành 100% kế hoạch vận chuyển an toàn tuyệt đối.

Để thực hiện thành công phương hướng và chỉ tiêu trên, cần làm tốt một số biện pháp cơ bản sau đây:

*Một là*, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Giám đốc Học viện, cấp ủy, chỉ huy các cấp và các hoạt động phối hợp với các cơ quan, đơn vị; giáo dục nâng cao nhận thức về PTTĐ “Ngành Hậu cần Quân đội làm theo lời Bác Hồ dạy”.

*Hai là*, thực hiện tốt phương châm “Chất lượng đào tạo của nhà trường là khả năng SSCĐ của đơn vị”; phát huy hiệu quả các mô hình hậu cần gắn với công tác bảo đảm hậu cần, tham quan, học tập, huấn luyện thực hành cho các đối tượng.

*Ba là*, kịp thời kiện toàn Ban Chỉ đạo, phát huy hơn nữa vai trò của cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo trong chỉ đạo, kiểm tra, tổ chức thực hiện phong trào. Thường xuyên đổi mới nội dung, hình thức tổ chức, phát hiện, nhân rộng các mô hình hay, cách làm hiệu quả trong thực hiện PTTĐ.

*Bốn là*, quan tâm đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu công tác giáo dục đào tạo, xây dựng ngành hậu cần, kỹ thuật chính quy, phát triển; đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, phòng chống tham nhũng, lãng phí trong công tác hậu cần.

*Năm là*, kết hợp chặt chẽ PTTĐ “Ngành Hậu cần Quân đội làm theo lời Bác Hồ dạy” với PTTĐ Quyết thắng và các PTTĐ, Cuộc vận động khác; tổ chức sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm kịp thời♦

### Tài liệu tham khảo

1. Đảng bộ Học viện Hậu cần (2020), *Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Học viện Hậu cần lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2020 - 2025*, Hà Nội.

2. Học viện Hậu cần (2025), *Báo cáo Sơ kết thực hiện PTTĐ “Ngành Hậu cần Quân đội làm theo lời Bác Hồ dạy” giai đoạn 2020 - 2025*, Hà Nội.

# MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TỔ CHỨC VẬN CHUYỂN VẬT CHẤT QUÂN SỰ BẰNG ĐƯỜNG SẮT Ở LŨY ĐOÀN 971

Thượng tá, TS. NGUYỄN HUY THỦ  
Khoa Vận tải, Học viện Hậu cần

**Tổ chức vận chuyển là một nhiệm vụ của công tác vận tải, có ý nghĩa quyết định hoàn thành nhiệm vụ vận tải; trong đó, tổ chức vận chuyển quân sự (VCQS) bằng đường sắt là một nhiệm vụ đặc thù; công tác tổ chức, bảo đảm, hiệp đồng vận chuyển gặp nhiều khó khăn, phức tạp. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, bài viết đề xuất một số biện pháp nâng cao chất lượng tổ chức VCQS bằng đường sắt ở Lữ đoàn 971, Cục Xe máy - Vận tải, Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật.**

Lữ đoàn 971, Cục Xe máy - Vận tải, Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật là đơn vị vận tải chiến lược, có nhiệm vụ vận chuyển vật chất hậu cần, kỹ thuật, binh khí kỹ thuật, cơ động lực lượng cho các cơ quan, đơn vị sinh hoạt, huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu. Quá trình thực hiện nhiệm vụ, Lữ đoàn thường xuyên phải đảm nhiệm khối lượng vận chuyển lớn, đa dạng về chủng loại, mang tính đặc thù riêng của quân đội, phạm vi hoạt động rộng; với yêu cầu phối hợp, tiếp chuyển giữa nhiều phương thức vận tải khác nhau. Trong đó, vận tải đường sắt là phương thức có tính ổn định, an toàn và năng lực vận chuyển lớn. So với vận tải đường bộ, đường thủy hay đường không, vận tải đường sắt ít bị ảnh hưởng bởi yếu tố thời tiết, an toàn hơn và có thể chuyên chở khối lượng lớn trong mỗi chuyến. Vì vậy, đây là phương thức được Lữ đoàn lựa chọn để vận chuyển vũ khí, binh khí kỹ thuật, vật chất kỹ thuật chuyên dụng bảo đảm cho các đơn vị trong toàn quân, nhất là khu vực phía Nam, miền Trung và Tây Nguyên. Những năm gần đây, trước yêu cầu nhiệm vụ vận tải ngày càng cao, trên địa bàn rộng, Lữ đoàn thường xuyên đảm

nhiệm nhiệm vụ vận chuyển khối lượng lớn VCQS bằng đường sắt như: vũ khí đạn, quân nhu, binh khí kỹ thuật, trang bị kỹ thuật, vật tư tàu thuyền...

Trước thực tế đó, Lữ đoàn 971 đã quán triệt, chấp hành nghiêm các nghị quyết, chỉ thị, văn bản của cấp trên về công tác vận tải nói chung và vận tải bằng đường sắt nói riêng, đặc biệt là Hướng dẫn số 3462/HĐ-VT, ngày 23/12/2021 của Cục Vận tải (nay là Cục Xe máy - Vận tải); Hướng dẫn quy trình, thủ tục hợp đồng vận chuyển người, vật chất trên tuyến đường sắt; chủ động xây dựng Kế hoạch, phối hợp với ngành đường sắt tổ chức nhiều chuyến vận chuyển VCQS hiệu quả, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và bảo đảm an toàn tuyệt đối về người, trang bị và vật chất. Từ năm 2022 đến nay, hàng năm, Lữ đoàn vận chuyển trên 30.000 tấn vật chất các loại; trong đó, vận tải đường sắt chiếm 15 ÷ 23% tổng khối lượng vận chuyển; đảm bảo an toàn tuyệt đối về người, phương tiện và VCQS; bảo đảm chính xác, kịp thời các loại vật chất kỹ thuật, vũ khí, khí tài quân sự cho các đơn vị trong toàn quân. Kết quả này, đã góp phần quan trọng để Lữ đoàn hoàn thành các nhiệm vụ vận chuyển thường xuyên, cũng như đột xuất.

## THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ tổ chức vận chuyển vẫn còn tồn tại một số hạn chế như: Một bộ phận cán bộ, nhân viên giao liên, quân vận, áp tải, chiến sĩ ở Lữ đoàn nhận thức chưa đầy đủ, chưa được đào tạo, bồi dưỡng hoặc chưa có nhiều kinh nghiệm về nghiệp vụ tổ chức vận tải đường sắt; công tác hiệp đồng ở một số nhiệm vụ chưa chặt chẽ, có nhiệm vụ phải hiệp đồng lại nhiều lần, tiêu tốn nhiều thời gian; việc xây dựng kế hoạch vận chuyển đôi khi chưa nắm đầy đủ về quy trình, nội dung, phương pháp xây dựng, chưa sát thực tế; khâu xếp dỡ VCQS tại các ga còn bị động; công tác huấn luyện, bồi dưỡng cán bộ, nhân viên thực hiện các nhiệm vụ chưa thường xuyên... ảnh hưởng đến chất lượng tổ chức vận chuyển. Để khắc phục những hạn chế trên, góp phần nâng cao chất lượng tổ chức vận chuyển VCQS bằng đường sắt đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay, Lữ đoàn cần tập trung thực hiện một số biện pháp chủ yếu sau:

Một là, tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, huấn luyện bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho lực lượng tham gia vận chuyển VCQS bằng đường sắt. Đây là biện pháp quan trọng hàng đầu, giúp cho đội ngũ cán bộ, nhân viên, chiến sĩ vận tải nhận thức đầy đủ về nhiệm vụ vận chuyển VCQS bằng đường sắt, từ đó xây dựng động cơ, tinh thần trách nhiệm cao khi tham gia vận chuyển và đảm bảo khả năng chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Trên thực tế, đội ngũ cán bộ, nhân viên, chiến sĩ làm công tác vận tải tại Lữ đoàn có kinh nghiệm, trình độ chuyên môn nghiệp vụ còn hạn chế (dưới 35 tuổi chiếm 50%), nhất là trong xử lý tình huống và ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành vận tải; công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ

vận chuyển VCQS bằng đường sắt chưa thường xuyên.

Trước hết, cần giáo dục để đội ngũ cán bộ, nhân viên, chiến sĩ vận tải thấy được vị trí, vai trò, tầm quan trọng của nhiệm vụ vận chuyển VCQS bằng đường sắt trong thực hiện nhiệm vụ chính trị trung tâm của đơn vị. Quá trình giáo dục tư tưởng cần hết sức linh hoạt với nhiều hình thức, đa dạng: Có thể thông qua các hoạt động ngày Đảng, ngày văn hóa, chính trị tinh thần, ngày truyền thống ngành Vận tải Quân sự, ngày truyền thống của đơn vị, lồng ghép trong công tác huấn luyện ở Lữ đoàn để giáo dục chính trị tư tưởng và nhận thức về vận chuyển VCQS bằng đường sắt. Thường xuyên tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về tổ chức vận chuyển VCQS bằng đường sắt cho đội ngũ cán bộ, nhân viên, chiến sĩ vận tải. Trọng tâm là bồi dưỡng chuyên sâu cho lực lượng chủ yếu: Cán bộ xây dựng kế hoạch, lực lượng làm công tác xếp dỡ và nhân viên quân vận, áp tải. Cán bộ xây dựng kế hoạch cần được trang bị kỹ năng, kiến thức về quy trình, nội dung, phương pháp xây dựng kế hoạch vận chuyển bằng đường sắt, năng lực điều hành, xử trí tình huống. Lực lượng xếp dỡ phải thường xuyên được huấn luyện thao tác kỹ thuật, sử dụng thành thạo các thiết bị hỗ trợ, thực hiện đúng quy trình xếp dỡ vật chất trên toa xe và bảo đảm an toàn tuyệt đối. Nhân viên quân vận, áp tải cần rèn luyện phẩm chất, ý thức tổ chức, kỷ luật, trình độ chuyên môn, kỹ năng xử lý tình huống phát sinh trên đường vận chuyển, năng lực phối hợp với ngành đường sắt và các lực lượng liên quan; triển khai các phương án xếp dỡ và báo cáo các tình huống phát sinh về Lữ đoàn. Lữ đoàn cũng cần tăng cường liên kết với các trường đào tạo vận tải đường sắt, ga đường sắt để tổ chức các lớp bồi dưỡng,

huấn luyện nghiệp vụ về tổ chức xếp dỡ, điều hành vận tải.

*Hai là*, tăng cường công tác hiệp đồng giữa các cơ quan, đơn vị trong và ngoài quân đội trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Hiệp đồng vận chuyển là khâu quan trọng hàng đầu, quyết định đến tiến độ, chất lượng, sự chủ động trong toàn bộ quá trình tổ chức vận chuyển. Với đặc thù đường sắt có tính cố định về thời gian, tuyến đường, ga đi, ga đến, việc chậm trễ có thể gây ùn tắc, chồng chéo và giảm hiệu quả trong tổ chức vận chuyển. Quá trình vận chuyển VCQS bằng đường sắt, có sự tham gia của nhiều bên: Đơn vị vận tải, đơn vị có nhu cầu vận chuyển, đơn vị giao, nhận, ngành đường sắt... đòi hỏi việc hiệp đồng chặt chẽ, cụ thể, hiệu quả giữa các bên. Với nhiệm vụ vận chuyển VCQS bằng đường sắt, thường diễn ra từ 3 ÷ 4 ngày, như vận chuyển vũ khí đạn từ các nhà máy Z113, Z131, Z111... đến các kho K860, K864, K888..., việc hiệp đồng giữa nhân viên quân vận với các đơn vị liên quan về thời gian toa xe đi, đến, thời gian chiếm dụng toa xe nếu không cụ thể, kịp thời sẽ gây ảnh hưởng đến tiến độ vận chuyển. Ngoài ra, với những vật chất, trang bị kỹ thuật mới, chưa có kinh nghiệm vận chuyển nếu việc hiệp đồng giữa Lữ đoàn với đơn vị có nhu cầu vận chuyển chưa cụ thể, chi tiết có thể dẫn đến lựa chọn phương tiện tiếp chuyển, dù trù toa xe không phù hợp. Để khắc phục tình trạng này, Lữ đoàn cần chủ động xây dựng kế hoạch hiệp đồng vận chuyển chi tiết theo từng đợt, từng loại VCQS, từng đơn vị. Căn cứ Chỉ lệnh vận tải của Cục Xe máy - Vận tải, nhu cầu vận chuyển của các đơn vị, Lữ đoàn tổ chức hiệp đồng chặt chẽ, cụ thể, có thể tổ chức hội nghị hiệp đồng với những nhiệm vụ quan trọng, phức tạp; khảo sát chân hàng đối với VCQS lần đầu vận chuyển. Tiến hành trao

đổi với ngành đường sắt và các ga trọng điểm, thường xuyên làm nhiệm vụ xếp dỡ để thống nhất lịch vận chuyển, số lượng toa xe, thời gian giao nhận, bốc xếp và các phương án xử lý tình huống phát sinh. Việc hiệp đồng phải được thực hiện theo quy trình chặt chẽ, có văn bản xác nhận giữa các bên; thông tin phải chính xác, kịp thời và đầy đủ.

*Ba là*, xây dựng kế hoạch vận chuyển khoa học, sát thực tế và bảo đảm linh hoạt trong điều hành. Kế hoạch vận chuyển là cơ sở để tổ chức điều hành các hoạt động trong cả quá trình tổ chức vận chuyển. Do tính đặc thù của vận tải đường sắt, phụ thuộc chủ yếu vào khả năng bố trí, cung cấp toa xe của ngành đường sắt, không thể linh hoạt như đường bộ, nên kế hoạch phải được xây dựng từ sớm, có dự báo tình huống và phương án dự phòng. Nếu kế hoạch vận chuyển không bám sát thực tế hoặc điều hành cứng nhắc sẽ dễ dẫn tới lãng phí thời gian, phương tiện, nhân lực, thậm chí gây mất an toàn cho người và VCQS. Trước khi xây dựng kế hoạch, Lữ đoàn cần khảo sát đầy đủ các yếu tố, bao gồm: Đặc điểm VCQS cần vận chuyển (chủng loại, khối lượng, điều kiện bảo quản, điều kiện xếp dỡ...), tình trạng tuyến đường sắt, địa hình, thời tiết, năng lực bốc xếp tại các ga đi và ga đến; hiệp đồng chặt chẽ, từ sớm, đầy đủ nội dung giữa đơn vị tiếp chuyển, đơn vị có nhu cầu vận chuyển, đơn vị giao, nhận và ngành Đường sắt, bảo đảm thống nhất về thời gian, địa điểm, phương tiện, lực lượng và phương án xử lý tình huống. Khi xây dựng kế hoạch cần chia làm 03 giai đoạn: Tiếp chuyển từ ô tô lên phương tiện đường sắt, vận chuyển trên đường sắt, tiếp chuyển từ phương tiện đường sắt xuống ô tô. Ngoài ra, trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch, cần cân đối giữa số lượng

## THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

VCQS, loại toa xe, thời gian và lực lượng thực hiện; phân tích, dự báo tình huống và xây dựng phương án dự phòng. Việc điều chỉnh kế hoạch khi có tình huống phát sinh cần được tổ chức nhanh chóng, thông suốt, giảm tối đa thời gian chờ hoặc gián đoạn vận chuyển. Trong điều hành vận chuyển, Lữ đoàn cần xây dựng ứng dụng phần mềm quản lý kế hoạch; tổ chức liên hệ định kỳ với các đơn vị giao, nhận, các ga đường sắt để rà soát tiến độ thực hiện; theo dõi hành trình đoàn tàu trên Website Đường sắt Việt Nam.

Bốn là, chú trọng công tác tổ chức giao nhận, xếp dỡ, bảo đảm an toàn tuyệt đối về người, phương tiện và vật chất. Công tác giao nhận, xếp dỡ là mắt xích dễ xảy ra sự cố nhất trong vận chuyển bằng đường sắt, đặc biệt với các VCQS có yêu cầu kỹ thuật cao như binh khí kỹ thuật, trang bị kỹ thuật, vật chất nguy hiểm, cồng kềnh hoặc dễ hư hỏng. Với khối lượng giao nhận, xếp dỡ hàng năm tương đối lớn (trên 2000 tấn vật chất), chủ yếu tại các ga trọng điểm như: Cổ Loa, Giáp Bát, Phổ Yên, Quán Triều, Phú Thọ. Quá trình giao nhận, xếp dỡ được tiến hành bởi nhiều lực lượng; VCQS đa dạng về chủng loại, kích thước, quy cách và được tiếp chuyển từ phương tiện vận tải ô tô. Do đó, việc tổ chức giao nhận, xếp dỡ phải đảm bảo đúng quy trình kỹ thuật, có chỉ huy giám sát trực tiếp, nhân viên thực hiện phải được huấn luyện, sử dụng thành thạo các phương tiện hỗ trợ như xe nâng, cần cẩu, băng chuyền... Phối hợp với các lực lượng để điều hành, sử dụng hợp lý phương tiện xếp dỡ, thiết bị bảo đảm và thời gian vận hành để tránh bị động hoặc quá tải. Quá trình giao nhận, xếp dỡ, chấp hành nghiêm thể lệ vận chuyển hàng hóa bằng đường sắt được quy định tại Thông tư 22/2018/TT-BGTVT, ngày 02/5/2018 của Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng). Đối với các vật

chất dễ cháy nổ, vật chất đặc biệt, cần trang bị đầy đủ phương tiện phòng cháy chữa cháy tại điểm xếp dỡ và trên toa xe như bình cứu hỏa, cát khô, biển cảnh báo cũng như cắt cử lực lượng canh gác trong suốt quá trình xếp dỡ. Đối với binh khí kỹ thuật, trang bị kỹ thuật, vật chất cồng kềnh hoặc dễ hư hỏng, tổ chức kiểm tra kỹ tình trạng kỹ thuật toa xe, khóa hãm sàn toa trước khi bốc xếp; chuẩn bị các vật liệu chằng buộc, gia cố, tránh xê dịch để bảo đảm an toàn cho cả quá trình vận chuyển.

Vận chuyển VCQS bằng đường sắt là một trong những nhiệm vụ quan trọng, góp phần hoàn thành nhiệm vụ chính trị trung tâm của Lữ đoàn 971. Trước yêu cầu ngày càng cao về chất lượng, tiến độ và an toàn, việc nâng cao chất lượng tổ chức vận chuyển đòi hỏi cần thực hiện đồng bộ các biện pháp trong huấn luyện nghiệp vụ, công tác hiệp đồng, xây dựng kế hoạch và giao nhận, xếp dỡ, góp phần vận chuyển bảo đảm VCQS kịp thời, đầy đủ, an toàn, hiệu quả cho toàn quân trong mọi tình huống♦

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Quốc phòng (2022), Điều lệ công tác vận tải quân đội nhân dân Việt Nam, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Giao thông vận tải (2018), *Thông tư 22/2018/TT-BGTVT ngày 02/5/2018 của Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng): Quy định về vận tải hàng hóa trên đường sắt Quốc gia và đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt Quốc gia*, Hà Nội.
3. Cục Vận tải - Tổng cục Hậu cần (2021), *Hướng dẫn số 3462/HĐ-VT ngày 23 tháng 12 năm 2021, hướng dẫn quy trình, thủ tục hợp đồng vận chuyển người, vật chất trên tuyến đường sắt*, Hà Nội.

# NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC TÀI CHÍNH SƯ ĐOÀN B95

Thượng úy, ThS. NGUYỄN THỊ NGỌC CHÂU  
Trưởng Ban Tài chính, Sư đoàn B95

**S**ư đoàn B95 là đơn vị chủ lực nòng cốt của Quân khu 30, có nhiệm vụ chính là huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu và bảo vệ vùng Đông Bắc Tổ quốc. Ngoài ra, Sư đoàn còn sẵn sàng cơ động thực hiện các nhiệm vụ khác cả ở phạm vi chiến dịch và chiến đấu.

Sư đoàn B95 đóng quân phân tán trên địa bàn 3 tỉnh; có quân số đông, với số lượng nhập ngũ và xuất ngũ lớn. Hằng năm, Sư đoàn phải thực hiện nhiều nhiệm vụ thường xuyên và đột xuất; ngân sách bảo đảm của trên có tăng nhưng chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; vũ khí, trang bị kỹ thuật qua thời gian sử dụng lâu dài, thiếu đồng bộ về chủng loại và chất lượng đã xuống cấp nên nhu cầu bảo quản, sửa chữa, thay thế rất lớn... Đặc biệt, mỗi năm Sư đoàn tổ chức 2 ÷ 3 cuộc diễn tập quy mô cấp trung đoàn trở lên, có hiệp đồng quân, binh chủng; hàng chục cuộc diễn tập cấp tiểu đoàn trên các địa hình khác nhau, chủ yếu là ở các địa hình rừng núi, bờ biển; tham gia nhiều hội thi, hội thao do Bộ và Quân khu tổ chức. Ngoài ra, Sư đoàn còn tham gia nhiều đợt giúp nhân dân khắc phục hậu quả thiên tai, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn, dập cháy rừng...

Để hoàn thành nhiệm vụ, những năm qua, Đảng ủy, chỉ huy Sư đoàn B95 đã quyết liệt triển khai đồng bộ, toàn diện nhiều biện pháp hữu hiệu; trong đó, Sư đoàn đặc biệt coi trọng công tác tài chính bảo đảm cho các mặt hoạt động. Ngành Tài chính Sư đoàn đã quán triệt và triển khai thực hiện có hiệu quả nghị quyết, chỉ thị của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng về công tác tài chính. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, chấp hành dự toán ngân sách được tiến hành chặt chẽ, linh hoạt, phù hợp với

tình hình thực tiễn. Việc quản lý tài chính, tài sản, thực hành tiết kiệm được thực hiện tốt. Công tác kiểm tra, giám sát được duy trì nghiêm; kỷ luật, kỷ cương tài chính được giữ vững và phát huy. Chủ động tham mưu tạo lập, huy động các nguồn lực, cân đối toàn diện, bảo đảm đúng trọng tâm, trọng điểm, đáp ứng kịp thời tài chính cho các nhiệm vụ. Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, công tác tài chính Sư đoàn B95 vẫn còn một số hạn chế trong lập dự toán ngân sách; quản lý tài chính hoạt động có thu từ tăng gia sản xuất; công tác kiểm tra, giám sát có thời điểm chưa tốt...

Thời gian tới, nhiệm vụ của Sư đoàn B95 tiếp tục có sự phát triển, nặng nề hơn; cường độ hoạt động của bộ đội lớn; vũ khí trang bị tiếp tục được đầu tư, yêu cầu mở rộng thao trường, vật chất huấn luyện ngày càng lớn... Trong khi đó, nguồn ngân sách có hạn; đội ngũ cán bộ, nhân viên tài chính ở một số đơn vị của Sư đoàn còn trẻ, kinh nghiệm công tác chưa nhiều, chịu sự tác động của mặt trái xã hội... Điều đó đặt ra những khó khăn cho công tác tài chính của Sư đoàn B95. Vì vậy, để nâng cao chất lượng hiệu quả công tác tài chính của Sư đoàn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, cần thực hiện các biện pháp sau:

Một là, tiếp tục tăng cường hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ, chỉ huy các cấp đối với công tác tài chính. Điều lệ công tác Tài chính Quân đội quy định: Cấp ủy đảng, thủ trưởng đơn vị các cấp chịu trách nhiệm trước cấp ủy đảng, thủ trưởng đơn vị cấp trên về công tác tài chính của đơn vị mình. Do vậy cấp uỷ đảng và chỉ huy đơn vị trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo công tác tài chính là một nguyên tắc trong chấp hành

## THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

điều lệ Đảng, điều lệ công tác Tài chính Quân đội. Vì vậy, cấp ủy, chỉ huy các cấp trong Sư đoàn cần quán triệt sâu sắc hơn nữa các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, các văn bản pháp luật của Nhà nước, cùng các quyết nghị, kết luận của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng về công tác tài chính, nhất là Nghị quyết số 1661-NQ/QUTW, Quy chế số 616-QC/QUTW của Quân ủy Trung ương... Các cơ quan, đơn vị cần tiếp tục cụ thể hóa xây dựng chương trình, kế hoạch, điều hành, quản lý, sử dụng tài chính, ngân sách bảo đảm hiệu quả, đúng quy định; phát huy vai trò nòng cốt của cơ quan tài chính trong tham mưu, bảo đảm, quản lý, kiểm tra, sử dụng ngân sách theo đúng pháp luật Nhà nước, quy định của Bộ Quốc phòng. Thường xuyên quan tâm kiện toàn cơ quan tài chính các cấp vững mạnh toàn diện; đẩy mạnh phong trào thi đua “Đơn vị quản lý tài chính tốt” gắn với thực hiện các phong trào thi đua khác, tạo sức mạnh tổng hợp trong thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của ngành.

*Hai là*, coi trọng công tác lập dự toán, chấp hành dự toán ngân sách và quản lý ngân sách. Lập dự toán ngân sách phải tập trung cho nhiệm vụ chính trị trung tâm; trong đó, chú trọng bảo đảm chế độ, chính sách, đời sống bộ đội; nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, diễn tập... Dành ngân sách phù hợp cho đầu tư mua sắm, sửa chữa, đầu tư xây dựng cơ bản. Kiên quyết khắc phục tình trạng sử dụng ngân sách thiếu hiệu quả, đầu tư dàn trải, lãng phí, không đúng trọng tâm, trọng điểm. Tiếp tục nâng cao chất lượng liên thǎm quân số; quản lý chặt chẽ kinh phí lương, phụ cấp, trợ cấp, tiền ăn; bảo đảm đầy đủ chế độ, tiêu chuẩn của bộ đội. Đổi mới kinh phí nghiệp vụ, công tác phí, phúc lợi, phép,... cần được quản lý chặt chẽ, đảm bảo đúng chế độ, tiêu chuẩn theo quy định hiện hành. Căn cứ vào quyết định giao dự toán ngân sách, các cơ

quan, đơn vị tiến hành phân bổ, giao triệt để dự toán chi ngân sách đến các đơn vị trực thuộc, ngành nghiệp vụ đúng về tổng mức và chi tiết, đúng nội dung mục lục ngân sách, chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức theo quy định hiện hành. Tổ chức thực hiện chi ngân sách trong phạm vi dự toán được giao, bảo đảm chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả. Cơ quan tài chính các cấp cần duy trì nghiêm chế độ, nguyên tắc công tác tài chính; tăng cường công tác hậu kiểm, kiên quyết không để xảy ra chi sai nguồn, chi sai nội dung mục lục ngân sách hoặc chi ngoài dự toán, chi trái quy định của pháp luật. Cơ quan tài chính cần phối hợp chặt chẽ với các ngành, cơ quan có liên quan, chủ động khảo sát hàng hóa, giá cả thị trường tham mưu cho cấp ủy, chỉ huy đơn vị tổ chức đấu thầu, mua sắm vật tư, hàng hóa.

*Ba là*, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Để nâng cao hiệu quả công tác tài chính tại Sư đoàn B95, các ngành, các đơn vị cần thực hiện nghiêm quy định công khai ngân sách, tài chính, tài sản theo Thông tư số 57/2019/TT-BQP, ngày 27/5/2019 của Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách trong Quân đội; Thông tư số 26/2019/TT-BQP, ngày 31/3/2019 của Bộ Quốc phòng quy định chế độ công khai tài sản công tại các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng. Trong quá trình tổ chức công khai phải bảo đảm dân chủ, minh bạch cả về nội dung, hình thức, thời gian và đối tượng được công khai. Chú trọng làm tốt công tác kiểm tra, giám sát; kết hợp chặt chẽ các hình thức, biện pháp kiểm tra, giám sát của cấp ủy, chỉ huy, tập thể quân nhân; giữa kiểm tra thường xuyên và đột xuất.

Các cơ quan, đơn vị cần quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm Quyết định số 490/QĐ-BQP, ngày 12/02/2025 của Bộ

trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Chương trình hành động của Bộ Quốc phòng về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; đề cao tính công khai, minh bạch; tiến hành rà soát, cắt giảm các khoản chi không cần thiết, sử dụng nguồn ngân sách thiêu hiệu quả.

*Bốn là*, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, nhân viên tài chính. Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, nhân viên tài chính có vai trò quan trọng, quyết định đến công tác tài chính tại Sư đoàn. Sư đoàn cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng đội ngũ cán bộ, nhân viên tài chính các cấp, bảo đảm số lượng phù hợp với tổ chức, biên chế; có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, ý thức tổ chức kỷ luật nghiêm; có năng lực phát triển khoa học và ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý, điều hành công tác tài chính. Muốn vậy, việc quán triệt và thực hiện tốt Quy định số 144-QĐ/TW, ngày 09/5/2024 của Bộ Chính trị về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới được xem là trọng tâm trong bồi dưỡng, giáo dục đội ngũ cán bộ, nhân viên ngành Tài chính Sư đoàn. Phát huy tinh thần trách nhiệm, kỷ luật, chống tiêu cực, chấp hành nghiêm pháp luật và điều lệnh, điều lệ quân đội trong đội ngũ cán bộ, nhân viên tài chính tại Sư đoàn. Bên cạnh đó, cần chú trọng công tác bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, nhân viên tài chính. Có thể tiến hành bồi dưỡng tại đơn vị hoặc cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng tại các nhà trường trong và ngoài quân đội.

*Năm là*, triển khai thực hiện đồng bộ công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số trong công tác tài chính và phong trào thi đua “Đơn vị quản lý tài chính tốt”. Tiếp tục thực hiện đồng bộ công tác cải cách hành chính, giao quyền tự chủ, tự chịu trách

nhiệm cho đơn vị trong công tác tài chính, tập trung vào các khâu thẩm định, phân cấp, cấp phát và thanh quyết toán ngân sách; công khai và đơn giản hóa các thủ tục; loại bỏ những thủ tục không cần thiết. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin; chuyển đổi số trong công tác quản lý và điều hành tài chính, ngân sách theo tinh thần Nghị quyết số 3488-NQ/QUTW, ngày 29/01/2025 của Quân ủy Trung ương về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong Quân đội. Tiếp tục đầu tư trang thiết bị, phần mềm quản lý tài chính ở các cấp; bảo đảm an toàn, bảo mật tuyệt đối dữ liệu về tài chính. Cùng với đó, tiếp tục quán triệt các chỉ thị, kế hoạch của cấp trên về thực hiện Phong trào thi đua “Đơn vị quản lý tài chính tốt”, đẩy mạnh phong trào thi đua lên một tầm cao mới, sâu rộng, chất lượng và hiệu quả, làm động lực thúc đẩy mạnh mẽ công tác tài chính, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị. Thực hiện tốt công tác sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm về công tác tài chính, đưa nội dung quản lý, sử dụng tài chính là một trong những tiêu chí bình xét thi đua khen thưởng, đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân hàng năm.

Nâng cao hiệu quả công tác tài chính, bảo đảm sự minh bạch, công khai và trách nhiệm trong quản lý, sử dụng nguồn lực tài chính tại Sư đoàn B95 là biện pháp quan trọng góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ quân sự, quốc phòng của Sư đoàn trong tình hình mới♦

### Tài liệu tham khảo

- Quân ủy Trung ương (2022), Nghị quyết số 1661-NQ/QUTW về lãnh đạo công tác tài chính đến năm 2030, Hà Nội.
- Sư đoàn B95, *Số liệu thống kê của đơn vị các năm 2019 ÷ 2023, Tài liệu nội bộ*.

## CÔNG TÁC VẬN TẢI SƯ ĐOÀN BỘ BINH 316 TIẾN CÔNG BUÔN MA THUỘT TRONG CHIẾN DỊCH TÂY NGUYÊN KINH NGHIỆM VÀ HƯỚNG KẾ THỪA, PHÁT TRIỂN

Thượng tá, TS. NHŨ CÔNG KHẢI  
Khoa Vận tải, Học viện Hậu cần

**D**ÀU năm 1975, nhận định cục diện chiến tranh đã thay đổi căn bản, so sánh lực lượng trên chiến trường nghiêng hẳn về phía ta và xác định Tây Nguyên là địa bàn chiến lược trọng yếu, ta mở Chiến dịch Tây Nguyên, đánh đòn phủ đầu chiến lược, tạo đà cho tổng tiến công và chọn Buôn Ma Thuột là mục tiêu then chốt đầu tiên để đột phá. Sư đoàn 316 được điều động bí mật từ Bắc vào Tây Nguyên để thực hiện nhiệm vụ chủ công trong trận đánh này. Để tiến hành trận đánh, ngay đầu tháng 3/1975, Sư đoàn 316 (gồm các Trung đoàn 148, 149, 174 và các đơn vị trực thuộc) cùng lực lượng do cấp trên tăng cường đã bí mật cơ động, áp sát Buôn Ma Thuột. Rạng sáng ngày 10/3/1975, Sư đoàn 316 cùng các lực lượng phổi thuộc bất ngờ nổ súng tiến công trên 3 hướng, đánh chiếm các mục tiêu chủ yếu: Sân bay Hòa Bình, Bộ Tư lệnh Sư đoàn 23 Nguy, kho hậu cần, chi khu quân sự, trụ sở hành chính của địch; sau đó, tổ chức tiến công tiêu diệt địch phản kích; đến 14/3/1975, ta kiểm soát toàn bộ thị xã Buôn Ma Thuột. Chiến thắng Buôn Ma Thuột được Tư lệnh Chiến dịch Hoàng Minh Thảo đánh giá như “đòn điểu huyệt” khiến địch choáng váng, hoang mang, rối loạn, buộc chúng phải tháo chạy khỏi Tây Nguyên và tạo nên bước ngoặt chiến lược lớn cho cuộc Tổng tiến công mùa Xuân tháng 4/1975. Bảo đảm cho sư đoàn 316 tiến công Buôn Ma Thuột giành thắng lợi là kết quả hội tụ của nhiều yếu

tố, trong đó, công tác vận tải (CTVT) có vai trò quan trọng và để lại nhiều bài học kinh nghiệm, thể hiện trên các nội dung sau:

*Thứ nhất*, chủ động và làm tốt công tác chuẩn bị vận tải. Từ lúc có phương án chính thức đến khi nổ súng, Sư đoàn 316 chỉ có 6 ngày làm công tác chuẩn bị. Mặt khác, sư đoàn chiến đấu ở địa bàn mới, đối tượng chiến đấu mới nên chưa nắm bắt được đầy đủ các yếu tố về địa hình, âm mưu, thủ đoạn của địch; vận tải sư đoàn (VT/f) được kiện toàn trước khi bước vào chiến đấu nhưng phần lớn cán bộ mới được bổ nhiệm, sắp xếp, chiến sĩ vận tải mới nhập ngũ, kinh nghiệm quản lý, chỉ huy bộ đội và thực hành vận chuyển bảo đảm chiến đấu còn hạn chế. Nắm chắc tình hình, VT/f đã nhanh chóng kiện toàn lực lượng với 1cVT cơ giới có 45 xe (15 đại xa và 30 trung xa) và 1d vận tải bộ (VTB), với 300 đồng chí. Để khắc phục hạn chế về kinh nghiệm vận chuyển trong chiến đấu, VT/f đã tổ chức huấn luyện cho bộ đội vận tải những nội dung cần thiết như: Kỹ năng xếp dỡ, vận chuyển vật chất; kỹ thuật cấp cứu, vận chuyển thương binh; quy định bảo đảm bí mật, an toàn trong vận chuyển... Hơn nữa, khi vào tới khu tập kết chiến dịch ở Đắc Đam, VT/f đã tiến hành sửa chữa, bảo dưỡng toàn bộ xe của đơn vị; tổ chức trinh sát vị trí bố trí, triển khai kho trạm, đường vận chuyển; hiệp đồng chặt chẽ với hậu cần B3 (Mặt trận Tây Nguyên) và hậu cần các đơn vị về nhiệm vụ vận chuyển... Nắm chắc tình hình, chủ động làm công tác

chuẩn bị đã tạo điều kiện thuận lợi để VT/f vận chuyển bảo đảm cho sư đoàn chiến đấu thắng lợi.

*Thứ hai*, phân cấp vận chuyển phù hợp; vận dụng linh hoạt các hình thức vận tải (HTVT). Trên cơ sở nhiệm vụ vận tải, khả năng vận chuyển của các cấp, các tình hình khác có liên quan, VT/f đã phân cấp vận chuyển, lựa chọn các HTVT hợp lý, bảo đảm kịp thời, đầy đủ cho sư đoàn chiến đấu. Trong giai đoạn chuẩn bị, thực hiện cấp trên vận chuyển bảo đảm cho cấp dưới, kết hợp trên dưới cùng vận chuyển; áp dụng HTVT đi thẳng là chủ yếu. Tại khu vực tập kết, Vận tải B3 vận chuyển vật chất hậu cần và một phần đạn từ kho chiến dịch bổ sung cho kho sư đoàn; VT/f tiếp nhận một số vật chất ở kho B3 và kho sư đoàn, vận chuyển bổ sung tại vị trí đứng chân của các đơn vị; đồng thời, VT/f cũng phân cấp cho các đơn vị xe tăng thiết giáp, pháo binh, cao xạ, công binh sử dụng phương tiện vận tải của đơn vị lên kho sư đoàn, về kho chiến dịch nhận một số vật chất hậu cần, tự vận chuyển về. Giai đoạn chiến đấu, phân cấp vận chuyển theo nguyên tắc cấp trên chuyển cho cấp dưới là chính. Ngoài ra, kết hợp tổ chức vận chuyển vượt cấp, cụ thể: Khi bộ đội cơ động vào triển khai, vận tải B3 tổ chức vận chuyển vượt cấp bảo đảm cho các đơn vị binh chủng tại vị trí triển khai; trong thực hành chiến đấu, có thời điểm vận tải B3 sử dụng vận tải cơ giới xuống quân y trung đoàn, tiếp nhận thương binh chuyển thẳng về quân y chiến dịch; hay VT/f chuyển thẳng vật chất, bổ sung cho các tiểu đoàn đứng chân khu vực núi Chu Duê... Giai đoạn này, HTVT đi thẳng được sử dụng chủ yếu để bảo đảm cho chiến đấu; tuy nhiên, tại các khu vực địa hình đường sá phức tạp, nơi yêu cầu bảo đảm bí mật cao... sử dụng ôtô khăn, VT/f vận dụng hình thức chia cung,

tiếp chuyển vật chất từ ôtô sang VTB để bảo đảm cho các đơn vị.

*Thứ ba*, tổ chức, sử dụng lực lượng vận tải (LLVT) hợp lý; tận dụng tối đa vận tải ô tô khi có điều kiện. Chốt giữ tại Buôn Ma Thuột, lực lượng địch được tổ chức thành 3 phòng tuyến từ phía ngoài vào trung tâm thị xã với phạm vi không gian rộng, địa hình khu vực tương đối bằng phẳng. Để bảo đảm cho chiến đấu, VT/f đã tổ chức thành 3 lực lượng phù hợp với phương án tổ chức hậu cần. Trong đó, LLVT ở phía sau được sử dụng để tiếp nhận vật chất của cấp trên chuyển xuống và vận chuyển bảo đảm cho phía trước. Ở phía trước, tổ chức 2 lực lượng ở 2 bộ phận hậu cần (BPHC) bảo đảm cho các hướng chiến đấu gồm: LLVT ở BPHC trên hướng tiến công chủ yếu sử dụng 150 đồng chí và 14 xe ôtô, tương đương 1dVT(-), có nhiệm vụ vận chuyển bảo đảm cho các lực lượng tiến công từ hướng Tây thị xã; LLVT ở BPHC trên hướng tiến công thứ yếu sử dụng 1cVTB và 11 xe ôtô, có nhiệm vụ vận chuyển bảo đảm cho các lực lượng tiến công trên hướng Nam thị xã. Ngoài ra, VT/f đã tăng cường lực lượng cho các đơn vị (mỗi trung đoàn khoảng 1bVTB và 1÷2 ôtô) và tổ chức lực lượng dự bị bố trí ở các BPHC phía trước, mỗi bộ phận 3 xe vận tải được xếp sẵn vật chất, sẵn sàng bảo đảm cho tình huống ngoài dự kiến.

Vận tải sư đoàn sử dụng vận tải cơ giới kết hợp sử dụng VTB để vận chuyển trong các nhiệm vụ, giai đoạn. Trong giai đoạn chuẩn bị chiến đấu, VT/f chủ yếu sử dụng ôtô để vận chuyển bổ sung vật chất cho kho sư đoàn và các đơn vị; sử dụng lực lượng VTB làm nhiệm vụ xếp dỡ, tiếp chuyển vật chất đến hậu cần các đơn vị và bảo vệ kho trạm. Giai đoạn chiến đấu, VT/f tận dụng triệt để vận tải cơ giới để di chuyển kho trạm sư đoàn từ tập kết vào triển khai,

## LỊCH SỬ HẬU CẦN QUÂN SỰ

vận chuyển bổ sung vật chất, thương binh bảo đảm cho các đơn vị tại triển khai và trong thực hành chiến đấu; lực lượng VTB được sử dụng ở những cung đường mà ôtô không vận chuyển được.

Chiến tranh BVTQ (nếu xảy ra) sẽ là cuộc chiến tranh hiện đại, địch sử dụng rộng rãi vũ khí công nghệ cao, kết hợp nhiều loại hình tác chiến với không gian rộng, thời gian khó xác định. Quân đội thực hiện chủ trương điều chỉnh, xây dựng theo hướng “tinh, gọn, mạnh”, các fBB sẽ được biên chế vũ khí, trang bị hiện đại hơn trước đây... Vì vậy, trận fBB tiến công địch phòng ngự sẽ diễn ra rất ác liệt; CTVT - khâu trung tâm, xuyên suốt của bảo đảm hậu cần, kỹ thuật sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Để hoàn thành nhiệm vụ CTVT của trận đánh, cần kế thừa, phát triển những bài học kinh nghiệm phù hợp với điều kiện mới trên vào một số vấn đề sau:

Một là, nghiên cứu hoàn thiện tổ chức biên chế VT/f, nâng cao khả năng vận chuyển bảo đảm cho chiến đấu. So với các fBB trong chiến tranh giải phóng và phương án diễn tập trước đây, fBB sẽ có sự điều chỉnh cả về lực lượng, phương tiện và trang bị kỹ thuật để sư đoàn có khả năng cơ động nhanh, phạm vi hoạt động rộng hơn. Mặt khác, fBB được biên chế hỏa lực mạnh thực hiện trận chiến đấu tiến công địch phòng ngự thường là trận đánh then chốt (then chốt quyết định) của chiến dịch; địch sử dụng rộng rãi vũ khí công nghệ cao, tác chiến điện tử, không gian mạng mạnh. Trận đánh diễn ra rất ác liệt, thương vong, tổn thất lớn, các hoạt động vận tải gấp nhiều khó khăn. Vì vậy, cần nghiên cứu hoàn thiện, điều chỉnh tổ chức, biên chế dVT/fBB, nâng cao khả năng cơ động, vận chuyển bảo đảm trong mọi tình huống, tập trung vào đổi mới phương tiện, trang bị kỹ thuật theo hướng hiện đại, đa chiến, đa năng, đa

dụng, cơ động và phòng hộ cao. Bên cạnh đó, VT/f cần lựa chọn đội ngũ cán bộ, chiến sĩ có đủ phẩm chất, năng lực và sức khoẻ; được huấn luyện, bồi dưỡng nâng cao trình độ, đủ khả năng làm chủ các phương tiện, trang bị kỹ thuật của đơn vị; thường xuyên tổ chức luyện tập, tham gia diễn tập trong điều kiện chiến tranh công nghệ cao.

Hai là, kết hợp chặt chẽ, phát huy sức mạnh tổng hợp của các thành phần LLVT, tận dụng triệt để vận tải cơ giới và vận dụng linh hoạt các HTVT bảo đảm cho sư đoàn chiến đấu. Chiến tranh BVTQ tương lai, nhiệm vụ công tác vận tải fBB được biên chế hỏa lực mạnh tiến công rất nặng nề: Tiến hành trong điều kiện địch đánh phá ác liệt, khối lượng vận chuyển lớn, chủng loại vật chất, tính chất vết thương của thương binh đa dạng, việc giao nhận khó khăn, phức tạp..., mất cân đối giữa nhu cầu và khả năng vận chuyển thường xuyên xảy ra. Tuy nhiên, sư đoàn thường chiến đấu trong đội hình chiến dịch và trong thế trận khu vực phòng thủ đã được chuẩn bị trước từ thời bình; do đó, VT/f được tăng cường lực lượng, phương tiện và có thể tranh thủ sự chi viện của cấp trên, kết hợp với các lực lượng tại chỗ để vận chuyển bảo đảm cho chiến đấu.

Để khắc phục tình trạng mất cân đối giữa nhu cầu và khả năng, hạn chế sự chồng chéo trong vận chuyển, cần kết hợp, phát huy sức mạnh tổng hợp của các thành phần lực lượng: Vận tải chiến dịch, VT/f, vận tải tại chỗ và vận tải các đơn vị. Mặt khác, cần tận dụng triệt để vận tải cơ giới, sử dụng chủ yếu hình thức đi thẳng để bảo đảm kịp thời, đầy đủ nhu cầu của các đơn vị trong các giai đoạn chiến đấu. Trường hợp mạng đường vận tải bị chia cắt do địch đánh phá, địa hình phức tạp, vận tải cơ giới hoạt động khó khăn, VT/f cần sử dụng VTB, phương

tiện thô sơ, tổ chức tiếp chuyển để bảo đảm cho các lực lượng chiến đấu. Ngoài ra, VT/f cần vận dụng linh hoạt các HTVT để bảo đảm cho sư đoàn chiến đấu. Trong đó, sử dụng HTVT đi thẳng là chủ yếu; kết hợp với HTVT theo cung tại những nơi buộc phải tiếp chuyển vật chất từ phương tiện cơ giới sang VTB mới có thể bảo đảm cho đơn vị; bố trí LLVT đi cùng kịp thời bảo đảm cho lực lượng dự bị khi bước vào chiến đấu, hoặc các đơn vị hoạt động trên phạm vi rộng, triển khai xa hậu cần - kỹ thuật sư đoàn.

Ba là, tổ chức, sử dụng LLVT hợp lý, luôn có lực lượng dự bị cơ động mạnh. Trong chiến tranh BVTQ tương lai, fBB tiến công địch phòng ngự trong điều kiện hết sức khó khăn, phức tạp, diễn biến chiến đấu ác liệt, tính cơ động, biến động cao, nhiều tình huống diễn ra ngoài dự kiến... Vì vậy, tổ chức sử dụng LLVT cần có sự phát triển phù hợp, linh hoạt. Theo đó, LLVT ở các BPHC được tổ chức gồm lực lượng trong biên chế, lực lượng cấp trên tăng cường và lực lượng huy động tại khu vực phòng thủ. Xác định quy mô, thành phần LLVT bố trí ở các BPHC sư đoàn phải căn cứ vào nhu cầu vận chuyển và các điều kiện vận chuyển cụ thể. Cùng với tổ chức lực lượng ở các BPHC, vận tải sư đoàn cần tăng cường lực lượng, phương tiện thích hợp cho trung đoàn đảm nhiệm tiến công trên hướng chủ yếu đủ sức hoàn thành nhiệm vụ; với các đơn vị còn lại, tuỳ vào tình hình nhiệm vụ và điều kiện cụ thể, VT/f có thể tổ chức tăng cường lực lượng, phương tiện theo chuyến, thời điểm hoặc cả giai đoạn. Mặt khác, VT/f phải tổ chức ra lực lượng dự bị cơ động mạnh để sẵn sàng xử trí các tình huống ngoài dự kiến. Căn cứ nhiệm vụ vận tải bảo đảm cho các tình huống và khả năng lực lượng, phương tiện của VT/f để xác định thành phần, quy mô LLVT dự bị. Yêu cầu đối với LLVT dự bị phải

là lực lượng tinh nhuệ, có khả năng nắm bắt và thực hiện đúng ý định của người chỉ huy, sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ trong những điều kiện khó khăn, ác liệt. Vì vậy, phải lựa chọn LLVT chuyên nghiệp, có kinh nghiệm trong vận chuyển bảo đảm chiến đấu và khả năng xử trí các tình huống, sử dụng thành thạo các phương tiện, trang bị vận tải, có ý thức tổ chức, tính kỷ luật cao; với phương tiện, sử dụng các xe vận tải có tình trạng kỹ thuật tốt, tính năng việt dã cao, có khả năng cơ động ở nhiều loại địa hình phức tạp; vật chất cần thiết bảo đảm cho các tình huống chiến đấu được xếp sẵn lên phương tiện, sẵn sàng vận chuyển bảo đảm được ngay khi có tình huống.

Chiến tranh BVTQ tương lai, các yếu tố về địch, ta, môi trường tác chiến sẽ có sự thay đổi, CTVT fBB tiến công sẽ khó khăn, phức tạp hơn, nhất là trong điều kiện chiến tranh công nghệ cao. Vì vậy, kế thừa, phát triển những kinh nghiệm CTVT trong trận fBB316 tiến công thị xã Buôn Ma Thuột năm 1975 là rất cần thiết và cần được tiếp tục nghiên cứu cho phù hợp với thực tiễn♦

### Tài liệu tham khảo

1. Học viện Hậu cần (2019), *Giáo trình công tác vận tải fBB hành quân, chiến đấu*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Học viện Hậu cần (1976), *Công tác hậu cần bảo đảm cho các lực lượng tham gia tấn công tiêu diệt địch ở thị xã Buôn Ma Thuột*, Hà Nội.
3. Đào Đức Đăng (2014), *Hoàn thiện nội dung cơ sở dữ liệu về kinh nghiệm CTVT ở cấp chiến thuật, chiến dịch*, Đề tài khoa học, Học viện Hậu cần, Hà Nội.
4. Phan Tùng Sơn và Ban đê tài (2024), *Hoàn thiện phương thức bảo đảm hậu cần sư đoàn bộ binh được biên chế hỏa lực mạnh trong chiến tranh BVTQ*, Đề tài khoa học cấp Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật, Học viện Hậu cần, Hà Nội.

# TỔ CHỨC, BỐ TRÍ HẬU CẦN CHIẾN DỊCH BẢO ĐẢM CHO TRUNG ĐOÀN BỘ BINH ĐÁNH ĐỊCH ĐỒ BỘ ĐƯỜNG KHÔNG TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ KINH NGHIỆM VÀ HƯỚNG KẾ THỪA, PHÁT TRIỂN

Đại tá, TS. VŨ QUANG HÒA

Phòng Đào tạo, Học viện Hậu cần

**C**HIẾN tranh bảo vệ Tổ quốc trong tương lai (nếu xảy ra), đối tượng tác chiến của Quân đội ta là quân đội nước thù địch và đồng minh, với nhiều hình thức tác chiến khác nhau; trong đó, đồ bộ đường không (ĐBĐK) là hình thức tác chiến phổ biến. Đánh địch ĐBĐK thường do các trung đoàn bộ binh (eBB) tiến hành. Đây là trận then chốt có ý nghĩa quyết định đến thắng lợi của chiến dịch. Để hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ bảo đảm hậu cần - kỹ thuật (HC-KT) đánh địch ĐBĐK, chiến dịch phải giải quyết nhiều vấn đề; trong đó, tổ chức, bố trí HC-KT bảo đảm cho các eBB đánh địch ĐBĐK có vai trò đặc biệt quan trọng.

Trong kháng chiến chống Mỹ, ta đã tiến hành nhiều trận đánh địch ĐBĐK thành công, để lại nhiều kinh nghiệm quý về tổ chức, bố trí hậu cần, có thể kể thừa và phát triển, cụ thể như sau:

*Thứ nhất*, nắm chắc âm mưu thủ đoạn của địch, ý định tác chiến của chiến dịch, chủ động, khẩn trương chuẩn bị tổ chức, bố trí kho trạm hậu cần. Đây là bài học có giá trị, xuyên suốt của tổ chức, bố trí hậu cần chiến dịch bảo đảm cho eBB đánh địch ĐBĐK trong kháng chiến chống Mỹ; là cơ sở để HCCD chuẩn bị tổ chức, bố trí hậu cần cho trung đoàn đánh địch ĐBĐK hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Chiến dịch Plây me (1965) là chiến dịch đầu tiên đánh Mỹ trên chiến trường Tây Nguyên. Giai đoạn đầu do chưa nắm được thủ đoạn của địch, chưa dự kiến hết tình huống ĐBĐK của quân Mỹ, công tác chuẩn

bị hậu cần, nhất là chuẩn bị thế trận hậu cần, tổ chức bố trí lực lượng và bảo vệ hậu phương còn thiếu chủ động. Vì vậy, trong đợt 2 chiến dịch, khi quân Mỹ liên tiếp đổ quân, nhảy cóc xuống địa bàn chiến dịch, có nơi sát với cơ sở hậu cần, tuyến vận tải, chúng ta phải bị động đối phó. Hậu cần chiến dịch và các trung đoàn chẳng những bảo đảm không kịp thời mà còn tổn thất nghiêm trọng.

Đến chiến dịch Sa Thầy (1966), ta đã có thời gian va chạm với quân Mỹ, nắm được thủ đoạn đối phó của chúng khi bị ta tiến công. Đặc biệt chiến thuật nhảy cóc, đổ sâu vào hậu phương chiến dịch như chúng thực hiện ở chiến dịch Plây me (1965). Vì vậy, với chiến dịch này ta dự kiến trước các khu vực đánh địch ĐBĐK từ đông sông Sa Thầy, tây sông Pô Cô (khu A,B) đến các khu vực tây sông Sa Thầy (khu C,D). Trên từng khu vực ta đã chủ động chuẩn bị trước các khu vực bố trí lực lượng, chuẩn bị đường vận tải tạo thành thế trận hậu cần liên hoàn từ hậu cần trung đoàn đến sư đoàn và chiến dịch đủ sức bảo đảm các nhu cầu vật chất hậu cần, kỹ thuật (HCKT) cho các lực lượng tác chiến. Trên thực tế, quân Mỹ đã đổ quân theo đúng dự kiến của chiến dịch và hậu cần đã bảo đảm tốt cho các trung đoàn đánh địch ĐBĐK.

Trong chiến dịch Tây Nguyên, các trung đoàn của fBB10 đánh địch phản kích bằng ĐBĐK trên đường 21, ta đã dự kiến trước tình huống địch sẽ đổ quân xuống khu vực sân bay Hòa Bình, Nông Trại,

Phước An nhằm phản kích chiến lại Buôn Ma Thuột. Mặc dù trước đó phải bảo đảm cho đơn vị đánh trận mở màn chiến dịch (giải phóng Đức Lập) và một mũi thọc sâu giải phóng Buôn Ma Thuột, nhưng nhờ nắm chắc và quán triệt nhiệm vụ đánh địch phản kích, HCCD đã chỉ đạo cho hậu cần của các trung đoàn làm tốt công tác chuẩn bị. Ngay sau khi giải phóng Đức Lập, hàng loạt hoạt động chuẩn bị thế bố trí hậu cần được tiến hành một cách khẩn trương, tích cực. Tổ chức lực lượng cùng với vật chất sẵn sàng cơ động theo đội hình “thọc sâu, vươn xa” của bộ đội; dồn địch, di chuyển kho hàng theo thế trận bảo đảm cho đánh địch phản kích. Do đó, HCCD đã hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo đảm cho trung đoàn đánh địch phản kích góp phần thắng lợi của chiến dịch.

*Thứ hai, tổ chức hậu cần linh hoạt, có khả năng chuyển hóa nhanh bảo đảm cho nhiều phương án chiến đấu.* Để đáp ứng yêu cầu chiến thuật đánh địch ĐBĐK trong kháng chiến chống Mỹ, hậu cần tổ chức rất linh hoạt, gọn nhẹ, có nhiều phương án, thường phải chuyển hóa trong quá trình chiến đấu đáp ứng tính biến động và cơ động cao của chiến thuật.

Chiến dịch Play me, đợt đầu đánh quân Ngụy, HCCD tổ chức hai căn cứ (phía trước và phía sau), công tác bảo đảm diễn ra đúng kế hoạch. Sang đợt 2 khi quân Mỹ đổ quân sâu vào khu vực hậu phương chiến dịch chia cắt đội hình và tuyển vận tải của ta, cách tổ chức trên không còn phù hợp. Hậu cần chiến dịch đã kịp thời chuyển hướng, tăng cường khả năng tự bảo đảm cho hậu cần trung đoàn... Và chỉ tổ chức các trạm tiếp chuyển để tiếp nhận thương binh chuyển giao vật chất cho các trung đoàn. Thực tế phương án tổ chức đó vừa tránh được tổn thất vừa bảo đảm kịp thời cho các đơn vị đánh địch trong đợt 3.

Chiến dịch Đắc Siêng diễn ra trên địa bàn rừng núi thuộc tỉnh Kon Tum với địa hình núi cao, rừng rậm, vận tải khó khăn. Hậu cần chiến dịch đã bố trí 2 căn cứ hậu cần phía trước, một bảo đảm cho eBB66 đánh địch khu vực Nam Đắc Siêng, một bảo đảm cho eBB28 làm nhiệm vụ vây ép đồn Đắc Siêng. Với phương án bố trí như trên, khi chiến dịch quyết định bỏ khu quyết chiến phía Nam chuyển toàn bộ lực lượng lên khu quyết chiến mới Bắc Đắc Siêng, hậu cần chiến dịch kịp thời chuyển hóa thế trận, rút lực lượng ở căn cứ hậu cần Nam Đắc Siêng (N61) tập trung lực lượng bổ sung cho căn cứ hậu cần Bắc Đắc Siêng (N71). Kết hợp với lực lượng cơ động mạnh (với 3 tiểu đoàn vận tải bộ), hậu cần chiến dịch đã hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo đảm cho các đơn vị đánh địch ĐBĐK ở khu vực núi (Bắc Đắc Siêng).

Trong trận đánh địch phản kích trên đường 21 (chiến dịch Tây Nguyên 1975) phương án tổ chức hậu cần cũng có đặc thù riêng, khác với các chiến dịch trước đây. Với đặc điểm bảo đảm cho trung đoàn tác chiến cơ động chủ yếu bằng cơ giới trên đoạn đường dài 52 km với thời gian ngắn nhưng được HCCD chi viện đắc lực. Hậu cần trung đoàn không tổ chức thành các bộ phận mà phối hợp với HCCD triển khai các kho vật chất bố trí trên đường cơ động tiến quân của đơn vị để bảo đảm, tổ chức lực lượng hậu cần cơ động (xe vận tải chở vật chất và đội phẫu thuật cơ động đi cùng đơn vị để bảo đảm kịp thời cho từng trận đánh).

*Thứ ba, chú trọng tổ chức lực lượng hậu cần cơ động mạnh.* Trong chiến dịch Đắc Siêng (năm 1970), khi Bộ Tư lệnh chiến dịch quyết định chuyển khu vực tác chiến từ Nam lên Bắc Đắc Siêng, eBB66 phải cơ động ngay mà không có thời gian chuẩn bị. Toàn bộ vật chất ở kho N65 (bao đảm trực tiếp cho eBB66 tác chiến ở Nam

## LỊCH SỬ HẬU CẦN QUÂN SỰ

Đắc Siêng) khá lớn phải di chuyển. Để thực hiện nhiệm vụ trên, hậu cần chiến dịch đã quyết định: Sử dụng lực lượng của dVT2 (lực lượng vận tải của chiến dịch) vận chuyển toàn bộ vật chất trên cung cuối chiến dịch chuyển về kho N65. Sau đó dVT2 được chuyển thuộc cho eBB66; cùng hậu cần eBB66 chuyển toàn bộ vật chất của kho N65 đi sau đội hình trung đoàn lên khu tác chiến mới. Tới nơi dVT2 trở lại làm nhiệm vụ của tuyến vận tải chiến dịch. Đó là quyết định sáng suốt không những di chuyển được lực lượng vật chất HC-KT theo đúng yêu cầu về thời gian của chiến dịch, mà điều quan trọng hơn là bảo đảm cho trung đoàn 66 khi cơ động lên khu chiến mới, chiến đấu được ngay.

Trong chiến dịch Tây Nguyên, HCCD đã chỉ đạo hậu cần trung đoàn của fBB10 tận dụng các phương tiện vận tải cơ giới của ta và thu được của địch, tổ chức lực lượng hậu cần cơ động mạnh nên đã bảo đảm kịp thời cho các đơn vị trong quá trình tác chiến cơ động. Lực lượng hậu cần cơ động trong đánh địch ĐBĐK phải đồng bộ cả con người vật chất trang bị, số lượng hợp lý, chất lượng cao. Kinh nghiệm chiến đấu cho thấy để có lực lượng hậu cần đáp ứng yêu cầu trên, phải chú trọng xây dựng các phân đội hậu cần (đội phẫu thuật, đội điều trị, các đại đội, tiểu đoàn vận tải) có chất lượng cao... chẳng những có trình độ chuyên môn giỏi, mà còn phải có bản lĩnh chiến đấu cao, am hiểu chiến thuật phân đội để sẵn sàng đối phó với mọi tình huống, kể cả chiến đấu khi gặp địch.

Chiến tranh tương lai (nếu xảy ra), địch sử dụng vũ khí công nghệ cao, phương tiện chiến đấu hiện đại, khả năng cơ động nhanh hơn; các tình huống trong đánh địch ĐBĐK sẽ biến động và khẩn trương hơn trong chiến tranh giải phóng. Những kinh nghiệm tổ chức HCCD bảo đảm cho eBB đánh địch ĐBĐK

trong kháng chiến chống Mỹ cần vận dụng và phát triển theo hướng sau:

*Một là*, chú trọng xây dựng lực lượng HCKT vững mạnh. Đẩy mạnh xây dựng Quân đội tinh, gọn, mạnh là một trong những nội dung trọng tâm, cấp thiết của Đảng, Nhà nước và Quân đội ta, nhằm tạo tiền đề vững chắc phấn đấu năm 2030 xây dựng Quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; Nghị quyết số 05-NQ/TW, ngày 17/01/2022 của Bộ Chính trị (khóa XIII) và Nghị quyết số 230-NQ/QUTW, ngày 02/4/2022 của Quân ủy Trung ương. Trên cơ sở đó, cùng với kế thừa kinh nghiệm tổ chức, bố trí HCCD bảo đảm cho eBB đánh địch ĐBĐK trong kháng chiến chống Mỹ, trong chiến tranh BVTQ, cần chú trọng xây dựng cơ quan HCKT vững mạnh toàn diện. Theo đó, các phân đội quân y (đội phẫu thuật, đội điều trị, tiểu đoàn, đại đội quân y); các phân đội vận tải (cả vận tải bộ và vận tải cơ giới)... phải có biên chế thời chiến hợp lý nhưng phải có chất lượng cao cả về bản lĩnh chiến đấu và năng lực chuyên môn. Việc tổ chức huấn luyện cho các lực lượng hậu cần chiến thuật (sư đoàn, trung đoàn) cần thực hiện thường xuyên và sát với thực tế chiến đấu. Trong đó, cần chú trọng và ưu tiên đổi mới trang bị HCKT cho cấp sư đoàn trở xuống theo hướng gọn, nhẹ nhưng hiện đại có khả năng cơ động và có tính việt dã cao như: Quân y trang bị các bộ phận phẫu thuật hiện đại. Vận tải trang bị các loại xe cơ giới có trọng tải phù hợp nhưng có tính việt dã và khả năng bảo vệ cao phù hợp trong cơ động đánh địch ĐBĐK... Đồng thời, cải tiến trang bị HCKT cho cá nhân chiến sĩ. Mặt khác, chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ hậu cần có bản lĩnh chính trị, tư tưởng vững vàng; Nâng cao năng lực, trình độ tham mưu, tổ chức chỉ huy, chỉ đạo cho đội ngũ cán bộ, khả năng cơ động, bảo đảm

HCKT theo các phương án, tình huống tác chiến; coi trọng xây dựng, nâng cao chất lượng lực lượng hậu cần dự bị động viên.

*Hai là*, tổ chức, bố trí HCKT gọn nhẹ. Trong chiến tranh BVTQ tương lai (nếu xảy ra), tổ chức HCKT bảo đảm cho các trung đoàn bộ binh đánh địch ĐBĐK vẫn phải gọn nhẹ mới đáp ứng được tính biến động cao của chiến thuật. Gọn nhẹ về mặt tổ chức, thể hiện trong việc sử dụng lực lượng ở từng bộ phận hậu cần, với số lượng không nhiều, nhưng chất lượng phải cao, đủ bảo đảm yêu cầu nhiệm vụ. Mặt khác, tổ chức lực lượng HCKT phải linh hoạt, luôn có lực lượng dự bị cơ động mạnh để kịp thời ứng phó với các tình huống biến động của trận đánh như khi địch ĐBĐK ngoài dự kiến, HCKT trung đoàn có thể tách lực lượng hình thành bộ phận mới nhanh chóng cùng với bộ đội cơ động đánh địch. Để thực hiện tốt nội dung trên chủ nhiệm HCKT phải làm tốt công tác tham mưu cho người chỉ huy; trong thế trận hậu cần chiến dịch, bố trí HCKT trung đoàn phải gắn liền với thế bố trí của HCCD, hậu cần khu vực phòng thủ để sẵn sàng chi viện, hỗ trợ lẫn nhau. Khi hậu cần chiến dịch chuyển hóa thế trận, các đơn vị của hậu cần trung đoàn vẫn được bảo đảm kịp thời đầy đủ trong thế bảo đảm của chiến dịch và khu vực phòng thủ.

*Ba là*, dự kiến nhiều phương án, chuyển hóa thế trận HCKT linh hoạt đáp ứng yêu cầu tác chiến. Chiến tranh BVTQ trong tương lai (nếu xảy ra) các trận đánh địch ĐBĐK diễn ra trong điều kiện địch đánh phá ác liệt, tính biến động, cơ động cao, nhiều tình huống diễn biến phức tạp có thể trong và ngoài dự kiến. Bố trí các thành phần, lực lượng HCKT phải đáp ứng yêu cầu bí mật, bất ngờ, an toàn đồng thời sẵn sàng thực hiện các phương án cứu chữa, vận chuyển đáp ứng diễn biến mau lẹ của chiến thuật đánh địch ĐBĐK. Để thực hiện được điều

đó chủ nhiệm HCKT phải chuẩn bị sẵn các phương án để chuyển hóa thế trận HCKT linh hoạt nhằm bảo đảm đầy đủ, kịp thời cho các lực lượng đánh địch đúng thời cơ, giành thắng lợi là vấn đề quan trọng hàng đầu trong đánh địch ĐBĐK.

Để dự kiến nhiều phương án, chuyển hóa thế trận HCKT linh hoạt đáp ứng yêu cầu chiến đấu, Chủ nhiệm HCKT phải nắm chắc âm mưu thủ đoạn của địch, nhiệm vụ, quyết tâm của Tư lệnh chiến dịch, diễn biến tác chiến, khả năng, sở trường của từng lực lượng. Khảm trương tính toán, cân đối nhu cầu với khả năng, xây dựng nhiều phương án bảo đảm và luôn tổ chức lực lượng dự bị mạnh, có khả năng cơ động cao sẵn sàng bảo đảm cho mọi tình huống. Chủ động phân công, phân cấp, chỉ huy, điều hành bảo đảm HCKT. Hiệp đồng, phối hợp các lực lượng để tiến hành bảo đảm HCKT, tận dụng thế trận HCKT đã có linh hoạt chuyển hóa đúng thời cơ để bảo đảm kịp thời cho các lực lượng nhanh chóng tiêu diệt mục tiêu tại khu vực (bãi) ĐBĐK chủ yếu hoặc trên đường cơ động của địch, ở thời cơ mang tính quyết định.

Tổ chức, bố trí hậu cần chiến dịch bảo đảm cho eBB đánh địch ĐBĐK trong chiến tranh BVTQ luôn vận động, phát triển cùng với nghệ thuật quân sự Việt Nam. Vì vậy, cần tiếp tục nghiên cứu vận dụng và phát triển những bài học kinh nghiệm trong kháng chiến chống Mỹ cho phù hợp với thực tiễn của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc♦

### Tài liệu tham khảo

1. Tổng cục Hậu cần (2000), *Lịch sử hậu cần chiến dịch trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954 - 1975*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Tổng cục Hậu cần (1987), *Hậu cần Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975*, Hà Nội.

# TỔ CHỨC, SỬ DỤNG, BỐ TRÍ LỰC LƯỢNG HẬU CẦN CHIẾN DỊCH ĐIỆN BIÊN PHỦ KINH NGHIỆM VÀ HƯỚNG KẾ THỪA, PHÁT TRIỂN

Thượng tá, TS. TRẦN VĂN NGUYỄN  
Khoa Chỉ huy Hậu cần, Học viện Hậu cần

**C**HIẾN dịch Điện Biên Phủ diễn ra từ ngày 13/3 đến 07/5/1954. Thắng lợi của Chiến dịch là một bản hùng ca bất hủ của dân tộc Việt Nam anh hùng; đồng thời, là mốc son chói lọi đánh dấu “lần đầu tiên trong lịch sử, một dân tộc bị áp bức đã đánh bại cuộc xâm lược của một đế quốc hùng mạnh, đã giành lại độc lập cho dân tộc, đem lại ruộng đất cho dân cày, đưa lại quyền dân chủ thực sự cho nhân dân”. Trong thắng lợi đó, ngành hậu cần, kỹ thuật (HCKT) giữ vai trò đặc biệt quan trọng: Đã huy động toàn bộ lực lượng bảo đảm cho hơn 87.000 người tham gia chiến dịch (lực lượng chiến đấu là 53.830 người); cứu chữa gần 8.500 thương binh, bệnh binh; khối lượng vật chất bảo đảm lên tới hơn 20.000 tấn; huy động hơn 261.000 dân công với tổng số 12 triệu ngày công (tuyến chiến dịch sử dụng 3 triệu ngày công). Để làm được điều đó là nghệ thuật tổ chức, sử dụng, bố trí lực lượng hậu cần (LLHC), được biểu hiện như sau:

Thứ nhất, quán triệt sâu sắc chủ trương tác chiến chiến lược, chiến dịch, chủ động chuẩn bị trước có trọng tâm, trọng điểm, chuẩn bị trực tiếp khẩn trương, linh hoạt. Trên cơ sở kết quả chuẩn bị hậu phương và bảo đảm hậu cần (BĐHC) cho các chiến dịch trong chiến cục Đông Xuân, ta đã tiến hành tổ chức bộ máy BĐHC cho chiến dịch từ Trung ương đến địa phương, từ hậu cần chiến lược (HCCL) đến hậu cần chiến thuật (HCCT). Thành lập Hội đồng cung cấp (HĐCC) Trung ương, HĐCC liên khu và dưới liên khu. Về quân đội, kiện toàn hệ thống tổ chức biên chế hậu cần từ cấp chiến lược, liên khu, đại đoàn đến đại đội theo hướng

tinh, gọn; nhiệm vụ của ngành quân lương, quân trang, quân khí, quân y, vận tải,... được quy định rõ ràng. Ở các đơn vị đều mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ hậu cần cho đội ngũ cán bộ, nhân viên hậu cần... Về thể bố trí, trên cơ sở ý định chiến lược, ta điều chỉnh cơ sở hậu cần từ sâu trong rừng ra tiếp cận tuyến đường chiến lược để vận chuyển phục vụ các hướng, hình thành các khu vực mang tính chất là căn cứ hậu cần (CCHC) chiến lược.

Trong giai đoạn chuẩn bị trực tiếp, từ trung tuần tháng 12/1953 đến 20/01/1954. Hậu cần chiến dịch đã có bước chuẩn bị tích cực từ trinh sát thực địa, xây dựng kế hoạch, tổ chức chỉ huy, chỉ đạo đến xử lý các tình huống, tiếp tục huy động lực lượng, củng cố kiện toàn tổ chức, điều chỉnh thể bố trí cho phù hợp. Đã tăng cường hơn 300 cán bộ trong đó có 35 cán bộ cao cấp và trung cấp được cho cơ quan và các cơ sở của TCCC tiền phương. Trước ngày nổ súng bộ máy HCCD lên đến 3.200 người.

Hậu cần chiến dịch đã kịp thời điều chỉnh theo phương châm tác chiến. Tháng 12/1953, theo phương châm “đánh nhanh, giải quyết nhanh” ta điều chỉnh tổ chức bố trí hậu cần từ thế bảo đảm cho toàn chiến cục Đông Xuân sang bảo đảm cho chiến dịch Điện Biên Phủ, thành tuyến trước, tuyến sau. Khi thay đổi phương châm sang “đánh chắc, tiến chắc” thì thế bố trí hậu cần lại tiếp tục điều chỉnh. Tuyến hậu phương của TCCC và HĐCC mặt trận lên đến Sơn La. Cơ quan HĐCC mặt trận Trung ương lên sát Cò Nòi, gần với tuyến Tiền phương hơn. Tuyến HCCD được bố trí thành 3 tuyến từ

Sơn La lên Điện Biên và chuyển các binh trạm thành 3 tuyến HCCD thực chất là 3 căn cứ HCCD.

*Thứ hai*, tổ chức sử dụng, bố trí LLHC theo tuyến hợp lý, hình thành hệ thống BĐHC liên hoàn, vững chắc, chuyển hóa nhanh tiếp cận đội hình chiến đấu. Đây là bước đột phá của HCCD trong bảo đảm cho CDTC lớn ở địa bàn rừng núi có nhiều khó khăn, hậu phương xa tiền tuyến, địa hình rừng núi hiểm trở, nhiều sông suối, đường hẹp, nhiều dốc cao, lực lượng tác chiến lớn, địch đánh phá ác liệt. Để BĐHC kịp thời theo diễn biến tác chiến, HCCD đã tổ chức sử dụng, bố trí LLHC theo tuyến trên từng hướng theo nguyên tắc tiếp cận, áp sát tập đoàn cứ điểm xung quanh Điện Biên Phủ, phân tuyến rõ ràng, theo hướng tập trung ra phía trước, tuyến sau sẵn sàng chi viện cho tuyến trước. Quá trình điều chỉnh đã hình thành 2 tuyến: Tuyến hậu phương do TCCC và HDCC mặt trận Trung ương, các khu Việt Bắc, Liên khu 3,4 đưa hàng đến Sơn La, động viên nhân dân phục vụ cho tiền tuyến. Tuyến HCCD chia ra làm 3 tuyến: Tuyến Sơn La-Tuần Giáo bố trí ở thị xã Sơn La có các lực lượng vận tải làm nhiệm vụ vận chuyển hàng từ Sơn La lên Tuần Giáo, lực lượng dân công, thanh niên xung phong mở và sửa đường, các kho dự trữ của chiến dịch, bệnh viện mặt trận được tổ chức trên cơ sở ĐĐT 6; Tuyến Tuần Giáo- Km 62 bố trí gần Tuần Giáo có các lực lượng vận tải làm nhiệm vụ vận chuyển hàng từ Tuần Giáo đến Nà Tấu, km62, lực lượng dân công, thanh niên xung phong mở và sửa đường, các kho tiếp chuyển, bệnh viện mặt trận được tổ chức trên cơ sở ĐĐT7; tuyến hỏa tuyến từ Km 62 đến các trận địa hỏa tuyến bố trí gần Nà Tấu, lực lượng vận tải chính là dân công và xe đạp thồ làm nhiệm vụ vận chuyển đến hậu phương và các ĐĐT, ePB, các kho trung chuyển, 2 bệnh viện mặt

trận được tổ chức trên cơ sở 2 ĐĐT (1,4). Ngoài ra, TCCC tiền phương còn tổ chức 2 tuyến vận tải phục vụ các đơn vị chiến đấu ở bắc và nam Điện Biên Phủ: Phía nam, tuyến Mường Luân-Nà Sang làm nhiệm vụ cung cấp cho Đại đoàn 304 và tiếp nhận thương binh ở hướng này chuyển về bệnh viện Sơn La; phía bắc, tổ chức khai thác tuyến Ba Nậm Cúm-Lai Châu tiếp nhận vận chuyển 1.700 tấn gạo do Trung Quốc giúp về Lai Châu và Điện Biên Phủ. Mặt khác, tổ chức LLHC trên từng tuyến đồng bộ, gọn nhẹ hầu hết là cán bộ chủ chốt, giỏi trực tiếp chỉ huy, luôn có LLHC tăng cường cho các đơn vị chiến đấu như ở tuyến chiến dịch có 3 đội điều trị (ĐĐT) được sử dụng để tăng cường cho 3 đại đoàn... Đây là nét đặc sắc đánh dấu bước ngoặt trong nghệ thuật sử dụng, bố trí LLHC tác chiến của hậu cần quân đội.

*Thứ ba*, phát huy sức mạnh tổng hợp các lực lượng trong thực hiện nhiệm vụ BĐHC cho chiến dịch. Hậu cần chiến dịch đã có nhiều giải pháp sáng tạo, linh hoạt thực hiện kết hợp chặt chẽ giữa hậu cần quân đội (HCQĐ) với hậu cần nhân dân (HCND), giữa tiền tuyến và hậu phương, giữa tuyến trước và tuyến sau, giữa HCCL với HCCD, giữa HCCD với HCCT, giữa LLHC với các lực lượng khác trên từng tuyến. Sự kết hợp chặt chẽ giữa HCQĐ với HCND địa phương thông qua tổ chức bộ máy cung cấp chặt chẽ quy mô cả nước từ Trung ương đến từng địa phương. Chiến dịch đã huy động cho chiến dịch trên 30.000 dân công, kết hợp các lực lượng trong tổ chức bảo đảm, bảo vệ tốt trên từng tuyến với việc tổ chức 4 binh trạm trên các tuyến nên chỉ hơn 3 tháng từ tháng 12/1953 đến tháng 3/1954 ta đã hoàn thành tu sửa, mở mới các đường số 41,13 đường Tuần Giáo lên Điện Biên Phủ là những trực vận tải cơ giới chính khoảng 300 km... Để tiếp tế thường xuyên, liên tục cho chiến dịch cùng

## LỊCH SỬ HẬU CẦN QUÂN SỰ

với việc phân tuyến ta kết hợp phân chia cung vận chuyển theo tuyến phù hợp, kết hợp vận chuyển cơ giới là chủ yếu với vận chuyển bộ, vận chuyển thô sơ trên từng tuyến. Kết hợp lực lượng vận tải quân sự và dân sự trong bảo đảm giao thông và vận chuyển. Toàn chiến dịch đã huy động 628 ô tô, 800 lái xe cả quân sự và dân sự, 20.991 xe đạp thồ, 736 xe thô sơ, 914 con ngựa thồ, 3.130 chiếc thuyền, 261.451 lượt dân công... Để cứu chữa TBBB, HCCD đã huy động toàn bộ lực lượng gồm 7 ĐDT của Cục QY, 4 ĐDT của các Đại đoàn, kết hợp chặt chẽ với lực lượng dân y huy động từ các trường đại học dân y. Đặc biệt đã kết hợp quân, dân y với ngành vận tải chuyển thương, chọn hình thức chuyển thương và điều trị theo đoàn qua các cung trạm; tuyến chuyển thương bằng cơ giới tổ chức 9 trạm nghỉ dọc đường, thực hiện mỗi tổ cảng là một gia đình thương yêu TB, mỗi xe là một bệnh xá di động để chăm sóc, nuôi dưỡng TB... Kết quả đã chuyển về hậu phương được 66% TBBB của chiến dịch (chuyển xe 85%, cảng bộ 9%, đi bộ 6%).

Chiến tranh BVTQ tương lai (nếu xảy ra), CDTC sẽ có nhiều thay đổi cả về địch, ta, địa bàn tác chiến... Duy trì thế trận hậu cần luôn là nhiệm vụ then chốt, cơ sở quan trọng quyết định thắng lợi các CDTC. Vì thế, kế thừa, phát triển những kinh nghiệm trong chiến dịch Điện Biên Phủ trong điều kiện mới cần chú ý giải quyết những vấn đề sau:

*Một là*, tích cực, chủ động chuẩn bị chu đáo toàn diện về hậu cần đáp ứng kịp thời quyết tâm, kế hoạch tác chiến chiến lược, chiến dịch trên từng hướng, khu vực của chiến trường cả nước. Đánh có chuẩn bị là nguyên tắc tác chiến, đồng thời chiến tranh trong tương lai, địch tổ chức phòng ngự khá kiên cố, hệ thống công sự, vật cản dày đặc, hoả lực mạnh, sức cơ động cao với ưu thế về tác chiến điện tử và nhiều thủ đoạn...; khối lượng bảo đảm lớn, yêu cầu

khẩn trương, tính chất bảo đảm phức tạp; mọi hoạt động chuẩn bị BĐHC diễn ra trong điều kiện địch tác chiến điện tử, đánh phá ác liệt, địa hình dễ bị chia cắt... Do vậy, hậu cần phải tích cực chuẩn bị chu đáo, bảo đảm cho các lực lượng đánh chắc thắng.

Hậu cần chiến dịch phải chuẩn bị chu đáo, toàn diện về mọi mặt, từ chuẩn bị chiến trường về hậu cần, kế hoạch BĐHC; chuẩn bị lực lượng, phương tiện, vật chất hậu cần, đường vận tải... Tích cực chuẩn bị trước và chuẩn bị trực tiếp. Chuẩn bị trước cho chiến dịch bao gồm: Khảo sát chiến trường; chuẩn bị đường vận tải; khả năng khai thác hậu cần tại chỗ; nghiên cứu địa hình để chuẩn bị đưa LLHC chiến dịch vào khu vực triển khai; tổ chức vận chuyển, dự trữ vật chất trong khu vực HCCD... Chuẩn bị trực tiếp bao gồm: Triển khai các CCHC chiến dịch, tổ chức dự trữ vật chất; tiến hành bảo đảm cho các lực lượng chiến dịch vào khu tập kết. Tập trung chuẩn bị chu đáo mọi mặt cho các đơn vị làm nhiệm vụ tiến công mở đầu chiến dịch, các lực lượng chiến đấu ở xa các căn cứ, phân CCHC chiến dịch; ưu tiên chuẩn bị lực lượng, xăng dầu, đường cơ động trên các hướng (khu vực) tác chiến, nhất là hướng (khu vực) chủ yếu; khu vực tập trung tiến công tiêu diệt địch. Sẵn sàng bảo đảm cho các lực lượng đánh chắc thắng trong mọi tình huống...

*Hai là*, tổ chức quy hoạch, điều chỉnh thế bố trí hậu cần trên từng hướng, khu vực, trên phạm vi cả nước phù hợp với ý định tác chiến chiến lược, chiến dịch. Đây là giải pháp quan trọng nhằm tạo điều kiện thuận lợi về thế và lực của ta trong điều kiện mới của chiến tranh BVTQ. Mặt khác, CDTC diễn ra trên không gian rộng, gồm nhiều khu vực tác chiến; các trận đánh diễn ra liên tiếp với nhiều biện pháp tác chiến, nhiều hình thức chiến thuật và thủ đoạn tác chiến khác nhau. Diễn biến tác chiến phức tạp, nhiều tình huống có thể

này sinh đòi hỏi HCCD phải đáp ứng được yêu cầu bảo đảm đánh địch rộng khắp, kịp thời cơ động không để lỡ thời cơ tiến công tiêu diệt địch... Vì thế, cần chủ động tổ chức quy hoạch, điều chỉnh thế bố trí hậu cần trên từng hướng, khu vực, trên phạm vi cả nước phù hợp với ý định tác chiến chiến lược, chiến dịch... Theo đó, phải từng bước xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống các CCHP, CCHC cấp chiến lược, chiến dịch các cơ sở hậu cần tại chỗ hình thành thế trận hậu cần liên hoàn, vững chắc và cơ động. Quy hoạch hợp lý phát triển KT-XH phải gắn chặt chẽ với QP, AN trên từng địa bàn, hướng, khu vực tác chiến trên phạm vi chiến trường cả nước, xây dựng hậu cần các KVPT tỉnh thành phố thành các khu vực hậu cần tại chỗ có tính chiến dịch để sẵn sàng bảo đảm cho các đơn vị chủ lực đến tác chiến tại địa bàn.

Ba là, kết hợp chặt chẽ xây dựng hậu phương cả nước với hậu phương tại chỗ trên từng hướng, địa bàn chiến lược; LLHC quân đội với LLHC nhân dân địa phương. Hậu phương chiến lược, chiến dịch là nhân tố, thành phần quan trọng trong tác chiến, được tổ chức trên một vùng lãnh thổ theo từng hướng chiến trường nhằm động viên khai thác, phát huy cao độ mọi tiềm lực hậu cần của hậu phương đất nước bảo đảm kịp thời mọi nhu cầu hậu cần cho tác chiến chiến dịch giành thắng lợi. Để chủ động đối phó với các tình huống của chiến tranh, phải kết hợp chặt chẽ xây dựng hậu phương cả nước với hậu phương tại chỗ trên từng hướng, địa bàn chiến lược để tạo sức mạnh, sự ổn định vững chắc trong BĐHC cho CDTC. Căn cứ vào quyết tâm, kế hoạch tác chiến chiến lược, chiến dịch, điều kiện đặc thù của địa phương trên từng địa bàn chiến trường để tổ chức hậu phương chiến lược, chiến dịch cho phù hợp tạo được thế liên hoàn vững chắc giữa hậu phương cả nước với hậu phương

chiến lược, chiến dịch, với hậu phương tại chỗ của các KVPT tỉnh, từng bước chuẩn bị các cơ sở hậu cần theo khả năng theo hướng có trọng tâm, trọng điểm vững chắc, ổn định cao.

Khi tổ chức CDTC, trên địa bàn chiến dịch có nhiều lực lượng cùng tham gia bảo đảm như: Hậu cần quân khu, hậu cần các binh đoàn chủ lực đứng chân trên địa bàn; hậu cần các đơn vị trực thuộc quân khu, hậu cần KVPT tỉnh (huyện), hậu cần nhân dân... HCCD phải kết hợp chặt chẽ với các tổ chức, LLHC trên địa bàn tác chiến; kết hợp chặt chẽ HCCD với hậu cần chiến lược và hậu cần các đơn vị chiến thuật; giữa hậu cần tại chỗ với hậu cần cơ động; giữa HCQĐ với hậu cần các lực lượng, HCND trên địa bàn tác chiến để tạo SMTK trong bảo đảm... Theo đó, LLHC quân đội với vai trò nòng cốt cần xây dựng theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, ngày càng hiện đại, chú trọng nâng cao khả năng cơ động mạnh cho LLHC cấp chiến lược, chiến dịch; coi trọng xây dựng LLHC tại chỗ, rộng khắp, LLHC dự bị động viên sẵn sàng huy động khi có chiến tranh...

Theo thời gian, chiến thắng vĩ đại Điện Biên Phủ mãi mãi được lưu truyền trong lịch sử vẻ vang của dân tộc. Kinh nghiệm về BĐHC cho chiến dịch Điện Biên Phủ vẫn còn nguyên giá trị thực tiễn to lớn. Cần tiếp tục nghiên cứu, kế thừa phát triển phù hợp với điều kiện mới của chiến tranh BVTQ♦

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Quốc phòng (2009), *Từ điển bách khoa quân sự Việt Nam*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Tổng cục Hậu cần (2004), *Công tác BĐHC trong chiến dịch Điện Biên Phủ bài học kinh nghiệm và thực tiễn*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Tổng cục Hậu cần (1995, 2012), *Lịch sử hậu cần QĐNDVN tập 1 (1944-1954)*, Nxb QĐND, Hà Nội.

# BẢO ĐẢM QUÂN NHU ĐÁNH ĐỊCH GIỮ VỮNG KHU VỰC PHÒNG THỦ CHỦ YẾU MỘT SỐ KINH NGHIỆM VÀ HƯỚNG KẾ THỪA, PHÁT TRIỂN

Thượng tá, ThS. ĐỖ VIỆT HƯNG

Nghiên cứu sinh, Học viện Hậu cần

Trung tá, ThS. ĐINH CHÂU TUẤN

Trường Sỹ quan Lực lượng I

**K**HU vực phòng thủ (KVPT) chủ yếu là nơi có địa hình hiểm yếu, có giá trị khống chế hoặc các trung tâm chính trị, kinh tế có thể liên hoàn, có điều kiện phòng thủ, phòng ngự vững chắc và tiến công thuận lợi, là chỗ dựa cho các hoạt động tác chiến của toàn quân khu. Trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, đánh bại lực lượng tiến công của địch, giữ vững KVPT chủ yếu sẽ góp phần quan trọng đến thắng lợi tác chiến phòng thủ quân khu (PTQK).

Trong các cuộc chiến tranh trước đây, đã có nhiều trận đánh giữ vững vùng giải phóng, khu vực, mục tiêu trọng yếu. Tiêu biểu là các trận: Đánh địch giữ vững căn cứ địa trong Chiến dịch Việt Bắc Thu - Đông năm 1947 (từ 10/12/1947); đánh địch giữ vững căn cứ Dương Minh Châu thuộc Quân khu Miền Đông Nam Bộ (từ 22/02/15/4/1967); đánh địch giữ vững vùng giải phóng trên chiến trường Trị Thiên (từ 17/9/1972/31/01/1973). Thành công của các trận đánh là tổng hợp của nhiều yếu tố; trong đó, bảo đảm quân nhu (BĐQN) có ý nghĩa hết sức quan trọng, để lại nhiều kinh nghiệm quý, được biểu hiện tập trung ở một số nội dung sau:

Một là, làm tốt công tác chuẩn bị là điều kiện tiên quyết để BĐQN cho các lực lượng tác chiến. Trong chiến tranh giải phóng, chuẩn bị quân nhu phải tiến hành trong điều kiện hết sức khó khăn, gian khổ do sự đánh phá của địch; cùng với sự tác động của điều

kiện kinh tế, xã hội và điều kiện tự nhiên khu vực tác chiến...; trong khi đó, khả năng của quân nhu còn nhiều hạn chế. Tuy nhiên, với sự tích cực, chủ động, ngành quân nhu các cấp đã chuẩn bị tương đối chu đáo để bảo đảm cho các lực lượng tác chiến. Thực tiễn trong trận đánh địch giữ vững căn cứ địa trong Chiến dịch Việt Bắc Thu - Đông năm 1947, công tác chuẩn bị được tiến hành hết sức khẩn trương và bí mật. Về lực lượng, hệ thống ngành quân nhu được hình thành hoàn chỉnh tổ chức ở các cấp, từ cấp đại đội đến Cục Quân nhu; về chuẩn bị vật chất quân nhu (VCQN), Quân nhu Chiến khu chủ động thu mua lương thực, thực phẩm (LTTP), quân trang từ các vùng có điều kiện (Phúc Yên, Thái Nguyên,...) để dự trữ và bảo đảm cho các đơn vị chiến đấu; qua đó, quân nhu các cấp đã sản xuất, huy động, khai thác được hàng chục tấn LTTP, hàng nghìn bộ quân trang cùng nhiều loại VCQN thiết yếu khác. Trong trận đánh địch giữ vững căn cứ Dương Minh Châu, Quân nhu Miền đã chủ động khắc phục khó khăn, kết hợp chặt chẽ với các lực lượng có liên quan để chuẩn bị cho tác chiến. Để chuẩn bị lực lượng, Quân nhu Miền đã điều chỉnh lực lượng theo phương án bảo đảm hậu cần; quân nhu các tỉnh đội; đã xây dựng kế hoạch, phân cấp hướng dẫn bảo đảm cho các huyện đội và xã đội. Để chuẩn bị VCQN, Quân nhu Miền đã xây dựng kế hoạch khai thác và dự trữ LTTP với số lượng lớn (1.665

tần); đồng thời, đã dự kiến các phương án phối hợp với nhân dân trong bảo đảm cho tác chiến; qua đó, đã xây dựng “Căn cứ lõm”, là nền tảng vững chắc để bảo đảm mọi mặt quân nhu trong điều kiện địch tiến hành càn, lập ấp và tiến công bình định....

*Hai là*, tổ chức quân nhu phù hợp với tổ chức hậu cần; bố trí kho, trạm quân nhu an toàn, bí mật. Tổ chức quân nhu phù hợp với phương án tổ chức hậu cần nhằm bảo đảm sự thống nhất trong chỉ huy và phát huy sức mạnh tổng hợp. Tổ chức lực lượng cần đồng bộ, gồm cả con người, phương tiện và VCQN trên các hướng. Thực tiễn đánh địch giữ vững căn cứ Dương Minh Châu, Quân nhu Miền đã chủ động điều chỉnh, bổ sung lực lượng ngay sau khi Hậu cần Miền điều chỉnh lực lượng ở các Đoàn Hậu cần (17, 82, 83) và 13 cơ sở hậu cần của các “KVPT”, ở các bộ phận đều có cán bộ, nhân viên quân nhu cùng vật chất đủ khả năng bảo đảm cho hướng, từng nhiệm vụ, là cơ sở để quân nhu Miền hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Kho, trạm quân nhu luôn là một trong những mục tiêu địch trinh sát, đánh phá ngay từ đầu và trong suốt quá trình tác chiến; trong khi đó, KVPT chủ yếu có không gian rộng, nhiều loại địa hình khác nhau nên bố trí kho, trạm quân nhu gặp nhiều khó khăn. Vì vậy, cần tận dụng triệt để yếu tố có lợi của địa hình, địa vật trong căn cứ, phân căn cứ hậu cần – kỹ thuật (HC-KT)... nhằm hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về VCQN là rất cần thiết. Trong chiến dịch Việt Bắc Thu - Đông năm 1947, Quân nhu Chiến khu đã chủ động di chuyển, điều chỉnh, bố trí kho vật chất, xí nghiệp sản xuất cả trước và trong quá trình tác chiến, đã tận dụng triệt để điều kiện có lợi của địa hình rừng núi Tây Bắc để bố trí kho, xưởng; khi địch tiến công, các kho lương thực, vải, xưởng may

được di chuyển, một số kho lương thực được phân tán vào nhà dân và đình, chùa nên giảm thiểu tổn thất, góp phần không nhỏ vào việc bảo toàn lực lượng quân nhu.

*Ba là*, phân cấp, dự trữ vật chất phù hợp với từng lực lượng; bổ sung vật chất kịp thời trong tác chiến. Nhu cầu VCQN bảo đảm cho tác chiến có khối lượng lớn, nhiều chủng loại, việc khai thác, huy động vật chất ở từng địa bàn tác chiến của mỗi đơn vị có tính đặc thù và thường gặp nhiều khó khăn, do đó, ở từng trận đánh, quân nhu các cấp đã phân cấp, dự trữ và bổ sung vật chất phù hợp theo tính chất của từng lực lượng với điều kiện và môi trường tác chiến cụ thể. Thực tiễn để BĐQN đánh địch giữ vững vùng giải phóng trên chiến trường Trị Thiên, nguồn cung cấp vật chất được xác định chuyển từ quân nhu chiến lược đến để bảo đảm là chính, phần còn lại khai thác tại chỗ. Đối với phần khai thác tại chỗ, quân nhu chỉ đạo các đơn vị khai thác tại địa phương. Vì vậy, fBB325 đã thu mua ở Vĩnh Linh, Quảng Bình được hơn 4 tấn thịt lợn hơi; hơn 4 tấn thịt trâu, bò; 570 kg gà, vịt, cá khô, moi khô...; đồng thời, mượn đất của địa phương tăng gia sản xuất (Quảng Bình, Vĩnh Linh đã dành hơn 100 ha xây dựng 4 vùng trồng rau xanh, nuôi cá) để cung cấp cho các lực lượng tác chiến; chỉ đạo các đơn vị tăng gia sản xuất, thu hái trong tự nhiên để tăng lượng dự trữ cho đơn vị (tháng 01/1973, các đơn vị phía sau đã tăng gia được trên 20 tấn rau xanh, thu hái được trên 32 tấn rau rừng các loại). Trong tổ chức dự trữ, VCQN được dự trữ toàn diện ở các cấp: Kho chiến lược cung cấp trực tiếp cho chiến trường (B5) đồng bộ các loại vật chất; để bảo đảm trực tiếp cho các đơn vị tác chiến, quân nhu tổ chức lực lượng ở các cụm hậu cần; các đơn vị căn cứ vào nhiệm vụ cụ thể để tổ chức dự trữ phù hợp,

## LỊCH SỬ HẬU CẦN QUÂN SỰ

nhiều: f308 đảm nhiệm cơ động tiền công, VCQN dự trữ như sau: Bếp ăn 5 ÷ 7 ngày; kho trung đoàn 5 ÷ 7 ngày; kho sư đoàn 10 ÷ 15 ngày. Để bồi sung VCQN, quân nhu tiến hành bằng nhiều phương pháp, như: Bồi sung trực tiếp cho lực lượng tác chiến; thả gạo trên sông, dùng thuyền gỗ dán, thuyền cao su để vận chuyển...

Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tương lai (nếu xảy ra) sẽ là cuộc chiến tranh hiện đại, sử dụng vũ khí công nghệ cao; điều kiện tác chiến, không gian, thời gian và nghệ thuật tác chiến của các bên tham gia có nhiều thay đổi. Để bảo đảm kịp thời, đầy đủ mọi mặt quân nhu đánh địch giữ vững KVPT chủ yếu giành thắng lợi, cần kế thừa, vận dụng và phát triển những kinh nghiệm trên, tập trung vào một số vấn đề sau:

*Thứ nhất*, chủ động chuẩn bị mọi mặt quân nhu từ thời bình. Chuẩn bị quân nhu từ thời bình sẽ tạo điều kiện, tiền đề thuận lợi để quân nhu quân khu hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo đảm cho tác chiến nói chung, giữ vững KVPT chủ yếu nói riêng. Chuẩn bị quân nhu từ thời bình bao gồm: Chuẩn bị lực lượng, kế hoạch và VCQN. Vì vậy, ngay từ thời bình, cần xây dựng tổ chức, biên chế lực lượng quân nhu phù hợp, chăm lo xây dựng bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, nâng cao năng lực chỉ huy, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, nhân viên. Tổ chức diễn tập, luyện tập có hiệu quả các phương án tác chiến, trong đó có phương án BĐQN nhằm kịp thời điều chỉnh các nội dung chưa phù hợp. Ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ mới, nâng cao hiệu quả bảo đảm. Phối hợp chặt chẽ giữa lực lượng quân nhu với các lực lượng khác và các sở, ban, ngành địa phương. Đề xuất với các cấp có liên quan nhằm bố trí các cơ sở sản xuất, xí nghiệp

quốc phòng trong KVPT nhằm bảo đảm kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng - an ninh và xây dựng phương án sẵn sàng chuyển sản xuất từ thời bình sang thời chiến. Có cơ chế chính sách phù hợp để thu hút nguồn nhân lực, kĩ thuật, công nghệ. Đề xuất chính quyền các địa phương trong quy hoạch, bố trí hợp lý các khu nông nghiệp công nghệ cao, các vùng trồng trọt và chăn nuôi tập trung, tạo thành những khu vực cung cấp cho thị trường nguồn LTTT ổn định, chất lượng; đề xuất phương án bố trí, tổ chức dự trữ tại các kho lương thực trên địa bàn theo quy định, sẵn sàng huy động, khai thác, sử dụng trong thời chiến.

*Thứ hai*, tổ chức lực lượng quân nhu hợp lý; triển khai xây dựng kho, trạm quân nhu bí mật, an toàn. Trong tác chiến, lực lượng đánh địch giữ vững KVPT chủ yếu trong tác chiến PTQK được các căn cứ, phân căn cứ HC-KT quân khu trực tiếp bảo đảm. Lực lượng quân nhu là một thành phần trong lực lượng HC-KT, quá trình bảo đảm, có thể bị tổn thất, công tác chỉ huy, chỉ đạo, hiệp đồng khó khăn. Do vậy, quân nhu quân khu cần dựa vào thế bố trí của các căn cứ, phân căn cứ HC-KT, thế bố trí các thành phần hậu cần KVPT để tổ chức lực lượng, nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp trong quá trình bảo đảm. Một khác, để đánh địch giữ vững KVPT chủ yếu, quân khu phải tập trung lực lượng trên hướng phòng thủ chủ yếu. Quá trình tác chiến, có thể phát sinh các nhiệm vụ, như: Quân khu tiến hành mở các chiến dịch hoặc quân khu điều chỉnh kế hoạch tác chiến..., đòi hỏi quân nhu quân khu phải đủ khả năng xử trí các tình huống, đáp ứng kịp thời nhiệm vụ. Vì vậy, đòi hỏi quân nhu cần tổ chức lực lượng dự bị đủ mạnh; ngoài ra, có thể tổ chức kho, trạm lẻ để dự trữ, lót sẵn vật chất cho các lực lượng tác chiến, nhất là khu vực dễ bị địch bao vây, cô lập, khu vực xa căn

cứ, phân căn cứ HC-KT; khu vực dự kiến các trận tiến công của địch (chốt chiến dịch).

Bố trí các kho, trạm quân nhu bí mật, kiên cố, sẽ hạn chế thấp nhất tổn thất VCQN do bom đạn của địch đánh phá; qua đó, duy trì khả năng BĐQN cho các lực lượng tác chiến liên tục, dài ngày. Việc xác định vị trí bố trí và chuẩn bị trước (một phần) từ thời bình là điều kiện thuận lợi để triệt để tận dụng địa hình, địa vật. Để bố trí kho trạm quân nhu thành các kho phân tán, kết hợp tiến hành các biện pháp gia cố, cải tạo và nguy trang, nghi binh bảo đảm bí mật, an toàn cho kho trạm, duy trì khả năng bảo đảm liên tục, dài ngày trong tác chiến.

*Thứ ba*, dự trữ vật chất toàn diện, có chiều sâu, ưu tiên dự trữ cho lực lượng khó khăn trong bảo đảm; bổ sung vật chất kịp thời cho các lực lượng trong từng đợt tác chiến. Trong tác chiến, mỗi đơn vị có nhiệm vụ khác nhau cho nên khối lượng VCQN dự trữ ở các đơn vị không giống nhau; quá trình tác chiến, các lực lượng có thể bị địch bao vây, chia cắt. Để duy trì được khả năng bảo đảm liên tục, hạn chế được tổn thất, thương vong do địch, thiên tai..., gây ra, quân nhu quân khu cần tổ chức dự trữ vật chất phù hợp nhiệm vụ từng đơn vị. Dự trữ VCQN cho lực lượng đánh địch giữ vững KVPT chủ yếu trong tác chiến PTQK phải đáp ứng yêu cầu: Toàn diện, phù hợp với nhiệm vụ của từng đơn vị; vật chất dự trữ đầy đủ, đồng bộ, từ các căn cứ, phân căn cứ HC-KT đến kho đơn vị và ở bộ đội.

Để bổ sung kịp thời, đầy đủ nhu cầu VCQN cho các lực lượng tác chiến, quân nhu quân khu vận dụng linh hoạt các phương pháp bổ sung vật chất, thực hiện thứ tự ưu tiên hợp lý. Ở giai đoạn chuẩn bị trực tiếp, quân nhu quân khu bổ sung cho các đơn vị đủ lượng vật chất tiêu thụ trong

giai đoạn chuẩn bị và lượng phải có trước giờ quy định. Ưu tiên cho các đơn vị đảm nhiệm giữ vững mục tiêu chủ yếu, mục tiêu then chốt và chốt chiến dịch. Giai đoạn thực hành đánh địch, trên cơ sở phương án dự trữ, tiêu thụ vật chất, bổ sung theo kế hoạch đã xác định, chỉ bổ sung đột xuất theo đề nghị của đơn vị và chỉ thị của chủ nhiệm HC-KT. Sau tác chiến, tùy vào tình hình nhiệm vụ cụ thể, tiến hành bổ sung các loại VCQN đáp ứng nhu cầu bảo đảm cho các lực lượng hoàn thành nhiệm vụ.

Những kinh nghiệm BĐQN đánh địch giữ vững vùng giải phóng, khu vực, mục tiêu trọng yếu trong chiến tranh giải phóng vẫn còn nguyên giá trị. Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tương lai sẽ diễn ra hết sức ác liệt, BĐQN tác chiến gặp nhiều khó khăn, phức tạp, các yếu tố về địch, môi trường tác chiến có sự thay đổi. Vì vậy, cần tiếp tục nghiên cứu, kế thừa, vận dụng một cách sáng tạo những kinh nghiệm đã có, nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng, bảo đảm cho các lực lượng tham gia đánh địch hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ được giao♦

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng Tham mưu (2010), *Bảo đảm hậu cần tác chiến phòng thủ tỉnh (thành phố) trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Tổng tham mưu (2018), *Tác chiến PTQK trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Bộ tư lệnh Quân khu 1 (1991), *Tổng kết chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chiến lược quân sự của Liên khu Việt Bắc trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)*, Nxb QĐND, Hà Nội.
4. Bộ Tư lệnh Quân khu 7 (2004), *Lịch sử Bộ Chỉ huy Miền (1961 - 1970)*, Nxb CTQG, Hà Nội.
5. Viện Lịch sử quân sự, *Tổng kết tác chiến bảo vệ Thành cổ Quảng Trị năm 1972*, Nxb QĐND, Hà Nội

# KHOA QUÂN NHU VỚI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ HIỆN ĐẠI HÓA NGÀNH HẬU CẦN - KỸ THUẬT QUÂN ĐỘI

Đại tá, PGS.TS. NGUYỄN CÔNG PHÚC

Chủ nhiệm Khoa Quân nhu, Học viện Hậu cần

**N**GÀY 26/9/1955, Trường Hậu cần (tiền thân của Học viện Hậu cần ngày nay) tổ chức Lễ khai giảng khóa 1 đoàn kỳ đào tạo 480 học viên, trong đó có 98 học viên ngành Cấp dưỡng và 94 học viên ngành Trang dụng, hai chuyên ngành cơ bản của công tác quân nhu quân đội. Tổ chức được hình thành từ Môn Trang dụng - Cấp dưỡng, Môn Quân nhu, rồi đến Khoa Quân lương - Quân trang và Khoa Quân nhu của Học viện Hậu cần. Ngày 04/8/2005, Học viện Hậu cần ban hành Quyết định số 669/B3, lấy ngày 26/9/1955 là Ngày Truyền thống của Khoa Quân nhu. Trong 70 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, qua nhiều lần thay đổi tên gọi và điều chỉnh tổ chức, biên chế, các thế hệ cán bộ, giảng viên, học viên của Khoa Quân nhu luôn phát huy phẩm chất cao đẹp của người thầy trong sự nghiệp giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học và thực hiện nghĩa vụ quốc tế; Khoa đã đào tạo hàng nghìn cán bộ, nhân viên quân nhu giỏi nghiệp vụ, phẩm chất tốt. Những đóng góp bền bỉ, sáng tạo và hiệu quả của lớp lớp thế hệ giảng viên, học viên Khoa Quân nhu đã để lại dấu ấn sâu sắc trong chiến tranh giải phóng, thống nhất đất nước và công cuộc xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam hiện đại, được thể hiện trên một số nội dung như sau:

**1. Gắn bồi dưỡng, đào tạo cán bộ với chiến đấu, phục vụ chiến đấu trong chiến tranh.** Ngay từ khi thành lập, việc tổ chức huấn luyện của Khoa gấp muôn vàn khó khăn, gian khổ. Lớp học được dựng

tạm bằng tranh tre, nứa lá, điều kiện sinh hoạt và học tập hết sức thiếu thốn, không có bảng đen, phấn viết, bàn ghế đóng tạm. Tài liệu huấn luyện chưa được biên soạn, nội dung còn rời rạc, chắp vá từ kinh nghiệm thực tiễn. Chưa có giáo viên chuyên trách, phần lớn do cán bộ các phòng nghiệp vụ của Cục Quân nhu giảng dạy, một số được tuyển chọn từ chiến trường về, kinh nghiệm thực tiễn phong phú nhưng phương pháp sư phạm còn hạn chế. Học viên đa phần là cán bộ, chiến sĩ từ các chiến trường về học, trình độ văn hóa không đồng đều, khả năng tiếp thu lý thuyết gặp nhiều khó khăn. Trong điều kiện máy bay địch đánh phá ác liệt, trường, lớp nhiều lần phải sơ tán. Có lớp sáng học ở hầm hào, chiều lại phải chuyển địa điểm, tối đến tranh thủ đốt đuốc giảng bài. Khó khăn chồng chất khó khăn, nhưng các cán bộ, giáo viên Khoa Quân nhu vẫn kiên trì bám lớp, bám trò, giữ vững kế hoạch huấn luyện. Mỗi buổi học là một cuộc vượt khứ; song, cũng là minh chứng cho quyết tâm “vượt nắng tháng mưa, say xưa học tập” của thầy và trò Khoa Quân nhu. Từ các lớp đào tạo sơ cấp ngắn hạn, dài hạn; lớp bồi dưỡng cán bộ đến đào tạo chính quy; với đầy đủ các bậc học, Khoa đã cung cấp cho chiến trường hàng nghìn cán bộ có trình độ chuyên môn giỏi, tinh thần trách nhiệm cao, sẵn sàng “xê dọc Trường Sơn” để mang theo từng cân gạo, tấm áo, từng khẩu phần đến với người lính nơi tuyến lửa. Chính trong gian khổ ấy, bản lĩnh, trí tuệ và phẩm chất người lính –

người thầy Khoa Quân nhu được tôi luyện và tỏa sáng, góp phần đào tạo hàng nghìn cán bộ, nhân viên hậu cần giỏi nghề, tận tâm, sẵn sàng hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước bước vào giai đoạn ác liệt nhất, cán bộ, giáo viên Khoa Quân nhu tiếp tục viết nên những trang sử đầy gian khổ, hy sinh nhưng cũng rực sáng tinh thần sáng tạo, trách nhiệm và nhiệt huyết cách mạng. Để có tài liệu huấn luyện sát thực tiễn, nhiều cán bộ, giáo viên đã không quản hiểm nguy, vượt Trường Sơn hành quân vào các chiến trường, sát cánh cùng đơn vị chiến đấu để tìm hiểu, thu thập kinh nghiệm thực tiễn bảo đảm ăn, mặc cho bộ đội giữa bom đạn khốc liệt. Nhờ đó, những tập bài giảng mang hơi thở của chiến trường, phản ánh đúng nhu cầu ăn mặc của bộ đội trong chiến tranh được truyền cho học viên. Không chỉ là những người thầy trên bục giảng, nhiều cán bộ, giáo viên còn trực tiếp tham gia chiến đấu và bảo đảm quân nhu ở eBB46B, eBB141 (Đoàn H), Quân đoàn 3... cho các trận đánh, các chiến dịch lớn, như Đường 9 – Nam Lào, Trị – Thiên, Tây Nguyên, chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Sau chiến tranh, hòa bình được lập lại trên phạm vi cả nước. Học viện Hậu cần cùng với các học viện, nhà trường trong cả nước bước vào giai đoạn mới thực hiện sứ mệnh đào tạo đội ngũ cán bộ nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Nhiệm vụ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học phát triển, xây dựng đội ngũ cán bộ đặt ra yêu cầu ngày càng cao. Sự có mặt của cán bộ, giáo viên và nhân viên quân nhu trên các vùng miền và các chiến trường Lào, Campuchia là minh chứng sống động cho hiệu quả đào tạo gắn với thực tiễn chiến

đấu. Các thế hệ cán bộ, giảng viên luôn chủ động, sáng tạo trong công tác đào tạo.

**2. Điểm sáng trong nghiên cứu khoa học, nơi khơi nguồn các giải pháp sáng tạo về công tác quân nhu quân đội.** Song song với đào tạo, Khoa Quân nhu còn là đơn vị đi đầu trong nghiên cứu khoa học về công tác quân nhu. Nhiều công trình nghiên cứu, sáng kiến kỹ thuật và cải tiến mô hình tổ chức bảo đảm ăn mặc đã được áp dụng trong thực tiễn chiến đấu và huấn luyện, góp phần nâng cao chất lượng huấn luyện ở Học viện và bảo đảm hậu cần ở đơn vị. Trong kháng chiến chống Mỹ, sáng kiến sa bàn phổ biến các loại rau rừng, chế tạo bếp dã chiến tiết kiệm nhiên liệu, ít khói, đến thiết kế mô hình trạm cấp dưỡng cơ động của Khoa đã góp phần nâng cao hiệu quả nuôi quân, giảm công sức của bộ đội. Nhiều nghiên cứu có giá trị thực tiễn cao, như: Đổi mới công tác tạo nguồn, xây dựng định lượng khẩu phần ăn cho bộ đội, lý luận bảo đảm quân nhu cho các đơn vị trong thường xuyên và trong chiến đấu... đều được Khoa lựa chọn từ đòi hỏi của thực tế, tổ chức nghiên cứu nghiêm túc, công phu nên đã góp phần hoàn thiện nội dung, giải pháp bảo đảm quân nhu cho bộ đội. Khoa đã chủ trì nhiều đề tài khoa học các cấp, nhiều công trình đạt giải thưởng tuổi trẻ sáng tạo toàn quân, đóng góp nhiều ý kiến cho ngành Quân nhu xây dựng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn của ngành. Bên cạnh đó, hàng năm, cán bộ giảng viên của Khoa còn hướng dẫn nhiều học viên nghiên cứu đề tài, sáng kiến, góp phần ươm mầm khoa học, truyền lửa đam mê, lan tỏa khát vọng cống hiến cho các thế hệ học viên.

**3. Tham gia lao động sản xuất, xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện.** Hơn bảy thập kỷ đã đi qua, các thế hệ cán bộ, giáo viên đã tích cực lao động sản xuất xây

## LỊCH SỬ - TRUYỀN THỐNG

dụng đơn vị vượt qua khó khăn trong chiến tranh và xây dựng bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Từ những ngày mới thành lập, cán bộ giảng viên Khoa Quân nhu đã tích cực thực hiện phương châm “Lý luận liên hệ với thực tế, kết hợp giữa thực tập và lao động sản xuất, học đi đôi với hành”. Nhiều cán bộ, giáo viên tham gia lực lượng bảo vệ bờ biển Hải Hậu, Nam Định, củng cố giữ vững đê Dốc Cám, cứu dân 2 xã Long Biên, Lệ Chi, hàn khâu đê Cống Thôn; tham gia cấy lúa ở Mỹ Hào, Hưng Yên... tổ chức trại gà, làm tương, làm mắm và sản xuất bánh mì; tham gia chống bão lụt, làm thủy lợi, tăng gia sản xuất phát triển kinh tế cải thiện đời sống bộ đội. Những đóng góp thầm lặng ấy đã góp phần quan trọng trong bảo đảm hậu cần cho đơn vị, nuôi dưỡng bộ đội.

Bên cạnh đó, Khoa luôn quan tâm xây dựng, bồi dưỡng đào tạo đội ngũ giảng viên. Trong nhiều năm, Khoa đã cử nhiều giảng viên đi học tại các trường Đại học Thương mại, Đại học Bách khoa, Kinh tế quốc dân... đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ giáo dục, đào tạo của Học viện. Đội ngũ cán bộ, giảng viên của Khoa đã có bước trưởng thành vượt bậc. Đến nay, Khoa đã có 01 giáo sư, 10 phó giáo sư, 02 nhà giáo ưu tú, 26 tiến sĩ; nhiều nhà giáo đạt danh hiệu nhà giáo giỏi cấp Bộ Quốc phòng, cấp Tổng cục, Bộ Tổng Tham mưu và cấp Học viện.

Phát huy truyền thống 70 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, trước yêu cầu nhiệm vụ đổi mới, sáng tạo xây dựng Quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại trong giai đoạn mới; trước những yêu cầu cao về công tác giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học; Khoa Quân nhu xác định và tập trung thực hiện một số nội dung nhiệm vụ trọng tâm sau:

*Một là*, quán triệt sâu sắc sự lãnh đạo của Đảng ủy, Ban Giám đốc Học viện; phát

huy truyền thống “Tự lực tự cường” gắn với thực hiện phương châm “Truyền thống là nền tảng, đổi mới là động lực” trong xây dựng Khoa Quân nhu. Truyền thống 70 năm đúc kết là tài sản vô giá để Khoa Quân nhu tiếp tục tiến bước vào tương lai tươi sáng. Truyền thống ấy là sự đoàn kết, tinh thần vượt khó, là sáng tạo không ngừng trong huấn luyện và nghiên cứu khoa học, không chịu khuất phục bởi các điều kiện thiêng thần, là ý chí phục vụ chiến đấu bền bỉ, là tư duy đổi mới “gắn với chiến trường hướng về đơn vị”. Kế thừa truyền thống vẻ vang 70 năm qua, Khoa tiếp tục xác định rõ định hướng phát triển: Xây dựng đội ngũ giảng viên – cán bộ khoa học đầu ngành; đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu trong và ngoài quân đội; tiếp cận các xu hướng hiện đại, như ứng dụng trí tuệ nhân tạo, Big Data, công nghệ sinh học trong dinh dưỡng quân sự; tăng cường liên kết đào tạo quốc tế để từng bước hội nhập.

*Hai là*, đổi mới toàn diện công tác huấn luyện gắn với chuyển đổi số, đẩy mạnh hiện đại hóa giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học. Thế giới nói chung, đất nước nói riêng đang chứng kiến sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ, trong đó công nghệ trí tuệ nhân tạo AI, BigData, Internet vạn vật... đòi hỏi phải đổi mới toàn diện công tác giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo gắn với chuyển đổi số theo tinh thần Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị. Trước yêu cầu xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam hiện đại, Khoa Quân nhu cần tiếp tục đổi mới toàn diện cả về nội dung, chương trình huấn luyện, phương pháp giảng dạy, thực hiện việc chuyển từ trang bị kiến thức sang bồi dưỡng phẩm chất năng lực toàn diện cho người học. Tăng cường đưa vào các mô hình học tập thực tế ảo, mô phỏng bếp dã chiến, mô hình bảo đảm ăn mặc cho người lính trong điều kiện chiến

tranh hiện đại nâng cao chất lượng huấn luyện đáp ứng chuẩn đầu ra, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của đơn vị. Thực hiện phương châm “Chất lượng đào tạo của nhà trường là khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị”, “nhà trường gắn với đơn vị”; hiểu rõ nhiệm vụ đơn vị để tổ chức biên soạn giáo trình, tài liệu bảo đảm tính mới, tính hiện đại đưa vào huấn luyện. Cùng với đó, Khoa đẩy mạnh chuyển đổi số: Xây dựng ngân hàng câu hỏi, hệ thống bài giảng số, lớp học trực tuyến; cập nhật tài liệu số hóa phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Mạng lưới phòng thí nghiệm, xưởng thực hành gắn với trạm chế biến, vườn rau. Đề nghị Học viện tăng cường đầu tư, nâng cấp, đáp ứng yêu cầu đào tạo cán bộ theo hướng hiện đại, toàn diện, chuyên sâu.

Ba là, xây dựng đội ngũ nhà giáo, nhà khoa học giỏi nghề, giàu tâm huyết. Trong 70 năm qua, dưới sự lãnh đạo sâu sát, kịp thời của Đảng ủy, Ban Giám đốc Học viện các thời kỳ, Khoa đã có một đội ngũ cán bộ giảng viên tài năng, tận tụy, trách nhiệm và không ngừng đổi mới đã hình thành và trưởng thành tại Khoa Quân nhu. Nhiều đồng chí vinh dự được phong tặng danh hiệu Nhà giáo Ưu tú, là chủ nhiệm đề tài, nhiệm vụ khoa học cấp Bộ Quốc phòng, cấp ngành, chuyên gia đầu ngành trong lĩnh vực bảo đảm ăn mặc, trang bị quân nhu và tổ chức bảo đảm quân nhu thường xuyên và chiến đấu. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức nghề nghiệp luôn được coi trọng, tạo nên môi trường đào tạo chính quy, kỷ luật và nhân văn sư phạm để đào tạo các thế hệ học viên không chỉ giỏi chuyên môn mà còn giàu trách nhiệm, phẩm chất chính trị vững vàng, sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Xây dựng đội ngũ nhà giáo đồng thời là nhà khoa học uy tín, các chuyên gia đầu ngành về công tác quân nhu.

Bốn là, gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo với công tác quân nhu tại đơn vị. Tiếp tục quán triệt và thực hiện phương châm “Chất lượng đào tạo của nhà trường là khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị”, Khoa Quân nhu cần tăng cường cán bộ thực tế, nắm bắt tình hình công tác quân nhu tại các đơn vị; phối hợp chặt chẽ với Cục Quân nhu, ngành quân nhu các đơn vị làm cơ sở xác định nội dung, xây dựng chương trình đào tạo các đối tượng đảm nhiệm. Chủ động mời cán bộ quân nhu tại các đơn vị về tham gia giảng dạy, truyền đạt kinh nghiệm công tác quân nhu cho học viên. Tăng cường các buổi hội thảo khoa học gắn tổ chức đào tạo với công tác bảo đảm quân nhu thường xuyên và chiến đấu; đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu Khoa học đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ nâng cao chất lượng giảng dạy gắn với công tác bảo đảm quân nhu tại đơn vị.

Chặng đường 70 năm là minh chứng cho sự trưởng thành vững chắc của Khoa Quân nhu, điểm sáng trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và sáng tạo phục vụ quân đội, phụng sự đất nước. Với bản lĩnh chính trị vững vàng, tinh thần đoàn kết, đổi mới và khát vọng cống hiến, cán bộ, giảng viên, học viên Khoa Quân nhu hôm nay quyết tâm khẳng định vị trí tiên phong, góp phần xây dựng Học viện Hậu cần anh hùng, Quân đội nhân dân Việt Nam cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng đất nước trong kỷ nguyên mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc♦

### Tài liệu tham khảo

1. Học viện Hậu cần (2015), *Khoa Quân nhu, Học viện Hậu cần - Biên niên sự kiện (1955 - 2015)*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Học viện Hậu cần (2021), *Lịch sử Học viện Hậu cần (1951 - 2021)*, Nxb QĐND, Hà Nội..

# KHOA QUÂN NHU - HỌC VIỆN HẬU CẦN

## 70 NĂM HƯỚNG ĐÚC TRUYỀN THỐNG - VỮNG BƯỚC TƯƠNG LAI

Đại tá, PGS. TS. NGUYỄN THẾ PHƯƠNG

Phó Chủ nhiệm Khoa Quân nhu, Học viện Hậu cần

**C**ÁCH đây 70 năm, ngày 26/9/1955, Trường Hậu cần tổ chức Lễ khai giảng khóa huấn luyện đoàn kỳ đầu tiên, đào tạo cán bộ hậu cần theo chuyên ngành. Trong đó, hai lớp học Cấp dưỡng và Trang dụng thuộc chuyên ngành Quân nhu đã đặt nền móng đầu tiên cho sự hình thành và phát triển của Khoa Quân nhu ngày nay.

Từ đó đến nay, trải qua những nhiệm vụ cách mạng khác nhau, Khoa Quân nhu đã có bước phát triển cả về tổ chức biên chế và chuyên môn. Tháng 6/1956, hai môn học Cấp dưỡng và Trang dụng được tổ chức gắn với lớp học; đến tháng 8/1958 được hợp nhất thành Môn Quân nhu. Tháng 7/1962, Môn Quân nhu phát triển thành Khoa Quân nhu, đánh dấu sự đột phá trong đào tạo cán bộ quân nhu có trình độ chuyên sâu tại Trường Cán bộ hậu cần.

Nhằm đáp ứng yêu cầu huấn luyện phục vụ chiến trường, tháng 3/1967, Khoa Quân nhu sáp nhập với Khoa Tài vụ thành Khoa Nhu tài. Đến năm 1980, khi Trường Sĩ quan Hậu cần được thành lập, đã tổ chức Khoa Quân lương – Quân trang. Cùng thời điểm, Học viện Hậu cần thành lập khoa: Quân lương và Quân trang. Tháng 11/1981, để thống nhất tổ chức và nâng cao hiệu quả đào tạo, Học viện Hậu cần quyết định sáp nhập hai khoa Quân lương và Quân trang thành Khoa Quân lương – Quân trang.

Năm 1996, Trường Sĩ quan Hậu cần sáp nhập vào Học viện Hậu cần và hợp nhất hai khoa Quân lương – Quân trang của 2 nhà trường. Cuối năm 1998, Khoa được đổi tên thành Khoa Quân nhu. Hiện nay, Khoa có cơ cấu tổ chức chặt chẽ, gồm 4 bộ môn chuyên ngành, tổ chức Đảng bộ cơ sở với

4 chi bộ trực thuộc. Đội ngũ giảng viên của Khoa 100% có trình độ đại học trở lên, gần 70% sau đại học (có 2 Phó Giáo sư) và trên 26% là Tiến sĩ. 70 năm qua, với chức năng chính là giảng dạy và nghiên cứu khoa học (NCKH), các thế hệ cán bộ, giảng viên Khoa Quân nhu đã luôn quán triệt triển khai toàn diện các nghị quyết, chỉ thị về đổi mới giáo dục, bám sát yêu cầu thực tiễn huấn luyện của từng giai đoạn cách mạng; xây dựng hàng trăm chương trình đào tạo cho các đối tượng; biên soạn hàng trăm giáo trình, tài liệu đưa vào huấn luyện ở Học viện và toàn quân. Công tác bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ nhà giáo luôn được chú trọng và đạt hiệu quả. Đến nay, Khoa đã có 2 nhà giáo đạt danh hiệu Nhà giáo ưu tú, có 1 Giáo sư, 10 Phó Giáo sư và 24 Tiến sĩ; nhiều nhà giáo trở thành chuyên gia đầu ngành về hậu cần quân đội, hàng chục nhà giáo đạt danh hiệu nhà giáo giỏi các cấp. Các thế hệ cán bộ, giảng viên, giáo viên của Khoa đã góp phần đào tạo hàng nghìn cán bộ, sĩ quan, nhân viên quân nhu có phẩm chất chính trị vững vàng, giỏi chuyên môn để cung cấp cho các chiến trường trong chiến tranh và trong công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Trong số đó, nhiều cán bộ, học viên ưu tú đã phát triển thành cán bộ chủ chốt của quân đội, được phong quân hàm cấp tướng.

Công tác NCKH của Khoa Quân nhu luôn được đẩy mạnh với hàng trăm sáng kiến, đề tài các cấp, nhiều công trình khoa học được ứng dụng thực tiễn, góp phần phát triển, hoàn thiện lý luận về công tác quân nhu. Hàng năm, Khoa đều cử giảng viên hướng dẫn 3 ÷ 5 học viên nghiên cứu đề tài khoa học đạt giải trong các cuộc thi tuổi trẻ sáng tạo, góp phần

đẩy mạnh NCKH trong Học viện. Khoa cũng đã triển khai hàng chục sáng kiến cải tiến kỹ thuật đưa vào phục vụ công tác nuôi dưỡng bộ đội tại đơn vị, xây dựng phần mềm, phim huấn luyện, sáng kiến cải tiến trang thiết bị quân nhu trong nhà kho, nhà ăn, nhà bếp, góp phần nâng cao hiệu quả bảo đảm. Đồng thời, Khoa đã phối hợp chặt chẽ với Cục Quân nhu, các đơn vị kịp thời tiếp nhận và đưa vào huấn luyện cho bộ đội sử dụng các trang bị hiện đại nhằm nâng cao chất lượng phục vụ và hiện đại hóa ngành Quân nhu. Bên cạnh đó, Khoa còn phối hợp với Cục Quân nhu, các đơn vị tổ chức hàng trăm buổi tập huấn, bồi dưỡng hàng nghìn cán bộ, nhân viên quân nhu cho nhiều đơn vị thuộc các tổng cục, các quân khu, quân đoàn, quân binh chủng, các học viện, nhà trường trong toàn quân, tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Hàng năm, Khoa tham gia huấn luyện nhiều khóa đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, học viên Quân đội nhân dân Lào và Quân đội Hoàng gia Campuchia; cử nhiều lượt giảng viên huấn luyện về quân nhu cho lực lượng Gìn giữ hòa bình Liên Hợp Quốc; cử cán bộ trực tiếp tham gia, làm huấn luyện viên đội tuyển bếp dã chiến của Bộ Quốc phòng tham gia Hội thao Quân sự Quốc tế Army Games đạt giải cao, góp phần thúc đẩy đổi ngoại quốc phòng, tô thắm hình ảnh, vị thế của Quân đội ta trên trường quốc tế. Với những kết quả xuất sắc, Khoa nhiều lần được tặng danh hiệu Đơn vị Quyết thắng, Cờ thi đua, bằng khen, giấy khen của Bộ Quốc phòng, Bộ Tổng Tham mưu và Học viện Hậu cần.

Bước vào thời kỳ đổi mới, để hòa nhịp cùng quá trình hiện đại hóa quân đội, Khoa đã chủ động đổi mới chương trình đào tạo, tích cực nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ vào huấn luyện, đẩy mạnh chuyển đổi số trong giảng dạy và quản lý, mở rộng hợp tác chuyên môn trong và ngoài quân đội. Thời gian tới, Khoa Quân nhu xác định các nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

Một là, đổi mới toàn diện công tác đào tạo, nâng cao chất lượng huấn luyện góp phần quan trọng tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành Quân nhu quân đội. Đổi mới toàn diện công tác đào tạo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của đơn vị, thực hiện phương châm “Chất lượng đào tạo của nhà trường là khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị”, thực hiện “gắn với chiến trường, hướng về đơn vị”; thời gian tới, Khoa tập trung đổi mới căn bản công tác đào tạo, chuyển từ chủ yếu trang bị kiến thức sang trang bị toàn diện phẩm chất, năng lực cho người học. Trước hết, cập nhật chương trình, nội dung đào tạo theo hướng hiện đại, sát thực tiễn, đáp ứng yêu cầu công tác quân nhu thường xuyên trong điều kiện mới, bảo đảm quân nhu chiến đấu trong điều kiện chiến tranh công nghệ cao. Tăng thời gian huấn luyện thực hành, gắn với thực tế công tác quân nhu ở đơn vị. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, học liệu số, số hóa giáo trình, bài giảng; áp dụng mô hình mô phỏng, thực tế ảo vào huấn luyện. Đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá thực hiện đa dạng các hình thức đánh giá gắn với chuẩn đầu ra của đối tượng đào tạo.

Hai là, đẩy mạnh NCKH chuyên ngành gắn với phát triển lý luận công tác quân nhu. Trước tình hình thế giới, khu vực có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường. Toàn Đảng, toàn quân, toàn dân đang thực hiện đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy chính trị tinh, gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, xây dựng chính quyền địa phương hai cấp; đặt ra cho công tác NCKH chuyên ngành phải gắn với phát triển lý luận công tác quân nhu. Kết hợp chặt chẽ với cơ quan, đơn vị tập trung nghiên cứu về công tác quân nhu thường xuyên, công tác quân nhu gắn với phòng thủ khu vực; hoàn thiện, đổi mới hoạt động của hội đồng cung cấp khu vực phòng thủ. Nghiên cứu các giải pháp bảo đảm quân nhu trong tác chiến hiện đại, ứng dụng công

## LỊCH SỬ - TRUYỀN THỐNG

nghệ mô phỏng, xây dựng cơ sở dữ liệu Big-Data, IoT thế giới vạn vật, các trang thiết bị quân nhu và hệ thống kho trạm thông minh, quy trình cấp phát xử lý tự động và trung tâm chỉ huy, chỉ đạo thông minh được gắn kết trong hệ thống thống nhất của đơn vị. Nghiên cứu phát triển mô hình bảo đảm ăn, mặc cho bộ đội trong điều kiện khẩn cấp, chiến đấu dài ngày, trên địa hình phức tạp.

Bà là, tăng cường bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ giảng viên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Thời gian tới, Khoa tiếp tục đẩy mạnh quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên đạt chuẩn cả về trình độ chuyên môn, kỹ năng sư phạm và bản lĩnh chính trị; xây dựng đội ngũ “giảng viên số”. Để thực hiện nội dung này, toàn thể cán bộ, giảng viên của Khoa nêu cao quyết tâm, trau dồi học tập, tích cực chủ động nghiên cứu làm chủ các công cụ công nghệ thông tin, phần mềm dạy học, nền tảng LMS. Sử dụng thành thạo công cụ trí tuệ nhân tạo (AI), phân tích dữ liệu học tập và kỹ thuật số hóa nội dung. Chuyển đổi tư duy và phương pháp giảng dạy từ truyền thống sang mô hình học tập số, kết hợp Blended Learning, E-Learning, Microlearning... Tăng cường khả năng thiết kế bài giảng số, tổ chức lớp học ảo, đánh giá học tập trực tuyến. Tham gia xây dựng học liệu số và kho học liệu mở, xây dựng video bài giảng, mô phỏng thực hành ảo, giáo trình điện tử, ứng dụng mạnh mẽ trí tuệ nhân tạo AI và công nghệ 3D, VR/AR để làm phong phú nội dung huấn luyện. Bên cạnh đó, giảng viên đồng thời phải là nhà NCKH chuyên ngành; do đó, Khoa tiếp tục phát triển đội ngũ giảng viên thành các chuyên gia đầu ngành có khả năng chủ trì các đề tài, dự án khoa học (các cấp); tăng cường liên kết với các cơ sở đào tạo trong và ngoài quân đội. Phát triển năng lực NCKH trong môi trường số. Tăng khả năng tham gia mạng lưới học thuật, diễn đàn chuyên môn trên không gian mạng.

Bốn là, nâng cao chất lượng xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện, “Mẫu mực tiêu biểu”. Trước sự phát triển mới về nội dung, các tiêu chí xây dựng đơn vị, để nâng cao chất lượng xây dựng Khoa vững mạnh toàn diện “Mẫu mực tiêu biểu”, trong thời gian tới, Đảng ủy, chỉ huy Khoa tập trung làm tốt công tác giáo dục, bồi dưỡng nâng cao nhận thức trách nhiệm, xây dựng động cơ, quyết tâm thực hiện thắng lợi nghị quyết lãnh đạo của Đảng các cấp, chấp hành pháp luật của Nhà nước, duy trì nghiêm điều lệnh, điều lệ của quân đội, các quy định của Học viện, xây dựng môi trường sư phạm chính quy, an toàn, thân thiện. Xây dựng Khoa vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và cán bộ. Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và các tổ chức quần chúng. Xây dựng môi trường văn hóa, kỷ cương lành mạnh. Đầu tư hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị giảng dạy, NCKH, nhất là phương tiện kỹ thuật số. Chú trọng công tác xây dựng chính trị nội bộ, phát huy dân chủ, đoàn kết chặt chẽ; tăng cường giáo dục chính trị, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ, giảng viên, nhân viên trong đơn vị.

Tiếp nối truyền thống 70 năm các thế hệ cán bộ, giảng viên, nhân viên đã dày công xây dựng, Khoa Quân Nhu sẽ tiếp tục vững bước trong công tác giáo dục-đào tạo và NCKH, viết nên trang sử mới rạng rỡ, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng Học viện Hậu cần anh hùng, Quân đội nhân dân Việt Nam cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc♦

### Tài liệu tham khảo

1. Học viện Hậu cần (2015), *Khoa Quân nhu, Học viện Hậu cần - Biên niên sự kiện (1955 - 2015)*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Học viện Hậu cần (2021), *Lịch sử Học viện Hậu cần (1951 - 2021)*, Nxb QĐND, Hà Nội.